QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

ĐẠI NAM LIỆT TRUYỆN

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA - HUẾ

Digitized by Google

ĐẠI NAM
CHÍNH BIÊN LIỆT TRUYỆN
NHỊ TẬP

Digitized by Google

Digitized by Google

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

VIỆN SỬ HỌC

ĐẠI NAM CHÍNH BIÊN LIỆT TRUYỆN

NHỊ TẬP

(Quyển đầu - Quyển 25)

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA
HUẾ - 1997

Digitized by Google

Digitized by Google

DS
556.5
D13
1997
V.3

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN SỬ HỌC

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN
(Biên soạn)

ĐẠI NAM CHÍNH BIÊN LIỆT TRUYỆN

Chịu trách nhiệm xuất bản : LÊ DẦN
: TRẦN ĐỨC CƯỜNG

Biên tập : QUỐC TUẤN
: NGUYỄN QUANG ÂN

Tập 1: *Người dịch* : ĐỖ MỘNG KHƯƠNG
Người hiệu đính : HOA BẰNG

Tập 2: *Người dịch* : NGÔ HỮU TẠO
: ĐỖ MỘNG KHƯƠNG
Người hiệu đính : CAO HUY GIU
: NGUYỄN TRỌNG HÂN

Tập 3: *Người dịch* : NGUYỄN MẠNH DUÂN
: ĐỖ MỘNG KHƯƠNG
: NGÔ HỮU TẠO
: PHẠM HUY GIU
Người hiệu đính : CAO HUY GIU

Tập 4: *Người dịch* : TRƯƠNG VĂN CHINH
: NGUYỄN DANH CHIÊN
Người hiệu đính : CAO HUY GIU
: PHAN ĐẠI DOÃN

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA
HUẾ - 1997

Digitized by Google

ĐẠI NAM LIỆT TRUYỆN

Chữa bản in : **QUỐC TUẤN – QUỐC TÙNG**

Trình bày bìa : **QUANG MINH**

In 1000 bộ khổ 14,5 X 20,5cm tại Xí nghiệp In Tiền Giang.
Quyết định xuất bản số 1236. cấp ngày 22/4/1997.
Giấy đăng ký đề tài xuất bản số 44/824/CXB của Cục xuất bản
In xong và nộp lưu chiểu tháng 7/1997

Digitized by Google

ĐẠI NAM CHÍNH BIÊN LIỆT TRUYỆN NHỊ TẬP

QUYỂN ĐẦU

Bọn chúng tôi là tổng tài, toản tu ở Quốc sử quán kính tâu về việc bộ "Chính biên liệt truyện nhị tập" đã chép xong, xin khắc vào bản in để nêu tỏ đức sáng to lớn. Thiết nghĩ: Từ xưa minh quân thánh đế chịu đạo lục, giữ phù thụy (tức là lên làm vua), tất có người ở bên trong bên ngoài giúp đỡ, mà đạo của vương giả mới nên; có phân biệt được kẻ tốt người xấu, mà chính vương giả mới làm được. Cho nên Kinh Thi khen phong hóa của thơ Quan thư, Lân chỉ, do ở 2 biên Chu Nam, Thiệu Nam mà gây nên; Kinh Dịch xem rồng, hổ, gió, mây theo nhau từng loại, mà muôn vật đều biết cả. Hoặc có người phù tá ngôi báu, nên cột đá ở trong triều đình; hoặc có người trấn thủ biên cương, vững thành đài ở ngoài muôn dặm; hoặc có người đưa sức ra trận đánh giặc, oanh liệt một phen; hoặc có người văn chương nổi tiếng trong nước, thanh giá gấp bội; hoặc có người phong vân thanh nhã, đủ làm cho kẻ lười tự lập, kẻ tham thành liêm; hoặc có người như ngọc trắng hoàn toàn, đủ để nêu kẻ thanh liêm, răn kẻ tham nhũng. Dẫu đến kẻ tội ác đầu sỏ, khó tránh được dưới búa rìu; mà sự thực chép biên đều thấy cả trong sử sách. Đâu là người thế, việc thế, phải trái có công luận, để làm gương răn vậy. Thế thì nước phải có sử, mà sử phải có truyện, không phải là cốt để làm gương răn, mà để mãi đến đời sau ư?

Nhà nước ta nối nghiệp đời trước, gặp vận trung hưng, thánh thần truyền nối, công đức thịnh nhiều, cố nhiên việc đều khảo xét được, sách có thể tin chắc được, sử không chép

Digitized by Google

xuế, truyền mãi không dừng vậy. Duy đời nào có người phụ tá đời ấy, người nào có việc làm của người ấy, cho nên thể tài của nhà chép sử, liệt truyện là một thể của sự vậy. Đó là nhân vật trong thời nay, đời sau có thể cùng truyền lại được, để đều in thành tập, mới là để làm gương cho sau này mãi mãi.

Tuy ngày nay xét việc đời trước, thời đại gần xa, hoặc có thiếu sót; nhưng hỏi rộng nhìn xa, việc làm sự thực hay dở không thể hỗn độn. Truyện tức là truyền lại, nên làm thành sách để ghi chép. Vâng việc tra xét từ năm Thành Thái thứ 5 (1896) có chỉ chuẩn cho Sử quán chúng tôi tiếp tục làm Liệt truyện chính biên nhị tập, nhưng chỉ chép từ năm Minh Mạnh thứ nhất (1820) đến cuối năm Đồng Khánh thứ 3 (1888) trở về trước. Sử quán chúng tôi vâng lệnh tư cho 2 Bộ Lại, Binh chuyển tư cho các địa phương tra hỏi sự tích, đã lâu chưa phúc đáp đầy đủ. Ngày tháng 6 năm thứ 13, tiếp viện Cơ mật kính sao lục các truyện của các quan từ Bình, Trị trở về Bắc, đã chuẩn giao cho Văn minh điện đại học sĩ, Vĩnh trung tử trí sĩ, đã chết, là Nguyễn Trọng Hợp nhận làm. Còn về liệt truyện của các hậu phi, hoàng tử, công chúa và các quan từ phủ Thừa Thiên trở về Nam, chuyên do Sử quán tôi nhận làm. Nhưng khi ấy Sử quán tôi hiện đương kính làm Thực lục đệ ngũ, đệ lục, việc biên chép bề bộn, nên chưa kịp làm. Kịp đến tháng 11 năm thứ 14 (1902) vâng chỉ bắt đầu làm, chiếu theo thể lệ "Liệt truyện sơ tập", lựa chọn thứ tự trước sau, châm chước biên chép, gồm với một tập bản thảo của án sát Nguyễn Duy Nhiếp là con Nguyễn Trọng Hợp đã chết, đệ giao cho. Bọn thần vâng tham xét, khảo đính, bổ sung chỗ thiếu sót cho được hoàn bị. Ngày tháng 2 năm thứ 16, Sử quán tôi lại dâng tờ phiến tâu về việc Nghi Thiên Chương hoàng hậu[1], Lệ Thiên Anh hoàng hậu[2] chính vị trong cung

(1) Nghi Thiên Chương hoàng hậu: hoàng hậu của Thiệu Trị.
(2) Lệ Thiên Anh hoàng hậu: hoàng hậu của Tự Đức.

Digitized by Google

cấm mẫu nghi thiên hạ, nên kịp thời đăng mục sớm. Tuy năm mất là ở sau niên hạn, (chỉ chuẩn, chỉ chép đến năm Đồng Khánh thứ 3 trở về trước thôi). Nhưng nay một vị đã được phụ tế ở Thái miếu, còn một vị cũng sắp cử hành lễ phụ tế, sắp sửa cũng đều theo lễ cát cả. Xin cho biên vào liệt truyện các hậu phi. Lại như hoàng thân Tuy lý vương Miên Trinh là thân hiền trong hàng phiên vương, cùng các quan như Vũ Trọng Bình, Trần Đình Túc, các người ấy đều là kỳ lão danh vọng của triều trước, tuy là chết sau mà hưu trí trước, sự trạng rõ ràng; cùng là các tính khai danh sách người nào vốn có công lao tài giỏi mà sự trạng rõ ràng, thì đều ghi cả, cho tiện một mối. Đã vâng chỉ chuẩn cho chép vào, hiện để tại hồ sơ. Sau vậng tra xét bổ thêm. Trong đó có nguyên phụ chính là Nguyễn Trọng Hợp đã chết cũng là bề tôi cũ của triều trước, sung vào tướng phủ 8 năm, đứng đầu trăm quân, trung thành rõ rệt, mọi người đều tin tưởng. Sau khi chết đã được truy tặng làm Cần chính điện đại học sĩ, hiện cũng hết tang, xin tuân chiếu chỉ đã chuẩn y ngày tháng 2 năm Thành Thái 16 (đã nói ở trên) được ghi cả vào truyện, để nêu công trạng. Bữa nọ đã chép thành biên bản. Còn thứ tự các thiên thì trước là hậu phi, thứ đến hoàng tử, công chúa, thứ nữa đến các quan, rồi đến những người hạnh nghĩa, liệt nữ, ẩn dật, cao tăng. Cuối rốt phụ chép các ghịch thần, bản thảo kê ra cộng có 10 mục. Ngày tháng 4 năm 17, đã vâng viết thành bản tinh tiến coi. Ngày tháng 7 năm đầu Duy Tân, Sử quán tôi mới tuân lệnh lĩnh về, kiểm chính lại, chỗ nào bỏ sót sơ lược thì bổ sung thêm. Tập ấy, không dám nói rằng việc được đúng, văn chép thẳng, cũng chỉ là nhân chỗ sơ lược mà làm cho tinh tường, như là vẽ ra, xem sách chép thì biết được ngay mà thôi. Khẩn mong giao cho khắc bản, cất trong kho sử, để tiếp theo 2 tập Tiền biên, Chính biên, làm tấm gương soi cho sau này, để cho hành trạng sự thực của người trước suốt đời không quên, gọi tinh thần, ở nơi chín suối sống lại.

Digitized by Google

Tưởng cũng là một chính sách để làm khuyên răn vậy. Đến như công việc nên làm, xin tuân chiếu thể lệ, thi hành. Vậy xin làm tập tấu lên, cúi đợi chỉ dụ rõ ràng.

Cẩn tấu.

Ngày 19 tháng 9 năm Duy Tân thứ 3 để tâu.
y tâu.

Thần là Cao Xuân Dục,
Lưu Đức Xưng,
Trần Xán,

Digitized by Google

Vâng sắc khai chép chức quan và tên các viên biên chép:

Tổng tài:

Phụ chính đại thần, thái tử thiếu bảo, hiệp biện đại học sĩ, lĩnh Học bộ thượng thư, kiêm quản Quốc tử giám An xuân nam, thần Cao Xuân Dục.

Toản tu:

Nguyên trực học sĩ, hiển thăng Lễ bộ tham tri, nhưng sung thần Lưu Đức Xung,

Nguyên trực học sĩ, sau thăng Hộ bộ tham tri, thần Nguyễn Vỹ,

Quang lộc tư thiếu khanh, thần Trần Xán,

Biên tu:

Nguyên Hàn lâm viện thị giảng học sĩ, sau đổi thăng án sát sứ tỉnh Quảng Ngãi, hiện chờ bổ, thần Lê Đình Luyện,

Nguyên Hàn lâm viện thị độc, hiện sung lang trung Học bộ, thần Nguyễn Thiện Hạnh.

Hàn lâm viện thị độc, thần Trương Tuấn Nhiếp,

Nguyên Hàn lâm viện thị độc, thần Phạm Tuân,

Nguyên Hàn lâm viện thừa chỉ, hiện đốc học tỉnh Bình Thuận, thần Phạm Khắc Doãn,

Thừa biện:

Nguyên Hàn lâm viện thừa chỉ hiện sung viên ngoại lang Học bộ, thần Nguyễn Đình Điển

Nguyên Hàn lâm viện trước tác hiện tri huyện huyện Can Lộc cáo nghỉ, thần Nguyễn Xuân Thưởng,

Hiệu khảo:

Hàn lâm viện trước tác, thần Lê Hoàn,

Nguyên tòng thất phẩm hiện làm trong vụ ty ty Học bộ, thần Trần Cán,

Digitized by Google

Đẳng lục:

Chánh thất phẩm, thần Lê Hy,

Tòng thất phẩm, thần Nguyễn Quát, thần Lê Quân,

Chánh bát phẩm, thần Nguyễn Trọng Đĩnh,

Nguyên chánh bát phẩm hiện bổ chánh bát phẩm tỉnh Khánh Hòa, thần Đồng Trọng Duật

Nguyên chánh bát phẩm hiện lĩnh chánh cửu phẩm tỉnh Quảng Trị, thần Nguyễn Hữu Cận,

Nguyên tòng bát phẩm hiện để tang, thần Trần Đình Diệu,

Tòng bát phẩm, thần Dương Hưng Lang,

Thu chưởng:

Nguyên chánh cửu phẩm hiện bổ tòng bát phẩm bộ Học, thần Phan Văn Tập,

Chánh cửu phẩm, thần Nguyễn Đại Đoan.

Digitized by Google

ĐẠI NAM CHÍNH BIÊN LỆT TRUYỆN NHỊ TẬP TỔNG MỤC

Quyển 1 -
Truyện các Hậu phi, mục thứ I. Thánh tổ Tá Thiên Nhân hoàng hậu.
Quyển 2 -
Truyện các Hậu phi, mục thứ II.
Hiến tổ Nghi Thiên Chương hoàng hậu (tập thượng)
Quyển 3 -
Truyện các Hậu phi, mục thứ III.
Hiến tổ Nghi Thiên Chương hoàng hậu (tập hạ)
Quyển 4 -
Truyện các Hậu phi, mục thứ IV.
Dực tôn Lệ Thiên Anh hoàng hậu.
Quyển 5 - Truyện các hoàng tử - mục thứ I -
Các con của Thế tổ
Các con của Thánh tổ (tập thượng)
Quyển 6 - Truyện các hoàng tử - mục thứ II -
Các con của Thánh tổ (tập trung)
Quyển 7 -
Truyện các hoàng tử - mục thứ III -
Các con của Thánh tổ (tập hạ)
Quyển 8 - Truyện các hoàng tử - mục thứ IV -
Các con của Hiến tổ
Quyển 9 - Truyện các công chúa - mục thứ I -
Con gái của Thế tổ, 1 người
Các con gái của Thánh tổ.
Quyển 10 - Truyện các công chúa - mục thứ II -
Các con gái của Hiến tổ.
Quyển 11 - Truyện các quan - mục thứ I - (Tôn Thất)
Tôn Thất Đắc, Tôn Thất Nghị,
Tôn Thất Đường, Tôn Thất Gia,

Digitized by Google

Tôn Thất Tê, Tôn Thất Hàn,
Tôn Thất Lương, Tôn Thất Thường,
Tôn Thất Tuệ, Tôn Thất Tĩnh,
Tôn Thất Phan, Tôn Thất Thái,
Tôn Thất Dương. Tôn Thất Trực,
Tôn Thất Ty, Tôn Thất Trí,
Tôn Thất Thi, Tôn Thất Tĩnh,
Tôn Thất Triệt, Tôn Thất Phiên,
Tôn Thất Lương Thành.

Quyển 12 - Truyện các quan - mục thứ II (họ ngoại)
Vũ Xuân Cẩn, Phan Đình Bình,

Quyển 13 - Truyện các quan - mục thứ III -
Nguyễn Đăng Tuân, Nguyễn Đăng Giai,
Nguyễn Đăng Hành.

Quyển 14 - Truyện các quan - mục thứ IV -
Trần Văn Năng, Nguyễn Khoa Minh,
Nguyễn Khoa Hào, Đoàn Văn Trường,
Đoàn Văn Sách (em là Lộc),
Đoàn Thọ.

Quyển 15 - Truyện các quan - mục thứ V -
Phạm Văn Điển, Nguyễn Văn Quyền,
Vũ Văn Tử, Phạm Văn Lý,
Nguyễn Xuân, Phạm Hữu Tâm (con là Hữu Xuân).

Quyển 16 - Truyện các quan - mục thứ VI -
Lê Văn Phú, Lê Đăng Doanh,
Hồ Văn Khuê, Trần Văn Trí,
Ngô Bá Nhân, Lương Tiến Tường,
Nguyễn Kim Bảng, Hoàng Văn Diễn.
Nguyễn Văn Trọng

Quyển 17 - Truyện các quan - mục thứ VII -
Bùi Phổ, Hoàng Kim Sán,
Phan Văn Thúy, Tạ Quang Cự,
Nguyễn Đình Phổ, Nguyễn Thọ Tuấn,

Digitized by Google

Phan Bá Hùng, Thái Đình Tạo.

Quyển 18 - Truyện các quan - mục thứ VIII -

Nguyễn Tăng Minh, Hoàng Kim Hoán,

Hoàng Quýnh, Hoàng Đạo,

Lê Đại Cương, Đặng Đán,

Lê Mậu Cúc (phụ chép Nguyễn Văn Đĩnh)

Hoàng Văn Hậu, Nguyễn Lương Nhàn,

Nguyễn Trung Mậu, Nguyễn Ngọc Trác.

Phan Huy Thực (con là Huy Vịnh, em họ là Huy Chú)

Quyển 19 - Truyện các quan - mục thứ IX -

Vũ Văn Giải, Nguyễn Văn Ân (phụ chép Nguyễn Phẩm)

Lê Nguyên Trung (con là Bá Đôn),

Vũ Huy Quýnh, Vũ Duy Tân,

Lê Văn Đức.

Quyển 20 - Truyện các quan - mục thứ X -

Đặng Văn Thiêm, Đặng Huy Trứ (em là Huy Sán, anh họ là Huy Tá)

Nguyễn Công Trứ, Hoàng Chiến,

Trương Minh Giảng, Nguyễn Văn Điển,

Đoàn Văn Phú, Nguyễn Đức Nhuận.

Quyển 21 - Truyện các quan - mục thứ XI -

Trương Đăng Quế (tập thượng),

Quyển 22 - Truyện các quan - mục thứ XII -

Trương Đăng Quế (tập hạ, con là Văn Đễ).

Quyển 23 - Truyện các quan - mục thứ XIII -

Nguyễn Tri Phương (tập thượng).

Quyển 24 - Truyện các quan - mục thứ XIV -

Nguyễn Tri Phương (tập hạ, em là Duy, con là Lâm).

Quyển 25 - Truyện các quan - mục thứ XV -

Hà Duy Phiên, Lý Văn Phức,

Vũ Quyền (cháu họ là Thực, Giác; em họ là Đĩnh, Vĩnh),

Nguyễn Bá Thân (con là Tu)

Phạm Đình Hổ, Phan Hữu Tình,

Digitized by Google

Hà Quyền, Phan Bá Đạt,
Phạm Hữu Nghi, Nguyễn Đình Tân,
Ngô Huy Tuấn (phụ chép Nguyễn Huy Chiểu)
Phan Cử, Phạm Phổ (con là Thánh, Bành)
Nguyễn Tiến Lâm (con là Tiến Phác),
Nguyễn Công Nhàn.

Digitized by Google

QUYỂN 1

TRUYỆN CÁC HẬU PHI - MỤC I

Thánh tổ Tá Thiên Nhân hoàng hậu

Họ Hồ, người ở Bình An, tỉnh Biên Hòa, con gái của Phúc quốc công là Văn Bôi, mẹ là họ Hoàng. Năm Bính dần, Gia Long thứ 5 (1806), Thế tổ Cạo hoàng đế, cùng Thuận Thiên Cao hoàng hậu tuyển con gái các công thần để sánh đôi với Thánh tổ Nhân hoàng đế; sai tiến vào hầu ở Tiềm đế[1]. Hậu là người hiền thục trinh thuận, hết lòng hiếu kính. Thế tổ rất khen, ban cho tên hay (trên theo chữ (miên), dưới theo chữ (quán) [2]. Lúc đầu Thế tổ bảo rằng tên cũ của phi trên theo chữ (không có chữ), dưới theo chữ (thập) [3], chỉ lấy 4 chữ là hương thơm đưa lên làm nghĩa. Sao bằng trên theo chữ (miên), dưới theo chữ (quán) gồm có cả quả phúc. Nhân thế đặt tên cho). Năm thứ 6, Đinh mão, tháng 5 sinh ra Hiến tổ Chương hoàng đế (tức Thiệu Trị) ta, mới được 13 ngày hậu mất, thọ 17 tuổi, lăng ở núi Cư Chính huyện Hương Thủy. Năm Minh Mạng thứ 2, Tân tỵ, mùa hạ, tháng 6, sách tặng làm Chiêu Nghi, thụy là Thuận Đức, hợp tế vào đền Gia Phi họ Phạm. Sách văn rằng: Lễ là lẽ đương nhiên, ban tên thụy để tỏ ra điển cổ; ân nghĩa là ở đó; truy khen để long trọng nghĩ văn. Chọn được ngày lành, ban ra sắc chỉ: Nghĩ rằng: Tuyển thị Hồ nếp nhà trâm anh cao quý, nết người hiền dịu thanh tao. Chốn khuê phòng thường giữ đoan trang, làm không trái đạo; nơi tiềm để sớm nêu hiền hậu, để lại tiếng hay. Vừa ứng điềm hùng [4] ân sủng đương được đằm thắm;

(1) Tiềm để: nơi phủ đệ của vua khi chưa lên ngôi.
(2) Trên "miên" dưới "quán" là chữ thực. Thực là quả.
(3) Trên chữ "không có chữ" dưới chữ "thập" tức là chữ hoa.
(4) Điềm hùng: tức là sinh trai.

Digitized by Google

vội tỉnh mộng kiến [1], tuổi đời chưa hưởng được nhiều. Nghĩ người khuất đi, rất là thương xót. Đặc sai sứ thần bưng sách bạc tặng phong làm Chiêu nghi, thụy là Thuận Đức. Mong rằng: Nhận lấy huy kính theo sắc mệnh, để thỏa linh hồn người đức tốt ngày xưa, để lâu hưởng ơn nêu khen vẻ vang mãi mãi.

Năm thứ 7, là năm Bính tuất, truy tặng cha sinh ra hậu là Hồ Văn Bôi làm Nghiêm vũ tướng quân, thượng bộ quân đô thống, mẹ là Hoàng thị làm Nhị phẩm phu nhân.

Năm thứ 17, là năm Bính thân, tấn tặng lên làm Tần phi. Sách văn rằng: Thánh nhân nhận lòng người mà đặt ra lễ, điển nghi tự có phép thường; vương giả trọng đạo hậu để mà ban ơn, tỏ ra đặc biệt. Ngày tốt đã hợp, sắc chỉ ban ra. Nhớ lại: Nguyên tặng phong làm Chiêu nghi là Hồ thị khi trước, dòng dõi nhà tướng phiệt họ sang, thể chất tựa quỳnh dao ngọc quỹ; giữ đạo phòng khuê, khi ở tiềm để, đã nêu đức hạnh tốt hay; rủ nhiều bóng cả vì ở cây cao, để phúc đông dài dàn lũ. Hoa tai vàng đã lâu khuất vẻ; quản bút để còn thấy ngát hương. Nghĩ năm xưa ân cách ban ra, điển tặng phong đã lừng hương ngát; đến ngày nay cùng giai mới định, tên vinh dự thêm thỏa hồn thơm. Lại ban điển thường, để đều nhuần thấm. Nay đặc ơn tấn phong nàng làm Tần phi, vẫn tên thụy là Thuận Đức. Mong rằng: Kính theo mệnh lệnh quý trọng, nhận lấy tên gọi vẻ vang, một chữ sắc phong, thêm thỏa linh hồn chín suối; nghìn thu thờ cúng, còn dài hương khói lâu đời.

---

(1) Mộng kiến: Thuần Vu Phần ngày xưa uống rượu say nằm dưới gốc cây hòe cổ thụ, chiêm bao đến một nước Đại Hòe an vào trong thành lớn, lên điện rộng, thấy có một người ngồi chính giữa, tức là vua nước ấy, các quan hầu bắt Phần vào lạy. Vị vua ấy gả con gái cho, Phần làm phò mã, làm thái thú quận Nam Kha hơn 20 năm, vinh hoa không ai bằng. Lúc tỉnh dậy thì nằm gốc cây hòe. Đi tìm thấy gốc hòe có cái hố to, trong đó có đàn kiến ở. Đời sau gọi là giấc mộng Nam Kha hay giấc mộng kiến. ý nói là chóng.

Digitized by Google

Bèn sai Tiền quân đô thống phủ chưởng phủ sự là Phan Hữu Tâm sung làm chánh sứ; Thượng thư bộ Lễ là Phan Huy Thức sung làm phó sứ, cầm cờ tiết, bưng sách vàng kính đến từ đường làm lễ tuyên phong.

Năm thứ 19, Mậu tuất, mùa đông tháng 10, xuống sắc đổi dựng đền thờ ở xã Vạn Xuân, bờ bên Tây sông Hữu hộ thành.

Năm thứ 20, Kỷ hợi, mùa hạ, tháng 6, rước thần chủ về thờ ở đền mới.

Năm đầu, Thiệu Trị tân sửu mùa xuân, Hiến tổ Chương hoàng đế ngôi. Tháng 3 nhuận, các quan dâng biểu xin truy dâng huy hiệu cao Hoàng Tỷ [1]. Biểu rằng: Hiếu không gì to bằng làm cho bề thân rạng rỡ, lễ không gì trọng bằng tặng lấy danh hiệu tôn vinh. Cho nên vương giả chịu mệnh, truy tôn người sinh ra mình. Đó là nghĩa thường xưa nay.

Kính nghĩ: Thuận Đức Thần phi Hồ thị... đức hiền nết tốt, dòng dõi danh giá, sáng suốt gây điềm, giúp cho xã tắc. Theo lễ nên truy dâng huy hiệu.

Vua liền thỉnh mệnh bà Nhân tuyên Từ khánh thái hoàng thái hậu [2], vâng được dụ rằng: Thuận Đức Thần phi Hồ thị là kính vâng Thế tổ Cao hoàng đế cùng già này đã cẩn thận chọn con gái trưởng của công thần Hồ Văn Bôi sung làm sánh đôi với Thánh tổ Nhân hoàng đế. (Hồ thị) là người nết na, thuần thục, đoan chính hiền lương, được Nhân hoàng đế vốn kính trọng yêu mến; lại khéo hầu hạ Thế tổ Cao hoàng đế và già này, được hết đạo hiếu. Cho nên Thế tổ đặc biệt ban cho tên hay [3]. Nay tích đức để phúc, sinh được cháu trưởng, để nối nghiệp lớn, nguồn phúc là từ đấy mà có. Than ôi! Phi chết sớm không kịp trông thấy ngày nay, há chẳng thương sao!

(1) Mẹ lúc sống gọi là mẫu, chết rồi gọi là tỷ. Hoàng tỷ là mẹ của vua.
(2) là bà vua, tức hậu của Gia Long.
(3) ban cho tên là Thực.

Digitized by Google

Nhân hoàng đế lòng thương vợ cả, nên hậu ban ân lễ, cho thụy là Thuận Đức, phong là Thần phi, ở ngôi 21 năm mà trong cung vẫn dành hư vị đợi chờ, không phải là không có ý. Nay các quan có lời tâu lên đế và hậu cùng tôn, là lễ chính đáng, là lễ nên thế, rất hợp với lòng của lão tổ mẫu này, lại có thể yên ủi được Nhân hoàng đế không quên tình vợ xưa vậy [1]. Chuẩn cho hoàng đế cháu ta, dụ cho các quan biết. Vua vâng lệnh chỉ của bà, dụ sai các quan họp bàn. Khi mới bàn được 12 chữ sai thọ xuân vương Miên Định, tâu cung Từ Thọ [2] biết. Được thái hoàng thái hậu dụ rằng: "Tôn thụy của Nhân hoàng hậu cũng nên như tên thụy của Cao hoàng hậu". Bấy giờ các quan lại bàn lại, và tâu nói: "Trời đất hợp đức, thánh nhân làm theo, duy có thánh nhân vâng theo lệnh trời, duy có hoàng hậu sánh với hoàng đế. Nhà nước ta, thánh thần nối nhau, hướng được lòng trời, công đức không dời đổi, đế và hậu đều ngang nhau, để tỏ rõ nối đức cũ của người xưa, mà lòng hiếu có thể làm mẫu mực được.

Kính nghĩ: Thuận Đức Thần phi Hồ thị... khoan rộng vốn là bản tính, kính nghĩa định tên tự trời. Lòng từ ái chan chứa chốn tiên phòng, đức tốt đẹp nổi thơm nơi kinh thất (nơi cung vua), Tổ bà có lệnh, nghĩa vợ cả vốn đã rõ ràng; con thánh sinh ra, điềm tuân triết đã từng rõ rệt. Thánh tổ Nhân hoàng đế ta ngự ngôi 21 năm, tuy vị hiệu trong cung chưa kịp truy xưng, mà nghĩ đến gươm xưa, lòng thánh đã định từ trước. Phong tặng là Thần phi, tên thụy là Thuận Đức, là ý đức sánh ngôi vua, thuận theo đạo đất mà tỏ bảo là đáng làm người mẹ cho thiên hạ vậy. Kinh Dịch nói: Đạo khôn là thuận

(1) Nguyên Chữ Hán là "cổ kiếm", nghĩa là thanh gươm xưa, nói ý là vợ xưa, đây dịch theo nghĩa bóng cho dễ hiểu. Nguyên điển trong sử ký, Hán Tuyên đế khi còn làm hoàng tằng tôn lấy con gái Hứa Quảng Hán, khi lên ngôi vua, người con gái ấy làm Tiệp dư, các quan xin đổi lập hoàng hậu khác. Tuyên đế xuống chiếu tìm thanh gươm cũ lúc còn chưa lên làm vua. Các quan biết ý, xin lập Hứa Tiệp dư làm hoàng hậu. Người đời sau dùng điển gươm cổ làm vợ xưa là bởi thế.

(2) Tức là thái hoàng thái hậu.

Digitized by Google

theo vậy, vâng mệnh trời mà làm, vì là rất nhu thuận có thể sánh với chí kiện, để tạo nên công che chở, thì đức trong thiên hạ còn có gì tốt hơn được thuận chăng? Thế cho nên để tán dương bốn đức của quẻ khôn, trước hết phải nêu ra bốn đức của quẻ càn là: nguyên, hanh, lợi, trinh[1] để sánh vào. Mà suy ra là chính ngôi, ở phận dưới, là đến sau có phúc, là muôn vật nhờ đấy mà sinh sống, là đức tốt đẹp ở trong, là đức hóa sáng suốt, là lâu thì càng trinh chính. Tuy là mọi điều hay không gì là không đủ, nhưng đều gốc ở đức thuận mà ra cả. Nếu không phải là bậc đức tốt sáng tỏ đến xa, há dễ ai được những điều ấy.

Bọn chúng tôi kính vâng suy rộng cái ý ban đầu của Thánh tổ Nhân hoàng đế ban cho tên thụy, mong để hợp với định luật rất công của thiên hạ muôn đời sau. Vì đã có đức thuận, cho nên giữ trong lòng thì: đoan trang để bảo thủ đức nguyên, trinh chính để giữ gìn đức kiện; tĩnh để nên hóa thì tức là cung, lợi để hợp nghĩa thì tức là hoa; có thể sánh trời mà ở chính ngôi, có thể chứa phúc mà sau được tốt; có đức hậu để chứa chở muôn vật, tức là từ, có đức tốt mà phát ra sự nghiệp, tức là huy; biết sự sáng tỏ to lớn tức là minh, yên giữ trinh chính thịnh tốt tức là hiền. Đó đều là ở trong đức thuận mà có những sự tốt đẹp tự nhiên ấy. Rất mực thay! To lớn thay! Xin kính cẩn thuật lại những công việc tỏ ra hơn hết là như thế.

Lại, xét về quy chế ở miếu, thì hoàng hậu đem lên thờ ở miếu, cùng với tên thụy ở miếu cùng giống nhau. Vâng bàn truy dâng tôn thụy là Tá thiên lệ thánh, đoan chính cung hòa, đốc khánh từ huy, minh hiền thuận đức, nhân hoàng hậu. Để cho thiên hạ đời sau biết mà trông vào, ngõ hầu trên có thể hả được lòng của hoàng thượng ta truy báo đạo hiếu, dưới có thể yên được nguyện vọng của ức triệu người mến đức nhân

(1) Nguyên: là muôn vật mới sinh ra, hanh: là muôn vật lớn lên. Lợi: là muôn vật được thỏa mãn. Trinh: là muôn vật đã thành.

Digitized by Google

từ vậy. Nghị ấy tâu lên, được châu phê [1] là "được, y lời bàn". Tấn tôn đền thờ gọi là điện Vĩnh tư. Sắc cho bộ Lễ kính kiểm xét các đồ thờ, thứ gì cần chế tạo mới, thì theo từng hạng mà làm mới; trước sơn màu đỏ thì nay đổi sơn màu vàng, trước chạm hình con giao long, thì nay đổi chạm hình rồng phượng; áo, đai và đồ lỗ bộ đều chế theo kiểu hoàng hậu.

Tháng 4, ngày 16 là ngày canh tý, truy dâng tôn thụy là: Tá thiên lệ thánh, đoan chính cung hòa, đốc khánh từ huy, minh hiền thuận đức Nhân hoàng hậu.

Sách văn rằng: Muốn sinh ra hình, nhờ có khí hóa ra trước, mà đạo trời mới thành; muốn họp bè thân, cần phải cùng kính bề thân, mà đạo người mới đủ. Cho nên, dựa vào cha để kính thờ mẹ, gốc ở đất để sánh với trời. Quy chế ở miếu thờ, nghĩa cũng giống nhau; tấm lòng của con hiếu, người nào cũng thế. Kính nghĩ: Hoàng tỷ Thuận đức Thần phi bệ hạ, dấu đức sáng ứng với đạo đất, giữ đức thuận vâng theo đạo trời; dòng dõi công thần, phúc hiệp điểm tốt. Làm theo việc đức, sớm ứng phúc lành. Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta. khi còn ở tiềm để, hoàng tổ có mệnh lệnh, sai nộp lễ nghinh hôn; về làm dâu với nhà vua, mới gây nền phong hóa; ngầm giúp trong buổi duy tân mệnh lớn, hợp với được thấy đại nhân buổi đầu; chứa ở trong lòng, thì đoan trang để vững tâm trí, trinh chính để giữ đạo thường; phát ra bên ngoài, thì cung kính mà có chừng mực, hòa mực mà hợp lẽ phải. Gây nguồn phúc sáng tỏ to lớn, về sau được hay; dấu đức tốt rủ bóng từ bi, với nhân cùng thể. Nối theo tiếng tốt, lòng hiếu được Thánh từ khen đã từ lâu; để trống chính cung, nết hiền được hoàng khảo vẫn tưởng nhớ đến. Trời trên xét tới, phúc lớn ban cho; miếu mới phụng thờ, nghiêm vẻ khói hương ngào ngọt; cung giai[2] tốn tặng, để nêu tiếng tốt lâu dài. Càng lâu càng rõ ràng, hợp với đạo quẻ khôn rất thuận;

(1) Vua phê chữ sơn.
(2) Cung giai: giai cấp trong cung.

Digitized by Google

lưu hành mãi không nghỉ, sánh với đạo quẻ kiền không cùng. Đức tốt để lại về sau, tất có danh tiếng; lòng thành đã định từ trước; rồi được hiển vinh. Thần, nối giữa tên miếu phụng thờ, lâu nhớ công ơn sinh dục; lễ có điển truy tôn huy hiệu; lòng vẫn nghĩ hiển dương bề thân. Nói về ân thì tôn kính gồm hai, nói về nghĩa thì trong ngoài như một. Bèn trước hết tâu lên cung Từ Thọ được Thánh tổ mẫu Thân tuyên thái hoàng thái hậu xuống chỉ ưng thuận. Kính chọn ngày lành, cáo yết các miếu và bàn thờ tiên đế, thân đem phủ Tôn nhân và các quan văn võ; kính rước sách vàng, ấn vàng truy dâng tôn thụy là Tá thiên lệ thánh, đoan chính cung hòa, đốc khánh từ huy, minh hiến Thuận đức Nhân hoàng hậu. Kính xin: Nhận lấy xưng hiệu lớn lao, rộng gây khuôn mẫu tốt đẹp, anh linh chứng giám miếu mới, đều cùng thờ phụng đến ức năm; dài lâu ban bố điềm lành, được nhiều phúc tốt đến muôn thuở.

Ngày tân sửu, đê thần chủ làm thánh vị. Hôm sau ban ân chiếu cho trong ngoài. Chiếu rằng: Trẫm nghĩ: đất dày chở muôn vật, đức tốt có thể hợp với trời; hễ quý tôn bề thân, truy tặng để mà nối đạo hiếu. Thơ Trường phát ca ngợi họ Hữu nhung để khen Huyền Tổ [1] vì lấy nghĩa sinh ra nhà Thương; thơ Đại minh xúy tụng bà Thái Tự, sánh với Văn vương, vì nguồn phúc mở ra vua Vũ. Từ xưa chúa hiền vua giỏi, nối dõi lên ngôi, nhớ lại nguồn gốc thiên luân, hết đạo hiển dương cha mẹ. Thế là để rõ lễ, mà là đạo hiếu thông thường vậy.

Kính nghĩ: Hoàng tỷ Thuận đức Thần phi, cùng đạo nhân một thể, giúp đức kiện nên công; lợi công dụng mà trinh lâu dài, lượng bao hàm hợp với đức quẻ Khôn dung chứa; đều hoàn bị nên sau tốt đẹp, đức quang minh tỏ ra đạo quẻ Ly kính tin. Nhớ lại Thế tổ Cao hoàng đế nghĩ đến mưu xa, tính sẵn có cháu nối nghiệp ở Phong Thủy; đương khi Thánh tổ

(1) Huyền tổ: tức là ông Biết (tổ nhà Thương)

Digitized by Google

Nhân hoàng đế còn ở tiềm để, đã tìm cho người sánh đôi ở Hợp Dương. Em gái trời đâu bỗng sinh ra, chính hợp Chu kinh vận tốt; ngày tháng lành sớm làm lễ cưới, thuộc về Sân ấp con dòng. Sánh đức tốt mà làm theo, họp cả tri năng của trời đất; có uy nghi đáng bắt chước, đủ làm khuôn mẫu cho nước nhà. Tính trời đem nhất trinh thần, sửa mình báu, để người sau hâm mộ tiếng hay; phong hóa của thiên Cát đàm, Quyền nhĩ khi xưa, chốn cung vi còn lưu khuôn phép.

Hoàng tổ khảo, hoàng tổ mẫu, mừng rằng có lòng hiếu thảo tất có phúc thừa; đời tử ta, đời tôn ta, nhờ được để đức nhân từ, hẳn sau thịnh vượng. Chốn khuê môn để lại phong hóa, thiên Đại nhã thực bởi đó gây nên; cung vua nối giữ tiếng hay, thiên Nhị nam còn dài lâu xưng tụng. Đức sáng để lại mãi, được lòng trời thầm lặng xét soi; nết tốt được truy khen, mệnh Tiên đế bao phong long trọng. Tặng làm Thần phi để tỏ ra là vợ cả, cung Trường thu ngôi chính còn để không; thụy là Thuận đức để nêu làm mẫu nghi, nghĩa là gươm cũ trong lòng đã dự định. Ta là kẻ tiểu tử này, kính theo chí người trước, rất nghĩ đến bề thân. Ta lớn thay trời hóa ra khí, rất mực thay đất sinh ra hình, cùng nhớ ơn sâu khôn xiết; đã tôn kính ông có công liệt, lại tôn kính mẹ có văn đức, nối theo đạo hiếu vô cùng. Cùng tôn đều kính, cả trong ngoài như một; chính ngôi tôn hiệu là điển lễ rất lớn đó.

Đã được dụ chỉ của Thánh tổ mẫu Nhân tuyên từ khánh thái hoàng thái hậu chuẩn y, bèn kính cáo các miếu và bàn thờ tiên đế. Ngày 16 tháng này, thân đem phủ Tôn nhân và các quan văn võ, kính rước sách vàng, ấn vàng truy dâng tôn thụy lên hoàng tỷ. Nhân bề thân để lập ra yêu kính, lễ giáo đã thuận tình người; cho phúc lành mà rộng mở ơn ban, thấm khắp đến cả muôn họ. Vậy ban xuống ân điển gồm 12 điều. Than ôi! Tôn sùng nhất thiên hạ để báo đáp, chưa hết lòng

Digitized by Google

hiếu của ta; tấm lòng của bốn phương đương mong chờ sao cho đời được hưởng phúc.

Sau dâng lên lăng là lăng Hiếu Đông, hợp tế ở điện Sùng Ân lăng Hiếu Đông, để tỏ là cùng tôn cả.

Ngày tháng 5, suy tặng họ Hồ ở quê ngoại. Dụ rằng: Từ xưa đế giỏi vua hiền, lấy đạo hiếu để trị nước, cho nguồn phúc được dày, xét điển chương còn đó. Nghĩ đến: Công thần Nghiêm uy tướng quân, thượng hộ quân đô thống, là Hồ Văn Bôi, đã mất, giúp đỡ trong buổi trung hưng, công lao ghi ở sử sách. Sinh ra hoàng tỷ Nhân hoàng hậu ta, điềm lành chung đúc, phúc tốt lớn lao. Trẫm tham xét điển xưa, noi theo phép trước, nên gia tặng hàm Đặc tiến tráng vũ tướng quân tả quân đô thống phủ đô thống chưởng phủ sự, thái bảo, thụy là Trung Dũng, phong là Phúc quốc công. Chính thất Hoàng thị phong làm nhất phẩm Phúc quốc công phu nhân, thụy là Ý Thuận. Trước khi làm lễ phong tặng đem việc kính cáo điện Vĩnh Ân, sai bộ Lễ làm thần chủ. Đến ngày ấy, sai quan đến truyền việc gia tặng và đề chủ, làm lễ phần hoàng[1] yên vị. Dựng đền thờ riêng ở xã Xuân Hòa, thuộc huyện Hương Trà. Ở quê quán cũng cho dựng từ đường, đều gọi là Hồ tộc từ đường. Lại truy tặng tổ là Hồ Văn Lăng làm Nghiêm vũ tướng quân, Cấm binh thống chế, Long khánh hầu, thụy là Đôn Chính; chính thất Đỗ thị làm nhị phẩm phu nhân, thụy là Nhụ Mẫn. Tằng tổ (không biết tên) làm Anh dũng tướng quân Cấm binh vệ úy, Tập phúc bá, thụy là Cẩn Ý. Chính thất (không biết tên) làm thục nhân, thụy Ôn Tĩnh. Cao tổ (không biết tên) làm Minh Nghĩa đô úy, Tinh binh vệ úy, Linh Chiểu tử, thụy là Trực Lượng; chính thất (không biết tên) làm Cung nhân, thụy là Gia Thận. Tiên tổ (không biết tên) làm Minh Nghĩa đô úy, chư quân hiệp quản, thụy là Tráng Hiệu; chính thất (không biết tên) làm Cung nhân, thụy là Lương Thục. Lại ấm

(1) Phần hoàng: đốt bản sắc sao chép lại bằng giấy vàng.

Digitized by Google

thụ cho 4 người họ thân làm đội trưởng, coi giữ các đền; thu thuế đinh cho người làng 30 năm, thuế điền thổ 3 năm, cùng với họ Trần ở Văn Xá cũng thế. Lại cho là họ Hồ tự đời thứ tư trở về trước, không rõ thế thứ, sai tỉnh thần Biên Hòa tra hỏi để tâu lên.

Mùa thu, tháng 8 ngày 20, rước thần chủ thờ chung vào điện Hiếu Tư. Còn nhà từ cũ vâng lệnh cho dỡ đi.

Năm thứ 3, Quý mão, mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 9, rước thần chủ thờ chung ở gian tả nhất nhà Thế miếu; rước thánh vị hợp tự ở gian tả nhất điện Phụng Tiên; rước thánh vị hợp thờ ở điện Hiếu Tư.

Năm Tự Đức thứ 5, đổi Hồ tộc từ làm Dụ trạch từ, hàng năm chi tiền công để cung việc thờ cúng.

Digitized by Google

QUYỂN 2

TRUYỆN CÁC HẬU PHI - MỤC THỨ II

Nghi thiên Chương hoàng hậu (tập thượng)

Hiến tổ Nghi thiên Chương hoàng hậu Phạm Thị, người ở Tân Hòa, Gia Định, con gái của Lễ bộ thượng thư tăng Cần chính điện đại học sĩ, phong Đức quốc công; Phạm Thị (họ Phạm khác) phong làm nhất phẩm Đức quốc công phu nhân. Sinh vào ngày 9 tháng 5, mùa hạ, năm Gia Long thứ 9. Lúc nhỏ thích đọc sách, thông nghĩa lớn kinh sử, có đức hiền; đến năm 12 tuổi, phu nhân là mẹ của hậu bị bệnh, chỉ thích nằm một mình, tất cả người nhà không ai được gần gũi hầu hạ, hậu ngày đêm hầu hạ cơm thuốc, không rời bên cạnh. Đến khi phu nhân chết, hậu ngày đêm kêu khóc không thôi, giữ tang thương xót chẳng nghĩ gì thêm, như người đã trưởng thành, xa gần nghe biết đều tấm tắc khen là lạ. Năm 14 tuổi, Thuận Thiên cao hoàng hậu nghe tiếng hiền, tuyển vào cung sai hầu Hiến tổ khi còn ở Tiềm đệ. Hậu là người có đức trang kính, giữ nết thuận tòng, được vua[1] rất yêu. Bấy giờ con gái của Kinh Môn quận công Nguyễn Văn Nhân là Lệnh Phi cũng đồng thời vời vào. Lệnh Phi vì tước của cha, nên vị thứ ở trên. Có một hôm, Thánh tổ Nhân hoàng đế cho mỗi người 1 áo sa cổ thường theo hoa vàng. Đến khi bái từ, được Thuận Thiên Cao hoàng hậu ban cho mỗi người một chiếc cúc áo vàng, một thứ chạm hình con phượng, một thứ chạm cành hoa, nhưng phong giấy kín và khấn trời rằng: "ai được chiếc cúc chạm hình phượng, thì có con trước", rồi sai nữ quan đem ban cho, bảo mỗi người lấy một phong, nhưng không được mở ra, cứ để nguyên phong tiến lên. Hậu nhường Lệnh Phi lấy

(1) Vua đây có lẽ là Thánh tổ Nhân hoàng đế.

Digitized by Google

trước. Kịp đến khi đệ tiến mở gói ra, thì Lệnh Phi được cúc chạm hoa, hậu được cúc chạm phượng. Năm 15 tuổi, sinh trưởng công chúa Diên Phúc; cách một năm lại sinh thứ trưởng công chúa. Từ đấy càng ngày càng được thêm yêu quý, địa vị thành ra ở trên. Hậu đối với Lệnh Phi riêng có lòng yêu quý nhau lắm. Còn các cơ thiếp, cũng đều lấy lòng thành thực dẫn tiến, đều được nương nhờ, lại có nhân đức kể cả đối với người dưới. Một đêm kia, mộng thấy thần nhân áo rộng đai to, tóc bạc, lông mày trắng, mang một tờ giấy vàng viết chữ son có đóng dấu và một chuỗi minh châu trao cho, bảo là "xem đây để nghiệm về sau". Hậu nhận lấy, Rồi sau có thai, sinh ra Dực Tôn Anh hoàng đế ta, quả nhiên hợp với mộng. Hậu là người đoan trang nhàn nhã nghiêm túc, cử chỉ có độ lượng. Trong cung những khi tuế thời triều mừng, vua thường sai theo ban làm lễ, đều hợp nghi tiết. Người ta thấy dáng điệu tôn nghiêm, trông mà đáng sợ. Những người ngoài xem hoặc cho là kiêu. Khi ấy có một mụ già ở sau nhà, đêm mộng thấy thần nhân bảo rằng: "Người ở chính giữa nhà trước, tức là hoàng hậu, bọn ngươi rất ngu, chớ có khinh thường". Mụ tỉnh dậy, đem mộng ấy báo cáo. Thần cơ dự phần nhiều có triệu chứng như thế. Năm đầu, Thiệu Trị Hiến tổ Chương hoàng đế lên ngôi, phong làm cung tần. Năm thứ 2, có việc bang giao, ngự giá Bắc tuần, sung vào chân đi theo hầu. Khi ấy cung tần theo hầu rất ít, hậu ngày đêm hầu hạ bên cạnh, phàm những ấn báu, vật làm tin, đều giao cho hậu giữ cả. Kịp khi ngự giá về đến cung, cung nhân thấy hậu đầu tóc thưa rụng, nét mặt gầy xạm, đều lấy làm lạ hỏi chuyện. Vì là tấm lòng kính cẩn lo nghĩ nhiều mà ra thế. Lại thường làm chức Thượng nghi coi giữ 6 chức thượng[1], phàm việc trong cung khổn đều giúp đỡ cả. Vua mỗi khi nhàn rỗi, đọc sách đến nửa đêm chưa đi ngủ, hậu hầu hạ không mỏi, hoặc

(1) 6 chức thượng: tức là thượng cung, thượng nghi, thượng phục, thượng thực, thượng tẩm, thượng công.

Digitized by Google

có khi đến gà gáy mới ăn bữa đêm. Lại thường khuyên răng các người tần ngự cung nhân đều chăm công việc. Khi được ơn huệ không tranh cạnh với người. Hễ ai có lỗi, thì mình đứng nhận thay. Vì thế thường được ban ơn yêu quý. Năm thứ 3, mùa hạ, tháng 4, sách phong làm Thành Phi. Sách văn rằng: Kinh Dịch có quẻ Gia nhân, nên đức tốt về lẽ độ trinh chính; kinh Lễ có thiên Nội tắc; tỏ đạo cả về thứ bậc luân thường. Chọn ngày tốt lành, ban ra sắc mệnh. Nghĩ nay: Cung tần là Phạm thị, văn phép vốn nếp nhà dòng dõi, phong tư như chất ngọc trắng trong; kính sửa túi khăn, khi tiềm để đã lâu tin tức tốt; đông nhiều con cháu, chốn khuê phòng đều mát mẻ gió hòa. Đoan trang nối sánh tiếng hay, chăm kính thêm dày nết tốt. Kịp khi trẩm lên ngôi báu, gây khuôn mẫu cho phong hóa buổi đầu tiên; đến nay định lại cung giai, cần nêu khen người đức hiền thêm rạng rỡ. Đã xét điển cũ, ban cho trật tôn. Nay tấn phong nàng làm Thành Phi, nàng nên nhận ấy xứng hiệu mới vẻ vang, chăm lo công việc trong khuê khổn. Kính theo khuôn phép, nhớ trong lòng chớ sai; lâu chịu ơn vinh, mãi về sau không hết.

Năm thứ 6, mùa xuân, tháng giêng, tấn phong làm Quý phi, sai đại thần là bọn Vũ Xuân Cẩn, Tạ Quang Cự bưng sách vàng đến tuyên phong. Sách văn rằng: Trẩm nghĩ, nguồn gốc cây nên phong hóa, trị nước cốt ở nghiêm sửa trong nhà; triều đình ban xuống ân vinh, trước người nhà sau mới đến người khác. Ngày tốt đã hợp, sắc phong ban ra. Nghĩ nay Thành phi Phạm thị, nghi lễ nhà dòng, đoan trang nết tốt; như ngọc trong sáng, nên khuôn hòa kính, cung giai 9 bậc đứng đầu; đông nhiều con cháu, đầm ấm khí hòa, phong hóa nhị nam gây mới. Phụng dưỡng giữ đạo trong khuê khổn, hòa vui hả dạ cung Từ Ninh; tuổi hoa bốn chục xanh tươi, phần hưởng thụ còn nhiều phúc lớn; đức tốt sáu cung tiêu biểu, điển bao phong xứng vẽ áo thêu. Đã xét điển thường, ban cho danh tốt. Nay tấn phong nàng làm Quý phi. Nàng nên kính

Digitized by Google

vâng ân mệnh, giữ đạo cung vi; để dạ chớ quên, đức hòa nhu dùng làm khuôn mẫu; hưởng phúc không chán, ơn bao vinh rộng mãi lâu dài.

Hậu được tấn phong bậc nhất, ngôi ở đầu 6 cung, thường thân đem các cơ tần, thay phiên hầu hạ cung Từ Ninh và vua. Bấy giờ Thuận thiên Cao hoàng hậu tuổi cao mạnh khỏe, Hiến tổ thể theo chí trước, mọi việc gì đều biết ý trước, đốn chí làm theo, nói năng dịu dàng, sắc mặt vui vẻ rất vui lòng từ cung. Hậu cũng vâng theo chiều chuộng, phàm có sai khiến ban cho gì, không cứ là lớn nhỏ, không việc gì không thuận theo thi hành, thường được đẹp lòng vui vẻ. Cho nên được yêu quý hơn cả. Tính hậu lại thông minh nhớ lâu, hết thảy việc cũ và nghe tuyên đọc các sách, giấy tờ gì, là hiểu ngay, không đợi mở xem, lại vua có hỏi đến, thưa rõ từng điều, không sót. Vua thường ngự điện Khâm Văn nghe chính, sai hậu ở sau tường nghe trăm quan tâu việc, lời vua huấn thị rõ hay không. Ở trong cung trước sau nuôi nấng các hoàng tử hoàng nữ, dạy dỗ không gì là không đến nơi. Lòng từ ái không thể thuật hết, vua thường ban khen. Phàm khi lên hầu hay khi triệu hỏi, thì gọi là "phi" chứ không gọi tên. Lại vâng dụ rằng: Phi tính hạnh đoan cẩn, nuôi nấng các con như con mình đẻ ra, có đức tất có phúc, con cháu hẳn được nhờ ơn.

Năm thứ 7, vua không được vui, hậu hầu hạ cầu khấn, ngày đêm không nghĩ đến ăn ngủ. Đến khi vua gần mất, mọi việc về sau, đều dặn dò ủy thác cho hậu. Lại diện dụ các quan rằng: Quý phi là nguyên phối (vợ cả) của trẫm là người phúc đức hiền minh, giúp ta coi công việc trong cung cấm đã 7 năm. Nay ý trẫm muốn sách lập làm hoàng hậu chính ngôi trong cung, tiếc vì việc không làm kịp mà thôi. Đến khi Dực Tôn Anh hoàng đế lên ngôi, thân đem hoàng thân công, những tôn nhân, các quan văn võ cùng lời kêu xin cử hành lễ lớn tấn tôn. Hậu truyền dụ rằng: ta xem sớ văn, đã biết

Digitized by Google

hoàng đế và các quan có lòng thành rồi. Nhưng nghĩ quan tài tiên đế còn quàn chưa được trăm ngày, trong lòng đau thương luyến tiếc, không thể thôi được. Lại nghĩ: Hoàng đế tuổi còn trẻ, chưa am chính thể, thường thấy buổi sớm chăm lo, buổi tối sợ hãi, chẳng tưởng ăn ngủ, lòng ta rất là thương xót. Vả lại, hoàng đế nhận mệnh lớn của trời, làm quân sư cho dân, phải lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau sự vui của thiên hạ. Phàm những lời tiên đế đã dạy bảo, mà hoàng đế đã vâng theo, nên ghi vào trong lòng để mưu nghĩ nối chí theo việc. Chỉ mong các thần phiên huân thần cùng nhau kính sợ, gắng sức hết lòng, để giúp đỡ chỗ hoàng đế không nghĩ đến, để lâu hưởng phúc trời, dân yên nước trị, thì ta còn có gì vui hơn nữa. Đó là những việc mà hoàng đế và các bậc thân huân nguyên lão nên phải nghĩ kỹ. Ta còn nói thừa chi nữa. Đến như việc xin suy tôn, không nên cử hành là phải.

Năm đầu Tự Đức, mùa hạ, tháng 6, lại đồng từ kêu xin. Hậu lại truyền dụ rằng: lòng hiếu thảo của hoàng đế và lòng thành khẩn của các quan, ta đã biết cả rồi. Ta đương khi trong lòng thương buồn, ngày càng nhớ tiếc, chưa lúc nào quên, việc ấy chuẩn cho đợi khi Tây cung (cung của hoàng thái hậu ở) khánh thành, sẽ cử hành cũng chưa muộn gì.

Năm thứ 2, mùa hạ, tháng 4, ngày 15, là ngày Quý sửu, cung Gia Thọ khánh thành. Vua rước từ giá dời ngự cung mới, tiến 3 vạn quan tiền kẽm. (Theo lệ mỗi năm tiến 2 vạn quan, năm có khánh hạ bội hơn lên). Ngày 23 là ngày canh thân, vua đem Tôn nhân, đình thần rước sách vàng, ấn vàng kính dâng tôn hiệu là hoàng thái hậu. Sách văn rằng: thần nghe: đạo mẹ bắt chước quẻ khôn, đức tốt sánh với quẻ kiền gây mới; thánh nhân lập ra pháp độ, lễ cả gì bằng tôn kính bề thân. Đế vương từ xưa, nối phúc tốt giữ lâu mệnh lệnh lấy tên hay phụng sự từ thân là để tỏ phúc lành mà nêu đức tốt vậy. Kính nghĩ hoàng mẫu bệ hạ, vốn nhà dòng dõi tiếng

Digitized by Google

thơm, sẵn có đức ân tốt đẹp. Giúp hoàng khảo gây nền phong hóa, phúc khắp nước nhà; dạy con nhỏ biết sớm siêng chăm, lợi cho xã tắc. Đức tốt hơn họ Đồ Sơn[1] giúp đỡ nhà Hạ; tiếng hay như bà Sằn Tự[2] rạng tỏ nhà Chu. Mới rồi ức triệu người cùng lời, hai ba phen khẩn khoản nhưng thánh từ ban ra ý chỉ, vẫn cố khiêm nhường. Nay cung Trường Lạc làm xong, phúc nhà trời còn dài tụ họp; xét điển lịch triều để lại, ngôi thái mẫu cần phải suy tôn. Đã xin mệnh các miếu điện, thân đem các quan, rước sách vàng, ấn vàng kính dâng tôn hiệu là hoàng thái hậu. Cúi xin: Nhận cho xưng hiệu tôn quý này, hưởng nhiều phúc tốt lâu dài mãi. Khang cường thêm tốt, ức muôn năm tuổi sánh bậc tiên; phồn thịnh về sau, muôn ngàn thuở còn nhà phúc lớn.

Lễ xong, ban ân chiếu cho trong ngoài gồm 17 điều. Tháng 5, ngày 19, là ngày Ất mão, kính gặp tiết thánh thọ tử tuần đại khánh, vua đem các quan kính dâng tờ kim tiền chúc mừng và biểu tâu, làm lễ mừng. Lễ xong, gia tặng cho cha sinh ra hoàng hậu là Phạm Đăng Hưng làm Đặc Tiến Vinh lộc đại phu, thái bảo, cần chính điện đại học sĩ, phong là Đức quốc công, thụy là Trung Nhã. Chính thất Phạm Thị phong là Đức quốc nhất phẩm phu nhân, thụy là Đoàn Từ. Dựng từ đường ở xã Kim Long. Tháng 7 gia tăng cho các đời trước họ Phạm quê ngoại, các đời trước đều được gia tước và thụy. Hiển tổ là Phạm Đăng Long truy tặng làm Từ Thiện đại phu, Lại bộ thượng thư, Phúc an hầu, thụy Trang Nghị. Chính thất là Phan Thị làm phu nhân, thụy Đoan Khiết. Tằng tổ là Phạm Đăng Doanh truy tặng làm Gia nghị đại phu Hàn lâm viện chưởng viện học sĩ, Bình Thạnh bá, thụy là Cẩn lượng. Chính thất là Trương Thị làm Thục Nhân, thụy là Đoan Hà. Cao tổ là Phạm Đăng Tiên truy tặng làm Trung thuận đại phu Hàn lâm viện thị độc học sĩ, Mỹ Khánh tử, thụy là

(1) Đồ Sơn: vợ vua Vũ nhà Hạ là họ Đồ Sơn.
(2) Sằn Tự: vợ Văn Vương nhà Chu là họ Tự người nước Hữu Sằn.

Digitized by Google

Đoan Xác. Chính thất là Bùi Thị làm Cung nhân, thụy là Đoan cung. Tiên tổ là Phạm Đăng Khoa truy tặng làm Trung thuận đại phu, Thiêm sự phủ thiếu thiêm sự, thụy là Hòa mẫn. Chính thất là Nguyễn Thị làm Cung nhân, thụy là Đoan Thục, và dựng đền ở bên hữu đền Đức quốc công.

Năm thứ 11, Mậu ngọ, mùa đông, vì sang năm gặp tiết Thánh Thọ ngũ tuần đại khánh. Phủ Tôn Nhân, đình thần khẩn xin tấn tôn huy hiệu mỹ tự. Vua thân mang sớ văn kính tiến lạy xin ý chỉ. Được Thái hậu diện dụ rằng: xem tờ tâu đã rõ cả rồi. Nhưng nghĩ rằng: được hưởng sự phụng dưỡng của thiên hạ, nên lo cái lo của thiên hạ. Năm nay lúa mạ các nơi chưa được mùa cả, dân các địa phương chưa vui đủ cả. Chính là lúc hoàng đế phải chăm lo kính sợ, lòng ta sao nỡ thản nhiên. Vả, tính ta vốn cần kiệm, không chuộng phù hoa, chẳng ngờ ngày này chịu sự tôn vinh ấy, thường sợ hãi sửa mình không rồi, huống chi làm thêm hư danh, làm nặng nỗi bất đức của ta ư? Vậy việc xin ấy nên bãi đi. Chỉ mong các công và các quan kính giữ chức vụ, giúp việc chính giáo, để ta ngày thấy buổi thái bình thịnh vượng, thì còn gì vui hơn. Thế thì càng tỏ lòng thành của các quan tôn vua thân bề trên lo cho nước, thương đến dân, há không hơn hư văn xu mị ru? Đến sang năm gặp ngày sinh thứ 50 của ta, hết thảy các công việc nên làm, hoàng đế nên châm chước thi hành, chiếu theo thường lệ hàng năm, liệu gia thêm một hai phần, cũng đủ để hả lòng mọi người mà thôi, không nên quá vẽ vời, để xứng với ý của ta. Sang năm là năm Kỷ mùi, mùa hạ, tháng 5, kính gặp khánh tiết. Trước ngày đó, từ các công chúa đến các nội đình, cung nhân, nữ quan đều có phẩm vật cung tiến, khẩn xin hiến vui chúc thọ. Bấy giờ trời đương ít mưa, vua sai kính doãn cầu phúc với thần, lại mật đảo trong cung. Thái hậu xuống chỉ dụ rằng: Mấy tuần không mưa, việc nông không tiện, ta còn vui gì? Nhưng không nỡ lại trái lòng mọi người. Hãy chờ sau khi được mưa sẽ lượng chuẩn cho cử

Digitized by Google

hành một hai ngày, để hả lòng người dưới. Thái hậu thường hỏi đến thức ăn của dân, công việc làm ruộng, ngầm cầu đảo hộ cho dân. Đến ngày chúc thọ, được luôn mấy trận mưa rào. Vua thân đem các quan làm lễ khánh hạ, làm lễ xong, lại được thái hậu dụ ngay trước mặt rằng: Lòng thành chân thật, ta đã rõ cả rồi. Nhưng ta vốn tính không xa hoa. Đáng lẽ trả về toàn số, để tỏ quy tắc tiết kiệm, những nghĩ rằng đã ân cần có lòng thành, nếu nhất khái bác hết, không khỏi đem đi đem lại, phiền phí khó nhọc. Trừ các hạng vàng ngọc quý lạ đã giao trả về, còn đều chuẩn cho thu nhận, lại đều thưởng cho ngân tiền có thứ bậc khác nhau, để tỏ ra thể tất. Vua bèn truyền chỉ cho các quan ở 2 bộ Hộ, Lễ biết.

Tháng 6, ban ân chiếu cho người trong ngoài, thưởng cho làng quê ngoại 200 lạng bạc. Năm thứ 21, mùa đông, các quan cho là sang năm gặp tiết lục tuần đại khánh, mọi người lại cùng lời tâu xin. Vua thân đem tờ văn tâu cung tiến, kính xin thánh chỉ y cho. Được dụ rằng: cứ lời lẽ trong tờ tâu, đã rõ hết lòng thành của hoàng đế và hoàng thân cùng các quan rồi. Nhưng ta nghĩ: Đức Thuận Thiên Cao hoàng hậu ta nhân từ đức hậu, phúc tốt ban cho nước nhà, tấn phong huy hiệu, cố nhiên là phải. Còn thân già này đức bạc, đâu dám sánh tày được. Huống chi ngày nay biên cương chưa yên, cơ vụ còn nhiều, còn lòng nào vui riêng được? Nếu vin lệ cũ mà tâu xin, thì không hợp thời nghi, rất trái ý ta. Tạm hãy thôi đi là thỏa đáng hơn. Còn về khánh tiết sang năm, lễ nghi phải nên giảm bớt đi rất nhiều. Cả đến phẩm vật chúc mừng cũng nên châm chước mà làm, dâng một hai thứ thổ sản là đủ biểu hiện lòng thành, chớ quá xa xỉ, để hợp ý ta.

Vua vâng theo chỉ dụ của thánh từ, truyền bảo cho các quan biết.

Tháng 5, kính gặp khánh tiết, vua sai Gia Hưng công là Hồng Hưu kính đến điện Long An cáo yết. Ngày hôm sau

Digitized by Google

rước từ giá kính đến chiêm bái. Rồi sai bộ Lễ tả thị lang là Phan Đình Bình đến đền Đức quốc công kính cáo. Đến ngày ấy, vua thân đem hoàng thân, văn vũ trăm quan đến cung Gia Thọ chúc mừng. Sai Tuy Lý quận vương là Miên Trinh bưng kim tiên chúc mừng, Kiến Thụy công là Hồng Y bưng mâm rượu, Hoằng Tri quận công là Hồng Tố bưng chén rượu làm lễ thượng thọ. Vua tiến bài chúc tụng lục tuần đại khánh và cả bài tựa. Lời tựa rằng: Thần nghĩ, có đức lớn tất có vị, có lộc, có danh, có thọ, mà sở dĩ được như thế, há không có nguyên do sao? Nhưng khắp trong khoảng trời đất, không gì là không có đôi quẻ "càn" mà không có quẻ "khôn", không thể diễn ra được 8 quẻ để ứng muôn vật, khí âm không có khí dương, không thể vận chuyển được 5 khí để sinh muôn vật. Cho nên vua nhận mệnh trời phải có người đức lớn làm sánh đôi để làm cha mẹ muôn dân, mà chính nguồn gốc của giáo hóa. Kính nghĩ thánh mẫu hoàng thái hậu bệ hạ ta, vốn nhà nề nếp con dòng, làm nguyên phối với hoàng khảo ta, về lời hay nết tốt, nhân từ đức hóa, tiếng đồn trong thiên hạ từ lâu. Cho nên nhờ phúc thừa của hoàng khảo ta, hưởng chịu mệnh trời, gồm 4 thứ phúc ấy mà làm mẫu nghi thiên hạ, họp cả phúc của thiên hạ để làm phúc của mình. Khang cường hưởng phúc, 5 tuần lên đến 6 tuần rồi đến mãi muôn muôn tuổi, nghìn nghìn tuần, sánh với đức rộng dày, cùng với đức cao sáng mà lâu dài vô cùng vậy. Nay Tự Đức năm thứ 22, là năm Kỷ tỵ, tháng 5 là tháng Canh ngọ, ngày 19 là ngày Canh dần, lại kỷ niệm đại khánh tiết thánh thọ lục tuần. Nước Đại Nam ta, từ Nam chí Bắc các thân thiếp lớn nhỏ và sĩ thứ trong ngoài đều vui mừng sung sướng xem khánh tiết, chúc thánh đức, dâng tôn hiệu tốt đẹp tỏ đức sáng rõ ràng. Để tỏ ra nguyện vọng tôn thân, không hẹn mà giống nhau, cùng một lời nài xin đến ba bốn lần, thực là do tự lòng thành không đừng được. Kể ra, tính trung hiếu người ta giống nhau, thì nguyện vọng biểu dương cũng không thể không giống nhau.

Digitized by Google

Đạo con thờ cha mẹ, tuy kiệt sức lực chịu gian lao, đem hết đồ trân cam của 4 biển 9 châu, cũng chưa đủ phụng dưỡng. Duy có kính nêu ra đức tốt, để lại danh hiệu lớn đến mãi không cùng, mới có thể hả được lòng mọi người. Nhưng mà lửa sáng của đom đóm không ích gì cho mặt trời mặt trăng, chỉ bày sự vui, đưa lòng thành để chìu chuộng một người mà thôi. Ở người còn thế, thần lại mong mỏi hơn. Nay gặp khánh tiết, chính là phải lúc, lễ lại nên thế. Thiết nghĩ: Soi xét đến tình kẻ dưới, tất được dụ chỉ ưng thuận. Nhưng lòng thánh khiêm nhường, không lấy việc thiên hạ phụng dưỡng làm vui, chỉ lấy việc của thiên hạ làm lo, chẳng dám ví với tiên thánh, đã khước từ mà chẳng nhận, lại khuyên lấy đạo vua tôi mưu trị, sửa lỗi, càng thấy lượng như trời biển không phải như kẻ lấy ống nhòm tượng trời, lấy bầu đong nước biển mà nói lên được. Mà thể theo tượng quẻ khiêm, ngôi cao mà biết nhũn, thế là khiêm nhượng, ngôi tôn mà càng sáng tỏ vậy. Nếu không phải là bậc đức lớn thì ai mà được dự vào đấy. Điều ấy thần dân đều nghe biết đều kính mộ, mà thần hằng ngày nghe dạy dỗ, thần thấy được tốt đẹp, càng là mật thiết. Tình tha thiết như thế, nên sinh ra văn, không phải vì thiển lậu mà tự im lặng được. Kính chắp tay cúi đầu dâng bài tụng để biểu dương đức tốt của thánh từ được một phần trong muôn phần vậy.

Tụng rằng:

1- Trời yêu nước Đại Nam,
Thánh thần đời truyền nối,
Đã cho hoàng khảo ta,
Lên ngôi tôn nối dõi,

2- Lại tìm người phối hợp.
Mẹ ta đáng sánh đôi,
Không phải tự trời định
Ai thể sánh được Ngài,

3- Tất được nhiều phúc tốt,
Tất có lắm điều hay,
Đức cũ chứa để lại,
Rạng rỡ hẳn có ngày,

4- Tham xét điển lễ xưa
Lại vâng lời dặn lại,
Lời vàng ngọc rỡ ràng,
Biểu dương và khen ngợi,

Digitized by Google

5- Đức khôn nguyên chung đức,
Điềm trăng sáng vào lòng[1]
Sáng đỏ rọi sân trước[2]
Áo vàng vào nhà trong[3]

6- Chẳng phải thấy ngựa lớn[4]
Điềm hay đã báo rõ,
Chẳng phải bắn tranh công[5]
"Thị Khang" biển nêu rõ[6]

7- Trời phú cho đặc biệt,
Chất vàng ngọc ai bì,
Tự nhiên đúng khuôn dáng,
Son phấn chẳng cần chi,

8- Không thèm học nghề vặt,
Cần chi tập vá may,
Tính nhanh, sáng trời phú
Sách vở đọc hàng ngày.

9- Hiếu để lại hòa dịu,
Không hề ai khác lời,
Hầu nhà huyên kính cẩn,
Được lòng ngài thường vui,

10- Không nề khi đau yếu,
Hầu hạ liền ở bên,
Chăm việc, sẻo thịt vế[7]
Việc thường chi đáng khen,

11- Gặp khi người cháu trưởng,
Đông cung đáng lập lên,
Được hai cung yêu quý,
Cẩn thận việc kết duyên,

12- Tất tìm người đức tốt,
Nề nếp dòng danh giá,
Đạo kiền khôn làm mẫu
Hóa Quan thư giây ra[8]

---

(1) Hoàng hậu của Nguyên đế nhà Hán, khi có thai, chiêm bao thấy mặt trăng rơi vào lòng.

(2) Ỷ hoàng hậu nước Kim, khi mới sinh ra, có ánh sáng đỏ chiếu ở sân.

(3) Khi chưa sinh Lưu hoàng hậu, người nhà thường thấy hình như có người con gái mặc áo vàng vào trong buồng người mẹ nằm, rồi sinh ra hoàng hậu.

(4) Trường tôn hoàng hậu lấy Đường Thái Tông từ khi chưa làm vua, khi về thăm người nhà, người cậu là Cao Sĩ Liêm chiêm bao thấy có con ngựa lớn cao 2 trượng đứng ở ngoài cửa nhà hậu ở. Xem bói đoán là sau tất làm hậu phi.

(5) Đậu Thị (tức là hoàng hậu của Đường Cao Tổ sau này) khi còn bé có tướng lạ, người cha về tranh 2 con công, ai đến hỏi Đậu Thị thì người cha giao hẹn rằng: Ai bắn 2 cái tên trúng cả 2 mắt con công thì gả cho. Cao Tổ bắn 2 phát tên, trúng cả 2 mắt con công, bèn gả Đậu Thị cho.

(6) Cha sinh ra Ngô Thị (sau này là hoàng hậu của Tống Cao Tông) thường chiêm bao thấy đến 1 cái đình, có biển đề 2 chữ "Thị Khang" lấy làm lạ, sau Ngô Thị 14 tuổi được tuyển vào cung, làm phi của Khang Vương ứng vào 2 chữ "thị Khang" là hầu Khang Vương (lược biên chú thích chữ nhỏ trong sách).

(7) Con gái họ Hề xẻo thịt vế đùi để chữa bệnh mẹ. Minh đức hoàng hậu giỏi coi công việc nhà.

(8) Quan thư: một thơ trong Kinh Thi, nói về phong hóa của bà hậu phi nhà Chu.

Digitized by Google

13- Hiếu thảo nổi tiếng khen,
Rồi đồn đi rộng khắp,
Nương gần bóng thánh từ,
Khuôn mẫu được học tập,
14- Họ Bạc, họ Cao, Tào, (1)
Riêng quý người họ ngoại,
Sao bằng bậc toản nữ (2)
Chọn lọc dạy dỗ mãi,
15- Mười bốn tuổi kết duyên,
Hoa đào đương tươi thắm,
Xe loan đón rước về,
Tiệc hoa vui vẻ lắm,
16- Đều chúc câu vạn tuế,
Mong phồn thịnh muôn đời,
Lệnh Quang đương vừa độ (3)
Văn đức sớm sánh đôi (4)
17- Việc khăn lược chăm giữ,
Việc nghiên bút theo dõi,
Tiếng sắt cầm ăn nhịp,
Tiếng chuông trống hòa vui,
18-Không đoan chính dịu dàng,
Sao ân quan soi đến,
Không đức tốt tiếng hay,
Sao thân yêu quý mến,
19- Chẳng những bọn cơ thiếp,
Tình tào khang thế nào?
Mình làm nhiều việc tốt,
Sủng mệnh được dồi dào,
20- Chẳng cỏ huân, cỏ du,
Cúc chạm phượng chạm hoa(5)
Đến khi mười lăm tuổi,
Con gái liên sinh ra,
21- Chí thánh không để ý,
Mà hợp với cơ trời,
Chí đức không tư vị,
Vừa lòng cả mọi người,
22- Thơ giang dĩ không hối
Dây sắn nhờ bóng cây,
Mình sau nhường người trước,
Lòng thành thực vui vầy,
23- Không phải đi cầu khấn,
Không dẫm vết chân to (6)
Rất thành thực liêm chính
Trời ngầm ban phúc cho.

---

(1) Hoàng hậu của Hán Cảnh đế là con gái người có họ với Bạc thái hậu (hậu của Hán Văn Đế) Cao Thị là hoàng hậu của Tống Anh Tông, mẹ họ Tào là em gái của bà Từ thánh quan hiến, lúc bé nuôi ở trong cung.

(2) Toản nữ: lấy điển ở Kinh Thi, câu "Toản nữ suy Sân": nghĩa là duy có con gái nước Sân (tức là bà Thái Tự sinh ra Văn Vương nhà Chu) có thể nối được công việc người nội trợ như bà Thái Thân (mẹ sinh ra Vũ Vương nhà Chu).

(3) Nàng Đinh Lệnh Quang tuổi 14 lấy Lương Cao Tổ

(4) Văn Đức hoàng hậu 14 tuổi về làm dâu Đường Thái Tông (trích dịch chú thích chữ chua trong sách)

(5) Cúc áo chạm phượng chạm hoa đã nói ở trên.

(6) Vết chân to: bởi chữ "lý đế vũ mâu" ở Kinh Thi, nghĩa là dẫm vào vết chân to của trời. Bà Khương Nguyên đi cúng thần Cao Mô thấy có vết chân to, lấy chân mình ướm vào, rồi có thai sinh ra Hậu Tắc.

Digitized by Google

24- Thoa ngọc bói đã nghiệm[1]
Dấu son thần đem trình [2]
Đức cù lao khôn siết,
Dạ ghi tạc đinh ninh,
25- Chuyển động rồi có thai,
Sinh ra rồi chăm nuôi,
Lại vỗ về ôm ấp,
Lại yêu dấu trông coi,
26- Rồi nuôi cho lớn khôn,
Rồi dạy đọc sách vở,
Nào khuyên nhủ bảo ban
Biết suy sét ghi nhớ.
27- Lúc bé bị vận kiểm,
Gầy còm ốm liên miên,
Người thân tự săn sóc,
Bỏ ngủ ăn cũng quên,
28- Tuổi trẻ còn ngu lười,
Không khỏi có tội lỗi,
Thẹn không ôm gậy khóc[3]
Lại được người thương tới.

29- Cố nhiên cha dạy bảo,
Nhờ mẹ mới nên người
Khác gì bà Thái Nhâm,
Dạy từ khi có thai,
30- Cũng là do bản tính,
Không ham thích chơi bời,
Chỉ thích đọc sách vở
Xếp cạnh đọc làm vui,
31- Vả lại chí nhớ lâu,
Việc lớn nhỏ thuộc hết,
Dẫu xưa không chuyên chăm,
Lâu ngày thành hiểu biết,
32- Trải bao tháng ngày qua,
Không quên các việc cũ,
Hoàng khảo có hỏi đến,
Trả lời rất đầy đủ,
33- Ăn mặc chỉ dùng sẻn,
Vì thế nên đủ dùng,
Nữ công đã chăm chỉ,
Lại có lượng bao dung,
34- Nói năng có điều độ,
Mừng giận không lộ ra,
Nghiêm, nhưng không nghiệt ác,
Hiền, nhưng không xuề xòa,
35- Hàng năm buổi chầu mừng,
Lễ nghi đều thao thuộc,
Người ngoài xem kể chi,
Cũng khó mà bắt chước,

---

(1) Lý Thần Phi đi theo Tống Chân Tông lên đài xây cao, đánh rơi cái thoa ngọc, khi ấy Thần Phi đang có mang. Vua ngầm khấn rằng: Nếu cái thoa ngọc không gãy thì sinh con trai, khi nhặt thoa ấy dâng lên, thì thoa không gãy, sau quả nhiên đẻ ra Tống Nhân Tông.

(2) Việc mộng thấy thần đem trình tờ giấy có dấu đỏ, đã nói rõ ở trên.

(3) Thấy bố mẹ cầm gậy đánh không đau như trước, biết là bố mẹ suy yếu, ôm lấy gậy mà khóc.

Digitized by Google

36- Mụ già ngu sao biết,
Thân báo mộng không sai
Chỉ đáng cười một trận,
Biết rõ dễ mấy ai.

37- Hoàng khảo lên ngôi báu
Cung giai đứng hàng đầu,
Hai cung khéo chiều chuộng,
Kính thất[1] mình là dâu,

38- Chiều chuộng bà Chu Khương[2]
Khác gì bà Văn Mẫu [3]
Hầu hạ hết sức mình,
Thuần nhất nết càng hậu,

39-Khi Hoàng khảo đi chơi ngự,
Hầu bên cạnh không rời,
Làm việc không lúc rỗi,
Đồ quý giao trông coi,

40- Đầu tóc biếng khi chảy,
Nét mặt gầy sạm đen,
Đạo tòng và đạo thuận,
Việc phận sự không quên

41- Việc nấu nướng chăm lo,
Việc buồng the nghiêm cẩn,
Khuya sớm không biếng lười,
Răn bảo rất cẩn thận,

42- Ơn huệ chia đều nhau,
Giận mắng cũng dẹp hết,
Yêu riêng không phải thiên
Đức tốt không ai ghét,

43- Răn thần đừng chơi bời,
Dục thần thường hầu hỏi,
Cùng các con yêu khác,
Cũng đều răn dạy tới,

44- Chỉ vì nết mềm dịu,
Nên được lòng thương yêu,
Chỉ vì tính chăm chỉ,
Nên được bao vinh nhiêu,

45- Trong 7 năm thấm thoát,
Bốn sao [4] vị đứng trên,
Chỉ bảo không ngờ vực,
Đòi hỏi không gọi tên,

46- Bói thẻ lối hủ xưa [5]
Tìm gương tình nhớ cũ [6]
Đến lúc bệnh gần nguy,
"Nguyên phối" đã diện dụ [7]

47- Là thánh nên tinh thông,
Khiêm nhường vì có đức,
Tiếc chưa kịp tôn phong,
Trong lòng vẫn thắc mắc,

(1) Kính thất: nhà vua
(2) Chu Khương: tức bà Thái Khương, mẹ sinh ra Văn Vương nhà Chu
(3) Văn mẫu: tức bà Thái Tự, vợ Văn Vương nhà Chu
(4) Tượng trên trời, sau sao Thiên cực có 4 sao, sao thứ nhất là chính phi, còn 3 sao sau là thứ phi.
(5) Hán Thuận đế có 4 quý nhân, muốn lập 1 người làm hoàng hậu không biết chọn ai, bèn muốn bói thẻ để quyết định.
(6) Hán Tuyên đế còn làm hoàng tằng tôn, có lấy nàng Hứa Quảng Hán, đến khi lên ngôi, Quảng Hán làm Tiệp dư, các quan bàn lập hoàng hậu, bèn xuống chiếu tìm gương cũ ngày xưa, các quan biết ý, xin lập Tiệp dư làm hoàng hậu.
(7) Khi Thiệu Trị sắp chết, có diện dụ cho các quan rằng: quý phi là nguyên

Digitized by Google

48- Hầu bệnh hàng mấy tuần
Nghìn mối lo vấn vương,
Như quạ mất hồn vía,
Như sấm bên tai vang,
Sầu gồm cả Lỗ, Ngạc [1]
Lệ thấm như Anh, Hoàng [2]

49- Ngoài lo kẻ tuổi trẻ,
Ngôi báu không phải dễ,
Trong dạy các cung tần,
Chia cho đều ơn huệ,

50- Theo lời huấn răn bảo,
Trong nước được khang an,
Cung Trường lạc tiêu khiển,
Rất vui vẻ an nhàn,

51- Tôn quý nhất trong đời,
Phụng dưỡng cả thiên hạ,
Phụng dưỡng ngày thêm nhiều
Nhưng không thích gì cả,

52- Gương mẫu tốt càng nhiều,
Thích ăn chay không bỏ,
Hay nghe đọc kinh sử,
Đều thông hiểu tường tỏ,

53- Dạy bảo các con cháu,
Thêm trí tuệ tinh thông
Thuật lại công liệt trước,
Răn bảo kẻ ngu xung, [3]

54- Mở rộng công liệt xưa,
Lấy đạo trung làm gốc,
Khi tế tự công tư,
Dậy sớm để đôn đốc,

55- Lòng kính rất chân thành
Lễ vật rất ngon lành,
Đứng hầu không biết mỏi,
Cảm động đến thần minh,

56- Báo ơn nhớ nguồn gốc,
Không sót nơi gần xa,
Vui mệnh trời, yên phận,
Trước nước sau đến nhà.

57- Ưa trung trực liêm chính,
Ghét tham ô gian tà,
Lòng nhân thương kẻ khó,
Ghét du đãng xa hoa,

58- Việc dân sinh quốc kế,
Hỏi đến được ban khen,
Không can dự triều chính,
Gia pháp rất cần nghiêm,

59- Không dùng người họ ngoại,
Nữ tắc đã tinh sành,
Tiểu hầu trong 4 họ [4]
Kiểm thúc phải học hành.

---

phối của ngài, muốn lập hoàng hậu, nhưng chưa kịp.

(1) Hán Thư, Lỗ Nguyên công chúa là chị gái Huệ đế, Ngọc Ấp công chúa là chị gái Chiêu đế.

(2) Nga Hoàng, Nữ Anh là con gái vua Nghiêu, làm vợ vua Thuấn. Khi vua Thuấn đi tuần chết ở đất Chương ngô, Nga Hoàng, Nữ Anh theo đến sông Tương, lấy nước mắt vảy vào cây trúc, trúc đều có vết ngấn nước mắt.

(3) Ngu xung: Tự Đức tự nói mình là kẻ trẻ tuổi ngu dại.

(4) Đời Hán khoảng năm Vĩnh bình (niên hiệu của Hán Minh Đế) chuộng nho học, lập nhà học cho 4 họ ngoại là họ Phàn, họ Quách, họ Âm, họ

Digitized by Google

60- Cẩn thận sau như trước,
Khiêm nhường hưởng phúc trời,
Thừa hưởng nhiều sự tốt,
Sống lâu mãi trên đời,
61- Tuy vì ăn chay mãi,
Sức mắt có kém đi,
Ngôi tôn nhiều lo nghĩ,
No ấm có cần chi,
62- Trong lòng không lay động,
Thần khí không sút hao,
Nhờ phúc ấm để lại,
Khí sắc vẫn hồng hào,
63- Nay đến tuổi nhĩ thuận (60 tuổi)
Hơn xưa tuổi trí mệnh (50 tuổi),
Sau khí tuổi đã cao,
Càng thêm đức thuận chính,
Nào phải là ngẫu nhiên,
Thánh lại sánh với thánh,
64- Như mặt trời sáng lâu,
Như mặt trăng chiếu tỏ,
Như gió mát giải phiền,
Như đám mây rực rỡ,
65- Chén lá sen đưa thơm
Quạt lá quỳ mát mẻ,
Đào tiên, cây đại xuân (1)
Truyện hoang đường chi kể,
66- Ai không là con đỏ,
Dâng sưởi, tiến rau cần (2)
Ai không cha mẹ già,
Kính trên, tôn bề thân,
67- Tự nam cho chí bắc,
Xa đâu cũng cố đi,
Huống chi kẻ tuổi trẻ,
Mừng thọ biết lấy gì,
68- Thân đem các thần thiếp,
Chúc mừng hầu cơm bữa,
Rượu Vương mẫu kính dâng,
Áo sặc sỡ nhảy múa,
69- Chén chuốc nghiêng sao đẩu (3)
Tung hô ba tiếng vang (4)
Tiếng ca nhạc dìu dặt,
Vẻ áo mũ rỡ ràng,
70- Ngọc lụa lễ đủ hết,
Chuông trống tiếng vui thay,
Nào đúc vàng chạm ngọc,
Đức sáng muốn tỏ bày,

Mã, gọi là tiểu hầu 4 họ (trích dịch chú thích chữ nhỏ trong sách).

(1) Cây bàn đào của Vương Mẫu, 3.000 năm mới có quả. Cây đại xuân 8.000 năm là mùa xuân, 8.000 năm là mùa thu.

(2) Nước Tống có người điền phu, ra sưởi nắng thấy ấm, bảo vợ rằng: sưởi nắng ấm áp, mà không ai biết, ta tâu với vua, tất được thưởng. Ngày xưa có người ăn rau cần thấy ngon, muốn dâng lên vua.

(3) Điển này chưa rõ.

(4) Hán Vũ đế đi tế trời ở Họa Sơn, đến núi Tung Nhạc, lên trên ba ngọn núi, các quan lại, quân lính đều nghe thấy ở trong núi có tiếng hô vạn tuế 3 lần.

Digitized by Google

71- Nguyện vọng của thần tử,
Không hẹn mà hợp nhau,
Nhưng vì đức khiêm tốn,
Xin mãi đã được đâu,
72- Chưa khỏi lo việc nước,
Là tội thần bất tài,
Chất yếu ít thăm hỏi,
Là tội thần biếng lười,
73- Hai lần xin chưa nghe,
Rất thẹn và xấu hổ,
Chỉ vì tình văn này,
Là theo diễn lễ cổ,
74- Để ngài phải chiều theo,
Sao bằng nén thừa thuận,
Châm chước cho thích nghi,
Không phải là sẻn lận,
75- Tiết mục giảm bớt đi,
Lòng thành đủ dãi tỏ,
Việc vui tạm hoàn thành,
Ơn huệ khắp ban bố,
76- Càng lâu càng nhân từ,
Đức bao dung càng rõ,
Nguồn gốc tự người xưa
Cung Tràng thọ, Từ thọ [1]
77- Cung Gia thọ [2] nối tốt,
Ba vị thọ đều cao,
Đức nhà Chu đáng sánh,
Phép nhà Tống hủ sao [3]
78- Lấy gì để khen ngợi,
Khôn ví đức cao dầy,
Lấy gì để chúc tụng,
Trời giúp nhiều sự hay,
79- Duy lòng kẻ trẻ thơ,
Vừa mừng lại vừa sợ,
Xin học ông Lão Lai [4]
Luôn luôn lòng mến nhớ.
80- Ngày nào hay ngày ấy,
Nhờ ơn trời độ trì,
Việc không phải Lệnh Bá [5]
Mà tình giống như y,

---

(1) Tràng thọ là cung của Hiếu Khang hoàng hậu ở, vào khoảng năm Gia Long dựng lên; Từ thọ là cung của Thuận thiên Cao hoàng hậu ở vào khoảng năm Minh Mạng dựng lên (trích dịch chú thích ở sách này).

(2) Cung Gia thọ làm năm Tự Đức thứ 2, chỗ của Nghi thiên Chương hoàng hậu ở.

(3) Chưa rõ điển.

(4) Lão Lai tử người nước Sở thời Xuân thu, tính rất hiếu, tuổi đã 70, còn làm trò trẻ con đùa, mặc áo sặc sỡ nhảy múa, để cho cha mẹ vui.

(5) Lý Mật đời Tấn, tên tự là Lệnh Bá, lúc còn bé bị ốm, bà nội là họ Lưu thân tự chăn nuôi, sau Mật phụng dưỡng bà nội, nổi tiếng là có hiếu, được vua gọi ra làm chức Thái tử tẩy mã, sau Lưu thị tuổi già, Mật dâng sớ xin từ quan để về phụng dưỡng bà cho đến khi bà chết (trích dịch chú thích ở sách này.)

Digitized by Google

81- Tấm son không cùng tận,
Có trời đất xét soi,
Không dám quá xa vọng,
Mong nương bóng lâu dài,

82- Ngự sự không biết rõ,
Nữ sử khó tả ra,
Đức hay dám bỏ sót,
Chép thực bỏ chuyện ngoa,
Trâu Kỵ chi khen tới (1)
Trân Tư (2) dám đọ a.

Ngày hôm ấy múa tam giác ở sân cung, hát và diễn kịch, ngày hôm sau diễn kịch ở nhà Duyệt thị, hôm sau nữa ban ân chiếu cho trong kinh ngoài các tỉnh, mọi người đều vui mừng.

(1) Đời chiến quốc, Trâu Kỵ người đẹp, khi mặc áo mũ đại triều, soi vào gương rồi bảo vợ rằng: ta với Từ công ở thành bắc ai đẹp hơn? Vợ nói: Anh đẹp lắm, Từ Công sao bằng anh được. Đến hôm sau Từ Công đến chơi, Trâu Kỵ nhìn kỹ lại, tự cho là mình không đẹp bằng, soi vào gương lại thấy kém xa, rồi nói rằng: Vợ ta khen ta đẹp hơn Từ Công, là nịnh riêng ta.

(2) Đời Ngụy, Tào Thực (con Tào Tháo) phong làm Trần vương, thụy là Tư, hay thơ nhất ở đời.

Digitized by Google

QUYỂN 3

CÁC TRUYỆN HẬU PHI - MỤC THỨ III

Nghi thiên Chương hoàng hậu (tập hạ)

Năm Tự Đức 31, năm Mậu dần đại khánh tiết Dực tôn Anh hoàng đế 50 tuổi. Vâng hoàng hậu ban yến và cho các hạng gấm ngọc. Hoàng hậu dụ rằng: "Duy ta và con, cùng bệnh thương nhau, chỉ lo nhau ốm là việc trong nhà biết với nhau; chỉ lo nghĩ mà già, vui cùng thiên hạ quý trọng tuổi tác. Cứ 10 năm mới gặp một năm, nước có mừng to, lễ nên làm vậy; hợp muôn người cũng cùng một lý, người cùng tôn thân, tình hả thôi à. Thế là hợp muôn lòng để thờ đứng thân, thu năm phúc để ban thần thứ. May ra hòa bình được phúc, cùng nên miễn cưỡng mà làm. Còn việc tự trước không thích xa hoa, cũng cùng người chất phác. Của nhà có gì quý báu đủ tỏ lạ lùng; lễ mừng tuổi tác không phải tầm thường, há lại sơ lược? Ăn cho khỏe người, chưa tỏ lòng ta coi sóc; vật để tỏ ý, chính mong con được khang cường. Vả con ăn uống vốn ít, gầy còm thêm nhiều. Thịt thà vẫn sức làm tinh, sợ chưa ngon miệng; dưa muối cũng là tiện dụng, cốt được thêm cơm. Ngươi nên lĩnh lời thành thực, ta cũng tự cười quê mùa".

Vua vâng lời dụ và làm biểu tạ. Có câu rằng: Phúc cả nhờ được ơn thừa, Tri mạnh[1] đến nay chính thọ, trên muốn yên vui lòng mẹ, dưới thể tất thần dân. Châm chước thời nghi, bỏ bớt phù phí, làm thành điển vậy, con đâu có lòng khác. Tưởng nghĩ gia đình vùi bởi thiên tính. Chợt trân phẩm lại được mẹ cho. Lại có câu rằng: Lời hay lạy nhận, biến sắc kính vâng. Thủy lục hợp một mâm, thực là giàu có bốn biển. Chua

(1) Tri mạnh: Sách Luận Ngữ có câu "ngũ thập tri thiên mệnh" nghĩa là 50 tuổi biết mệnh trời. Tri mệnh tức là 50 tuổi.

Digitized by Google

mặn hòa năm vị, há chỉ quý đủ bát trân. Lại có câu rằng: Chỉ là vị muối nhuận tràng, khí rau mát ruột, vị ấy ngon lâu, hương ấy càng đậm. Thức ăn cần đến, dẫu sang cũng vẫn phải dùng; chất giữ đông, làm quan cũng nên biết đến. Con nhận bữa ăn thêm cơm, đúng như lời mẹ. Lại nhớ của báu trên chiếu, hình như ngọc bích trong tay. (Thơ Lưu Côn rằng: Trong tay có ngọc bích quý). Đá mài dĩa rũa, nhàn nhã có thể càng tính linh; (Quách phác tán ngọc rằng: Quân tử đeo ngọc, hình dung đức tốt, bỏ hết lòng tà. Sách thập Di ký nói tính ngọc ôn nhuận, đeo thì tính linh động) không mòn không đen, mà vết không cần gợi truyện. (Dương Văn Tôn cho Lý Huấn cái ngọc có ý bảo rằng: Cho người làm đầu mối câu truyện). Lại có câu rằng: Cửa vàng ráng tỏ, sắc chiếu cung hoa. Thềm ngọc sen khơi, sáng sinh ngự bút (Lý Quân Phòng nhà Đường làm phú văn cẩm rằng: Sắc đẹp ly kỳ, như sen nở ở thềm ngọc. Sắc vẻ sặc sỡ, như sáng soi vào cửa vàng). Triệu Muội dệt ra đẹp quá, làm cho phường dệt bỏ nghề; (sách hợp Di ký chép: Ngô vương Triệu phu nhân có tài tuyệt diệu, có thể dùng đầu ngón tay dệt thành gấm rồng mây, vậy mà trong cung cũng phải bỏ nghề dệt) y phục xứng với vua Tần, phải đợi thần thần may chế tạo, ân quang vô lường, thể tất không sót. Nuôi con là mẹ, dạy con cũng là mẹ, mẹ mà là thầy vậy. Sinh ra con là mẹ, biết con cũng là mẹ, mẹ là trời vậy. Còn lại các thứ khác đã biên ở trong sách "ngự chế văn tập".

Năm Tự Đức thứ 32. Kỹ mão, mùa hạ, tháng 5, gặp thánh thọ thất tuần đại khánh tiết. Vua thân đem quần thần đến cung Gia thọ dâng kim tiên biếu ngự soạn làm lễ khánh hạ. Bài biểu rằng: Đức dầy không bờ bến, ban sức sống thực là hàm chứa nguồn sáng to; lòng thành không dừng lại điểm tốt hợp lâu dài cao sáng. Bèn tự năm ngũ tuần chúc thọ, đến tuổi bảy mươi, ăn mừng. Hợp số trời đất, lại gặp đức vua thêm thịnh. Nhờ ân lớn tổ khảo, càng tỏ nhật linh hiển thụy.

Digitized by Google

Thực là phúc to của nước, cũng là việc tôn quý nhất xưa nay. Trộm nghĩ hưởng thọ có 3 điều, cũng phải lấy nhân làm gốc. Muốn được 4 việc ấy nếu không có đức lớn thì khó được. Duy có lòng Nghiêu Thuấn trọng nữ giới, mới hưởng thọ Kiều Tòng của thần tiên. Nhả hơi hút khí cần chi bí quyết hư truyền. Vui mừng thờ mẹ đã có điển chương sẵn đó. Giới phúc theo nghĩa kinh Dịch; thọ mẫu lại đọc kinh Thi. Cung Trường Ninh dâng thọ mà tính vui, cung Khôn Thành khánh hạ mà lễ đủ. Nhưng chưa bao giờ có liền năm quốc khánh, con năm mươi mà mẹ bảy mươi. Ban phúc ra ân, Nhà hiếu từ mà nước được nhờ lớn như ngày nay vậy. Bởi vì trọng tuổi già tự lòng người có sẵn; cho nên kính trọng mẹ cha; thì ai cũng như ai. Vượt biển trèo non, ai cùng lòng thành về đến cửa. Dâng rau phơi nắng đều đến Chúc hồ ở Đông triều. Hơn nữa con biết niềm vui tuổi tác càng sâu thì tình phép hạ sao đã. (do phép Hạ, sách Bách hổ thông nói rằng: Con nuôi cha mẹ dùng phép gì, dùng phép hạ trường mộc, hỏa ấy nuôi mẹ vậy).

Kính nghĩ thánh mẫu hoàng thái hậu bệ hạ chia ánh sáng hiền hậu, mở giao hoa quẻ khôn. Mộng nuốt ngọc tốt, báo điềm sinh con (mẹ hoàng hậu Tề cao đế là Hàn thị mộng nuốt ngọc mà sinh ra hoàng hậu). Thần treo châu báu mà chung đức lên. Dòng dõi Đào Đường chứa thiện nên cao rộng cửa nhà. (Tả truyện Tương công năm 24 Phạm Tuyên Tử nói rằng tổ tá tự đời Ngu về trước là họ Đào Cường, Tấn Chủ hạ minh là họ Phạm) Su Lỗ[1] là đất nho phong, giữ có lễ khác người cầm qua kích. Lúc vịn vẩy rồng, phụ cánh phượng, há tị hiềm mà không dự Vân đài. Khi vẽ con sâu múa mương thú, vâng cố mệnh từng dự ghế ngọc. Quách thị khiêm cung sao ví được, Bạc gia nhân thiện chả hơn gì. (Gọi là chư sinh vốn học tập có sẵn Đặng hoàng hậu nhà Hán chỉ ở sách vở không hỏi đến việc nhà. Bà mẹ thường chê rằng mày không

(1) Su. Lỗ: Su ấp nước Lỗ là nơi Khổng tử sinh quán.

Digitized by Google

làm việc nữ công, mà chỉ chăm học, chắc định đi thi bác sĩ à? Hoàng hậu nể lời mẹ ngày coi việc nhà, đêm học kinh điển. Người nhà gọi là chư sinh). Hiếu trước trăm nết, đức tốt tỏ ngời. Giao cung ân cần, cố gắng tuổi trẻ có chí nối đức tốt mẹ chồng; Giá báu êm đềm đón về. (Đường Cao tông Thái tử nạp phi thi "Bảo giá quy đan điện" nghĩa là xe loan rước về điện son). Bắt chim nhạn tặng nhau để làm cỗ hợp tác. (Đường thư tam tôn chư tử truyện chép: Thái tử kén cung phi, Hữu Ty tâu rằng: phải dẫn quà biếu, phải chông chim nhạn trắng. Vừa lúc đó gặp trong vườn bắt được, Cao Tông mừng nói: Nhà Hán bắt được nhạn để làm bài hát cho nhạc phủ. Nay có được nhạn trắng làm quà biếu cầu hôn. Hôn lễ là đầu nhân luân. Ta không thể bỏ được). Quy Muội quẻ tốt, không cứ mộng thấy ngựa to, Thị Khang điềm lành, khác gì mộng con dê trắng. Hoa đào tươi đẹp vui có lễ nghi; thư cưu vui hoa, riêng thành đôi lứa. Liền sinh con gái, thẳng đến vị cao. Rủ lòng thương hoạn nạn. (Người xưa, Hậu phu nhân tất có phép quản quần thiếp, lấy lễ chầu vua. Cho nên sách Nữ sử ghi: Ngày tháng nhận lấy, dùng ngọc để tiến, thoái. Ngày sinh con, thì rút vòng vàng về, khi đang ngự thì dâng vòng lên đeo ở tay trái, sau lại đeo ở tay phải. Việc không lớn nhỏ gì mà thành phép tắc). Những vàng bạc mà âm đức tai nghe; (Tùy, Đường, Quý sở kiêm truyện viết: Con nhiều âm đức. Sĩ Khiêm nói: Gọi là đức đâu chỉ phải là người chỉ nghe và đọc. Người không biết, nay có điều dạy bảo của ta, con ta đều biết thế nào là âm đức) chán rộng cầu tinh binh. Cầm soa ngọc mà tinh thần dạ thỏa. Cửa Nghiên mẫu nhiều tháng, khó nhọc hơn cả người hiền. Bọc Đồ Sơn nhiều năm, bú sớm không theo lâu tập. Mọi người không ghét, bóng cùng mộc tự đấy rườm rà. Tủi phận khác nhau lời tiểu tinh tự dậy im lặng. Bèn chăm giáo dục chỉ mong trưởng thành. Văn võ mong con tài, dạy dỗ như lúc qua sân cha bảo: sớm khuya khuyên con học nghiêm hơn rứt khung cửi người xưa. Thần nhân báo sẵn

Digitized by Google

trinh phù chỉ là cười nhạt, Thiên mệnh đã về đức tốt, lại càng thêm lo. Đến hào Kiền, lợi kiến đại nhân, theo đạo khôn càng sửa mọi nết. Bút son rõ ràng, giúp vị ngũ mà chính nhu nghi; ăn mặc nền nếp, đem sáu cung mà sửa nội chức. Khi ngự giá bắc tuần thờ mẹ giữ con, tóc mây thưa rụng. Lúc chầu hầu nam nội, hết lòng vui mẹ dạ ngọc hòa yên. Đêm khuya chưa ngủ người khó hay mà mình làm chả mỏi, việc cũ không quên, vua hỏi đến thì ứng đối được ngay. Dẫu tiêu phòng còn để trống đợi chờ; không đợi đúc tượng vàng; mà lan phòng gọi lên để hỏi. Cũng là tìm gươm cũ mà dùng. Cho nên dữ mệnh nói rõ là nguyên phối. Há chi khen là đức trùm cả hậu cung. Chọn hiền xét định tự lòng vua, thu phúc xuân, ban cho thần thứ. Cất đầu trông tới. Thương ngô, nghiệp vua coi trọng. Lệ rơi tương trúc, con mắt hơi mờ. Thương con nhỏ thơ ấu, sợ hãi như dòng vắng mông mênh tới vực sâu; nhớ tiên quân nhân minh phảng phất như nghe thấy lời, trông thấy bóng. Nuôi các con như mình đẻ ra; dạy các quan sợ lòng dân hiểm. Được mùa thì mừng, mất mùa thì lo, một tạnh, một mưa săn sóc chưa từng bỏ bẵng; việc lợi nên làm, việc tệ nên đổi. Ai hèn, ai tốt, xét bàn không chút sai lầm. Thân thuộc không riêng ai; chỉ cốt người cần người kiệm, Tế tự hết lòng kính, cốt là rất cẩn, rất thành. Phú tính vốn sẵn thuần hóa, chăm học không ham gì khác. Tự cung Trường thọ, cung Từ thọ đến cung Gia thọ kính trọng khi bản triều mẫu nghi rất chính, đức trọng tuổi tác đều tôn, Hán Đường Tống chưa đời nào được thế. Xét thơ Chu nam, thơ Thiệu nam đến sách Đại nam, xưa nay gia pháp nghiêm trọng, phong hóa quan hệ Duy Khương (Thái Khương) Nhâm (Thái Nhâm) Tự (Thái Tự) đủ làm phép cho đời. Đủ truyền trăm đời để noi theo, há chỉ ba cung cho đủ số. (Đường thư truyện Văn tôn hậu chép lúc bấy giờ Ý yên thái hậu ở cung Hưng khánh; Bảo lịch thái hậu ở Diên khánh cùng thái hậu ở đại nội gọi là 3 cung. Ngày 15 tháng giêng năm Khai thành, vua ngự điện

Digitized by Google

Hàm thái: treo đèn múa nhạc, cho đón 3 cung đến dâng rượu chúc thọ). Bởi thế trời soi đức tốt, cho hưởng tuổi tiên. Thế nhà góc biển chứa chất còn nhiều. Rừng thọ mộc mãi chẳng già (sách Thập di ký; chép nước Kỳ hiệp người thọ 300 tuổi, có rừng thọ mộc, một cây nghìn tầm, người ngồi ở dưới cây ấy; đều không ốm không chết). Vừa đến tuổi bảy mươi, vui chúc lời vạn chúc. Mùa hạ thì muôn loài vật đều tươi. Ngày ấy ban thưởng thì lúa tháng hè nuôi lớn. Vừa độ sao đông tỉnh, ứng vào luật di tân thì Hán Cao tổ sinh. Sau sinh nhật Hán Cao tổ 2 ngày, áo vàng vào cửa. Cũng ngày ấy giáng vua Bảo đức, một lúc tia sáng đầy sân.

(Sách Văn giám đời Tống chép: Trên đỉnh núi Phong Sơn có miếu Hán Cao tổ, tập tục ở đây cho ngày 19 tháng 5 là sinh nhật Cao tổ, xa gần đem cỗ rượu đến tế. Sách Nhật nguyệt kỷ đạo gia ngày xưa nói ngày 19 tháng 5 Bắc đẩu xuất du, Bảo đức chân quân giáng).

Chắc cùng trông trăng trong đàn bầu để xưng tụng.

(Sách Bắc tề chép: Vũ Thành hoàng hậu là con gái Hồ Diên, lúc mẹ có thai có người sư đi qua cửa nói rằng: nhà này, trong đàn bầu có mặt trăng rồi thì sinh ra hoàng hậu). Há Chỉ coi bóng mây trên chỗ nằm mà chúc mừng (sách Nam sử chép truyện Hậu phi, nhà Tề Cao chiêu Lưu hậu chỗ nằm không có lọng cánh che ở trên, người nhà rình xem thường thấy ở trên ấp ánh như hơi mây). Nối dấu ông vạn phần không kịp, tôi đã biết rồi. Noi điển cũ lâu đời không sai, lễ nào để thiếu. Nhưng mà Thánh mẫu tiết kiệm, lại còn khiêm cung. Nghĩ rằng thiên hạ chưa thái bình, lòng ta vui gì. Lại trong nước chưa về nhất thống, trách ta khó chối. Đã xin mãi khó trái dư tình, tạm theo tiết kiệm. Mà bản ý không phiền nhiều việc, mong sớm hoàn thành. Ghi nhớ lời hay, dám sai phép tốt. Bấy giờ mới dàn hoa chỉ đặt một hai cái, để ban yến cho tả hữu công khanh; chén ngọc thân dâng hai ba tuần,

Digitized by Google

tự đem cả nội ngoại thần thiếp. Mưa mai (sách Tỳ nhã nói: Giang Nam, tháng 3 là mưa đón mai, tháng 5 mưa là tống mai) thấm mà chiếu hoa êm. Mây đông che mà thềm ngọc nát. (Sách Hoài nam tử nói: Cây vông thành mây, là nói hơi cây vông bay lên có thể thành mây). Hàn phong chả (sách Vân tiên tập ký chép: Phòng thọ tháng 6 mời thánh đến bửa quả liễu làm chén, dã hoa sen làm rượu, hòa sữa dê làm hàn phong chả) để giúp thành hòa, Thái tinh bôn (chưa biết là cái gì) để cùng ngon ngọt. Rượu hút cành sen, ao thái dịch đầy hoa quân tử (sách Dậu dương tạp chở chép: phía bắc Lịch thành có rừng Sử quân, trong năm Chính thủy đời Ngụy, Trịnh Công Sao khoảng tam phục đem tân khách đến tránh nắng ở đấy. Lấy lá sen to để lên trên nắp nghiên rót 3 thùng rượu vào, dùi lá sen cho rượu thông xuống cuống sen, vắt cong cái cành sen ấy lên, cắt lượt nhau hút rượu để uống gọi là uống rượu cần sen mùi rượu hơi sen thơm mát) áo dùng bạch trữ, (văn Huy Minh thơ tháng 5 có câu: trai gái mới hay áo bạch trữ, bạch trữ là một thứ vải mát) trên bắc đường đối cỏ nghi nam (Phong thổ ký, cây hoa huyên gọi là cỏ nghi nam, đàn bà có thai đeo cỏ ấy thì đẻ con trai). Một khúc phụ tài gảy đàn, gió nồm đến mà không phải hát thương ca. (sách Thập di ký chép: Linh đế cứ đến mùa nực cho hát bài Chiêu thương thì khí mát đến ngay). Năm tơ trường mạnh hoàn thành: bóng ngày dài chính là điềm mối thọ (sách kinh ở Tứ thời ký chép: ngày 5 tháng 5, lấy tơ 5 sắc buộc vào cánh tay gọi là trường mạnh lũ, là dây trường thọ. Lại Liêu sử Lễ chí chép, ngày trùng ngũ vua ban cho dây trường thọ) Dẫu không có bích ngâu, băng đảo, giao lê, hoa táo là các thứ thần tiên kỳ dị của 10 châu. Và cũng không có tùy châu, hòa bích, thục cẩm, dao tiêu là các thứ trân dị tìm từ trong 4 biển. Nhưng mà năm mươi tuổi mến cha mẹ, lòng xích tử ân cần; hợp một nhà chúc thọ khang vui thiên luân khẩn trí.

Và tôi bày việc chúc phúc không những tỏ trí tình, còn

Digitized by Google

là trên thể tất. Nghĩa hoàng khảo ngày xưa giáo hiếu; dưới để khuyên thần dân làm con phụng sự mẹ cha. Nếu đem hết cả thứ cống hiến của ba mươi lăm địa phương để nuôi mẹ, cũng chưa phụ lòng. Dẫu đem bày văn từ hơn nghìn vạn câu để phô trương cũng chưa tỏ đức. Bởi thế không quý vật lạ. Chỉ hết lòng thành, tỏ bày trung khúc, mong được tươi cười. Cúi mong 3 điều ước đều ứng. Muôn sự đều nên, nhân hậu truyền cho con cháu, mỹ lợi đến cả xã tắc. May ra đáp được lòng hoàng khảo phó thác, ơn thánh mẫu dạy nuôi. Năm mươi, sáu mươi, bảy mươi, tám mươi, chín mười mươi, cứ 10 năm 1 tiết chúc mừng, sống mãi đến vạn nghìn tuổi. Phải nhân, phải kính, phải hiếu, phải từ, lại phải tín, lấy một điều thiện làm thầy ngự trị, hưởng quốc hơn tám trăm năm". Lễ chúc thọ xong, ban ân chiếu cho trong ngoài.

Thái hậu từ khi đến ở cung Gia Thọ về sau, dẫu quý nhất trong cõi dùng của thiên hạ để nuôi, mà tự phụng kiệm ước tất cả các thứ ăn mặc đồ dùng đều mộc mạc không khác khi trước. Thường nói rằng, tự xét không làm gì có ích nhà nước nữa, lại tự phụng xa xỉ, cho nên phàm việc tiết kiệm để dùng mà thôi, không dám xa phí. Còn như lệ tiến sáp vàng vào cung để dùng, Hậu cũng cho đốt hà tiện, thành ra sáp thừa nhiều. Cho đem về kho chứa lại. Vậy dụ rằng: Còn nhớ lúc nhỏ gia tư chưa thừa thãi, đầu thấp đèn không đủ suốt đêm. Nay nhờ trời, nhờ tổ giàu có 4 biển, một tơ một hạt đều là máu mỡ của dân. Nếu lãng phí đã không ích mà lại có đáng tiếc, sao bằng lưu để nhà nước dùng. Hậu lại nói rằng, những lụa màu, gấm đoạn châu ngọc tự trước tiến lên, đều giao cho chứa vào kho chưa từng dùng đến. Bởi vì tính ta không thích hoa lệ, không là sẻn tiếc đâu. Vua vào trong cung, thấy đồ ngự dụng có quạt giấy nan tre và bát ăn cơm lâu ngày hơi rách, rạn vỡ, sai người hầu đổi dùng cái khác, Hậu không cho đổi. Lại có cái túi đựng hạt thủy tinh xoa mất đã cũ, xin đổi cái túi mới khác. Hậu dụ rằng: Cái hạt thủy

Digitized by Google

tinh xoa mất chỉ hơi mát mà thôi, không công hiệu lắm. Nếu đổi cái mới để lâu nó cũng cũ đi bất nhược cứ để cái cũ hà tất đổi. Những sự kiệm ước đại loại như thế.

Vua thường thong dong chầu mẹ. Mẹ nhân bàn đến công đức liệt thánh tiên triều và việc làm lời nói trước để dạy bảo: Việc gì cũng nên trung hậu, không lấy mới coi hơn cũ. Cho vua nghe công đức trước để rộng chí nối noi. Về việc hiếu phụng tôn miếu, thì gặp ngày kỵ, ngày đản tất dự biện quả tốt cỗ to để tiến. Trước kỳ tắm gội sạch sẽ. Đến đêm dặn người hầu báo biết thì giờ đợi đến sáng đi lễ, đứng chầu bên cạnh bàn thờ như lệ thờ cha mẹ khi sống. Lễ xong mới về. Và ngày giỗ điện Long An (thờ Hiến tổ) chưa từng chả sụt sùi giỏ nước mắt. Người tả hữu đứng hầu cũng động lòng. Đến việc tế riêng ở gia miếu, các phẩm vật đều dự biện tốt sạch. Nhà thờ họ ngoại là họ Phạm văn, điển lễ cũng thế. Về việc nghĩ xa báo gốc tốt lắm. Lúc ngày thường hậu xem sách làm vui, để dạy các em trai, em gái. Những hoàng thân, công chúa, cung nhân tiên triều ai túng thiếu thì đều ban cho. Nhưng tính thường ghét xa xỉ, chuộng kiệm ước. Vua tâu nói: Hoàng thân công chúa nhiều xa đăng kêu xin, phủ Tôn nhân thường nói. Vậy hậu dụ rằng: Đấy bởi không biết tiết kiệm mới thiếu. Nếu kiệm được một phần thì ích một phần. Bởi bổng lộc đủ chi dùng, liệu thu mà chi, tùy thời thừa thiếu. Nhà cớ thế nào tiêu thế ấy, làm gì đến thiếu thốn thất thể. Mà làm quen thói xa xỉ, dẫu của nhà đã thiếu mà còn lãng phí muốn cho đầy đủ, bèn đi vay mượn để tiêu cho sướng trước mắt, đã mắc nợ rồi thì lãi đẻ ra không bao giờ trả xong, làm sao chả thiếu. Dẫu ban cho mãi mà không biết tiết kiệm cũng không đủ được, chỉ làm sinh ra cái tệ kiêu hãnh ngang trái mà thôi, thực là chỗ khó xử. Hậu lại nói rằng: Thường thấy có người cậy giàu hủy hoại của trời, xa phí phi lễ. Thậm chí dùng nhiều thâm, người ta đội khăn đem may làm quần mặc, như thế sao chả tổn phúc mà thêm họa. Liền thấy người

Digitized by Google

ấy bại sản, nhục thân cùng khốn quá lắm, đáng làm răn cho người đời. Lại công chúa thứ 9 nhân nghe bị bệnh lên đậu, hậu thương, cho 2 lạng vàng lại còn xin thêm. Hậu dụ rằng: Thấy nghèo cũng thương, nhưng xa xỉ lại ghét. Người bổng lộc cũng như người khác mà không cần kiệm, chuyên xa xỉ thì sao đủ được. Dẫu ban cho mãi cũng không sao được. Vả hoàng thân công chúa rất nhiều, có lẽ hậu bạc khác nhau à? Cho nên chỉ cho thế. (Lệ cho 2 lạng vàng) Hậu từ ái mà nghiêm như thế.

Hậu thường ngăn họ ngoại không cho thỉnh thác. Có người không chăm học, cầu làm thị vệ. Hậu nghe thấy bảo rằng: người trọng thích lý, không lo không hiển đạt, chỉ sợ không có tài. Cho nên đã ưu cấp tiền gạo làm nhà cửa, khiến cho chuyên tâm học tập may đỗ được làm nổi tiếng nhà. Không ngờ chỉ như cây gỗ mục không đục chạm được, lười việc tu tiến, chỉ đi cầu cạnh, phụ ý tác thành. Và chân thị vệ phải có chức vụ, vô cớ há nên lạm bổ. Hơn nữa thích lý nếu được bổ quan cũng chỉ vâng chầu hầu mà thôi, há được tự nhưng cất cho đi tòng chính dự sự à! Nếu theo lời xin thì những người trong thích lý ai cũng cho làm quan à? Thực là trái ý thân già này. Có người tố cáo người thích lý tư nhũng, việc đến tai. Hậu bảo vua rằng: Người thích lý vốn không công trạng gì, chỉ nhờ gia ấm, bổ được quan chức. Nên cần giữ pháp độ để giữ gia ấm, mà lại làm bậy ngoài pháp luật khả ố. Vua cho triệu người ấy đến kinh răn bảo, để răn về sau mà tỏ công đạo.

Hậu tính muốn xem sử. Vua đem sử đọc, hậu nghiêng tai nghe. Và hậu dụ rằng: Người tất học mới biết điều thiện, điều ác, điều thiện làm gương, điều ác làm răn, mới hay biến hóa khí chất mà không làm bậy. Cho nên nói rằng "nhân bất học, bất tri đạo". Một ngày vua đọc sử đến câu: người vàng giáng 3 cái vào miệng. Khắc ở sau lưng rằng "cổ chi thận

Digitized by Google

ngôn nhân dã" vậy hậu dụ rằng: Đích thực vậy lời nói không thể không cẩn thận. Ra một lời nói mà người nhờ ơn, ra một lời nói mà người ta bị họa và ân oán thành bại đều do ở đấy. Cho nên kinh Thi nói rằng: Vết ngọc bạch khuê còn mài đi được, lời nói có vết không sửa chữa được. Thực thế. Đọc đến chỗ vua Tề, vua Ngụy hỏi nhau có của báu gì không. Về câu nói được 4 tôi giỏi quý gấp mười châu báu. Cho nên nói rằng: Quý báu chỉ là người hiền, thực thế. Đọc đến chính sự đời Tần. Hậu dụ rằng: Nhà Tần chuyên dụng hình pháp, không làm nhân đức. Lại giết Phù Tô, Mông Điềm. Tin dùng Triệu Cao, Lý Tư cho nên không được lâu dài. Xem như thế thì biết dựng nước phải chuộng nhân nghĩa mới có thể lâu xa được. Lại nói rằng: Tội Cao Tư giết chết vạn lần không đủ che tội. Đọc Hán sử đến truyện Hàn Tín. Hậu nói rằng: Hàn Tín dụng binh như thần, đi đến đâu đều được, chỉ phải cái dinh quân không cẩn, tướng lệnh không nghiêm, cho nên Hán Cao 2 lần vào trong dinh quân, cướp ấn tướng, đổi đặt quân. Như thế nếu người địch vào được há chả hỏng việc à? Lại phòng thân không rõ ràng, ăn nói bất tất, đến bị giết tróc, thực đáng tiếc. Há có phải khôn việc ấy mà không khôn việc này ư? Đọc đến việc Lã Hậu đòi Triệu Vương, Chu Xương không cho. Hậu nói rằng, Chu Xương nguyên là người can đối thái tử, nay cho làm Triệu tướng cũng mong hết chức mà thôi, người đời xưa trung trực đáng làm phép ấy như thế. Đọc đến truyện Lã Hậu, thì chê cười. Đọc bài trị an sách của Giả Nghị, hậu nói rằng: Nghị tuổi trẻ mà văn học như thế có thể gọi là người tài cao. Ngày ấy sự thế nguy nan, phong tục xỉ mị mà người khác không dám nói, Nghị dám nói có thể gọi là trung với nhà Hán vậy, đem ra thi hành cũng được thịnh trị, tiếc Hán Văn không dùng được. Lại khen rằng văn Giả Nghị rất hay. Đọc đến truyện Hán Văn Đế, bảo rằng: Hán Văn Đế kiệm ước cung huệ các đức tốt đủ cả, đời sau ít người kịp. Đọc bài đối sách của Đổng Trọng Thư, đến câu: nối đời

Digitized by Google

trị thì đạo giống nhau, nối đời loạn thì thay đổi đi. Hậu nói rằng: Hán nối sau nhà Tần, phong tục xỉ bạc thế là nối đời loạn, làm chính trị sao khả dĩ không biến đạo ấy đi. Lại nói rằng: Hán Vũ đế trinh phạt thần, tiến tụ hiềm, công tác bời bời lắm việc, cái gì cũng làm, tai dị cũng nhiều mà dân không tán loạn, chỉ vì năm cuối biết hối quá thôi. Thực lực hơn người nhiều, phúc thịnh cũng hơn người nhiều. Còn Tần Thủy Hoàng thì tự ý làm càn, không biết hối ngộ, cho nên rồi bại hoại là phải. Nói tóm lại thì Vũ đế đắc thất tham bán (nửa đắc nửa thất), Tần Thủy Hoàng có thất mà không đắc. Đọc đến việc Hán Nguyên đế hủy miếu lại lập miếu. Hậu nói rằng: Các miếu ở quận quốc không nên để không nhiều sở, hủy đi cho bớt lao phí là phải. Đến như miếu ở kinh đô đã thành, vừa hủy đi, lại làm lại, thành sự thể gì. Lại nói rằng: Các vua đời Hán đều nhân gặp một điềm dở, một điềm hay thường thường đổi niên hiệu cho nên một đời vua mà đến 7, 8 niên hiệu, thực là phiền tạp không bằng trước sau một niên hiệu để biết ở ngôi dài, vắn. Hơn nữa điềm dở, điềm hay đều nhờ trời, đổi niên hiệu có ích gì. Lại nói rằng đời Hoàn đế Linh đế, hiền giả rất nhiều mà không biết dùng, lại dùng lũ hoạn quan chuyên quyền dâng độc, đến nỗi nhà Hán mất ngôi vua. Nếu biết dùng người hiền thì làm vua còn được lâu dài chưa biết đến đâu. Đọc đến việc Đảng cố thì hậu nói rằng: Trương Kiệm trốn đi để lụy nhiều người, không bằng Phạm Bàng đem thân đến ngục là khẳng khái hơn. Đọc đến truyện Triệu Bao trước vì nước đánh giặc, sau theo mẹ mà chết, Hậu nói rằng: Như thế thì trung hiếu được cả vậy. Hậu lại nói rằng Hà Tiến, Viên Thiệu đều rất vô mưu, sao không từ từ liệu mưu giết lũ hoạn quan mà triệu ngay ngoại binh, cho Đổng Trác sinh loạn có ích gì đâu. Sau Viên Thiệu lại làm minh chủ, đem quân các đạo đánh Đổng Trác, cùng không hay quyết sách tiến đánh, chỉ ngồi ăn mà thôi, thực không có lòng vì nhà vua, đều là lũ hèn mạt. Lũ Lưu Yên, Lưu Biểu đều là

Digitized by Google

tôn thất nhà Hán cũng không ra sức đánh giặc, lòng nó làm sao thế. Hậu lại nói rằng, Hiến đế không phải là vua ngu tối, chỉ vì đại quyền đã mất chỉ giữ ngôi không, cho nên không làm gì được. Và lúc ấy các người hiền đã mắc cả cái họa đảng cố, không còn ai để giúp vua. Nếu được sót mấy người để giúp vua thì ngôi vua nhà Hán chưa mất. Hậu lại nói rằng: Viên Thiệu, Viên Thuật đều ngu, mà Thiệu lại ngu quá. Nếu nghe lời Thư Thụ trước đón Hiến đế thì quyền lực cũng đủ làm xong việc. Tào Tháo làm gì được. Lại nói rằng, Thục thất sách ở việc đánh Ngô, nhân Quan Công thất lợi. Lưu tiên chủ lo nghĩ không thôi, lòng cấp trí mê cho nên mới thế. Nếu Thục cùng Ngô liên hoàn đánh Tào Tháo thì nghiệp có thể phục hưng vậy. Lại nói rằng, Thục Hán nhờ có Khổng Minh cho nên hay chia thiên hạ thành vạc 3 chân. Tự lúc Khổng Minh mất, thì Hán chủ cùng lũ Tưởng Uyển làm gì được. Khổng Minh cũng biết vận nhà Hán không thể phục hưng, chỉ hết đạo làm tôi mà thôi.

Bàn đến các vua nhà Tấn, thì Hậu bảo: Nhà Tấn suy hại vì Huệ đế ở ngôi lâu ngày mà lời phải việc hay, văng vẳng không nghe. Đến như Hoài đế Mẫn đế ở ngôi ít ngày mà lời nói, việc làm còn đáng khen nhưng nhân sự thế đã hỏng, không làm thế nào được. Các phương trấn bấy giờ đều cầm quân tự giữ không ai có lòng siêng năng việc vua. Thực đáng giận.

Lại nói rằng Ôn Kiệu hình như hơn Đào Khản, Khản nhân giận riêng đóng quân không tiến còn có chỗ kém. Đến như Hà Sung cử Hàn Ôn là việc cử lầm người bậy, gây nên mối loạn. Lại nói rằng, lúc ấy Tấn ở thiên về một góc thế đã suy nhược. Lại có quyền thần nhiều lần làm nội loạn thì khôi phục làm sao được.

Hậu đọc sử trên từ Chiến quốc, dưới đến Tấn Ngụy Lương Trần Tùy Đường Tống, khoảng ấy trên dưới vài nghìn trăm

Digitized by Google

năm, lời bàn có đến hơn vài trăm câu, đều vạch rõ cơ vi hiển biệt tà chính. Viện dẫn đích xác có căn cứ, bàn bạc không tầm thường đâu.

Lại bàn việc học rằng: Các việc trăm nghề nếu có rất khó cũng có thể để chậm năm tháng tập mà làm được. Còn việc học thì rộng dài sâu xa, càng học càng tốt. Được tấc giữ tấc, được thước giữ thước, nhiều nhiều càng hay, dẫu đến già cũng không hết được, thực là việc rất khó.

Hậu thường hỏi đến quan lại đắc thất, bảo vua rằng: Làm chính trị cốt được người giỏi, được người giỏi thì đều tôn chức, dân đều yên nghiệp. Nay triều đình ân trạch nhiều lần ban xuống mà sự đau khổ của dân vẫn thường nghe thấy, há chả phải lũ quan lại tham nhũng làm nên à! Nếu quan được người khá thì nhà nước không lo gì nữa. Lại nói rằng: Quan chức dẫu có lớn, nhỏ khác nhau, mà hay, hèn thì không cứ lớn nhỏ. Huyện dẫu là nhỏ mà được một người công chính cai trị thì ân uy cũng đủ xong việc. Dùng người há chả nên cẩn thận à! Mỗi khi nghe nói quan lại tư tệ, bèn than rằng: Cửa vua xa vạn dặm, tham lam thành thói quen, việc đến tai vua vạn không được một, thế mà muốn thời vụ thuận hòa, mùa màng tốt tươi, dân yên trộm cướp hết, sao có thể được à? Lại nói rằng, làm quan dẫu phúc có hậu bạc; tài có lớn nhỏ khác nhiều, mà phúc mạnh tài đức đều cân đối với nhau, há có thể kiêu hãnh cầu cạnh được. Nếu ai tìm cách để cầu mà mạnh, phận chưa hợp rồi tất nhân cớ khác mà hỏng thôi. Những người cầu cạnh há chả nên răn à?

Vua thường khen Vũ Trọng Bình thanh liêm, Nguyễn Tri Phương công trung cần cán không từ khó nhọc. Hậu dụ rằng: Nếu được nhiều người như thế bổ đi mỗi tỉnh một người, thì việc nhà nước, đời sống của dân bổ ích nhiều, ta không phải lo, sớm tối chưa ăn nữa. Hận một nỗi người tham rất nhiều, cướp bóc dân không chán sao chúng không biết hối răn?

Digitized by Google

Lại nói rằng: Xưa nay quan lại dung một chữ "tham" chưa bỏ được, hại chính mọt dân chả gì tệ hơn. Nghe có người cầu bổ quan ngoài, lấy cho đầy túi đem về, không biết bao nhiêu, ấy chả phải lấy của dân là gì. Nhưng của bất nghĩa cũng không ở lâu, chả đến vài đời mà đã hết sạch, con cháu cùng khó thiên hạ chê cười. Sao bằng làm nhân nghĩa để ân trạch được lâu dài à? Hậu dạy bảo nghiêm đại loại như thế. Hậu dẫu ở thâm cung, thường lo dân sinh tật khổ. Nghe một phương có giặc hoặc có tai họa gì, thì đau đáu không vui. Thời thường hỏi việc nhà nông có tiện lợi không, hạn thì cầu mưa, lụt thì cầu tạnh, lòng lo dân chưa từng quên. Mỗi khi nghe thấy ngoài biên báo có giặc thì than rằng nhà nước nuôi quân trăm năm đến lúc dùng đến sao không có một người nào ra để cáng đáng việc ngoài biên. Và quan khoa mục xuất thân cũng nhiều, người ấy thường ngày không làm phúc cho dân, gặp việc không hay thắng giặc, thì học những việc gì. Lại thường hỏi đến việc giặc cướp Bắc kỳ. Đến lúc nghe tin giặc Phượng bị bắt, vui mừng lắm. Dụ rằng: Nay nhờ ơn trời vận nước dân dân lại thịnh. Đảng ấy đã dẹp yên. Sẽ thấy Gia Định trở vào Nam cũng đều lần lượt thu phục, lòng mới yên. Hậu tính quí sinh vật, thường răn vua bớt việc săn bắn. Những chim dâng vào có con bị thương nhẹ bèn sai lấy thuốc chữa cho chim. Chỗ ở cung Gia Thọ trên thềm hiên đông có đàn kiến họp ở đấy để tránh mưa, người hầu quét không hết kiến, muốn lấy nước sôi dội vào. Hậu trông thấy lập tức bắt đình chỉ. Hậu bảo kiến rằng đàn kiến đi ngay, kẻo bị dội nước sôi, kiến lập tức đem nhau đi hết. Lòng nhân cảm động đến vật như thế. Còn các việc khác đã chép ở sách Tư huấn lục.

Năm Tự Đức thứ 36, mùa hạ tháng 6, Dực tôn Anh hoàng đế lên chầu trời, cho cung tôn Huệ hoàng đế nối ngôi. Di chiếu tấn tôn hậu làm Từ dụ Thái hoàng thái hậu. Tờ chiếu có câu rằng: trẫm có một mẹ một con, bình sinh dựa nhau, nay trẫm không được tống chung là trẫm bất hiếu lớn.

Digitized by Google

Ngươi nên khéo thờ cốt cho được lòng, ngày càng khang ninh, cẩn thận lúc cuối cùng cho tốt. Đến sau xuất đế nối ngôi, lấy năm sau là năm Ất dậu làm Hàm Nghi nguyên niên. Mùa xuân, tháng 3, làm lễ tấn tôn. Trước các quan vâng di chiếu nhiều lần xin dâng tôn hiệu, hậu không nghe, mùa đông năm ngoái lại nhắc lại lời xin trước, vâng ý chỉ chuẩn cho đến mùa xuân năm ấy cử hành lễ tấn tôn. Hậu dụ rằng: Ngày nay của kho so với trước sụt nhiều, mọi việc đều nên xét kỹ cho hợp thời nghi. Đến bấy giờ sai quan kính cáo. Đến ngày, vua thân đem các quan đến cung Gia Thọ kính dâng sách vàng, ấn vàng tấn tôn huy hiệu là Từ Dụ thái hoàng thái hậu. Sách văn rằng: "Thành vật chỉ quẻ khôn đức thực hợp chở nặng. Kế chỉ là cháu hiếu lễ to là tôn sùng. Bởi vì rất dày sánh với rất cao, mà đại danh về người đại đức. Cung Khánh Thọ thờ bà Quang Hiến, thịnh điển đáng soi, cung Bảo từ tôn bà Tuyên nhân long nghi thêm sáng, mây ráng vẻ tươi, cõi biển ánh sáng. Kính nghĩ hoàng tổ mẫu thái hoàng thái hậu bệ hạ, giữ thuận theo trời, cầm tốt ứng đất. Giúp Hoàng tổ 7 năm nối trị, sánh Thương Săn (bà Hữu Săn đời Thương) Chu Tự (bà Thái tự đời Chu) mà sáng thêm. Vâng tiên hoàng một lòng hiếu thành, đem của 4 biển 9 châu mà phụng dưỡng. Bà sáu năm mẫu nghi cả chính, sao bảo vụ sáng khắp chín tầng trời. Ức vạn năm phúc trời hưởng lâu, tiệc tiên đào đã ba lần chúc thọ. Phúc đức để cho con cháu, lợi trạch đến cả bang gia. Tôi lâu đội ơn to, kính theo chí trước. Hoàng khảo không quên hiệu, nhớ mãi lời dặn ở trước ghế ngọc: tiểu tử chưa biết gì chỉ biết chăm việc tôn phụng dao cung phát huy đức tốt, bèn xét điển chương. Nay kính vâng di chiếu chọn ngày tốt, xin phép miếu điện ban thờ, thân đem Tôn nhân phủ, văn võ thần công, kính dâng sách vàng, ấn vàng, kính dâng huy hiệu là Từ Dụ thái hoàng thái hậu. Cúi mong nhận lấy tên to, ngày thêm phúc cả. Đức tốt vẫn hưởng phúc lành, thỏa lòng vạn phương yêu kính. Sống lâu để giúp con cháu, yên hồn chín

Digitized by Google

miếu di truyền". Làm lễ xong, ban ân chiếu cho trong ngoài.

Chiếu rằng: "Trẫm nghĩ thánh nhân chế lễ từ cha lên trên đến tổ; vương gia ban phúc, từ nhà mà sau kịp đến nước. Bởi vì hợp kính đồng tôn để hợp lòng ức triệu mà làm phúc, ban ơn, để dạy hiếu thần dân. Kính nghĩ Hoàng tổ mẫu Từ Dụ thái hoàng thái hậu bệ hạ, thuận đạo kiền đức tốt, như mặt trời độ thường. Phúc khánh đến cả nước nhà. Lợi trạch kịp đến xã tắc. Hào lục ngũ nguyên cát, giúp đạo kiền để thành công. Năm tám nghìn làm xuân, mừng khang cường càng tiến phúc. Vâng Dực tôn Anh hoàng đế ta, kính mến mẹ như vua Thuấn, chầu hầu mẹ như vua Văn. Chăm hiếu phụng trong ba mươi sáu năm, làm tiêu chuẩn cho nghìn muôn thuở. Di mệnh sáng ngời, đủ nghi văn tôn sùng biểu hiện; tên tốt chói rọi, tỏ đức cả quang đại hàm hoàng. Trẫm lễ đúng chỗ chôn ngọc, chỉ cốt nối noi; kính vâng bà ngậm đường, lòng chăm yêu mến. Vừa rồi tuân theo di chiếu bèn xét điển chương. Khẩn xin hai ba lần mới được nghe cho. Đã xin phép miếu điện, chọn ngày tốt, lấy ngày mồng 3 tháng ấy, thân đem các quan dâng sách vàng, ấn vàng làm lễ tấn tôn, để tỏ đức tốt và báo ơn to. Đại đức tất được đại danh chính hợp nghĩa tôn tân. Hiếu tâm đem làm hiệu trị, bèn ban ơn lồng lộng. Than ôi, yêu người thân kính người tôn, ta một người mong nối chí tiền nhân; che như trời, chở như đất, người muôn họ cùng đội ơn vương mẫu.

Mùa hạ, tháng 5, kinh thành có việc, vâng từ giá (xe Tự Dụ thái hậu) ra trú ở Khiêm cung tạm tránh. Đại thần Nguyễn Văn Tường vâng từ chỉ tạm lưu đợi giảng hòa. Gặp Tôn Thất Thuyết ra sau gặp vua ở cửa tây nam, bèn rước vua đến trường thi (tức là xã La Chữ) nhân đem vua ra Quảng Trị đóng ở hành cung. Lúc bấy giờ Nguyễn Văn Tường đã bàn cùng quan đại Pháp cho hòa hỏa như cũ, đem việc tâu ngay ở nơi hành tại và ủy bộ binh thị lang Phạm Hữu Dụng thân

Digitized by Google

đến tâu cho vua biết và xin đón vua về. Hữu Dụng đến nơi, bị Thuyết ngăn trở, không đón được vua về. Thuyết bèn đem vua đến sơn phòng Quảng Trị và tâu xin từ giá và 2 cung cùng đi. Ba cung có ý lừng chừng, vẫn đóng ở hành cung Quảng Trị. Thuyết đã đi trước vài ngày lại sai người về tâu xin đón 3 cung đi sơn phòng. Tuần phủ Quảng Trị là Trương Quang Đản bàn cùng Lương Thành: Nghĩ thành Quảng Trị phong trần, xin rước 3 cung về cung tư cho Nguyễn Văn Tường biết. Văn Tường được tin, đưa thư cho khâm sứ Pháp là Xâm-bô nói với đô thống Pháp là Cô-ra-si phúc từ xin 3 cung quay xe về, để định dân chí. Từ giá và 2 cung chuẩn y như lời tâu. Ngày mồng 3 tháng 6, xe từ Quảng Trị về đến Khiêm cung đóng. đấy. Dụ cho phái người đến hành tại tâu xin ngự giá hồi loan. Mỗi lần đến đều bị Thuyết ngăn trở. Lúc bấy giờ tôn nhân, đình thần cùng với sứ nước Pháp bàn hòa hảo, duy chưa đón được vua về, lòng người chưa biết thuộc vào đâu. Vâng từ chỉ cho Thọ Xuân vương Miên Định nhiếp lý quốc chính. Việc gì cũng tâu 3 cung, xin chỉ tuân hành. Lại xuống dụ các địa phương đón vua về, và trị tội Tôn Thất Thuyết chuyên quyền làm bậy.

Tháng ấy, gặp lễ đại tường điện Hòa khiêm vâng ý chỉ sai Kiên Giang hầu đến làm lễ. Hậu ở Khiêm cung xét thấy tự khí ở các tôn lăng nhiều cái mất mát, bèn trích của trong cung chế tạo tự khí để bầy thờ. Hậu lại nghĩ các cung nhân nữ quan ở các tôn lăng nhiều, nhân loạn chạy tan. Dụ sai nhiếp chính vương Thọ xuân vương Miên Định cùng đại thần Nguyễn Văn Tường nói khéo thương giảng đi đến cung chiêm. Và sai nghiêm cấm niêm phong không cho người ngoài ra vào dòm ngó. Hậu nhân dụ hỏi Nguyễn Văn Tường về hiện tình phủ Thừa Thiên và các địa phương nam bắc thế nào? hòa nghị đã bàn định xong chưa? Nguyễn Văn Tường đem việc tâu lại và nói điều khoản hòa nghị, đợi ngự giá hồi loan giao trả thành trì mới bàn định. Ngày 27 tháng ấy, quý quan Pháp

Digitized by Google

đưa thư nói rõ giao trả kinh thành cho ta, xin 3 cung đều về nguyên cung như cũ. Việc tâu lên. Hậu xuống dụ rằng: Nay nghe Đại Pháp đô thống đại thần khâm sứ đại thần có ý tốt trả kinh thành cho ta đón lũ ta về cung, ta rất vui mừng. Nhưng lũ ta đàn bà không hiểu quốc chính. Hơn nữa phép nhà nước ta từ trước không có phép hoàng hậu ngồi trong mành nghe chính sự, nên trước định ngôi vua có người làm chủ, rồi sau chúng ta về cung mới là thỏa hợp. Nên bàn nói thế nào trả lời cho biết. Rồi thì quan Pháp nghe vua chưa về, lại đánh điện báo rằng kinh thành phải đợi có chủ quân mới trả. Bèn vâng ý chỉ chuẩn cho bàn rồi phúc tấu. Ngày tháng tám, nhiếp chính Thọ xuân vương Miên Định cùng lũ đại thần Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình, cùng quan đại Pháp bàn định rước con thứ 2 tiên đế là Kiên Giang hầu nối ngôi vua. Vâng ý chỉ chuẩn y. Bèn vâng ý chỉ bá cáo trong ngoài.

Dụ rằng: "Vua làm chủ thần dân, tôn miếu, nhân dân quan hệ vào đấy. Nước ta cùng đại Pháp kết hiếu hơn 30 năm, 2 bên không dối trá gì, nước nhà được yên. Ngày 22 tháng 3 năm ấy, nghịch thần Thuyết làm bậy hỏng việc, tôn xã sợ động. Xe vua chạy dạt, sân cửa ngong ngóng, nước mắt không còn. Tự khi nó bắt ép đi đến nay 2 tháng hơn. Nhiều lần đón về, không tin đích xác. Thân già này nghĩ đến, tức giận thêm nhiều. Nay may nước Pháp giảng hòa, bàn để Đại Nam hoàng đế ngự vị như cũ, nhà nước Đại Nam cũng y như cũ. Những ý tốt ấy đã bá cáo trong ngoài. Nay tiếp triều đình Đại Pháp điện báo cần có chủ quân mới giao trả kinh thành. Thân già này nghĩ đi nghĩ lại, nếu không quyền thời thi nghi, thì xa tắc 9 miếu hương hỏa nguội lạnh, thần công trong ngoài, không ai lệ thuộc, 3 tháng ong óng, bốn biển sôi nổi, sự thể như thế bao giờ kéo về được. Nay ngôi to không thể để trống lâu, ý tốt không thể để chậm mãi. Nối lại mối dứt, ở một lần này, trái thời bỏ lòng dân, thì việc lớn làm sao?

Digitized by Google

Người đời trước có câu "xá tắc là trọng" thân già này rất để ý vậy. Quan đại Pháp đô thống bảo hộ Đại Nam quốc toàn quyền đại thần Cô-ra-si, trú kinh khâm sứ đại thần Xam-bô, nhiếp lý quốc chính Thọ xuân vương Miên Định, cơ mật đại thần Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình cùng lũ Tôn nhân phủ, văn võ đình thần dụ tấu chỉnh đốn dựng con thứ 2 Dực tôn Anh hoàng đế Kiên Giang quận công làm tự hoàng đế, để vâng chính thống mà định nhân tâm. Thân già này rất yên dạ vui lòng. Đã cho chọn ngày tốt, lấy ngày mồng 6 tháng ấy, đón Kiên Giang quận công vào thành, ngày 11 làm lễ tấn quang. Hoàng thái hậu ngự về nội điện, để chính mẫu nghi. Vua Hàm Nghi nếu có lúc nào về, nên tập phong tước công để thờ cúng Kiên quốc công. Nước có vua lớn là phúc xã tắc, trên yên hồn thiêng liêng hoàng đế ở trên trời, dưới phó nguyện vọng thần dân một nước. Mà thân già này năm đã già yếu, lại được thấy nghiệp cũ tiên triều, còn mừng gì hơn nữa. Tất cả thần thứ trong ngoài của ta đều nên kính theo pháp kỷ, để mừng ngày thịnh vượng".

Tháng ấy, lễ tấn tôn đã xong, vua đem quần thần đón từ giá và 2 cung đều về cung điện cũ.

Năm Đồng Khánh thứ 2, Đinh hợi, tháng 4 nhuận ngày 20 Đinh mùi, vua đem hoàng thân tôn nhân văn võ thần công đem sách vàng, ấn vàng dâng huy hiệu làm Từ Dụ bác huệ thái hoàng thái hậu. Sách văn rằng: "trộm nghe nhân thân dạy ái, là lễ to của đế vương; vinh hiệu về tôn là điển lớn xưa nay. Bởi chỉ có đại đức của thiên hạ tất nên đại danh của thiên hạ. Kính nghĩ thánh tổ mẫu Từ Dụ thái hoàng thái hậu bệ hạ xa lộc[1] gây điềm, hương lan ứng mộng. Giúp Hiến tổ trị hóa 7 năm, cũng giống Đỗ Sơn giúp Hạ. Mở Dực tôn thăng bình 3 kỷ, khác gì Khương hậu hưng Chu. Mỹ lợi đến cả xã tắc, đức hóa khắp đến nước nhà. Cho nên ta nay tuổi

(1) Xa lộc: núi Xa lộc lở, sau 80 năm có thánh nữ sinh, hưng thiên hạ. Xem Bộ văn vận phủ, chữ lộc.

Digitized by Google

trẻ vào nối mối to. Khôn nguyên chở dày, được nhờ để, mưu cho cháu. Khiêm đức tôn sáng, khó đem tên tốt dâng bà. Cẩn đem quần thần dâng sách vàng, ấn vàng dâng tôn hiệu là Từ Dụ bác huệ thái hoàng thái hậu. Kính nghĩ hiệu tốt cả chính, ân to rộng ban. Để thiện về sau, bồi nền nhân hậu, vui thiên hạ cùng lo việc thiên hạ, ngậm đường, chơi với cháu, hưởng phúc khang cường, giúp văn tử lại giúp cả văn tôn".

Ngày hôm sau ban ơn cho trong ngoài xa gần mừng rỡ.

Năm Thành Thái thứ nhất (1889) mùa xuân, tháng giêng. Hoàng thượng lên ngôi, mùa hạ, tháng 4 tấn tôn làm *Từ Dụ bác huệ khang thọ thái hoàng thái hậu.*

Trước đây vua nghĩ năm ấy gặp thánh thọ, 80 tuổi đại khánh tiết, đem tôn nhân phụ chính đình thần cùng lời tâu xin tôn thêm huy hiệu. Vâng từ chỉ chu chuẩn bảo cho giúp đỡ công việc, mong cho nước thịnh dân yên. Còn đến việc dâng thêm tên đẹp thì khiêm nhượng không nhận. Vua 2, 3 lần đến kêu xin mới được chuẩn cho. Đến ngày ấy bèn đem quần thần đến cung Từ thọ dâng sách vàng, ấn vàng tôn dâng huy hiệu.

Sách văn rằng: "Quẻ tấn trung chính thì hưởng phúc giúp có tam linh; quẻ khôn quang đại mà ứng trời ban bao hàm muôn loại. Bởi vì có đại đức của thiên hạ, nên nhân sủng danh của thiên hạ. Thời tốt rõ ràng, điển to rộn rịp.

Kính nghĩ thánh tòng tổ mẫu Từ Dụ bác huệ thái thái hoàng thái hậu bệ hạ, đức tĩnh như núi, mưu đầy như vực. Giúp trị hóa 7 năm cũng như Đồ Sơn dựng nhà Hạ. Mở ưu cần 3 kỷ, cũng như Văn mẫu hưng Chu. Lúc vận trời gian nan, nhờ thánh tâm mặc vận. Kế lớn đã định, thân dân có chủ. Trí thành cẩm phát, xã tắc được yên. Nhà nước bình khang, dân đều nhàn thọ. Thực là làm tốt 9 loài mà thu phúc. Khỏe mà sống lâu, khắp cả tám cõi cùng chúc mừng, thực cùng danh tốt. Nữa là cháu hèn, kính vâng nghiệp cả. Gặp

Digitized by Google

tuần thọ 80, kính chúc lời vạn phúc. Dầu khiêm cung không nhận, mà đức tốt xứng gương. Kính đem hoàng thân văn võ đình thần dâng sách vàng, ấn vàng dâng tôn hiệu là Từ Dụ bác huệ Khang thọ thái thái hoàng thái hậu, đại hóa đều thành trải bốn đời làm mẹ thiên hạ; an ninh tiến phúc hợp bốn biển làm vui một nhà. May ra tằng tôn tu tiến, cũng được hưởng phúc khỏe mạnh.

Năm Thành Thái thứ 11 (1899) gặp đại khánh tiết 90 tuổi. Ngũ đại đồng đường. Ngày Tết nguyên đán, vua thân đem quần thần làm lễ khánh hạ. Lễ thành, bế cháu huyền tôn làm lễ ôm ra chầu. Kính vâng thánh từ vui vẻ. Vua bèn xuống dụ rằng: "Đế vương tự đời xưa giai cung mở điềm tốt. Lan ngọc trình điềm lành. Có cháu tằng tôn, lúc đó các đời cùng có. Đến như tuổi lên thượng thọ, có cháu năm đời, sáng sao vụ giữa trời, nở cành vàng lá ngọc, thực là ít đời có được.

Vâng quốc triều ta, Nhân tuyên từ khánh, phúc thọ khang, thái hoàng thái hậu thánh thọ vọng nhập, vừa thấy cháu huyền tôn sinh, ngũ đại đồng đường, gia tôn hành khánh, chép vào sách ngọc, thực là ít có. Ngày 11 tháng 11 năm Thành Thái thứ 9, hoàng tử thứ 3 của trẫm là Vĩnh Trân sinh là huyền tôn của thánh tằng tổ mẫu. Năm ấy kính gặp thánh thọ cửu tuần đại khánh tiết. Ngày Tết nguyên đán, Trẫm thân đem quần thần đến cung Gia Thọ làm lễ khánh hạ. Lễ thành đem huyền tôn làm lễ ôm cháu đến chầu. Kính vâng thánh từ vui mừng thưởng cho rất nhiều. Trước bàn dâng quả, trên thềm ngậm đường, thực ví sáng với đời trước, và việc vui của nhà trời. Trẫm vui mừng quá!".

Ngày ấy ban ân chiếu cho trong ngoài.

Năm Thành Thái thứ 13, mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 5 Hậu se mình rồi mất, thọ 93 tuổi, đặt thi hài ở cung Gia Thọ, ngày tháng 5 kính dâng tôn thụy là Nghi Thiên tán thành Từ Dụ bác huệ trai túc tuệ đạt thọ đức nhân công

Digitized by Google

Chương hoàng hậu.

Sách văn rằng: "Tôi nghe có đại đức thiên hạ thì được đại danh thiên hạ. Tự đời xưa, thành tâm hiếu phụng, tất làm lễ tôn sùng.

Kính nghĩ Thánh tằng tổ mẫu đại hành Từ Dụ bác huệ khang thọ thái thái hoàng thái hậu bệ hạ, Mai sơn đúc khí tốt, kim khấu tỏ điềm lành. Giúp trị công lớn 7 năm cùng Hiến tổ Chương hoàng đế. Mở công to 36 năm của Dực tôn Anh hoàng đế. Gặp lúc sấm mây rực động, cán đáng một lòng; im lặng núi sông thanh cao, thiếp thái vui cùng bốn biển. Đức tốt nghi thiện, chở dày ngậm rộng; phép hay tán thành, nguồn cả thấm xa, từ đường là đức, để cho người sau bác ái một lòng, ơn khắp con họ, tỏ tiếng tốt ở kinh thất, đức ví với người từ trai; nêu phép tắc ở nội đình, nghi biểu rất là cung túc. Tính sáng thích xem sách vở, từ huấn chép ra: Đạt quyền thích ứng thời nghi, triều cương bền vững. Ngũ đại đồng đường, cửu tuần tấn thọ. Đức tốt phải được, lợi kịp xã tắc. Công thì cao lắm, nhân tới nước nhà. Nhớ chỗ ban phúc đức lành, vô cùng cảm mộ; nghĩ đến thánh đức trí thiên, ra sức tụng dương. Bèn xét điển lễ, hỏi cả mọi người. Bèn vâng tâu lên cung Trường ninh Trang ý thuận hiếu thái hoàng thái hậu, cung Từ nghi hoàng thái hậu được chỉ. Cẩn sai chọn ngày tốt thỉnh mạnh liệt miếu kính cáo linh tọa, thân đem Tôn nhân phủ văn võ đình thần kính dâng sách vàng, ấn vàng truy dâng tôn thụy là Nghi thiên tán thành Từ Dụ bác huệ trai túc, tuệ đạt thọ đức, nhân hiển hiệu, ngự làm vào miếu, để thờ phụng ức năm, phát mãi điềm lành, ban phúc đến muôn thuở".

Ngày hôm sau, ban ân chiếu cho trong ngoài.

Tháng ấy, ngày 22 làm lễ ninh năng an táng ở vạn vạn niên, cát cục núi bên hữu Xương lăng. Kính dâng tên lăng là Xương Thọ lăng. Lễ thành rước thần chủ ngự về điện Lương khiêm ở Khiêm cung. Sau ngày làm lễ đàm, rước thần chủ

Digitized by Google

thăng phụ vào án hữu nhất Thế miếu. Vâng đem thánh thị thăng phối vào án hữu nhất điện Phụng tiên và ở án chính điện Biểu đức.

Từ đường Đức quốc công, nay do quang lộc tự khang Phạm Nhã Khanh giám thủ, tuế thời tự điển hình tiền công chi biện.

Digitized by Google

QUYỂN 4

TRUYỆN CÁC HẬU PHI - MỤC THỨ IV

Dực tôn Lệ Thiên Anh hoàng hậu.

Họ Vũ, người huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Cha là ngự tiền đại thần thái tử thái bảo Đông các đại học sĩ, đặc tiến Kim tử vinh lộc đại phu, phong Lệ quốc công Vũ Xuân Cẩn. Sinh mẫu là Trần thị, phong Lệ quốc nhất phẩm phu nhân. Năm Minh Mạng thứ 9, Mậu tí, mùa hạ tháng 5 sinh hoàng hậu. Hậu lúc bé đã nhàn tĩnh đoan nhã có tính đặc biệt, thích xem sách vở, hiểu nội tấc. Năm Thiệu Trị thứ 3, được tuyển vào hầu Dực tôn Anh hoàng đế ở nhà riêng (tiềm đế) Hậu đức thì đoan trang, nết thì thục thận. Thờ Nghi Thiên Chương hoàng hậu ở đông triều rất được mẹ chồng vui vẻ. Vua cũng yêu kính. Năm Tự Đức thứ 1, vua lên ngôi phong làm cung tần. Năm thứ 3 định lại cung giai tấn phong làm cẩn phi. Sách văn rằng: "Vâng theo đạo trời, thứ tinh vẫn bày vào thần viên; trị đến nước nhà, nội dung thực giúp việc vương hóa. Cung giai có thứ tự, lễ mạnh nên thắng đầu. Yêu thay cung tần Vũ thị, ra tự thế phiệt, đức tốt ngọc quỳnh. Nội trị tu tề, kính theo phụ đạo. Thờ mẹ yên thấm được vui tư tâm. Bèn theo điển lễ để tỏ ân to, đặc cách tấn phong làm cẩn phi. Ngươi nên kính mang ân vinh, càng chăm nết tốt. Đọc coi đồ sử, để giúp đỡ vương phong, bàn bạc phúc nhân, còn hưởng lâu sủng mạnh".

Năm 13, tấn phong làm Thuần phi. Trước đây vua báo quan bộ Lễ rằng, năm ngoái gặp đại khánh tiết thánh từ ngự thân, vâng thánh từ dụ rằng: Phi tần nội đình thờ ta rất tốt. Đến nay 12 năm, nên cho thăng để khuyên người cần sự mà

Digitized by Google

nghiêm cung nghi. Kính vâng lời ngọc không dám trái, nhưng việc quân chưa rỗi, tạm hoãn lại. Nay lại vâng từ chỉ hỏi đến. Vừa nhân tiết mùa xuân, ban ơn cũng nên suy ân để tỏ ơn mẹ bèn tấn phong làm Thuần phi thiên hạ.

Sách văn rằng: "Thiên văn thứ tinh, vi phi thực là người giúp. Thần cung nội chức thăng trật để khen người hiền. Đã chọn ngày tốt, bèn tỏ tiếng thơm. Yêu thay cẩn phi Vũ thị, dòng dõi danh gia, hiền tài, trinh tư thục thận. Đoan trang tỏ nết tốt, nội trị theo đức hóa tu tề; cẩn kính cả đức hay. Thờ mẹ sẵn một lòng ngoan ngoãn, trên yên lòng mẹ, liền đội ơn dày. Thánh thọ vừa gặp thịnh điển, suy ơn trước tự gần, chu chuân kính vâng tiếng ngọc, thiều quang lại gặp thần, thi huệ tước tự xuân, khen tốt nên rộng lời vàng. Nay đặc cách phong làm Thuần phi. Ngươi nên vinh đức vân ngộ theo đúng huấn di. Sửa sang khẩn giáo, luôn luôn tỏ nết êm đềm, vinh diện cổn chương, mãi mãi thấm ơn đằm thắm". Năm 14, mùa đông, đổi phong làm Trung phi, bài sách văn vẫn theo thể cũ. Chỉ đổi khác chữ Thuần phi làm chữ Trung phi.

Năm 15, mùa xuân, tháng giêng, tấn phong làm Hoàng quý phi. Vua dụ rằng: "Trong cung vi là gốc phong hóa, không thể không đặt người ra để xướng suất cung nhân, chấp hành phụ đạo. Trung phi Vũ thị, con nhà danh gia, kính vâng tuyển cho hầu ta. Cùng có đức hạnh nên cất nhắc lên. Vậy tấn phong làm Hoàng quý phi, suất nhiếp sáu viện".

Sách văn rằng: "Ngôi tử vi để tọa, sao thứ năm chỗ đóng là phi; quẻ phong hỏa gia nhân, hào lục nhị ở trong thì tốt. Bởi có đức tốt mới xứng sắc phong. Xét trung phi Vũ thị, trinh tư thục thận, dòng dõi huân hiền. Gia đình dạy sẵn, thi thư độ sử khuyên răn, lễ phép quen rồi, hạnh vũ cư hoàng trong sáng. Tuyển cho đã vừa ý thánh. Đoan trang đủ tỏ nghi hình. Mấy năm nay hầu hạ từ vi, tấn thuận càng bền nết tốt. Bao nhiêu lần được nhờ Hậu thương, khiêm cung chả kém

Digitized by Google

lòng xưa. Tiếng tốt càng lâu mà càng rõ, hiển hiện chỉ thêm mãi không thôi. Nay cho ngươi làm Hoàng quý phi. Ngươi nên kính noi thánh mạnh, giúp ta một người. Càng tốt khuê nghi, suất nhiếp sáu thượng. Giữ sau như trước, tỏ thói hiếu kính kiêm cần; theo lẽ mà hòa, để phúc cung vi con họ".

Năm 35 mùa đông, tháng 12 lại giáng làm Trung phi. Lúc bấy giờ cơ vụ rất nhiều có khi vua quá trưa mới được ăn. Vua se mình đương uống thuốc, cung nhân tiến cơm hơi chậm trái ý vua. Vua bèn giáng quý phi làm nguyên giai trung phi quản nhiếp thượng nghi, không cho suất nhiếp sáu viện.

Năm 36 mùa hạ tháng 5, vua lên chầu trời, vua di chiếu tôn trung phi làm hoàng hậu, trị việc trong nhà để dạy tự quân. Sau cung tôn Huệ hoàng đế nối ngôi mới được 5 ngày bị quyền thần bức bỏ, đón Phế đế là Văn Lãng công vào nối ngôi cả. Mùa thu năm ấy. Tôn Nhân, đình thần vâng di chiếu xin tấn tôn làm hoàng hậu. Hậu đến cung Gia Thọ (chỗ Nghi thiên Chương hoàng hậu ở) Lạy từ rằng tôi vâng chiếu dạy bảo tự quân nay tự quân như thế cũng có lỗi, tôi xin ra ở Khiêm cung để chầu thờ. Lúc bấy giờ phế đế lại xin hậu ngự điện Cao Minh đến bái yết, và thân dâng cơm. Hậu cố từ không nhận, liền đi xe, ở Ôn Khiêm đường, vâng chầu điện Lương Khiêm. Vua bèn sai tôn nhân, đình thần bàn thế nào hợp lễ chế. Quần thần bèn tham chước thành điện, xin lấy mỹ tự tên cung tôn làm Khiêm hoàng hậu. Nghị ấy dâng lên, vua lại sai Tuy Lý vương cùng các quan, quán các quốc tự giám bàn kỹ cho rằng lấy mỹ tự tên cung làm hiệu, cũng như đời Dương Bảo Lịch hoàng hậu ở điện Nghĩa an, thì tôn làm Nghĩa an hoàng hậu. Đời Tống Hiển, lúc thái hậu ở cung Ninh Đức thì tôn làm Ninh đức hoàng hậu. Nay tôn làm Khiêm hoàng hậu chiếu vào điển cổ cũng hợp xin y nghị làm. Bèn sắc làm sách vàng, ấn vàng và đem việc này tâu lên cung Gia Thọ, xin chỉ thi hành. Đến lúc tâu lên từ chỉ cho bãi

Digitized by Google

hoãn, đợi đến trở. Đến lúc vua bị bỏ, việc tấn tôn ấy vẫn chưa cử hành. Giản tôn Nghị hoàng đế nối ngôi, qua sang năm (là Kiến Phúc năm thứ 1) mùa hạ, tháng 5, gặp sinh nhật, hậu vâng đổi gọi làm Thiện thu tiết. Trước kỳ đem việc ấy kính cáo, đến ngày ấy sai hoàng thân công cùng quan bộ Lễ kính đệ biểu tiên phẩm nghị đến Ôn Khiêm đường ở Khiêm cung làm lễ khánh hạ. Đến lúc Giản tôn mất, Xuất đế lên ngôi, lấy năm sau làm Hàm Nghi nguyên niên. Mùa xuân, tháng 3, tấn tôn Nghi thiên thái hoàng thái hậu lễ thành. Liền xin tấn tôn huy hiệu. Hậu không nhận. Năm ấy, mùa hạ, tháng 5, kinh thành có việc. Hậu nghe biến đi theo Nghi Thiên Chương hoàng hậu chạy ra hành cung Quảng Trị đóng ở đấy. Đến lúc nghị hòa thành, vâng hầu Nghi Thiên Chương hoàng hậu từ Quảng Trị về Khiêm cung đóng đấy. Đến lúc Cảnh tôn Thuần hoàng đế nối ngôi, quan đại Pháp giao trả kinh thành, 3 cung đều về ở cung điện trước. Hậu tự Khiêm cung lại về cung Trường Ninh. Mùa đông năm ấy, gia tặng cha hậu làm Lệ quốc công, đích mẫu Bạc thị, sinh mẫu Trần thị đều làm Lệ quốc phu nhân, dựng đền là Lệ quốc công từ. Năm Đồng Khánh thứ nhất, mùa đông, tháng 12, sung ân họ ngoại nhà vua. Hiền tổ Vũ Xuân Phổ trước tặng Từ thiện đại phu thượng thư bộ Lễ, gia tặng làm Thuận xương Hầu, thụy là Ôn nhã, chính thất Vũ Văn thị làm Đoan Nhận, thụy là Phương Huy. Tằng tổ Vũ Xuân Uyên, trước tặng Gia nghị đại phu, hàn lâm viện chưởng viện học sĩ, tặng thêm là Đức hòa bá, thụy Dân Trực. Chính thất Vũ Văn thị làm thục nhân, thụy Nhu Giá. Cao tổ Vũ Xuân Yên gia tặng Trung thuận đại phu, Hàn lâm viện thị độc học sĩ, Thế Lộc tử, thụy Đoan Phác. Chính thất Phạm thị làm cung nhân, thụy Hòa Nhu. Tiên tổ Vũ Xuân Khoa tuy tặng Trung thuận đại phu, Hồng lô tự khanh, thụy Lượng Uyên. Chính thất (không nhớ họ) làm cung nhân, thụy Tĩnh Nhàn và truy thụy Bạch thị, thụy Trang Nhàn Lệ quốc phu nhân; Trần thị, thụy Trinh Từ Lệ

Digitized by Google

quốc phu nhân, dựng đền thờ gọi là "Tích tử từ" và tu chỉnh phần mộ, ấm thụ cho người cận thân để làm giám thủ.

Năm Đồng Khánh thứ 2, mùa xuân, tháng 3, dụ rằng: "Tự đời xưa, vua giỏi hiếu phụng đông triều. Đã hợp của thiên hạ để nuôi, tất hết sự tôn của thiên hạ để tôn. Hán có Minh đức, Tống có Tuyên nhân, đức để tỏ tôn lớn mà rõ đức tốt vậy. Kính nghĩ thánh mẫu, làm hoàng đức phúc, tĩnh mục làm phép giúp hoàng khảo Dực tôn Anh hoàng đế nội trị 36 năm. Nối tốt Khương Chí, chỉ làm điều đức. Đức hóa kịp đến nước nhà, mỹ lợi ra các xã tắc. Vâng hoàng khảo lúc sắp mất để chiếu lại tấn phong làm hoàng hậu, đại lễ chưa kịp cử hành ngẫu nhiên gặp biến cố, trên thờ thiêng liêng chín miếu và thánh tổ mẫu và thánh mẫu chứa phúc, còn tốt đẹp đến ngày nay. Đây chỉ là Hậu đức hợp càn nguyên, sáng nhờ Khôn hậu. Nhưng tốt chứa trong lòng mà phát ra ngoài thì vốn đức thâm trầm, thân bề thục thận, há chả phải trong à? Trong thì tinh tú, đến nơi thì thâm nghiêm, há chả phải ý à? Trẫm nghĩ vâng nghiệp cả, được lấy thiên hạ, thân nuôi chầu hầu, tôn thân cùng hiệp, thần dân cùng lòng. Trước đây qua tôn nhân đình, thần kêu xin tấn gia tôn hiệu. Từ chỉ khiêm tốn không nhận, thực là đức tốt khiêm quang, không thể hình dung được. Nhân nghĩ cách ngọc tinh cầu đợi có huy xưng là tính, cũng là lễ vậy. Cũng nên kính dâng huy chương để tỏ quốc khánh. Nay tôn thân đình thần hai ba lần xin, trẫm lập tức đem việc tâu lên; nay được chuẩn y về sự nghi tấn tôn, nên làm thế nào cho phần việc đều chiếu lệ làm, để yên lòng ta một người hiếu phụng, hợp nguyện vọng muôn họ tôn sùng".

Mùa hạ, tháng 4, ngày 27, vua thân đem quần thần dâng sách vàng, ấn vàng dâng huy xưng rằng Trang Ý hoàng thái hậu.

Sách văn rằng: "Trộm nghe đại đức tốt được tên to, tôn thân chỉ là chí hiếu. Phúc nhà Thương phát mãi, nguồn phúc

Digitized by Google

vẫn tự bà Hiến nhung; nghiệp nhà Chu không suy, đức thịnh cũng từ kinh thất. Đều để có đức tốt, mãi sáng phúc to vậy.

Kính nghĩ thánh mẫu hoàng thái hậu bệ hạ, vốn có khổn phạm, hay nối huy âm. Nhớ trị hóa rũ áo xiêm ngày ấy, phụ tá công nhiều; cứ lời nói trên ghế ngọc ngày nào, suy tôn lễ sẵn. Chưa đặt nghi chương, bởi nhân biến cố. Trên nhờ thánh từ, vẫn nghĩ đến miếu xã; cho nên tiểu tử hơi định được bang gia. Dẫu thịnh tốt mà không nhận, càng rõ lòng tôn quang; nhưng nêu gương xiết bao, để tỏ lòng sùng báo cẩn đem quần thần dâng sách vàng, ấn vàng dâng tôn hiệu là Trang ý hoàng thái hậu, cúi xin nhận lấy huy xưng, phô bày đức tốt. Tấc cỏ báo ánh xuân, vẫn tin lòng hiếu; sáu mươi vừa chu giáp, mừng dựa bóng từ.

Ngày mồng 9 tháng 5, gặp đại khánh tiết thiên thu sáu mươi tuổi, vua thân đem quần thần dâng biểu kim tiên làm lễ khánh hạ. Lễ thành. Ban ân chiếu cho trong ngoài, cả thần dân reo mừng.

Năm Thành Thái thứ nhất, mùa đông, tháng mười, hoàng thượng ta thân đem Tôn nhân phủ, văn võ thân công dâng sách vàng, ấn vàng dâng thêm huy xưng là Trang ý Thuận hiếu thái hoàng thái hậu. Sách văn rằng: "Ứng thời là thuận đức ngậm rộng tỏ hết tốt ở trong. Nguyên cát có phúc to, tán tụng rõ đức to càng sáng, thực bởi lâu ngày thì tỏ, thực xứng với danh.

Kính nghĩ Hoàng tổ mẫu Trang Ý thái hoàng thái hậu bệ hạ, trinh tiên sáng vẻ, lan dịch bay thơm. Để nữ tắc ở cung nhà Đường, an trinh đều tốt; vâng từ hoàn ở điện nhà Hán, kính cẩn càng thêm. Thuận đức khắp cả nước nhà, hiếu đạo giữ toàn sau trước. Tự trước sắc phong ngọc đẹp, chưa đủ hình dung; nên nay sử đỏ bìa xanh, càng truyền thịnh mỹ. Ta hay tiểu sử, trên nhờ bóng từ. Duy phong hóa tốt tự cung vi, nên lợi trách khắp đến xã tắc. Lòng thành khiêm tốn, còn

Digitized by Google

mong sâu xa. Đức tốt phô giương, càng thêm kính mến. Bèn xét lễ to vừa gặp thời tốt. Kính đem hoàng thân văn võ đình thần dâng sách vàng, ấn vàng dâng tôn hiệu là Trang ý Thuận hiếu thái hoàng thái hậu. Cúi mong nhận lấy huy xưng, rộng ban khổn huấn. Nhận phúc tốt này, cùng soi ánh sáng sao bảo vụ; đức khôn nguyên lớn, làm vững cơ nghiệp thế âu vàng".

Lễ thành, ban ân chiếu cho trong ngoài.

Vua dụ rằng: "Vua nhờ mẫu hậu, để dạy dân hiếu với mẹ cha. Đại danh huy để hợp kính cùng tôn, lễ rất sang trọng vậy. Kính nghĩ, Hoàng tổ mẫu Trang Ý thái hoàng thái hậu bệ hạ tư chất thuần túy, khuôn phép đoan trang. Giúp trị hóa hoàng tổ khảo Dực tôn Anh hoàng đế, thờ vui lòng hoàng tôn tổ mẫu Từ Dụ báo huệ khang thọ thái thái hoàng thái hậu. Ơn khắp nước nhà, lợi đến xã tắc. Vâng Cảnh tôn Thuần hoàng đế ta theo di chiếu dâng tôn xưng. Tiếng tốt kinh thất sáng thân sách trước. Trẫm trên nhờ từ nhân, nối vâng nghiệp lớn. Thực là đức thịnh tốt lớn, chứa lâu càng tỏ; mà sách ngọc ấn vàng tán tụng chưa đủ, lòng trẫm vẫn chưa yên. Vừa rồi đem kim tiên xin tấn thêm tôn hiệu. Kính vâng lòng thánh khiêm cung, nhường tên tốt không phận. Trẫm hai ba lần kêu xin, may được ừ cho. Lại vâng chỉ thân dụ rằng, sự nghi làm lễ, nên theo tiết kiệm những phẩm nghi trong ngoài cung tiến; đều cho đình chỉ. Thực trông lên thấy khiêm tốn mà sáng, không lấy tôn cao làm vui, mà nghĩ sâu về dân sinh quốc kế. Sâu xa làm sao vậy! Bởi thế kính theo điển lễ, bàn làm nghi chương. Vâng xin mạnh miếu điện, tâu lên cung Gia Thọ thân đem quần thần dâng huy hiệu công tôn tước phi tần, công chúa phủ thiếp các triều và văn võ ấn quan ở kinh đều cho ăn yến một tiệc, để tỏ từ huệ. Còn tất cả phiến văn tiết nhỏ đều đình chỉ. May ra thể tất ý tốt tiết kiệm của hoàng hậu. Và thân người thân mà tôn người tôn là lễ thường vậy. Ban

Digitized by Google

mãi phúc cho thần dân, cũng là hiếu đức của vua nhân. Từ nay nhân dân được nhờ phúc coi như con. Nước có tốt đẹp không bờ bến, chắc thần dân cũng đều vui mừng cả".

Năm Thành Thái thứ 4. Mùa hạ, tháng 5, san khắc các tập thơ văn thánh chế của Dực Tôn Anh hoàng đế ban hành, viết xong tiến trình. Vâng ý chỉ rằng các tập thánh chế trước thật đã vâng kiểm soát, san khắc, nhưng trong ấy còn có bỏ sót. Và lại vâng sao ra một tờ, thánh chỉ di chúc rằng: Thi sử ta dụng công rất cần. Chưa xong, giao cho các thần theo làm, cốt thành sách san hành. Còn các sách như các loại tự học luận ngữ, nếu làm được, lần lượt san hành. Vua bèn sắc sở tu thư Sử quán kiểm soát kỹ giao cho khắc in, thành sách ban cấp cho trong ngoài.

Năm Thành Thái thứ 9, mùa hạ, tháng 5, gặp đại khánh tiết thiên thu cho bảy mươi tuổi. Vua đem quần thần làm lễ khánh hạ như trước. Năm thứ 13, mùa hạ, tháng 4. Nghi Thiên Chương hoàng hậu ngự giá lên tiến. Lễ ninh lăng xong, rước thần chủ đặc lên điện Lương khiêm. Hậu đến điện Ôn khiêm để phụng thờ. Năm thứ 14, mùa hạ, tháng 4, hậu mất, thọ 75 tuổi, đặt thi hài ở Ôn khiêm đường, ngày tháng 5, vâng vua dụ rằng: "Từ xưa người có nết tốt không ai to bằng, thì có tên tốt không ai lớn bằng. Làm văn tế để thuận đức hạnh, đặt tên thụy để tôn danh, sách ngọc ấn ngọc để đến vô cùng, ban ra trong biển, là điển lễ rất to vậy.

Kính nghĩ hoàng tổ mẫu đại hành Trang ý Thuận hiếu thái hoàng thái hậu, nết thuần tốt đẹp. Khôn nguyên tốt đức thuận thừa, hóa quang kinh dịch; kinh thất hết lòng hiếu phụng, tư mỵ cả thi. Dầu gặp thời tiết mây sấm, lại sáng hơn là dực chẩn. Ngầm vận một lòng, mưu toan mọi việc. Lợi tốt đến cả xã tắc. Nhân ân thấm đến nước nhà. Nết hiền tiếng tốt, nối được hoàng tằng tổ tỷ Nghi thiên Chương hoàng hậu, cũng là Nghiêu Thuấn trong những bà mẹ, mà là Thái Nhân

Digitized by Google

Thái Tự đời nay vậy. Đầu năm Đông Khánh, vâng Cảnh tôn Thuần hoàng đế theo di chiếu dâng, tôn xưng hiếu tự tốt thịnh, tên to cả rõ. Trẫm nối vâng mối cả, kính theo mưu xưa, trạch năng đức mỏng chỉ sợ không gánh vác nổi. Thực nhờ thánh từ giữ gìn được có sự tốt đẹp ngày nay, sẵn lòng yêu mến bắt chước mẫu nghi. Năm lên ngôi, thân đem quần thần trăm quan kính dâng sách ấn, tăng thêm huy xưng cũng đã tỏ công lớn vào bài thơ, sáng tôn danh vào sách vở rồi. Ngày tháng 4 năm ngoái, vâng Nghi thiên Chương hoàng hậu bỏ đời lên tiên, kính vâng ý chỉ theo di chúc của Dực Tôn Anh hoàng đế, sau yên táng rồi đón thần chủ đặt lên điện Lương khiêm, hoàng tổ mẫu ngự Ôn khiêm đường để tiện thờ tự. Vâng thấy tần tảo nết tốt, sớm tối siêng năng, đương mong tuổi hạt tám mươi, cung Trường tín chén vui ngậm đường mãi mãi. Bàn đào nghìn tuổi, ao dao trì dâng chén thọ luôn luôn. Nào ngờ ngày tháng 4 năm ấy, vâng linh giá lên xa, kêu với không kịp. Thương xót vô cùng. Than ôi! Thương thay! Nhớ lại đại đức trí nhân, không thể nói sao cho hết. Chỉ có nên khen tốt đẹp báo đáp thêm vào. Kính nghĩ Tổ mẫu ta, đại hóa sánh trời, mưu tốt giúp thánh. Đoan trang ý mỹ, như thuận hiếu thành. Sớm chầu thì răn tiến như thơ kê minh; đãi kẻ dưới thì ban ân như thơ cù mộc, sao mà cần lại như thế. Còn họ hòa hợp ở cung vi, mẫu nghi đủ làm phép cả nước. Sao mà ôn lại từ thế. Làm lợi xã tắc mà không để cho vua phải lo, há chả phải hiển minh à? Giữ thái hòa mà hưởng nhiều tuổi thọ, há chả phải tĩnh mà sống lâu à? Qua tôn nhân đình thần văn võ cùng bàn xin dâng tôn thụy là Lệ thiên phụ thánh Trang ý thuận hiếu cần thứ ôn từ hiền minh tĩnh thọ anh hoàng hậu, chắc là nhân nết tốt mà dâng tôn xưng. Trẫm duyệt kỹ lại tưởng cũng phải đã đem việc này tâu lên cung Ninh thọ, Hoàng thái hậu soi xét. Bởi thế trên nói chỉ chuẩn, dưới lấy lời của mọi người. Cẩn lấy ngày mồng 4 tháng 6 là ngày tốt cử hành. Những sự nghi nên làm theo phần việc

Digitized by Google

tuân biên, cốt hợp với tình lễ tổ bảo sau này. Trẩm sẽ trai tịnh xin mệnh các miếu. Kính đem sách ấn đến trước linh tọa vâng dâng tôn thụy, may ra nêu tôn to mà rõ điển tốt để lưu truyền đến vô cùng vậy". Đến ngày, vua thân đem quần thần dâng sách vàng, ấn vàng đến linh tọa kính dâng tôn thụy là: Lệ thiên phụ thánh Trang ý Thuận hiếu cần thứ ôn từ hiền minh tĩnh thọ anh hoàng hậu. Sách văn rằng: "Nghi thơm nết tốt, nghìn thu bút son sáng ngời; nêu tốt tỏ hay, muôn thuở ngọc cầu rực rỡ. Tôn xưng là trời để viếng, vì sáng mặt trăng.

Kính nghĩ hoàng tổ mẫu Đại hành Trang ý Thuận hiếu thái hoàng thái hậu, Lệ thủy đức thiêng, cao môn học tốt. Giúp đức hóa ba kỷ thăng bình của Dực Tôn Anh hoàng đế. Nội trị đã nên, Thờ được vui chín tuần thọ khảo của Nghi thiên Chương hoàng hậu, tiếng tốt nối được. Ngửa xem thỏa lòng cả thần thứ. Nghi hình được trọng cả gần, xa. Lại còn đại hóa sánh trời, mưu tốt giúp thánh giữ mình cần thứ, mang đức ôn từ. Hiền mà lại sáng, việc tật khổ của dân không sót điều gì, tính mới sống lâu, giữ tiên hòa trong mình nuôi thành tiên cách. Duy thịnh đức, trí thiện khó quên, hình dung không hết, nhớ lưu truyền phúc cả tự đấy, cảm mộ vô cùng. Bèn vâng tâu lên cung Ninh Thọ Hoàng thái hậu dụ chỉ, kính xin chọn ngày tốt, xin mệnh các miếu, kính đến linh tọa dâng sách vàng, ấn vàng dâng tôn thụy là Lệ thiên phụ thánh Trang ý Thuận hiếu cần thứ ôn từ hiền minh tĩnh thọ anh hoàng hậu, cúi mong nhận lấy tên tự, ngầm thỏa linh sàng, ngự lãm về miếu, hậm tưởng lòng thành. Phát mãi điềm lành, ban cho phúc cả.

Ngày 15, rước linh giá tiến đi an táng ở vạn vạn niên cát cục, núi bên tả Khiêm lăng. Dâng tên lăng là Khiêm thọ lăng. Lễ thành rước thần chủ về điện Ôn khiêm phụng sự, theo đúng lễ cửu ngu, làm lễ tốt khốc. Sau khi tế đàm, rước

Digitized by Google

thần chủ thăng phụ vào án tả nhị Thế miếu. Bước thánh vị thăng phối án tả nhị điện Phụng tiên và án chính điện Hòa khiêm. Đền Lệ quốc công và đền Tích trì, 2 đền hàng năm chi tiền công phụng tự.

Hậu là con nhà quan to, trí đức hiền hạnh, nối được tiếng tốt của Nghi Thiên Chương hoàng hậu. Khiêm đức tôn quang, khôn hậu tái vật, trong giúp trị hóa 36 năm của Dực Tôn Anh hoàng đế. Tu tề dựng đức hóa, ung mục thành thái hay. Phúc để cung ru, ân ra thần thứ, thái bình thấm thía, thực là tốt lắm thay. Đến Hàm Nghi năm thứ nhất, ngẫu gặp biến cố, vẫn nghĩ đến xã tắc làm trọng quyền thời thì nghi, trên giúp mẹ hiền, ngoài tốt lân hiếu. Cho nên hay quyết đại mưu, định đại kế đem thiên hạ âu vàng không mẻ truyền cho văn tử văn tôn, rồi được cung cấm lại sạch, giá chuông như cũ, há chả phải lòng nhân chí sáng phát ra xa à? Dâu Mã hậu Đặng hậu nhà Hán, Cao hậu Tào hậu nhà Tống cũng không hơn được, câu đời xưa gọi là nữ trung nghiêu Thuấn, nay lại thấy đấy vậy.

Lễ tân Nguyễn Thị Bích tự Lang hoàn. Người huyện An Phúc, đạo Ninh Thuận là con gái thứ 4 của Thanh Hóa thừa nguyên bố chính sứ hộ lý tổng đốc Nguyễn Nhược Sơn. Mẹ là thục nhân Nguyễn Thị. Lúc có thai, mộng sao bích vào miệng, nhận nuốt xuống đến lúc sinh con gái, đặt tên là Nguyễn Thị Bích. Thị lúc bé thông minh có tiếng văn học. Năm Tự Đức thứ 1, thị mới 19 tuổi, Phụ chính đại thần Lâm Duy Nghĩa làm biểu dâng lên. Kính vâng Dực Tôn Anh hoàng đế bảo làm thơ tảo mai, Thị lập tức làm thành bài thơ, có câu rằng: "Nhược giao dụng như hòa canh vị, ngự tác lương thần phụ Hữu Thương", nghĩa là nếu khiến dùng mày hòa vị canh, xin làm lương thần giúp Hữu Thương. Vua khen tốt, thưởng cho 20 đĩnh bạc, tuyển vào cung sung làm việc viện Thượng nghi. Năm thứ 3, phong làm tài nhân, khi chầu hầu

Digitized by Google

trong cung và theo đi du hạnh nhiều lần ứng chế. Vua nghĩ Thị thông minh và cung cẩn cũng yêu, dạy cho làm thơ, làm nữ môn sinh của thiên tử. Năm 13, phong làm mỹ nhân, liền phong làm quý nhân, tấn phong làm tiệp dư. Giản tôn nghị hoàng đế Cảnh tôn Thuần hoàng đế lúc ở tiềm để (nhà riêng lúc chưa làm vua), vua sai dạy kinh điển, và dạy tập nội đình. Trong cung gọi là tiệp dư phu tử. Năm 36, Dực Tôn Anh hoàng đế lên chầu trời, vâng ý chỉ 2 cung sắc dụ đều cho tay Thị ấy làm. Năm Hàm Nghi thứ nhất, tháng 5, kinh thành có việc đi theo 2 cung đi Quảng Trị có bài hát quốc âm xe vua vào Thục[1]. Ngày 2 xe cùng về, các sắc phụng chiếu thư, cầm bút viết xong ngay, việc gì cũng xứng chỉ. Năm Thành Thái thứ 4 kính vâng từ chỉ, nghĩ công khó nhọc, tấn phong tam giai Lễ tân. Năm Duy Tân thứ 3, tháng 11 Thị chết thọ 80 tuổi.

(1) Xe vua đi vào Thục: Đường Minh Hoàng tránh loạn đi vào Thục.

Digitized by Google

QUYỂN 5

TRUYỆN CÁC HOÀNG TỬ - MỤC THỨ I

Các con của Thế tổ (gồm 13 hoàng tử. Con thứ tư tức Thánh tổ Nhân hoàng đế. Còn 12 người trước đã chép vào truyện 10 người, nay chép vào truyện 2 người) là:

- Định Viễn quận vương Bính.
- Từ Sơn công Mão.

Các con của Thánh tổ (tập trên) (gồm 78 hoàng tử. Con cả tức là Hiến Tổ Chương hoàng đế. Còn 77 người chép vào truyện 72, chưa chép vào truyện 5 người).

Hoàng tử Chính,
Thọ Xuân vương Miên Định,
Ninh Thuận quận vương Miên Nghi,
Vĩnh Tường quận vương Miên Hoành,
Phú Bình công Miên Áo,
Nghi Hào quận công Miên Thẩn,
Phù Mỹ quận công Miên Phú,
Hàm Thuận quận công Miên Thủ,
Tùng Thiện quận công Miên Thẩm.

*
* *

Các con của Thế tổ

Định Viễn quận vương tên là Bính, ... lại tên là Húc, là con thứ 6 của Thế tổ Cao hoàng đế, mẹ là Tiệp dư họ Dương, là em cùng mẹ với hoàng nữ Ngọc Cửu. Sinh năm Ất tỵ, lúc mới làm hoàng tử thích chơi bời, vua quở trách. Thánh tổ khi chưa lên ngôi hai ba lần xin tha hộ cho. Sau biết hối cải,

Digitized by Google

hành động theo lễ phép. Vua khen. Năm Gia Long thứ 16, được phong làm Định Viễn công. Năm Thiệu Trị thứ 2, ngự giá Bắc tuần, ông theo hầu; khi vua nhận sách phong do sứ nhà Thanh đem sang, ông sung chức ngự tiền thân thần nhận sắc. Đến khi trả về, được ban thưởng hậu. Năm Tự Đức thứ 16, ông chết, thọ 67 tuổi. Ông là người trung hậu thanh kiệm, kính giữ chúa phiên vương. Ngày chết, vua nghe tin thương tiếc lắm, nghỉ chầu 3 ngày, tấn tặng làm quận vương, cho thụy là Đôn Lượng, cấp 10 mẫu ruộng để thờ cúng, dựng đền thờ ở xã Dương Nỗ, thuộc huyện Phú Vinh. Có 42 con trai, 31 con gái. Con trưởng là Tĩnh Cơ, năm Thiệu Trị thứ 3, ân phong làm Bái Trạch đình hầu. Con thứ 9 là Tĩnh Long, năm Tự Đức thứ 26 ân phong làm Phụng quốc khanh.

Từ Sơn công tên là Mão.

Là con thứ 13 của Thế tổ Cao hoàng đế, mẹ là Chiêu dung họ Nguyễn Văn, sinh năm Gia Long thứ 12, năm Minh mệnh thứ 6 phong làm Từ Sơn công. Tết nguyên đán năm thứ 14, ông được khâm mệnh đi tế thay vua, vì chậm trễ, vua giận giao xuống cho phủ Tôn nhân nghị tội, phạt lương 3 năm. Sau bết hối, chịu khó đọc sách, hành động theo lễ phép, kính giữ chức phiên vương. Vua khen, Tự Đức năm thứ 2, vua thấy ông tuổi cao đức tốt, miễn cho thường khi triều khỏi phải lạy, để tỏ lễ ưu hậu. Năm thứ 7, mùa xuân tháng 2, vua đến thăm nhà Thái học, ông theo hầu, vâng lệnh làm 10 bài ca Thị học.

Bài thứ I.

Trời yêu nước Nam, đóng đô Phú Xuân, thánh thần truyền nối, vun đắp dần dần.

Nhà học rèn tài, giáo hóa trau dồi, lâu ngày cảm hóa, không chán lòng người.

Bài thứ II.

Digitized by Google

Thánh bắt chước trời, dựng vua và thầy, đạo tâm rõ rệt, Thánh học nối hay.

Xét ra điển cũ, làm lễ long sùng, thêm rạng công tước, tuyền mãi không cùng.

Bài thứ III.

Mùa xuân tháng 2, ngày "đinh" đúng kỳ, xe loan sắp sửa, nhà học tiến đi.

Gió xuân mát mẻ, nước xuân trong veo, thuyền rồng dây gấm, tiếng hát cất đều.

Bài thứ IV.

Cửa Khổng ngay trước, nào phải xa xôi, nhạc ngựa sang sảng, vua ta tới nơi.

Câm ngạc nghiêm trang, anh tài bao kẻ, rót rượu kính dâng, giúp vua làm lễ.

Bài thứ V.

Lễ vật bày đủ, ngào ngạt mùi hương, tấu 6 khúc nhạc, âm điệu du dương.

Nhạc 6 hàng múa, điệu bộ rất đều, lễ nghi rất mực, ban cho phúc nhiều.

Bài thứ VI.

Nhà học tới nơi, giảng dạy cúng tế, các quan đầy sân, cúi đầu làm lễ.

Mũ, đai, áo, hia, vẻ đông đúc lắm, kính cẩn tôn nghiêm, đường bộ thăm thẳm.

Bài thứ VII

Sĩ tử áo xanh, kính nghe lời dạy, lời dạy là gì, châm răn đời đấy.

Khuyên chăm nghề nghiệp, sửa lòng cho ngay, mài giũa rèn luyện, để nên người hay.

Digitized by Google

Bài thứ IX

Lời vua trọng đại, khuôn mẫu tỏ bầy, tình tứ Chu, Khổng[1], hun đúc xưa nay.

Thân đến giảng dạy, rảy khắp lòng nhân, các quan ban yến, học trò dự phần.

Bài thứ X.

Sĩ tử chịu ơn, hát thơ Vực bốc [2] đều chúc vua ta, trời ban trăm phúc.

Sĩ tử chịu ơn, hát thơ Hạn lộc [3], đều chúc vua ta, trời ban trăm lộc.

Đem đệ trình lên. Vua khen ngợi cho liệt vào tập "Bích ung canh ca hội". Năm thứ 21 chết, thọ 56 tuổi, cho thụy là Ôn thận, dựng đền ở xã Xuân Hòa thuộc huyện Hương Thủy. có 13 con trai, 10 con gái. Con thứ trưởng là Từ Đàn, ân phong là Mộc đức hầu. Con thứ hai là Từ Cương, ân phong làm Tân an hầu, sau tập phong làm Từ Sơn huyện công. Cháu là Thái Cẩm tập phong huyện hầu.

*

Các con của Thánh tổ.

Hoàng tử Chính, là con thứ hai của Thánh tổ Nhân hoàng đế. Mẹ họ Ngô, con gái viên chưởng cơ là Văn Sở, lúc đầu vào hầu Thánh tổ từ khi còn ở tiềm để, Minh Mạng năm đầu, phong làm cung tần, sau được tấn phong làm Niên phi, ông sinh năm Nhâm tý mùa thu tháng 8, mới được một năm chết non, thờ ở đền Triển thân. Tất cả các hoàng tử chết non đều phụ tế ở đây (dưới cũng thế).

Thọ Xuân vương Miên Định, tự là Minh Tĩnh, hiệu là

(1) Chu: là Chu công - Khổng là Khổng tử.

(2) Thơ Vực bốc: tên 1 thiên trong Kinh Thi, xưng tụng Chu Văn Vương khéo dạy dỗ được nhiều người tài.

(3) Thơ Hán lộc: tên 1 thơ trong kinh Thi, khen tiên tổ nhà Chu đời đời có đức, có nhiều người hiền tài, thần ban cho nhiều phúc.

Digitized by Google

Đông Trì. Lúc đầu Thế tổ Cao hoàng đế cho tên là Yến, năm Minh Mệnh thứ 4, ngự chế sách vàng biên dòng dõi nhà vua, cho tên hiện nay. Là con thứ 3 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, mẹ là gia phi họ Phạm, người ở huyện Tuy Viễn tỉnh Bình Định, con gái Văn Chẩn truy tặng Quang lộc tự thiếu khanh, sinh vương vào tháng 7 mùa thu năm Gia Long thứ 9. Khi Gia phi chết, vương mới 3 tuổi, Thuận thiên Cao hoàng hậu nuôi ở trong cung. Lúc nhỏ yếu đuối nhưng đĩnh ngộ, học ở chái tây điện Cần chính. Thế tổ Cao hoàng đế thường thấy cắp cặp đi học, càng khuyến khích khen ngợi. Khi lớn trạng mạo đẹp đẽ, tư chất hơn người. Minh Mệnh năm đầu, cùng với hoàng trưởng tử (tức Hiến tổ Chương hoàng đế) được ra làm phiên vương theo học các sư phó; xem rộng các sách. Có tiếng là hay thơ, càng giỏi về thể thơ ứng chế. Vâng chiếu họa bài thơ "Cấm trung tử quì hoa" (Hoa quì tía trong cung cấm), có câu rằng: phiên âm: "tự tàng tuệ tỏa lưu đề vịnh, tiên chiếm quân phương độc thiện danh" dịch nghĩa: Từ khi nhà vua có thơ đề vịnh để lại, hoa quì ... chiếm tiếng thơm đẹp trong các hoa. Vua rất khen. Khi ấy Tuy Thịnh quận công là Trương Đăng Quế suy tôn làm nhà ứng chế chuyên môn. Cho nên trong bài cung từ của Thiện quận công là Miên Thẩm có câu phiên âm: tất cánh trầm tam[1] hoàn đệ nhất, đương gia thiến thủ Thọ Xuân công. Tạm dịch: "Rốt cuộc ... lại thứ nhất, chuyên môn hay giỏi Thọ Xuân công, là chỉ vào việc đó.

Năm Minh Mạng thứ 4, có sắc dụng phụ đi ở bên tả trong kinh thành để tiện chầu hầu. Năm thứ 6, mùa hạ, vua đi thăm Quảng Nam, sai ông lưu ở Kinh, có dụ rằng: Khi có tờ chỉ, và cả việc ở Nội, chuẩn cho làm tập tâu.

Năm thứ 7, mùa hạ, vua đi thăm Quảng Bình lại sai lưu ở Kinh. Năm thứ 9, mùa thu, vua mệt, vương và hoàng trưởng tử túc trực ở nhà Duyệt thị. Khi ấy thái y tiến thuốc chưa

(1). Không rõ đọc là "trầm tam" hay là "thầm tâm", nên chưa hiểu nghĩa.

Digitized by Google

công hiệu, vua từ chối không dùng, vương và hoàng trưởng tử dâng sớ khuyên can, vua bèn sai dâng thuốc, vài ngày thì khỏi. Khi vua ngự ra điện Cần chính, nhận lễ mừng, tuyên triệu lên điện, thong dong ban nước trà rồi lui.

Năm thứ 11, mùa xuân sách phong làm Thọ Xuân công.

Năm thứ 16, mùa xuân vương cùng hoàng trưởng tử vào chầu ở Đông Các, vua ban cho mỗi người cái lư hương, 1 đàn cầm quí. Dụ rằng lư hương để truyền mùi thơm, đàn để nảy thành tiếng, mong cho các ngươi tiếng thơm đồn xa, nên cố gắng đấy. Vương cúi đầu tạ. Mùa hạ năm ấy, vua đi thăm Quảng Trị, sai lưu lại giữ Kinh thành, dụ rằng: Kinh sư là nơi căn bản, cho người lại coi giữ, hàng ngày đến điện Cần chính cùng các đại thần thương nghị thỏa đáng. Lại cấp cho con dấu bằng ngà, phàm khi có việc ở trong cung khổn, cho phép một mình làm tập tâu lên. Khi vua trở về, hỏi ở Kinh mưa gió thế nào? Vương thưa rằng từ khi nhà vua đi tuần đến nay, bị mấy tuần gió bấc mưa to, khí trời rất rét lạnh. Vua nói: tháng tư mà rét quá, mấy chục năm nay chưa có thế, cũng là việc lạ. Trẫm đi tuần chỉ ra ơn cho dân hạt, ban ơn cho kỳ lão mà thôi. Đến như xét địa phương xem phong tục thì chưa kịp làm.

Năm thứ 11 mùa thu, mới đặt chức quan phủ Tôn nhân sai Vương kiêm giữ chức Hữu tôn chính phủ Tôn nhân. Dụ rằng: phàm người trong tôn phổ không kể là thân sơ, đều thuận dưới quyền vương trông coi cả. Vương bèn xin lập ra điều lệ. Sau có sớ cử Tôn Thất Lương ở quan thanh bạch, xin nêu khen để khuyến khích. Vua cho.

Năm thứ 19, sai cùng với quan bộ Lễ tiếp tục bàn chương trình phủ Tôn Nhân để thi hành.

Năm thứ 21, mùa đông, vua bị mệt, gặp khi danh sách xét án mùa thu dâng lên, vua sai vương cùng hoàng trưởng tư duyệt lại. Vương cho việc ấy là việc trọng đại, nhường để

Digitized by Google

hoàng trưởng tử xử đoán, vua khen. Sau vua cho vườn Diệm Lộc để làm nơi đọc sách trong các ngày rỗi. Và dụ lấy ý nên lưu tình văn bài, ngày chăm tiến đức sửa mình. Mùa đông năm ấy vua mất. Triệu Thị năm đầu, làm đại lễ Ninh lăng, vương theo hầu bàn thờ tiên đế, thương xót hết lễ, và khi đề chủ sung chức giúp đỡ.

Năm thứ 2, mùa xuân, ngự giá Bắc tuần làm lễ bang giao, vương sung làm ngự tiền thân thần. Ngày tuyên phong, sứ nước Thanh là Báo Thanh ngồi kiệu vào thẳng cửa Chu Tước, quan hầu tiếp không ngăn trở được. Vương nghiêm sắc mặt thét mắng, sứ nước Thanh liền xuống kiệu đi thong thả. Khi làm lễ xong, vua khen. Đến khi trở về kinh, thưởng cho 1 tấm bài đeo bằng ngọc trắng, có khắc 4 chữ "đặc dị quyến bưu" (sủng ái đặc biệt).

Năm thứ 3, mùa hạ, làm lễ thăng phối[1] xong, vua ngự ra triều nhận lễ mừng. Vương làm lễ thượng thọ, vua thân rót rượu của vua dùng ban cho và cho bài thơ rằng:

Phiên âm: Bất di dương niên cộng điển phần, thành phạm lưu lãm hóa tư văn, ích đôn thân ái long phiên bính, vật ngại quân thần phân sự phân.

Dịch nghĩa: Cùng học như xưa há dễ đâu, văn hay lưu lại để xem sao, càng thêm thân ái càng thêm vững, chớ ngại vua tôi phận khác nhau.

Năm thứ 5, mùa hạ, vua đặt ra chữ bộ chia từng phòng của các tướng công, để rõ về dòng nhà vua. Vương được bộ thủy. Vua lại làm 1 bài thơ đặt các chú từ về chính phái, để làm lịch truyền thế, tỏ ra đặc ân vậy. Sau sai Vương làm chức tổng lý coi làm bộ Đại Nam hội điển.

Năm thứ 7, dâng sớ viện lẽ xin giải việc ở phủ, nhường cho các hoàng tử, tước công. Vua xuống chiếu không cho.

(1) Thăng phối: làm lễ rước thần chủ của tiên đế lên thờ ở nhà Thế Miếu.

Digitized by Google

Năm Tự Đức thứ 2, làm lễ bang giao, vương sung làm ngự tiền thân thần.

Năm thứ 11, Nam Kỳ có biến, vương dự trù việc cõi biên, nhân thấy có việc binh nhung phí tổn nhiều, làm sớ xin quyên lương giúp quân, vua không cho. Năm sau mùa thu, vương làm lễ thọ 50 tuổi, vua cho phẩm vật và câu đối rằng:

Phiên âm: dữ quốc đồng hưu, tình ân báo quốc; hạ thiên tích hựu, thị cáp tri thiên. Dịch nghĩa: "cùng nước cùng vui, có sẵn lòng báo ơn nước, mừng trời cho phúc, thọ đến tuổi biết mệnh trời" (50 tuổi), Vương kính nhận, rồi dâng biểu tạ ơn. Lời trong biểu rằng: Trung để báo nước, giúp đỡ tiếc không có tài bằng Chu Công Đán; thiện để giữ nhà, rất vui biết rõ ý của Đông Bình Vương. Khi sân vua triều lạy, lúc nhà riêng thảnh thơi. Nhờ ơn vua thu phúc ban ra, lên cõi nhân thọ. Đợi phúc trời đổi dào thấm khắp trong mình khang cường. Nhân nay có biến ở biên thùy, thực không chút công lao thước tấc. Đương muốn viện lệ già yếu, tuổi 50 làm việc riêng tự thẹn lòng, ngờ đâu ban ơn đặc biệt, lễ tam đại trọng nghi, may được lạm duệ.

Năm thứ 13, mùa xuân, kính gặp Nam Giao lễ lớn vương sung làm nhiếp hiến.

Năm thứ 18, mùa xuân, Vua thấy vương tuổi cao đức tốt, khi thường triều yến, có ban cho hoặc hỏi bảo việc gì mà phải ra vậy, thì cho ngồi ở chỗ, hoặc đứng dậy lấy tay chắp lên ngang trán, để tỏ là chí tình. Sau được tay vua viết sắc cho khi tiến triều được ngồi võng đến ngoài cửa Nhật Tinh, để tỏ ra ưu đãi. Năm ấy, đổi giữ chức Tả tôn chính phủ Tôn Nhân. Vương vào bái mệnh, vua dụ rằng: :bậc lão thành không có mấy, nên tạm phiền đến Vương, nên gắng theo phép cũ, chớ sai mệnh lệnh của trẫm. Vương bèn xin chọn người cẩn thận sung làm chức tư giáo, để giữ việc, vua y cho.

Digitized by Google

Năm thứ 19, mùa thu, vương vào chầu, vua bảo rằng: từ xưa, nhiều người trong tôn thất có đức sáng nết hay, tự có thể làm nên địa vị hiển đạt. Nay muốn cho con cháu các công đều mài dũa thành tài, kịp thời dùng làm việc cho bõ nguyện vọng của trẫm trông cậy như cái thành để che chở bảo vệ mà lâu nay dạy bảo thế nào, chưa thấy có thành hiệu. Vương thưa rằng: các viên dực thiện phẩm cấp chức kém, không đủ tư cách làm thầy, nay xin lại mở nhà tôn học, đặt 1 viên chưởng giáo, chọn người sĩ phu nào có đạo đức ngay thẳng trong hàng khoa giáp, có thể làm thầy dạy có mẫu mực bổ sung chức ấy, mới có thể kịp thời thành tựu. Vua khen là phải. Sau sai đặt học đường, lấy nhã sĩ là Đặng Văn Kiều làm chưởng giáo. Vương lại xin cho con cháu các công được theo các nha trong bộ để học tập chính sự. Vua nói: nguồn gốc chỉ phác trăm đời, nên xếp đặt sớm, để được thành tài. Không thế thì ngày càng sinh sản nhiều, sau không thành ra thế thống gì. Bèn sai vương cùng các công đồng sự châm chước chọn điển lệ nhà Thanh những công việc nên làm thế nào rồi phúc tâu lên. Bấy giờ điều trần tấu rằng: phàm con cháu tước công, trừ ra người nào có văn học được xét bổ thì không kể, ngoài ra ai học lực không tiến, mà có sức khỏe, thì bổ vào trường học bên võ. Con gái các công không có tư bản gì, thì cho sung vào phụng trực ở điện các tôn lăng, để có chỗ trông nhờ. Vua y nghị cho thi hành.

Năm thứ 22, mùa thu, hưởng thọ 60 tuổi, vua cho áo gấy phẩm vật và bài thơ rằng:

Phiên âm:

Giới độ tích vưu chí, tôn phiên kim thư tỷ, vô trường năng tự húc, nan lão khởi duy kỳ,...

Dỹ cực tiêu đình tước, ninh vong tự tục quy, tất nhân phương đắc thọ, lượng hữu nhất kinh di.

Dịch nghĩa:

Digitized by Google

Xưa là em vua [1] thân đến đâu, nay là phiên vương giúp đỡ nhau, không tài nhưng biết tự cố gắng, mới 60 tuổi thọ còn lâu, tước triều đình vương tôn quý nhất, vì con cháu lo xa nghĩ sâu, hẳn phải là nhận mới được thọ, chắc có một kinh để lại sau.

Năm thứ 27, mùa hạ, được tấn phong quận vương. Dụ rằng: Công và Ninh Thuận công Miên Nghi đều là bậc chú của trẫm, năm nay gần 7 tuần, tuổi tác trung hậu, càng già càng chăm, là bậc làm phên dậu che giữ của trẫm, trẫm rất kính, rất yêu. Mỗi khi muốn đặc ân cách để yên tấm lòng chân tình của ta, nhưng không phải phẩm vật là quý , danh vọng mới quý, thì phẩm vật gì để xứng với tình ta ư? Nếu mà để đến khi đã chết mới truy khen bao phong, sao bằng bao phong cho lúc còn sống được kịp thấy là hơn. Vậy 2 công chuẩn tấn phong làm quận vương, nói về thân tình, về tuổi già, về đạo đức, không gì là không đúng cả, có thể trên yên lòng hữu ái của tiên đế, mà bỏ tấm lòng rất hậu đãi người thân phiên của trẫm. Nhờ đức lớn ấy gây được phong tục hay, trẫm lại càng mong lắm vậy.

Vương cùng Ninh Thuận công dâng sớ khẩn thiết chối từ, cho là triều đình từ khi đại định đến nay, các thân phiên chưa có ai còn sống mà được phong tước vương cả. Huống chi nay đương lúc biên thùy có nhiều việc, hoàng thượng sớm khuya lo nghĩ chưa rỗi, mà nhiều lần dự bàn việc nước việc binh, không có chút gì bổ ích, tự biết vô công mà hưởng lộc hậu, trong lòng thấy không yên chứ không dám khiêm nhượng hão.

Vua phê bảo: triều đình khâm định chưa phong tước vương, và chưa được người chưa phải lúc, cho nên vẫn đợi. Hai chú đừng từ chối để yên lòng kính người lão quý thân rất thành thực của trẫm. Bèn nhận lễ phong.

Năm thứ 29, mùa đông, vâng có dụ rằng: tuổi vương quá

(1) Miên Định là em Thiệu Trị, chú Tự Đức.

Digitized by Google

60, sắp được chống gậy vào triều, mà lòng trung cần chưa chút giảm. Chuẩn cho khi dự yến, yết kiến ở tiện điện và ban cho tầm thường hoặc hỏi han gì chỉ làm lễ 3 vái cũng đủ tỏ ra cung kính, miễn cho phải quỳ lạy.

Năm thứ 30, mùa xuân, vua thấy vương tuổi cao đức tốt, mà trung cần không đổi, sai quan phủ Thừa Thiên chọn 15 mẫu ruộng công hạng tốt cho làm ruộng thế nghiệp, để thờ cúng bà Phi trước và làm của hương hỏa cho vương về sau.

Năm sau, mùa xuân, gặp đại khánh tiết ngũ tuần vạn thọ, được tấn phong là Thọ Xuân Vương. Dụ rằng: lễ mừng ban ân huệ, tất từ gần trước là nghĩa thân người thân vậy. Thọ Xuân Vương tuổi gần 7 tuần, phúc thọ phú quý đều có cả, mà ưu ái trung thành, càng lâu càng nhiều. Triều đình có bậc họ thân tuổi tác, chẳng những riêng trẩm kính yêu, cũng đủ thỏa lòng mọi người trông mong. Chuẩn tấn phong làm Thọ Xuân Vương, để yên ủi tuổi già mà tỏ ra lòng yêu quý ưu đãi.

Năm sau, mùa thu vương thọ 70 tuổi, vua ban phẩm vật trong kho ra, làm bài tự văn và bài ca để mừng thọ. Đại lược rằng: Ở đời khó được là phúc và thọ, hoặc người có phúc mà không thọ, hoặc người có thọ mà không phúc được 1 điều đã là một hai người trong trăm nghìn người, được cả hai điều lại là một hai người trong vạn ức người. Huống chi kiêm được cả hai điều, mà lại vẹn đủ không thiếu sự gì, thì thực là điều tuyệt nhiên không có trong trăm ngàn vạn ức người, mà chỉ có một mình được vậy. Có người nói rằng ta được một người vào trong ấy vậy. Vương ví như con vua Văn Vương, em vua Vũ Vương, chú vua Thành Vương nhà Chu ngày xưa, đã sớm được phong cho đất, đến nay nhiều lần gia phong, ngôi ở dưới thiên tử một bậc, quý đã là quý lắm rồi. Trải thờ 4 triều, lộc đến nghìn chung, ban cho vô kể, giàu đã là giàu lắm rồi. Nhưng đều là phận đáng được, chưa lấy gì là khó. Duy có, nghe nói: vương lúc trẻ yếu đuối bệnh tật, sau lúc trưởng

Digitized by Google

thành sung sức khỏe mạnh, sinh được trai gái quá trăm người, thế thì bài đẻ trăm con trong Kinh Thi so ra còn kém, lại còn ngờ gì là khen quá. Huống chi lại tinh thần sáng suốt, càng già càng béo tốt. Năm nay thọ đến tuổi "cổ hy" (70 tuổi). Tuy râu tóc đều bạc phơ mà ăn uống, trông coi, nghĩ ngợi, nói năng không kém, khiến người ta đáng kính đáng yêu mà không thôi được. Có kẻ nói rằng: xưa Lương Hiếu Vương giàu to mà không nghe nói thọ và nhiều con trai; Trung Sơn Vương nhiều con trai mà không nghe nói giàu thọ; An-Bình Vương hưởng tuổi thọ mà nhiều con trai và giàu thì chưa nghe nói. Nay Vương tiếng tăm không bằng Tùng Thiện Vương và Tuy Lý Vương, hào hùng tuy không bằng Ninh Thuận Vương, làm giàu tuy không bằng Định Viễn quận vương, nhưng mà các vương xưa nay đều có chỗ không đủ. Duy 1 mình vương có thể đủ phúc đẹp đẽ, để làm rạng rỡ nền phúc trạch của triều ta rạng rỡ để lại trong sử sách. Chẳng phải tuyệt nhiên không có mà chỉ có 1 mình vương thôi ư? 2 đoạn cuối cùng nói rằng: Ta nghe Mạch Thúc nói có 3 điều bất hủ mà không nói gì đến thế tộc (đời đời ăn lộc). Tạm dùng ý ấy để mừng tuổi thọ của vương. Bèn làm ca để tỏ tình rằng. Ca rằng: (miễn phiên âm).

Mười châu ba đảo nhiều thần tiên,
Ta nghe nói tên, mà chưa thấy người,
Khói mây suối đá, là nơi vui thú của người ẩn dật,
Nếu được thấy người, còn sợ khó vẹn tuyền.
.....
Sao bằng đời nay có tiên ông,
Đông Trì chủ nhân[1] lại ở trong.
Đất Đông Trì tuy gần đô thị,
Cảnh Đông Trì kiêm cả sơn thủy,
Ta chẳng mục kích nhưng nghe nói rất đẹp đẽ,
Chủ nhân tìm chỗ ấy đã lâu,

(1) Tên tự của Thọ Xuân Vương Miên Định.

Digitized by Google

Trên có cây cao chim quý nương đậu,
Dưới có sen thơm cá lội nhỡn nhơ,
Quan mát nhà ấm, không chi không đủ,
Gió mát trăng trong không cần khép cửa,
Con cháu quanh gối, không thuộc hết tên, chỉ hất hàm gật,
Em trai em gái cùng vui đánh cờ một bàn,
Chủ nhân tuy không thích uống rượu nhưng thích khách,
Uống mỗi chén vịnh một bài thơ, vui vẻ vô chừng.
Tiếng địch cung đàn thay đổi xướng họa,
Rượu ngon nhắm tốt đầy chỗ ngồi.
Chủ nhân chẳng nói khách quên về,
Đã vẹn cả ngày, lại đến đêm.
Đến nay chủ ông thọ
Vui thú như thế nào?
Muốn đem nước biển đổ thêm vào đồng hồ cho chậm giờ,
Không để cho vầng trăng vội lặn xuống sóng biển,
Trước sân đèn và hoa quả đương sắp sửa,
Chờ xem hai sao[1] sắp vượt ngân hà.
Gần đến đêm ông Phần Dương[2] cầu chúc,
Cho nên phúc thọ ngày thêm nhiều.
Nhân sinh thích chí thế là tột bậc,
Thần tiên trên cõi đất đều là nói ngoa,
Tưởng chừng đối với Trần Tư[3], Đạo Uẩn[4] cùng là một hạng người,

(1) Sao Khiên Ngưu và sao Chức Nữ.
(2) Phần Dương: tức là Quách tử Nghi đời Đường, điểm cầu chúc này chưa rõ.
(3) Trần tư: tức là Tào Thực, con Tào Tháo phong trào Trần vương tên thụy là Tư.
(4) Đạo Uẩn: tức Tạ Đạo Uẩn, cháu gái gọi Tạ Can bằng chú, Trần Tư và Đạo Uẩn đều thơ hay cả.

Digitized by Google

Thơ hay phú giỏi tranh nhau bày ra,
Chưa biết có vừa ý của chủ nhân không? Có giúp được lòng nhân chủ nhân không?
Có lưu được danh tiếng của chủ nhân, được đến nghìn năm không?
Như mây trôi nước chảy nguyên không định,
Đàn cửa Ung Ngôn không nỡ nghe[1]
Cây Kinh của nhà họ Điền sợ lại bị héo[2]
Ao nhạn, vườn thỏ thành ra vỏ hoang,
Sao được như Cố Hổ Đầu[3],
Được như Vương Ma Cật[4],
Uống chén lớn,
Vẫy bút lớn,
Vẽ ra chân dung của Đông Trì thọ tiên,
Để treo giữa Đông Trì,
So với bản vẽ 9 ông già ở Hương sơn tranh thi hơn kém,
Bức vẽ 9 ông già,
Bức vẽ Chu công giúp vua Thành vương nhà Chu[5]
Chẳng biết ngay ngày nay còn ai sống không?
.....

Vương dâng biểu tạ ơn. Nói rằng: "Lâu đội ơn trên thân yêu, gây dựng quá hậu; sớm được phong cho tước thổ, dong chơi làm vui. Là con Văn Vương, là chú Thành Vương, đức không đủ, sao xứng đáng với tiếng thơm; giàu như Lương

(1) Ưng Môn Chu ngày xưa gẩy đàn hay, thường gẩy đàn ở nhà Mạnh Thường Quân, làm cho Mạnh Thường buồn đến phải khóc.
(2) Điền Chân có 3 anh em, muốn chia của ở riêng, tự nhiên cây tử kinh ở sân bị khô héo, anh em thấy thế cảm động, không chia của nữa, cây tử kinh lại sống lại. Đời sau mượn cây tử kinh làm điển anh em.
(3) Cố Hổ Đầu: tức là Cố Khải Chi, người Tấn, vẽ khéo.
(4) Vương Ma Cật: tức là Vương Duy, người đời Đường, vẽ khéo.
(5) Hán Vũ đế lập Phật Lăng (tức Chiêu đế) làm thái tử, sai Hoắc Quang giúp thái tử, bảo người vẽ bức tranh Chu Công giúp Thành Vương để cho Hoắc Quang.

Digitized by Google

Hiếu,thọ như An Bình, nhiều con trai như Trung Sơn, phúc được kiêm là lạm nhờ ở tạo hóa. Đẫn củi phải nghĩ sao cho gánh nổi, món ngon cầu tránh tiếng ăn không. Uổng công chưa thể thêm vào nhà biển, lạm nhận tiếng khen của Chu công. Xét mình không xứng, sợ để tiếng cho người sau, nghĩ đến thân tàn, đương tự thẹn với tuổi thọ. Ngờ đâu tới tuổi bảy tuần, lại được ơn vua yêu quý. Trông lên của báu kho vua, đều là thế gian ít có; đọc lời sắc văn rõ ràng, ngụ ý giáo dục chu chân. Vua rất khen ngợi.

Năm thứ 33, mùa thu con nối là quận công Hồng Hạo mất, vương thương xót thành ốm, dâng sớ xin thôi việc phủ. Vua nói: việc phủ không bận lắm. Vương là người lão thành am luyện, đứng chủ trương đốc suất có khó gì mà phải từ việc. Nên giữ gìn cho dài tuổi thọ. Các con đông nhiều, cho người nào khá để thay, cũng là thường tình của người ta, chớ nên thương tâm thành bệnh; nên nghĩ báo nước suốt đời mới thôi.

Năm thứ 36, mùa hạ, tháng 6, Dực Tông Anh hoàng đế chầu trời, để lại tờ chiếu cho Cung Tôn Huệ hoàng đế nối ngôi, lấy vương cùng Tuy Lý quận vương đều là người rất thân, tuổi và đức đều cao hễ thấy nhà nước có điều gì không phải, nên hết lời sửa chữa cho đều được tốt cả. Mùa thu năm ấy, vâng theo di chiếu tấn tôn Trung Phi (tức Lệ Phi hoàng hậu) làm hoàng thái hậu. Bấy giờ quyền thần[1] đã rước lập Lãng quốc công[2]. Quần thần nghị cho rằng khó tôn xưng. Vương kiến nghị xin theo lệ Khai Bảo[3] hoàng hậu triều Tống, bèn hội đồng phủ Tôn nhân và đình thần dâng sớ lấy mỹ tự tên ở cung, tấn tôn làm Khiêm hoàng hậu, công luận bèn đình. Mùa đông năm ấy, kính gặp Ninh Lăng lễ lớn vương sung việc đề chủ. Hàm Nghi năm đầu, mùa hạ, kinh thành

(1) Tức là Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết.
(2) Tức là Hiệp Hòa đế.
(3) Tức Tống Thái Tổ hoàng hậu.

Digitized by Google

có việc, vua chạy ra bên ngoài, trong nước không chủ, Vương vâng ý chỉ hai cung, tạm coi việc nước, lòng người hơi yên. Sau tâu xin cho các công Tuy Lý, Hải Ninh, Hoằng Hóa, trước nhân có tội, chia ở các tỉnh, chuẩn cho đều về kinh. Mùa thu năm ấy, Cảnh Tông Thuần hoàng đế (tức là Đồng Khánh) lên ngôi, vương bèn xin nghỉ việc, nhưng vẫn kiêm việc ở phủ Tôn Nhân. Vua thấy vương phẩm trật đã cao, không thể gia phong được nữa đặc biệt cho 200 lạng bạc để đủ nuôi tuổi già. Vương đã nghỉ việc, đến tòa sứ thăm hỏi, nhân nói đến việc sau này là lương bổng của các hoàng thân không đủ dùng. Khâm sứ là Sâm-bô bèn lấy một nghìn đồng bạc tây dương giao viện Cơ mật đem biếu vương để tỏ ý tốt. Khi ấy Tôn Thất Bá hạch tâu cho là làm tắt như thế không hợp lệ, vâng lệnh chuẩn phạt vương 3 năm lương. Đồng Khánh năm đầu, mùa đông, vương chết, thọ 77 tuổi. Vua nghe tin vương chết, lấy làm thương xót, nghỉ triều 3 ngày, sai hoàng thân công ban rượu tế, đặc biệt cho tôn thụy là Đoan khác. Ngày đem chôn, sai quan đến tế. Lại vâng lệnh hai cung mỗi cung sai quan đến tế 1 đàn. Đền thờ ở mả tại bãi Dương Xuân, từ đường ở Đông Trì, nhân nhà cũ đổi dựng lại. Trước tác của ông có tập "Minh mạng cung từ", "Minh Tĩnh ái phương thi tập". Con trai 78 người, con gái 66 người, con trưởng là Hồng Tuấn được ân phong là Mộng ân đình hầu; con thứ 7 là Hồng Hạo bắt đầu tập phong làm Đình hầu; năm Tự Đức 24, tập phong làm Thọ xuân huyện công; năm thứ 31, tập phong làm quận công. Con thứ thứ 12 là Hồng Chiêm ân phong làm Trợ quốc khanh, con thứ 15 là Hồng Hàm ân phong làm Phụng quốc khanh. Con thứ 34 là Hồng Cẩn ân phong làm Trợ quốc úy. Cháu đích là Ưng Hào tập phong làm Thọ xuân hương công. Sau lấy bản tước ấy kiêm giữ chức hữu tôn khanh phủ Tôn nhân. Năm Thành Thái thứ 14, được đổi thụ hàm quan Quang lộc tự khanh, hiện giữ việc phủ. Vương trời hiếu thảo yêu quý anh em, giữ mình cẩn thận, tuổi cao đức lớn, được

Digitized by Google

triều đình nhờ cậy quý trọng đã lâu. Giữ việc trong họ nhà vua hơn 50 năm, chính mình đề xướng suất kẻ dưới, hòa để với mọi người, thiết lập ra giáo điều, khen nhắc người hiền tuấn. Nhiều người trong tôn phả được thành tựu. Kịp đến khoảng năm Ất dậu có việc biến cần kíp, vương là người rất thân tâm giữ chính, quyết kế lớn, xử đoán mối nghi ngờ lớn, đem việc tâu rõ, để cho lòng người có nơi lệ thuộc, chuyển nguy làm yên. Nếu chẳng phải là người trung thành, đức độ sẵn chứa trong lòng sao được đến thế, cho nên mới được phú quý thọ khảo, nhiều con, mọi phúc đầy đủ, thực là trong các vương xưa nay ít thấy được người như thế.

Ninh Thuận quận vương là Miên Nghi trước kia tên là Dục, sau mới ban cho tên hiện nay. Là con thứ 4 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, mẹ là Trang tần họ Trần người ở Phú Lộc, phủ Thừa Thiên, con gái của Trần Công Nghị, truy tặng làm vệ úy, sinh ra vương vào năm Gia Long thứ 9. Vương phong tư khôi ngô khác người, tính tình hào mãi. Khi làm hoàng tử ra mở phủ đệ theo học, đọc rộng khắp các kinh sử. Năm Minh Mạng thứ 17, được phong làm Đức Thọ công. Năm thứ 14, đổi phong làm Ninh Thuận công. Năm thứ 17, sai tạm giữ chức tả tôn nhân phủ Tôn nhân. Năm thứ 21, sai cùng hoàng trưởng tử là Trường Khánh công duyệt lại danh sách xét án mùa thu, công nhường hoàng trưởng tử quyết định được thỏa đáng, vua khen. Năm Tự Đức thứ 3, vương xin lập nhà tôn học để dạy con cháu các hoàng thân. Vua khen là phải, sai định chương trình để khích lệ. Sau khi cho viên phạm tội là cử nhân Phan Văn Xưởng sung làm chức giảng tập trong phủ Tôn nhân. Vua mắng trách rằng. Việc giáo tập tất phải lấy người có đức hạnh văn chương mới có thể làm mô phạm, nếu lấy người phạm tội sung vào, thì sự thể còn ra sao nữa? Vua không cho. Năm thứ 5, công tiến thứ lúa tốt. Vua nhân làm bài thơ "Gia hòa" cho công xem và cho kim tiền. Bài thơ ấy có câu: Chỉ có ông là hàng rất thân,

Digitized by Google

trong cùng ruột thịt, ngoài làm phên che, được ban ngọc khuê chia cho đất phong không cậy là cao quý chỉ nghĩ việc cày cấy gian nan. Dựng nghiệp riêng ở bên Đông thành sống đạm bạc, ruộng ngang dọc giáp hàng rào bông bụt, buổi sớm nhàn rỗi, đọc sách xong chẳng thích gì, đi ra đồng ruộng chăm việc làm cỏ. Ngày ngày chống gậy thăm đồng ruộng, lúc rỗi cùng với ông láng giềng đi cày bừa, quần rách áo tơi không lấy làm lạ, nén cơm luộc rau tự lấy làm vui, gieo mạ từ sau ngày khí dương sinh ra (tức là tháng 11 âm lịch), nếu đợi sao Nông trường mọc sợ chậm quá, may nhờ mưa nắng thuận thời. Trăm khoảnh lúa mạ đều tươi tốt, lúa chín đầy đồng như mây vàng bát ngát, đầy ruộng bông thóc. Sau bảo đầy tớ chóng thu hoạch, dâng thứ lúa tốt đến sân vua, đây đó đầy đấu rất đáng mừng, một bông lúa 2 chẽ quả, bông dài lại là lạ nữa, bông rũ xuống như lá cây trúc, ngổn ngang như cành cây chi chít, há phải ăn rau cần muốn đem tiến bởi tự lòng thành, chỉ muốn quý trọng hạt thóc để làm khuyên răn, thóc quý tặng ta, ta biết thâm ý, bảo trả bằng kim tiền sao nên chối từ, thử xem năm nay việc nhà nông, chỗ được mùa chỗ mất mùa không đều nhau, sao chỉ chỗ ấy lúa tốt quá thế, trông bông lúa bỏ lại chất thành đống cao, tuy là vì cấy sớm và thuận rét nắng, hoặc là lòng hiếu thông cảm đến thần kỳ, (Ninh Thuận công đương có tang mẹ nên hoặc có được thế), bỗng nhiên bông lúa tốt lên điện, hơn hẳn trong vườn mọc cỏ tử chi. Còn thì chép rõ ở trong tập thơ ngự chế.

Năm thứ 18, vua thấy công tuổi cao đức tốt, thường phải ra lạy, chuẩn cho được miễn, để tỏ chí ý tôn thân. Sau sai giữ chức Hữu tôn chính phủ Tôn nhân. Năm thứ 22, lên thọ 60 tuổi, vua sai thị vệ bưng phẩm vật ban cấp và cho một bài thơ. Thơ rằng:

Phiên âm: Ác chưởng đồng chu nhật,
Thân tình tứ trượng niên,

Digitized by Google

Trung phương ưng tự bích.
Ngoại trực phỉ y liên,
Ngu lão tam bôi tửu,
Di tôn sở khoảnh điền,
Vạn thuần phù ý phạm,
Viên giác cửu di kiên.

Dịch nghĩa: Khi nắm tay nhau trong thuyền,
Lúc cho gậy để tỏ tình,
Trong lòng đứng đắn như ngọc bích,
Bên ngoài thẳng thắn như cây sen.
Ba chén rượu để vui tuổi già,
Mấy khoảnh ruộng để cho con cháu,
Tuổi già thuần túy hợp với khuôn mẫu tốt,
Nên nhũn nên sãng càng lâu ngày càng chắc chắn.

Năm thứ 37, tấn phong làm quận vương. Công cho là theo lệ quốc triều, các thân phiên lúc còn sống chưa có ai được phong tước vương cả, nên xin từ chối, nhưng vua không cho (chép rõ ở truyện Thọ Xuân vương). Sau mắc bệnh chưa kịp tuyên phong đã chết, thọ 65 tuổi. Vua nghe tin ông chết thương xót nghỉ triều 3 ngày. Về tước vương mới phong, chuẩn đổi làm truy tặng. Còn việc tang theo tước được tặng mà làm, cho thụy là Đoan Túc. Lại làm thơ viếng rằng:

Chợt làm cho lòng yêu tha thiết của ta,
Chẳng ngờ ông sống chết,
Tuyên phong định vào tháng này,
Được tin ông chết lòng ta đau thương,
Nhớ khi ông còn tuổi trẻ mạnh khỏe,
Chí khí sao mà hào hùng thế,
Cưỡi ngựa bắn súng thạo cả 6 nghề,
Bắn giỏi có thể nối theo nhu cầu trong kinh Thi là bắn một phát được 5 con lợn,

Digitized by Google

So với hai họ Ngụy và hai họ Nhâm ngày xưa,
Văn, võ đều cả trong lòng,
Ngọc trắng khéo tự mài giũa (ý nói biết sửa lỗi).
Tóc xanh đã thành ông già,
Cảnh ao vườn có thú vị chân chính,
Thăm ruộng đồng chăm công việc nhà nông,
Trông coi việc nhà không cầu lợi buôn bán,
Lính no đủ cho con cháu bằng những năm được mùa,
Có món ăn ngon gọi em trai em gái đến ăn,
Xếp đặt công việc giữ lòng công bằng,
Chỗ ngồi lúc nào cũng đông khách,
Trong mâm không lúc nào hết rượu.
Tuy ở vào địa vị rất thân của nhà vua,
Vẫn giữ phong độ nhà nho nước Lỗ,
Tưởng rằng trong lòng khoan khoái, thân thể béo tốt,
Như thế thì tuổi thọ còn lâu dài,
Sao đã sớm chán đời,
Đã vội ốm mệt nặng,
Hôm trước có vào chầu,
Tiếng nói và dung nhan đều thấy kém,
Vẫn thường lo ngại thầm cho ông,
Sao mà đã vội vàng lánh cõi tục thế?
Cõi đời giấc mộng đều thế cả,
Chỉ có tiếng hay để lại không cùng,
Nói đùa ngẫu nhiên mà trúng,
Đã từng cùng nhau đi chung thuyền về,
Tập "Hương thủ ngoại hiên" dâng lên,
Công dụng chẳng có gì, nhưng tình thì là trung,
60 tuổi cũng đã gọi là thọ,
Công giúp đỡ để lại nhiều.
Con nối học hành khá,
Anh em thân yêu nhau,
Đối với ông không có điều gì thắc mắc,

Digitized by Google

Phong tặng tạm để thông cảm cùng nhau.

Ngày an táng, vua sai quan đến tế một đàn. Dựng đền ở xã Tiên Nộn thuộc huyện Phú Vinh. Ông có 34 con trai, 41 con gái. Con trưởng là Hồng Tự ân phong làm Cảm Ân đình hầu, sau tập phong là Ninh Thuận huyện công. Con thứ là Hồng Phẩm tập phong là Ninh Thuận huyện hầu.

Vĩnh Tường quận vương Miên Hoành lúc trước tên là Thự, sau mới ban cho tên hiện nay. Là con thứ 5 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với hoàng nhị tử Chính, sinh năm Gia long thứ 10. Vương khi còn trẻ đã thích học, kịp khi được mở phủ, có học kinh sử qua loa. Năm Minh Mạng thứ 11, phong làm Vĩnh Tường công, năm thứ 16 chết, truy tặng làm quận vương, cho thụy là Trang Mục, thọ 25 tuổi. Dựng đền thờ ở xã Vạn Xuân huyện Hương Trà; sau đổi dựng ở Đông Trì. Có 4 con trai, 2 con gái. Con trưởng là Hồng Duy tập phong quận công. Sau vì phẩm hạnh kém bị lột mất phong tước; sau được khai phục làm Phụng quốc lang. Con thứ là Hồng Kỷ ân phong làm Bình Trạch đình hầu, đổi phong làm Vĩnh Tường hầu. Cháu ông là Ưng Tấn tập phong làm Kỳ ngoại hầu.

Phú Bình công là Miên Áo. - trước tên là An, sau đổi tên hiện nay. Là con thứ 6 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với quận vương Miên Hoành sinh năm Gia Long thứ 15. Lúc làm hoàng tử học tập kinh sử. Năm Minh Mạng thứ 11, phong làm Phú Bình công, sai giữ chức Hữu tôn nhân phủ-Tôn-nhân. Năm Tự Đức thứ 17, vì con vợ thứ là Tập mưu khởi nghịch, ông bị lột mất tước. Năm thứ 18 chết, thọ 50 tuổi, gia ân cho khai phục tước quận công, định việc cho tên thụy, được cúng. Năm thứ 31, kính gặp tiết ngũ tuần đại khánh, vua truy niệm đến ông, xuống dụ rằng: Nguyên Phú Bình công Miên Áo đã chết, là người hiền lành điềm đạm, cũng là phiên vương tốt, chỉ vì quá nhu nhược không dạy

Digitized by Google

được con, đến nỗi phải liên lụy, chuẩn cho gia ân truy phục tước cũ. Dựng đền ở xã Dương Xuân thuộc huyện Hương Trà. Có 10 con trai 7 con gái. Con trưởng là Hồng Quế lúc đầu phong là Hoài An đình hầu; sau tập phong là Kỳ ngoại hầu. Về sau người em là Hồng Trạch, đi tố cáo mẹ y là bất hợp pháp, Hồng Quế vì không cấm trấp được con bị đoạt tước. Con thứ thứ 7 là Hồng Vinh, năm Kiến phúc thứ 1 tập phong làm Phú Bình hầu.

Nghi Hòa quận công Miên Thẩn, là con thứ 7 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, mẹ là quý nhân họ Nguyễn Hữu, con gái Cẩm y hiệu úy là Hữu Trạc, người ở huyện Phong Điền, phủ Thừa Thiên. Sinh năm Gia Long thứ 16. Lúc còn làm hoàng tử, đến nhà Chí Thiện cùng các vương đọc sách, cũng có học hạnh. Năm Minh Mạng thứ 21, phong làm Nghi Hòa quận công. Năm Tự Đức thứ 18, vua thấy công tuổi đức đều tôn, lấy lễ ưu đãi, miễn cho những khi thường triều không phải sụp lạy. Năm thứ 31 chết, thọ 60 tuổi, thụy là Cung lượng, dựng đền ở thượng giáp xã Nam Phổ thuộc huyện Phú Vinh. Có 11 con trai 3 con gái. Con thứ thứ 8 là Hồng Tê tập phong Kỳ ngoại hầu.

Phù Mỹ quận công Miên Phú là con thứ 8 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, mẹ không rõ tên họ là gì, sinh năm Gia Long thứ 16. Lúc còn làm hoàng tử, vốn tính kiêu ngông, thân cận với trẻ hư, thường cho đầy tớ chạy ngựa dẫm chết người. Việc đến tai vua. Vua giận sai lột mũ áo, cấm không được dự hàng với các hoàng tử, cứ lấy tên mà gọi. Sau biết sợ và hối hận, nên được hoàn lại mũ áo vị hiệu, nhưng không cho vào chầu hầu. Thiệu Trị năm đầu, cho theo ban triều bái. Năm Tự Đức thứ 5, phong làm Phù Mỹ quận công. Năm thứ 35, công mở trường hát xướng, dẫn người ngoại quốc tới xem, bị người hạch tâu, có chiếu đoạt tước giáng làm Kỳ nội hầu. Năm thứ 36, mới khai phục tước cũ. Hàm Nghi năm đầu, công chết, thọ

Digitized by Google

69 tuổi, thụy là Cung lượng, dựng đền ở xã Xuân Dương thuộc Hương Thủy. Ông có 13 con trai, 8 con gái. Con vợ thứ là Hồng Ninh tập phong làm Phù Mỹ đình hầu.

Hàm Thuận quận công Miên Thử tên tự là Thị phủ, con thứ 9 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, mẹ là mỹ nhân họ Nguyễn Văn, con nhà lương gia ở Do Linh, Quảng Trị. Ông sinh năm Gia Long thứ 18, lúc mới làm hoàng tử, giữ tính khiêm tốn, đến khi ra mở phủ đi học, tinh thông kinh sử. Năm Minh Mạng thứ 21, phong làm Hàm Thuận quận công. Năm Tự Đức thứ 12, chết thọ 41 tuổi, vua cho tên thụy là Đôn Cung, dựng đền ở ấp Xuân An, xã Phú Xuân huyện Hương Trà. Ông có 27 con trai, 35 con gái. Con thứ thứ 6 là Hồng Hiến tập phong làm Kỳ ngoại hầu. Sau can tội bị đoạt tước, lui về nhàn tản.

Tùng Thiện quận vương Miên Thẩm lúc trước tên là Hiện, tự là Trọng Uyên, lại tự là Thân Minh, hiệu là Thương Sơn, biệt hiệu là Bạch Hào tử. Con thứ 10 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, con của Thục tần họ Nguyễn Khắc sinh ra. Lúc mới sinh ra, mày bên hữu có một cái lông dài trắng, mình có 4 vú, lưng có nốt ruồi đỏ tía, trước ngực bên tả có cái vết vuông một tấc, hình như cái ấn nhỏ, trên lốt vết ấy mọc lông. Thế tổ Cao hoàng đế nghe tin lấy làm mừng, cho 10 lạng vàng. Tính hay khóc lại nhiều bệnh tật, Thục tần ngày đêm hết sức chăm nom. Chưa được đầy năm, khóc càng quá, hai mắt mờ đi và chảy máu. Thục tần lo ngại, cứu chữa không khỏi. Chợt có đạo sĩ tên là Vẫn trông thấy bảo rằng: đây là sao Thái bạch kim tinh giáng sinh, làm lễ tiễn thì khỏi. Quả nhiên đúng như lời nói. Năm Minh Mạng thứ 3 mới 4 tuổi, rất đĩnh ngộ, lúc đầu theo học thầy đàn bà trong cung, dạy học sách hiếu kinh. Năm 7 tuổi đến học Dưỡng chính đường, chăm học, không chơi đùa, gấp sách đọc có khi trăm tờ giấy. Một hôm vào hầu Thục tần, thấy trên án có chiếc quạt viết

Digitized by Google

bài thơ thể 5 chữ của người Đường, trong đó có mấy chữ chưa hiểu lắm, mà đọc lên thấy vui miệng, bèn cố xin cho được cái quạt ấy. Hôm sau đem hỏi viên giảng tập rằng: đấy là thơ gì? Viên giảng tập đem sở kiến của mình để trả lời. Nhân đấy bèn hỏi nghĩa bài thơ ấy, lại xin dạy cho luật phép bằng trắc. Từ đấy có làm bài nào cũng ám hợp phép thơ. Thông minh sớm như thế.

Năm thứ 8 mùa xuân tế Giao, công theo đi, có làm bài thơ tế Nam giao, bấy giờ công mới 9 tuổi. Hơi lớn lên, ra ngoài học tập các sách kinh sử không sách gì không thông hiểu lại có tính mê sơn thủy, hàng ngày cùng danh sĩ giao du, kiến văn ngày rộng, làm thành tập thơ bắt đầu từ đấy.

Năm thứ 16, vua thăm đàn tế Giao trong ngoài tường cấm đàn ấy đều trồng thông, ông có làm bài thơ vịnh cây thông ở trai cung. Lại theo vua lên núi Ngự Bình, vua sai làm bài thơ, có nhiều cây hay. Vua khen ngợi, phong làm Tùng quốc công cho mở phủ ra phường Liêm Năng, bên cạnh phường ấy tiếp giáp với Tĩnh phố, tức là phủ của Tuy Lý vương. Ông cùng vương ngày ngày vui thưởng xướng họa. Đến khi Hiến tổ Chương hoàng đế nối ngôi năm thứ 2, vua đi tuần ra miền Bắc, công theo hầu, có tập thơ Bắc hành. Sau hoặc lên núi Nam Sơn thi bắn, hoặc lên núi Thúy Vân chơi xem, đều có thơ cả. Lại làm cơ nghiệp riêng ở thượng lưu sông Lợi Nông, có làm thơ để ghi, gọi là Hà thượng tập. Tự Đức năm thứ 2, vì có mẹ đẻ tuổi già, ông làm Tiêu viên riêng đón mẹ về nuôi. Đằng sau vườn đắp một nhà nhỏ, xếp đá dẫn nước, nhân có cây chim đến làm tổ đủ hết thắng cảnh của núi rừng để ngụ tình thưởng ngoạn, gọi là Ký thưởng viên. Lại dựng Mặc vân sào để chứa sách thường đến xem đọc. Năm thứ 4, mùa xuân lại gặp kỳ tế Giao, vua ngự đến trai cung, Công vào chầu xong rồi, vua cho ngồi, sai họa 8 bài thơ khúc Xuân du, 1 bài thơ họa thủy tiên. Đến chiều, lại sai bình duyệt thơ của

Digitized by Google

các hoàng đệ vịnh cây tùng. Đến đêm tối, vua cho ngồi và hỏi 2 bài thơ Ngư Dương, Qui Ngu hơn kém thế nào. Công theo sở kiến của mình thưa trả lời. Vua cho một chiếc áo ngự. Công làm biểu tạ có câu rằng: "Trộm ví việc nhà Chu chia của báu giữ lâu dài để truyền cho con cháu, dám mong chi như lão nhân nước Tề, muốn mở rộng để để lại cho thiên hạ". Tháng 8 năm ấy, Thục tần mất. Tần trước đã được phong làm Thục tần, sau phải tội bị cách, thu lại sách phong trước. Đến bây giờ công dâng sớ khẩn xin, lời rất thương xót, vua đặc biệt cấp trả lại. Ông làm nhà ở mộ, đau thương hết lễ. Khi hết tang, được tấn phong Tùng Thiện công. Năm thứ 11, ngày sinh 40 tuổi, vua cho câu đối rằng: "Học lễ, học thi sớm theo đình huấn, giữ trung, giữ hiếu, làm mãi phiên thần". Ông lại tâu xin mua 12 mẫu ruộng thờ ở xã Dương Xuân, làm nhà để ở, gọi là Phương thốn thảo đường lấy nước ở ngòi vào làm chỗ chứa nước gọi là chàm Hoàng tử. Trên bờ chàm có các nơi thắng cảnh: như giếng uống nước, cái giường nằm, nhà đọc sách, ngoài thú ngâm vịnh, lấy sách vở làm vui. Năm thứ 18, ông tuổi cao đức tốt vào chầu thường phải được miễn lạy. Sau sai kiêm giữ chức Tả tôn nhân, ông lấy lẽ vì ngu cuồng già bệnh để từ chối nhưng không được. Lại ân cấp cho mỗi năm 300 quan tiền, 100 phương gạo, để làm lương dưỡng lão đó là đặc cách. Trước kia, con gái ông gả cho Đoàn Trưng, sinh được một con. Trưng tính phóng đãng, ông đánh đuổi. Đến khi Trưng khởi nghịch, việc bị phát giác, ngay ngày ấy ông trói con gái và đứa con của con gái đem nộp và tự cho là không biết xét ra trước, dâng sớ xin chịu tội. Vua nói rằng: ông vốn có học, được yêu quý đã lâu, há có lòng nào, nhưng chọn rể không tinh, nên bị kém thành giá, xử phạt bổng 8 năm. Năm thứ 21, ông lên thọ 50 tuổi, vua cho bài văn tán tụng và vàng bạc, lụa màu, chè rượu, văn phòng phẩm. Lại từng làm thơ "Nhớ ông" sai mang đến và sai ông họa lại dâng lên. Năm thứ 23, chết, bấy giờ ông 52 tuổi. Lúc ông mới bị ốm vua đặc biệt cho ngự y đến thăm

Digitized by Google

mạch, chữa thuốc, ban cho sâm quế của vua dùng, sai trung sứ đến thăm hỏi, không ngày nào không. Ông nhân tay viết tờ biểu để lại gửi dâng lên đại lược rằng: "Chết sống là mệnh, duy còn ân hận vì chưa được thấy bờ cõi Nam Bắc như cũ mà thôi. Cúi xin nghĩ đến việc gây dựng khó nhọc, thì lo việc giữ gìn không dễ dàng. Một của một công phải nên sẻn tiếc, việc chơi việc vui phải nên đề phòng, xem thời cơ mà làm việc, trên dưới một lòng, là phúc cho tôn miếu, may cho thiên hạ". Vua xem biểu, bảo Nội các rằng: mất sao cho sử quán một đạo, để sau này làm truyện, chớ bỏ mất câu nói phải của người ta. Đến khi bệnh nặng, dặn con cháu làm việc tang lễ nên tiết kiệm. Lại lấy ngón tay viết mấy câu tuyệt bút rằng: "Nửa đời học đạo quá lờ mờ, thoát bước như nay mới biết đường, sáng đỉnh Tiến Giáp, trăng chùa Thiên Mụ, bóng rừng hương nước có thấy người nửa chăng?" Viết xong; kéo lại chăn đắp rồi chết. Vua nghe tin ông chết, thương tiếc, nghỉ chầu 3 ngày, ban cho gấm lụa, tiền vải, quan tài và ngân tiền, lại thân chế văn tế sai Tuy Lý vương đến tế, cho rượu tế, cho tên thụy là Văn Nhã. Ngày an táng, sai hiệp lĩnh thị vệ là Hồ Văn Hiển đi đưa đám. Năm thứ 31, truy tặng quận vương. Ông thông minh ham học, ngoài sách vở ra không thích gì. Nghe có sách hay, bỏ hết tiền ra mua. Học vấn sâu rộng; lời ý điển nhã, càng giỏi về thơ. Cùng hoàng tử thứ 11 là Tuy Lý vương đều nổi tiếng bằng nhau. Dực tôn Anh hoàng đế vốn tin yêu, thường thường sai biên chép thơ chọn lọc của các đời, chấm và phê bình để tiến lên. Cho nên người làm thơ có câu: "Thơ đến ông Tùng, ông Tuy hơn cả đời thịnh Đường". Khi vua mới lên ngôi, năm đầu có khâm sứ nhà Thanh là Lao Sùng Quang là đệ nhị giáp tiến sĩ triều Thanh, đến kinh làm lễ bang giao, ông cùng giao du với Sùng Quang và xướng họa thơ thù tiếp. Sùng Quang rất khen ngợi, bèn yêu cầu ông cho xem bản thảo thơ làm ra. Ông liền đem tập thơ Thương Sơn cho xem và xin viết cho bài tựa. Sùng Quang làm bài tựa. Có câu rằng: Một ông già Thương Sơn, trừ có ý để làm mẫu mực cho nước Nam, sao được

Digitized by Google

gọi là người làm thơ ư? Lại sai ông xã viết lối phi bách[1] 5 chữ "Thương hà bạch lộ đường" và viết lối bát phân[2] chữ "Tòng vân thư ốc" vào bức biển treo ngang để tặng ông. Văn chương của ông lại được triều đình Trung Hoa quý trọng mà hâm mộ. Ông có làm đền thờ các người làm thơ cổ, thờ Khuất Nguyên làm chủ, Trần Tư vương[3], Cánh Lăng vương[4] phối hưởng 2 bên tả hữu bày thờ các tác giả từ Hán đến Minh, Thanh. Lại lập ra một hàng thơ, các con, em trai gái và bạn bè, ai thích văn chương đều dự cả. Mỗi khi hội họp ăn uống, làm thơ làm vui. Có tiếng thơ hay thời ấy như Lương Khê Phan Thanh Giản, Giá viên Phạm Phú Thứ vâng mệnh đi sứ sang Tây dương, ông đều tiễn mỗi người 1 bài thơ. Có câu rằng ý Lỗ Trọng Liên trốn ở biển đông chỉ vì chèn ép con cá kình to[5] (tặng Thanh Giản). Lại nói: "Tặng ông không chịu lạy, chỉ hăng hái từng cõi tây (bài tặng Phú Thứ). Người đời xưa nói rằng "trận đánh giặc bằng bút ở đàn văn tưởng không hơn thế. Sinh bình ông có trước thuật 14 tập (tập Nạp Bi, tập tha Thương Sơn, tập Thương Sơn thi thoại, tập Thương sơn từ, Tĩnh y ký, Thức Cốc biên, Lão Sinh thường đàm, Học giá chí, tập Tinh kỵ Lịch đại đế vương thông hệ đồ, Thi kinh quốc âm ca, Độc ngã thư sao, Nam cầm phả, Lịch đại thi tuyển) được người ta khắc in 7 tập (Quảng Khê thi tập, Lương Khê thi tập, Mạn Viên thi tập, Hân Nhiên thi tập, Phạm Tập Lâm thi tập, Cống thảo viên thi tập, Tam cảo sĩ tập). Ông có 20 con trai, 12 con gái, con thứ 3 là Phi tập phong huyện công làm tả tham tri bộ Lại. Thời Phế đế bị quyền thần hãm

(1) Phi bách: một lối chữ viết nét trắng nên ngoài lấm tấm đen.
(2) Bát phân: một lối chữ viết dẹt nửa giống như chữ triện, nửa giống như chữ lệ.
(3) Trần Tư vương: tức là Tào Thực thơ hay.
(4) Cánh Lăng vương: tức là Chung Tinh, thời Minh, thơ hay.
(5) Lỗ Trọng Liên người nước Tề, thời chiến quốc, sang chơi nước Triệu, khi ấy nước Tần đánh nước Triệu, nước Triệu nguy cấp, nước Triệu muốn tôn nước Tần làm đế, Trọng Liên không nghe, sau quân nước Tần rút lui, nước Triệu muốn phong tước cho Trọng Liên, Trọng Liên trốn ra biển đông không nhận.

Digitized by Google

hại gặp nạn. Hoàng thượng nay lên ngôi năm đầu, cho khai phục hàm tham tri. Con thứ 8 là Tiết tập phong tước hầu. Con thứ 12 là Dục làm bộ lăng phó sứ. Con thứ 13 là Khăng làm bố chính sứ Thanh Hóa.

Digitized by Google

QUYỂN 6

TRUYỆN CÁC HOÀNG TỬ - MỤC THỨ II.

Các con của Thánh Tổ (tập Trung)
Tuy Lý vương Miên Trinh (con là Hồng Sâm)
Tương An quận vương Miên Bảo,
Tuân Quốc công Miên Trữ,
Hoàng tử thứ 14 Miên Hựu,
Lạc Hóa quận công Miên Vũ,
Hà Thanh quận công Miên Tống,
Hoàng tử thứ 17 Miên Thạnh,
Nghĩa Quốc công Miên Tể,
Hoàng tử thứ 19,
Hoàng tử thứ 20,
Hoàng tử thứ 21 Miên Tuyên,
Hoàng tử thứ 22 Miên Long,
Trấn Man quận công Miên Tích,
Hoàng tử thứ 24,
Hoàng tử thứ 25,
Sơn Định quận công Miên Cung,
Tân Bình quận công Miên Phong,
Hoàng tử Miên Trạch,
Quỳ Châu quận công Miên Liêu,
Quảng Ninh quận vương Miên Bật,
Sơn Tĩnh quận công Miên Lương,
Quảng Biên quận công Miên Gia,
Lạc Biên quận công Miên Khoan,
Hoàng tử Miên Hoạn,
Ba Xuyên quận công Miên Túc,

*

Digitized by Google

Tuy Lý vương Miên Trinh.

Tự là Khôn Chương, lại tự là Quý Trọng, hiệu là Tĩnh Phố, lại hiệu là Vĩ Dã, con thứ 11 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, do Tiệp dư Lê Thị sinh ra. Lúc bé thông minh, trang mạo đẹp đẽ. Lúc 7 tuổi đến thầy đọc sách Tiểu học, Hiếu kinh, miệng đều học lâu lâu, người giảng tập lấy làm lạ vì là lúc mới 4 tuổi, Tiệp dư đã dạy truyền khẩu rồi cho nên vẫn nhớ mà không quên. Tính ham học, được vua thương yêu quý, thường có khi bị bệnh tật, vua ở điện Văn Minh coi chầu xong thân đến thăm, trong cung cho là lạ. Trong bài cung từ của Thương Sơn công, có câu "Không phải Miên Trinh nay mắc bệnh, chốn nào đâu tá được hương giời". Khi lớn, học rộng văn hay. Năm Minh Mạng thứ 20, tấn phong làm Tuy quốc công, cho ra mở phủ riêng, phủ của ông gần với phủ của Tùng Thiện quận vương, hàng ngày cùng với Tùng Thiện công xướng họa, cùng các anh em vui hưởng phú thơ, sĩ phu trong triều đều nói: một việc hay trong khánh phả. Năm thứ 20, vương có mẹ bị ốm, vào dưỡng bệnh ở Chính đường, ông hầu hạ cẩn thận, mình tự nếm thuốc trước, áo không cởi đai, trong cung đều khen là hiếu. Năm Thiệu Trị thứ 7, làm nhà riêng ở Vĩ Dã, rước về nuôi. Sớm chiều hầu hạ, ngọt bùi phụng dưỡng, chưa từng một ngày lười nhác. Dực tôn Anh hoàng đế lên ngôi, năm thứ 4, đặt nhà Tôn học, để dạy các công tử, công tôn, sai vương trông coi. Dụ rằng: Học đường mới đặt, càng là nơi cho người ta trông vào, cần phải có thầy dạy hoàn chỉnh để làm mực thước, khiến cho đều đạt đức thành tài nên nhiều người giỏi giang tốt đẹp cả. Năm thứ 5, mùa xuân, vương họa bài thơ Nguyên đán có câu "Lê vua ban, quít tiên cho, thủ vào tay áo đem về, để biếu mẹ già ở nhà có trồng cỏ huyên". Được vua khuyên câu thơ ấy và phê là "câu nói chí tình, đáng yêu". Sau tấn phong làm Tuy Lý công, xuống dụ khen là nhạc phủ Hà Giang vương [1], văn nhã phủ Đông Bình vương [2].

(1) và (2) Hà Giang vương tên là Đức, con Hán Cảnh đế, Đông Bình vương tên là Thương, con Hán Quang Vũ.

Digitized by Google

Năm thứ 11, sinh nhật lần thứ 40 của Vương, vua cho câu đối rằng: "Văn chất đều tốt, ông được như thế, hiếu từ vui lớn, ta cũng giống ông". Đấy là vì mẹ sinh ra vương là người từ thiện, chất hậu và có lễ độ, mà văn chương của vương rộng rãi sung thiệm, lời nói và nét mặt của vương chất phác thực thà thực đã được giáo huấn ở chốn đình vi, nên cho câu đối để khen ngợi. Bấy giờ Tùng Thiện quận vương cũng tặng bài tựa nói là có 10 điều không bằng ông. (chép ở tập "Thương Sơn nạp bị").

Năm thứ 18, sai ông kiêm giữ chữ Hữu tôn nhân phủ Tôn Nhân. Ông lấy cớ là có tang mẹ để từ chối nhưng vua không cho. Năm thứ 21, vương lên thọ 50 tuổi, vua cho bài văn chúc tụng (chép ở Thánh Chế văn tập) và phẩm vật. Năm thứ 24, thăng làm chức Tả tôn nhân. Năm thứ 31, gặp tiết ngũ tuần khánh tiết, tấn phong làm quận vương, dụ rằng: Tuy Lý công học rộng văn hay, cùng Tùng Thiện công đều nổi tiếng ngang nhau, lại hay giữ tính điềm đạm, khéo tu dưỡng đến được tuổi già, câu ngày xưa nói là văn chất đầy đủ, 2 công cũng gần được thế. Vương về sau soạn tập thơ "Tự Đức thánh đức" và đề tựa, có ý trộm bắt chước những câu trong tập thơ "Nguyên Họa thánh đức" của Hàn Dũ đời Đường và tập thơ "Khánh lịch thánh đức" của Thạch Giới Sắc đời Tống. Vâng sắc chỉ sai chép ra giao cho sử quán, lại phê bảo rằng: Ta rất ít đức, tối tăm, vạn phần không dám nhận như thế. Nhưng vì vương học rộng văn hay, không nhân đề mục to lớn này để phát triển đại thủ đoạn, thì sau cũng không có gì nổi tiếng nữa nên ta rất tiếc thay. Mong vương cùng với 2 nhà Hàn, Thạch để lại danh thơm muôn đời, để tỏ ra người rất thân của ta có người hiền tài, cũng là việc hay. Năm ấy, vương lên thọ 60 tuổi, vua cho thơ 4 chữ (chép ở Thánh chế thi tập). Năm thứ 35, thăng làm Hữu tôn chánh. Bấy giờ cháu vương là ưng Phương đỗ hương tiến (cử nhân). Vua nghe tin lấy làm mừng, cho thơ rằng...

Digitized by Google

Phiên âm:

Quế tử bạt mưu liên các tuyển,
Đồng tôn tế mỹ sáng khoa danh.

Dịch nghĩa:

"Con có tài cao đều sung vào các cháu hay nối nghiệp mở đầu khoa danh". Lại có câu rằng:

Phiên âm:

Vị ngữ phương mao lâm chỉ gi?
Yên di hà dụng kim măn doanh.

Dịch nghĩa: Nhắn bảo cho các con cháu biết, cần chăm lo dạy bảo chứ cần gì để tiền đầy hòm. Là có ý bảo vương hay đem sách vở dạy cho cháu, mà chiếm được khoa danh là người đầu tiên cả trong tôn phả nhà vua vậy.

Năm thứ 36, có di chiếu để lại sai vương cùng Thọ Xuân vương đều là bậc tuổi và đức đều cao, phàm khi nước nhà có việc gì không phải, nên hết lời sửa chữa. Khi Phế đế lập lên, ông được tấn phong tước vương. Lại thấy ông là người kiêm cả học thức, lo lắng trung thành, khi có việc phải bàn luận, sai ông cùng đình thần đều đi. Rồi sau vì quyền thần là Nguyễn Văn Tường và Lê Thuyết (tức Tôn Thất Thuyết) chuyên quyền phế lập, vương không yên lòng lên đến đồn Thuận An cùng ở tạm với quan Đại Pháp rồi sau quan Pháp đưa vương về, Tường, Thuyết vin cớ ấy để bắt tội ông, giáng làm huyện công, giam giữ ở trại lính phủ Thừa Thiên. Sau an trí ở Quảng Ngãi, chia đem các con cháu ông cho ở Bình Định, Quảng Ngãi, Phú Yên. Con là bọn Tu, Sâm nhân thế cũng bị hại. Năm Ất Dậu, kinh thành có việc, ở Quảng Ngãi bọn Lê Trung Đình gây biến, tiến vào chiếm cứ tỉnh thành, lập vương làm phụ chính vương, vương cố từ không chịu làm. Khi Cảnh tông Thuần hoàng đế nối ngôi, tha cho ông về, cho khôi phục lại tước công, con cháu đều cho trả về lại nguyên quán theo đường trạm mà về. Bọn Tu và Sâm cũng trụy phục tước hàm. Vương

Digitized by Google

từ Quảng Ngãi về, vào chầu. Khi ấy có tập thơ của đình thần kính họa tập thơ ngự chế, có sắc giao cho đại thần là Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình theo phép mà phê bình rồi tiến lên xem. Bọn Hữu Độ cho rằng làm thơ khó, bình thơ lại càng khó. Nếu không phải là bậc văn hay mò châu dưới biển Ly, họa được khúc Dương xuân, thì khó đương nổi việc phê bình ấy. Chỉ có Tuy Lý công là người giỏi thơ, từng đã được Tiên thánh khen hay, xin giao cho phê bình. Vua y lời xin.

Đồng Khánh năm đầu, là năm Tuất mùa xuân, vương đến triều, họa thơ Nguyên đán ngự chế, câu kết có câu rằng: *Phiên âm*: Huyền cơ khải thái tàm thủy quản, lịch hiệp xuân vương cổ vị tăng. *Dịch nghĩa*: cơ trời mở vận thái trị thọn kiến thức hẹp không biết, lịch hợp với nghĩa tên nhà Chu chép nửa xuân của nhà vua là ít có[1], được vua điểm dấu son lại phê rằng: lại bậc học rộng sách nhiều, bỏ đi cũng tiếc. Mới được 3 năm, lại gặp quốc tang, vương đóng cửa đau buồn, một mình bực tức. Đến khi hoàng thượng (tức Thành Thái) nối ngôi, năm đầu, có chiếu cử người phụ chính, vương thì tuổi già sức tốt, sung Đệ nhất phụ chính thân thần, kiêm giữ tả Tôn chính. Sau lại tấn phong làm quận vương, phàm khi có lễ chầu mừng, yết kiến và có ban cho hỏi han gì, thì được làm lễ 5 vái, miễn không phải lạy. Trước đây, vương bị biến cố, của cải hết cả, vua cho 1.000 đồng bạc để lập phủ ở. Khi ấy giám quốc Đại Pháp cũng nghe tiếng vương tặng cho một tấm nhị hạng bội tinh. Năm thứ 3, tháng 4, vua thấy vương tuổi đã nhiều, chuẩn cho ở nhà làm việc. Nếu có điều gì tâu bày thì thỉnh thoảng vào yết kiến. Còn mỗi tuần vào hầu một lần, nếu gặp gió mưa đều miễn cho cả, để tỏ ra ý trọng người có đức, hậu đãi người thân, kính lễ bậc lão thành. Năm thứ 4, xin nghỉ việc phủ, vua không chuẩn cho nghỉ. Năm thứ 6, tấn phong tước vương, khi ấy vương 77 tuổi, sinh cháu 5 đời, mở yến

(1) 2 câu thơ này chưa hiểu rõ ý, xin dịch tạm.

Digitized by Google

tiệc để ghi mừng ngũ đại đồng đường, người đều khen là việc hay. Năm thứ 9, vương lại lấy cớ già yếu xin chuẩn cho nghỉ việc phủ để về phủ riêng, thỏi thường vào triều yết còn chức vụ chính thân thần vẫn giữ như cũ; lại gia thêm chức vụ nghị cận thân nữa. Chưa bao lâu thì chết, thọ 79 tuổi. Khi vương mới mắc bệnh, con cháu xin chữa thuốc, vương nói: "Lúc ta còn trẻ tuổi thường cùng các anh em luận bàn tuổi thọ của cổ nhân, có người muốn như Lý Nhĩ[1] hoặc có người trộm ví như Lão Bành[2], ta cười và nói: muốn thế thì xa xỉ quá, được như Thích Ca[3] là đủ. Nay vừa hợp với số ấy, nên cũng không hậm hụi gì nữa. Nghe tin ông mất, vua thương tiếc, cấp cho 1.000 đồng bạc để lo việc tang, cho thụy là Đoan Cung, sai quan đến tế. Lại cho thêm 2.000 đồng bạc để dựng đền thờ và trích lấy 15 mẫu ruộng công ở xã Mậu Tài sung làm ruộng thờ. Vương là người hiếu hữu thành thực, sinh bình không thích gì, chỉ lấy sách vở làm vui, học càng sâu rộng, có tiếng là văn thơ hay. Nam Sơn thám hoa là Nguyễn Đức Đạt, đề tựa tập Vĩ Dã, bảo rằng: học nghiệp thuần túy đến chốn, văn chương tao nhã, dưới triều Ngụy, Hán cũng có Hà Gian Vương, Trần Tư Vương[4], trong đám Thân Kỳ[5] thiếu gì Xương Lê, Công Bộ[6]. Tiến sĩ triều Thanh là Vương Tiên Khiêm đề tựa tập ấy, cùng bảo rằng tài làm thơ không kém gì Thương Sơn, mà càng đáng trọng. Văn như ống luật Hoàng Chung làm căn bản cho muôn vật. Bàn về ý nghĩa phép mùa xuân tháng giêng, vua nhà Chu phân luận các tác phẩm, cho là có tài nghiên cứu tinh vi thực học mà không những chỉ nổi tiếng về thơ vậy. Tuy lúc già gặp ách vận, mà trung ái

(1) Lý Nhĩ: Lão Đam tức là Lão tử.
(2) Lão Bành: tức là Bành tổ, cũng có thuyết nói: Lão là Lão tử, Bành là Bành tổ sống 800 tuổi.
(3) Thích Ca: tên Phật, sống 80 năm.
(4) Trần Tư Vương - Tức là Tào Thực.
(5) Thân Kỳ: chưa rõ điển.
(6) Xương Lê: là Hàn Dũ, Công Bộ là Đỗ Phủ. Hà Gian, Trần Tư, Lương Lê, Công Bộ 4 người là văn thơ hay cả.

Digitized by Google

một lòng đến già càng nhiều. Đến khi ở trong chính phủ độ khoảng 10 năm, một lòng giúp đỡ, làm bậc giỏi nhất trong hàng thân phiên, triều đình vẫn mong tưởng phong thái của ông. Bình sinh trước thuật, có Vĩ Dã hợp tập, lưu hành ở đời. Có 77 con trai và gái. Hồng Tu lúc đầu tập ấm huyện công, sau bị quyền thần hãm vào tội. Năm Đồng Khánh buổi đầu, phục nguyên tước. Hồng Sâm đã có chuyện riêng, Hồng Nhung lúc đầu thụ hàm điển bạ, sau tập phong tước công, sung làm Tả tôn khanh phủ Tôn nhân, sau đổi hàm tham tri bộ Lễ về hưu. Hồng Thiết lúc đầu bổ thụ hàm kiểm thảo sau thăng mãi, nay làm bố chính sứ Bình Thuận chờ bổ. Hồng Ngải hiện tri phủ phủ Hà Trung. Hồng Trứ hiện làm kinh lịch tỉnh Thanh Hóa. Hồng Thương hiện làm tri huyện huyện Hương Thủy. Còn đều có phẩm trật hiển đạt. Cháu là Ưng Phong đỗ cử nhân làm quan đến tri phủ Hà Trung. Ưng Tôn đỗ tú tài hiện theo học tập trường quốc học. Còn 8 người và cháu 4 đời là Bảo Vạn, Bảo Phi đều làm việc quan.

Hồng Sâm tự là Dao Khanh, hiệu là Di Hiên, lúc trẻ thông minh, khi 6 tuổi theo bà thứ là Lê quý nhân vào ở viện sau điện Hiếu Tư. Có một hôm quý nhân ngồi biên sổ nhật ký, đến chữ "điện" thì quên mất nét chữ. Sâm ở bên lấy bút đến thẳng trước điện, ngửa trông chữ "điện" viết ở tâm của điện rồi viết vào tay đem trình, tả hữu trông thấy đều kinh dị. Lên 9 tuổi biết làm thơ, 13 tuổi biết làm văn, đến 20 tuổi, xem rộng các sách càng giỏi về thơ. Bấy giờ, Thương Sơn quân vương ra lập ra Thi xã, họp khách văn chương hơn 300 người, Sâm theo Tuy Lý vương cùng đi, vì tuổi trẻ ngồi cuối rốt. Thương Sơn công ra đầu bài rằng: Đề bức họa Tô Tử đi chơi Xích Bích, dùng nguyên chữ trung trong bài phú của Tô Tử. Các khách thơ đều làm một bài, Sâm đặt bút làm luôn 2 bài. Bài thứ nhất:

Phiên âm:

Tuyết bích cao đường thất nguyệt thu,

Digitized by Google

Thảo hoàng vĩ bạch phiếm cô chu,
Phú thi chính hữu đăng tiên lạc,
Huề khách tàng thinh thư da du,
Sơn sắc thương mang hoành Hạ Khẩu,
Giang lưu hạo diếu bão Kinh Châu
Thạnh phong minh nguyệt không như tích,
Nhất khói tư nhân bất khả lưu.

Dịch nghĩa:

"Vách tuyết nhà cao mùa thu tháng 7! Cỏ vàng lau trắng một chiếc thuyền lênh đênh, làm thơ vui tựa lên tiên vậy. Dắt khách từng nghe chuyện đi chơi đêm ấy. Sắc núi xanh mờ chắn ngang bể Hạ Khẩu. Dòng sông man mác ôm bọc lấy Kinh Chu. Gió mát trăng trong không như trước. Người ấy đi rồi không lưu lại được nữa."

Bài thứ hai:

Phiên âm:

Côn huề tôn tửu kích lan tương,
Huống thử thanh du hạ phục lương,
Vạn lý ba quang giang dũng nguyệt,
Thiên sơn thu sách diệp phù sương,
Xuy tiêu khách hữu bi thương hải,
Hoành sại hà nhân hạ Vũ Xương,
Xích bích như kim thuộc Tô Tử,
Lâm phong bất cấm hạc ca trường.

Dịch nghĩa:

"Cùng mang chén rượu cùng đẩy mái chèo! Huống chi cuộc đi chơi ấy đêm lại càng mát, Muôn dặm sóng dợn, nổi bật ánh sáng của mặt trăng. Nghìn non hơi thu, sương xuống lá cây rụng bay tứ tung, tiếng sáo khách thổi thương sầu biển xanh. Ngọn giáo người nào xuống đến Vũ Xương này. Xích Bích ngày nay là của Tô Tử, hóng gió không thể không cất tiếng hát nghêu ngao."

Digitized by Google

Thương sơn công sai thư lại viết rõ đưa chấm, chọn được 2 bài khá nhất, đều là thơ của Sâm cả, mọi người ngồi ở đấy đều kính phục. Từ đấy tiếng thơ lừng lẫy, hoặc có người khuyên ra làm quan, Sâm cười để tạ ơn thôi. Năm Tự Đức thứ 29, tham biện Nội các là Ngô Quý Đồng cử Sâm là người có văn học, vua ra đầu đề sai quan sát hạch 2 lần ở viện Tả đãi lâu. (Lần đầu sát hạch về thơ văn, luận, bài phú "đọc thư trướng" (lấy đầu bài làm vần); nghị làm bài thơ "thanh thanh lăng thượng bách" của thời có cây bách cổ xanh xanh trên gò). Lần sau, nghị làm tờ thư của cựu quân sĩ dân 6 tỉnh Nam kỳ cùng nhau đồng tử xin chuộc lại đất ấy (dùng thể biền ngẫu); bài luận đầu đề là: "lục luật sư vạn sự căn bản" (6 luật là căn bản cho muôn việc); họa bài thơ của Vương Nguyễn Đình lên lầu thành Thủ Quỳ coi bát trận đồ (dùng văn Nguyên"). Vua khen là có học, thăng bổ hàm trước tác. Sâm ở các mới 6 tháng, tiến lui hợp lễ, bổ thụ hàm thị độc. Vua phê bảo rằng: Hồng Sâm không có thói quen của công tử một tí nào, thực không hổ là con một người cha có tiếng.

Năm thứ 33, bổ thụ hàm thị độc học sĩ, tham biện việc các, thường cùng Bùi An Niên ứng chế làm bài thơ "thị các thần" lấy vần "nguyên". Vua phê bảo rằng: thơ của An Niên có hùng nhưng xét kỹ thì tiếng, vần, khí, vị không bình đạm bằng Sâm. Ông vẫn được vua khen như thế.

Năm thứ 36, vâng mệnh đi sứ nước Thanh tìm thầy thuốc, về đến Quảng Nam, đã nghe có quốc tang. Người giữ chính cho là chậm trễ, bắt tội. Phế đế lập lên đặc biệt miễn tội cho. Sâm vốn là người cương trực, mỗi khi bàn đến việc lợi hại của nước nhà cùng với người giữ chính có nhiều chỗ khác nhau. Đến khi Nguyễn Văn Tường, Lê Thuyết chuyên quyền làm việc phế lập, buộc Sâm vào tội (chép ở truyện Tuy Lý vương) truất làm người thường, giam vào ngục, sau đánh thuốc độc chết, khi ấy 44 tuổi. Đến khi Cảnh tông Thuấn

Digitized by Google

hoàng đế nối ngôi, được truy phục nguyên hàm, lời trong cáo sắc có câu rằng: Gia pháp của Đông Bình rất hay được mỗi con đeo 1 quả ấn [1], nghề thơ của Tử Kiến rất hùng, tài đáng tám đấu [2]. Lại có câu rằng: Lưu Tử Chính (Lưu Hướng) thắp đuốc gậy lê soi sáng gác Hán, khảng khái đấng phong sư tỏ bày. Khuất Linh quân (Khuất Nguyên) đeo đá chết chìm sông Sở, uất ức chảy giọt châu chan chứa vì là tiếc tài ông, mà xét nỗi oan của ông.

Hoàng thượng lên ngôi năm thứ 9, chuẩn cho lập đền ở Dương xuân, cùng thời với anh là huyện công Hồng Tu. Ông bình sinh trước thuật có các tập Di hiên, Hỷ mặc, Trúc Lâm, Đạo nam, Bồ sơn.

*

Tương An quận vương Miên Bảo

Tên tự là Duy Thiện. Con thứ 12 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, mẹ là an tần Hồ thị, người ở Do Linh, Quảng Trị, con gái của Văn Chiêu truy tặng hiệu úy Cẩm y. Ông sinh vào năm Minh Mạng thứ 1. Vương có sức khỏe lạ thường, lúc trẻ thích nghề võ, giỏi bắn súng cưỡi ngựa. Khi lớn, cố sức đọc sách, thông khắp các kinh sử, có tiếng là thơ càng giỏi về thơ quốc âm. Làm các điệu hát bằng chữ, phần nhiều có hay, cùng suýt soát với 2 vương Tùng Thiện, Tuy Lý, được vua yêu quý. Năm thứ 20, sách phong làm Tương quốc công. Năm Thiệu Trị thứ 2, ngự giá thăm Bắc thành, sung vào theo hầu, chầu chực tả hữu cẩn thận, vua khen. Khi vua trở về, tấn phong làm Tương An công. Năm Tự Đức thứ 7 chết, thọ

(1) Hán Minh đế hỏi Đông Bình vương (em Minh đế) ở nhà làm việc gì vui, Đông Bình vương trả lời làm điều thiện rất vui, Minh đế trao cho 19 quả ấn liệt hầu, con Đông Bình vương lên 5 tuổi biết lạy, đều cho được đeo ấn ấy cả.

(2) Tạ Linh Vận đời Tấn nói: người trong thiên hạ, tài được độ 1 hộc. Tử Kiến (Tào Thực) chiếm riêng được 8 đấu, ta chiếm được 1 đấu, còn cả thiên hạ chỉ có 1 đấu thôi.

Digitized by Google

35 tuổi, thụy là Cung Nghị, dựng đền thờ ở xã Vạn Xuân thuộc Hương Thủy. Tuy Lý quận vương Miên Trinh làm bài văn viếng ông rằng:

"Thương ôi hiền đệ tiếng thơm tốt đẹp, tư cách và thần khí ngang tàng, ánh sáng của sao phòng thác sinh ra. Chứa điềm lành của núi cao, chung đúc khí thiêng của sông lớn, đức tốt đẹp như châu ngọc, tính trinh chính như cây trúc, còn đương khi chơi đùa, danh tiếng đã sớm nổi, tinh thần chí khí sáng suốt, công việc làm trong sạch, như phên dậu che đỡ cho nhà vua danh vang trọng đại, là họ thân của nhà vua, ân sủng vẻ vang, đi ra theo hầu vua, trở vào chầu sân rồng, nói ra là nghị luận, cầm bút viết thành thơ, có lễ độ với anh em, có hiếu thảo với mẹ, sớm tối kính hòa, cố theo sửa đức để tiếng thơm cho Tôn phái, nêu mẫu mực cho làng nho, loanh quanh nơi trường đỏ (chỗ dạy học), dăn dở sách là da, tìm tòi nghĩa khó, hiểu rõ đạo sâu rộng, đến chỗ uẩn ác, qua chỗ huyền bí, Sở vương làm thi truyện chưa trọn [1] đương nghiên cứu dịch truyện như Bái Hiên vương, tưởng rằng được chịu nhiều phúc, trời cho sống lâu, ngờ đâu trời xanh không để sống người anh hiền ấy." Là có ý thương tiếc lắm.

Năm Tự Đức thứ 31, gặp tiết Ngũ tuần đại khánh tiết. Vua truy nhớ tới ông dụ rằng: "Các chú của trẫm là Tương An công, Quảng Ninh công đã mất, đều là người có học có hạnh, cùng với Tùng Thiện, Tuy Lý cũng suýt soát như nhau, mà nết kính cẩn hiền hậu là tính trời sinh hình như còn hơn. Cho nên là em yêu quí của triều trước đã được đặc ân bao phong, mà cùng trẫm vốn rất thân hậu, chẳng may sớm mất, chưa kịp gia ơn, nay gặp năm khánh tiết, ban ơn không đâu là không khắp, huống hồ đến người cố cựu rất thân ư? Vậy nên biểu dương tên hay cho xứng với người mà yên ủi linh

(1) Sở Nguyên vương tên là Lưu Giao, em Hán Cao tổ, thời Văn đế thấy Thân công giỏi về kinh thi, cho làm bác sĩ, thân công làm ra thi truyện, Nguyên vương cũng xếp đặt sửa chữa vào đấy.

Digitized by Google

hồn, khuyến khích người sau. Bèn sai quan cầm cờ tiết, bưng sách phong đến từ đường truy tặng làm Tương An quận vương. Có 18 con trai, 7 con gái. Con thứ thứ hai là Hồng Bị tập phong làm Tương An huyện công, năm Thành Thái thứ 4, đổi tập phong làm quận công.

*

Tuân Quốc công Miên Trữ

Con thứ 13 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, mẹ là cung nhân họ Đinh, ông sinh vào năm Minh Mạng thứ 1. Lúc mới làm hoàng tử, giảng đọc kinh sử. Năm Thiệu Trị thứ 3, phong làm Tùng Hóa quận công. Năm Tự Đức thứ 20 đại sứ nước Pháp vào triều, ông đứng hầu lỗi nghi tiết. Vua xuống dụ khiển trách, bị phạt một năm lương. Năm thứ 31, gặp tiết Ngũ tuần đại khánh, vua cho là ông sai thứ và tuổi hơi cao, mà nhiều lần phải sung việc hành lễ, cũng ít khi vắng lười, chuẩn ban ơn tấn phong làm Tuân quốc công. Năm Kiến Phúc thứ 1 sai giữ chức tả Tôn nhân phủ Tôn nhân. Đồng Khánh năm thứ 1, can việc bàn phong vương phi, bị giáng làm huyện công, nhân thế ông có lòng oán vọng, rượu say nói bậy chê bai việc triều chính, đình thần bàn xử phạt trượng tột bực đem lưu, theo lệ được giam cấm. Vua nghĩ ông tuổi già không còn sống mấy nữa, gia ân chuẩn chiếu theo như lệ Kỳ ngoại hầu cấp lương cho, nhưng sắc cho phủ Tôn nhân thời thường khuyên răn, để biết sở hối. Thành Thái năm đầu, mới được phục lại nguyên tước. Năm thứ 2, chết, thọ 72 tuổi, thụy Cung Mục, dựng đền ở Tả ấp sau Đông Trì thuộc huyện Hương Trà. Có 13 con trai, 10 con gái. Con thứ thứ 12, là Hồng Toán tập phong hương hầu.

*

Hoàng tử thứ 14 là Miên Hựu

Không có truyện.

Digitized by Google

Lạc Hóa quận công Miên Vũ

Con thứ 15 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, mẹ là cung nhân họ Nguyễn Văn, con nhà lương gia ở huyện Hương Trà phủ Thừa Thiên, ông sinh vào năm Minh Mạng thứ 3. Lúc mới làm hoàng tử có học hạnh, năm 21 phong làm Lạc Hóa quận công. Năm Tự Đức thứ 2, chết, thọ 28 tuổi, thụy Hòa Thận, dựng đền ở ấp Doanh Thị huyện Hương Trà. Có 10 con trai, 3 con gái. Con thứ 5 là Hồng Chước tập phong làm Kỳ ngoại hầu.

*

Hà Thanh quận công Miên Tống

Con thứ 16 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, con cùng mẹ với Phù Mỹ quận công Miên Phú, ông sinh năm Minh Mạng thứ 3. Lúc mới làm hoàng tử giữ tính ôn hậu, có lễ độ. Năm Thiệu Trị thứ 3, phong làm Hà Thanh quận công. Năm Tự Đức thứ 11 chết, thọ 37 tuổi, cho thụy là Trung Giản, dựng đền ở xã Dương Xuân huyện Hương Trà. Có 7 con trai, 9 con gái. Con thứ thứ 4 là Hồng Siêu tập phong Kỳ ngoại hầu.

*

Hoàng tử thứ 17 là Miên Thành

Không có truyện.

*

Nghĩa quốc công Miên Tế

Tự là Trọng Chân, biệt hiệu là Tùng Thử, con thứ 18 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Tương An quận vương Miên Bảo. Ông sinh năm Minh Mạng thứ 3. Lúc mới làm hoàng tử mở phủ riêng theo học, xem rộng sách vở, có học hạnh. Năm thứ 21, phong làm Tư Nghĩa quận công. Thiệu Trị năm thứ 4 thì chết, thọ 23 tuổi. Ông là người khiêm tốn, noi theo lễ độ. Nghe tin ông chết, vua lấy làm thương

Digitized by Google

tiếc, nghỉ chầu 3 ngày, cho một nghìn quan tiền và cho các đồ khâm liệm, đi đường hầm để chôn, nơi nghỉ ngơi, quan tài, các việc, truy tặng là Nghĩa quốc công, thụy là Cung Đạt, sai Ninh Thuận công Miên Nghi vâng mệnh ban cho rượu tế và sai quan đến tế. Còn các con tuổi còn trẻ cũng chuẩn cho lương công tử có thứ bậc khác nhau. Tuy Lý quận vương Miên Trinh làm bài văn viếng ông rằng: "Tính ông tĩnh mặc, cung kiệm tự giữ. Chăm học ngồi thường giường, dấu giày không ra đến ngõ. Cổng sân tĩnh mịch, cây cỏ tốt um, bàn ghế đầy bụi, sắt cầm đứt giây. Tay chán quản bút, giá để đầy sách tôi đòi được dạy học, lúc già biết làm thơ." Lại nói: "Giữ tính khiêm tốn, để tiếp bạn bè, tiến thoái có lễ độ, men tường mà chạy[1]. Chỗ có đông người, nói cười có ý tứ. Cẩn thận ít nói, không ai khen không ai trách. Không thiết chơi thứ gì, chỉ thích đọc sách cổ, học đến nơi đến chốn lắm, nhưng cũng khá chăm siêng, tưởng rằng vẫn còn cùng chiếu học tập, ngờ đâu đã vội về nấm cỏ khôn. Người mất, của còn, anh em thương xót". Cốt để thuật lại đức hạnh của ông. Dựng đền thờ ở đâu không rõ. Có 2 con trai, 1 con gái. Con trưởng là Hồng Hào, lúc đầu tập phong làm Đôn Nghĩa đình hầu, sau vì có tội bị đoạt tước phong. Cháu là Ưng Linh, tập phong Tá quốc khanh.

*

- Hoàng tử thứ 19, không rõ tên, không có truyện.
- Hoàng tử thứ 20 không rõ tên không có truyện.
- Hoàng tử thứ 21 là Miên Tuyên, không có truyện.
- Hoàng tử thứ 22 là Miên Long, không có truyện.

*

(1) Theo điển của Chính Khát Phủ nước Lỗ khắc vào cái đỉnh rằng: một lần phong thì khom lưng xuống, hai lần phong thì cúi rạp lưng xuống, ba lần phong thì rạp đầu xuống rồi noi tường mà chạy, ý nói: càng nhận phong tước cao càng khiêm cung.

Digitized by Google

Trấn Man quận công Miên Tích

Trước tên là Miên Thực, sau đổi tên nay, con thứ 23 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Ninh Thuận quận công Miên Nghi, ông sinh năm Minh Mạng thứ 4. Lúc mới làm hoàng tử có học hạnh. Năm 21 tuổi, phong làm Trấn Man quận công; năm Tự Đức thứ 19 thì chết, thọ 44 tuổi, thụy là Cung Huệ, dựng đền thờ ở ấp Trung bộ, phường thứ 5 thuộc huyện Hương Trà, có 9 con trai, 8 con gái. Con thứ 7 là Hồng Tuynh, tập phong Kỳ ngoại hầu.

*

- Hoàng tử thứ 24 không rõ tên, không có truyện.
- Hoàng tử thứ 25 không rõ tên, không có truyện.

*

Sơn Định quận công Miên Cung

Con thứ 26 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Nghi Hòa quận công Diên Thần. Ông sinh năm Minh Mạng thứ 4. Lúc mới làm hoàng tử, tính thông tuệ chăm học. Năm Thiệu Trị thứ 3, phong làm Sơn Định quận công. Năm Tự Đức thứ 2 thì chết, thọ 27 tuổi, thụy là Đôn thuận, dựng đền thờ ở ấp Trung bộ thuộc huyện Hương Trà, có 7 con trai, 4 con gái. Con thứ thứ 2 là Hồng Huấn. Lúc đầu tập phong làm Kỳ ngoại hầu, sau ra làm việc, năm Đồng Khánh thứ 1 đổi bổ hàm Hồng lô tự khanh biện lý bộ Hình, kiêm giữ hữu tôn khanh phủ Tôn nhân. Năm thứ 3, thăng làm Quang lộc tự khanh, đổi sung chức thủ hộ sử, sau chết.

*

Tân Bình quận công Miên Phong

Là con thứ 27 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, mẹ là Quí nhân họ Đỗ, người ở huyện Hương Trà phủ Thừa Thiên, là con gái của Văn Thạc, truy tặng hiệu úy Cẩm y. Ông sinh

Digitized by Google

năm Minh Mạng thứ 5, lúc mới làm hoàng tử, ra mở phủ riêng đi học, thông các kinh sử giữ tính đôn hậu, thích ca hát hay đánh đàn hồ, thực thà nhũn nhặn như người học trò, được vua khen. Tùng Thiện quận vương là Miên Thẩm, thường làm bài hát trong cung có câu: Đánh đàn hồ là ưa thích thói của người xưa, khi trước Lương là bậc vương tôn đức chẳng vừa. Vũ đế đã khen Liễu Vận là thơ hay. (Thơ Án Đỗ có câu:[1] "Lương nhật đế vương tôn", nghĩa là: con cháu của đế vương đời nhà Lương[2].

Năm thứ 21, phong làm Tân Bình quận công. Năm Tự Đức thứ 13, thì chết, thọ 37 tuổi, thụy Tĩnh Ý. Có một con trai chết sớm, 3 con gái. Lúc đầu thờ ở đền Triển thân. Năm Hàm Nghi thứ nhất, mùa thu, đem vào thờ ở đền Thân huân.

*

Hoàng tử Miên Trạch

Con thứ 28 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, mẹ là Huệ phi họ Trần, người ở Diên Phúc, Quảng Nam, con gái của Văn Hùng, truy tặng hiệu úy, ông sinh năm Minh Mạng thứ 5, chết năm thứ 7, mới có 3 tuổi. Năm Tự Đức thứ 20, thờ ở đền Triển thân.

*

Quỳ Châu quận công Miên Liêu

Là con thứ 29 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, mẹ là cung tần họ Lê, con gái đô thống Lê Chất, công thần thời trung hưng. Ông sinh năm Minh Mạng thứ 5. Ông lúc trẻ thông minh và khi ra mở phủ riêng dốc chí ham học, thông khắp các kinh điển, có tiếng về thơ hay. Năm Thiệu Trị thứ 3,

(1; (2) Liễu Vận hay thơ, Vũ đế nhà Lương là Tiêu Diễn bảo với Chu Xá rằng: Liễu Vận tốt đủ mặt - Đỗ Phủ có thơ tặng cho Tiêu lang trung nói: Tiêu lang trung là dòng dõi thừa tướng triều Hán (tức Tiêu Hà) là con cháu đế vương thời nhà Lương (vua Lương là Tiêu Diễn. Chữ "Lương nhật" ở đây cũng như là Lương triều là triều đại nhà Lương.

Digitized by Google

phong làm Quỳ Châu quận công. Năm thứ 7, mùa xuân, tháng hai, vua thăm nhà Thái học, ông theo hầu và ứng chỉ làm 8 bài ca "vua thăm nhà học". *Bài thứ nhất*: Nay hoàng đế ta, có cả nước đức ngang với đại quẻ Kiền sánh với đạo quẻ Ly, sáng Nam tỏ lên ngôi ở giữa, làm vua làm thầy, làm khuôn phép cho dân, chăm giáo hóa, đào tạo người hiền, bắt chước điển xưa. *Bài thứ hai*: Năm là năm dần, ngày là ngày đinh. Tiên triết đức lớn, cử hành lễ đế. Xe vua sớm đến ngự, tiếng nhạc ngựa sang sảng. Thuyền rồng đi thong thả, cớ nghê sớm tối. *Bài thứ 3*: Trông lên núi Ni sơn[1] cung tường chót vót. Đồ thờ nghiêm chỉnh, trống chuông khua vang. Kính lễ chẳng trái, rực rỡ huy hoàng. Được thần cảm cách, phảng phất anh linh. *Bài thứ 4*: Bèn dựng nhà học, xe ngọc lộ đến đó, đồ lộ bộ sâm nghiêm các thứ cờ dàn quanh, giá trống giá chuông, các đồ nhạc đầy đủ, các quan đến sắp hàng đông như mây tụ, các học trò áo xanh đều đến cả. *Bài thứ 5*: Bèn đặt nơi dạy học làm nhà chứa sách, bên tả để kinh, bên hữu để truyện, kính theo thánh huấn, Đạo "trung", đạo "nhất"[2] rất hợp lòng vua, phát minh chỗ còn lờ mờ, tìm ra lẽ huyền bí. Đức tốt rõ ràng. *Bài thứ 6*: Sắc mặt tiếng cười như mùa xuân ấm áp, lời dạy bảo rõ ràng như sao sáng. Đức tốt chẳng thôi làm thành lời ca ngợi. Tình tứ của các vị Chu, Khổng, thánh học sâu rộng. Như ánh sáng sông Vân hán, rực rỡ ở trên trời. *Bài thứ 7*: Giống nòi Hồng Lạc đã nghìn năm nay, nhà học có đã lâu đời, đến thăm nhà học, nghi lễ long trọng mới bắt đầu rực rỡ từ nay, năm Vĩnh Bình[3] đời Hán, năm Trinh Quán[4] đời Đường sử sách chép lại, điều như nhau một mối. *Bài thứ 8*: Bày đồ nhạc làm lễ hợp tế, đông đủ lũ lượt đến

(1) Bà Nhan thị cầu tự ở Nê Khâu rồi sinh ra Khổng tử cho nên Khổng tử tên Khâu, tự là Trọng Ni.

(2) Đạo trung: là giữ trung đạo mà không thiên lệch. Đạo "nhất" là theo một lẽ phải mà hiểu hết mọi việc.

(3) Vĩnh Bình: niên hiệu của Hán Minh đế.

(4) Trinh Quán: niên hiệu của Đường Thái tông.

Digitized by Google

dự tế, thết đãi các người khách đến dự, vui vẻ khôn siết, đã vịnh thơ Ngư tảo (một thiên trong kinh Thi khen thiên tử ban yến cho các chư hầu) lại hát điệu Bách Lương[1] lớn nhỏ cúi đầu: đều chúc vua vạn thọ vô cương". Đem trình lên, vua rất khen ngợi cho biện vào tập "Bích ung canh ca hội". Năm Tự Đức thứ 34, thì chết, thọ 58 tuổi, cho thụy là Cung Lượng, dựng đền ở xã An Cựu huyện Hương Thủy. Có 5 con trai, 9 con gái, con thứ 2 là Hồng Chất lúc đầu tập phong làm Kỳ ngoại hầu. Năm Đồng Khánh thứ 1, đổi bổ thụ hàm Quang lộc tự thiếu khanh, lĩnh chức hộ lăng phó sứ. Sau bị giáng 4 cấp, không được làm nữa, năm Thành Thái thứ 1, đổi lĩnh đồng tri phủ Quảng Ninh.

*

Quảng Ninh quận vương Miên Bật

Tên hiệu là Vân Đình, con thứ 30 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với hoàng tử Miên Trạch. Ông sinh năm Minh Mạng thứ 6. Lúc trẻ dĩnh ngộ lạ thường, vốn thích học viết khi mới trưởng thành, ra học thầy dạy bên ngoài, không sách gì là không đọc, vua rất yêu. Năm thứ 21, phong làm Ninh quốc công. Năm Thiệu Trị thứ 2, ngự giá ra Bắc Thành. Khi trở về, thấy ông học vấn ngày tiến tấn, phong làm Quảng Ninh công. Năm thứ 7, thì chết, bấy giờ ông 23 tuổi. Nghe tin ông chết, vua thương tiếc, nghỉ chầu 3 ngày, sai quan đến tế một đàn, cho thụy là Đôn Hòa. Ông vốn tính cung cẩn hiền hậu. Khi làm thân phiên, có dựng thư viện Tự Hương để làm nơi đọc sách trong khi nhàn rỗi. Thường họp các ông có tiếng là văn thơ hay đến cùng để vịnh. Ông trước thuật có tập thơ Hân Nhiên. Lúc trước Dực Tông Anh hoàng đế còn ở Tiềm để, cùng học với vương, mỗi khi vào trực trong

(1) Điệu Bách lương: Hán Vũ đế làm đại Bách lương, chiếu cho các quan mỗi người đều làm thơ, các quan ngồi ở đấy mỗi người làm 1 câu câu nào cũng có vần, gọi thể Bách lương.

Digitized by Google

cấm, là cùng nhau họa vần. Kịp khi vua lên ngôi, thấy bản thảo văn thơ của ông để lại ở các, đọc thấy cảm động, liền đề vào tập thơ ấy rằng: "Cách biệt nhau nghìn thu, hận đã dài lắm, lại trông thấy thơ để lại càng thương. Cấm thành ngày dài cùng với ai nối câu thơ, viện kín hoa tàn há có thể tụ được hương thơm. Đạm bạc lòng như ông Đào Tĩnh Tiết (tức là Đào Tiềm) Thanh cao nối vần như ông Mạnh Tương Dương (tức là Mạnh Hạo Nhiên đời Đường). Đêm nay lúc tỉnh đem thơ ra đọc, gió thổi đèn sương, trăng soi vào rường nhà." Về sau em cùng mẹ với vương là An Quốc công Miên Ngung tìm được bản thảo của ông để lại đem ra khắc sơn chưa xong, rồi chết, giặn anh con bà thứ là Tùng Thiện quận vương Miên Thẩm, thay mình tiến lên. Miên Thẩm liền dâng biểu lược rằng: em đã chết của thần là Quảng Ninh công Miên Bật: đạo đức rõ rệt trong thân thích, danh vọng quí trọng trong buổi thịnh triều, lúc trẻ có tuấn tú, khi trưởng thành có đức hạnh khiêm cung. Tuổi quá 20, có chí chăm chỉ học. Văn chương tao nhã, phên dậu của nước từng nổi tiếng tăm. Thi lễ ung dung, tước trật ba phong rõ ràng sủng mệnh. Đường đời ruổi dong chửa mấy, sao lớn đã vội trôi đi, không những ở bọn chúng tôi đều tiếc thương trong tình nghĩa anh em mà kính thấy các liệt triều cũng tưởng nhớ đến người trong thân thích. Năm ngoái em cùng mẹ với Vương là Miên Ngung: cảm nghĩ anh nuôi thầy dạy; cố tìm hết một câu nói, một câu văn của Vương để lại, tự mình sao chép ra, muốn truyền lại không cùng, thường cùng nói với thần rằng em ở Đông Các, trộm thấy có thơ ngự chế đề vào tập thơ Hàn Nhiên, tình văn đầy đủ, yêu quí rất hậu, thực là làm vẻ vang cho anh thần ở dưới suối vàng, mà làm cho tập ấy được thêm thanh giá. Trộm muốn: nhờ ơn hoàng thượng đề cho bài tựa, biên lên trên đầu tập ấy nên chưa dám khắc in riêng, hoặc hãy làm phàm lệ trước. Nào ngờ: chẳng kịp ăn cơm gạo mới (xét trong Tả truyện nói: Thành công năm thứ 10, thầy đồng cốt nói là bệnh Thành công sẽ chết, không kịp

Digitized by Google

được ăn gạo mới) vụt chắc chết đi, mà lúc sắp chết còn dặn lại nơi làm việc ấy. Thần rất đau đớn về người mất của còn để lại, sau tình anh em, tự thẹn không được như Vân Câu tính trời đôn hậu (Bắc sử: Lục Ngang tự là Vân Câu, tính từ ái, có bệnh ngứa ngực. Em là Bác khi ốm gần chết, dặn các anh em rằng: đừng cho Vân Câu biết, sợ anh cảm động thương xót). Nhưng được biết như Nguyên Bá biểu người bạn chí thiết (Xét sách Hán, Trương Thiệu tự là Nguyên Bá, cùng Phạm Thức làm bạn, tình rất thân thiết. Thường bảo người ta rằng: Phạm Cự Khanh (tức Phạm Thức) là bạn chí thiết của ta vậy). Nghĩa chẳng sai lời, may mà xong việc. Nhớ lại những câu nói bàn của Vương lúc sinh thời dám mong được văn chương của hoàng thượng nêu khen lên cho. Cúi xin: sau khi muôn việc đã rồi, ban cho ngòi son, một chữ vẻ vang, thấm tươi lá ngọc. Để cho trong tập Tô học sĩ, truyền mãi thiên Kiền đạo (xét tập Tô Thức, Tống Hiếu tông có ngự chế thiên Kiền đạo). Đừng để sau khi Lư Doãn Ngôn chết rồi, riêng được thời Thái hòa yêu quí vậy. (Xét Đường thư: Lư Duân tự Doãn Ngôn có tiếng về thơ. Sau khi chết, Văn Tôn thích thơ của ông, sai người nhà lục hòm sách, được 500 bài thơ, đem dâng lên Thái hòa là niên hiệu Văn Tông), Đem tiến trình lên. "Năm thứ 8, vâng có dụ rằng: Cố Quảng Ninh công Miên Bật, giữ tính kính hòa chín chắn, vui điều thiện thích văn chương. Khi trẫm còn ở tiềm để, thường cùng nhau ngồi họa 1 chiếu. Cũng có ích về giúp việc nhân. Tuổi thọ trời cho có ít không được trông thấy ngày nay, lòng trẫm vẫn thường nhớ đến. Bèn thân chế bài thơ, sai quan đến từ đường làm lễ tế và đem lời dụ, bài thơ tuyên đọc để tỏ ra ý nêu khen người hiếm giỏi. Thơ rằng:

Tinh di vật hoán di kinh thu,
Cuộc trạch cao lai mãn mục sầu,
Thi thảo hữu huynh đào tý trí,
Thư hương vô tử thiệu cơ cừu,
Đông bình lạc thiện ngôn nhu tại,

Digitized by Google

Chương đế đôn thân lễ khả do.
Cận nhật Tùng, Tuy giai bị trạch,
Thùy vong Nguyên Dụ tiến hiền mưu.

Dịch nghĩa: "Sao rời vật đổi đã bao năm, nhà cũ cỏ mọc rậm rạp trông mà buồn, bản thảo tập thơ đã có anh sửa chữa hộ, tiếng thơm về văn chương không có con để nối nghiệp, Đông Bình vương vui làm điều thiện, câu nói ấy còn đó, Hán Chương đế tôn quí người thân, lễ ý ấy nên bắt chước, mới đây Tùng Thiện, Tuy Lý đều được thấm nhuần ơn trạch cả, ai nên quên mưu kế của Nguyên Dụ tiến người hiền [1].

Năm thứ 31, kính gặp tiết Ngũ tuần đại khánh. Vua cho là công và Tương An công Miên Bảo đều có học hạnh, đều là người em yêu quí của tiên triều, chẳng may chết sớm, chưa kịp ban cho ơn huệ. Lại xuống dụ (chép ở truyện Tương An quận Vương) truy phong làm Quảng Ninh quận Vương. Vương có 3 con trai, 2 con gái, đều chết sớm cả. Đồng Khánh năm Ất dậu hợp thờ ở đền Thân Huân.

*

Sơn Tĩnh quận công Miên Lương

Là con thứ 31 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, mẹ là Lệ tần họ Nguyễn Gia, con gái của phó vệ úy Gia Quý, người ở Bình Sơn Quảng Ngãi. Ông sinh năm Minh Mệnh thứ 7. Lúc mới làm hoàng tử có học hạnh, giữ tính điềm đạm. Năm thứ 21 phong làm Sơn Tĩnh quận công. Năm Tự Đức thứ 16, thì chết, thọ 38 tuổi, thụy là Hòa Hậu, dựng đền trong kinh thành. Có 7 con trai, 11 gái, con trưởng vợ thứ là Hồng Đình tập phong Kỳ Ngoại hầu.

*

(1) Cao Nguyên Dụ đời Đường, thông kinh sử, làm việc quan giỏi, làm ngự sử Trung thừa, khó kiếm người để thay cho Nguyên Dụ, Nguyên Dụ tiến cử người anh tài giỏi, có thể thay được. Văn Tăng bèn cho người anh thay chức.

Digitized by Google

Quảng Biên quận công Miên Gia

Con thứ 32 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Sơn Định quận công Miên Cung, sinh năm Minh Mệnh thứ 7. Lúc mới làm hoàng tử, ra mở phủ riêng học tập kinh sử. Năm Thiệu Trị thứ 3, phong làm Quảng Biên quận công; năm Tự Đức thứ 28, thì chết, thọ 50 tuổi, thụy là Cung Lượng, dựng đền ở ấp Đông Trì huyện Hương Trà. Có 15 con trai, 11 gái. Con trưởng là Hồng Đôn tập phong Kỳ ngoại hầu.

*

Lạc Biên quận công Miên Khoan

Con thứ 33 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, mẹ là Quí nhân họ Lương, người ở Phù Mỹ, Bình Định con gái của Đình Suy, truy tặng Cẩm y hiệu úy; ông sinh năm Minh Mạng thứ 7. Lúc mới làm hoàng tử có học hạnh. Năm thứ 21, phong làm Lạc Biên quận công. Năm Tự Đức thứ 7, mùa xuân, tháng 2, vua thăm nhà Thái học, công theo hầu, vâng lệnh ứng chế 12 bài ca Thị học.

Bài thứ 1. - Nước Nam sinh ra vua thánh, nhân như trời trí như thần. Nối theo công liệt người trước, ngự trị ức triệu nhân dân, trị hóa thấm khắp, rộng ban ân chiếu, xa gần đội đức, như gần mặt trời, mong đám mây.

Bài thứ 2. - Cả nước, thanh bình. Các quan xứng chức, như mặt trời ấm giữa trưa, như gió hòa 8 cõi, dân nhân đông nhiều, người cày ruộng người dệt cửi, ăn uống làm nghỉ thoải mái, quên cả công đức của nhà vua.

Bài thứ 3. - Giúp đỡ sửa sang, đều biết lòng trung. Man di qui thuận, thiên hạ thống nhất, việc binh không dùng, văn hanh thông. Văn hóa như sao khuê, sao bích sáng tỏ. Đạo và đức đều tốt cả.

Bài thứ 4. - Kính nghĩ hoàng đế ta. Thánh học trời phú cho, trong triều ngoài nội đầy đủ văn chất, nhà nào cũng đàn

Digitized by Google

hát học hành, đọc thơ Lộc minh[1] làm bài trong Hà thanh[2] có nhiều người nho học giỏi để cho nhà nước sử dụng.

Bài thứ 5. - Vào tháng trọng xuân (tháng 2 âm lịch), kỳ trước ngày canh (tức là ngày đinh) sai quan bộ Lễ, xét điển xưa soạn nghi tiết, đồ thờ cũng đã bày, thịt sạch xôi thơm. Thân đem trăm quan, làm lễ thánh sư.

Bài thứ 6. - Xe đóng 6 con ngựa chạy ruổi đều nhau, ngự lên thuyền lầu, nửa đem ra đò. Thần mưa dọn đường, Hà bá tránh nẻo[3] lọng trả chèo lan, mây lành đặc nghịt.

Bài thứ 7. - Kiệu phương lên đường, đuốc sáng rỡ ràng. Cây tùng, cây bách ở quanh tường, xanh tốt um tùm. Nghiêm kính ở miếu, 3 tuần rượu kính dâng, tấu nhạc đủ 6 khúc, chuông trống vang rầm.

Bài thứ 8. - Lễ cử hành rồi. Thịnh điển làm rồi. Tưởng tượng trong chỗ 2 cột, lòng vua kính thành. Nước có 4 cõi văn giáo đến khắp. Nước có người hèn nhát, đã biết tự lập.

Bài thứ 9. - Sáng sớm rực rỡ. Tiếng nhạc ngựa sang sảng, dừng nghỉ ở bờ sông, cờ quạt tạm dừng ở nhà thái học. Lễ nghi long trọng, văn vật rõ ràng. Mũ áo la liệt, múa lạy hoan nghênh.

Bài thứ 10. - Dung nhan nhà vua rỡ ràng, mặt rồng hớn hở, nhà Thái học vui thay. Thánh hoàng đến nơi liền sai cho thần, giảng rõ nghĩa lý, bên tả để kinh, bên hữu để truyện, đường lối cũng thế. Lời vua phân tách lẽ phải, tỏ rõ ý nghĩa sâu sắc.

Bài thứ 11. - Vua bảo là tâm pháp, phải giữ đạo trung, cốt phải tinh nhất[4], trách nhiệm ở mình trẫm. Nhân cùng

(1) Thơ Lộc Minh: tên một thiên trong Kinh Thi, khen vua nhà Chu đãi yến tịch các quan.

(2) Hà thanh: tức là nước sông Hoàng Hà trong: xưa có câu rằng: nước sông Hoàng Hà trong thì có thánh nhân sinh ra. Đây ý nói là nước Nam có vua thánh.

(3) Hà bá: nguyên chữ Hán là Thiên ngô tức là thần ở dưới nước.

(4) Tinh nhất: tinh vi, thuần nhất.

Digitized by Google

trí, dũng, sự hiểu biết và thi hành công dụng giống nhau. Hiểu đạo, hiểu đức, trên dưới đều thông.

Bài thứ 12. - Kính nghe đức tốt, khuyên dạy dân dân. Kinh truyện học tập, giữ lấy trung tín, cơ nghiệp nhà vua sẽ mở rộng đến được chí thiện sẽ chứng nghiệm ngay, dạy dỗ không cùng, lễ nhạc sẽ dấy lên.

Bài ca ấy tiến lên, vua khen, cho liệt vào tập biệt Ung Canh Ca Hội.

Năm thứ 16, công chết, thọ 38 tuổi, thụy là Đôn Lượng, dựng đền ở ấp Trung bộ thuộc Hương Thủy. Có 4 con trai, 3 con gái. Con thứ 3 là Hồng Kiêm can án phản nghịch cùng với tên nghịch Trưng bị cách, sau được khai phục là công tử, tập phong Kỳ ngoại hầu.

*

Hoàng tử Miên Hoạn

Con thứ 13 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, mẹ là Quí nhân họ Đỗ, ông sinh vào năm Minh Mệnh thứ 7, mới làm hoàng tử, chưa được phong, năm thứ 19 thì chết mới có 13 tuổi, liệt thờ vào đền Triển Thân.

*

Ba Xuyên quận công Miên Túc

Con thứ 35 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, mẹ là Quí Nhân họ Cáp, người ở Hải Lăng, Quảng Trị, là con gái Văn Tập truy tặng Cẩm y hiệu úy; sinh năm Minh Mệnh thứ 8. Lúc đầu làm hoàng tử, có học thức. Năm thứ 21 phong làm Ba Xuyên quận công. Năm Tự Đức thứ 6 thì chết, mới 27 tuổi, thụy là Hòa Lượng, không có con nối. Lúc đầu bày thờ ở đền Triển Thân. Năm Hàm Nghi thứ nhất cho thờ chung ở đền Thân Huân.

Digitized by Google

QUYỂN 7

TRUYỆN CÁC HOÀNG TỬ - MỤC III

Các con của Thánh tổ. (tập Hạ)
- Kiến Tường quận công Miên Quan,
- Hoàng tử 38,
- Hoàng tử 39,
- Hòa quốc công Miên Quân,
- Tuy An quận công Miên Hạp,
- Hải quốc công Miên Tằng.
- Hoàng tử Miên Tĩnh,
- Tây Ninh quận công Miên Thẩm
- Tuấn Tĩnh quận công Miên Dần,
- Hoàng tử 46,
- Quảng Trạch quận công Miên Cư.
- An quốc công Miên Ngưng,
- Hoàng tử 50,
- Trấn Biên quận công Miên Thanh,
- Điện quốc công Miên Tĩnh,
- Tuy Biên quận công Miên Sủng,
- Quế Sơn quận công Miên Ngộ,
- Phong quốc công Miên Kiên,
- Trần Định quận công Miên Miêu,
- Hoài Đức quận công Miên Lâm,
- Duy Xuyên quận công Miên Tiệp,
- Cẩm Giang quận công Miên Miễn,
- Quảng Hóa quận công Miên Uyển,
- Nam Sách quận công Miên Ôn,
- Hoàng tử Miên Trụ,

Digitized by Google

- Hoàng tử Miên Ế,
- Trần quốc công Miên Tả,
- Hoàng tử Miên Thất,
- Tân An quận công Miên Bảo (hoặc Thực),
- Bảo An quận công Miên Khách,
- Hậu Lộc quận công Miên Thích,
- Kiến Hòa quận công Miên Điệu,
- Kiến Phong quận công Miên Hoảng,
- Vĩnh Lộc quận công Miên Chí,
- Phù Cát quận công Miên Thân,
- Cẩm quốc công Miên Ký,
- Hoàng tử Miên Sách.

*
* *

Kiến Tường quận công Miên Quan

Tự là Tắc Tư, con thứ 36 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Tuy Lý vương Miên Trinh, sinh năm Minh Mệnh thứ 8. Trẻ mà khôi ngô kỳ lạ, có tính hiếu để. Khi làm hoàng tử, lên 8, 9 tuổi, mẹ bị ốm, cùng với anh là Miên Trinh hầu hạ thuốc thang không mỏi, cung nhân, nữ quan đều tỏ lời khen ngợi, cho là như người mà đã trưởng thành. Khi ta mở phủ riêng, đi ra học ngoài. Ngoài kinh sử ra, sách thuốc sách xem tướng đều đọc qua cả. Vốn nhiều bệnh tật, có một ngày soi gương buồn rầu không vui, bảo anh là Miên Trinh rằng: học thì lấy Tử Chiêm (tức Tô Thức) làm thầy, ở thì như Khương Quạng (anh em) cùng chung chân với nhau, sự rất vui của con người, còn gì hơn thế nữa. Nhưng vì em ốm yếu, phận mệnh có hạn thôi, anh em làm thế nào cho em được. Người anh yên ủi rằng: Tôn thúc ốm yếu mà tuấn tú học giỏi, Trương Tử Phòng mặt như đàn bà con gái. Cố nhiên là sự thường của người nho gia, há có phải những người tóc bạc lại mọc răng như trẻ con đều là bọn (Nam) Bôn, (Hạ)

Digitized by Google

Dục[1], mà người ấp Giáng, ông Lão Bành [2] phải có sức nhắc tỉnh bạt núi cả đâu? Nhưng mà lòng sầu muộn của ông cũng không tiêu tan được. Năm thứ 21, được phong làm Kiến Tường quận công. Năm Thiệu Trị thứ 6, thì chết, lúc ấy ông mới 20 tuổi. Công tính trời hiếu hữu; có học thức. Vua thương tiếc, cho thêm quan tài ở Đông Viên. Sai hoàng thân đem cho rượu tế, thụy là Cung Lượng, dựng đền ở xã Vĩ Dã thuộc Phú Vĩnh. Có 3 con trai 1 con gái. Con cả là Hồng Mục tập phong làm Kỳ Ngoại hầu.

*

- Hoàng tử thứ 38 không rõ tên, không có truyện chép.
- Hoàng tử thứ 39 không rõ tên, không có truyện chép.

*

Hòa quốc công Miên Quận

Con thứ 40 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Phú Bình quận công Miên Ấo, sinh năm Minh Mạng thứ 9. Lúc mới ra mở phủ riêng, học tập kinh sử, học vấn ngày tiến. Năm thứ 21, phong làm Hòa quận công. Năm Tự Đức thứ 16, thì chết, thọ 36 tuổi, thụy là Đôn Doãn, dựng đền ở xã Khánh Lộc thuộc Hương Thủy. Có 6 con trai, 5 con gái. Con cả là Hồng Chuẩn tập phong làm Hòa Hương hầu.

*

Tuy An quận công Miên Kháp

Là con thứ 41 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Sơn Tĩnh quận công Miên Lương, sinh năm Minh Mạng thứ 9. Lúc mới làm hoàng tử có học hạnh. Năm thứ 21, phong làm An Nhân quận công. Năm Thiệu Trị thứ 2 đổi phong làm Tuy An quận công. Năm Thanh Thái thứ 5 thì chết, thọ 66 tuổi, thụy không rõ, dựng đền ở xã Dương Xuân thuộc

(1) Mạnh Bôn, Hạ Dục đều là dũng sĩ ngày xưa.
(2) Người ấp Giáng sống 73 tuổi. Lão Bành tức là Bành tổ thọ 700 tuổi.

Digitized by Google

huyện Hương Trà. Có 10 con trai, 15 con gái.

*

Hải quốc công Miên Tàng

Con thứ 42 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, mẹ là Tài Nhân họ Nguyễn Công, con gái của Công Tiệp, tham tri bộ Binh, sinh năm Minh Mạng thứ 9. Lúc đầu làm hoàng tử đến học đường học tập, thông nghĩa lên kinh sử. Năm Thiệu Trị thứ 6, phong làm Hải Ninh quận công. Công tính hào phóng hay chơi, thường nuôi gà chọi chó săn, chơi bời thích chí. Phàm thuyền buôn nước Thanh đến có vật gì mới lạ, liền bỏ tiền ra mua. Nếu có ai cùng thích đem vật ấy tặng cho, không tiếc, cho nên nghèo, phương dưỡng thanh đạm yên tâm mà thôi. Gió trăng vui lòng, phóng khoáng không bó buộc. Khách đến, sai vợ mua rượu uống với khách, nói cười phóng lãng, không biết mình là vương công quí phái. Năm Tự Đức thứ 36, mùa thu, Phế đế nối ngôi, công là người thân tín. Khi Phế đế bị truất, sợ vạ lây, đem vợ con đến đồn Thuận An, nương với quí quan Đại Pháp. Đến khi giao trả về, bị giáng làm Kỳ Ngoại hầu đem đi an trí ở tỉnh Bình Định. Năm Đồng Khánh Ất dậu, vâng ý chỉ 3 cung chuẩn cho tha về kinh trú ngụ. Sau khai phục tước quận công. Năm Thành Thái thứ 8, tấn phong làm Hải quốc công. Năm ấy thì chết, thọ 69 tuổi, thụy là Cung mục. Có 6 con trai, 3 con gái. Các con trai về năm Tự Đức thứ 36 vì can khoản bị giáng làm Tôn Thất, không được làm việc gì. Năm Đồng Khánh Ất dậu chuẩn cho khai phục tôn tịch. Con thứ, thứ tư là Hồng Dư, năm Đồng Khánh thứ 1, theo xa giá vua có công, thưởng thăng 2 trật, bổ tòng lục phẩm, lĩnh chức Tôn nhân tư vụ.

*

Hoàng tử Miên Tĩnh

Con thứ 43 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ

Digitized by Google

với Quảng Ninh quận vương Miên Bật, sinh năm Minh Mạng thứ 9, chết năm thứ 18 mới có 10 tuổi. Năm Tự Đức thứ 20, liệt thờ ở đền Triển Thân.

*

Tây Ninh quận công Miên Thẩm

Con thứ 44 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, mẹ họ Phan, ông sinh năm Minh Mạng thứ 9, năm Tự Đức thứ 3 phong làm Tây Ninh quận công, chết năm thứ 17, thọ 37 tuổi, thụy là Đoan Nghị, dựng đền thờ ở xã Dương Xuân thuộc Hương Thủy. Có 4 con trai, 1 con gái. Con thứ 2 là Hồng Trạch tập phong làm Kỳ Ngoại hầu. Sau có tội, bị đoạt tước. Con thứ 4 là Hồng Mộc, tập phong là Tá Quốc khanh.

*

Trấn Tĩnh quận công Miên Dần

Con thứ 45 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với hoàng tử thứ 34 Miên Hoan, sinh năm Minh Mạng thứ 10. Lúc đầu làm hoàng tử vốn kiêu ngông, thường trái gia pháp, vua nghiêm ngặt trách mắng. Năm thứ 21, phong làm Trấn Tĩnh quận công. Đến khi ra mở phủ, chuyên việc chơi đùa, Hiến Tổ Chương hoàng đế nghe biết, không cho dự triều ban, chầu lạy. Sau biết hối ngộ, chuẩn cho được theo ban chầu. Năm Thiệu Trị thứ 7, cho khai phục lại nguyên tước. Năm thứ 28, đại sứ nước Pháp đến chầu, ông đứng hầu không có lễ nghi, bị phạt 1 năm lương. Mùa thu năm ấy tế thu hưởng, ông sung làm khâm mệnh đi tế thay, ông mặc áo trắng do cửa miếu bên tả đi vào, bị bộ Lễ tham hặc, giáng làm đình hầu. Năm thứ 31, kính gặp tiết Ngũ tuần đại khánh, vua xuống dụ rằng: Nguyên Trấn Tĩnh quận công trước bị giáng làm Đình hầu là Miên Dần có tội to bất kính, thực không thể tha được. Nhưng trẫm nghĩ hậu đãi thân thích để cho được đổi lỗi, chuẩn cho khai phục tước quận công. Năm Hàm Nghi

Digitized by Google

thứ 1 thì chết, thọ 57 tuổi, thụy là Cung Lượng, dựng đền ở xã Dương Xuân huyện Hương Trà. Có 15 con trai, 9 con gái. Con thứ thứ 4 là Hồng Hàn tập phong làm Kỳ ngoại hầu. Sau ra làm quan, làm tham tri bộ binh, chuyển làm tuần phủ Quảng Trị. Sau bị việc, phải giáng 2 cấp không được làm tước ấy nữa, ở nhà chờ bổ, lại bị tội về khoản khác.

*

- Hoàng tử thứ 46, không rõ tên, không có truyện chép.

*

Quảng Trạch quận công Miên Cư

Tự là Trọng Túi, con thứ 47 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, mẹ là Hòa Tần họ Nguyễn Văn, con gái của Văn Thanh, chưởng cơ làm chức trấn thủ Quảng Yên, người ở Phúc Lộc, Gia Định. Ông sinh năm Minh Mạng thứ 10. Công lúc trẻ đỉnh ngộ kỳ lạ, mới 20 tuổi, đi học, học các kinh sử đến cả các sách các gia các tử [1]. Hiện (tức Hoàng Đế) Kỳ (tức Kỳ Bá đều sách thuốc) đạo Phật, đạo lão tử, đều biết qua cả. Đàm luận giỏi, viện dẫn đều có căn cứ, lời thơ rất phong nhã, có tiếng về thơ. Được vua rất yêu, thường được khen ngợi. Năm thứ 21, phong làm Quảng Trạch công. Năm Tự Đức thứ 7, thì chết, thọ 26 tuổi, thụy là Đoan Mẫn. Lúc mới bị bệnh vẫn ngâm nga không thôi. Có câu rằng:

Phiên âm:

Sầu cực hốt sinh Y, Lạc trường, xuy sinh kỵ hạc ta thời nhân.

Dịch là:

"Sầu lắm chợt sinh ra tưởng tượng đi chơi sông Y, sông Lạc[2], thổi tiêu cưỡi hạc từ biệt người đời". Đến khi chết,

(1) Các gia: như y bốc gia, thiên văn gia... Chư tử: như Trang Tử, Quản Tử...

(2) Thái tử của Linh Vương nhà Chu tên là Tấn thích thổi ống tiêu, chơi

Digitized by Google

người ta bảo câu thơ ấy là lời sấm báo trước. Có tập thơ "Cống Thảo Viên" do Tùng Thiện quận vương Miên Thẩm san khắc và đề tựa. Đại lược rằng đặt tên vườn là Cống Thảo, trộm theo điển trong sách Chu Lễ; mơ thấy bút sinh hoa, tự tác làm ra tập Hán Phiên. Nhưng mà: Trần Thư (tức Tào Thực) không được dùng, hoàng hốt mà thành bệnh sầu; Hoài Nam (tức Lưu Ôn) Tư thương thân, hoặc nương tựa mà tìm người ẩn dật. Ghét kẻ gian tà trái thói đời, thường thấy trong bài thơ; cười học thổi tiêu, thành câu thơ sấm. Vì là: dụng tâm quá khắc khổ, tinh thần có chỗ khó chịu, lo quá thành ốm, cho nên hưởng tuổi trời chẳng được lâu[1]. Có 5 con trai, 6 con gái. Con trưởng con vợ thứ là Hồng Quản... tập phong làm Kỳ ngoại hầu. Sau chết không con nối. Năm Đồng Khánh Ất Dậu, hợp thờ ở đền Thân Huân.

*

An quốc công Miên Ngung

Hiệu là Mạn Viên, tự Hòa Phủ, con thứ 48 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Quảng Ninh quận vương Miên Tịnh[2], sinh năm Minh Mạng thứ 10. Lúc trẻ ham học, có tư thông minh, làm văn hay, khi 20 tuổi ra ngoài học, biết rộng kinh sử, xem khắp các sách của bách gia tử, không sách nào xem được nghiên cứu. Làm văn dòn dã đáng đọc, cùng với anh là Quảng Ninh quận vương có tiếng bằng nhau. Vua rất yêu bảo rằng: "hai viên ngọc châu tốt đẹp". Năm thứ 21, phong làm Bình An quận công. Năm Tự Đức thứ 6, bị ốm chết, thọ 25 tuổi. Vua nghe tin ông chết, rất thương tiếc truy tặng làm An quốc công, cho nhiều tiền tuất, cho thụy là Cẩn Tuệ. Năm Đồng Khánh Ất dậu, liệt tự ở đền Thân Huân. Ông có trước tác tập thơ Mạn Viên. Tùng Thiện quận vương Miên

, ở nơi sông Y, sông Lạc. Đây ý nói muốn theo cảnh thú của thái tử Tấn ngày xưa mà từ biệt thế gian.

(1) Trong bài tựa này có nhiều điển chưa rõ, không thể chú thích được.

(2) Quảng Ninh quận vương là Miên Bật, chứ không phải là Miên Tịnh.

Digitized by Google

Thẩm đề tựa vào tập thơ ấy, cho là vì ông có linh tâm suốt đời xưa, trí sâu xa xét rõ từng tí, phát ra lời văn đều hay cả, lời lời khen ngợi đấy. Có 2 con trai, 1 con gái. Con thứ 2 là Hồng Tuấn, lúc đầu tập phong, sau bị tội bán trộm từ đường, phải đổi theo họ mẹ. Thành Thái năm đầu, phục lại nguyên tịch, năm thứ 3, khai phục Kỳ ngoại hầu.

*

- Hoàng tử thứ 50 không rõ tên, không có truyện.

*

Trấn Biên quận công Miên Thanh

Tự là Giản Trọng, hiệu là Duân Đình, con thứ 51 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, mẹ là Quí Nhân họ Lê, anh cùng mẹ với Phong quốc công Miên Kiên, sinh năm Minh Mạng thứ 11. Công người yếu nhiều bệnh, mới làm hoàng tử ra mở phủ, đi học, thông các kinh sử, có tiếng thơ hay, biết qua sách thuốc, kê đơn xem mạch. Năm thứ 21, phong làm Trấn Biên quận công. Tự Đức năm đầu, vì bỏ học, bị phạt lương 9 tháng. Sau biết sợ gắng sức, được vua yêu. Năm thứ 18, mùa xuân, vua hơi yếu, tuyên gọi ông vào trong cấm, xem mạch cho vua, rồi vào hầu trai cung, thường được sắc hỏi đến. Năm ấy, Thọ Xuân vương thấy ông có tài chính sự tiến ông lên. Năm thứ 27, thấy ông là người có học hạnh, lại đề cử. Năm thứ 29, mùa hạ, vua ngự thăm cửa biển Thuận An, ông theo hầu, vâng sắc kinh họa thơ Thuận An ngự chế 80 vần. Thơ rằng:

Dịch nghĩa: Đem đức nước Nam to lớn, so với bể bắc mênh mang. Lạm dự phân phái đi theo hầu, từ hèn kém như vững chân được trông xem. Cơ nghiệp nhà vua đương rực rỡ, ngôi báu mừng vững yên, cửa biển này nổi tiếng là có địa lợi, đồi cát cao như núi, giữ vững như cái hang của thiên hạ, hiểm trở gấp trăm lần ghềnh thác, công vua Vũ trị thủy từng

Digitized by Google

xen núi Kệ Thạch, lời minh của vua Thang từng khắc vào chậu. Văn hay tranh sáng với mặt trời, đại bút làm mờ cả sao trên trời, núi trấn cao như núi Cú Lũ (tức núi Hành sơn vẻ lạ như con rùa bò sáng vút lên trời biếc). Văn hay soi xuống vực sâu. Đọc nghìn lần không chán. Văn hay hơn nhất cả, gốc sâu ngọn tốt, nguồn xa nên dòng nước to. Gió nam thổi mát mẻ, mây lành sáng từng đám. Thật là nhân lời nói mà lập ra, nói ra có sự thật không phải là nói man. Chốn này mở ra hành điện, năm thường đổ xe loan, chí vì đi săn đồng cỏ lớn đâu muốn xem sóng biển vờn. Cờ lệnh phát nghiêm chỉnh, tiếng trống đánh ầm ầm. Tinh kỳ gió bay phất phới, gươm giáo không chọi nhau sang sảng, sông Hân Hà dạo thuyền lâu, Côn Minh tập dày trận lũy. Lên cao căn màn che dựa lan can nhìn xuống. Thế trận Quán biến làm thế trận khéo biến hóa Nga [1], vui như con cờ ren eo dong ở biển. Chí tôn thân làm tướng, mọi quân khí hăng hái đều xông lên mũ, khi đi khi ngồi có quân chúng chờ thuyền chạy ruổi không có ngựa và lính kịp thời sửa vũ bị, ngăn trước có thành của Tế Liễu tướng quân [2] có Đàn của Hoài Ân quốc sĩ [3]. Người giữ bờ cõi thì chẻ tre làm con đầu ban cho, người làm tướng thì dây thao đeo ấn rủ màu đỏ cật đồng chia giới hạn từ trước, một hòn đất đủ che cửa quan Hàng Cốc, uy linh cả nước sợ. Ơn trạch khắp gần xa. Chính trị cốt thống nhất, đề phòng chỉ qua loa. Biển rộng sâu vì thu hút nhiều nước, núi bền vững không phải đục khoét mới nên, vật thổ ngơi thường đem đến khi yến tiệc hoặc ban cho đại da. Tự làm nên tin cậy, cất nhắc không khó khăn. Súng đạn nhiều như đám mây tụ họp, đích bắn bày ra như sương mù, như tiếng sấm động ngàn dặm hãi sợ, như 3 con sào sáng chói, bắn trúng và về lòng ngay thẳng, giữ gìn khi tay bắn ra, kế trừ bỏ giặc cướp

(1) Nga và Quán đều là thế bày trận ở dưới nước.
(2) Tế Liễu tướng quân tức là Chu A Phu thời Hán.
(3) Hoài Âm quốc sỹ tức là Hàn Tín nhà Hán, đặt đàn cho làm tướng sau phong làm Hoài Âm hầu.

Digitized by Google

tính đã kỹ, ý nghĩa tập bắn dạy phải gian khổ, há chẳng thích nghĩ ngơi, sao bằng bữa ăn cho sạch, thân đi theo xa giá của đông triều, trãi chiếu quạt sẵn cho mùa hè được mát, hát thiên tiểu nhã để nghe cho thanh nhã, tiếng đàn hát ồn ào không cho gẫy. Quạt gió mát cả gối nằm bóng giăng soi vào lan can. Hiếu từ chốn vi trước, ơn ban thường đến kẻ theo hầu. Tuyên lệnh buổi sớm ban yến, mừng thấy ngựa chạy đi trước. Đường núi vòng đèo tròn, bữa tiệc mở ra ở dưới ánh trăng, chén rượu ban khắp cả, thìa đũa vui vô vàn, trộm mừng có lòng nhân đem món ăn về cho vợ, theo bè lấy tay nắm cơm được khoan miễn cho, như thơ Gia Ngự, ăn uống no đủ, như thơ Trạm lộ đêm về sương chưa khô ráo, bóng dù lọng như cò vạc bay về, thuyền bè đỗ như loan phượng đậu, chè ngon hương tỏa thơm trong, quạt trong cung như ngọc lang can, ngồi nói chuyện phe phẩy cái phất trần lông đuôi con chủ[1] ngồi hóng gió vẫn cầm ngọc hoàng nghiêm chỉnh, thử mát ngọt thấm nhuần, miệng khát, nước mát tẩm nhuận cho gan phiền, Muốn oanh ca vua Thuấn như ông Cao Giao trước, lại thẹn như người xưa học cách đi của người Hàm Đan[2] đuốc đốt sáng như cầu vồng thơ vần khó bày đầy giường! Tài Giang Yêm đã hết, bút Đỗ Phú ai bằng. Luật thơ dài chia ra như bó măng, vần thơ hiếm có rất nhiều. Thấy mình tứ thơ kém, với cao như cờ lông xem gió trên cột buồm thích thì đua như cá chép vượt cửa Vũ Môn, cá thiết hình được ướt vảy ở hàng Bính, khắc chim học không làm được, văn vụng kém không nỡ bỏ, đương lúc phải giúp đỡ, đội ơn huệ chứa chan, hàng năm tốn bao nhiêu lương ơn mới ban rất rộng rãi. Ơn hèn mừng rộng khắp chăn nuôi không ai nghèo khổ, khuyên nên gắng như người đắp núi. Lo gì nghèo nàn như ông Nhan Hồi ăn cơm đỏ ở ngõ hẹp, Nam Xi đành yên phận người tài tuấn chen vai nhau giữ yên bổn phận thương tài hèn kém

(1) Con chủ giống như con hưu.

(2) Ngày xưa có người học cách đi của người đất Hàm Đan, không những không học được, lại mất cả cách đi của mình như trước.

Digitized by Google

thì không có tài cũng cố gắng, tình thơ cao hứng khiếm, cũng khó mài dũa được thành câu, tính muốn sửa chữa hơi tỏ được ý, tứ lòng cơ xảo chẳng học ai, muốn tỏ tình những sợ là vội vàng, có lượng trên xét thấu không nói dối được, chăm bôn tẩu để làm khanh tướng, ở nhàn rỗi tự thẹn là làm quan ăn hại không được việc gì, biết đâu sức khó nhọc ấy, chỉ để nuôi mình cho béo thôi, chỉ mong làm rào dậu tốt, buổi thái bình vững như núi đá. Tài hèn chen với người tài giỏi, hương án gần với đàn hương, vui thú như Tư Mã Tương Như tấu khúc Lăng Vân, mừng rỡ như Đông Phương Sóc được ban cho lụa nghi vệ trong triều đức tốt như phượng hoàng cả, cõi xa bọn lang sói trốn xa hết, tiến lui nơi ban chầu rất vinh dự, vẫn nói là được thư thả thanh nhàn. Làng văn chuộng họ Liễu (Tôn Nguyên), hay thơ kém họ Hàn (Dũ). Cảm thương tình anh em sa sáy, buồn rầu, chiếc bóng cô đơn, ai sửa chữa có nên người, ai là thứ đá đã làm mũi tên.

Dạy dỗ chỉ có anh Trinh anh Thẩm, bè bạn chỉ có họ Nguyễn và họ Phan. (Thần thường đến nhờ văn thần sửa chữa văn thơ). Vui bạn tuy an ủi, kính nghiệp vẫn còn lo. May gặp quân sư là bậc thánh hết sức trông nom dạy dỗ cho, biến hóa thần diệu như rồng bay, cũng tạm thấy được đức hay đầy đủ, được thấy vận hội văn chương hưng thịnh, san khắc vào tập văn.

... Bài thơ ấy tiến trình lên, vua khen. Mùa thu năm ấy được châu phê hỏi về nghĩa lễ sách thuốc, ông đương bị bệnh, chưa nói hết được. Khi bệnh nguy kịch vua cho các vị thuốc ở kho của vua dùng, rồi ông chết, họ 47 tuổi, thụy là Cung Lượng, dựng đền ở xã Dương Nổ huyện Phú Vinh. Ông trước tác có tập Duân Đình Thi Thảo. Có 17 con trai, 10 con gái. Con thứ 2, là Hồng Hàng phong làm Kỳ ngoại hầu, trải làm quan ở bộ Công, sau đổi lĩnh Miếu Lang ở ty Từ Tế, lại thăng thụ Kiến bộ sứ. Con thứ 3 Hồng Vịnh lúc trẻ thông minh nhanh nhẹn, thích ngâm vịnh, phong cách giống như cha, có tập thơ Đào Trang in khắc. Tuy Lý Vương khen là không hổ

Digitized by Google

là con người cha có tiếng. Gồm thông cả nghề làm thuốc. Lúc mới ra làm việc trải bổ tri huyện, đổi sung trợ giáo, rồi thăng hàm thị giảng về hưu. Con thứ 5 là Hồng Thuyên bổ thụ làm hàn lâm viện kiểm thảo.

*

Điện quốc công Miên Tĩnh

Con thứ 52 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Quảng Trạch quận công Miên Cư, sinh năm Minh Mạng thứ 11. Lúc làm hoàng tử, xem rộng kinh sách, có học vấn, vua khen. Năm thứ 21, phong làm Điện quốc công. Năm Tự Đức thứ 23 thì chết, thọ 41 tuổi, thụy là Cung Nhã, dựng đền ở xã Xuân Dương thuộc Hương Trà. Có 10 con trai, 77 con gái. Con vợ thứ là Hồng Dư tập phong là Điện Hương hầu.

*

Tuy Biên quận công Miên Sủng

Con thứ 53 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, mẹ là Tiệp Dư họ Nguyễn Thường, người ở huyện Phong Điền phủ Thừa Thiên, con gái của thiếu phó quận công Văn Khiêm, sinh năm Minh Mạng thứ 21. Có học hạnh, làm việc gì cũng giữ lễ phép. Năm thứ 21 phong làm Tuy Nhân quận công. Năm Thiệu Trị thứ 2, đổi phong là Tuy Biên. Năm Tự Đức thứ 18 thì chết, thọ 35 tuổi, thụy là Cẩn Mục, dựng đền ở xã Nam Phổ huyện Phú Vinh. Có 4 con trai, 2 con gái. Trưởng tử con vợ thứ là Hồng Siêu tập phong làm Kỳ ngoại hầu.

*

Quế Sơn quận công Miên Ngộ

Con thứ 54 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, mẹ là họ Nguyễn Văn, sinh năm Minh Mạng thứ 11. Lúc đầu làm hoàng tử, cũng có học vấn. Năm Tự Đức thứ 5, phong làm Quế Sơn

Digitized by Google

quận công. Năm thứ 26 thì chết, thọ 43 tuổi, thụy là Cung Lượng, dựng đền ở xã An Ninh Thượng thuộc Hương Trà. Có 7 con trai, 5 con gái. Người thứ 5 con vợ thứ Hồng Đích tập phong làm Kỳ ngoại hầu.

*

Phong quốc công Miên Kiền

Tự là Trọng Cung. Con thứ 55 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Trấn Biên quận công Miên Thanh, sinh năm Minh Mạng thứ 12. Khi làm hoàng tử ra mở phủ riêng đi học, thông kinh sử, có văn từ, được vua yêu quý lắm. Năm Thiệu Trị thứ 6, phong làm Phong quốc công. Tự Đức năm đầu, vì bỏ học bị phạt, bèn tức giận thành hăng hái đóng cửa đọc sách, cố để công sức vào việc học. Năm thứ 7, vua ngự thăm nhà Thái Học, ông theo hầu, và hiến bài tụng Thị Học (thăm nhà Học) bài tựa rằng: Kính nghĩ: Thánh thiên tử đạo tâm rõ rệt, thánh học nỗi sáng, làm giường mối cho bốn phương, nói ra là pháp, việc làm là mẫu; sửa sang cả trăm việc, 6 thứ chia đều sửa sang, mà công việc thì hòa. Cho nên, ruộng đồng được mùa, thường tụng đầy kho đầy hòm đẹp đẽ; cõi ven không việc, cùng hát cầy mà ăn, đào mà uống được yên vui. Nguyên vì đạo học hóa thành, nhân nhiều ơn hậu, thực là từ xưa đến giờ chưa có lúc nào thịnh hơn bây giờ. Bèn chọn ngày định sau cùng vào tháng 2 năm nay, hoàng thượng thân đến tế Văn Miếu. Lễ xong, sai sắp xa giá đến thăm nhà học, tuyên sắc khuyến khích học trò, ban thưởng cho nhiều. Thần tự hổ hủ lậu tối tăm, may gặp buổi thanh bình, được thấy lễ nghi long trọng, đáng truyền bá việc tốt đẹp ấy. Hiến dâng 1 bài tụng, dám so đâu với ý hay như gió mát của Cát Phú, chỉ để dãi lòng thành của người thôn dã dâng việc sưởi nắng mặt trời. Xin chấp tay cúi đầu hiến dâng lên, lời tụng rằng: tốt đẹp lắm thay, Không tử đức thịnh. Sinh ra đã biết theo đạo mà làm, trời phú cho đức thánh nhân.

Digitized by Google

Đạo lớn rõ ràng, tỏ như mặt trời và sao sáng, vượt cả xưa nay, lồng lộng không thể nào mà xưng hô được. Lớn thay nước Đại Nam, được trời yêu dấu. Đông Tây rộng khắp có cả 1 khu vực, nối theo mô liệt tộc rõ, thánh thần truyền nối, nhân dân yên ổn, muôn vật đều thoải mái. Nghĩ đến phong hóa, là gốc của chính trị, tiếng lên Tiên Thánh, là tôn chủ của nền đạo đức, bên hữu kinh thành, bên cạnh sông Hương, trù tính xây dựng, Văn Miếu lộng lẫy. Học để sáng đức; dựng lên nhà học, để dạy các con cả. Để đào tạo người giỏi, hun đúc dạy dỗ, trên 50 năm, bốn phương theo bắt chước, nhà nào cũng đọc sách gáy vàng, Hoàng thượng ta đức lớn, ngôi tôn sớm ngự trị, Văn Giáo rộng khắp, thanh giáo hưng thịnh, trọng đạo tôn thầy, rồi chỉ người trước, tô điểm thái bình. Nghi văn thêm tốt, vào năm giáp dần, vào tháng trọng xuân. Kê cứu sách trước, điển lớn sửa làm, dong xe 6 ngựa ra đi, từ lúc sương còn chưa ráo, đến cửa văn miếu, gà gáy te te, lên nhà làm lễ đối với anh linh ở trên trời, thiên tử nghiêm thăm việc làm lễ của triều đình rất nghiêm kính. Chuông trống điều hòa nhịp nhau. Đền thờ rất tốt đẹp, thần đến cảm cách sai xét về lễ nghi nhiều, tế lễ đã xong, đến thăm nhà học, có thái độ phong nhã, hương cỏ thơm ướp sạch, ngào ngạt, hàng ngày giảng học, sách vở chồng chất, bìa lụa thẻ ngà, học trò đông đúc, đứng vòng quanh cầu để xem đã đeo thiện mô của vua Vũ, lại giảng sách Trung Dung, sáng tỏ nghĩa sâu sắc, rõ như xem bàn tay, dạy dỗ đủ rồi, răn bảo kỹ rồi, ban cho thưởng cho, ân trạch nhiều rồi, như sao bắc thần, các sao chầu lại, nhà vua có đạo, thiên hạ tuân theo. Như sao bắc thần, nghiễm nhiên ở 1 chỗ đào của nhà vua ngày mới hưởng phúc lâu dài." Bài tụng ấy tiến lên, vua khen ngợi lắm, liệt vào tập Bích Ung canh ca hội. Năm thứ 7 thì chết, thọ 24 tuổi, thụy là Hoằng Nhã, dựng đền ở xã Vĩ Dã huyện Phú Vinh. Có 7 con trai, 4 con gái. Con trưởng là Hồng Thông, tập phong là Phong Hương hầu.

Digitized by Google

Trấn Định quận công Miên Miêu

Trước tên là Cầu, sau đổi tên hiện nay, là con thứ 56 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, mẹ là Quý Nhân họ Nguyễn Thị, con nhà tử tế, người ở Quảng Điền phủ Thừa Thiên, sinh năm Minh Mạng thứ 12. Công chăm học hỏi, hành động theo lễ phép. Năm thứ 21, phong làm Trấn Định quận công. Năm Tự Đức thứ 18 thì chết, thọ 35 tuổi, thụy là Đôn Ý, dựng đền ở ấp Trường Súng nội, huyện Hương Trà. Có 3 con trai, 2 con gái. Con trưởng là Hồng Suyền, lúc đầu được tập phong, sau có tội bị mất tước, đổi theo họ mẹ, cháu ông là Ưng Nhân tập phong làm Tá quốc khanh.

*

Hoài Đức quận công Miên Lâm

Có thứ 57 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, con cùng mẹ với Tuy An quận công Miên Nạp, sinh năm Minh Mạng thứ 12. Lúc đầu làm hoàng tử ra mở phủ đi học, xem rộng kinh sử, có học hạnh. Năm Thiệu Trị thứ 6, phong làm Hoài Đức quận công. Kiến Phúc năm đầu, sung chức tả Tôn Nhân phủ Tôn Nhân. Đến khi xuất đế Hàm Nghi nối ngôi, đổi quyền chức hữu Tôn Nhân, sung phụ chính Thân thần. Khi ấy nước gặp nhiều gian nan, công dự coi chính sự, giữ mình khiêm cung, tránh khỏi sự nghi ngờ chê gièm, Hàm Nghi năm đầu, mùa xuân, phong là Lạc quốc công. Mùa thu năm ấy, đổi phong là Hoài Đức công, sung chức hữu Tôn chính. Thành Thái năm đầu, sung làm phụ chính thân thần, 1 lòng giữ đạo chí công, hành động theo phép cũ. Năm thứ 6, mùa thu, tấn phong làm Hoài Đức quận vương. Năm thứ 9 thì chết, thọ 67 tuổi, thụy là Đoan Cung, dựng đền ở phường thứ 6 thuộc huyện Hương Trà. Ông tính trời trung hậu khiêm tốn, giữ lễ độ, lâu giữ công tộc, dạy bảo con em, hành động có lễ độ, cho nên được các triều hậu đãi, giữ trọn vẹn trước sau. Có 11 con trai, 9 con gái.

Digitized by Google

Duy Xuyên quận công Miên Tiệp

Là con thứ 58 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, em cùng họ với Tuy Biên quận công Miên Sủng, sinh năm Minh Mạng thứ 13. Lúc mới làm hoàng tử, ra mở phủ, đi học. Năm Tự Đức thứ 5, phong làm Duy Xuyên quận công. Năm thứ 24 thì chết, thọ 40 tuổi, thụy là Huệ Mục, dựng đền ở ấp Trường Súng Nội. Có 5 con trai, 6 con gái. Con trưởng con vợ thứ là Hồng Chí. Lúc đầu tập phong, sau có tội bị đoạt tước, xử tội đồ, hết hạn về là công tử. Con thứ hai con vợ thứ là Hồng Đề... tập phong làm Tá quốc khanh.

*

Cẩm Giang quận công Miên Miễn

Con thứ 59 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, cùng mẹ với Truấn Tĩnh quận công Miên Dần, sinh năm Minh Mạng thứ 13. Ông có học hạnh. Năm Tự Đức thứ 5, mùa xuân, phong làm Cẩm Giang quận công, năm Thành Thái thứ 7 thì chết, thọ 64 tuổi, thụy là Cung Lượng, dựng đền ở ấp Đông Trì tả thuộc Hương Trà, có 10 con trai, 12 con gái.

*

Quảng Hóa quận công Miên Uyển

Con thứ 60 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Hòa quốc công Miên Quần, sinh năm Minh Mạng thứ 13. Lúc đầu làm hoàng tử, có học hạnh. Năm thứ 21, phong làm Quảng Hóa quận công. Năm Thành Thái thứ 5 thì chết, thọ 61 tuổi, thụy là Cung Lượng, dựng đền ở xã Phú Xuân thuộc Hương Trà, có 2 con trai, 7 con gái.

*

Nam Sách quận công Miên Ôn

Con thứ 61 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Truấn Định quận công Miên Miêu, sinh năm Minh Mạng

Digitized by Google

thứ 14. Lúc đầu làm hoàng tử có học hạnh. Năm Tự Đức thứ 3 phong làm Nam Sách quận công, năm Thành Thái thứ 7 thì chết, thọ 63 tuổi, thụy là Cung Lượng, có 8 con trai, 4 con gái.

*

Hoàng tử Miên Trụ

Con thứ 62 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với hoàng tử thứ 21 là Miên Tuyên, sinh năm Minh Mạng thứ 14. Mới làm hoàng tử chưa được phong, năm Thiệu Trị thứ 1 thì chết, mới có 9 tuổi, hợp tự ở đền Triển Thân.

*

Hoàng tử Miên Khiết

Con thứ 63 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, mẹ là Tài Nhân, họ Đỗ, sinh năm Minh Mạng thứ 14, năm thứ 19 thì chết, mới có 6 tuổi, thờ ở đền Triển Thân.

*

Hoàng tử Miên Ngụ

Con thứ 64 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, em cùng họ với Phong quốc công Miên Kiên, sinh năm Minh Mạng thứ 14. Lúc bé dĩnh ngộ khác thường, tư chất hơn người. Lúc còn làm hoàng tử, ra mở phủ riêng, đến sư phó học tập, không nói cười càn dỡ với ai, chỉ đam mê sách vở, ngày chăm việc bút nghiên mà thôi. Mới lớn lên, gặp tang mẹ, công thương đau hết lẽ; lúc ấy ông bị bệnh đậu, vết mụn đau lắm nhân thế hình thế tinh thần sút kém, cách ngày Quí Nhân chết mới có 13 ngày thì ông mất. Khi ấy là năm Thiệu Trị thứ 7, ông mới 15 tuổi, quan bộ Lễ cho chết non không xin cho tên thụy. Các tước công anh em cùng học, rất thương tiếc, bèn bàn riêng với Tuy Lý quận vương Miên Trinh. Miên Trinh nói: thụy là do ở người trên cho, không phải dưới tạo ra được.

Digitized by Google

Đời xưa phép đổi tên rất quan trọng, từ hầu, bá, công, khanh, đại phu khi chết đi, đều dâng trạng mà xin ở triều, bấy giờ mới giao xuống lễ quang đem bàn cùng bác sĩ, để lấy công luận phải trái, sau mới ghi vào quốc sử, để mãi đời sau. Nay riêng đặt thụy là không phải lễ. Các người đều nói rằng: Tiên vương đặt ra lễ cốt để răn giữ về đại thể, còn như ở chỗ nên thêm bớt khinh trọng thì theo ở người ta, lễ dẫu tinh vi, cũng không thể đủ từng người được. Trung hiếu là một vậy. Uông Ý đánh giặc ở đất Lang bị chết, người Lỗ muốn không làm tang lễ tên Ý theo hạng trẻ con chết non. Khổng Tử nói: biết cầm giáo mác để giữ xã tắc, tuy muốn không theo tang lễ trẻ con chết non, chả cũng phải ư, sách Hiếu kinh nói: để tang tuy thương sót đau khổ, nhưng không nên hủy hoại thân mình đến nỗi chết, để hại tính mạng không phải là hiếu vậy. Thánh nhân đặt ra lễ, tất có xót đến chỗ tệ hại. Về đời cuối, để tang mà làm được như Cao Ngư [1], được mấy người, phần nhiều hoặc sinh ra tệ hại nữa. Cho nên Tử Giả vì để tang hủy hoặc thân thể đến nỗi chết, kinh Xuân Thu khen là phải. Tri Xuân vương là hợp để tang thương xót khóc 20 ngày rồi chết. Hoàn Lân có tang không chịu nổi, chưa giỗ đầu mà chết, nhà chép sử đều khen là thuần hiếu. Huống chi là phú quí như nước Lỗ, nước Vệ, lại có hiếu hạnh như Tăng tử, Mẫn tử, cũng có thể sánh tốt với người hiền ngày xưa, nêu tiếng hay đến đời khác, cần phải có tên thụy. Miên Trinh liên khảo sát nghĩa cổ, thuật lại tính hạnh, đặt tên thụy là Hiếu Ý là có ý bắt chước các bậc hiền Đào Tĩnh Tiết, Mạnh Trinh Diệu ngày xưa, hoặc đặt tên thụy là bè bạn, cho học trò. Ông chưa có vợ con. Năm Tự Đức thứ 20, liệt thờ ở đền Triển Thân. Năm Hàm Nghi thứ 1 mùa thu, hợp tự ở đền Thân Huân.

*

(1) Cao Ngư: người thời Chu, cha mẹ chết, thường than thở là cây muốn lặng gió chẳng muốn dừng, con muốn nuôi mà cha mẹ không sống.

Digitized by Google

Trần quốc công Miên Tả

Con thứ 65 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, mẹ họ Cao, người ở Do Linh, Quảng Trị, sinh năm Minh Mạng thứ 14. Ông khi còn trẻ thông minh nhanh nhẹn, tính thích học. Năm Tự Đức thứ 3, mùa xuân, phong làm Trấn Ninh quận công. Năm Đồng Khánh thứ 1, tấn phong làm Trần quốc công, năm Thành Thái thứ 1 thì chết, thọ 57 tuổi.

*

Hoàng tử Miên Thất

Con thứ 67 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với An quốc công Miên Ngung, sinh năm Minh Mạng thứ 15, mới 3 tuổi chết non.

*

Tân An quận công Miên Báo hoặc Thực

Con thứ 68 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Điện quốc công Miên Hoàng, sinh năm Minh Mạng thứ 16, tuổi trẻ mà thông minh lạ lùng. Có học hạnh, giữ tính thuần cẩn, được vua yêu mến. Khi Hiến tổ Chương hoàng đế lên ngôi, lại càng kính yêu hơn. Năm Thiệu Trị thứ 3, phong làm Tân An quận công, năm Tự Đức thứ 7 thì chết, lúc ấy mới có 20 tuổi, thụy là Tuệ Mục. Năm thứ 20, bày thờ ở đền Triến thân. Năm Hàm Nghi thứ 1 mùa thu, rước về thờ ở đền Thân Huân.

*

Bảo An quận công Miên Khách

Con thứ 69 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Cẩm Giang quận công Miên Miễn, sinh năm Minh Mạng thứ 16. Lúc mới làm hoàng tử có học hạnh. Năm Tự Đức thứ 5, phong làm Bảo An quận công, năm thứ 11 thì chết, khi ấy mới có 24 tuổi. Thụy là Ôn Mẫn; có 2 con trai, 2 con gái

Digitized by Google

đều chết sớm cả. Năm thứ 20, bày thờ ở đền Triển Thân đằng trước. Năm Hàm Nghi thứ 1, mùa thu, rước về thờ ở đền Thân Huân. Sau dựng đền ở xã Dương Xuân huyện Hương Trà. Năm Thành Thái thứ 1, chuẩn cho lấy con thứ 5 con vợ thứ của phòng Kiến Phong quận công là Hồng Ngai đổi tên là Hồng Ích làm con nối, tập phong làm Kỳ ngoại hầu.

*

Hậu Lộc quận công Miên Thích

Con thứ 70 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, mẹ là cung nhân họ Trần, con nhà tử tế, người ở Quảng Điền, Thừa Thiên, sinh năm Minh Mạng thứ 16. Lúc đầu, làm hoàng tử có học hạnh. Năm Tự Đức thứ 5 phong làm Hậu Lộc quận công, năm thứ 34 thì chết, thọ 47 tuổi, thụy là Cung Lượng, dựng đền thờ ở xã An Cựu thuộc Hương Thủy. Có 13 con trai, 7 con gái. Con trưởng con vợ thứ là Hồng Xứ tập phong làm Kỳ ngoại hầu.

*

Kiến Hòa quận công Miên Điệu

Con thứ 71 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, mẹ là tài nhân họ Bùi, sinh năm Minh Mạng thứ 16. Lúc đầu làm hoàng tử ra mở phủ đi học, có học hạnh. Năm Tự Đức thứ 5, phong làm Kiến Hòa quận công, năm Thành Thái thứ 3 thì chết, thọ 57 tuổi, thụy là Cung Lượng, đền dựng ở đâu không rõ. Có 14 con trai, 10 con gái đều phóng đãng bị phế. Con vợ thứ là Hồng Tiến lúc đầu được tập phong, sau vì tội phóng đãng, bị tước tên họ trong tôn phả.

*

Kiến Phong quận công Miên Hoảng

Con thứ 72 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, con cùng mẹ với Bảo An quận công Miên Khách, sinh năm Minh Mạng thứ

Digitized by Google

17. Ông tính người thuần cẩn, có học hạnh. Năm Tự Đức thứ 5, phong làm Kiến Phong quận công, năm Đồng Khánh thứ 3 thì chết, thọ 53 tuổi, thụy là Cung Lượng, dựng đền ở ấp Xuân An thuộc Hương Trà. Có 12 con trai, 9 con gái. Con thứ tư con vợ thứ là Hồng Tước tập phong Kỳ ngoại hầu.

*

Vĩnh Lộc quận công Miên Chí

Con thứ 73 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Hoài Đức quận vương Miên Lâm, sinh năm Minh Mạng thứ 17. Khi mới làm hoàng tử ra mở phủ, đi học thông các kinh sử, nghĩa lớn có thể hiểu được. Năm Tự Đức thứ 5, phong làm Vĩnh Lộc quận công, Năm Đồng Khánh thứ 3 thì chết, thọ 53 tuổi, thụy là Cung Lượng, dựng đền ở xã An Quán thuộc Hương Trà. Có 13 con trai, 18 con gái. Con thứ 2 con vợ thứ là Hồng Căng tập phong làm Kỳ ngoại hầu.

*

Phù Cát quận công Miên Thân

Tự là Trọng Chí. - con thứ 74 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Tân An quận công Miên Báo, sinh năm Minh Mạng thứ 18. Lúc đầu làm hoàng tử có học hạnh. Năm Tự Đức thứ 5, phong làm Phù Cát quận công, năm thứ 28 thì chết, thọ 39 tuổi, thụy là Cung Lượng, dựng đền ở ấp Doanh Thị, thuộc Hương Trà. Có 4 con trai, 6 con gái. Con thứ 3 con vợ thứ là Hồng Tất tập phong làm Kỳ ngoại hầu.

*

Cẩm quốc công Miên Ký

Con thứ 75 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, mẹ là Cung nhân họ Nguyễn Văn, người ở Gia Định, con gái của chánh đội Văn Châu, sinh năm Minh Mạng thứ 19. Khi làm hoàng tử ra mở phủ đi học sư phó bên ngoài, kinh sử có đọc qua,

Digitized by Google

có tiếng là học hạnh. Năm Tự Đức thứ 12, phong làm Cẩm Xuyên quận công. Năm thứ 31 gặp tiết Ngũ tuần đại khánh, vua thấy ông và Văn Lãng công đều là trong đám thần phiên mà chăm học cũng là ít có, mới gia ân tấn phong làm Cẩm quốc công. Năm thứ 34 thì chết, thọ 44 tuổi, thụy là Cung Mục, dựng đền thờ ở xã Vĩ Dã thuộc Phú Vinh. Có 7 con trai, 13 con gái. Người thứ 2, con vợ thứ, là Hồng Đá tập phong làm hương hầu, sau được bổ dụng, trải thăng đến chức chưởng vệ, thự đề đốc Thanh Hóa. Và kính chuyển thăng thống chế vệ nhất kinh binh. Hiện sung chức hộ lăng.

*

Hoàng tử Miên Sách

Con thứ 77 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với An quốc công Miên Thẩt, sinh năm Minh Mạng thứ 20 mới làm hoàng tử chưa được phong. Năm Tự Đức thứ 8, thì chết, khi ấy mới có 17 tuổi. Năm Đồng Khánh thứ 1 hợp thờ ở đền Triển Thân.

Digitized by Google

QUYỂN 8

TRUYỆN CỦA CÁC HOÀNG TỬ - MỤC THỨ IV

Các con của Hiến tổ: (gồm 29 người. Con thứ 2 tức là Dực Tông Anh hoàng đế. Con trưởng tức là Đinh Bảo, lúc đầu phong làm Kiến Phong công, sau bị tội, phế làm thứ nhân, đổi theo họ mẹ. Con thứ 29 tức là Hiệp Hòa phế đế. Còn 26 người, chép vào truyện 25 người, chưa chép vào truyện 1 người).

- Thái Thịnh quận vương Hồng Phó,
- Thụy Thái vương Hồng Y,
- Hoàng tử Hồng Kiêm,
- Vĩnh quốc công Hồng Phi,
- Gia Hưng quận công Hồng Hưu,
- Phong Lộc quận vương Hồng Kháng,
- An Phúc quận vương Hồng Kiện,
- Hoàng tử Hồng Thiệu,
- Tuy Hòa quận vương Hồng Truyền,
- Hoàng tử Hồng Bàng.
- Hoàng tử Hồng Than,
- Hoàng tử Hồng Trước,
- Hương Sơn quận công Hồng Nghĩ,
- Hoàng tử Hồng Thị,
- Mỹ Lộc quận công Hồng Tiến,
- Hoàng tử thứ 19,
- Hoàng tử Thụ,
- Hoàng tử Hồng Ky,
- Hoàng tử Hồng Thư,
- Kỳ Phong quận công Hồng Đĩnh,

Digitized by Google

- Hoàng tử thứ 24.
- Phú Lương quận công Hồng Dao,
- Kiên Thái vương Hồng Cai,
- Hoàng tử thứ 27
- Hoàng tử Hồng Nghê.

*
* *

Thái Thịnh quận vương Hồng Phó

Con thứ 3 của Hiến tổ Chương hoàng đế, mẹ là Tài nhân họ Trương, người ở Phú Vinh phủ Thừa Thiên, con gái của chánh đội Đình Tuyên, sinh năm Minh Mạng thứ 14. Lúc mới làm hoàng tử có học hạnh. Năm Thiệu Trị thứ 6, phong làm Thái quốc công. Năm Tự Đức thư 31, tấn phong làm Thái Thịnh công. Năm Thành thái thứ 2 thì chết, thọ 58 tuổi, thụy là Trang Cung, dựng đền ở xã An Cựu thuộc Hương Thủy. Năm thứ 9, truy tặng là Thái Thịnh quận vương.

Có 26 con trai, 29 con gái. Con thứ 3 con vợ thứ là Ưng Ngân, lúc đầu được tập phong, sau có tội bị phế làm thứ nhân.

*

Thụy Thái vương Hồng Y tự là Quân Bác

Con thứ 4 của Hiến tổ Chương hoàng đế, mẹ là Thục phi họ Nguyễn Văn, người ở Lệ Thủy, Quảng Bình, con gái của chưởng cơ lĩnh binh là Văn Phượng. Sinh năm Minh Mạng thứ 14. Vương lúc bé kỳ dị, thông minh khác thường, đến khi lớn học rộng thơ hay, được vua rất yêu. Năm Thiệu Trị thứ 2, ngự giá ra Bắc, làm lễ bang giao, sai vương cùng hoàng tử thứ 2, tức Dực Tông Anh hoàng đế cùng đi. Vương hầu liền bên cạnh cẩn thận. Khi vua về kinh, được ban khen. Năm thứ 6, sách phong làm Kiến Thụy công. Đầu thời Tự Đức, vương cùng Tùng Thiện quận vương vào hầu vua ở vườn sau tập bắn. Vua nhân làm 16 vần thơ "Quí đông tân tỉnh, hậu

Digitized by Google

uyển tập xạ"[1], sai vương cùng Tùng Thiện quận vương Miên Thẩm làm mỗi người một câu nối thành một bài, được vừa ý vua. Năm thứ 7 mùa xuân tháng 2, vua đến thăm nhà Thái học, công theo hầu nhân dâng bài tụng "Thị Học" lời tựa như sau: "Kính nghĩ: hoàng thượng ta từ khi lên ngôi đến nay, lưu ý đến việc thăng bình, chăm tìm trị đạo. Đêm thì đợi cho sáng, ngày thì tiếc từng tấc bóng mặt trời, chăm lo kính cẩn muôn việc, chưa từng nhàn rỗi; mà về việc sùng nho trọng đạo, giảng học rèn luyện người hiền, càng để ý lắm. Vì có ý muốn cho công hiệu vỗ yên được đến nơi vậy. Cho nên trăm việc bỏ đều làm, muôn nước đều yên. Đã yên đã trị, lo nghĩ càng cần, cho là muốn biết cho hết lẽ, cốt ở đọc sách, thì sai mở kinh duyên; giúp đức không gì bằng gần người hiền, thà đặt ra viện Tập hiền; nhà trụ giám[2] là nơi rèn đúc nhân tài, thì chức tế tửu, tư nghiệp phải chọn người; nhà học là nguồn gốc phong hóa, thì chức đốc học, giáo thụ phải coi trọng việc tuyển lựa. Về việc đào tạo sĩ phu, thì phép thi sửa lại rõ ràng, mở rộng cách dạy của thơ Vực bốc, Thanh ma[3]. Về việc cầu người hiền tài thì đặt ra chế khoa, rộng đường tuyển cử như quẻ Phong quẻ Thái[4] đều là qua vượt cả xưa nay không đời nào hơn được. Cho nên đông tây nam bắc không đâu là không thấm nhuần giáo hóa vậy. Tốt đẹp lắm thay! dù đến văn tứ của vua Nghiêu, sáng khắp bến cõi, văn mạnh của vua Vũ đến khắp bốn biển, cũng chưa hơn được. Lại còn dốc chí đào tạo, hết lòng chấn tác, bèn cử hành lớn đến thăm nhà học để tỏ ra ý đến việc tôn thánh trọng đạo Thích đạo Nho khuyên kẻ sĩ, bèn đến năm Giáp dần, mùa xuân, ngày Đinh, đến tế ở miếu Khổng thánh, giảng sách ở nhà Di Luân, chăm chăm đến lời truyền dạy: lòng tư dục thì khó giữ, lòng đạo đức thì u vi, phải tinh túy, thuần nhất; sốt sắng đem ý nghĩa

(1) Cuối đông trời nắng vườn sau tập bắn.
(2) Trụ giám: nhà Quốc tử giám để dạy các con cả của vua và các quan.
(3) 2 thơ này nói về giáo dục của vua nhà Chu.
(4) Quẻ Phong quẻ Thái đều nói về lấy được nhiều nhân tài.

Digitized by Google

đạo đức thông thường, chủ trương vào đấy mà tỏ rõ nghĩa sâu xa, mở sáng cái lờ mờ của tạo hóa, tỏ lộ lẽ huyền bí của thánh hiền, phân tích lời lờ mờ để dạy sĩ tử, ban ơn huệ để khuyến khích nho thần. Đều là gốc ở thánh học cao minh, ơn trời rộng rãi, thực là đạo làm vua, làm thầy rực rỡ đến đời xưa vậy. Tuy Hán Minh Đế thăm nhà học, Tống Thái Tôn giảng học, cũng chưa đủ ví với ngày nay. Huống chi nước Nam ta từ Hùng Vương, Lạc Long đến giờ cũng chưa từng có vậy. Thần ngu dốt, ít học, nay gặp hội thái bình, tuy tài kém cỏi chẳng kịp Hàn Dũ, Thạch Giới[1] mấy nhà, không dám không đem chút kiến văn được có thể nào mà trình bày được 1 phần trong cuốn muôn phần để nêu tỏ tiếng tốt công sáng của hoàng thượng ta. Vậy cúi đầu dập đầu lạy mà dâng tụng rằng:

Dịch nghĩa: Nghĩ:

Vua ta chịu mệnh trời, Nắm phù khế giữ quyền,
Thông minh trí tuệ, tự tính thế yên làm như thế,
Tẩm pháp trị pháp, Thánh trước thánh sau truyền nối,
Đức sáng nối đời trước, đức thuần nhất thấu đến trời.
Thường kính việc như nhà Ngu, ngày sửa trăm việc như nhà Chu,
Ngày đêm không lười biếng, vội vàng các công việc,
Chăm chú cẩn thận Tự mình lo sợ,
Rõ rệt đức lớn Phúc lành đầy đủ.
Bốn phương yên lặng, Muôn nước lại chầu,
Vui lòng đạo nghĩa, để ý sách vở,
Đặt viện Tập hiền, Chế ra bài văn
Như gió Nam quạt mát, như mây lành che trùm.
Tình hậu với người họ, để dạy bảo đàn em nhỏ.
Nhà học thường mở ra Nhà tôn học mới đặt ra,
Phép thi đổi lại rõ ràng, qui thức việc thi được ban bố.

(1) Thạch Giới: người thời Tống, làm quốc tử giám, có làm bài thơ "Khánh lịch thánh đức".

Digitized by Google

Ơn ra rộng rãi, thanh giáo thấm nhuần khắp cả.
Đã mở rộng đạo nho, lại cử hành nghi lễ to lớn,
Sắp xe đi từ buổi sớm, quân lính chở thuyền đi,
Sóng ướt mái chèo mây phủ cờ quạt,
Thần mưa rửa đường, thần gió chạy trốn,
Đã tới đến nơi, làm lễ tế thánh,
Trong nước nghiêm túc, phải thành phải kính,
Nhạc khí đều bày ra, Đồ thờ rất sạch sẽ,
Lòng thành cảm đến thần, ban cho nhiều phúc lành,
Đi thuyền đến nhà học, bèn đặt trường dạy học,
Vua thân đến coi học, để mà dạy bảo,
Bên tả để kinh bên hữu để truyện, phát huy nghĩa tinn huy,
Lời vua lớn thay. Như dây thảo như sợi tơ.
Như mặt trời soi vào văn học, như gió thuyền giáo hóa đi,
Bắt đầu từ quốc tổ, đến khắp cả thiên hạ.
Văn trị rất thanh thông Thanh danh rất dạt dào,
Theo 1 đạo cùng phong tục, đều theo pháp độ cả.
Kính nghĩ hoàng thượng ta, làm chủ của nhân dân,
Đến hàng vạn năm, công liệt tốt đẹp rực rỡ,
Có đạo đức thuần nhất, làm giường mối cho bốn phương,
Đến hàng vạn năm, Văn chương rực rỡ.
Đức ấm tốt đẹp, Vua ta thẳm nghiêm,
Đến hàng vạn năm, hưởng chịu phúc trời,
Kẻ tiểu thần dâng tụng, Cúi đầu dập đầu,
Đến hàng vạn năm, Thọ như núi Nam Sơn.

Bài tụng ấy dâng lên. Vua khen cho liệt vào tập "Bích Ung Canh Ca Hội. Năm thứ 24, sai giữ chức hữu Tôn nhân phủ Tôn nhân. Năm thứ 25, vương lên thọ 40 tuổi, vua ban phẩm hạng của kho trong Nội, để làm lễ thọ, và ngự chế 2 bài thơ ban cho.

Digitized by Google

Bài thứ I.

Phiên âm: Giới độ thân trung hậu,
Do phận ngoại vinh,
Văn chương sư Tử Kiến,
Đức nghiệp nộ Đông Bình,
Lực nghi thiên niên câu táng.
Thân nhàn phúc dị tinh,
Quý dự đa bất cập,
Tư tuế thiển vi huynh.

Dịch nghĩa: Trong thân thuộc thì em là gần,
Văn chương học ông Tử Kiến
(tức là Tào Thực)
Đức nghiệp tựa ông Đông Bình
(tức là Hán Đông Bình vương),
Sức mạnh và tuổi còn trẻ,
Thân nhàn phúc để nhiều,
Ta tư thẹn chẳng kịp,
Con của anh em đã được sinh sủng ra ngoài phận,
Hơn 4 tuổi được là anh.

Bài thứ II.

Phiên âm: Ngô đệ tuy vân chúng,
Duy quân khá kết minh,
(ngầm dùng vần của ông Tô) (1)
Tài phồn duyên học thực,
Đức mậu đắc lân tình,
Theo nguyệt tam bôi kính,
Xuân phong nhất trạc khinh,
Gia đình chân lạc sự,
Thế thượng tấn phù danh.

(1) Chưa rõ điển.

Digitized by Google

Dịch nghĩa: Em ta tuy nhiều tuổi,
Duy ông có thể kết làm đồng minh được.
Tài nhiều vì học lắm,
Đức tốt được tình hàng xóm,
Trăng thu ba chén rượu,
Gió xuân một con chèo,
Gia đình thực vui thú,
Trên đời đều là hư danh cả.

Năm thứ 30, vương bị bệnh chết, khi ấy ông còn đương tại chức, thọ 45 tuổi. Vua nghe tin, thương tiếc hồi lâu, nghỉ chầu 3 ngày, xuống dụ truy tặng làm Kiến Thụy quận vương, cho tên thụy là Tuệ Đạt. Dụ rằng: em trẫm tuy nhiều, duy em thứ 4 là Kiến Thụy công ham học văn thơ giỏi, hơn hẳn trong bọn anh em, Trẫm vốn yêu mến, đương mong cho tiến bộ. Năm ngoái, bỗng bị bệnh nặng, đã sai thái y đến điều trị, cấp cho nhiều thứ thuốc quý để dùng, nay đã hơi đỡ, tuy chưa đi mạnh được thôi. Trẫm đương mong em sớm được như thường, gặp nhau còn nhiều. Chẳng ngờ hôm qua chợt nghe báo bệnh em chợt phát ra nặng lắm, rất là nguy kịch. Đã sai ngự y đến ngay hợp cùng với y chánh chữa khẩn, thì đã không kịp nữa; giờ ngọ hôm qua em đã chẳng may chết rồi, nghe tin cáo phó, rất lấy làm thương xót, đã sai quan cho trách nhiệm lo liệu theo lễ hậu. Nay chuẩn cho, truy tặng làm quận vương. Vậy tất cả mọi công việc của Vương sau khi chết đi, chuẩn cho quan có chức trách chiếu theo lễ quận vương mà làm, và làm hậu hơn lên. Còn về hoàng tử có nên đi đưa đám thế nào đã có nghị chuẩn, chuẩn cho chiếu ấy mà làm, cho hết tình lý. Ngày cất đám, vua thân làm văn sai quan đến tế. Văn tế rằng:

Phiên âm:

Than ôi em hỡi, Tánh hiền hơn người,
Tuy bởi khí tốt, cũng nhờ được phụ sinh ra,
Ngày mới ra mở phủ, còn trẻ tuổi biết gì,

Digitized by Google

Em chưa học làm câu đối, anh mới học làm thơ.
Chẳng muốn gì, chẳng lo gì, chẳng biết mùi vị ra sao,
Nặn phá đất, tung quả cầu, chỉ chơi đùa sao cứ bảo thế.
Khi theo xa giá ra bắc, được chọn sai cùng đi,
Khi ta ở Đông cung, em làm phiên vương ở liền.
Khi hầu hôi đã rồi, hằng ngày tùy tòng,
Đi ngang nhau không xa cách, tình yêu mến nhau hơn mọi người.
Hoặc trời xui ra thế, hai người sóng đôi nhau đều không có ý tứ gì,
Nói đùa cùng hẹn nhau, chẳng ngờ không phải là nói đùa.
Ngọc hoàn khuê (tước công cầm hoàn khuê), nó chỉ ban cho nhà lương gia,
Biết em không ai bằng, sau này tất thành tựu không sai.
Tuy có ngọc tốt, không gặp thợ giỏi,
Biện Hòa[1] (thợ ngọc giỏi) chưa trông đến cũng coi như hòn đá thôi.
Lầu hoa ngọc (anh em) làm xong, tình khó ngăn trở,
Một ngày coi bằng ba thu, hả phải mùa rét, mùa nóng.
Mới biết tạm xa nhau, đã không phải là Nông Chính[2] ngày trước,
Mới biết công rèn cặp, phần nhiều nhờ ở các ông giỏi,
Khi ngân gió vịnh trăng, không bắt chước người chơi quá
Còn như chạm rồng thêu hổ, sau càng cứng mạnh đáng sợ,
Uống chén rượu, ngâm câu thơ, là bệnh thông thường của nhà văn,

(1) Biện Hòa: người nước Sở được ngọc ở Sở sơn mang dâng, Lệ Vương cho là giả, sai chặt chân tả. Thời Vũ Vương lại dâng, cũng cho là giả sai chặt chân hữu. Văn Vương lên ngôi Hòa ôm ngọc đến khóc. Văn Vương sai thợ ngọc xem, quả là ngọc thực.

(2) Tôn Quyền bảo Lã Nông Chính nên tự học để thêm thần trí, Nông Chính bèn đi học, đốc chí không mỏi, sau Lỗ Túc cùng với Nông nghị luận thường bị kém thua, Túc nói: Nông Chính ngày nay giỏi không giống như xưa kia nữa.

Digitized by Google

Nhàn rỗi để hại mình, học tập thành thói quen,
Tưởng anh em xướng họa, trời đất còn lâu dài,
Thổi gảy đàn sáo với thế, đốt ngãi để cứu đã muộn rồi,
Lời thay về hai cái búa khóc lóc sao kịp nữa,
(chém một cây gỗ),
Làn tu văn lang dưới đất, tiếng đàn im bặt không ai gảy nữa.
Nhà lắng người tiếng mưa, đài đâu phải như tiên,
Vườn vắng Lương Hiếu Vương thuật tu luyện từ giả ông Bành tổ.
Buồn về tình anh em, không thương người ấy thì còn ai nữa,
Tình vui về thanh khí, nơi Tây Đường nay là đất mộng hão,
Mệnh trời đã định thế, so với Nhan Hồi đã hơn nhiều,
Đời người đều được thỏa thích cả, cũng chẳng cần gì nữa,
Con cháu đầy đàn, có người dạy bảo,
Mỗi người đều giỏi một thứ cần gì phúc lên hơn nữa.
Chỉ có một điều đáng tiếc, sự học còn đương tấn tới,
Lòng khá tiếc ấy mãi chưa thôi.
Cô lậu như ta còn kém đến 30 dặm.
Hơn cả 5 anh em họ Mã há riêng gì Mã Lương có lông
(Mã Lương), mi trắng,
Quân tử nhà họ Tô còn mong nhiều người nối theo.
Không như người khác ít chẳng quên nêu tỏ thanh danh,
anh em,
Đã cam làm việc trần tục ai là người còn làm văn cho giỏi
những tạp, nữa,
Người tài giỏi còn thế, kẻ kém cỏi thì ra sao,
Tương đông trăm năm kia lấy ai mà mài sáng,
Một bó cỏ làm lễ phúng, xin chứng giám cho lòng thành
Duyên kiếp này chưa hết, xin hẹn đến kiếp sau.

Digitized by Google

Năm Thành Thái thứ 9, mùa xuân, tấn tặng làm Thụy Thái vương, tấn tên thụy là Đôn Chính, dựng đền ở ấp Đông Trì, thuộc huyện Hương Trà. Vương vốn tính hiếu hữu, thích làm điều thiện không mỏi. bình sinh không thích gì, duy lấy trước thuật làm vui, trên từ bài tụng hiến, dưới đến các bài tặng đáp, cùng là khi đi chơi núi hồ rừng nội, bài nói về bè bạn hội họp yến tiệc, ngâm vịnh về cá chim cây cỏ, cảm hứng về sự tích cổ kim, câu ngắn bài dài, văn chương rực rỡ, góp lại thành tập. Các danh công thường khen ra đầu đề chia vần, đều chịu phục cả. Các chế tác của công ý rộng mông mênh, có hình dáng của cổ nhân. Cho nên Tuy Lý quận vương Miên Trinh xưa bảo, thơ của ông xấp xỉ gần như thơ cổ, mà ông giữ tính khiêm tốn hiếu học tuy Đông Bình Vương, Hà Gian Vương (đời Hán) cũng không thể hơn được. Đáng là người quý của triều trước mà phúc lộc con cháu lưu truyền mãi không cùng. Có 43 con trai, 24 con gái. Con trưởng là Ưng Khánh, tập phong làm Kiến Thụy huyện công. Con thứ ba làm con nối của Dực Tông Anh hoàng đế, nay truy tôn làm Cung Tôn Huệ hoàng đế. Con của Ưng Khánh là Bửu Thạch tập phong làm Kiến Thụy công.

*

Hoàng tử Hồng Kiêm

Con thứ 5 của Hiến Tổ Chương hoàng đế, mẹ là cung nhân họ Đỗ, sinh năm Minh Mạng thứ 15, năm Thiệu Trị thứ 2 thì chết, khi ấy mới lên 9 tuổi. Năm Tự Đức thứ 20, liệt thờ vào đền Triển Thân.

*

Vĩnh quốc công Hồng Phi

Con thứ 7 của Hiến Tổ Chương hoàng đế, mẹ là Tài Nhân họ Nguyễn Văn, sinh năm Minh mạng thứ 6. Lúc mới làm hoàng tử, có học hạnh. Năm Tự Đức thứ 3, phong làm

Digitized by Google

Anh Sơn quận công, năm thứ 16 thì chết, thọ 29 tuổi, truy tặng là Vĩnh quốc công, thụy là Lương Mẫn, không có con nối. Năm Đồng Khánh Ất dậu, mùa thu, hợp thờ ở đền Thân Huân.

*

Gia Hưng quận vương Hồng Hưu

Lại tên là Thuyên, con thứ 8 của Hiến Tổ Chương hoàng đế, mẹ là Lương Phi họ Vũ, người ở Hương Trà, Thừa Thiên, con gái của phó hiệu úy Hữu Lĩnh, sinh năm Minh Mệnh thứ 16. Lúc mới ra đi học, chịu đọc sinh sử, hơi biết lĩnh hội. Năm Thiệu Trị thứ 6, phong làm Gia Hưng công. Năm Tự Đức thứ 36, tấn phong làm quận vương, kiêm giữ chức hữu tôn nhân phủ Tôn Nhân. Năm Kiến Phúc thứ 1, tức là Giản Tông Nghị hoàng đế lên ngôi, hoàng thân Tôn Nhân tâu nói: ngày nay nhiều việc khó khăn trọng đại, mà vua nối tuổi trẻ, nên có thân thần trọng hậu, lão luyện để giúp. Vua liền sai vương sung phụ chính thân thần, nhưng vẫn kiêm nhiếp (hữu tôn nhân phủ tôn nhân), cùng với đại thần là bọn Nguyễn Văn Tường, Lê Thuyết cùng phụ chính. Sau, vua Hàm Nghi lên ngôi, Trấn Tĩnh quận công Miên Trí tâu nói là vương nhân việc tư bỏ việc công, tiết lộ việc quân quốc quan trọng. Lại thêm tội loạn dâm. Việc giao xuống phủ Tôn nhân, chính phủ tra xử. Bọn Nguyễn Văn Tường, Lê Thuyết, cho là vương nhiều lần đi lại quan thông với khâm sứ đại Pháp trước Lê Na và các tình tiết khác, cùng với lời Trấn Tĩnh công tâu báo được thực; án thành, xử cách bỏ chức tước, phát giao đi an trí ở trấn Lao Bảo Quảng Trị; các công tử giáng làm tôn thất chia đất cho an trí. Vương sau chết ở bảo. Hàm Nghi năm thứ 1, kinh thành có việc, xuất đế xiêu giạt ra ngoài, Thọ Xuân Vương quyền nhiếp việc nước, vâng ý chỉ 3 cung chuẩn cho tha tội đem quan tài về chôn tại chỗ ngu ở kinh. Mùa thu năm ấy, gia ơn cho khai phục tước công; các công

Digitized by Google

tử cũng chuẩn cho lại trở về tôn tịch. Thành Thái năm thứ 1, truy phục làm quận vương, thụy là Cung Túc, dựng đền ở phường thứ 5 thuộc huyện Hương Trà. Có 10 con trai, 15 con gái. Con thứ 7 con vợ thứ là Ưng Huy lúc đầu tập phong làm Gia Hưng huyện hầu. Năm thứ 2, tập phong tước quận công, hiện là làm chức tả tôn khanh phủ Tôn Nhân.

*

Phong Lộc quận công Hồng Kháng

Là con thứ 9 của Hiến Tổ Chương hoàng đế, mẹ là Đoan Tần họ Trương, người Quý huyện (tức huyện Tống Sơn) Thanh Hóa, con gái của Văn Minh, truy tặng làm vệ úy, sinh năm Minh Mạng thứ 18. Lúc đầu làm hoàng tử có học hạnh. Năm Tự Đức thứ 5, phong làm Phong Lộc quận công. Năm thứ 7, mùa xuân, tháng 2, vua ngự thăm nhà Thái Học, công theo hầu, vâng lệnh ứng chế 6 bài thơ "Thị học".

Bài thứ I.

Dịch nghĩa:

Kính nghĩ hoàng thượng ta, sáng tỏ đức lớn,
Trị nước Đại Nam nối trời dựng đạo dạy dân,
Sách vở để hai bên tả hữu, vui thích về bút mực,
Văn trị nổi lên, bốn phương noi theo,

Bài thứ II.

Năm là năm giáp, tháng hai, ngày đinh,
Làm lễ tiên thánh, rõ ràng nghi lễ.
Rượu dâng ba tuần, múa nhạo 6 hàng (1)
Trọng đạo tôn thầy, mình tự xướng xuất,

Bài thứ III.

Bên hữu Văn Miếu, có nhà Di Luân,
Xe vua đã đến nơi, tiếng nhạc ngựa sang sảng,
Các công khanh tập họp, đông đúc lũ lượt,

(1) Lục dật: 6 hàng người múa. Lễ mừng thiên tử 8 hàng người múa, chư hầu 6 hàng, đại phu 4 hàng, sĩ 2 hàng. Mỗi hàng 8 người.

Digitized by Google

Mây hé sáng chỗ màn dạy học, mặt trời sáng chiếu vào áo cổn,

Bài thứ IV.

Vua sai dâng sách để giảng dạy, sách Thượng thư và truyện Trung dung,
Lời vua phán đoán, phân tách nghĩa giống khác nhau,
Dạy lấy đạo chấp trung, giữ mình bằng đạo thông thường.
Xem văn hóa của loài ý tứ dạy bảo không cùng!
người mà ban ra giáo hóa,

Bài thứ V.

Bèn cử học quan, dạy dỗ chu quan
Bảo là việc học đời cổ, cốt để sáng tỏ nhân luân,
Dạy bảo các học trò, nên được nết tốt cốt ở sự chăm,
Mài dũa cái xấu, cái dốt, kính nghề nghiệp vui với bọn lũ,

Bài thứ VI.

Điển lớn đã thành, ban ơn yến thưởng,
Thơ nhã ban ra, văn hóa của nhân loại tỏ sáng,
Sáng đến nghìn xưa, bốn phương trông nom vào,
Đến ức vạn năm nữa phúc lành lâu vẫn hưởng.

Bài tụng ấy trình lên vua khen, cho liệt vào tập Bích Ung canh hội. Năm thứ 18 thì chết, mới 30 tuổi, thụy là Cung Hậu, không có con nối. Năm Thành Thái thứ 2, chuẩn cho lấy con thứ 2 của phòng Phế đế là Ưng Hạo làm con nối, tấn phong làm Kỳ ngoại hầu.

*

An Phúc quận vương Hồng Ngự

Con thứ 10 của Hiến Tổ Chương hoàng đế, em cùng mẹ với Gia Hưng quận vương Hồng Hưu, sinh năm Minh Mạng thứ 18. Lúc đầu làm hoàng tử có học hạnh. Năm Tự Đức thứ 5, phong làm An Phúc quận công. Năm thứ 36 phong làm Thường quốc công. Năm Thành Thái thứ 3, tấn phong làm An phúc công. Năm thứ 7 thì chết, thọ 59 tuổi. Ông tính hào phóng, thường lấy hoa cỏ làm vui, ưa thích văn sĩ, cùng đàm

Digitized by Google

luận thâu canh không mỏi. Về già lắm bệnh, thành ra mắc bệnh hút thuốc phiện. Cùng Hải Ninh công có thiện cảm, đi lại thân mật, không kiên kỵ hiềm nghi. Người ngoài nghị luận có chỗ hiềm nghi không thể tỏ rõ ra được. Năm thứ 11 truy phong làm An Phúc quận công, cho tên thụy là Trang Cung, dựng đền ở ấn Đông Gia, Hương Thủy. Có 12 con trai, 10 con gái. Con trưởng con vợ thứ Ưng Di... tập phong làm An Phúc quận công.

*

Hoàng tử Hồng Thiệu

Con thứ 11 của Hiến Tổ Chương hoàng đế, mẹ là Tài Nhân họ Trương, sinh năm Minh Mạng thứ 18, rồi chết ngay năm đó.

*

Tuy Hòa quận vương Hồng Tuyền

Con thứ 12 của Hiến Tổ Chương hoàng đế, mẹ là Nhu Tần họ Nguyễn Văn..., là chị của Thục Phi, sinh năm Minh Mạng thứ 18. Lúc đầu làm hoàng tử có học hạnh. Năm Tự Đức thứ 5, phong làm Tuy Hòa quận công. Năm Kiến Phúc thứ 1 phong làm Vinh quốc công. Năm Thành Thái thứ 1 thì chết, thọ 52 tuổi, truy phong làm Tuy Hòa quận vương, cho thụy là Trang Cung, dựng đền ở Giáp Tân Lạc huyện Hương Trà. Có 8 con trai, 4 con gái. Con thứ 8 con vợ thứ là Ưng Đồng tập phong làm Tuy Hòa quận công.

*

Hoàng tử Hồng Bàng

Con thứ 13 của Hiến Tổ Chương hoàng đế, em cùng mẹ với An Phúc quận vương Hồng Kiện, sinh năm Minh Mạng thứ 19, chết năm Tự Đức thứ 6, mới có 16 tuổi , liệt thờ ở đền Triển Thân.

Digitized by Google

Hoàng tử Hồng Tham

Con thứ 14 của Hiến Tổ Chương hoàng đế, mẹ là Tài Nhân họ Phan, sinh năm Minh Mạng thứ 19, chết năm thứ 20.

*

Hoàng tử Hồng Trước

Con thứ 15 của Hiến Tổ Chương hoàng đế, chết non.

*

Hương Sơn quận công Hồng Nghĩ

Con thứ 16 của Hiến Tổ Chương hoàng đế, mẹ là Tài Nhân họ Vũ, người ở Diên Phúc, Quảng Nam, con gái của Tiền Phong tri bạ Khanh, sinh năm Minh Mạng thứ 20. Lúc đầu làm hoàng tử có học hạnh. Năm Tự Đức thứ 11, phong làm Hương Sơn quận công, năm thứ 17 thì chết thọ 26 tuổi, thụy là Thông Lượng, có 2 người con gái. Năm thứ 20, liệt thờ ở đền trước đền Triển Thân. Năm Hàm Nghi thứ 1, mùa thu, hợp thờ ở đền Thân Huân.

*

Hoàng tử Hồng Thị

Con thứ 17 của Hiến Tổ Chương hoàng đế, mẹ là tài Nhân họ Nguyễn Đình, sinh năm Minh Mạng thứ 20, năm Thiệu Trị thứ 2 thì chết.

*

Mỹ Lộc quận công Hồng Tiếp

Con thứ 18 của Hiến Tổ Chương hoàng đế, mẹ là Tài Nhân họ Trần, sinh năm Minh Mạng thứ 21. Lúc đầu làm hoàng tử có học hạnh. Năm Tự Đức thứ 12, phong làm Mỹ Lộc quận công, đến năm thứ 16 thì chết, thọ 24 tuổi, thụy là Đôn Thân. Có 1 con gái. Năm Đồng Khánh Ất dậu hợp thờ ở đền Thân Huân.

Digitized by Google

- Hoàng tử thứ 19, không rõ tên, không chép truyện.

*

Hoàng tử Hồng Thụ

Con thứ 20 của Hiến Tổ Chương hoàng đế, em cùng mẹ với Hồng Bàng, sinh năm Thiệu Trị thứ 2, chết năm thứ 3.

*

Hoàng tử Hồng Ky

Con thứ 21 của Hiến Tổ Chương hoàng đế, em cùng mẹ với Thụy Thái vương Hồng Y, sinh năm Thiệu Trị thứ 2, chết năm thứ 3.

*

Hoàng tử Hồng Thư

Con thứ 22 của Hiến Tổ Chương hoàng đế, mẹ là Thuận tần họ Hoàng, người ở Lệ-Thủy, Quảng-Bình, con gái của Cẩm-y thiên-hộ là Văn Quý, sinh năm Thiệu trị thứ 3, chết năm thứ 7.

*

Kỳ Phong quận công Hồng Đĩnh

Con thứ 23 của Hiến tổ Chương hoàng đế, mẹ là Tiệp Dư họ Nguyễn Đình..., người ở Do Linh, Quảng Trị, con gái của truy tặng Cẩm-y hiệu úy là Đình Thiển. Sinh năm Thiệu Trị thứ 3, lúc đầu làm hoàng tử vốn có tính kiêu túng, vua thường nghiêm trách. Năm Tự Đức thứ 12, phong làm, Kỳ phong quận công. Sau vì tự tiện đánh lính canh cửa, bị đoạt 2 năm lương. Năm thứ 31, ông khinh lờn pháp luật, cậy quyền nạt người sách nhiễu tiền của. Việc bị phát giác, phải giáng làm hoàng tử. Năm thứ 32, gia ân chuẩn cho khai phục. Năm Kiến Phúc thứ 1, Giản tông Nghị hoàng đế chầu trời, xuất đế nối ngôi, phần các lễ phát tang và nhận ấn báu tấn quang[1],

(1) Lên ngôi.

Digitized by Google

đều vắng mặt cả, bị khép vào luật "thác cố bất triều" [1], bị đoạt tước phế làm thứ nhân, đổi theo họ mẹ. Năm ấy ông chết, thọ 41 tuổi, gia ơn cho khai phục Phong hương hầu, thụy là Cung Lượng, dựng đền ở phường thứ 6 huyện Hương Trà. Đến năm Đồng Khánh thứ 1, mới phục lại tước quận công. Có 7 con trai, 3 con gái. Con trưởng là Ưng Sung tập phong làm Phong đình hầu.

*

- Hoàng tử thứ 24 không rõ tên, không có truyện.

*

Phú Lương quận công Hồng Dao

Là con thứ 25 của Hiến tổ Chương hoàng đế, mẹ là Đức tần họ Nguyễn, người ở Phú Vinh, Thừa Thiên, con gái chưởng phủ sự tặng thái phó, Khoái Châu quận công là Đức Xuyên, sinh năm Thiệu Trị thứ 5. Lúc mới làm hoàng tử, có học hạnh. Năm Tự Đức thứ 18, phong làm Phú Lương quận công, năm thứ 28 thì chết, thọ 31 tuổi, thụy là Cung Lượng, dựng đền ở đâu không rõ. Có 5 con trai 5 con gái. Con trưởng con vợ thứ là Ưng Ngẫu tập phong làm Kỳ ngoại hầu. Năm Đồng Khánh thứ 1 đổi bổ làm phó quản cơ. Sau can tội vu cho người đi theo giặc để đời hối lộ, bị cách chức đổi theo họ mẹ.

*

Kiên Thái vương Hồng Cai

Là con thứ 26 của Hiến-tổ Chương hoàng đế, mẹ là cung nhân họ Trương, sinh năm Thiệu Trị thứ 5. Lúc mới làm hoàng tử, hơi có học hạnh, khi ra mở phủ cùng các vương đi học, xem rộng các kinh sử. Năm Tự Đức thứ 18, phong làm Kiên quốc công. Bấy giờ hoàng đệ chưa có ai được phong tước quốc công cả, nhưng vua thấy ông học hạnh tốt hơn cả, cho

(1) Viện cớ không vào chầu.

Digitized by Google

nên gia phong là đặc cách vậy. Năm thứ 29 thì chết thọ 31 tuổi, thụy là Thuần nghi. Ông tính trời nhân hậu, cung kiệm ham học, vui làm điều thiện, hành động theo lễ pháp. Ngày ông chết, vua lấy làm thương tiếc, nghỉ chầu 3 ngày, lại cho thêm quan tài của Đông-viên để tỏ lòng yêu quý khác thường. Ngày cất đám, sai hoàng thân ban rượu đến tế một đàn. Năm Đồng Khánh thứ 1, mùa xuân, Cảnh tông Thuần hoàng đế lên ngôi, tấn tặng làm Kiên vương, thụy là Ôn nghi. Năm thứ 3, tấn tặng làm hoàng thúc phụ Kiên Thái vương. Lúc đầu dựng đền ở phường Dưỡng Sinh tại kinh thành. Sau rước về đền Diên phương ở Thiện thành. Có 5 con trai, 7 con gái. Con trưởng là Cảnh tôn Thuận hoàng đế; con thứ 3 con vợ thứ là Giản tông Nghị hoàng đế. Con thứ 4 con vợ thứ Ưng Quyển, năm Đồng Khánh thứ 1 tập phong làm huyện công. Con thứ 5 con vợ thứ, tức là Hàm Nghi xuất đế.

*

- Hoàng tử thứ 27 không rõ tên, không có truyện.

*

Hoàng tử Hồng Nghi

Con thứ 28 của Hiến tổ Chương hoàng đế, mẹ là cung nhân họ Bùi, sinh năm Thiệu Trị thứ 7, chết cũng vào năm ấy.

Digitized by Google

Quyển 9.

TRUYỆN CÁC CÔNG CHÚA. MỤC I.

Con gái của Thế-tổ 1 người.

(Gồm 18 người. Trước đăng truyện 17 người, nay đăng truyện 1 người):

- An Điềm công chúa Ngọc Dân.

Các con gái của Thánh tổ:

(Gồm 64 người: chép vào truyện 54 người, chưa đăng truyện 10 người):

Hoàng nữ Ngọc Dung (bên tả chữ ngọc, trện theo chữ sơn, dưới theo chữ thị) (tức tên là Ngọc Tung).

- An Phú công chúa Khuê Gia.
- Lộc Thành công chúa Uyển Diễm,
- An Thường công chúa Lương Đức,
- Nương Ba công chúa Quang Tĩnh,
- Vĩnh An công chúa Hòa Thục,
- An Tráng công chúa Trinh Đức,
- Phong Hòa công chúa Nhu Thuận,
- An Cát công chúa Nhu Thục,
- Định Mỹ công chúa Đoan Thuận,
- Phú Mỹ công chúa Đoan Trinh,
- Phương Duy công chúa Vĩnh Gia,
- Tân Hòa công chúa Đông Thận,
- Quỳnh Lâm công chúa Nhàn Thận,
- Mậu Hòa công chúa Gia Trịnh,
- Mỹ Ninh công chúa Gia Tiết,
- Phú Phong công chúa Vĩnh Thụy,
- Quy Đức công chúa Vĩnh Trinh,
- Hoàng nữ thứ 19,
- Xuân An công chúa Thục Tĩnh,
- Hòa Mỹ công chúa Thục Tĩnh,
- Hòa Mỹ công chúa Trang Tĩnh,

Digitized by Google

- Chiêm Đức công chúa Trang Nhàn,
- Bình Xuân công chúa Gia Thụy,
- Hoàng nữ Tường Hòa,
- Xuân Vinh công chúa Tường Tĩnh,
- Gia Lạc công chúa Nhàn Thục,
- Hoàng nữ Nhàn Trinh,
- Hoàng nữ Thụy Thục,
- Hoàng nữ thứ 33.
- Thuận Lễ công chúa Tĩnh Hòa,
- Hoàng nữ thứ 35,
- Bái Ân công chúa Lương Trinh,
- Hoàng nữ Gia Trang,
- Kim Hương công chúa Gia Tĩnh,
- Vĩnh Chân công chúa Thục Tuệ,
- Thuận Hòa công chúa Nhàn Tĩnh,
- Phương Hương công chúa Nhàn An,
- Nghĩa Đường công chúa Tĩnh An,
- Xuân Hòa công chúa Thục Tư,
- Hoàng nữ thứ 45,
- Phú Hậu công chúa Phương Trinh,
- Định Thành công chúa Hòa Thận,
- Mỹ Thuận công chúa Nhàn Tuệ,
- Xuân Vân công chúa An Nhàn,
- Lâm Thịnh công chúa Hòa Trinh,
- Thông Lãng công chúa Lương Nhàn,
- Hoàng nữ Trinh Hòa,
- Hoàng nữ Lương Tĩnh,
- Hoàng nữ thứ 58,
- Hoàng nữ Nhu Tĩnh,
- Hoàng nữ Trinh Thụy,
- Bình Long công chúa Trang Tường,
- Nghị Xuân công chúa Phúc Tường.

*

Digitized by Google

Con gái của Thế-tổ 1 người

An Điềm công chúa Ngọc Dân.

Con gái thứ 11 của Thế Tổ Cao hoàng đế, mẹ là mỹ nhân họ Cáp, sinh năm Gia Long thứ 4, gả cho phò mã đô úy là Nguyễn Thường Tuân, con trai của Văn Khiêm, thị trung đô thống tặng thiếu báo quận công, người ở huyện Phong Điền phủ Thừa Thiên. Năm Tự Đức thứ 1, Tuân chết. Năm thứ 7, phong làm An Điềm công chúa; năm thứ 22 thì chết, thọ 65, thụy là Hậu Mẫn. Có 5 con trai, 3 con gái.

*

Các con gái của Thế tổ:

- *Hoàng nữ Ngọc Tung* là trưởng nữ của Thánh-tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với hoàng nhị tử Chính, chị cùng mẹ với An Phú công chúa Khuê Gia, sinh năm Gia Long thứ 12, chết năm Minh Mạng thứ 5, thọ 13 tuổi, thụy là An Tĩnh. Lúc đầu thờ ở đền Triển thân (Phàm chết non thì đền thờ ở đấy). Năm Hàm Nghi thứ 1 mùa thu, hợp thờ ở đền Thân huân.

- *An Phú công chúa Khuê Gia* - lúc đầu tên là Chương Gia, sau đổi tên hiện nay, con gái thứ 2 của Thánh-tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với hoàng trưởng nữ và chị cùng mẹ với Vĩnh Tường quận vương Miên Hành. Sinh năm Gia Long thứ 12, tuổi còn bé mà đoan tĩnh, thuộc lời mẫu giáo. Năm Minh Mạng thứ 14, gả cho phò mã đô úy Nguyễn Văn Túc, người ở Tân Hòa. Gia Định, là con trai thự Tả quân đô thống chưởng phủ sự, Lương năng bá Văn Hiến. Năm Thiệu Trị thứ 5, Túc chết năm Tự Đức thứ 7, sách phong làm An Phú công chúa. Năm thứ 18 thì chết, thọ 53 tuổi, thụy là Trinh Tín. Có 3 con trai, 3 con gái.

- *Lộc Thành công chúa Uyển Diễm.* - con gái thứ 3 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, chị cùng mẹ với An Phú công chúa

Digitized by Google

Khuê Gia, sinh năm Gia Long thứ 14. Tuổi còn bé mà đoan trang ngoan ngoãn điềm tĩnh, có tính hiếu để. Năm Minh Mạng thứ 14, gả cho phò mã đô úy, tập phong Hoài hầu Vũ Văn Mỹ, người ở Bình Dương, Gia Định, là cháu của Hoài-quốc công Vũ Tính, con của khinh xa đô úy Vũ Khánh. Năm thứ 17 thì chết, thọ 22 tuổi, tặng làm Lộc Thành công chúa, thụy là Đoan Khiết. Năm thứ 18, Văn Mỹ chết, có một con gái.

- *An Thường công chúa Lương Đức.* - con gái thứ 4 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, mẹ là Mỹ nhân họ Nguyễn Văn sinh ra, chị cùng mẹ với hoàng tử thứ 9 là Hàm Thuận công Miên Thủ. Sinh vào mùa hạ năm Gia Long thứ 16. Lúc đầu cho tên là Tam xuân, sau lại cho tên hiện nay. Chúa sinh ra đĩnh ngộ lạ thường, có tính hiếu để. Vua rất yêu quý. Khi lên 9 tuổi, mẹ đẻ bị ốm, gặp tiết Vạn thọ, các hoàng nữ vào hầu cơm. Gặp đại quan tiến món đuôi dê và nầm dê [1], vua chia ban cho các hoàng nữ ăn. Đến lượt công chúa, chỉ ngậm mà không nuốt. Vua lấy làm lạ mới hỏi tại sao, công chúa đứng dậy ra khỏi tiệc tâu rằng: mẹ thần có bệnh, không được thấm ơn. Thần trộm nghe vị này rất bổ, nên để lại (cho mẹ). Vua rất khen cho là lạ, cho riêng một đĩa khác sai mang về cho mẹ. Tả hữu đều cảm động khen ngợi, có người chảy nước mắt. Lúc hơi lớn, cho ở điện Trinh minh, sai nữ quan dạy cho sử sách, nữ công cũng hơi biết qua loa. Năm Minh Mạng thứ 9, mùa hạ tháng tư vào ban đêm, cung tỳ ở điện Trinh minh giữ lửa bất cẩn, cháy cả trướng màn. Chúa kinh sợ trở dậy, vội kêu trực ban, thân tự đốc suất cứu tắt được. Khi ấy vua thăm Thuận An trở về nghe tâu, vua ngợi khen, cho 3 lạng vàng. Thọ Xuân vương thường làm bài cung từ, có câu:

Phiên âm:

Vương cơ hốt tác phi lai trĩ, bác đắc an thường mãn tụ

(1) Chưa rõ nghĩa, tạm dịch là đuôi dê, nầm dê - nầm dê tức là nầm sữa của con dê cái.

Digitized by Google

kim. (Con vua bổng làm chim trĩ bay tới, cứu được bình yên, vàng thưởng đầy tay áo) là chỉ vào việc ấy. Năm thứ 15, vua đi tuần phía nam, sai lưu hầu cùng Từ thọ. Chúa sớm tối tươi tỉnh, rất được từ cung vui vẻ thường đón mời chơi vui. Khi vua trở về, thưởng cho tấm bài đeo bằng ngọc trắng màu mỡ dê, có dây thao rủ xuống. Năm thứ 18, mùa đông, gặp tang mẹ đẻ, thương xót để thân thể còm gầy hết lẽ. Năm thứ 21, vua không khỏe. Chúa thân sắc thuốc nấu cháo để tiến, sớm chiều hầu hạ không mỏi. Đến ngày vua mất, chúa thương đau ngất đi tưởng tắt thở. Hiến tổ thường lấy cháo của vua ăn còn lại đem cho, dụ nên bớt lòng thương. Lại thời thường kính đến cung Từ thọ thăm hỏi. Đến khi đem chôn, theo hầu bàn thờ, chực hầu đền thờ ở mả, trọn tang 3 năm, chưa từng thấy cười đùa. Năm Thiệu Trị thứ 1, ban cho "Tiến biên thực lục" và "Tư trị thông giám" mỗi thứ đều 1 bộ. Gả cho người ở Thuận Xương, Quảng Trị là Văn Oánh, con thứ 4 của đô thống phủ chưởng phủ sự, Chưởng Nghĩa hầu Phan Văn Thúy. Sau khi vu quy, tình vợ chồng rất yêu mến thiết tha, không ra vẻ là con vua, thờ mẹ chồng, dạy con, giữ đức khuê môn. Năm Tự Đức thứ 1, tấn phong làm An Thường công chúa. Năm thứ 15, phò mã ốm chết, chúa dâng sớ xin đắp sinh phần để làm kế ngày sau hợp táng. Năm thứ 19, mùa hạ, mừng thọ 50 tuổi, vua đặc sai hoàng thân đem theo thái giám đem tờ dụ và phẩm nghi ban cho làm lễ thọ. Năm thứ 31, vua thấy chúa tuổi đã hơi nhiều, mà còn có thể bảo ban các công chúa phòng hầu Từ cung, gia thưởng cho mỗi năm 100 quan tiền, 50 phương gạo để nuôi tuổi già. Năm Hàm Nghi thứ 1, mùa hạ, tháng 5, vào trực điện Hiếu tư, chợt nghe báo động, lậy khóc đi ra để tránh, đến Hiếu lăng thì binh coi giữ lăng đã chạy tan, vào thấy đền thờ ở miếu bỏ ngổn ngang, liền cất tiếng khóc to, rồi ở lại đấy coi giữ không đi. Đến khi từ giá 3 cung trở về, chúa đến yết kiến hầu hạ tả hữu. Năm ấy sau khi Cảnh tông Thuần hoàng đế lên ngôi chúa mới về

Digitized by Google

phủ đệ. Thường được từ chỉ khen ngợi, ban cho rất hậu. Năm Thành Thái thứ 3, mùa xuân, vào hầu Lệ Thiên thái hoàng thái hậu, diện dụ rằng: gần đây có Tiệp dư họ Nguyễn-Nhược có làm bài "Phục cử giao tế" (lại cử hành đại lễ tế Giao), cũng hay, sai chúa họa vần lại, để làm việc hay chốn cung vi. Chúa vâng chỉ họa vần tiến lên. Thơ ấy có câu

Phiên âm:

Hướng đế ngô hoàng tuần cổ chế.
Phối thiên liệt thánh hữu thành qui.

Dịch nghĩa:

"Tế trời, vua ta theo chế độ cổ, sánh trời các thánh có qui chế xưa." Câu kết rằng:

Phiên âm:

Hà hạnh vi thần bôi mật nhĩ,
Mộ niên trùng để Hán uy nghi.

Dịch nghĩa:

May mắn tiểu thần được hầu liền đấy, tuổi già lại thấy uy nghi nhà Hán. Có chỉ từ cung khen ngợi rằng "quí công chúa cùng nước cùng vui buồn, một lần trông thấy mà cảm hứng họa ca, suốt bài trang nhã. Câu thứ 3, thứ 4 có điển cố thiết thực, câu kết càng hay. Chúa đến tuổi già thích nhà Phật vui đạo, có biệt hiệu là Thanh Từ. Khi ấy phủ Tôn nhân cho là hiếu hạnh đáng khen, xin nêu khen. Đình nghị cho rằng: nhà vua là nơi bắt đầu gây nền phong hóa, chưa thể theo như lệ của dân thường mà bàn được. Việc này là tự ý mới đặt ra. Thế rồi thôi. Mùa hạ tháng tư thì chết, thọ 75 tuổi, thụy là Mỹ Thục, vua hậu cho tiền tuất và sai quan đến tế. Chúa có 4 con trai, 4 cháu, 5 chắt. Con trưởng là Huy tập ấm bổ hiệu úy. Tuy Lý vương có làm bài tán đề vào ảnh nhỏ của chúa rằng (bài dài xin miễn phiên âm).

Dịch nghĩa:

Tốt đẹp thay chị ta,

Digitized by Google

dịu dàng thành thực,
đội mũ, gài tóc, khoan thai,
Nói không ra ngoài bực cửa,
là con vua tôn quí,
mà cần kiệm khiêm nhường,
răn 7 điều thuộc cả,
đạo tam tòng làm khuôn phép.
Có con biết hiếu thảo,
Có cháu hầu bên cạnh,
phúc thọ chưa cùng,
khang ninh đức tốt,
Phong hóa nhà vua kính nghiêm,
từ nhà rồi đến thiên hạ,
bốn phương trông vào mà cảm hóa,
Sử sách chép lại để làm mẫu thức.

là ghi chép lại sự thực vậy.

- *Hương La công chúa Quang Tĩnh.* - là con gái thứ 5 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, chị cùng mẹ với Lạc Biên quận công Miên Khoan. Sinh năm Gia Long thứ 16. Lúc bé thông tuệ, là người trầm mặc nhàn tĩnh. Năm Thiên Trị thứ 3, gả cho phò mã đô úy Hoàng Kế Viêm, người ở Phong Lộc, Quảng Bình, con trai của hiệp biện đại học sĩ Kim Xán, mới được một năm thì chết, thọ 28 tuổi, tặng là Hương La công chúa, thụy là Huy Mẫn. Kế Viêm sau làm quan, trải thăng đến Đông các đại học sĩ, phong Địch-trung tử, về hưu.

- *Vĩnh An công chúa Hòa Thục.* - con gái thứ 6 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, chị cùng mẹ với Ba Xuyên quận công Miên Túc. Sinh năm Gia Long thứ 17. Năm Thiệu Trị thứ 3, gả cho phò mã đô úy Nguyễn Trường, người ở Bình Dương, Gia Định, là con trai của thị vệ Văn Lộc. Năm Tự Đức thứ 7, phong làm Vĩnh An công chúa, năm thứ 12 thì Trường chết. Năm Thành Thái thứ 5 thì chúa chết, thọ 76 tuổi, thụy là Mỹ Thục, có 2 con gái.

Digitized by Google

- *An Trang công chúa Trinh Đức.* - là con gái thứ 7 của Thánh tổ nhân hoàng đế, mẹ là tài nhân họ Trần, người ở Phú Vinh, Thừa thiên, sinh năm Gia Long thứ 17. Năm Thiệu Trị thứ 3, gả cho phò mã đô úy Trần Văn Thịnh, người ở Bình Dương, Gia Định, con trai của Văn Tính, công bộ thị lang. Năm Tự Đức thứ 7, phong làm An Trang công chúa, năm thứ 16 thì chết. Thọ 42 tuổi, thụy là Trang Thuận. Năm thứ 32, Văn Thịnh chết, có 2 con gái.

- *Phong Hòa công chúa Nhu Thuận* - là con gái thứ 8 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Tương An quận vương Miên Bắc, sinh năm Gia Long thứ 18. Năm Minh Mạng thứ 21 thì chết, thọ 22 tuổi, tặng làm Phong hòa công chúa, thụy là Đoan Diệm. Lúc đầu thờ ở đền Triển thân. Năm Hàm Nghi thứ 1 thờ ở đền Thân huân.

- *An Cát công chúa Nhu Thục* - con gái thứ 9 của Thánh-tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Hoàng tử thứ 28 là Miên Trạch, sinh năm Gia Long thứ 18. Năm Thiệu Trị thứ 3, gả cho phò mã đô úy Nguyễn Phú, người Quí huyện (Tống Sơn), Thanh Hóa, con trai của chưởng phủ sự Tân long hầu là Xuân. Năm Tự Đức thứ 2, Phú chết; năm thứ 7, phong làm An Cát công chúa. Năm Đồng Khánh thứ 1 thì chết, thọ 68 tuổi, thụy là Mỹ Thục, có 1 con trai, 2 con gái.

- *Định Mỹ công chúa Đoan Thuận.* - là con gái thứ 10 của Thánh-tổ Nhân hoàng đế. Chị cùng mẹ với Phù Mỹ quận công Miên Phú, sinh năm Minh Mạng thứ 1. Năm Thiệu Trị thứ 2, gả cho phò mã đô úy Đỗ Tài, người ở Tân Long, Gia Định, con trai của thống chế Quý. Năm Tự Đức thứ 2, Tài chết, năm thứ 7 cháu chết, thọ 35 tuổi, tặng làm Định Mỹ công chúa, thụy là Nhu Tĩnh. Lúc đầu thờ ở đền Triển thân. Năm Hàm Nghi thứ 1, mùa thu, hợp thờ ở đền Thân-huân, có 2 con trai, 2 con gái.

- *Phú Mỹ công chúa Đoan Trinh.* - con gái thứ 11 của

Digitized by Google

Thánh tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Nghi Hòa quận công Miên Thân, sinh năm Minh Mạng thứ 2, Năm Thiệu Trị thứ 5, gả cho phò mã đô úy Đoàn Văn Tuyển, người ở Đông Xuyên, An Giang, con trai của Tiền phong dinh đô thống là Văn Sách. Năm Tự Đức thứ 16, Tuyển chết. Năm thứ 23 phong làm Phú Mỹ công chúa. Năm Thành Thái thứ 11 thì chết, thọ 79 tuổi, thụy là Mỹ Thục, có 1 con trai, 5 con gái.

- *Phương Duy công chúa Vĩnh Gia.* - con thứ 12 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Vĩnh An công chúa Hòa Thục, sinh năm Minh Mạng thứ 2. Năm Thiệu Trị thứ 5 gả con cho phò mã đô úy Lê Tăng Mậu, người ở Bảo Hưu Vĩnh Tường, con trai của thiếu bảo An quang tử là Văn Đức. Năm Tự Đức thứ 2 thì chết, thọ 29 tuổi, tặng là Phương duy công chúa, thụy l Uyển Diệm. Năm thứ 8, Mậu chết, có 2 con trai, 2 con gái. Năm thứ 10, liệt thờ ở đền sau đền Triển thân. Năm Hàm Nghi thứ 1 mùa thu, hợp thờ ở đền Thân nuân.

- *Tân Hòa công chúa Đoan Thân.* - con gái thứ 13 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Hương La công chúa Quang Tĩnh, sinh năm Minh Mạng thứ 8. Năm Thiệu Trị thứ 5, gả cho phò mã đô úy Trịnh Hoài Cẩn, người ở Tân Long, Gia Định, con trai của tặng phong Thiếu bảo, Cần chính đại học sĩ Hoài Đức. Năm Tự Đức thứ 19, Cẩn chết, chúa cũng chết năm ấy, thọ 46 tuổi, tặng làm Tân Hòa công chúa, thụy là Phương Tĩnh, có 2 con trai, 2 con gái.

- *Quỳnh Lâm công chúa Nhàn Thân.* - con gái thứ 14 của Thánh tổ Nhân hoàng đế, mẹ là cung nhân họ Nguyễn Văn, sinh năm Minh Mạng thứ 3. Năm Thiệu Trị thứ 5, gả cho phò mã đô úy Nguyễn Tăng Dũng, người ở Phong Điền, Thừa Thiên, con trai của chưởng phủ, Vân hội nam là Tăng Minh. Năm Tự Đức thứ 2 thì chết, thọ 28 tuổi, tặng làm Quỳnh Lâm công chúa, thụy là Trang tuệ. Năm thứ 18, thờ

Digitized by Google

ở đến sau đến Triển thân. Năm Hàm Nghi thứ 1 liệt thờ ở đến Thân-huân. Năm thứ 19 Dũng chết, có 1 con trai.

- *Mậu Hòa công chúa Gia Trinh* - con gái thứ 15 của Thánh - tổ Nhân hoàng đế, mẹ là Mỹ Nhân họ Đoàn, người ở Phú Vinh - Thừa Thiên, con gái của Đức Nghi, Cẩm Y hiệu úy. Sinh năm Minh Mạng thứ 4. Năm Thiệu Trị thứ 5 gả cho phò mã đô úy Bình Khánh nam, Trần Văn Đức người ở Bình Dương, Gia Định, con trai của Tiền Phong doanh thống chế Bình Khánh tử, là Văn Trí. Năm Tự Đức thứ 22, phong làm Mậu Hòa công chúa, năm thứ 31 Đức chết. Năm Hàm Nghi thứ 1 thì chúa chết, thọ 63 tuổi, thụy là Mỹ Thục. Có 5 con trai, 3 con gái.

- *Mỹ Ninh công chúa Gia Tiết* - con gái thứ 16 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với hoàng tử thứ 34 Miên Quan, sinh năm Minh Mạng thứ 4, năm Thiệu Trị thứ 1 thì chết, thọ 19 tuổi, tặng làm Mỹ Ninh công chúa, thụy là Diêm Khiết. Lúc đầu thờ ở đến sau đến Triển Nhân. Năm Hàm Nghi thứ 1, liệt thờ đến Thân Huân.

- *Phú Phong công chúa Vĩnh Thụy* - con gái thứ 17 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế. Mẹ là Tài Nhân họ Trần, sinh năm Minh Mạng thứ 5. Năm Tự Đức thứ 3, gả cho phò mã đô úy Nguyễn Tiến Vi người ở Hương Trà, Thừa Thiên, là con trai của chưởng phủ, Ninh Lạc tử Tiến Lâm. Năm thứ 16 thì chết, thọ 40 tuổi, tặng làm Phú Phong công chúa, thụy là Uyển Hòa. Năm thứ 27, Vi chết, không con nối.

- *Quy Đức công chúa Vĩnh Trinh*, biệt hiệu là Nguyệt Đình - con gái thứ 18 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, em gái cùng mẹ với Tùng Thiện quận vương Miên Thẩm, sinh năm Minh Mạng thứ 5. Tuổi còn bé mà thông minh, tính hiếu để thuần nhất. Lúc đầu theo học nữ sử ở trong cung; lớn lên thích ngâm vịnh. Anh là Miên Thẩm dạy làm thơ luật Đường, cũng hơi võ vẽ, năm Tự Đức thứ 3, gả cho phò mã đô úy

Digitized by Google

Phạm Thuật. Thuật tên tự là Kế Chi, hiệu là Tiêu Lâm, người ở Tân Hòa, Gia Định, là con trai của cố mệnh lương thần, Cần Chính điện đại học sĩ, thái phó, Đức quốc công là Hưng, tức là em út của Nghi Thiên chương hoàng hậu. Chúa thác sinh ở nhà vua, lấy chồng người họ quý thích, mà khiêm tốn giữ gìn, không ưa xa xỉ, duy chỉ thích sách vở mà thôi. Sau khi kết hôn, cùng Thuật chia đôn để hỏi chữ cùng nhau xướng họa, thường thường có nhiều bài hay, được các vương khen ngợi. Năm thứ 14, Nam Châu có động, Thuật vâng mật chiếu đi Gia Định phỏng sát, chết trong khi làm công việc. Nghe tin cáo phó, vua thương tiếc, truy tặng hàm Quang Lộc tự khanh, chiếu theo hàm được tặng mà cấp tiền tuất. Cho thêm lụa và các hàng, sai thái giám tuyên sắc yên ủi, và truyền chỉ, bảo chúa là muốn đưa quan tài phò mã về ngay, hoặc chờ việc bình yên sẽ cho thuyền chở về kinh, hoặc cứ đem về Gia Định an táng, cứ lấy tình thực tâu lên. Chúa liền dâng biểu xin theo đường trạm chở về chôn ở nơi ký ngụ ở kinh. Bài biểu đại lược rằng:

Dịch nghĩa: "chồng thần tháng trước, vâng mệnh từ nơi cung cấm, từ trạm đến cõi ven, xe sứ thần dong ruổi, những thương về vận nước lúc gian nan; nơi quán khách lân la, chết tại nơi trách nhiệm được giao phó. Đạo làm tôi được vẹn tiết, mà không được lâu hưởng tuổi trời; thương về dưới thủy phủ cần lấy người, (xét sách Quốc ngữ có nói: Hà bá cần người bắt phải chết đuối) đâu dám trách việc nàng Việt Cơ vì nghĩa mà chết. (Việt Cơ là vợ lẽ yêu của Sở Vương, một hôm cùng Sở Vương lên trên đài, Vương quan lại bảo rằng: có vui không? Nàng trả lời rằng: vui thì vui, nhưng không được lâu, Vương nói: ta cùng nàng sống như thế này, chết cũng như thế này. Nàng chưa cho làm chắc. Đến khi Vương đi cứu nước Trần, nàng cũng đi theo. Vương bị ốm, có điềm đám mây tỏ giáp mặt trời như con chim bay. Vương hỏi quan thái sư, quan thái sư nói: điềm ấy là điềm hại đến mình Vương, có thể đùn

Digitized by Google

sang cho tướng văn tướng võ được. Vương không nghe lời thái sư. Nàng nói: đức của quân Vương to lớn thay! Thiếp xin chết theo Vương. Nàng bèn tự tử chết. Cái chết ấy gọi là chết vì nghĩa.) Thần đá không được như người xưa hầu Tử Xa nuôi lúc bị ốm (xét thiên Đàn cung hạ trong kinh Lễ chép: Tử Xa chết ở nước Vệ, vợ ở nhà mưu chết theo chồng, nói rằng: chàng bị ốm, thiếp không được hầu nuôi, xin chết theo xuống âm phủ), lại không nghĩ làm Kiểm Lâu mà chủ tang, thì nên phải tội gì? Thế là nhẫn tâm vậy. Chỉ có thể bỏ theo đâu, lau phấn mặt đành chăm dệt cửi đến trọn đời; đạp gương soi, rút dây đàn, cam ngậm đau sau ở nửa đường, mà thôi. Nhưng mà chàng ở Tri Hữu, tự phách làm ma trơi; thiếp là Hà Dương, cầm vòng ngọc mà thương khóc. (Xét sách Bắc Tô, Lạc Lăng Vương là Bách Viên bị người gièm, vua Tề cho gọi vào vườn Huyền Đô, Vương tự biết là không khỏi bị giết chết, bèn cất cái vòng ngọc ở đai, để lại cho vợ. Đến khi bị giết, người vợ cầm cái vòng ngọc kêu khóc hơn 1 tháng, không ăn mà chết, cái vòng vẫn cầm ở tay.) Xót tình liền cành cây mọc ở mộ, ngóng trông xe tang muôn dặm đưa về. Có chăng bới tóc trần mà khóc ra máu, con gái bé nàng chảy nước mắt cả Giao Nhân mà thấm áo tang. Dù đến khách đi qua đường, cũng phải ngậm ngùi, không phải là thân gỗ, đá, đời sau được lâu. Rất sợ bóng tà nấm rụng, cỏ yếu bụi lay, cùng gặp nhau ở dưới âm phủ, hỏi kỹ đến việc hàng ngay, trách đến việc chồng là giúp đỡ mà vợ phải phục tòng, sống cùng thương nhau mà chết cùng bỏ nhau, thì lấy gì để báo cáo với hồn thiêng ở nơi cung cấm xưa, mà không phụ công giáo dục của công cung ư? Kính đã khổ lòng lo nghĩ, lượng sức tòng quyền, muốn chỗ mả để cho được yên, chỉ có kinh Phú Xuân là yên ổn hơn. Đã vâng sắc chỉ trong đài, dãi lòng thành thực, há chịu che đậy cái hồ trên bến, một chí nguyện xưa (xét sách Đông Chu liệt quốc chí: Tử Tư chạy sang Ngô, bị bệnh dọc đường, xin ăn ở bờ sông Lãi Thương, có người con gái hái đậu ở đấy, lấy cái hồ đựng thức ăn ra đem cho. Sau người con gái

Digitized by Google

ấy hỏi bèn chôn cái hộ đi rồi gieo mình sông Lãi mà chết). Cũi mong: nghĩ đến kẻ thu thần báo nước, xét người vợ góa kêu thương, mong được chiếu quan tài nhẹ (xét Tam quốc chí: Tiêu Chu gần chết, dặn rằng: lâu ngày bị bệnh, chưa được vào châu, nếu được ban cho áo chầu, đừng mặc vào mình, nên đem về mộ để dự làm quan tài nhẹ), không cần phải bắt tránh đường. (Xét thiên Tạp kỷ: khi táng đi cả đường người đi phải tránh) cho đưa xe trạm của Tử Cư, bèn đưa đám tang của Viên Thị (xét Nam Sử: Viên Đàm Thâm theo Lưu Khải đến Giao Châu, rồi chết, vợ là họ Trịnh khóc rằng: họ Viên hồn phách bơ vơ còn mặt mũi nào trông thấy mẹ chồng. Khi ấy họ Trịnh mới 20 tuổi, con là Văn Ngưng mới sinh, thị vượt đất Giao Châu muôn dặm, đưa quan tài về làng chôn. Người đều sợ cho là giỏi đi từ từ qua quan ải núi rừng không lo sóng gió. Thực là nhờ ơn nhà nước, hậu ban cho, chẳng phải thần thiếp có thể làm được. Chỉ xin bỏ của riêng 20 lạng bạc, chia tặng cho phu trạm hộ tống thôi. Nếu được nhà vua chiếu cố cho, ơn vua có thể trông cậy, thì chẳng những con chim ngậm đá lấp sóng biển đông; sẽ được kết cỏ, trói quân nhà Tấn ở nơi hàng trận vậy."

Vua xem biểu, thấy lời và tình thảm thiết, nên y cho. Xuống chiếu cấp phu trạm đưa quan tài về nơi ký ngụ ở kinh. Ngày đem chôn, sai quan đến tế. Chúa lại xin tự làm sinh phần cùng nơi mộ của Thuật. Tự đấy thề giữ một tiết than khóc, phòng riêng một mình giữ tiết, không ra khỏi ngõ, đến mấy chục năm. Nhiều người khen là khổ tiết. Năm thứ 20, phong làm Qui Đức công chúa. Năm Thành Thái thứ 4 chết, thọ 69 tuổi, thụy là Cung Thục. Trước tác của chúa có tập Nguyệt Đình Thi Thảo. Chúa tính thời trinh tín, mà được sự giáo dục ở cung khổn, lời dạy bảo của anh em hiền triết rất nhiều cho nên hành động trước sau, một đường chân chính. Tuy Lý quận vương Miên Trinh trước, đề làm bài tựa ở tập thơ, bàn là: phát ra bởi tình, mà đúng với lễ nghĩa như các thơ Hà Quảng, Tài Trí ở thiên Vệ Phong. Ví nói phu nhân ở

Digitized by Google

Tống Hoàn công, Hứa Mục công, còn có phần hơn. Chúa có một con gái tên là Uyển La chết sớm. Lúc đầu nuôi cháu chồng (gọi bằng chú bác) là Đăng Tiến (con Đăng Thiệu, lúc đầu tập phong chức kiểm hiệu, sau được bổ dụng làm quan đến bố chính Quảng Bình, phải triệt giáng về quê quán) làm con nối. Sau thấy Tiến là người du đãng không thể chịu được, chúa liền dựng từ đường riêng ở trước mộ chồng, và để riêng ruộng thờ làm kế nuôi thân sau này. Đến năm Tự Đức thứ 28, viện theo lệ trưởng công chúa Ngọc Cơ (Ngọc Cơ không con nối, tâu xin cho người xã Dương Xuân coi giữ việc thờ cúng. Năm Minh Mạng thứ 18 được chuẩn y), tâu xin giao cho xã sở tại là xã Dương Xuân phủ Thừa Thiên, (đất để mộ Đăng Thuật) chọn người thuận cẩn coi giữ việc thờ cúng. Lúc đầu, chuẩn cho người xã ấy Phạm Ngọc Hy đứng chủ trương. Sau Hy mất, giao cho Hồng Cao (con trai Tùng Thiện vương) tạm giữ việc thờ. Được 3 năm, con Hy là Ngọc Tùy trưởng thành lại nối nhận việc thờ cúng.

- *Hoàng nữ thứ 19* không rõ tên, không chép truyện.

- *Xuân An công chúa Thục Tĩnh* - con thứ 21 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, chị cùng mẹ với Trấn Biên quận công Miên Thanh, sinh năm Minh Mạng thứ 6. Năm Tự Đức thứ 3, gả cho phò mã đô úy, tặng đề đốc Trương Phúc Lý, người ở Quý huyện (Tống Sơn) tỉnh Thanh Hóa, con trai của thống chế Phúc Trường. Năm thứ 9 thì chết, thọ 22 tuổi, tặng làm Xuân An công chúa, thụy là Nhàn Uyển. Năm thứ 21, Phúc Lý chết, có 3 con trái, 2 con gái.

- *Hòa Mỹ công chúa Trang Tĩnh* - con gái thứ 22 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, em gái cùng mẹ với Tuy Lý vương Miên Trinh, em gái của Kiến Tường quận công Miên Quan, chị của hoàng nữ thứ 30 Nhàn Trinh, sinh năm Minh Mạng thứ 6. Lúc bé đã đoan trang dịu dàng, lập chí không cẩu thả. Lúc đầu bị nhọt, sau khỏi có sẹo ở góc trán bằng đồng tiền.

Digitized by Google

Hoặc có người bảo lấy phấn bôi lấp đi, nhưng chúa không nghe, người đều cho là lạ. Nữ sử là Đinh Phượng dạy học trong cung cấm, bảo với người rằng: hoàng nữ Trang Tĩnh, không những chỉ thông minh tuyệt vời mà thôi, mà là người đoan trang trầm tĩnh, như tên đã ban cho. Có tính hiếu để, hầu hết trước ý theo chí muốn, không việc gì là không chiều theo, mẹ càng yêu quí. Năm Thiệu Trị thứ 7 thì chết, thọ 23 tuổi, truy phong là Hòa Mỹ công chúa, thụy là Gia Thục. Năm Tự Đức thứ 20, liệt thờ vào đền Triển Thân. Năm Hàm Nghi thứ 1 mùa thu, chuẩn thờ ở đền Thân Huân.

- *Xuân Vinh công chúa Tường Tĩnh* - con gái thứ 28 của Thánh Tổ Nhân Hoàng đế, chị cùng mẹ với Quảng Trạch quận công Miên Cư, sinh năm Minh Mạng thứ 8. Năm Tự Đức thứ 4, gả cho phò mã đô úy Lương Tiến Lễ, người ở Quảng Điền, Thừa Thiên, cháu hiệp biện đại học sĩ Tiến Tường. Năm thứ 18, Lễ chết. Năm thứ 22, phong làm Xuân Vinh công chúa. Năm thứ 27 thì chết, thọ 48 tuổi, thụy là Mỹ Thục. Có 1 con trai, 3 con gái.

- *Gia Học công chúa Nhàn Thục* - con gái thứ 29 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, chị cùng mẹ với hoàng tử 63 Miên Khiếp, sinh năm Minh Mạng thứ 9. Năm Tự Đức thứ 4, gả cho phò mã đô úy Nguyễn Văn Tuấn.... người Lệ Thủy, Quảng Bình là con trai của lãnh binh tặng chưởng vệ Nguyễn Văn Phượng. Năm thứ 17 thì chết, thọ 37 tuổi, tặng làm Gia Lạc công chúa, thụy là Tuệ Nhã. Năm thứ 22, Tuấn chết. Có 3 con trai.

- *Hoàng nữ Nhàn Trinh* - con gái thứ 30 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Mỹ Hòa công chúa Trang Tĩnh, sinh năm Minh Mạng thứ 10. Mới có 1 tuổi. Chết non.

- *Hoàng nữ Thụy Thục* - con gái thứ 32 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Lộc Thành công chúa Uyển Diễm, sinh năm Minh Mạng thứ 10, năm thứ 14 thì chết, mới lên 5 tuổi.

Digitized by Google

- *Hoàng nữ thứ 33* không rõ tên, không có truyện.

- *Thuận Lễ công chúa Tĩnh Hòa*, Tự là Quý Khanh, một tên tự nữa là Dưỡng Chi, biệt hiệu là Thường Sơn, con gái thứ 34 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, em gái của Tùng Thiện quận vương Miên Thẩm, em cùng mẹ với Lại Đức công chúa, sinh năm Minh Mạng thứ 10. Lúc bé thông minh dịu dàng, có đức tốt, rất thích sách vở, được vua rất yêu. Lúc đầu học ở công cung, thuộc nữ tắc, càng thông kinh sử, cả đến cung từ, học được bài gì ở Nhạc Phủ, liền đem dạy người, trong cung gọi là thầy học gái. Khi lớn lên cùng anh là Miên Thẩm cùng thờ mẹ đẻ là quí nhân ở nhà tư. Nhân học làm thơ Đường luật bèn làm được thơ. Chúa ưa thích âm luật khéo đặt khúc hát, có đặt ra bộ nữ nhạc, đàn sáo đầy nhà, các anh trai em gái thường lại hội yến, liền đàn hát làm vui. Thương Sơn quận vương trước đề tựa tập thơ có nói rằng "Tăng Thành trăng tĩnh, đêm nghe tiếng đọc sách dịu dàng; Động Đình gió cao, mùa thu khúc thơ vàng dìu dặt" là chỉ vào việc ấy. Năm Tự Đức thứ 4, gả cho người ở Quảng Điền, Thừa Thiên, tức là phò mã đô úy Văn Cát. Con trai của Văn Minh hiện đại học sĩ, thiếu bảo, Đặng Văn Thiêm. Sau khi vu qui, chúa cùng Cát vợ chồng hòa hợp, cùng nhau ngâm vịnh gọi là thị xã. Chúa có thơ *Thuật hoài* rằng: Phiên âm: Thực trúc di hoa cưỡng cú khoan, vô ngôn sử thế nan can, thương tâm tối thị đình tiền nguyệt, bất tử đoan viên cưu nhật khan. *Dịch nghĩa* Hoài rằng: Từng trúc đời hoa gương tự khoan nhàn, biết chỗ không nói ra được giọt lệ khô ráo, rất thương tâm nhất là trăng trước sân, chẳng ví như ngày xưa sum họp. Thương Sơn vương bảo rằng: từ gọn, ý phong phú, vần trôi chảy, có vẻ mạnh mẽ. Đại loại như thế, năm thứ 22, phong làm Thuận Lễ công chúa. Năm thứ 35 thì chết, thọ 55 tuổi, thụy là Mỹ Thục. Trước tác có tập Huệ Phố Thi. Văn Cật sau vì con trai là Phổ gây hấn, bị cách chức, có 4 con trai, 6 con gái.

Digitized by Google

- *Hoàng nữ thứ 35* không rõ tên, không có truyện.

- *Bái Ân công chúa Lương Trinh* - con gái thứ 36 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Mỹ Ninh công chúa Gia Tiết, sinh năm Minh Mạng thứ 11. Năm Tự Đức thứ 4, gả xuống cho phò mã đô úy Nguyễn Đức Huy, người ở Hải Lăng, Quảng Trị, là con trai của bố chính sứ, hưu trí, Đức Hộ. Năm thứ 18, Huy chết. Năm thứ 22, mùa thu, phong làm Bái Ân công chúa. Năm Thành Thái thứ 3 thì chết, thọ 62 tuổi, thụy là Mỹ Thục, có 2 con trai, 2 con gái.

- *Hoàng nữ Gia Trang* - con gái thứ 37 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với hoàng tử Miên Tuyên, sinh năm Minh Mạng thứ 12. Năm Thiệu Trị thứ 7 thì chết, mới có 17 tuổi.

- *Kim Hương công chúa Gia Tĩnh* - con gái thứ 38 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Gia Lạc công chúa Nhàn Thục, sinh năm Minh Mạng thứ 12. Năm Tự Đức thứ 4, gả cho phò mã đô úy, chưởng vệ, quản lĩnh thị vệ Lê Thuận Lý, người ở Lệ Thủy, Quảng Bình, là con trai của tặng chưởng vệ là Thuận Tĩnh. Năm thứ 13 thì chết, thọ 30 tuổi, tặng làm Kim Hương công chúa, thụy là Nhu Tắc, không có con nối.

- *Vĩnh Chân công chúa Thục Tuệ* - là con gái thứ 39 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, em gái cùng mẹ với Xuân Vinh công chúa Tĩnh Tường, sinh năm Minh Mạng thứ 13. Năm Tự Đức thứ 4, gả cho phò mã đô úy, giáng bổ quản cơ, Trương Văn Cát, người ở Quí huyện, Thanh Hóa, là con trai của quản cơ, tặng Thần sách vệ úy, Văn Minh. Năm thứ 7 chúa chết, thọ 23 tuổi, tặng là Vĩnh Chân công chúa, thụy là Trang Hòa. Năm thứ 30, Cát chết, truy tặng là nguyên hàm phò mã đô úy.

- *Thuận Hòa công chúa Nhàn Tĩnh* - con gái thứ 40 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, mẹ là họ Lý, sinh năm Minh Mạng

Digitized by Google

thứ 13. Năm Tự Đức thứ 4, gả cho phò mã đô úy Nguyễn Văn Ngữ, người ở Bình Sơn, Quảng Ngãi, là con trai của chưởng vệ Nguyễn Văn Lưu. Năm thứ 16 thì chết, thọ 32 tuổi, tặng là Thuận Hòa công chúa, thụy là Đoan Tuệ. Năm thứ 17, Ngữ chết, có 1 con gái.

- *Phương Hương công chúa Nhàn An* - là con gái thứ 41 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, em gái cùng mẹ với hoàng nữ 27 Tường Hòa. Sinh năm Minh Mạng thứ 13. Năm Tự Đức thứ 4, gả cho phò mã đô úy Hoàng Văn Bạn, người ở Bình Long, Gia Định, là con trai của Thự tổng đốc Văn An. Năm thứ 7 chúa chết, thọ 23 tuổi, tặng là Phương Hương công chúa, thụy là Tuệ Hòa. Có 2 người con gái. Năm thứ 20 liệt thờ ở đền sau đền Triển Thân. Năm Hàm Nghi thứ 1 hợp thờ ở đền Thân Huân.

- *Nghĩa Đường công chúa Tĩnh An* - con thứ 42 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, em gái cùng mẹ với Vĩnh Chân công chúa Thục Tuệ, sinh năm Minh Mạng thứ 14. Năm Tự Đức thứ 4 gả cho phò mã đô úy Lê Chỉ Hiếu, người ở Hải Lăng, Quảng Trị, là con trai của Tiền Quân đô thống Chỉ Tín. Năm thứ 10 thì chết, thọ 35 tuổi, tặng là Nghĩa Đường công chúa, thụy là Nhu Trang. Năm thứ 18, Hiếu chết.

- *Xuân Hòa công chúa Thục Tư* - lúc đầu tên là An Thục, sau đổi tên hiện nay, là con gái thứ 43 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, em gái cùng mẹ với Phương Hương công chúa Nhàn An, sinh năm Minh Mạng thứ 14. Năm Tự Đức thứ 4, gả cho phò mã đô úy Nguyễn Đống, người ở Lệ Thủy, Quảng Bình, là con trai hiệp biện đại học sĩ, tặng thiếu sư, Nguyễn Đăng Tuân. Năm thứ 16 Đống chết, năm thứ 21, phong làm Xuân Hòa công chúa. Năm thứ 23, bị Ngô Thị Cát lừa dối, không giữ nổi mình, việc phát giác, có chiếu tước bỏ vị hiệu công chúa. Năm thứ 28 mới khai phục. Năm thứ 32 thì chết, thọ 46 tuổi, thụy là Mỹ Thục, có 4 con trai, 2 con gái.

Digitized by Google

- *Hoàng nữ thứ 45* không rõ tên, không có truyện.

- *Phú Hậu công chúa Phương Trinh* - lúc đầu tên là An Thụy, sau đổi tên hiện nay, là con gái thứ 46 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, em gái cùng mẹ với Duy Xuyên quận công Miên Tiếp, sinh năm Minh Mạng thứ 15. Năm Tự Đức thứ 4, gả cho phò mã đô úy, tập phong An kỵ úy Nguyễn Văn Duật, người ở Lễ Dương, Quảng Nam, là cháu của Thần sách đô thống chế Văn Vân. Năm thứ 22, sách phong làm Phú Hậu công chúa. Năm Đồng Khánh thứ 1 thì chết, thọ 53 tuổi, thụy là Mỹ Thục, có con trai và con gái 3 người.

- *Định Thành công chúa Hòa Thận* - con gái thứ 47 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, chị cùng mẹ với Kiến Hòa quận công Miên Khiêu, sinh năm Minh Mạng thứ 15. Năm Tự Đức thứ 4, gả cho phò mã đô úy, nguyên ở Hậu quân, giáng làm chưởng vệ Nguyễn Hanh, người ở Quý huyện, tỉnh Thanh Hóa, là con trai của chưởng vệ Quý. Năm thứ 13 thì chết, thọ 27 tuổi, tặng làm Định Thành công chúa, thụy là Uyên Nhàn. Năm Đồng Khánh thứ 1 Hanh chết, có 3 con trai, 1 con gái.

- *Mỹ Thuận công chúa Nhàn Tuệ* - con gái thứ 50 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Phú Hậu công chúa Phương Trinh, sinh năm Minh Mạng thứ 16. Năm Tự Đức thứ 6, gả cho phò mã đô úy, nguyên hàm Thái bộc tự khanh, tá lý bộ Công, bị giáng 2 trật về quê quán, là Phạm Hữu Hóa, người ở Hương Trà, Thừa Thiên, là con trai của tổng đốc Hà Ninh, thái bảo, Tân Phúc hầu Phạm Hữu Tâm. Năm thứ 15 thì chết, thọ 28 tuổi, tặng làm Mỹ Thuận công chúa, thụy là Đoan Mỹ, có 3 con trai 2 con gái.

- *Xuân Vân công chúa An Nhàn* - con gái thứ 51 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Nghĩa Đường công chúa Tĩnh An, sinh năm Minh Mạng thứ 17. Năm Tự Đức thứ 6 gả cho phò mã đô úy, phó vệ úy Cấm binh Hồ Văn Ngoạn, người ở Nghĩa An, Biên Hòa, cháu của viên gia tặng

Digitized by Google

đô thống chưởng phủ sự, Phúc Quốc công Văn Bối, con trai của chưởng vệ Văn Thập. Năm thứ 7 thì chết, thọ 19 tuổi, tặng làm Xuân Vân công chúa, thụy là Uyển Tĩnh. Năm thứ 19 Ngoạn chết.

- *Lâm Thịnh công chúa Hòa Trinh* - con gái thứ 53 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Mỹ Thuận công chúa Nhàn Tuệ, sinh năm Minh Mạng thứ 17. Năm Tự Đức thứ 6 gả cho phò mã đô úy Nguyễn Lương Cung, người ở Phong Điền, Thừa Thiên, con trai của đô thống lãnh tổng đốc, Bình Thắng nam là Lương Nhàn. Năm thứ 22, phong làm Lâm Thịnh công chúa, năm chết không rõ, thụy không rõ. Năm thứ 26, Lương Cung chết, có 2 con trai, 1 con gái.

- *Thông Lãng công chúa Lương Nhàn* - con gái thứ 54 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Đa Lộc công chúa Nhu Hòa, sinh năm Minh Mạng thứ 18. Năm Tự Đức thứ 6 gả cho phò mã đô úy Nguyễn Tiến Dinh, người Hương Trà, Thừa Thiên, là cháu của đô đốc chưởng phủ sự, Ninh Lạc tử Tiến Lâm, con của chưởng vệ sung đề đốc, Ninh Lạc nam Tiến Phác. Năm thứ 18, Dinh chết, năm thứ 21, phong làm Thông Lãng công chúa, năm thứ 25 thì chết, thọ 36 tuổi, thụy là Lệ Nhu, có 2 con trai, 2 con gái.

- *Hoàng nữ thứ 55* Trinh Hòa - không có truyện.

- *Hoàng nữ thứ 56* Lương Tĩnh - không có truyện.

- *Hoàng nữ thứ 58* không rõ tên - không có truyện.

- *Hoàng nữ Như Tĩnh* - con gái thứ 59 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, em cùng mẹ với Cẩm quốc công Miên Ký, sinh năm Minh Mạng thứ 20, chết năm Thiệu Trị thứ 5, mới lên 7 tuổi.

- *Hoàng nữ Tĩnh Trang* - con gái thứ 60 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, em gái cùng mẹ với hoàng nữ 55 Trinh Hòa. Sinh năm Minh Mạng thứ 20, chết năm Thiệu Trị thứ 7, mới

Digitized by Google

lên 9 tuổi.

- *Hoàng nữ Trinh Thụy* - con gái thứ 62 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, mẹ là cung nhân họ Lê, sinh năm Thiệu Trị thứ 1, chết năm thứ 5, mới lên 5 tuổi.

- *Bình Long công chúa Trang Tường* - con gái thứ 63 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, mẹ là cung nhân họ Đặng, sinh năm Thiệu Trị thứ 1. Năm Tự Đức thứ 10, gả cho phò mã đô úy đề đốc Thanh Hóa Nguyễn Như Cung, người ở Quảng Điền, Thừa Thiên. Là con trai của Tiền quân đô thống phủ đô thống Như Thăng. Năm thứ 17 chúa chết, thọ 24 tuổi, tặng làm Bình Long công chúa, thụy là Lệ Nhã, có 1 con gái. Năm Đồng Khánh Ất dậu hợp thờ ở đền Thân Huân.

- *Nghi Xuân công chúa Phúc Tường* - con gái thứ 64 của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, em gái cùng mẹ với hoàng nữ 56 Lương Tĩnh, sinh năm Thiệu Trị thứ 1. Năm Tự Đức thứ 10, gả cho phò mã đô úy Hoàng Tố, người ở Tuy Viễn, Bình Định, là con trai của Tả quân đô thống Hoàng Chiến. Chết năm thứ 18, thọ 25 tuổi, tặng làm Nghi Xuân công chúa, thụy là Uyển Phương, có 1 con trai, 1 con gái.

Digitized by Google

QUYỂN 10

TRUYỆN CÁC CÔNG CHÚA - MỤC II

Các con gái của Hiến tổ (Gồm 35 người. Đăng truyện 30, chưa đăng truyện 5):

- Duyên Phúc công chúa Tĩnh Hảo,
- Hoàng nữ Uyên Ý,
- An Mỹ công chúa Huy Nhu,
- Hoàng nữ Thúy Diêu,
- Hoàng nữ Phương Nghiên,
- Hoàng nữ Ái Chân,
- Hoài Chính công chúa Nhã Viện,
- Thuận Chính công chúa Thanh Đề,
- Hoàng nữ Thục Nghiễn,
- Hoàng nữ Sính Đình,
- Hoàng nữ thứ 12,
- Hoàng nữ Nuy Tĩnh,
- Hoàng nữ thứ 14,
- Quy Chính công chúa Lệ Nhàn,
- Hoàng nữ Trang Ly,
- Phú Lệ công chúa Đôn Trinh,
- Hoàng nữ Liêu Diêu,
- Hoàng nữ Uyển Như,
- Quảng Thi công chúa Thanh Cật,
- Hoàng nữ Nhàn Nhã,
- An Phúc công chúa Thận Huy,
- Xuân Lâm công chúa Trinh Huy,
- Tuy Lộc công chúa Đoan Lương,
- Hoàng nữ Trang Nhã,
- Hoàng nữ Thục Trang,

Digitized by Google

- Hoàng nữ Phương Thanh,
- Hoàng nữ Minh Tư,
- Hoàng nữ Điểm Uyên,
- Thuận Mỹ công chúa Phúc Huy,
- Phục Lễ công chúa Gia Phúc.

*
* *

Duyên phúc công chúa Tĩnh Hảo

Là con gái của Hiến tổ Chương Hoàng đế, do Nghi Thiên Chương hoàng hậu sinh ra vào Minh Mạng năm thứ 5. Tuổi còn trẻ mà thông minh, nhàn nhã đoan tĩnh, có tính hiếu để. Kịp khi thờ Thánh tổ mẫu Cao Hoàng hậu ở cung Đông Triều, hầu hạ cẩn thận, hơi được vừa ý. Thiệu Trị năm thứ 6, gả cho phò mã đô úy Nguyễn Văn Ninh, người ở Bảo Hựu, Vĩnh Long, là con của chưởng phủ sự, thái bảo, Hoằng trung hầu Văn Trọng. Mùa hạ năm ấy, sách phong làm Duyên Phúc công chúa. Sau khi vu quy, vợ chồng rất thân thiết. Tự Đức năm thứ 1 thì chết, thọ 25 tuổi, thụy là Đoan Nhã. Sau vua đi qua nhà chúa ở cũ, có cảm nhớ, nhân làm 3 bài thơ để tỏ lòng thương xót.

Bài thứ I

Phiên âm: Thủy lưu hoa tạ thái vô tình, quang cảnh giao nhân ánh tự kinh, Tương chử ba trâm dao sắc ưởng, Tần lâu vân ủng ngọc tiêu thanh, đồ lưu truyền nhưỡng thiên thiên hận, Vị tặng đồng khuê nhất ngũ vinh, hàm lệ trí trù hồi thủ vọng, hiếu phong mọc nại trục bồng khinh.

Dịch nghĩa:

Hoa trôi nước chảy khá vô tình,
Quang cảnh xui người ngầm tự kinh hãi,
Sóng nước sông Tương làm chìm tiếng đàn sắt,
Mây phủ lầu Tần làm lấp tiếng tiêu thổi,
Những thương suối vàng để hận nghìn năm,

Digitized by Google

Chưa được phong cho sách vàng[1] làm vinh dự,
Nuốt lệ dùng dằng ngoảnh đầu trông lại,
Khốn nỗi vì gió thổi thuyền bồng đi nhanh.

Bài thứ II

Phiên âm: Nam cầu vũ hóa dật tiên tài, nhân thế thùy năng ngoại thất ai, tinh tuế liễn lai ca xuy động, Kim thần chu quá huệ lan tôi, nhàn vân tu tán ưng vô định, đại mộng hoan hi khước kỷ hồi, cựu sự bất kham trùng thuyết hoại, ngã tâm phương thốn tẩn thành hơi.

Dịch nghĩa:

Khó tìm được người tài giỏi biến hóa như mọc cánh bay đi,
Người ta ở đời ai khỏi có 7 thứ thương[2]
Năm trước xe qua nghe ca hát nhộn nhịp,
Sớm nay thuyền dạo thấy huệ lan khô héo,
Đám mây bay tụ tán không bao giờ nhất định,
Giấc mộng vui buồn lại chẳng mấy chốc,
Việc cũ chẳng nên bàn cãi làm gì nữa,
Tấc lòng ta từ ngoài thành ra gió lạnh.

Bài thứ III

Phiên âm: Tinh vệ u hồn hà xứ tầm, kinh qua dao diếu lính ba tản, Thường Sơn trì quán hoa thông lạc, cấm thủy lâu đài nguyệt tự trầm, giang tác ly thanh truyền khúc chử, nhạn kinh thất tự oán hàn lâm, hồi khan ai lạc thành như mộng, diếu diếu ba đào tứ bất câm.

(1) Sách vàng: Nguyên chữ Hán là đồng khuê: Ngọc khuê bằng lá cây ngô đồng. Sử ký: Thành vương lấy lá ngô đồng làm ngọc khuê đưa cho con Thúc Ngu. Sử thần liền xin chọn ngày phong, Thành Vương nói ta nói đùa. Sử quan nói vua không nói đùa. Vì thế Thành Vương phải phong tước cho Thúc Ngu. Đây nói phong sắc cần chuẩn nên dịch là sách vàng.

(2) 7 thứ thương: 1; đau xót mà thương, 2: Vì nghĩa mà thương, 3: cảm xót mà thương, 4: Oán hận mà thương, 5: Tai mắt trông thấy mà thương, 6: Than thở mà thương, 7: Mũi cay mà thương.

Digitized by Google

Dịch nghĩa:

U hồn chim tinh vệ biết tìm ở chốn nào,
Đi qua xa thương làn sóng xanh biếc,
Ao quan ở Thường Sơn, hoa tự rơi rụng,
Lâu đài ở Cấm Thủy bóng trăng tự chìm lặn,
Nước chảy ở khúc sông gẩy khúc thành ra tiếng ly biệt.

Nhạn kinh lạc bạn oán trách rừng sâu lạnh lẽo,
Xem lại chuyện đời buồn đều như giấc mộng cả,
Sóng nước mênh mang không cầm nổi tình thương xót.

Năm thứ 2 là năm Tân dậu mùa xuân, vua đến nhà thờ chúa rót rượu tế, lại làm thơ rằng:

Phiên âm:

Tỉ muội nguyên phi thiểu, đồng bào chỉ nhị nhân, văn thủ tăng vị bảo, chử chúc vị năng thân, ôn thảnh bằng thùy công, lưu lao độc ngã tần, văn tu liêu điển giả, kiến nguyệt bổn thăng thần.

Dịch nghĩa:

Chị em không phải là ít,
Nhưng cùng mẹ đẻ ra chỉ có hai người,
Nghe thư từng đã biết,
Nấu cháo chưa được thân trông coi,
Cùng ai mà quạt nồng đắp lạnh hầu mẹ,
Chỉ có một mình ta khó nhọc luôn luôn,
Gọi là rót rượu cúng chị bữa chiêu nay,
Thấy bóng trăng càng thêm thương cảm.

Chị cùng mẹ với vua chỉ có 2 người, đều chết sớm, đối với chúa rất là quý mến, cho nên ý thương xót thường thường lộ ra, bài thơ đại loại như thế. Năm thứ 23 Ninh chết.

*

Digitized by Google

Hoàng nữ Uyên Ý

Con gái thứ 3 của Hiến tổ Chương hoàng đế, em gái cùng mẹ với Duyên Phúc, công chúa Tĩnh Hảo, sinh năm Minh Mạng thứ 7, mới có 3 tuổi chết non, phụ thờ ở đền Lệ Thục (Phàm các hoàng nữ chết non đều phụ thờ ở đấy).

*

An Mỹ công chúa Huy Nhu

Con gái thứ 4 của Hiến tổ Chương hoàng đế, chị cùng mẹ với Thụy Thái vương Hồng Y, sinh năm Minh Mạng thứ 7. Tuổi còn bé mà nhu thuận, đoan nhã, có nữ tắc, vua rất yêu mến. Thiệu Trị năm thứ 6, gả cho phò mã đô úy Trương Trụ, người ở Bình Sơn, Quảng Ngãi, là con của cần chánh điện đại học sĩ, tặng Thái sư, Tuy Thịnh quận công là Quế. Sau khi lấy chồng giữ đạo làm vợ cẩn thận. Tự Đức năm thứ 3, phong làm An Mỹ công chúa. Hàm Nghi năm thứ 1 thì chết, thọ 58 tuổi, thụy không rõ, có 2 con trai, 2 con gái.

*

Hoàng nữ Thúy Diêu

Con gái thứ 5 của Hiến tổ Chương hoàng đế, mẹ đẻ không rõ, sinh năm Minh Mạng thứ 11, năm lên 4 tuổi thì chết.

*

Hoàng nữ Phương Nghiên

Con gái thứ 6 của Hiến tổ Chương hoàng đế, mẹ là tài nhân họ Nguyễn Duy, người ở Hương Sơn, Hà Tĩnh, con gái của Duy Tấn, chúa là chị cùng mẹ với Mậu Lâm công chúa Đoan Cẩn, sinh năm Minh Mạng thứ 11, năm lên 3 tuổi thì chết.

*

Hoàng nữ Ái Chân

Con gái thứ 7 của Hiến tổ Chương hoàng đế, mẹ là quí

Digitized by Google

nhân họ Đinh, sinh năm Minh Mạng thứ 11. Lên 5 tuổi thì chết.

*

Hoài Chính công chúa Nhã Viện.

Con gái thứ 8 của Hiến tổ Chương hoàng đế, chị cùng mẹ với Vinh quốc công Hồng Truyền, sinh năm Minh Mạng thứ 13. Chúa là người nhàn lệ đoan thục, có khuôn mẫu của Khuê Khổn. Tự Đức năm thứ 3, gả cho phò mã đô úy Vũ Văn Chuyên, người ở Bình Sơn, Quảng Ngãi, con trai của đô thống chưởng phủ sự, An Viễn hầu Văn Giải, Năm thứ 22, phong làm Hoài Chính công chúa. Năm thứ 28 thì chết,thọ 44, thụy là Mỹ Thục. Năm thứ 31, Văn Chuyên chết, có 3 con trai, 1 con gái.

*

Thuận Chính công chúa Thanh Đề.

Con thứ 9 của Hiến tổ Chương hoàng đế, mẹ là Tài nhân họ Nguyễn Văn, sinh năm Minh Mạng thứ 14. Chúa là người hòa thuận trầm tĩnh, thành khiết, vốn thuộc lời mẫu giáo. Tự Đức năm thứ 3, gả cho phò mã đô úy, đổi bổ quản cơ Sơn Tây Trần Văn Thử, người ở Hương Trà, Thừa Thiên, con của thượng thư trí sĩ Văn Trung. Năm thứ 22, mùa thu, phong làm Thuận Chính công chúa, chết vào năm ấy, thọ 37 tuổi, thụy là Trang Tĩnh, có 3 con trai, 2 con gái.

*

Hoàng nữ Thục Nghiễn.

Con gái thứ 10 của Hiến tổ Chương hoàng đế, em gái cùng mẹ với công chúa Viên Chân, sinh năm Minh Mạng thứ 14, năm lên 4 tuổi thì chết.

*

Digitized by Google

Hoàng nữ Sinh Đình.

Con gái thứ 11 của Hiến tổ Chương hoàng đế, mẹ là tài nhân họ Phan, người ở Diên Phúc, Quảng Nam, con gái thứ của phó vệ úy hưu trí Phan Bách, sinh năm Minh Mạng thứ 15, lên 4 tuổi thì chết.

*

Hoàng nữ thứ 12

Không rõ họ tên, không có truyện.

*

Hoàng nữ Nuy Tĩnh

Con gái thứ 13 của Hiến tổ Chương hoàng đế, chị cùng mẹ với Phong Lộc quận công Hồng Kháng, sinh năm Minh Mạng thứ 16, chết năm lên 3 tuổi.

*

Hoàng nữ 14

Không rõ tên, không có truyện.

*

Quy Chính công chúa Lệ Nhàn.

Con gái thứ 15 của Hiến tổ Chương hoàng đế, em cùng với Thuận Chính công cháu Thanh Đề, sinh năm Minh Mạng thứ 17. Tuổi còn bé mà đoan trang dịu dàng. Tự Đức năm thứ 6, gả cho phò mã đô úy Nguyễn Duy, cháu của Đô thống phủ chưởng phủ sự, Hoằng trung hầu Văn Trọng, con trai của Cấm binh vệ úy, tập phong Hoằng trung bá, Văn Tuân. Năm thứ 20 Duy chết, mùa thu năm ấy, phong làm Quy Chính công chúa. Năm thứ 35 thì chết, thọ 54 tuổi, không rõ tên thụy. Có 1 con trai. Năm Đồng Khánh ất dậu mùa thu, hợp thờ ở đến Thân Huân.

Digitized by Google

Hoàng nữ Trang Lý

Con gái thứ 16 của Hiến tổ Chương hoàng đế, em cùng mẹ với hoàng nữ Thúy Diêu, sinh năm Minh Mạng thứ 18, lên 2 tuổi chết.

*

Phú Lệ công chúa Đôn Trinh

Lại có tên là Diệm Giai. Con gái thứ 18 của Hiến tổ Chương hoàng đế, chị cùng mẹ với Phú Lương quận công Hồng Dao, sinh năm Minh Mạng thứ 19. Tự Đức năm thứ 6, gả cho phò mã đô úy Nguyễn Cửu Toản, người ở Quý huyện Thanh Hóa, con của tổng đốc Ninh Thái Văn Đức. Chúa là người hồn hậu cung kiệm, hành động có lễ giáo, có phong độ chính hòa của con gái nhà Chu. Năm thứ 22, phong làm Phú Lệ công chúa. Thành Thái năm thứ 2 thì chết, thọ 57 tuổi, thụy không rõ. năm thứ 6, Cửu Toản chết, có 1 con trai, 3 con gái.

*

Hoàng nữ Liêu Diệu

Con gái thứ 19 của Hiến tổ Chương hoàng đế, em gái cùng mẹ với Hoàng nữ Nuy Thanh, sinh năm Minh Mạng thứ 19, mới được 1 tuổi thì chết.

*

Hoàng nữ Uyển Như

Con gái thứ 20 của Hiến tổ Chương hoàng đế, mẹ là cung nhân họ Mai, sinh năm Minh Mạng thứ 20, chết năm Tự Đức thứ 5, mới có 14 tuổi.

*

Quảng Thi công chúa Thanh Cát

Con gái thứ 21 của Hiến tổ Chương hoàng đế, chị cùng

Digitized by Google

mẹ với Kỳ phong quận công Hồng Đĩnh, sinh năm Minh Mạng thứ 20. Tự Đức năm thứ 8, gả con cho phò mã đô úy Trương Văn Chất, người Quảng Điền, Thừa Thiên, con của nguyên tổng đốc Văn Uyển. Chất sau bị tội phải phế. Năm thứ 20 phong làm Quảng Thi công chúa, năm thứ 32 thì chết, thọ 41 tuổi, thụy là Mỹ Thục, có 6 con trai, 3 con gái.

*

Hoàng nữ Nhàn Nhã

Con gái thứ 22 của Hiến tổ Chương hoàng đế, em cùng mẹ với hoàng nữ Liêu Diệu, sinh năm Minh Mạng thứ 20, mới lên 2 tuổi chết non.

*

An Phức công chúa Thận Huy

Con gái thứ 23 của Hiến tổ Chương hoàng đế, mẹ là cung nga họ Nguyễn Hòa, sinh năm Minh Mạng thứ 21. Tự Đức năm thứ 8, gả cho phò mã đô úy Nguyễn Đức Duật, người Hải Lăng, Quảng Trị. Con của tổng đốc Đức Hoạt. Chúa còn bé đã đoan nhã, lấy chồng mới được 2 năm thì chết. Mới 18 tuổi, tặng làm An Phức công chúa, thụy là Nhàn Trinh. Năm thứ 12, Duật chết, có 1 con gái. Lúc đầu thờ ở đền sau đền Triển Thân. Hàm Nghi năm thứ 1, hợp thờ ở đền Thân Huân.

*

Xuân Lâm công chúa Trinh Huy

Con gái thứ 25 của Hiến tổ Chương hoàng đế, mẹ là cung nga họ Nguyễn Viết, sinh năm Thiệu Trị thứ 1. Tự Đức năm thứ 10, gả cho phò mã đô úy Trần Hương, người ở Chương Nghĩa, Quảng Nghĩa, con của nguyên tổng đốc bị cách là Hoằng. Năm thứ 11 thì chết, thọ 18 tuổi, tặng làm Xuân Lâm công chúa, thụy là Tuệ Thục. Lúc đầu thờ ở đền sau

Digitized by Google

đền Triển Thân. Hàm Nghi năm thứ 1 liệt thờ ở đền Thân Huân.

*

Tuy Lộc công chúa Đoan Lương

Con gái thứ 27 của Hiến tổ Chương hoàng đế, em gái cùng mẹ với Tự Tân công chúa Lương Huy, sinh năm Thiệu Trị thứ 2. Tự Đức năm thứ 10, gả cho đô úy Nguyễn Trọng Khoa, người ở Thụy Nguyên, Thanh Hóa, con của thống chế sung đề đốc Trọng Thao. Năm thứ 21, Trọng Khoa chết. Năm sau phong làm Tuy Lộc công chúa. Thành Thái năm thứ 6 thì chết, thọ 28 tuổi, không rõ tên thụy, có 3 con trai, 2 con gái.

*

Hoàng nữ Thanh Nhã

Con gái thứ 28 của Hiến tổ Chương hoàng đế, mẹ là cung nhân họ Nguyễn Văn, lên 2 tuổi, chết non.

*

Hoàng nữ Thục Trang

Con gái thứ 29 của Hiến tổ Chương hoàng đế, em gái cùng mẹ với hoàng tử thứ 13 Hồng Thiệu, sinh năm Thiệu Trị thứ 3, lên 5 tuổi chết non.

*

Hoàng nữ Phương Thanh

Con gái thứ 30 của Hiến tổ Chương hoàng đế, mẹ là Nhàn tần họ Phan, người ở Diên Phúc, Thiệu Trị thứ 3, lên 8 tuổi chết non.

*

Digitized by Google

Hoàng nữ Minh Tư

Con gái thứ 32 của Hiến tổ Chương hoàng đế, em gái cùng mẹ với Đồng Phú công chúa Ý Phương, sinh năm Thiệu Trị thứ 5, lên 1 tuổi chết non.

*

Hoàng nữ Điềm Uyên

Con gái thứ 33 của Hiến tổ Chương hoàng đế, mẹ là cung nhân họ Nguyễn Văn, sinh năm Thiệu Trị thứ 6, lên 5 tuổi chết non.

*

Thuận Mỹ công chúa Phúc Huy

Con gái thứ 34 của Hiến tổ Chương hoàng đế, em cùng mẹ với Tuy Lộc công chúa Đoan Lương, sinh năm Thiệu Trị thứ 6. Tự Đức năm thứ 14, gả cho phò mã đô úy, bổ án sát Bình Thuận Nguyễn Đình Tiếp, người ở Quảng Điền, Thừa Thiên, là con của nguyên thượng thư trí sĩ, bị cách, được khai phục Hồng lô tự khanh Đình Tân. Chúa còn bé mà đoan trang trinh tĩnh. Sau khi lấy chồng, giữ đạo làm vợ, người ta không ai nói gì khác. Năm thứ 22, phong làm Thuận Mỹ công chúa, qua năm sau thì chết, mới có 25 tuổi. Vua thương tiếc, cho thụy là Trinh Uyển. Kiến Phúc năm thứ 1 Đình Tiếp chết, có 2 con trai, 1 con gái.

*

Phục Lễ công chúa Gia Phúc

Con gái thứ 35 của Hiến tổ Chương hoàng đế, mẹ là cung nhân họ Hồ, sinh năm Thiệu Trị thứ 7. Tự Đức năm thứ 16, gả cho phò mã đô úy Nguyễn Lâm, người ở Quảng Điền, Thừa Thiên, con trai Võ Hiển điện đại học sĩ, Trí dũng tướng, Tráng liệt bá, Tri Phương. Năm thứ 22, phong làm Đồng Xuân công chúa. Năm thứ 26, Lâm xin theo việc quân,

Digitized by Google

theo cha đến thành Hà Nội. Đến khi thành vỡ, Lâm cùng cha cùng chết vì nạn một ngày, truy tặng hàm Binh bộ thị lang. Chúa ở góa, sau có tội phế làm người thường dân, đổi theo họ mẹ. Sau biết sợ hối, Đồng Khánh năm Ất Dậu, gia ơn cho khai phục, đổi phong làm Phục Lễ công chúa. Năm thứ 3 thì chết, thụy là Mỹ Thục, thọ 42 tuổi, có 3 con trai, 2 con gái.

Digitized by Google

QUYỂN 11

TRUYỆN CỦA CÁC QUAN - MỤC I (Tôn thất)

Tôn Thất Đắc, Tôn Thất Nghị, Tôn Thất Đường,
Tôn Thất Gia, Tôn Thất Tỉ, Tôn Thất Hàn,
Tôn Thất Lương, Tôn Thất Thường, Tôn Thất Tuệ,
Tôn Thất Tĩnh, Tôn Thất Phiên, Tôn Thất Phế,
Tôn Thất Dương, Tôn Thất Trực, Tôn Thất Tư,
Tôn Thất Trĩ, Tôn Thất Thi, Tôn Thất Tĩnh,
Tôn Thất Triệt, Tôn Thất Phiên, Tôn Thất Lương Thành.

*
* *

Tôn Thất Đắc

Con thứ ba của Cấm binh vệ úy Tôn Thất Tỉ, thuộc dòng thứ nhất. Lúc còn nhỏ tập võ nghệ, buổi đầu năm Gia Long, sung vào thị vệ, theo việc quân có công, cho làm cấm binh cai đội. Khoảng năm Minh Mạng, đã từng thăng làm quản cơ ở Thanh Hóa, chuyển sang thành thủ úy ở Ninh Bình. Rồi vì có tang mẹ cáo nghỉ; khi hết tang đổi bổ làm chánh sứ ty Từ Tế tại Nguyên miếu ở Thanh Hóa; được ít lâu, thiên về làm chưởng vệ ở trong, quyền chưởng doanh Thần Cơ, kiêm nhiếp chức tả Tôn khanh phủ Tôn nhân. Tự Đức năm thứ 2 (1849), tuổi đến bảy mươi, xin về hưu. Vua nghĩ Đắc là người lão thành không cho. Năm thứ 6, thăng lên thự thống chế, vẫn kiêm việc ở phủ. Năm thứ 7 thì chết, khi ấy bảy mươi lăm tuổi. Em là Nghị, đã có truyện riêng. Con là Cáp, làm quan đến bố chính sứ Sơn Tây. Tăng làm quan đến quản cơ tỉnh Hải Dương. Di làm quan đến tri huyện huyện Phong Phú; Tĩnh có truyện riêng.

Digitized by Google

Tôn Thất Nghị

Là người khảng khái, có can đảm thao lược. Buổi đầu năm Gia Long, tuyển vào đội Nội hầu. Minh Mạng năm thứ 4 (1823) bổ làm đội trưởng, rồi thiên mãi đến cai đội, sung làm thị vệ đeo bài bằng bạc, trải làm quan đến phó vệ úy các vệ Dực Bảo, Thủ Hộ, Loan Giá, Vũ Lâm. Rồi vì có việc phải giáng, bổ làm suất đội vệ Thủ Hộ. Khi thành Cấn Tây có giặc, xin theo đi đánh, vua cho đi, chuẩn cho dùng làm quản cơ, rồi sau bổ sung vào cơ Phú Yên, theo quan quân đi đánh dẹp. Chiến dịch ở Vĩnh Tế, Thất Sơn, nhiều lần lập được chiến công. Thiệu Trị năm thứ 1 (1841) tổng đốc An Giang là Nguyễn Tri Phương cho là bộ biền xuất sắc cử cho thăng lên Cấm binh phó vệ úy, cải bổ phó lãnh binh An Giang, đánh thổ phỉ ở Súc Sâm liền được thắng trận; sau đến đánh Súc Lô, thẳng đến thôn An Thịnh, cùng thổ phỉ đánh nhau, liền phá được; bèn tiến quân đến Soài Lư, Soài Bật; đi đến Soài Tiêm bị phục binh của giặc chặn đánh, quân tiền đạo tan vỡ, quân của Nghị tiếp ứng không kịp, bị thua, phải tội cách chức lưu nhiệm. Kịp trận đánh ở Cần Chông được thắng trận lớn, quan quân thừa thế thẳng đến Bắc Trang, lại dời quân đến Hậu Giang.

Tin thắng trận tâu lên, vua khen ngợi, thưởng cho một cái nhẫn vàng mặt có hạt đỏ, chuẩn cho khai phục hai cấp. Chưa bao lâu, lại cùng quan quân tiến đánh ở Sa Ma, phá được Lâm Sâm ở Tham Đô, châu Lạc Hóa, dẹp yên được hết, gia thưởng quân công một cấp và một đồng kim tiền "song long" có dây thao rủ xuống, một cái nhẫn vàng có hạt ngọc pha lê sáng óng ánh, tiến lên thự vệ úy, vẫn lĩnh chức phó lãnh binh An Giang. Năm thứ hai, đánh phá quân Xiêm ở Hà Âm. Khi ấy quân giặc họp đông, kết liền đồn lũy, thanh thế rất to, các tướng bàn kế đánh dẹp. Phạm Văn Điển ủy cho Nghị đem năm trăm quân làm sách ứng cho quân Tả dạo

Digitized by Google

Đoàn Quang Mật; Nghị bèn phá đồn bên tả của giặc, chuyển cùng quân các đạo hợp đánh, giặc bị tan vỡ to, chém, bắt được và bắn chết một số nhiều, thu được súng ống, khí giới không biết đâu mà kể. Tin thắng trận tâu lên, vua cho là Nghị thân đốc quân các đạo, ra sức đánh dữ, khiến cho giặc không thể cứu viện nhau được; có đủ thực trạng quân công, gia cho quân công một cấp và thưởng một cái nhẫn vàng liên châu, một cái bài đeo bằng ngọc trắng, ghi tên sẽ bổ làm lãnh binh. Năm ấy lại cùng Văn Điển cả đánh phá giặc ở Tham Phủ, Ban Ly, giặc nương vào núi dựa chỗ hiểm để chống giữ, quan quân đánh không hạ được, Điển ủy cho Nghị đem một toán quân nhân ban đêm xuyên qua núi đánh úp, giặc kinh sợ tan vỡ, quan quân kế tiếp đến, bèn san phá lũy dài. Vua cho là Nghị biết ra quân kỳ để đánh được giặc, thưởng cho gia quân công một cấp, liền bổ cho làm lãnh binh quan ở An Giang. Năm thứ ba, thăng thự chưởng vệ, tấn phong Long Bình nam, lĩnh chức như cũ. Chưa được bao lâu, triệu về cho làm chưởng vệ quyền giữ ấn triện doanh Long Vũ, dự vào ban đình nghị. Năm thứ 4, thự thống chế kiêm nhiếp chức tả Tôn khanh ở phủ Tôn nhân.

Năm thứ 6, vua cho là việc biên giới ở Trấn Tây cơ hội có thể nhân được, bèn sai Nghị ra làm thự đề đốc Vĩnh Long, cùng bọn Vũ Văn Giải, Tôn Thất Bạch cùng đi hội làm. Quân của Nghị đến cùng với tổng đốc Trí Phương chia đường đánh nhổ dây sắt, nhân thắng lợi đến thẳng Nam Vang, giặc bỏ thành trốn. Tin thắng trận báo đến, vua khen ngợi bổ làm đề đốc An Giang, gia cho quân công kỷ lục gia cấp, thưởng cho một cái bài đeo bằng ngọc quý và dây thao rủ xuống, có xâu hạt ngọc san hô, rồi sau sung chức Trấn Tây tán lý quân đại thần, chưa được bao lâu, đổi bổ làm thống chế, vẫn sung chức cũ. Rồi sau Nghị ốm, vua ban cho vị thuốc của vua dùng, sai thị vệ chạy đến hỏi han úy lạo. Mùa đông năm ấy ốm chết. Vua nghe tin lấy làm thương, tặng là Long Vũ doanh đô thống,

Digitized by Google

truy phong tước tử, cho tên thụy là Vũ Dũng, cho thêm các thứ sa, nhiễu màu và một nghìn quan tiền. Chuẩn cho một người con đi ngựa trạm, đưa linh cữu về nơi trú ngụ. Ngày hôm an táng sai quan đến tế một tuần.

Nghị là người trong hoàng phái, vốn quen thao lược làm tướng, việc đi đánh ở Trấn Tây, mạnh dạn xin đi. Bình được Lạc Hóa, định được Ba Xuyên, phá thành đồng, khai lũy sắt, công khá to vậy. Kịp khi Trấn Tây dẹp yên, các tướng tính công uống rượu mừng về đến nơi, riêng có Nghị không ở trong đám ấy. Vua truy nghĩ tôi, nhân làm thơ để viếng, thực có lòng cảm nhớ người tướng mạnh lúc gió nổi mây bay như ca thu phong của Hán Vũ đế ngày xưa.

Tự Đức năm thứ hai, truy xét lại công đánh giặc, cho khắc tên vào bia Vũ Công. Năm thứ 11, đưa vào thờ ở đền Hiền Lương.

*

Tôn Thất Đường

Buổi đầu năm Tân Dậu (1801) mới theo làm việc quân. Gia Long năm thứ 15 (1816), bổ làm chánh đội trưởng suất đội đội ngũ, vệ Hộ Lăng. Buổi đầu năm Minh Mạng có tội phải miễn chức, rồi lại được khởi phục. Năm thứ 5, thăng cai đội, rồi thiên làm phó vệ úy hai vệ Long Vũ, Hộ Lăng, đi theo nơi quân đóng ở Gia Định làm việc bắt giặc. Vì làm bộ biên đắc lực, được gia quân công một cấp. Khi ấy, bọn giặc là Nguỵch Trấm còn cố chết giữ thành Phiên An, quan quân vây sát đến, thành sắp hãm, giặc nhân ban đem phá vòng vây liều chết để đánh. Đường theo Nguyễn Văn Trọng chống đánh lại, giặc phải lui; được thưởng quân công 1 cấp, kỷ lục 2 thứ. Chưa bao lâu, đổi làm Hữu vệ Bắc Ninh, một thời gian thăng làm vệ úy hai vệ Hổ Oai và Vũ Lâm. Năm thứ 21, thăng làm lãnh binh Quảng Ngãi. Thiệu Trị năm thứ 1, triệu về Kinh làm thự chưởng vệ kiêm quản công việc viện Thượng Tứ, rồi

Digitized by Google

thăng thự thống chế doanh Long Vũ. Năm thứ 2, vua đi tuần ra miền bắc, sung chức ngự tiền hổ giá đại thần. Tới khi vua trở về Kinh, vua cho là luật quân nghiêm chỉnh, thưởng 1 đồng tiền vàng có chữ "Phan long phụ phượng" có dây thao rủ xuống. Mùa đông năm ấy, đổi đi làm thự Tổng đốc An Tĩnh. Đường tâu xin tha bỏ thuế hộ đi lấy sắt. Vua y cho. Gặp khi dân trong hạt nhiều người bị nhiễm lệ khí, Đường không tâu lên ngay, kịp khi xét hỏi việc hình đứng cuối bét, phải tội cách lưu, chưa bao lâu, đổi làm giáng bốn cấp lưu. Năm thứ 6 triệu về Kinh bổ làm thống chế doanh Long Vũ, sung quản lĩnh thị vệ đại thần. Vì bị bệnh chết ở nơi làm quan. Vua gia ơn cấp cho 500 quan tiền, 2 tấm gấm Trung Quốc.

*

Tôn Thất Gia

Xuất thân thế nào chưa rõ. Gia là người khảng khái, chuộng khí tiết. Minh Mạng năm thứ 15, làm thự án sát sứ tỉnh Bình Thuận, bị có chỉ triệu về, chưa lên đường thì gặp tên nghịch Khôi làm phản ở Gia Định. Bè lũ của Khôi chiếm cứ thành Biên Hòa; Gia vâng mệnh phái đi trưng bắt binh trạm cùng với lãnh binh Lê Văn Nghĩa đến cứu viện, bèn cùng với thự tuần phủ Vũ Quýnh lấy lại được tỉnh thành. Tin thắng trận báo lên, vua khen ngợi. Rồi thì quân giặc lại kéo đến, quan quân cùng giặc đánh nhau, bị thua, Gia bị giặc bắt được. Tướng giặc là ngụy thống đồn Nguyễn Văn Thư cưỡng bắt phải hàng, Gia không chịu khuất, đem điều nghĩa dẫn bảo, cả mắng chửi giặc, bị giặc giết chết. Việc đến tai vua, vua than tiếc nói rằng: Gia lúc ngày thường hầu bên tả, bên hữu ta, không có lấy gì là hơn người, nay gặp việc lại hay giữ nghĩa không tham sống, chửi giặc mà chết, thực khó được người trung liệt như thế; nên biếu dương lên để khuyến khích cho kẻ hết lòng trung. Xuống chiếu truy thụ làm án sát sứ,

Digitized by Google

cho thêm tiền bạc cấp cho người nhà. Sau đưa vào thờ ở đền Trung Nghĩa.

*

Tôn Thất Ty

Ở dòng thứ 9, là con thứ ba của Trấn Quốc đại tướng quân chưởng doanh Tôn Thất Chương (có tên là Điến), tập ấm bổ làm quan, bổ làm Cẩm Y cai đội. Thiệu Trị năm thứ 1, thăng phó vệ úy Thủ Hộ, tả vệ, rồi thăng lên Chưởng vệ. Tự Đức năm thứ 12, lĩnh Tuần phủ Quảng Bình, rồi làm hộ lý tổng đốc Thanh Hóa. Năm thứ 14, thự thống chế doanh Tiền Phong. Ngày Ty ở Thanh Hóa, riêng nghe người buôn nước Thanh là Hà Minh Tính ngầm bán gỗ tử thiết và gạo, bị tú tài Lê Viết Triêm đưa kiện ở Pháp Ty, bị cách chức, theo đi quan thứ ở Biên Hòa, gắng sức để chuộc tội. Rồi vì có quân công được khai phục, thiên làm thủ hộ sứ. Năm thứ 20 nhắc bổ làm vệ úy, quyền chưởng Tả dực doanh Vũ Lâm. Năm thứ 21, lĩnh chức đề đốc Kinh thành rồi chết ở chỗ làm quan, thọ 66 tuổi, có 5 con trai, phần nhiều có khoa mục vinh hiển. Trường làm quân đến thị lang; Tiến đỗ tú tài, làm quan đến Tử tế ty phó sứ; Thông làm quan đến Lễ bộ viên ngoại lang. Niêm đỗ phó bảng, hiện làm tuần phủ lĩnh bố chính sứ Nghệ An; Đề đỗ tú tài, hiện lấy chức Thừa Thiên phủ doãn nghỉ phép về nhà.

*

Tôn Thất Hàn

Về dòng thứ 7, con đích trưởng của đội trưởng Tôn Thất Nhâm, là người có dũng lược. Lúc đầu sung làm hộ vệ, rồi thăng lên đến phó vệ úy Loan Giá. Thiệu Trị năm thứ 2, theo vua đi tuần ra miền Bắc, khi trở về, thưởng một cấp và một đồng kim tiền có chữ "Phan long phụ phượng" có dây thao rủ xuống, bổ ra làm phó lãnh binh quan ở Bình Định, rồi đổi

Digitized by Google

vào Gia Định. Năm thứ 3, vua thấy phủ Tây Ninh nhiều việc, sai Hàn đến đóng để phòng giữ, cùng với hiệp tán là Cao Hữu Bằng bàn bạc để làm việc. Ở đấy hồi lâu, sung vào chức vệ úy Loan Giá quyền nhiếp. Chức tả Tôn khanh phủ Tôn nhân. Tự Đức năm thứ 10, nhắc bổ làm chưởng vệ, quyền giữ ấn triện doanh Kỳ Vũ; rồi cải bổ thự tuần phủ, hộ lý tổng đốc Thanh Hóa. Năm thứ 9, triệu về, quyền chưởng doanh Long Vũ. Năm thứ 12, Đà Tấn ở Quảng Nam có giặc, thăng bổ làm thống chế, sung quân thứ đề đốc; cho 40 lạng bạc. Năm thứ 14, cất lên làm thự Hậu quân đô thống, sung Thuận An phòng hộ phó sứ. Khi ấy, ở tỉnh Bắc Ninh có Nguyễn Thịnh ngụy xưng là Nguyên Súy, hợp với giặc ở dưới nước thuộc tỉnh Quảng Yên họp bè lũ vài nghìn người, xâm phạm phủ Lạng Giang, quan quân đánh không được, bọn giặc lại lan thêm ra. Vua thấy Hàn quen thạo được việc, cho sung chức thống đốc quân vụ đại thần. Dụ rằng: Phàm việc gì quan hệ đến việc quân, các tỉnh Nam Định, Hưng Yên, Hà Nội, Ninh Bình, Sơn Tây, từ tỉnh thần trở xuống đều phải chịu sự điều khiển của Hàn. Hàn mới đến miền Bắc, gặp bọn giặc lại đến áp bức thành tỉnh, Hàn cùng với quan tỉnh là Nguyễn Văn Phong đem quân ra đánh giết giặc phải lui, bèn giải được vây. Rồi sau đổi đi lĩnh tổng đốc Hà Ninh.

Năm thứ 18, Hàn chết, khi ấy 72 tuổi. Tặng hàm chưởng phủ sự, cấp thêm 3 cây gấm màu, nhiễu và sa màu mỗi thứ 3 tấm, tiền 900 quan, sai quan đến tế, ban cho rượu tế. Con là Môi, làm quan đến hàm Thị độc, sung chức tán tương ở quân thứ Tam Tuyên.

*

Tôn Thất Lương

Ở dòng thứ 7, con thứ hai con vợ thứ của Tư vụ hưu trí Tôn Thất Đào. Lúc còn nhỏ có học hạnh, buổi đầu năm Minh Mạng học ở nhà Giám. Năm thứ 5, bạch bổ Hàn Lâm viện kiểm

Digitized by Google

thảo, sung văn thư phòng hành tẩu; rồi thăng Hộ bộ lang trung, thự thiêm sự. Năm thứ 9, thăng Án sát sứ Thanh Hóa, rồi cạn về khoản quan lại bao lạm gỗ tứ thiết, bị cách, phát đến đài Trấn Hải gắng sức để chuộc tội; lại phái đi Trung Quốc để gắng sức bảo hiệu. Đến khi trở về, bổ làm ở tư vụ Mộc Thương. Năm thứ 15 thăng làm viên ngoại lang bộ Hình, thự án sát Thái Nguyên rồi đổi về làm án sát Quảng Trị.

Khi vào yết kiến, vua bảo rằng: tội ngươi đáng phải truất bãi nhưng vì trước ở Thanh Hóa, tự giữ được liêm khiết, hợi có đáng khen nên trẫm không bỏ mà thôi. Phải nên rất tự xấu hổ mà hăng hái lên, để cho sau này nên người tốt, ngươi phải nghĩ đấy. Chưa bao lâu, triệu về cho làm lang trung bộ Hình biện lý bộ Hộ, rồi thăng thự hữu thị lang, ra làm bố chính sứ Gia Định, gặp tỉnh hạt đương làm việc đinh điền, Lương hết sức vâng mệnh thi hành làm mọi việc đều đâu vào đấy cả. Vua khen, thưởng gia một cấp. Năm thứ 19, bổ làm tham tri bộ Binh, đi tuần phủ Thuận Khánh. Khi ấy tỉnh Quảng Đông nước Thanh gặp năm đói, nhân dân vượt cõi đón cướp ở ngoài khơi. Vua dụ cho các tỉnh ven biển thêm quân đi tuần bắt. Lương xin thân ngồi thuyền quân đi bắt, giặc biển được hơi yên. Kịp khi Bình Thuận gạo kém, nhân dân khó kiếm gạo ăn, Lương đem việc ấy tâu lên. Vua sai phát thóc kho cho vay. Về ngạch thuế phải thu nộp về năm ấy chuẩn cho tạm hoãn. Gặp khi khám đạc ruộng của thổ dân phủ Hàm Thuận, Lương lại tâu nói: Phủ Hàm Thuận, nay đã đổi thổ quan làm lưu quan, nên thường thường dạy dỗ, khiến cho dân tục biến đổi đi; xin chọn học trò trong hạt, ai có học hạnh thì tha thuế thân cho, sung làm tổng giáo, để cho con em của sĩ dân tập biết tiếng Kinh chữ Hán. Vua cho lời tâu là phải. Năm thứ 20, mùa xuân, thăng thự tổng đốc Bình Phú. Lương ở Bình Định, xin khai cừ, khai nước, bắt dân khai khẩn cày cấy, được hơn 1000 mẫu ruộng. Vua khen là vì dân làm việc lợi, thưởng cho một cấp. Rồi vì đinh gian (có tang

Digitized by Google

cha hay mẹ) nghỉ việc về nhà. Năm thứ 20, mùa thu khôi phục làm tổng đốc tỉnh Thanh Hóa. Vua cho 100 quan tiền, sai đến nơi lỵ sở.

Thiệu Trị năm thứ 1, kỳ đại kế [1] vua dụ rằng, Lương là người giữ mình trong sạch, cẩn thận, siêng năng chức việc, giao bộ ghi công để thăng chức. Năm thứ 3, tỉnh hạt có tên đầu sỏ bọn giặc ngụy xưng là đốc lĩnh Hà Trung đạo tướng quân là Quách Công Quế họp bè lũ sinh việc, Lương kiếm cách nã bắt, bắt được bè lũ hơn mười tên. Vua thưởng cho quân công một cấp, và một đồng kim tiền. Năm thứ 4, xét công, gia hàm thái tử thiếu bảo. Năm thứ 6, thăng thự hiệp biện đại học sĩ, vẫn lĩnh tổng đốc Thanh Hóa. Chưa được bao lâu, đổi đi tổng đốc Hà Ninh, rồi chết. Tuổi 54, tặng là Hiệp biện, chiếu hàm tặng mà cấp tiền tuất, cho thêm các hạng gấm màu vải lụa, và 1000 quan tiền. Buổi đầu năm Tự Đức, đưa vào thờ ở đền Hiền Lương.

Lương là người có chí khí giữ gìn, tính thanh liêm tiết nghĩa; khi ở Thanh Hóa, về việc bạn đồng liêu tham trang lấy của đút riêng, tuyệt không dính dáng đến chút nào. Thánh tổ Nhân hoàng đế đã từng khen ngợi cho nên bị cách bãi mà lại được khởi phục. Tới khi mấy lần nhận giữ nơi trọng khổn, mà trong sạch, siêng năng giữ tiết tháo, vỗ yên, đánh bắt có phương pháp, có công lao rõ rệt thực không hổ là người ở Khánh phả. Con là Triệt có truyện chép riêng.

*

Tôn Thất Thường

Về dòng thứ 7, là con đích trưởng của Tôn Thất Thiện, do tôn sinh xuất thân. Buổi đầu năm Thiệu Trị, trải làm viên ngoại bộ Hộ chuyển thăng lang trung, cất lên làm Quang lộc tự khanh quản lý công việc Vũ khố. Năm thứ 6, cất lên làm

(1) Đại kế là kỳ xét công quan chức để nghị thưởng cứ 3 năm một kỳ.

Digitized by Google

thị lang bộ Hộ, sai ngồi thuyền lớn Bảo Long chở đến địa phận Giang Lưu Ba [1] thao diễn đường thủy nhân tiện tìm mua hàng hóa. Xong việc trở về, thăng thự tham tri.

Khi ấy có hai chiếc thuyền quân nước Anh đến cửa biển Đà Nẵng. Vua sai Thường đến hỏi rõ ý kiến thuyền ấy đến làm gì? Thuyền trưởng là Đức Huệ Sư nói: thuyền đến đây là vâng mệnh quốc trưởng nước ấy rất muốn được tiến đến Kinh chầu yết rồi mới chịu dâng trình quốc thư. Thường cho là không hợp lệ, khước đi, cùng nhau tranh biện hơn 10 ngày, thuyền nước Anh mới nhổ neo đi. Vua khen là khéo về từ lệnh, cho thăng bổ tham tri.

Tự Đức năm thứ 2, kiêm nhiếp chức tả Tôn khanh phủ Tôn nhân, sung quản lĩnh thị vệ đại thần. Năm thứ 5, thăng bổ thượng thư bộ Lại. Năm thứ 8, sung hiệp lý Kinh kỳ Thủy sư, kiêm quản bộ Hộ. Năm thứ 12, tháng 2, kính thay vua làm lễ tế Giao. Năm thứ 14 thì chết, khi ấy 67 tuổi. Thường giữ lâu chức việc chọn bổ nhân tài. Thường là người chất hậu, Tuy Thịnh quận công Trương Đăng Quế thường suy tôn, khen ngợi. Đến khi chết, vua thương lắm, tặng hàm Hiệp biện đại học sĩ, cấp tiền tuất, cho thêm 2 cây gấm Trung Quốc, 3 tấm sa màu, vải, lụa màu mỗi thứ đều 15 tấm, 500 quan tiền; sai phủ Thừa Thiên khâm mạng đến tế.

Có 2 con. Khai làm quan đến Hồng lô tự khanh, làm việc bộ Lễ. Trương làm quan đến viên ngoại phủ Nội vụ, sung phó giám lâm.

*

Tôn Thất Tuệ

Ở dòng thứ nhất. Minh Mạng năm thứ 8, sung vào Hộ vệ, trải thăng đến tả đẳng thị vệ. Tuệ vốn am hiểu võ nghệ,

(1) Giang Lưu Ba là Kinh đô nước Nam Dương, tức là Gia cát ta (Djakarta).

Digitized by Google

phái đến thành Trấn Tây, sai phái có công, bổ làm thành thủ úy. Năm thứ 19, thăng làm quản cơ Tiền cơ tỉnh An Giang. Thiệu Trị năm thứ hai, cất lên làm phó vệ úy vệ hữu doanh Thần cơ, rồi ra làm phó lãnh binh quan Nam Định đổi đi lãnh binh quan tỉnh Hải Dương. Tự Đức năm thứ 3, đổi bổ làm thủ hộ sứ. Năm thứ 15, thăng thụ chưởng vệ sung làm đề đốc quân thứ Sơn Bắc. Khi ấy tên giặc Thịnh lại vây tỉnh Bắc, tổng đốc Nguyễn Tri Phương, đóng quân ở huyện Chí Linh (thuộc tỉnh Hải Dương) nghe tin ấy, dẫn quân đến thì tỉnh đã giải được vây rồi, mà bọn giặc hãy còn lẩn ra, lẩn vào, đường trạm chưa thông, bèn sai Tuệ cùng phó đề đốc là Đoàn Linh chia đóng ở bến sông Chiêm Đức chận đường sau của giặc, hội quân lại đánh phá, thẳng đến tỉnh thành, đường trạm mới thông. Vua nghe thấy ban khen.

Mùa đông năm ấy, chết ở nơi quân thứ, tuổi 67. Vua cho là Tuệ đã từng ở lâu tại chốn nhung hàng, có công bắt giết giặc, truy tặng hàm thống chế, sai quan đến tế, và đưa các vật hạng cấp cho người nhà.

*

Tôn Thất Tĩnh

Về dòng thứ 7, là con thứ 3 chánh Cơ, làm quản phủ phủ Hà Trung là Tôn Thất Thi. Trước do tôn sinh tiến thân, năm Thiệu Trị thứ 1, nhiều lần thăng mãi đến lang trung bộ Binh, trải làm án sát sứ Bình Thuận, Biên Hòa, cất lên làm thự bố chính sứ Sơn Tây. Năm thứ 6, chuyển làm thị lang bộ Lễ, bộ Lại, kiêm nhiếp chức hữu Tôn khanh phủ Tôn nhân.

Tự Đức năm thứ 2, vì gần đến kỳ làm lễ bang giao, sai sung chức đồng lý sứ quán, rồi thăng bổ tuần phủ Ninh Bình. Năm thứ 9, làm hộ lý tổng đốc Thanh Hóa. Năm thứ 12 thì chết, thọ 58 tuổi. Tĩnh đã từng nhận công việc ở địa phương bên ngoài, có chút tiếng tốt, truy thụ hàm tổng đốc, cấp thêm 300 quan tiền, sai quan đến tế.

Digitized by Google

Có 2 con trai: Nhại làm quan đến phó quản cơ; Túc làm quan đến thông phán.

*

Tôn Thất Phiên

Về dòng thứ 2, là con thứ 3 của Tôn Thất Ni, xuất thân là tôn sinh, rồi thăng mãi đến thị lang bộ Công. Thiệu Trị năm thứ 1 cất lên làm án sát sứ Bình Định, can về khoản tự tiện khai đường sông thôn Hà Nghi, phải tội đồ, phát đi nơi quân thứ gắng sức chuộc tội, được khởi phục làm bát phẩm thư lại. Khoảng năm Tự Đức, nhiều lần thăng lên đến hàm thị giảng biện lý bộ Lễ. Khi ấy kinh lịch, thông phán các tỉnh phần nhiều lấy lại điển sung bổ. Phiên tâu xin đều rút về bộ, trích hậu bổ cử nhân để thay? Vua khen là nói phải, cho đấy cũng là một cách để nén dần mối tệ của kẻ lại điển. Sau ra lĩnh án sát sứ Bắc Ninh. Năm thứ 21, cùng quản cơ Phan Văn Diên đuổi đánh bọn giặc Ngô Côn, trận đánh ở A Hộ bị chết ở trận, khi ấy 65 tuổi, truy tặng hàm thị giảng học sĩ. Năm thứ 32, đưa vào thờ ở đền Trung Nghĩa. Con là Trương, đỗ tú tài, hiện làm biên tu đợi bổ.

*

Tôn Thất Thế

Về dòng thứ 3, là con của Tôn Thất Thống. Minh Mạng năm thứ 17, sung vào ty Hộ vệ; Tự Đức năm thứ 3, nhiều lần thăng đến nhị đẳng thị vệ. Vì am hiểu võ nghệ, sát hạch dự vào hạng ưu, nhắc bổ phó vệ úy vệ Loan Giá, rồi thăng làm Loan giá khanh. Năm thứ 12, sung chức hiệp lĩnh Thị vệ trực ban, kiêm quản viện Võ bị. Năm thứ 18, bổ làm chương vệ, quyền chưởng doanh Kỳ vũ, kiêm chức hữu Tôn khanh phủ Tôn nhân, sung quản lĩnh Thị vệ đại thần, thưởng một cái kim khánh hạng nhì có chữ "liêm, hình, cần, cán". Năm thứ 21, cất lên làm thống chế, Hữu đức doanh Vũ lâm

Digitized by Google

kiêm quản Thị vệ xứ, Cung giám viện. Từng giữ ấn triện của trung quân và tả quân, hữu quân. Năm thứ 34, thăng bổ Tiền quân đô thống, kiêm chưởng Trung quân. Năm thứ 36, thự đô thống phủ chưởng phủ sự, kiêm quản Võ thần phò mã và các vệ Anh danh, Giáo dưỡng, Kim ngô. Kiến Phúc năm thứ 1 (1884), vua thấy Thế là người giữ lòng thuần hậu, cần cán mà cũng am hiểu chuẩn cho lĩnh tổng đốc Thanh Hóa; chưa bao lâu đổi bổ làm chưởng phủ sự, sung thống quản Thị vệ đại thần. Đồng Khánh năm thứ 2 (1887), chết ở nơi làm quan, khi ấy 70 tuổi.

*

Tôn Thất Dương

Về dòng thứ 7, là con thứ 2 vợ thứ của Tôn Thất Tứ. Tự Đức năm thứ 11, nhiều lần thăng đến Quang lộc tự khanh, lĩnh bố chính sứ Khánh Hòa, đem binh thuyền đánh phá giặc biển ở vụng Ô Rô, thưởng kỷ lục 2 thứ. Năm thứ 12, có 14 chiếc thuyền của Tây Dương lại đậu ở địa phận cửa biển, sai sung chức tán tương quân vụ, rồi hộ lý tuần phủ Biên Hòa.

Khi ấy Gia Định có giặc, vua cho Dương là người giỏi quen việc, đổi đi làm Bố chính sứ Gia Định, vẫn sung chức tán tương. Chưa được bao lâu, bị bệnh chết. Khi ấy 63 tuổi.

Con là Vĩ làm quan đến tri huyện Mĩ Lương.

*

Tôn Thất Trực

Về dòng thứ 2, là con thứ 2 của Tôn Thất Quảng. Trực là người dũng cảm, tập võ nghệ. Minh Mạng năm thứ 15, lệ thuộc vào quân thứ ở Gia Định, vì có quân công nhắc bổ đội trưởng, rồi thăng cai đội. Thiệu Trị năm thứ 1, nhắc bổ phó vệ úy vệ Kim Ngô, nhiều lần thăng lên đến phó lãnh binh quản Hà Tiên, Vĩnh Long. Tự Đức năm thứ hai, thăng bổ vệ úy vệ Trung doanh Thần cơ, rồi sung chức lãnh binh quản

Digitized by Google

Bình Định. Năm thứ 6, đổi về làm Loan Giá khanh, rồi thăng Chưởng vệ quyền Chưởng doanh Hùng Nhuệ. Năm thứ 11 thự thống chế, kiêm nhiếp chức hữu Tôn khanh phủ Tôn nhân.

Năm thứ 10 thì chết, khi ấy 64 tuổi. Vua nghĩ đến Trực năm trước đi bắt giặc, dự có chiến công, truy thụ hàm thống chế, cấp thêm cho sa, đoạn mỗi thứ 3 tấm, tiền 400 quan.

Con là Phán, hiện làm Quang lộc tự khanh, lĩnh chức phụng hộ phó sứ.

*

Tôn Thất Tư

Về dòng thứ 1, là con đích trưởng của Tôn Thất Thịnh; lấy võ nghệ xuất thân, theo đi quân thứ có chiến công, nhiều lần thăng đến chức lãnh binh quản tỉnh Bình Định. Tự Đức năm thứ 22, đổi bổ vệ úy, lĩnh chức đề đốc Kinh thành. Khi ấy, phủ Thừa là Trương Khánh Thụy có tâm xảo trá, Tư thường bị Khánh Thụy đánh lừa. Vua thấy Tư là người thành thực, chất phác, chuẩn cho cách lưu, rồi đổi đi quyền chưởng doanh Thần cơ. Chưa bao lâu, thăng thự thống chế. Năm thứ 28, quyền chưởng Tiền quân, Tả quân, kiêm nhiếp chức tả Tôn khanh ở phủ Tôn nhân. Năm sau đặc cách chọn bổ làm tổng đốc Thanh Hóa. Vua triệu đến dụ rằng: Tỉnh Thanh Hóa là đất thang mộc (tức quê vua) quan trọng, ngươi phải cố gắng đấy. Năm thứ 31, cải bổ hàm thống chế, quyền chưởng Tả quân, kiêm chưởng doanh Kỳ Vũ quản vệ Dực hùng. Năm thứ 34 chết, khi ấy 70 tuổi.

*

Tôn Thất Trí

Về dòng thứ 7, là con đích trưởng của Tử tế ty phó sứ Tôn Thất Du. Trí là người khảng khái có dũng lược, nhiều lần thăng đến Hồng lô tự khanh. Tự Đức năm thứ 12, cửa biển Đà Nẵng ở Quảng Nam có giặc, sung làm tán tương ở

Digitized by Google

quân thứ rồi đổi đi Gia Định. Năm thứ 14, quân Pháp đánh phá đồn lớn, Trĩ cùng Tán lý Nguyễn Duy địch lại không được, đều chết cả, khi ấy 51 tuổi. Truy tặng làm thị lang bộ Lễ, cấp thêm cho một cây gấm Trung Quốc, 4 tấm lụa, 70 lạng bạc. Năm thứ 32, đưa vào thờ ở đền Trung Nghĩa. Con là Tiểu làm quan đến chánh sứ.

*

Tôn Thất Thi

Về dòng thứ 5, là con thứ 2 của Tôn Thất Hóa. Lấy võ nghệ tiến thân, trải nhiều lần thăng đến phó quản cơ Quảng Nam. Tự Đức năm thứ 16, cửa biển Đà Nẵng có giặc, trận đánh ở đồn Phú Ninh chết tại trận. Khi ấy 35 tuổi, tặng là Chư quân phó vệ úy. Năm thứ 31, đưa vào thờ ở đền Trung Nghĩa.

Có 2 người con, Căn làm quan đến miếu thừa, Đống làm quan đến quản cơ.

*

Tôn Thất Tĩnh

Tên tự là Hành Đạo, là con thứ sáu con vợ thứ của Tôn Thất Đắc, thông minh nhanh nhẹn chăm học. Tự Đức năm thứ 7, tập ấm bổ Hàn Lâm viện trước tác, đã trải làm tri huyện Thọ Xương, tri phủ Thường Tín, có tài làm việc quan, thiên chuyển vào trong Kinh làm viên ngoại lang ở tự Đại lý rồi chuyển làm biện lý bộ Binh. Năm thứ 20, cất lên làm bố chính sứ tỉnh Quảng Bình; chưa bao lâu, quyền hộ lý tổng đốc quan phòng Thanh Hóa. Năm thứ 24, thăng thự tuần phủ, vẫn giữ chức hộ lý. Năm thứ 26, thổ phỉ đất nước Thanh từ tỉnh Hưng Hóa tràn đến, lan đi quấy nhiễu các xứ Quan Hóa, Cẩm Thủy. Tĩnh tâu xin quân, vua cho là chuyên giữ một địa phương mà không khéo làm việc, giáng 3 cấp, cho lưu lại làm việc. Rồi sau quan quân tiến đánh, bọn giặc nghe thấy bóng

Digitized by Google

gió trốn đi. Tĩnh cùng tham tán đại thần Nguyễn Chính tâu xin đặt nha Sơn Phòng, để trấn áp giúp; Tĩnh ở Thanh Hóa lâu ngày, về phong tục đất ấy, tình hình người Man phần nhiều biết hết cả. Năm thứ 28, lại cùng Sơn Phòng sứ Trương Quang Đản trù nghĩ công việc nên làm cho sau này được tốt; một việc là: xin sức khắp cho 3 huyện người Thổ là Trình Cố, Sầm Nưa, Man Duy lựa chọn lính dõng người Thổ mỗi huyện đều một cơ (Trình Cố 500 người, Sầm Nưa 300 người, Man Duy 250 người) đặt quản suất đội ngũ để có người xướng suất. Một việc là xin hai châu Thường Xuân, Lương Chính mỗi châu dùng người Thổ trước làm châu úy, hợp với các người quản suất huấn luyện thổ dõng để phòng giữ, phàm binh, thuế, việc công lệ thuộc vào phủ Thọ Xuân trưng thu thi hành. Một việc nữa là xin đắp thêm bờ hào ở đồn Hồi Xuân thuộc châu Quan Hóa, thường ủy cho tham biện, lãnh binh mang quân lần lượt đi các nơi để đàn áp. Vua cho là phải. Chuẩn cho thự tổng đốc, rồi đổi làm thự thượng thư bộ Công. Năm thứ 31, can về khoản ty Tài mộc thu lấn lộn gỗ cây, giáng làm hữu thị lang. Năm thứ 33, chuyển bổ làm tham tri bộ Hộ rồi chết, khi ấy 44 tuổi.

Tĩnh hay thơ, hơi biết làm thuốc. Có làm tập "Nông hà thi văn sao" 4 quyển; "Sĩ học trai ký" 2 quyển; "Tế nhân dược hiệu" 8 quyển.

Con là Dực, ấm thụ Hàn lâm viện kiểm thảo, nay lấy chức tri phủ Hà Trung đợi bổ.

*

Tôn Thất Triệt

Là con đích trưởng của Tôn Thất Lương, được ấm thụ Hàn lâm viện thị giảng, rồi nhiều lần thăng đến tham tri bộ Lễ. Tự Đức năm thứ 23, nhiếp chức tả Tôn khanh ở phủ Tôn nhân kiêm quản văn thần phò mã. Vua triệu vào dụ rằng: làm thêm thần trí cho người; không gì bằng sách vở, lúc việc

Digitized by Google

quan rồi nên xem để cho rộng sự thấy nghe. Trước kia, Tôn Thất Lương được tiếng khen là thanh bạch, ngươi nên nối lấy tiếng tốt. Rồi đổi làm tuần phủ, hộ lý tổng đốc An Tĩnh. Năm thứ 26, Bắc kỳ có giặc, Triệt xin đặt thêm phòng bị ven biển, để phòng giặc biển. Lại tâu nói về công việc sửa sang ở miền thượng du. Một điều xin là: về chức phòng ngự ở phủ trấn Ninh, khuyết ra xin chuẩn cho Thiêu Ứng thăng lĩnh, lại cho phép con em mộ người khai khẩn, hễ có thành hiệu, thì thưởng cho phẩm hàm. - Một điều xin nữa là: di phủ Tương Dương đến xã Xá Lượng huyện Kỳ Sơn; lại mở trường giao dịch, nghiêm sức lái buôn người Kinh không được quấy nhiễu dọa nạt. Vua đều cho là phải. Rồi vì việc tên Mai Tấn tự tiện giết dân theo giáo, không khéo khu xử đến nỗi nhà nước phải vất vả nhiều nhương nhiêu, bị cách chức, do vệ Cẩm y giam cấm, rồi được tha, cho đến nơi quân thứ gắng sức báo hiệu. Năm thứ 32 được khôi phục làm chủ sự Hộ ty, thăng lên viên ngoại, lĩnh hữu Tá lý phủ Tôn nhân. Năm thứ 35, cải bổ Hồng lô tự thiếu khanh, biện lý công việc bộ Lại, rồi cất lên thự thị lang lĩnh tuần phủ Trị Bình. Kiến Phúc năm thứ 1 (1884), đổi lĩnh chức tổng đốc Thanh Hóa. Chưa được bao lâu, vì có bệnh xin hưu, rồi chết, khi ấy 54 tuổi. Con là Doanh và Tế, Doanh tập ấm bổ làm Nội các điển bạ, có bệnh cáo về, Tế đỗ cử nhân, nay làm tri huyện Phú Vinh.

*

Tôn Thất Phiên

Tên tự là Thanh Liên, hiệu là Xuân Đình, về dòng thứ 7, là con của nguyên Bắc Ninh bố chính sứ khởi phục tư vụ Tôn Thất Cẩn. Phiên là người thông minh, nhanh nhẹn, thích học, hai lần đỗ tú tài. Tự Đức năm thứ 18, bổ thụ chánh bát phẩm hậu bổ tỉnh Hà Nội; rồi làm tri huyện Thọ Xương, thăng tri phủ. Năm thứ 24 nhắc lên hàm thị độc lĩnh án sát sứ

Digitized by Google

Hưng Yên. Được ít lâu đổi thụ hàm Hồng lô tự khanh, biện lý bộ Lại, kiêm nhiếp chức hữu Tôn khanh phủ Tôn nhân. Năm thứ 30, thăng thự thị lang bộ Binh rồi đổi làm thị lang bộ Lễ, sung làm phó sứ sang Tây Dương. Đến năm sau xong việc về, làm hộ lý tổng đốc Thanh Hóa. Khi ấy Bắc kỳ có giặc, Phiên tâu nói: xin lập đồn đặt súng lớn ở lối cốt yếu trong đồn canh - đường sông phái lính đóng giữ. Lại cho là ở thổ huyện miền thượng du giặc Xá thời thường quấy nhiễu cướp bóc, xin phái lính tỉnh đi phòng tiễu. Vua đều cho. Nhân sắc hỏi rằng: dân Thổ hoặc gọi là Mán, hoặc gọi là Lào, Thanh, Nghệ lại gọi là Xá, nguyên ủy và tính tình ăn mặc cũng hay khác nhau thế nào? Phiên phúc tâu rằng: giống Xá trước từ Ai Lao, Vạn Tượng, Nam Chưởng đến ở 3 huyện Trình Cố, Sầm Nưa, Man Duy, ăn mặc, tiếng nói hơi khác với Mán, Lào, Thổ. Vua cho là phải. Năm thứ 35, thăng lĩnh tuần phủ vẫn hàm thự lý. Năm thứ 36, bổ tham tri bộ Công. Rồi can về khoản kho tỉnh Thanh Hóa thiếu hụt, phải giáng bổ thị lang. Buổi đầu năm Đồng Khánh được khai phục, làm tham tri bộ Binh kiêm nhiếp chức tả Tôn Khanh phủ Tôn Nhân, Thương tá cơ mật viện được ban 1 cái kim khánh có chữ "liêm bình cần cán"; lại sai sung chức khâm sai đại thần, kiêm tổng đốc Bình Phú. Năm thứ 1, đổi thự hàm thượng thư, lĩnh tham tri bộ Binh rồi đổi thự thượng thư bộ Hình, sung Cơ mật viện đại thần, kiêm nhiếp tả Tôn Khanh, quyền chưởng công việc ở Khâm Thiên giám, thưởng 1 cái long bội tinh hạng tư. Năm thứ 3, cải bổ thượng thư bộ Hộ sai đến nha Kinh Lược tuyên phong cho Nguyễn Hữu Độ làm Vĩnh Lại quận công. Khi trở về, cải bổ bộ Lễ kiêm giữ ấn triện bộ Công, rồi ra làm tổng đốc Bình Phú. Tới đầu năm, Hoàng thượng (Thành Thái) lên ngôi, Phiên vì có bệnh xin về, chuẩn cho lấy hàm thượng thư chuyên nhiếp việc phủ Tôn Nhân. Rồi chết. Khi ấy 54 tuổi. Vua sai quan đến tế 1 tuần.

Digitized by Google

Phiên là người linh lợi, có tài làm chính sự, từng coi việc ở phủ Tôn Nhân, không lấy tình thân mà bỏ phép công, thường khuyên con học sách vở, cho nên con đều đỗ đạt vinh hiển cả. Con là Mỹ, Linh, Trạm.- Mỹ đỗ cử nhân, đã từng thăng đến biện lý bộ Lễ, sau vì có việc phải miễn chức. Linh đỗ đồng tiến sĩ, nay bổ án sát tỉnh Thanh Hóa. Trạm đỗ cử nhân, nay lĩnh án sát tỉnh Quảng Trị.

*

Tôn Thất Lương Thành.

Tên tự là Duy Ninh, là con thứ 4 của Hoàng ngũ tử Kiến An Vương Đài. Lúc đầu phong làm Phụng quốc khanh lĩnh đệ nhất chính hệ tư giáo. Tự Đức năm thứ 31, gia phong làm Trợ quốc khanh, vẫn lĩnh tư giáo. Năm thứ 34, do đình thần cử lên, bạt bổ Thái Bộc tự khanh, biện công việc bộ Lại, kiêm nhiếp chức hữu Tôn Khanh phủ Tôn Nhân.

Khi ấy có người buôn nước Thanh là Lương Tín Hòa cùng Lý Chiểu tranh nhau lĩnh trưng thuế quan ở Quảng Nam. Pháp ty và Nội các nghĩ bàn khác nhau. Vua sai bộ Lại bàn lại. Bộ xin đều không chuẩn cho cả. Lương Thành nghĩ riêng cho là: nếu muốn tăng ngạch thuế, thì sức cho Lý Chiểu y theo giá sau cùng của Tín Hòa đã giao thêm mà nộp, nếu không muốn thế thì giao cho Tín Hòa, mới thuyết phục người buôn, hết sức cạnh tranh mà hợp lệ. Trong tờ phiến tấu, trình bày sự lý rõ ràng. Vua khen lắm, thưởng cho 30 lạng bạc, cất lên làm tả thị lang, kiêm nhiếp tả Tôn khanh, rồi đổi sang bộ Lễ. Khi Giảng Tông Nghị hoàng đế mới nối ngôi, thưởng thêm cho quận công 2 cấp, 1 đồng kim tiền hạng lớn có chữ "long vân khế hội", thăng làm tham tri bộ Lễ. Đồng Khánh năm Ất Dậu (1885), làm thụ lý quan phòng tổng đốc Thanh Hóa. Năm thứ 1 (1886), vì can khoản để mất đồ thờ ở Nguyên Miếu, giáng làm Quan Lộc tự khanh, lĩnh thị lang bộ Lễ, kiêm

Digitized by Google

giữ ấn triện của tự Đại Lý. Chưa bao lâu, đổi làm bố chính sứ Quảng Ngãi. Thành Thái năm thứ 2 (1890), vì có việc phải giáng, bổ làm viên ngoại lang phủ Tôn Nhân, rồi đổi làm Hồng lô tự thiếu khanh, biện lý bộ Lại. Bị bệnh chết ở nơi làm quan. Khi ấy 66 tuổi, truy tặng hàm Hồng Lô tự khanh.

Con là Kiến Lung tập phong huyện hầu.

Digitized by Google

QUYỂN 12

TRUYỆN CỦA CÁC QUAN - MỤC THỨ II
(Họ ngoại thích)

- Vũ Xuân Cẩn.
- Phan Đình Bình

*
* *

Vũ Xuân Cẩn

Là người huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Lúc còn nhỏ chăm học. Năm Tân Dậu, Thế Tổ Cao hoàng đế lấy lại kinh thành Phú Xuân, ông là cống sĩ, vào yết kiến ở cửa quân. Gia Long năm thứ 1 (1802), bổ vào viện Hàn Lâm, năm thứ 2, bổ làm tham hiệp trấn Hưng Hóa, trải làm cai bạ Bình Định. Buổi đầu năm Minh Mạng thăng làm hiệp trấn Sơn Nam, triệu về, bổ làm tả tham tri bộ Hình. Năm thứ 5 (1824),lại ra làm hiệp trấn Nghệ An.

Vua thấy ông có cha mẹ già, tuổi ngoại 80, sai phát tiền công 50 lạng cấp cho nhà ông để cấp nuôi. Rồi vì có việc giáng làm tuyên phủ phủ Hoài Đức, chuyển làm Hình tả Bắc Thành hữu tham tri bộ Lại, rồi thăng thự thượng thư bộ Công. Năm thứ 14, bổ làm tổng đốc Bình Phú. Khi tại chức, chọn quân ngũ đàn hoặc kẻ a dua trái phép. Vua khen, mấy lần thăng đến Hiệp biện đại học sĩ, gia Thái tử thiếu bảo, lĩnh chức như cũ. Năm thứ 19, tâu nói: tỉnh Bình Định ít ruộng công mà ruộng tư nhiều gần đến gấp 4 lần, kẻ cường hào giàu có kiêm tính cả, mà người nghèo không trông nhờ vào đâu. Xin lượng làm hạn chế. Vua cho là mới bắt đầu làm, ngại có phần khó khăn. Năm thứ 20, về Kinh triều yết. Vua

Digitized by Google

hỏi tới việc chia ruộng đã trình bày trước. Cẩn thưa rằng: tỉnh Bình Định đất tốt, nhà làm ruộng 1 năm gặt 2 mùa, nhưng phần nhiều bị kiêm tính cả, người nghèo không có 1 thước, 1 tấc ruộng nào, nay nếu kiểm xét lấy ruộng của người giàu ra, chỉ để lại cho 1, 2 phần làm thế nghiệp, còn số thừa ra, lấy để cấp cho nhân dân, thì họ nghèo có chỗ trông nhờ, mà lợi của đất mới được đều vậy.

Vua giao xuống cho bộ Hộ bàn kỹ lại. Cho ông lĩnh thượng thư bộ Hình kiêm quản viện Đô sát sung Thực lục tổng tài. Sau bộ Hộ tâu nói; việc quân chia ruộng có thể làm được. Vua sai 6 bộ hội bàn, mọi người bàn đều nói rằng: các ấp nào mà ruộng tư nhiều hơn ruộng công, thì chiết lấy một nửa ruộng tư; ấp nào mà đinh nhiều ruộng ít, thì liệu lượng trích lấy ruộng trại công ở gần đấy mà sung cấp, khiến cho binh và dân đều được nhờ lợi. Lời bàn dâng lên, vua quyết y cho làm, sai ông cùng với tham tri bộ Hộ là Doãn Uẩn đến Bình Định thi hành phép chia đều ruộng, phái thêm thuộc viên theo làm, phát giấy kho làm sổ sách. Tháng 10 năm ấy làm xong việc, về phục mệnh. Vua khen và vui lòng lắm, ban thưởng cho. Lại cho là ông kiến nghị việc ấy đầu tiên, gia thưởng 1 cấp trác dị. Thiệu Trị năm thứ 1 (1841), thăng thự Đông các đại học sĩ, lĩnh bộ Hình như trước; rồi gia hàm Thái tử Thái bảo. Ông lấy cớ là tuổi đã quá 70, dâng sớ xin nghỉ việc. Vua bảo rằng: nước có bề tôi già, là điềm hay của thịnh triều, không cho nghỉ.

Năm thứ 2, vua đi tuần tra miền Bắc, ông sung chức Khâm sai đốc lý tra biện các việc án. Năm thứ 6, gặp Khánh tiết, ban ơn gia chức ngự tiền đại thần, cho bài đeo bằng ngọc. Tự Đức năm thứ 1 (1848), dâng sớ xin gia ơn cho con cháu Anh Duệ thái tử, nói rằng: đế vương trị thiên hạ tất gốc ở thân người thân, lời nói thiết tha đúng lẽ, lại dâng sớ xin bổ dùng con cháu bọn Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt,

Digitized by Google

Lê Chất, đại lược nói rằng: sách Chu Lễ có 8 điều được bàn[1] để khoan cho người có tội, sách Tả truyện có đến 10 đời được tha [2] để đãi người có công. Lại nói rằng, cứ theo án đã thành, thì tội không thể chối được, nhưng xét về nguyên nhân phải tội, thì tình còn có thể thương được. Vua rất cảm động về lời nói đều cho thi hành cả. Lại cho là ông tuổi già đức cao, sai cho kiêm lĩnh chức Sư bảo của hoàng thân. Năm thứ 3, gặp kỳ đại kế, thưởng cho một cái kim khánh có chữ "Túc đức nguyên lão".

Năm thứ 4 ông thọ 80 tuổi, vua làm 2 bài thơ và đồ trâm bảo cùng là cái gậy đầu có chim cưu, 9 đốt để mừng thọ. Thơ rằng:

Phiên âm: Tứ triều di lượng biểu thuần trung,
Hựu bỉnh thuyên hành lý bách công,
Thiên hạ trung dung duy bá thủy [3],
Thế gian đức vọng trọng văn công [4],
Kê bì hạc phát thần do vượng,
Mã [5] sử lân [6] kinh đạo khởi cùng,

(1) Tám điều nghị: 1. nghị thân, 2. nghị cố, 3. nghị hiền, 4. nghị năng (tài năng), 5. nghị công, 6. nghị quy, 7. nghị cần (siêng năng), 8. nghị tân (khách)

(2) Tả truyện đời Tổ Trương công năm thứ 21, Phúc Hướng bị tù, Tấn Hầu hỏi Nhạc Vương Phụ về tội Phúc Hướng. Vương Phụ thưa: Phúc Hướng là người nhiều mưu mà ít lỗi, làm ơn dạy bảo không mỏi để giữ bền cho xã tắc, nên con cháu 10 đời về sau có tội lỗi còn nên tha để khuyên người có tài năng sau này.

(3) Hồ Quảng tên tự là Bá Thủy, đời Linh đế nhà Hán, làm quan đến thái phó, công việc sáng suốt. Khi ấy kinh sử có câu ngạn ngữ rằng: muốn việc không xong hỏi Bá Thủy. Làm cho thiên hạ giữ được đạo trung dung có Hồ Công.

(4) Văn Công tức là Chu Hy đời nhà Tống, học thì lấy suy xét hết lý làm chủ. Lý học đời Tống đến Chu Hi là bậc đại thành.

(5) Mã sử là sử ký của Tư Mã Thiên đời Hán Vũ đế soạn ra.

(6) Lân Kinh là một tên gọi khác của kinh Xuân thu. Khổng tử làm kinh Xuân thu gặp khi vua nước Lỗ đi săn bắt được con Kỳ lân, Khổng Tử than rằng: đạo ta cùng, rồi dừng bút từ đấy.

Digitized by Google

Nguyện đắc kỳ, di hoàn quắc thước,
Ích chương nhân thụy tán hoàng phong.

Dịch nghĩa:

Bốn triều kính tín tỏ ra là người thuần trung,
Lại giữ việc cất nhắc xếp đặt trăm quan,
Thiên hạ giữ đạo trung dung chỉ có một Bá Thủy,
Thế gian đức vọng phải tôn trọng Văn Công,
Tuy da gà tóc bạc nhưng tinh thần còn vượng,
Sử mã, kinh Lân đạo nho há có cùng đâu,
Mong được thọ đến trăm tuổi mà còn quắc thước,
Để tỏ điềm hay bằng người thọ, giúp cho phong hóa của nhà vua.

• *Phiên âm:* Tằng văn nhân thị thánh ngôn truyền
Nguyên vị bình sinh vạn thiện toàn.
Ngu Hạ tác nhân do thượng sĩ.
Triều đình hưng hiếu khởi di niên.
Thái chi bất tổ Thương sơn khách[1]
Đồng giáp ưng khai Lạc xã diên[2]
Tha nhật Vân đài[3] như hữu hội,
Chỉ luân huân nghiệp khuyến lai hiền.

Dịch nghĩa:

Từng nghe thánh nói người nhân thì được thọ,
Vì lúc bình sinh làm mọi việc đều hay cả,
Nhà Ngu, nhà Hạ đào tạo nhân tài còn chuộng người

(1) Cuối đời Tần có Đông Viên Công, Phù Lý tiên sinh, Ỷ Lý Quý, Hạ Hoàng Công ở ẩn núi Thương Sơn, bốn người tuổi đều hơn 80. Hán Cao Tổ lên làm vua, gọi mãi không đến. Khi Cao đế muốn bỏ Thái tử Doanh, bốn người mới ra đi vời thái tử vào yết kiến, Cao Tổ cho là thái tử được người ấy giúp thì được thêm vây cánh, rồi không phế đi nữa.

(2) Văn Ngạn Bác đời Tống, lưu thủ ở Tây Đô, họp những sĩ phu già mà hiền uống rượu cùng vui, cả khách và chủ cộng 12 người, người thời gọi là Lạc xã kỳ anh hội.

(3) Vân đài là tên đài ở đời Hán, khoảng năm Vĩnh Bình, Minh đế nhớ đến công thần đời trước vẽ tượng bọn Đặng Vũ 28 người treo ở đài ấy.

Digitized by Google

tuổi già,

Triều đình khuyên hiếu há bỏ quên người già,

Không bàn đến những người hái cỏ chi ở núi Thương Sơn,

Những người cùng tuổi nên mở yến tiệc ở Lạc xã,

Ngày khác Vân đài như có vẽ tượng các công thần,

Chỉ bàn công nghiệp để khuyên người hiền sau này.

Năm thứ 5, ông lại lấy cớ là tuổi già cố xin về, Vua y cho, sai Nội các đến hỏi, những việc nên thường làm. Ông trình bày 4 việc: 1. năm được mùa giá thóc rẻ, đặt giá thêm lên đong vào, gặp năm mất mùa đem ra chẩn cấp. 2. Lính ở miền Nam thì 6 đinh giảm đi 1 lính, miền Bắc thì hàng năm về Kinh thao diễn, rồi lưu lại làm việc 6 tháng. Lính ở Kinh thì đầu xuân điểm duyệt xong, chia làm 2 ban, một ban ở lại, một ban về. 3. Con trai, con gái của các tước vương, tước công, cho phép cùng với con trai, con gái, em và cháu (gọi bằng chú bác) của quan văn, quan võ từ tam phẩm trở xuống được lấy nhau; nếu có người nào theo làm việc mà xuất thân do văn khoa võ tuyển, thì cho phép cùng được bổ dụng. 4. Xin phong cho mẹ đẻ của viên nguyên Lạng Sơn án sát đã chết là Mai Anh Tuấn. Vua sai chọn lấy để thi hành. Tháng 2, cho được lấy chức Thái bảo về hưu trí, hàng năm chi cho một nửa lương thưởng cho và ơn ban ưu số hậu.

Lại dụ rằng: nếu có nghe thấy ẩn tình của dân, chính sự có điều thiếu sót, cho phép đi ngựa trạm đến tâu. Ông từng trải làm quan trong quan ngoài, gần 50 năm. Tính trầm tĩnh, kín đáo trụng thực, già mà còn đốc chí hơn, lúc tuổi già nghĩ kỹ về nghĩa tiến lui, mấy lần dâng sớ trình bày khẩn thiết xin về. Kịp khi được y theo lời xin về làng, Vua sai Bố chính Quảng Bình mang tờ dụ đến nhà hỏi thăm sức khỏe, lại sai trung sứ mang thứ thuốc bổ dưỡng của Vua dùng đến ban cho. Tháng 4 năm ấy ông mất, thọ 81 tuổi. Vua thương tiếc lắm sắc hậu cấp vàng lụa sửa việc tang, sai quan đến tế,

Digitized by Google

cho tên thụy là Văn Đoan. Lại sai bộ Lễ đem bài thơ và bài minh ở bia của vua làm cho khắc vào đá dựng ở chỗ làng, nhan đề rằng: "Tứ triều nguyên lão" (Ông lão có đức vọng lớn ở bốn triều). Năm thứ 11, đưa vào thờ ở đền Hiền Lương.

Trước kia ông lấy người họ Bạch, vợ thứ là họ Trần, sinh ra con gái thứ là Trang Ý thuận hiếu Thái hoàng thái hậu. Khoảng năm Tự Đức, ban ân trong Nội đình. Trần thị được tặng là nhất phẩm phu nhân. Đồng Khánh năm Ất Dậu gia phong cho ông là Lệ quốc công, Bạch Thị, Trần Thị đều tặng là quốc phu nhân. Bạch Thị tên thụy là Trang Nhân, Trần Thị tên thụy là Trinh Từ, dựng đền ngay ở làng để thờ phụng. Lại truy tôn đến đời trước, phong cho 4 đời: Cao Tổ, gia tặng là, Trung thuận đại phu, Hồng lô tự khanh, tên thụy là Lượng Uyên. Tằng Tổ, gia tặng là Trung Thuận đại phu, Hàn lâm viện, thị độc học sĩ, Thế lộc tử, tên thụy là Đoan Phác. Ông, gia tặng là Gia Nghị đại phu, Hàn lâm viện chưởng viện học sĩ, Đức hòa bá, thụy là Đôn Trực. Cha, y theo như trước, tặng là Tư Thiện đại phu, hàm thượng thư, gia phong là Thuận Xương hầu, tên thụy là Đôn Nhã. Thờ riêng ở đền Tích Chí.

Có 4 con trai: con trưởng là Xuân Phúng, thụ hàm Hàn lâm viện thị giảng học sĩ; con thứ là Xuân Nhân, làm tri phủ Trùng Khánh. Con thứ nữa là Xuân Hội, làm lang trung bộ Công; con thứ nữa là Xuân Đạm hàm tu soạn. Năm thứ 2, lại tập ấm cho các cháu có thứ bậc khác nhau, cho cháu thứ là Xuân Bí làm Cấm binh chánh đội, coi giữ việc thờ đền Quốc công.

*

Phan Đình Bình

Tên tự là Nhân Trai, người huyện Quảng Điền, phủ Thừa Thiên, tài học đĩnh ngộ hơn người. Lúc còn nhỏ, có tiếng là người giỏi. Tự Đức năm thứ 1 là năm Mậu Thân, thi đỗ tú tài, rồi đỗ luôn cử nhân, thi Hội đỗ đình nguyên, cất lên đệ

Digitized by Google

tam giáp tiến sĩ, bắt đầu thụ hàm Hàn lâm viện biên tu, rồi bổ tri phủ Tiên Hưng. Năm thứ 15, có chỉ triệu về làm quan ở Kinh, quan tỉnh Hưng Yên cho là người làm việc giỏi, tâu xin lưu lại, ông lại ở lại coi việc vài năm nữa; chính sự công bằng thỏa đáng, kiềm chế kẻ cường bạo, dân nhờ được yên ổn. Tỉnh thần lại sớ dâng tâu là tài ông có thể cất dùng được. Vua để ý chọn dùng, thử cho làm lang trung bộ Binh, chưa bao lâu, bạt bổ lên Quang lộc tự thiếu khanh, biện lý công việc bộ Lễ, rồi lấy hàm thị lang tham biện các vụ. Trước kia, ba tỉnh An Giang, Hà Tiên, Vĩnh Long bị quan quân nước Đại Pháp chiếm mất, yêu cầu ta sang nước Pháp để bàn nghị. Khi ấy thượng thư bộ Lễ là Nguyễn Văn Phong sung làm chánh sứ, ông làm phó sứ; rồi vì sự tình ngăn trở, không đi nữa. Năm ấy ông sung vào duyệt quyển thi điện, lại sung làm giáo đạo nhà Dục Đức. Năm thứ 23, khâm sai đi tra xét việc án để tích lại ở Bắc Kỳ, kiêm chức phòng sát sứ. Đến khi về, thăng làm hữu tham tri bộ Binh lại quyền chưởng việc bộ Hộ. Gặp người Pháp là Đồ Phổ Nghĩa mới mở điều ước buôn bán, lòng người nhốn nháo, ty ở địa phương ấy không thể làm được việc. Ông được chọn đi Hà Nội hợp với đại sứ Nguyễn Tri Phương bàn cách xử trí. Phái quan nước Đại Pháp là An Nghiệp bức bách thi hành điều ước mới, ông cùng với Tri Phương nói là chưa phụng mệnh của triều đình để từ chối, An Nghiệp tức giận, đánh úp thành tỉnh, thành hãm, ông bị bắt đưa đến Gia Định, vừa gặp có sứ thần là Nguyễn Văn Tường hết sức biện bạch, nhân đấy được tha về. Kịp khi Hà Nội thất thủ, án làm xong, phải tội truất bãi, đến gắng sức báo hiệu ở nơi quân thứ Cao Bằng, rồi sung biện thương chính Hải Dương. Năm 28, quyền giữ công việc tỉnh ấy. Một thời gian lâu, cho tạm mượn hàm thị độc quyền bố chính sứ Bắc Ninh, cùng với Lê Hữu Tá trù liệu việc quân thứ Bắc Ninh, Thái Nguyên. Nhiều lần được thắng trận, xuống chiếu khen ngợi, bạt bổ hàm thị lang, lĩnh tuần phủ tỉnh Ninh Bình. Dâng

Digitized by Google

sớ xin vào Kinh ra mắt. Vua lấy cớ là Bắc Kỳ chưa được yên tĩnh, dụ cho ở lại. Năm thứ 36, thụ tổng đốc Định Yên.

Hàm Nghi năm thứ 1 (1885), ngày tháng 5, Kinh thành có việc, vua đi ra ngoài, vâng ý chỉ thăng thự thượng thư, sung cơ mật viện đại thần. Khi ấy đại cục chưa định, vẫn lưu lại cùng với Vĩnh Lại quận công là Nguyễn Hữu Độ đến Súy phủ Pháp giảng bàn việc nước. Ngày tháng 7 ông cùng Hữu Độ đều tiến đến Kinh, mọi người tâu lên Thái hoàng thái hậu, lấy Kiên Giang công nối ngôi. Cảnh Tông mới lên ngôi, gia cho làm Tá quốc huân thần, thự Văn minh đại điện học sĩ, tấn phong Phù nghĩa tử, ban ơn cho 500 lạng bạc. Ông cùng Hữu Độ phiến tấu xin từ, sau lại đều cho mỗi người áo đoạn gấm, bài bằng vàng, lúc bày triều ban, phân biệt thứ bậc, để tỏ ra phân biệt hẳn.

Khi ấy, tên Hoàng Phúc là đầu sỏ giặc ở Quảng Bình gọi họp nhau để quấy nhiễu dân đã lâu, ông vâng mệnh mang cờ tiết mao và phủ việt đến dẹp.

Đồng Khánh năm thứ 1 (1886), tháng 5, Hữu Độ phụng xa giá, thân đi đánh. Đến hạt Quảng Bình, ông tức thì dâng sớ, cho là không có công trạng xin biếm trật, lệ thuộc theo đi sai phái ở doanh quân của vua để gắng sức báo hiệu. Lời nói khẩn khoản, hình như có ý nghi gián. Khi đã được y theo lời xin, tức thì giải binh, lấy nguyên hàm theo hầu. Khi về Kinh, cho là nhọc mệt đã lâu, nghỉ việc ở viện. Chưa được bao lâu, lại sung chức như cũ.

Tới năm sau có người nói là ông ở Bắc Kỳ có ý muốn lập Hoàng tôn. Vua xuống dụ giao cho đình thần nghiêm nghị. Ông dâng lời biện oan. Mọi người trích ra, trước đây ông ở Bắc Kỳ giảng bàn, có xướng lên câu nói nên lập con cháu của Dực Tông Anh hoàng đế, hơi có hình tích và lấy cớ là sai phái không có công trạng, bàn cất quan tước của ông. Việc lại giao xuống nơi coi việc phúc nghị. Lại trích ra khoản khác

Digitized by Google

(bảo là ngày trước ông đến nhà Mông Chính chiếm lấy cái hòm gỗ, và cối đá là vật cũ ở nơi tiềm để) nghị xử tội nặng. Mới được một tháng ông chết ở chỗ giam, khi ấy 57 tuổi.

Buổi đầu Hoàng thượng ta lên coi việc nước, chuẩn cho truy phục lại hàm, tước như cũ. Thành Thái năm thứ 4 (1892) vua nghĩ đến ông là bề tôi có công và là họ ngoại của nhà vua, đặc cách truy tặng hàm Thái bảo, gia phong là Phù quốc công, tên thụy là Ôn Nhã, xây sửa viên, tẩm (đền thờ ở mả) dựng đền ngay chỗ làng ở để thờ phụng. Lại tôn sùng đức đời trước, truy tặng bốn đời: Cao tổ tặng là Trung Thuận đại phu Hồng lô tự khanh, tên thụy là Đoan Huệ; Tằng tổ tặng là Trung Thuận đại phu Hàn lâm viện thị độc học sĩ, Hiển lộc tử, tên thụy là Đoan Mậu, Hiển tổ tặng là Anh Dung tướng quân, Cấm binh vệ úy Thuận Hòa bá, tên thụy là Trang Tiết; Hiển khảo, tặng là Từ Thiện đại phu, thượng thư hàm, Tuyên hóa hầu, tên thụy là Lượng Ý. Dựng đền Tích Đức bày thờ. Chính thất Nguyễn Thị tấn phong làm Phù quốc nhất phẩm phu nhân. Hoàng thái hậu ta là con gái cả của ông.

Có 3 con trai: Đình Cáp đỗ tú tài khoa Đinh dậu Thành Thái năm thứ 9, ấm thụ Hàn lâm viện thị độc học sĩ Phù Nghĩa nam, rồi chuẩn thụ Hồng lô tự khanh, Đình Từ, Đình Uyển hiện là ấm sinh học ở nhà Quốc Tử Giám.

Digitized by Google

QUYỂN 13

Truyện của các quan - Mục III

Nguyễn Đăng Tuân;
Nguyễn Đăng Giai;
Nguyễn Đăng Hành.

*
* *

Nguyễn Đăng Tuân

Tên tự là Tín Phu, người huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, tính chất thuần nhất, lối học chủ về nghĩa lý. Gặp thời Tây Sơn, đi ẩn để nuôi chí. Buổi đầu đời Gia Long, lấy văn học được cống cử, vào làm việc ở viện Hàn lâm, đã từng làm quan tri huyện Ngọc Sơn, rồi về Kinh sung chức tư giảng ở Công phủ, đổi làm thị giảng ở cung Chấn Hanh. Minh Mạng năm thứ 1 (1820) bổ làm thiêm sự bộ Lễ, dâng sớ xin đình các việc công tác nói là: quân dân đương bị tật dịch, không nên bắt làm nhọc lắm. Dương thịnh thì âm suy, cũng là một thuật để ngăn tai biến.

Lại dâng 6 điều: 1/ Đặt viện Ngự sử để đàn hạc sửa chữa phương thức làm quan. 2/ Đặt chức thái phỏng sứ để xét nghiệm thú thần người tài, người kém. 3/ Bớt tiêu phí vô ích. 4/ Đặt nhà học ở các doanh trấn châu huyện. 5/ Mở khoa Ân thí. 6/ Cử hành việc thờ tự gia ân.

Năm thứ 8, thăng bổ làm Hộ tào Bắc Thành lại chuyển sang Binh tào, vào làm hữu tham tri bộ Lễ. Năm thứ 11, Vua sai quan sửa chữa luật lệ, ông sung chức phó tổng tài. Năm sau hàm tả tham tri bộ Lễ về hưu. Năm thứ 14, gặp khánh tiết đến Kinh chầu mừng , vua làm thơ để cho. Năm thứ 16,

Digitized by Google

sung chức sư bảo của hoàng tử. Vua rất trông mong bắt buộc làm cho có thành hiệu.

Đăng Tuân dạy bảo nghiêm, mà có phép, từng tâu nói: các hoàng tử ở nhà Tập thiện, lúc tiến, lúc dừng, phần nhiều chưa hợp lễ, nếu chỉ giảng tập lễ phép thường thôi, sợ khó nên người có đức. Xin tham chước khuôn phép giảng học về năm Minh Mạng năm thứ 4, nghĩ định điều lệ, để cho cách dạy từ lúc bé được đứng đắn, và liệt ra tiết mục rõ ràng dâng lên. Liền được gia hàm thượng thư.

Đăng Tuân lại dâng sớ nói: thần nghe, đức tất phải học thì sau mới thành, học tất phải giảng thì sau mới rõ, vì là nguồn vực của thầy và bạn có tự đem lại dần dần. Nay hoàng tử ra mở phủ riêng, ngày càng thêm lên, mà học đường giảng tập có 10 người, chính tự có 5 người, xin đặt thêm mỗi chức 5 người nữa, để đủ giảng tập. Lại xin đặt chức Hoàng tử tán thiện 2 người, để cho sớm hôm quanh hiên cùng nhau ngõ hầu có bổ ích. Vua đều nghe theo.

Ít lâu, lại xin cáo về làng. Gặp có quốc tang, Thiệu Trị năm thứ 1 (1841) mùa xuân, vào viếng tang, vua an ủi, hỏi han, toan bổ làm thượng thư bộ Lễ, ông khẩn thiết xin từ, vua bèn ban cho thật hậu cho về. Đăng Tuân làm bài biểu tạ nói rằng: chỉ xin rộng một đạo hiếu để ban ra luân thường, rõ chín đạo thường mà lập đạo trị nước. Vua nói rằng: vài lời nói ấy có rạng rỡ hơn hai họ Sớ[1] vậy. Ngày xưa hai họ Sớ ở đời Hán, sau khi đi rồi, không nghe thấy lại đến sân cửa khuyết nữa, cũng không có một lời nói gì thấy nêu lên ở sách sử. Tiên sinh chống gậy vào viếng tang, cảm kích do tự trong lòng, nhân bài biểu tạ để làm khuôn mẫu, lòng thành thực càng nhiều, lấy đấy mà bàn, hai họ Sớ không kịp được vậy. Năm ấy lại khởi phục sung chức Sư bảo của hoàng tử hoàng đệ.

(1) Hai họ Sớ là Sớ Quảng, Sớ Thụ đời Hán, hai chú cháu đồng thời xin về hưu. Đời gọi là nhị Sớ.

Digitized by Google

Năm thứ hai, vua đi tuần ra miền Bắc, sung chức đại thần ở lại kinh; khi vua trở về, thăng thự Hiệp biện đại học sĩ, sung chức Sư bảo như cũ. Rồi vì già yếu lại cố xin nghỉ việc. Vua không nỡ trái ý mãi bèn y cho về nghỉ, gia ban các thứ thuốc, vàng trong kho, cấp cho thuyền công để đưa về.

Đăng Tuân tự đặt tên hiệu là Thận Trai, tính thận trọng ít nói, trải thờ ba triều sung làm chức bảo chức phó lâu năm, sau khi về, vua mến nhớ không nguôi. Năm thứ 4, sai Nội các mang sắc thư đến nhà hỏi thăm sức khỏe, thực thụ hàm Vinh lộc đại phu, hiệp biện đại học sĩ, hàng năm chia một nửa nguyên bổng, lại cho một người con thứ tập ấm làm tư vụ, cùng cháu là cử nhân Đăng Hành đều ở nhà phụng dưỡng. Đăng Tuân dâng sớ khẩn thiết từ chối, nói: thần là con nhà tầm thường nổi lên quan đến thự tòng nhất phẩm, đã không thể làm được các công việc, chỉ chống gậy ở làng, vui xem thái bình, đã lấy làm may lắm mà vượt quá phận rồi, thế mà thân ở chốn đồng nội ngồi lên bậc cao, không phải có thực trạng xét công, mà chịu ơn sâu đặc cách, lòng thần vẫn không tự yên, là một điều. Thần trải thờ ba triều, nhờ lương bổng làm quan đã lâu. Cha ông thần có ruộng để lại hơn 100 mẫu làm lấy mà ăn, không đến nỗi thiếu thốn; hơn nữa được nhiều lần ban cho bạc lụa ưu hậu, cũng đủ để nuôi sống lúc tuổi thừa. Con thần là Đăng Giai hiện được chi lương tòng nhị phẩm, số thừa về lương bổng ấy, hàng năm thường biếu thần một nửa, để chi phí về củi, gạo. Nay lại được ấm thụ cho con thứ của thần là Đạc, cháu đích tôn của thần là Đăng Hành đều ở nhà để phụng dưỡng, thì hết thảy đồ phụng dưỡng về ăn mặc của thần thường yên lòng, về việc hỏi đồ ăn còn thừa[1] mà không lo về sự không đủ. Nay chịu lộc quá phận lượng, lòng thần thấy không được yên, là hai điều; và lại thần

(1) Kinh Lễ có nói: khi cha mẹ ăn món ăn còn thừa lại, thì con phải hỏi là món ăn thừa cha mẹ muốn cho ai, thì cho người ấy. Sớ dâng lên, vua bằng lòng về lời tâu ấy.

Digitized by Google

nghe người đời xưa nói rằng: "Phàm việc gì cũng nên để đức có thừa không hết về sau, làm quan nên lấy thanh bạch mà để cho con cháu", tấm lòng từ lúc bình sinh của thần tưởng chắc là thánh minh đã soi thấu rồi. Nếu nhờ lòng nhân từ của thánh thượng rủ lòng thương xót thì về khoản hàng năm chỉ một nửa lương bổng, thần xin kính lĩnh một kỳ để được vinh hạnh về của vua ban cho, mà tỏ rõ đạo khuyên trung khuyên hiếu của hoàng thượng. Đến như việc gia thưởng cho quan hàm, cùng khoản chi bổng từ sang năm trở về sau, thì xin chiếu theo chỉ của thần chuẩn cho đình miễn. Thế thì không đến nỗi hại lẽ công về danh khí[1] của triều đình, mà con cháu của thần đời đời được nhờ phúc cùng nước đều vui, dài đức trạch của nhà về sau này, tức là thần đã chịu ơn nước, không biết gấp mấy lần rồi.

Sớ dâng lên, vua bằng lòng về lời tâu ấy.

Mùa đông năm ấy Đăng Tuân mất, thọ 73 tuổi, truy tặng là thiếu sư. Tên thụy là Văn Chính, sắc cho ty có chức trách hậu cấp cho, để sửa việc tang, sai quan đến tế, lại sai lấy thơ Vua làm và soạn sự trạng khắc vào đá, dựng bia ở nơi làng ở. Chương tấu của ông làm, phần nhiều mất đi, nay còn bản thảo vài bài.

Tự Đức năm thứ 1 (1848), vua truy nghĩ đến có làm 2 bài thơ và dụ rằng: Thận Trai tiên sinh, trước sung tây[2] tịch, giúp ích rất nhiều vẫn canh cánh trong lòng không thể thôi được. Sai đem thơ mang đến đọc để tế điện. Sau sứ thần lại nói là cảnh nhà thanh bạch, sắc cho ty có chức trách dựng làm nhà thờ.

Con là Đăng Giai đã có truyện riêng; Đạc ấm thụ tư vụ; Xuân làm tri phủ Nghĩa Hưng, Đống, lấy công chúa thụ chức phò mã đô úy.

(1) Danh khí tức là quan tước và áo mũ, xe võng của triều đình ban cho.
(2) Tây tịch: Minh đế đời Hán tôn Hoàn Vinh lấy lễ làm thầy, thường đặt ghế cho Vinh ngồi quay mặt hướng đông, cho nên gọi thầy là Tây Tịch.

Digitized by Google

Đặng Giai

Tên tự Toản Phu, trạng mạo khôi ngô, còn nhỏ theo học ở gia đình, cha là Đặng Tuân thấy có tướng lạ, đoán là tất thành lập sớm (lời nói này chép ở truyện Nguyễn Tri Phương). Minh Mạng năm thứ 1 (1820), đỗ hương tiến, bắt đầu bổ vào Hàn lâm rồi thăng lên lang trung bộ Hộ. Năm thứ 10, thự tham hiệp trấn Nam Định. Năm thứ 12, mùa thu, sung chức khảo trường Nghệ An, rồi đợi bổ bố chính sứ Thanh Hóa. Khi ấy, đường biển thường năm bị giặc làm trở ngại quan quân đi tuần biển, thường vì không có công trạng phải tội. Đặng Giai cùng tổng đốc Đoàn Văn Tường dâng sớ trình bày về binh thuyền, địa thế có 3 điều không tiện. Đại lược nói rằng: + Thủy sư trong hạt chỉ có hơn 360 người, hàng năm đến kỳ điểm binh, đều đã xét theo số, dự chỉnh là thuyền mành vận chở của công, còn ở lại hàng ngũ không mấy, khi có phái ra làm việc bắt giặc, thì mỗi một chiếc thuyền chỉ có hơn 10 người, chỉ đủ để dùng làm cầm lái, chân sào; còn cầm súng cầm khí giới lại là bộ Binh, người mới đi thủy, tới khi sóng nổi, không biết trở tay thế nào, thì tuy giặc biển ở ngay trước mặt, không thể chắc hẳn là đánh được, huống chi dám liều chết tranh lên trước ở ngoài khơi, cùng đảo xa ư? đấy là quân có sự chưa tiện, là một điều. Ngạch thuyền chỉ có 10 chiếc Điện Hải, thuyền Ô, thuyền Lê mỗi thứ 5 chiếc, thuyền Điện Hải thì lệ có xét theo thứ tự vận tải, hàng năm đi tuần biển, chẳng qua năm ba chiếc thuyền Ô thôi. Các thuyền nhỏ ấy mà gặp thuyền giặc thì thế đã không chống được giặc, huống chi thuyền của giặc tuy là súng và khí giới không thể chọi nổi với thuyền quan quân được, nhưng mà buồm nhẹ đi mau, thì thực là hơn. Nếu phái hết ngạch thuyền lớn Điện Hải ra nhưng mà sức thuyền đi vừa chậm vừa nặng, cũng không làm thế nào được với sức gió mà tiến đi nhanh được, đấy là thuyền có sự chưa tiện, là hai điều. + Hai đảo Biện Sơn, Vân Sơn ở tỉnh hạt, là lối thuyền giặc tất đi qua, đảo Biện Sơn đã có

Digitized by Google

pháo đài, phái lính phòng giữ, cố nhiên không phải lo nghĩ gì, còn đảo Vân Sơn cùng đảo Biện Sơn, tuy cùng trông rõ lẫn nhau, nhưng đi thuyền, thuận gió thì ba khắc, ngược gió thì đến năm sáu khắc, mới có thể chạy đến được. Một khi có thuyền giặc sinh sự, thì những thuyền đánh cá nhỏ đến nom phụ vào đồn sao dám dẫn thẳng vào sóng biển đuổi theo ngăn cản; tới khi phải chật vật đi báo tỉnh, lại đi mất nửa ngày đường, tỉnh phái binh thuyền ra, còn phải đợi nước triều dâng lên thuận gió, chóng thì hai ba ngày, chậm thì sáu bảy ngày, hoặc mười ngày mới có thể phóng ra biển, dùng dằng trong khoảng mười ngày, thì thuyền giặc há chịu ngồi yên để đợi chết, một khi trông thấy hình dáng thuyền công, tức thì nhổ neo lánh ra ngoài khơi xa cùng kiệt trước rồi, tuy có bộ biên giỏi chở thuyền dưới nước, tưởng cũng không kịp. Đấy là địa thế có sự chưa tiện, là ba điều.

Nhưng xét ra năm trước, bộ biên ở Kinh phái ra đã bắt được hơn 30 chiếc thuyền giặc, vì thuyền ấy cùng với thuyền nước Thanh sức buồm chạy ngang nhau, nếu để súng và khí giới lên, thì sức lại thấy gấp hai, gấp năm. Xin sắc cho bộ Công chọn cấp cho 5 chiếc chở đến cửa biển đồn Biện Sơn, ở tỉnh sẽ phái viên giỏi việc đem lương quân, súng ống, khí giới ra biển tuần tiễu. Lại bắt thêm 20 chiếc thuyền miễn dịch ở cửa biển Bạch Câu, cửa Hãn, cửa Bạng, mỗi chiếc người cầm lái chèo chở là 12 người, phái thêm một suất đội, 12 lính, chứa sẵn hỏa khí, súng nhỏ, súng lớn, rồi dùng phu thuyền mặc quần áo màu, giả dạng làm thuyền đánh cá, thuyền buôn chở ra ngoài đảo, nếu gặp thuyền giặc, một mặt thì tùy cơ hội đánh, một mặt thì làm hiệu thông báo đồn sở và thuyền quan đi tuần tiễu đến ngay ứng tiếp.

Vua khen dụ rằng: Đăng Giai có kiến thức, những điều đã trình bày phần nhiều thiết thực trúng cơ nghi; liền cho hộ lý quan phòng cửa tuần phủ. Gặp năm đói, dân xiêu dạt đến

Digitized by Google

tìm ăn, tâu xin đặt sở Dưỡng tế, lại xin mở đường cảng và lấy đá núi, lấy tiền trả công thay cho tiền phát chẩn. Vua cho là hết lòng trù tính cứu chữa, truyền chỉ khen ngợi.

Năm thứ 14, tỉnh Ninh Bình có giặc, Vua sai An Tĩnh tổng đốc Tạ Quang Cự, tổng thống quân vụ đại thần Đăng Giai cùng thống chế Hoàng Đăng Thận đều sung chức tham tán. Đăng Giai nhân tâu bày về cơ nghi tiễu giặc, đại lược nói rằng: nghe tin đồn, là Lê Duy Lương, Lê Duy Nhiên, ngầm đến Ai Lao, kết hợp bè lũ còn lại ở Vạn Tượng, ước với bọn Quách Tất Công ở đất Sơn Âm làm loạn. Về việc đánh và quấy nhiễu ở Đà Bắc, là đón đường của Duy Lương đến. Nhưng vì núi sông hiểm trở, Duy Lương không thể đúng theo lời ước được, cho nên chưa dám thò đầu ra để sinh sự. Đấy tuy là nghe tin đồn thôi, nhưng nghiệm về hình thế đường xá cũng chưa nên nhất khái bảo là nói dối được. mà không phòng bị trước. Thần đã sức ngay cho các châu, huyện ở phủ Trấn Man và Thọ Xuân bắt nhiều thổ dân để đóng chặn. Xin sắc xuống cho tỉnh Nghệ An dự ngăn phòng ở các đường cốt yếu Trấn Ninh cùng Ai Lao có thể có thể thông nhau được, để cắt đứt tin tức đi lại của bọn kia, thì các bọn ở Chi Nê, Đà Bắc dễ khu trừ được. Còn như hội đánh ở đất Sơn Âm, đã từng phái đi thăm dò, khi ba huyện Lạc Thổ, Phụng Hóa, Yên Hóa (đều là địa phận Ninh Bình) đường bị cách trở không thông, nếu đi đến đâu, đánh đến đấy thì sơn trại cố nhiên có thể đánh phá tiêu hủy được, để sạch yên đường trước, nhưng mà rừng núi thung lũng cao ngất vài trăm dặm, sao có thể san hết làm đất bằng được? Huống chi, trừ kẻ bạo ngược là cốt để yên dân, há có thể vì giặc ở Sơn Âm và một hai bọn nhỏ, bức bách phải theo giặc, mà đem hết nhân dân cả ba huyện bỏ vào dưới đống lửa cháy ư? Nghĩ nên chọn ủy người quen biết được việc đến trước thổ ty trong ba huyện, người nào chưa được theo giặc thì mật đem đại ý về treo thưởng và miễn tội ở trong tờ dụ để mở bảo, khiến cho hết lòng quy

Digitized by Google

thuận, vui để cho ta dùng. Lại nghiêm cấm các sở quan tấn ở đường thủy, đường bộ, không được đài tải muối, gạo, đồ sắt đến miền núi buôn bán. Rồi sau quan quân các tỉnh hẹn ngày đều tiến đến, tỉnh Sơn Tây thì đến Chi Nê (từ đây trở xuống đều là tên đất) tỉnh Hà Nội thì đến Hoa Lư, tỉnh Nam Định thì đến Nhiêm Hạ, tỉnh Ninh Bình thì đến Cố Đế, thần thì đến các đồn giặc ở An Lạc ra sức đánh phá, thì giặc kia đầu, đuôi bụng, lưng đều bị áp chế, thế cùng, sức yếu, tất đến tan vỡ. Gián hoặc có chạy về Sơn Âm, dựa chỗ hiểm trốn nấp, tụ họp, thì lập tức giải binh chọn chỗ yên nghỉ, chiêu mộ thổ dân, khéo chiều úy lạo, đánh thẳng vào sào huyệt, lấy người Man đánh người Man, chẳng những đất Sơn Âm là chỗ hiểm có thể san bằng, mà bọn giặc vẫn không lọt lưới được. Nếu mưu tiến đánh ngay thì sợ vào sâu chỗ không người, khó giữ được toàn thắng, mà quan quân các đạo cảm nhiễm khí lam chướng lâu ngày và thổ dân ba huyện không khỏi kẻ gian, người ngay đều phải lụy cả. Vì thế thần đành chịu tội trì hoãn nhút nhát, mà không dám đem quân và dân của triều đình đưa vào chỗ chưa được cẩn thận chu đáo.

Vua dụ rằng: những điều người đã trù nghĩ, có thể làm được. Đăng Giai tự xin đem binh tượng đến thẳng Ninh Bình, cùng với Quang Cự tiến quân đóng ở phủ Thiên Quan (nay là Nho Quan). Khi ấy bọn giặc đã giữ Chi Nê, lập nhiều đồn bảo, 4 sở ở Phụng Hóa (đồn Không Cốc, đồn Cay Thị, đồn Á, đồn Tâm Đình) 2 sở Gia Viễn (đồn Hoa Lư, đồn Hà Nguyên), 5 sở ở Yên Hóa (đồn Cố Đê, đồn Công Đôi, đồn Đất Đồi, đồn Tuân Dụ, đồn An Đội). Lại có hơn ba mươi chiếc thuyền của bọn thủy cơ (thuyền chài) chia giữ chỗ hiểm yếu, hoặc lẩn đến chỗ dân cư, cướp lấy binh lương, hoặc đánh trống dương cờ, để khoe thanh thế. Đăng Giai bèn cùng Quang Cự bàn tính đem đại binh 2 đường góp sức chia đặt các quân tiền, hậu, tả, hữu hoặc đánh, hoặc cứu viện, hoặc tiến, hoặc chặn, trước lấy các đồn Không Cốc, Tâm Đình, tiến lấy Chi Nê, thứ

Digitized by Google

đến Sơn Âm, vừa gặp lúc voi của ta chạy lồng đến đồn giặc, Đăng Giai cùng Đăng Thận đem quân đuổi theo, gặp giặc cùng chống cự, vừa đánh vừa đi đến đất An Trị, ngày đã gần tối, có thổ ty ở Thanh Hóa là Nguyễn Đình Bang theo quân đi sau, Đăng Thuận giục đi nhanh, Đình Bang lấy súng đánh lại quân ta rồi đi. Đăng Giai dâng sớ xin nhận tội. Vua khiển trách nghiêm ngặt, cách chức lưu dụng, hạn cho trong 1 tuần 1 tháng phải đánh thật dữ. Đăng Giai mới chia đường tiến đi đánh giặc ở đồn Xích Thổ. Giặc thua chạy, quân ta nhân thế thắng đuổi dài mãi, liền lấy được vài đồn, chém được rất nhiều. Tin thắng trận tâu lên, vua khen, cho khai phục nguyên hàm.

Rồi thì thổ dân ở Thanh Ba cũng nổi lên cướp bóc các phủ, huyện Cẩm Thủy, Quảng Hóa. Đăng Giai dẫn quân về đánh cho bọn giặc phải thua ở xã Phụng Công, liền phá được các đồn bảo của giặc ở xã Kỳ Ngải, xã Nhân Lộ, dẹp yên hết được giặc, lại về nguyên chức bố chính. Chưa bao lâu, đổi đi Bắc Ninh. Năm thứ 17, lại từ Bắc Ninh chuyển về Thanh Hóa, kế tiếp mở đường cảng. Mùa đông năm ấy, thổ ty ở Thanh Ba lại không yên, vua sai Hiệp biện đại học sĩ Trương Đăng Quế làm Kinh lược, lấy Đăng Giai cùng Doãn Uẩn làm chức phó. Đăng Giai trước đã làm quan ở Thanh Hóa, địa thế chỗ hiểm, chỗ dễ, thổ tục dân tình, vốn quen hết cả, cho nên đi đến đâu đánh bắt là có hiệu quả ngay.

Năm sau, tỉnh Bắc Ninh đói, triều đình sắp có lệnh bán thóc gạo ra cho dân, chiếu cho Đăng Giai tức thì về coi việc. Đăng Quế tâu nói: nay đương đi kinh lý, phần nhiều là sức của Đăng Giai, nên xin lưu lại làm cho xong việc, để nhờ tay quen theo (Lời nói ấy chép ở truyện Trương Đăng Quế), vua nghe cho. Đăng Giai tiến quân đến động Khương Chính, nghiêm đốc sức hạn bắt, chém được tên chánh đồn của ngụy là Lê Phú Hiển, chính phạm là bọn Hà Công Kim lần lượt bắt được cả, bọn giặc hết sạch. Vua xuống chiếu cho đem quân về. Đăng

Digitized by Google

Giai vào ra mắt, vua khen, thưởng cho quân công một cấp, chuẩn cho về Bắc Ninh cung chức.

Buổi đầu năm Thiệu Trị, thự tổng đốc Ninh Thái, xin đặt kho ở huyện Văn Giang, để phòng vận chở. Đăng Giai ở ngoài lâu, vua thường khen là có tài làm việc ở chỗ phồn kịch.

Năm thứ 3, giặc Thổ ở Sơn Tây là bọn tên Thạch, tên Nhàn, tên Bật (thiếu họ) rủ nhau tụ họp ở địa phận phủ Lâm Thao, đất phủ Đoan Hùng, một nửa làm chỗ tổ của giặc; bèn lấy Đăng Giai, đổi đi làm thự tổng đốc Sơn Hưng Tuyên. Khi đến nơi, sửa việc binh đặc phép bắt giết giặc, qua vài tháng, chém được tên Thạch ở trận. Lại bắt tên Nhàn bỏ vào cũi giải về Kinh. Đến mùa thu, tên Bật đến cửa quân xin quy phục, rồi chết. Vì có công gia một cấp trác dị và các hạng kim tiền, nhẫn ngọc. Năm ấy, tâu xin mộ thổ dân đặt cơ Sơn Đông, đặt chức giáo thụ tỉnh Tuyên Quang. Lại tâu tham hặc bố chính Tuyên Quang là Lê Nguyên Giám, án sát là Vũ Danh Trì tại chức không làm được việc, đều bị tội phải miễn chức.

Năm thứ 4, mùa thu, gặp kỳ đại kế, vua cho là Đăng Giai có công lao về vỗ yên ngăn ngừa, cho thực thụ tổng đốc Sơn Hưng Tuyên. Rồi vì có tang cha nghỉ việc. Chưa bao lâu, bắt dứt tình triệu về kinh. Vua an ủi hỏi han hồi lâu. Đăng Giai nhân tâu xin ở lại cung chức ở kinh. Vua nói rằng: Sơn Hưng Tuyên là nơi địa phương quan trọng ở Bắc Kỳ, việc bắt giặc ở Tuyên Quang cũng là việc ngươi chưa làm xong, ngươi hãy vì trẫm đến trấn ở đấy. Được vài ngày, sai đi cung chức. Lại cho một bộ thơ tập vua làm ra có vẽ đóng bìa vàng, hộp gấm để làm của báu trong nhà.

Trước đây, tên giặc Vân ở tỉnh Tuyên Quang đã chết, bè lũ là Nông Hùng Thạc còn trốn, Đăng Giai phái nã bắt được, thưởng gia một cấp.

Năm thứ 6, đổi đi làm tổng đốc Hà Ninh. Khi ấy, việc đê ở Bắc Kỳ, người nói thôi, người nói đắp, ý kiến khác nhau.

Digitized by Google

Vua sai Đặng Giai thân đi khám xét trù nghĩ tâu lên. Rồi dâng sớ nói: đầu nguồn của sông Nhị Hà, ở Tuyên Quang thì có sông Lô, sông Trôi (tức sông Chảy), ở Hưng Hóa thì có sông Thao, sông Đào, ở Thái Nguyên thì có sông Đáy, cộng số nước của 5 con sông ấy rót vào khoảng giữa tỉnh Sơn Tây, hợp làm sông Nhị Hà, qua Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên, Nam Định mà chảy đến biển. Từ trước, ở bên hữu sông Nhị Hà thì có sông Hát Môn, sông Tô Lịch là 2 con sông nhỏ, vừa qua các huyện Từ Liêm, Thanh Oai, Chương Đức, Sơn Minh, Hoài Yên, Kim Bảng, Duy Tiên, Thanh Liêm, rồi chia ra chảy đến 6 cửa biển ở Ninh Bình, Nam Định. Bên tả sông Nhị thì có sông Thiên Đức, Nguyệt Đức, Hàm Long, Nghĩa Trụ, Văn Giang, là các sông nhỏ vừa, qua các tỉnh Bắc Ninh, Hưng yên, Hải Dương, rồi chảy đến 6 cửa biển ở tỉnh Hải Dương. Từ đời Lạc Long đến đời Lý trở về trước, có đến vài nghìn trăm năm, chưa có đê điều, mà xét ở quốc sử truyền lại, chưa có sự lo về phòng giữ nước sông. Người nhà Trần lấy ý riêng xuyên tạc ra, mới đắp đê Đỉnh Nhĩ, mà đê từ đấy mới bắt đầu có. Nhưng hỏi về đời bấy giờ, chỉ là một con đường vệ nông, không cao rộng mấy. Kế đến nhà Lê, 300 năm nhân theo đấy mà cũng không thể bỏ được. Kịp khi ngụy Tây Sơn sửa làm, thì chỉ biết có đê mà không biết có sông. Đem một giải sông Nhị Hà, đắp lên đê to, tất cả cửa cống sông nhỏ, đều ngăn vít đi, cho nên thế nước ngày càng đầy tràn, đê càng cao thì nước càng dâng lên to mới thành chảy xói vào; từ đấy thế nước không thể lại chảy về phía Đông được nữa, chỉ do sông Nhị Hà cùng sông Hát chảy tất cả về phía Nam, mà các huyện Thanh Trì, Thượng Phúc, Phú Xuyên, Duy Tiên, Kim Bảng, Thanh Liêm, Chương Đức, Sơn Minh, Hoài Yên, tỉnh Hà Nội, trên dưới bốn bên đều chịu nước chảy xói vào mà là chỗ các ngọn nước chứa đựng lại. Thánh tổ Nhân hoàng đế ta thấy rõ cái lỗi của người trước tranh với sông là không phải, thương kẻ dân mọn đắp đê khổ sở, đã từng xuống dụ cho các địa phương bàn rõ về việc đê nên thôi hay nên đắp. Ở Hà Nội thì thử bỏ

Digitized by Google

đê ở các huyện Thanh Oai. Ở Hưng Yên thì thử mở đường sông Cửu An, định đổi việc làm trái lẽ của vài nghìn trăm năm về trước mà gây nên cái lợi hàng nghìn, hàng trăm năm không cùng về sau. Duy dân như sao Cơ thích gió, sao Tất thích mưa, lòng mong muốn không giống nhau, chồn thích ở núi, cá thích ở nước, sự thấy biết đều khác; trong đó bàn luận có sự trái nhau, cho nên chưa thi hành được là thế. Năm trước, tỉnh thần hoặc bàn bỏ đê đi, dáng cũng chán về sự bồi đắp khó nhọc, hoặc bàn bồi đắp, là cũng phòng về nạn nước ngập ứ, đều là có kiến thức cả. Nhưng về hạt thần thì các huyện Thanh Trì, Thượng phúc, Phú Xuyên, Duy Tiên, Kim Bảng, Thanh Oai, Sơn Minh, Hoài Yên phần nhiều là nơi thấp trũng cả, nếu bàn nên thôi đê thì nước ở các huyện thượng du tất lấy các huyện ấy làm chỗ vực chứa; nếu là nên đắp đê thì đường sông các huyện chảy đi nhiều ngã, cứ vài trăm trượng lại đắp một đê, thì sức dân đã không thể chịu được, mà nước mưa ở thượng du cũng không có đường tiêu tiết đi, đều là chưa tiện cả. Muốn bàn kế cho các huyện ấy, nếu không khai thông các sông nhỏ ở bên tả sông Nhị, để cho nước chảy về phía Đông, thì cũng không có chước gì hay cả.

Trộm xét: nguyên nước sông ở bên hữu sông Nhị Hà thì chia ra chảy về phía Nam, nước bên tả sông Nhị thì chia ra chảy về phía Đông, sông Nhị chẳng qua ở khoảng giữa nhận nước chảy đến rồi chia chảy đi mà thôi. Thế mà một khi ngăn chặn đường cũ của các sông to vừa vừa ở dòng dưới mà đắp đê để chống giữ nước ở dòng trên sông, thì thế không thể được. Ông nhân thể trình bày 12 điều về có đê không tiện. Đê ấy không thôi, thì dân có phần đê ở Bắc Kỳ, hàng năm vất vả để cầu được phong phú và sóng yên, thì cũng khó lắm. Nay lấy một giải nước ở sông Nhị chia ra chảy về Sơn Tây, Bắc Ninh, Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định là chỗ đất có đến một nghìn dặm vuông ví như lấy một chén nước rót vào một cái mâm, thì nước ấy ở chén thì sâu mà ở mâm thì nông, là thế tất phải như vậy. Huống chi, nước ở dòng

Digitized by Google

trên chảy xuống dòng dưới, thì chảy đến đâu tiêu đến đấy, tất không như là nước chảy xuống mãnh mà đầy tràn, đã rõ lắm rồi. Thơ cổ có câu rằng: "có đê không bằng không đê lợi, đã có đê rồi không thể không". Kể ra đã nói về lợi không đê sao lại nói rằng không thể không có đê, cũng là chưa xét đến nguồn lợi hại mà nói hẳn là như thế thôi.

Thần trộm nghĩ: những người khéo trị thủy thì không cùng nước trong lối chảy, chỉ làm cho vô sự, thì dễ thành công. Nghĩ nên trước hết đem sông Nguyệt Đức, Thiên Đức và các sông nhỏ vừa vừa như sông Hàm Long, Nghĩa Trụ, Văn Giang, đều y theo đường cũ, ra công ở dòng dưới; chỗ nào nông hẹp, thì đào sâu, đào rộng ra, chỗ nào bồi lấp thì nạo khoét ra, nhất thiết đem công việc bồi đắp đê điều, để làm việc khơi đào sông cũ, không cần phải lấy số tiền kho ra, làm thêm một công việc to lớn khác.

Về đất cát đào vét ra, đều chia ra chứa ở ngoài hai bờ độ vài mươi trượng, để làm đường vệ nông; hạn trong hai năm, theo từng đoạn đã làm xong, thì đem đê trước ở đường sông chiếu theo cửa sông mà đào phá đi; đến kỳ nước lụt, nước sông cứ theo lối ấy mà dần dần chảy ra các cửa biển về phía Đông Nam. Nên có nước lụt hơi to, chảy lan tràn qua đê đường vệ nông cũng chẳng qua độ một vài ngày tự rút xuống ngay như các hạt ở Ninh Bình trở về phía Nam mà thôi. Trong khoảng vài năm, bùn nước chảy vào ruộng, chỗ cao ráo có thấm nhuần thêm, chỗ sâu thấp thì bùn màu bồi lên có thể thành ruộng được; mà cửa biển ngày sâu rộng dần, như thế thì đê có thể không phải sửa, mà nhà làm ruộng được tiện lợi, nước có thể không phải hộ giữ, mà dân được yên chỗ ở, bớt được của dùng cho nước mà làm nhiều của cho dân, cái lợi ích ấy không thể nói xiết được.

Vua giao sớ chương ấy xuống, mọi người cho là tự một mình thiên kiến rồi không chuẩn cho thi hành.

Digitized by Google

Tự Đức năm thứ 1, thăng thự Hiệp biện đại học sĩ, triệu về làm thượng thư bộ Hình kiêm sung Quốc sử quán tổng tài. Đăng Giai trình bày 10 điều vào xét việc hình, lại dâng sớ xin tuyển lính duyệt đinh, đình việc sai quan cùng chương trình khẩn hoang, thứ bậc về tha bớt lương ruộng, điều khoản về đúc tiền, cộng 13 việc. Khi ấy, vua mới lên ngôi, sai sứ sang nước Thanh cầu phong. Đăng Giai dâng sớ nói: phép của tiên vương, phàm có nước tất có đô thành, triều kiến hội đồng, giảng điều tín, sửa điều hòa mục, không gì là không làm ở đấy, là để cho vững cội gốc của nước, trọng phong hóa của nhà vua để bớt sự khó nhọc cho người mà đỡ phí hao. Nước ta từ nhà Lê trở về trước, gọi là nước An Nam, đóng đô ở Thăng Long, cho nên lễ bang giao của các đời làm ngay ở đấy, là lễ chính đáng. Các tiên thánh hoàng đế ta, gây mở Viêm Bang, nguyên cùng An Nam riêng là một nước. Thế tổ Cao hoàng đế ta thống nhất bờ cõi, đặt kinh thành ở Phú Xuân, lúc mới bình định cả nước, thông hiếu với nước Thanh; trước hết chỉnh lại tên nước, gọi là nước Việt Nam, danh hiệu đã sửa lại, đô ấp đổi mới, đã không phải như Đinh, Lý, Trần, Lê trước. Thành Thăng Long ở đời Lê là Đông Đô, ở đời nay là một tỉnh thành; việc khác thế khác, ấn định chỗ người nước Thanh sao được giữ chỗ ấy để làm lễ bang giao được. Gia Long năm thứ 1 (1802) vâng thánh dụ muốn đưa thư xin tiếp sứ nhà Thanh ở trên cửa ải Lạng Sơn, để đỡ phiền phí. Tiếc vì lúc ấy các bề tôi chưa hay thể theo ý ấy, nhân cơ hội lớn ấy làm thành một kế nghi lớn. Khoảng năm Minh Mạng đã từng vâng lời dụ của Thánh Tổ Nhân hoàng đế, bảo rằng: "Việc đi tuần miền Bắc để làm lễ bang giao, không có thể để làm điều dạy đời đời được, giả sử nước có vua lớn, muôn việc chỉnh đốn cả, các con cháu phó thác được người thì việc ấy cũng không quan ngại gì, là ra trong địa phương gặp có biến cố, lòng người chưa yên, mà bỏ nước đi tuần xa thì ở chỗ đất căn bản quan trọng há không có sự lo ngại không ngờ ư?

Digitized by Google

Muốn bàn kế về xã tắc, nên chú ý xếp đặt khác". Kính dịch lời thánh dạy như thế, thì lễ bang giao tất phải thi hành ở Kinh sư, thì ở ta có lợi vô cùng, mà ở người có lẽ tất phải theo. Không có gì đáng ngờ nữa. Vả, nước ta là nước văn hiến, nước Thanh cũng là nước giữ lễ, theo hay không theo, coi ở lễ có nên hay không. Ta lấy lễ mà nói, thì lời rõ ràng, nghĩa chính đáng, người nước Thanh sẽ nói thế nào để chối được ư? Xin sắc cho bộ thần làm quốc thư giao Sứ bộ phát đệ, xin từ nay về sau đến thẳng Kinh sư để làm điển lễ lớn. Điển lễ ấy đã định, muôn đời thường yên, bớt được khoản tiêu phí không có hạn, khỏi được sự ngăn phòng ở ngoài ý nghĩ, thì mưu tính sâu xa của các tiên thánh ngày trước tất thành ở chỗ Hoàng thượng khéo nối chí, khéo theo việc vậy. Vua cho lời nói là phải, phải sai phát quốc thư đệ đạt đi. Đến khi sứ nước Thanh là Lạo Sùng Quang đến Kinh, làm lễ bang giao, tình ý thỏa hợp. Vua cho là Đăng Giai đầu tiên kiến nghị ra giữ được quốc thể lắm, thưởng một đồng kim tiền có chữ "Long vân khế hội", ba tấm nhiễu màu.

Đăng Giai ở trong triều, từng cùng các đại thần lời nói và sắc mặt không hòa hợp nhau, vừa gặp khi khuyết chức tổng đốc Nghệ An, mọi người đều cử Đăng Giai đi. Đăng Giai dâng sớ xin từ. Đại lược nói rằng: đình thần bàn cử thần đi, hoặc là vì thần vốn tính ngu và thẳng, lúc ở thường nói năng, không khỏi trái ngược họ, phàm việc bàn luận, trong đó có điều khác điều cùng, cho nên không thích với thần cùng hàng; may là triều đình nhàn rỗi, văn yên lặng võ chơi đùa, thần lấy phận ở xa xôi, ngày nay dân phong thư tâu việc, ngày mai dân chương sớ đàn hặc cho nên cũng ghét là khác với mình. Về một ý ít hợp với ai như thế.

Năm thứ 3, mùa xuân, hữu kỳ mất mùa lại có lệ khí, đặc cách chọn Đăng Giai sung Hữu kỳ kinh lược đại sứ lĩnh tổng đốc An Tĩnh, kiêm coi đạo Thanh Hóa. Đăng Giai cầm

Digitized by Google

cờ tiết đi ra Bắc, dâng sớ nói về việc yên hợp quân dân. Lại cho là bán gạo ra có lệnh cấm, mà vẫn để sót kẻ gian ở ngoài phép, xin bỏ cấm mà đánh thuế nặng lên. Lại nói về các cửa quan Phù Diệp, Khả Lưu, Lương Trường ở Nghệ An, Khu Độc ở Hà Tĩnh, là lối đường sinh lý của tiểu dân tất do đấy, xin đều bãi đi, khiến cho dân nghèo được nhờ.

Lại dâng sớ trình bày 4 việc: 1. Nghệ An, Hà Tĩnh hợp lại thành một tỉnh. 2. Các huyện An Thành, Lương Sơn, Nghĩa Đường, Quế Phong, Thúy Vân, Chương Dương, Kỳ Sơn, Hội Nguyên, Vĩnh Hòa và tỉnh Nghệ An; các huyện Mỹ Hóa, Hậu Lộc, Quan Hóa, Lương Chính, Thường Xuân, Cẩm Thủy, Quảng Địa, Thạch Thành ở tỉnh Thanh Hóa, đều là đất núi và thung lũng, đinh không có nhiều, xin quy cả cho các phủ kiêm lý. 3. Xin đình đặt đồn ở các trạch (chằm) để tiện cho khách đi buôn. 4. Điền địa dân đinh bớt ra thêm vào, do tỉnh làm sổ sách, giao cho dân chấp chiểu.

Gặp tỉnh Thanh cũng có thu hoạch kém, tâu xin bán thóc kho ra, hoãn thu thuế, trừ sổ đinh điền biên hão trong sổ. Tha các khoản trốn thiếu. Vua cho là Đăng Giai đã trình bày, đều thiết về bệnh của dân, phần nhiều chọn lấy để thi hành.

Mùa Đông năm ấy, tâu xin truy bao phong các bề tôi chết theo tiết nghĩa ở cuối đời Lê, để vun đắt phong hóa... Vua cho là phải, lại xuống dụ rằng: Đăng Giai mang cờ tiết đi xét hỏi dân tình, kinh lý châu huyện, nêu người thanh liêm tài năng, bỏ kẻ tham nhũng, tha các thuế trốn, thiếu, vỗ yên dân điêu háo, đến đấy thức ăn dùng của dân được thừa thãi, trộm cướp im lặng, đời xưa khen là thuần lương cũng không hơn thế. Đặc cách thưởng một cái bài đeo bằng ngọc tốt chạm khắc hoa mai, một đồng kim tiền hạng lớn có chữ "Vạn thế vĩnh lại" và đoạn, nhiễu, sâm, quế.

Năm thứ 4, giặc xiêu dạt ở Quảng Tây lan tới Cao Bằng, Lạng Sơn, vua sai Đăng Giai đổi đi làm tổng đốc Hà Ninh

Digitized by Google

kiêm sung Hà Ninh, Ninh Thái, Lạng Bằng kinh lược đại sứ. Đăng Giai dâng 5 điều về sự trù tính công việc ở biên giới, xin đưa thư cho tuần phủ Quảng Tây để trù làm, và sắc cho các tỉnh chọn lính, tha dù tội lưu, cho làm quân tiền khu để gắng báo hiệu, bãi lưu quan, đặt thổ quan, sai chọn thổ binh để tiếp ứng, cho cương giới được bền vững. Rồi tiến quân đến Lạng Sơn, bắt được 3 tên bè lũ của giặc là Trần Trường, Hoàng Ngọc Quang, Đặc Kim Long đóng cũi đưa về Kinh, tên đầu sỏ giặc là Tam Đường Lý Văn Xương đầu hàng, tâu xin khu xử. Lại trình bày 3 việc về biên giới miền Bắc: 1. Lượng đặt đồn lớn ở ven biên giới. 2. Xin chia ghép Tam Đường làm bang Hướng Nghĩa. 3. Xin tha miễn thuế cho các huyện châu bị giặc cướp bóc, khiến cho đoàn kết để ngăn phòng... Vua bằng lòng. Rồi chuẩn cho thực thụ.

Năm thứ 6, mùa xuân, xin về thăm cha mẹ. Vua cho 40 lạng bạc, dụ lấy ý dạy hiếu để khuyên trung. Kịp khi vào ra mắt. Vua hỏi tình dân và việc biên giới. Đăng Giai thưa là vừa mới làm được 5 phần. Vua nói: Đấy là việc của ngươi chưa làm xong. Thưa rằng: thần một hơi thở hãy còn chỉ mưu để báo ơn trên. Rồi sai sung kinh lý Hà, đi phó sứ, vẫn lĩnh tổng đốc Hà Ninh kiêm coi công việc ở Ninh Thái, Lạng Bằng. Kỳ đại kế năm ấy, thưởng một cái kim khánh hạng lớn có chữ "Liêm bình cần cán". Năm thứ 7, giặc Tống ở nước Thanh quấy nhiễu ở Cao Bằng, Đăng Giai đem binh, tượng, tiến đánh, cùng tuần phủ Lạng Bằng là Phan Khắc Thận nghĩ tâu 5 điều về việc phòng giữ biên giới. Một là xin cho 2 tỉnh Lạng Sơn và Cao Bằng rút giản binh về gộp với dân trong sổ đồn thành cơ ngũ. Một nữa là chiêu dụ giặc trốn, cất bổ người đầu hàng. Một nữa là xin đem các phủ, huyện tỉnh Cao Bằng quy cả vào thống hạt Lạng Sơn, thành tỉnh đổi làm phủ Trùng Khánh. Một nữa là chia giản binh ở Bắc Kỳ ra từng ban diễn tập phép bắn súng, phép bày trận. Đình thần cho là không tiện thi hành. Rồi vì người mang Hướng Nghĩa là Giang A dọa nạt

Digitized by Google

người lấy của, việc phát giác ra, vua bảo là Đăng Giai chiêu nạp người đầu hàng thất sách, giáng 4 cấp lưu nhiệm.

Mùa thu năm ấy, ốm về, chết ở Hà Nội. Vua dụ rằng: Nguyễn Đăng Giai đã từng thờ 3 triều, trung cần một tiết. Ra ngoài nhận coi một địa phương, vào Kinh tham dự việc cơ mật, đã hơn 20 năm nay từ khi mang cờ tiết ra sai phái cúi mình làm hết sức khó nhọc, sửa sang việc biên cương, xông pha lam chướng, nhọc mãi thành mệt, lâu ngày thành bệnh nặng, đã từng sai ban cho vị thuốc ở thượng phương (thuốc của vua dùng) để mong giữ được thân có bệnh, cố gắng theo việc nhà vua, ngờ đâu lại chết, thương tiếc biết bao? Vả người làm tội, chăm làm việc đến chết, thì sự báo đức đền công, tất có số khác. Huống chi là kẻ thế thần, đời đời làm quan trong nước, trọn ở lòng trẫm, thực nên hậu gia điển chương khen thưởng, để nêu người trung tiết, chuẩn cho tặng là Thiếu bảo, tên thụy là Văn Ý. Năm thứ 11, liệt vào thờ ở đền Hiền Lương.

Đăng Giai xuất thân là thế thần, được vua để ý chọn cất lên, trải qua làm quan trong triều, ngoài quận, dựng được nhiều mưu kế sáng suốt, công nghiệp kể cũng rực rỡ. Nay đọc đến những biểu chương sớ tấu thì kiến thức lúc bình sinh, đầy dẫy ra ở lời nói, tuy bề tôi có danh tiếng đời xưa cũng không hơn được. Tiếc vì tôn chuộng đạo Thích, dựng chùa thờ Phật, luôn mê hoặc người, phí của thực nhiều, chưa khỏi làm lụy cho thịnh đức. Con là Đăng Hành.

*

Đăng Hành

Là người ôn hòa văn nhã, thích đọc sách. Tự Đức năm thứ 1, đỗ tiến sĩ, cấp bổ Tập hiền viện biên tu, rồi thăng lên thị độc, lĩnh án sát sứ tỉnh Quảng Ngãi. Năm thứ 14, thăng Hồng Lô tự khanh, lĩnh bố chính sứ Khánh Hòa. Năm thứ 15, theo đi quân thứ ở Nam Đạo, gặp nhiều bọn giặc phỉ ở

Digitized by Google

Bắc Ninh nhiễu động, thông với giặc biển ở Quảng Yên, quan quân tiến đánh, có chỉ cho Đăng Hành sung Bắc thứ thương biện quân vụ... Đăng Hành bảo người rằng: nhà ta đời đời chịu ơn nước, nên để lòng địch kẻ đáng giận. Huống chi Bắc kỳ là nơi của tiên quân ta đã trị nhậm trước, ơn trạch để lại hãy còn, chuyến đi này tất phải đốc suất quân nghĩa dũng, hăng hái, hết sức trừ bỏ bọn giặc để nay báo hiệu. Khi đến nơi, mộ họp, người tranh nhau theo đến, lại mộ thêm bọn lính dõng lang thang ở Quảng Tây, để thêm quân đi đánh giết, phần nhiều có bắt được giặc. Đánh được luôn 13 trận. Một hôm ở địa phương Đông Hồ, phủ Thuận Thành, gặp giặc tiến đánh, vì không có quân viện trợ, bị giặc giết chết. Việc đến tai vua, được truy thụ hàm Bố chính sứ. Đăng Hành nhận trước 13.000 quan tiền để mộ lính dõng, vua sai ty có chức trách phát triền kho để trả lại. Khi đưa đám tang về, lại hậu cấp cho người nhà. Sau liệt vào thờ ở đền Trung Nghĩa.

Digitized by Google

QUYỂN 14

TRUYỆN CÁC QUAN - MỤC THỨ IV

Trần Văn Năng, Nguyễn Khoa Minh,
Nguyễn Khoa Hào, Đoàn Văn Trường,
Đoàn Văn Sách (phụ: Văn Lục), Đoàn Thọ.

*
* *

Trần Văn Năng

Người huyện Vĩnh Xương, tỉnh Khánh Hòa, có sức vóc, giỏi võ nghệ. Gia Long năm Đinh Dậu (1777) đem lòng thành quy thuận, được bổ đội trưởng, rồi thăng lên thuộc nội cai đội, theo Lê Văn Duyệt đánh giặc, lập nhiều chiến công, thăng vệ úy. Lại theo Nguyễn Văn Thành đánh giặc. Kịp khi hạ được thành Bình Định, thăng phó đô thống chế hậu doanh Thần sách, rồi thăng đô thống chế.

Gia Long năm thứ 1 (1802), theo vua đi đánh ở miền Bắc, kịp khi giặc yên, đem thuyền chiến về kinh. Năm thứ 8, cai quản 5 doanh quân thần sách đi đánh ở Gia Định. Chưa được bao lâu, triệu về. Năm thứ 9, lại đi đóng thú, mộ lập lính Bảo Thành, để phòng sai khiến. Năm thứ 11, kiêm lĩnh phó tướng quân Chấn Vũ. Gặp quân nước Xiêm xâm lấn nước Cao Miên. Nặc Chân chạy đến Gia Định. Văn Năng đem quân đến Tân Châu, đặt phòng thủ ngăn giữ nghiêm ngặt, chạy thú về Gia Định, muốn trước hết đánh thành Nam Vang, để làm mất khí tâu lên. Vua cho là quân Xiêm tuy nhiều, nhưng tất không lo, bất tất càn mở khấn khích ngoài biên, nước Xiêm nếu phát quân ra trước, thì ta ứng tiếp cũng chưa muộn.

Digitized by Google

Năm thứ 12, theo tổng trấn Lê Văn Duyệt, đưa Nặc Chân về nước, rồi triệu về kinh, lại kiêm lý 5 doanh quân Thần sách. Năm thứ 17, ở Nghệ An có giặc cướp nổi lên, trấn thần không thể ngăn chống được, bèn lấy Văn Năng thay coi việc ở trấn. Minh Mạng năm thứ 1 (1820), quyền chưởng Tiền quân Ấn Vụ, kiêm lĩnh thị vệ đại thần. Năm ấy mới dựng cung Từ Thọ. Năng trông coi việc làm ấy. Năm Canh Tuất[1] kiểm duyệt quân đội, sung chức phù liễn sử. Kịp khi vua đi tuần ra miền Bắc, sung chức tùy giá đại thần. Khi vua trở về kinh được thưởng cho vàng bạc áo quần. Năm thứ 4, sửa lại nhà Thái Miếu sung chức đổng lý đại thần. Năm ấy, phiên đi làm phó tổng trấn Gia Định, lúc vào bệ từ, vua ôn tồn úy dụ, cho 500 quan tiền. Năm thứ 5, triệu về, làm thự tiền quân đô thống chế, coi danh sách các tập ấm anh danh. Năm thứ 7, thăng làm chưởng doanh, kiêm quyền lĩnh Thương Bạc, coi binh giáo dưỡng. Năm thứ 9, quản Tào Chính, rồi quyền lĩnh ấn triện của tướng quân thống chế. Năm thứ 13, thăng thụ Tiền quân đô thống phủ chưởng phủ sự. Mùa đông năm ấy rét lắm, Vua nghĩ đến Năng tuổi đã già, cho áo cẩm bào màu tía, dụ rằng: ngươi năm nay tuổi hơn bảy mươi, đặc biệt cho áo ấy để chống rét.

Năm thứ 14, vua cho rằng lúc buổi đầu đời trung hưng, Năng lập được nhiều quân công, có nhiều công tốt rõ rệt, tấn phong làm Lương tài hầu. Chưa được bao lâu, nghịch Khôi nổi loạn ở Nam Kỳ, vua lấy Năng sung chức Bình Khấu tướng quân, cấp cho cờ bài. Ngày ra đi vua dụ rằng: đi chuyến này, nếu giặc đã yên rồi, thì ngươi cũng dự có công đấy, nếu giặc chưa yên, mà ngươi có thể diệt được thì công càng lớn hơn. Vả, dẹp yên nơi biên giới, giữ cho dân được yên là trách nhiệm của đại thần. Nhân cho một thanh gươm chuôi bằng vàng, chuẩn cho con là vệ úy Văn Mân đi theo.

(1) Canh Tuất: Có lẽ là Canh Thìn thì phải hơn, chép lầm.

Digitized by Google

Năng được lệnh đem thuyền cùng Tống Phúc Lương, Phạm Hữu Tâm đến thẳng phần sông Lão Tố, Lôi Lạp, nhân đêm đánh úy phá được giặc ở đồn Giao Khẩu, chặt đứt khóa sắt ngang sông, bắt sống được tướng ngụy là Trần Văn Đề, chém bắt được bè lũ của giặc, thu được thuyền và khí giới rất nhiều. Tin thắng trận tâu lên, vua khen ngợi, thưởng cho một chiếc nhẫn mạ vàng có dát hạt ngọc kim cương, bằng hạt đậu lớn, 5 đồng kim tiền hạng lớn hạng nhỏ, quân công một cấp; dụ rằng: hễ lấy lại được tỉnh thành tất được thưởng nhiều hơn hết. Văn Năng nhân thế thắng đem binh thuyền cùng bọn tán tương Trần Chấn tiến đánh, giặc ở trên thành bắn súng lớn chống giữ, Năng thân đốc biền binh đến thẳng chỗ xưởng thuyền và kho tàng của giặc, giặc trông thấy bóng dáng chạy trốn, Năng lập tức thông báo cho quân các đạo là Tống Phúc Lương, Nguyễn Văn Trọng, kiếm cách lập đồn đóng quân, tùy cơ cứu viện, làm kế vây hãm thành.

Sớ dâng lên, vua dụ rằng: đại binh tiến sát đến dưới thành, không phải đánh giết mà có thể lấy được kho tàng, thuyền mành, tiền thóc nhiều như thế; cổ nhân bảo rằng không đánh mà được là thế; so với trận được ở mặt phố An Thông của Nguyễn Xuân, công thực gấp 2, gấp 5, lại thưởng quân công một cấp.

Gặp khi nước Triêm La (tức là Xiêm) xâm lấn nước Chân Lạp, vua nước Chân Lạp là Nặc Chân chạy đến tỉnh An Giang. Tin báo ở biên giới đến luôn, vua cho là việc quan hệ đến tình hình biên giới, không thể không ngăn phòng trước được. Mật dụ cho các tướng ở quân thứ Gia Định, liệu để lính dõng, đặt kế vây hãm giặc Khôi. Rồi chọn Văn Năng cùng bọn Trương Minh Giảng, Nguyễn Xuân quản lĩnh binh thuyền đến ngay Chân Lạp cho kịp công việc. Khi ấy quân Xiêm đã chiếm cứ tỉnh thành Hà Tiên và các chỗ quan yếu lợi hại ở nước Chân Lạp. Bọn Trương Minh Giảng, Nguyễn Xuân đem quân

Digitized by Google

bộ đánh phá quân nước Xiêm ở cửa Thuận, chém đầu mục lớn là Phi Nhã Khổ Lạc và bè lũ không kém hơn 20 thủ cấp cắt lấy tai. Văn Năng đem thủy quân tiến đến An Giang để đánh chận.

Sớ dâng lên, vua nói rằng: Văn Năng đánh giết lui được giặc Xiêm để phù hợp với tên hay là "bình khấu". Trương Minh Giảng đốc quân tiến sát đến đồn bảo Châu Đốc, cùng giặc hai bên cùng đối nhau bắn, suốt ngày chưa thể lấy được đồn. Văn Năng tức thì mang cờ quân lệnh ra, đốc tướng tá đem binh dõng chở thuyền đến thẳng Hà Tiên tiến đánh, lại chỉnh binh thuyền nhân thắng lợi đến thẳng thành Nam Vang đánh giết lấy lại được thành ấy. Văn Năng bị bệnh, đem quân sự giao cho Trương Minh Giảng rồi tự mang liêu thuộc chuyển về Gia Định. Đến bến Siêu (ở trên cửa Thuận tỉnh An Giang) ốm chết, hưởng thọ 72 tuổi, khi ấy là năm Minh Mạng thứ 16 (1835). Quân thứ ở Gia Định tâu lên vua biết, vua nghỉ coi chầu 3 ngày. Dụ rằng: Văn Năng là tướng cũ của triều trước, vẫn có công cao rõ rệt, kịp khi thờ trẫm nhiều năm, kính hậu trung thành, vẫn giữ bổn phận không thay đổi. Bữa nọ khâm mạng coi việc binh nhung, hăng hái địch kẻ đáng giận, thường lập công to, nay công lớn sắp lần lượt làm xong, lại vì khó nhọc nhiều mắc bệnh rồi chết, rất đáng thương tiếc. Vậy truy tặng là thái phó, tấn phong làm Tân Thành quận công, cho tên thụy là Trung Dũng, gia thưởng cho gấm màu, nhiễu màu, sa màu mỗi thứ 10 tấm, tiền 3.000 quan, chuẩn cho tướng quân Nguyễn Văn Trọng tuyên dụ, đến tế, truyền chỉ cho từ Bình Thuận trở ra Bắc, hộ đưa quan cữu đi đường bộ về nơi trú ngụ ở Kinh. Ngày an táng, sai quan đến tế một đàn. Vua lại thân làm bài thơ để viếng, sai hoàng tử Thọ Xuân công đến đám tang tuyên đọc, cho rượu tế. Đến Tự Đức năm thứ 10, chuẩn cho đưa vào thờ ở đền Hiền Lương.

Hai con trai: Văn Thọ tập ấm làm cai đội, làm quan đến

Digitized by Google

phó vệ úy. Văn Liên làm quan đến vệ úy. Cháu là Văn Chính làm quan đến cai đội, tập phong là Tân Thành tử.

*

Nguyễn Khoa Minh

Người huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên, cha là Khoa Thuyên, làm quan đến tham chính, em là Khoa Hào, làm quan đến thượng thư, đều có truyện riêng. Khoa Minh khi còn nhỏ chăm học, ngặp loạn Tây Sơn, đến Gia Định đem lòng thành quy thuận, lấy văn học tiến thân. Buổi đầu năm Gia Long, từ Hàn lâm viện thị thư thăng lên thiêm sự hộ bộ. Năm thứ 13, làm ký lục doanh Quảng Đức. Chưa được bao lâu, triệu về làm thự tham tri bộ Công. Buổi đầu năm Minh Mạng đổi bổ hữu tham tri bộ Binh, sung toản tu thực lục, năm thứ 6 sung đổng lý thanh tra bộ Hộ. Khi ấy mới định sổ lính, Khoa Minh điều trần nhiều việc để thi hành. Năm ấy Vua đi tuần địa phương Quảng Trị, Khoa Minh sung chức lưu Kinh hộ ấn đại thần. Kịp khi vua trở về thăng thự thượng thư bộ Hình rồi đổi thự thượng thư bộ Binh, Khoa Minh nhân xin dựng nhà giáo dưỡng để nuôi các con quan võ, khiến cho học tập võ nghệ, 3 năm sát hạch chọn dùng. Vua theo lời. Rồi vì khi trước ở bộ Hình phúc nghĩ án tên cướp Phạm Thế Điển có lỗi vì sự nhẹ người, có tội bị giáng làm hàn lâm viện tu soạn sung Văn thư phòng hành tẩu; lâu mãi được khởi phục làm thiêm sự phủ Nội vụ, rồi thăng thị lang bộ Hộ ra quyền hộ tào Bắc Thành. Năm thứ 8, triệu về, lấy nguyên hàm làm biện lý công việc bộ Hộ kiêm phủ Nội vụ.

Trước kia, Khoa Minh từ bắc về, Vua hỏi về việc động tĩnh. Khoa Minh thưa rằng: tình trạng gần đây ở Bắc Thành, về việc bắt giặc hơi ít, thành hạt không có việc, duy có sau khi lúa chín, bọn tiểu dân gặt trộm lúa ruộng, thói ấy chưa hết hẳn. Năm thứ 9, bổ hữu tham tri bộ Hộ, ra làm Hộ tào kiêm Công tào thành Gia Định. Năm thứ 10, về làm thự

Digitized by Google

thượng thư bộ Lễ kiêm quản Khâm thiên giám.

Năm ấy kính sửa Ngọc điệp, sung chức phó tổng tài; rồi đổi bổ thự bộ Lại kiêm quản viện Hàn lâm. Năm thứ 13, có khoa thi hội các cống sĩ, sung chức chủ khảo. Tới khi đi việc công về, thăng thự hiệp biện đại học sĩ, kiêm lĩnh chức như cũ. Năm thứ 14, kiêm quản bộ Binh bổng chốc đổi bổ làm việc bộ Hộ. Năm thứ 17, thực thụ hiệp biện đại học sĩ, lĩnh bộ Lễ sung Cơ mật viện đại thần, kiêm tào Chính. Năm ấy đến kỳ đại kế, gia làm thái tử thiếu bảo, đổi lĩnh bộ Hộ.

Năm thứ 18, vì có bệnh xin phép nghỉ về. Vua sai trung sứ đến hỏi thăm, ban cấp cho vị thuốc của vua dùng. Tới khi chết, vua nghe tin thương xót, cho thêm 3 tấm gấm Trung Quốc, 400 quan tiền, và các hạng vải lụa, nến, sáp ong, sai quan đến tế.

Khoa Minh trải thờ hai triều, từng kiêm 6 bộ, am luyện chính thể, vốn tỏ ra siêng năng, cha con, anh em, đều là quan sang. Có chín con trai, bốn người làm quan, là một họ lừng lẫy ở nơi Kinh phụ.

*

Khoa Hào

Là em Khoa Minh. - Buổi đầu năm Gia Long, lấy văn học tiến thân, bổ thụ Hàn lâm viện thị thư, rồi thăng lên tri phủ phủ Đức Quang. Năm thứ 14, thăng thự Thông chính sứ biện lý công việc bộ Lại. Minh Mạng năm thứ 5, thăng thự tham tri. Năm thứ 7, bổ đi hiệp trấn Nghệ An, vào bệ từ. Vua dụ về việc vỗ yên dân, ân ban cho 100 lạng bạc. Kịp khi nguyên lĩnh trấn trước là Trương Văn Minh vào ra mắt. Vua bảo rằng: Khoa Hào là người cẩn thận, trẫm vẫn chọn biết, cho nên giao trách nhiệm coi một phương diện, nay muốn triệu về thì thế nào? Văn Minh thưa rằng: trấn Nghệ An không phải người ấy không được, xin gia hạn cho một năm

Digitized by Google

nữa. Vua theo lời. Năm thứ 9, sung chức tham tán kinh lược đại thần, đi trấn Ninh kinh lý việc biên cương. Khi về thưởng gia một cấp và kim tiền sa màu một số đặt biệt.

Mùa thu năm ấy, thăng thự thượng thư bộ Lễ, rồi đổi sang bộ Binh.

Năm thứ 10, mùa xuân, ốm chết ở nơi làm quan, thọ 51 tuổi. Vua nhớ thương mãi, chuẩn cho hàm thự được thực thụ, cho thêm gấm Trung Quốc và tiền, lời dụ nói về ý hậu cấp cho đại thần.

*

Đoàn Văn Trường.

Người huyện Đông Xuyên tỉnh An Giang. Chưa rõ tổ tiên thế nào. Gia Long năm Đinh vị (1787) đem lòng thành quy thuận. Năm Mậu thân nhấc lên bổ cai đội Tuyển Phong doanh Thần Sách. Năm Tân Dậu bổ phó vệ úy trực sai Hữu vệ. Năm thứ 1 (1802) thăng Khâm sai thuộc nội cai cơ rồi thăng vệ úy vệ Toàn Vũ nội doanh. Năm thứ 17, sung chức quản phủ Diễn Châu, quản suất đồn Tiên Lý. Minh Mạng năm thứ 1 (1820), thăng thụ vệ úy thị trung thuộc nội. Năm thứ 6, thăng đề đốc Kinh thành, kiêm quản vệ giám thành. Năm thứ 7, chuyển làm đô thống chế Trung doanh quân Thần sách. Năm thứ 8, Vua đi tuần vào miền Nam, sung làm Tiền bộ Hổ tụng. Khi ấy nước Vạn Tượng bị nước Xiêm xâm lấn, xin viện trợ, Vua cho Văn Trường sung chức bang tá quân vụ, kinh lược đất biên giới trấn Nghệ An. Việc đã yên, triệu về, thưởng gia quân công một cấp. Năm thứ 9, ra trấn thủ Nghệ An, rồi lại triệu về làm chức cũ. Năm thứ 11, kiêm quản Tào Chính. Năm thứ 12, thăng thống chế hữu doanh. Năm ấy, bọn ác Man ở tỉnh Quảng Nam quấy nhiễu, Vua xuống chiếu cho Văn Trường đem đại binh đi đánh bắt; quân đến nguyên Chiêu Đàn (thuộc tỉnh Quảng Nam tiếp giáp xứ Man) dâng sớ nói sách Man Tà Vinh cùng các sách người Man ở Tu Nặc giúp

Digitized by Google

nhau làm ác đã lâu, chống cự quan quân, xin trước hết diệt Man Tà Vinh, thứ kịp Man Tu Nặc để tuyệt mầm mống ác. Vua cho là phải. Nhân đóng quân lại ở bản Vân Thủy (thuộc cõi Man), chia quân ra làm ba đạo đánh phá các sách Tu Nặc, Tu Trang, Mô Ô, cho quân đi tìm bắt, đốt những kho chứa, lại đem quân đuổi đánh Mường Tra, trước sau đi qua 17 sách, quyét sạch hết cả các sào huyệt của giặc.

Sớ dâng lên, Vua ra lệnh cho đem quân về Quảng Nam, đều cho ăn yến một lần, gia cấp kỷ lục một thứ, thăng làm tổng đốc Bình Trị, rồi đổi đi Thanh Hóa.

Phần biển tỉnh hạt ấy, thường năm giặc biển lẻn lút phát ra, quan quân đi tuần biển thường phải tội vì không có công trạng. Văn Trường mưu với Bố chính Nguyễn Đăng Giai dâng sớ nói binh thuyền đi tuần tiễu có ba điều không tiện, xin phái thêm thuyền ở Kinh hợp với thuyền miễn dịch chỉnh bị biền binh, thủy thủ, đồ phát hỏa, súng nhỏ, súng lớn chứa sẵn; về đồ mặc của thuyền phu thì giả trang làm thuyền đánh cá, thuyền đi buôn, đi lại ở ngoài đảo, hễ gặp thuyền giặc thì một mặt hội đánh, một mặt phát hiện thông báo về đồn sở và thuyền đi tuần tiễu đến tiếp ứng, cho yên giặc biển. Vua phê bảo rằng các việc đã trình bày, rất đúng công việc nên làm. Đoàn Văn Trường, ngươi là người có kiến thức khá, rất đáng khen ngợi. Năm ấy triệu về, đổi đi làm tổng đốc Bình Phú.

Vua cho rằng Văn Trường coi quân đã lâu năm, vẫn tỏ ra có công lao, tấn phong là Diên Hựu tử. Năm thứ 14, triệu về. Gặp khi các tỉnh Sơn, Hưng, Tuyên ở Bắc Kỳ cùng Thanh Hóa, Ninh Bình, có bọn đầu sỏ giặc là Lê Duy Lương, Quách Tất Công quấy nhiễu, Vua sai Văn Trường đi ngựa trạm đến tỉnh Thanh Hóa quản lĩnh các đạo binh ở Kinh phái ra Nghệ An và các tỉnh để đóng giữ; chuẩn cho con là Văn Thọ lệ thuộc đi theo. Dụ rằng: ngươi hãy đi, không đến vài tháng sẽ

Digitized by Google

có chỉ. Vả, triều đình mới định phong tước cho ấp, để đãi người có công, nên kính siêng chức nghiệp, để chịu tước lộc lâu dài, chớ nên cẩu thả cho xong việc. Rồi đổi đi tổng đốc Hà Ninh, thăng đô thống. Thự Tả quân Đô thống phủ chưởng phủ sự.

Năm thứ 16, ốm chết. Vua dụ rằng: Đoàn Văn Trường theo làm việc đã lâu ngày, vẫn tỏ ra siêng năng khó nhọc, chuẩn cho thực thụ những chức hàm đã thự khi trước, cho thêm gấm lụa và tiền. Tự Đức năm thứ 10, đưa vào thờ ở đền Hiền Lương. Con là Sách và Thọ đều là danh tướng, có truyện riêng.

*

Sách

Là dòng dõi tướng thần, đăng vào sách Anh Danh. Minh Mạng năm thứ 8 (1827), bổ làm suất đội tam quân Thần Sách. Năm thứ 11, tập ấm thụ hàm quản cơ. Năm thứ 15, thăng phó quản cơ. Năm thứ 15, thự phó vệ úy vệ Cự Dũng chuẩn cho đi đến quân thứ Gia Định làm việc bắt giặc. Năm thứ 16, vì có chiến công được thực thụ phó Vệ úy. Năm thứ 18, đổi đi phó lãnh binh tỉnh Hưng Hóa, tập phong là Diên Hựu nam rồi đổi đi làm phó lãnh binh phủ Hải Đông ở Trấn Tây. Năm thứ 19, đánh phá được giặc Xiêm, bắt chém rất nhiều, thưởng quân công kỷ lục và kim tiền, ngân tiền. Năm thứ 21, đóng ở bảo Chi Trinh, phó lãnh binh là Nguyễn Công Nhàn bị giặc vây chặt, Văn Sách đem quân ứng tiếp, bị ngăn trở không thể tiến lên được, mới chọn trích biền binh hơn 300 người do đường thủy cỡi thuyền chiến thân đốc quân đến thẳng xứ Tam Kỳ, đánh phá đồn giặc, bèn sai binh hai chi lên bờ trước, mà Văn Sách thì theo lòng sông chính chặt phá cọc ván, hướng về phía trước tiến lên đánh sát với giặc, chém hơn 30 thủ cấp giặc cắt lấy tai. Giặc bỏ đồn chạy. Nguyễn Công Nhàn thấy có quân cứu viện, mở cửa đánh giáp vào,

Digitized by Google

giặc tan vỡ cả. Chém được 5 thủ cấp, cắt lấy tai, đốt hết trại sách, mới giải được vây. Vua rất khen, thưởng thụ vệ úy, lại thưởng dao vàng, nhẫn vàng, gia quân công một cấp.

Văn Sách bèn cùng Công Nhàn bàn nhau cho là chỗ ấy nguy bức, không tiện ở lại, bèn về bảo Sa Tôn đắp thêm lũy đất để phòng bị. Sách nhân có bệnh trở về Hải Đông, Công Nhàn vẫn ở lại đấy. Mùa đông năm ấy, người Xiêm họp đông quân vây sát bảo Sa Tôn, sự thế nguy cấp, tướng quân Trương Minh Giảng thường ủy Văn Sách đem đại đội binh và dõng đến cứu viện. Văn Sách đem quân đến đánh rất dữ, lấy được 14 đồn của giặc, chém 190 thủ cấp giặc, cắt lấy tai, bắn chết hơn 400 tên, thu được súng lớn và khí giới rất nhiều. Lại phái quản cơ Hoàng Văn Quang dỡ lấy đồn của giặc, sửa thêm đồn lũy, vừa thấy bọn giặc ngầm lẩn nấp, Quang tức thì đem quân đuổi theo. Sách nghe thấy, cùng với em là Đoàn Văn Lộc đến ngay ứng tiếp, vừa đến chỗ rừng rậm, giặc bốn bên nổi lên, trước sau đánh giáp lại, Sách bị thương nặng, Lộc đánh nhau với giặc bị chết, Quang cũng bị giặc giết chết. Nguyễn Công Nhàn trông thấy, sấn lại đánh giết để cứu viện, giặc lui, mới hộ đưa Sách về bảo.

Việc đến tai vua, vua phê rằng: giặc được vây ở Sa Tôn đủ yên lòng trẫm, chỉ nghĩ đến Sách lại bị thương, là đáng lo thôi. Sách lấy toán quân không đầy 1.000 người đánh bọn giặc hơn 10.000 người mà được thắng trận lớn, đã mạnh lại có mưu, thật là xuất sắc, chuẩn cho thưởng thụ chưởng vệ, gia quân công 3 cấp, cho bài vàng Anh dũng tướng quân. Lại thưởng cái nhẫn khảm ngọc, kim cương, kim tiền phi long hạng lớn và 30 lạng bạc.

Thiệu Trị năm thứ 1 (1841), cùng với Nguyễn Tiến Lâm, Nguyễn Tri Phương tiến quân đánh phá Lâm Sơn ở Tham Đô, dẹp yên hết giặc ở Lạc Hóa (việc chép ở truyện Tiến Lâm) thăng thự đê đốc tỉnh Vĩnh Long, gia thưởng bài đeo bằng

Digitized by Google

ngọc trắng, có giây thao kết ngọc san hô trân châu rủ xuống; lại thưởng một cái nhẫn mạ vàng có khảm nhiều hạt ngọc kim cương, một đồng kim tiền "song long" hạng vừa, một cái áo trận bằng đoạn gấm tốt màu tím bông tròn nhỏ thêu kim tuyến.

Năm thứ hai, tù trưởng nước Xiêm là Ô Thiệt Vương đem nhiều binh thuyền, cướp biên giới ta, Văn Sách cùng tuần phủ Lương Văn Liễu đánh lui được. Cờ đỏ báo tin thắng trận, Vua dụ rằng: Anh dũng tướng quân Đoàn Văn Sách là con Diên Hựu tử Văn Trường, cửa tướng lại sinh ra tướng, dòng dõi danh thần, khi làm lãnh binh ở Hải Đông, dẹp yên giặc Xiêm, lập được công lớn, Hoàng khảo ta yêu mến, hậu gia thưởng bài vàng "Anh vũ tướng" nêu lên công đánh giặc, để lại cho trẫm; năm ngoái vì có quân công, thăng thự đề đốc, nay sai đóng giữ Hà Tiên, vừa gặp lúc có giặc lớn, lại hay lấy toán quân một đội, quét hết được giặc Xiêm, để cho ngày đi tuần miền Bắc, đỡ phải lo về trông coi miền Nam, công to lớn, thực đáng có cờ thói thưởng ghi công cho đến khi sông cạn núi mòn. Vậy hàm thự cho nay thực thụ, gia thưởng một cái nhẫn mạ vàng khoảng 7 hạt liền nhau, các thứ ngọc kim cương, hỏa tề, của vua dùng, một cái ngọc bội trắng có chữ "song phượng triều dương" rộng lòng, có dây thao kết ngọc trân châu san hô rủ xuống, kim tiền "phú thọ đa nam" hạng lớn, hạng nhỏ mỗi hạng một đồng.

Tháng 4 năm ấy ốm chết, vua xót thương mãi. Dụ rằng: Sách xuất thân từ người tá nhỏ, việc đánh ở Hải Đông, mang một toán quân đánh úp giết được quân hàng vài vạn của nước Xiêm, nước Lạp giải ngay được vây ở bản Sa Tôn, lại đuổi giết giặc, bọc vết thương, cố sức đánh, Hoàng khảo ta dụ cho trẫm ở trước mặt khen về đởm khí bao cả thiên hạ, không kém người đời xưa. kịp khi phái đi Lạc Hóa, đóng giữ tỉnh Hà Tiên, thường lập công to, biên cảnh yên lặng, đương mong

Digitized by Google

hát kéo quân về uống rượu, về đến nơi phong cho tước ấp hưởng mãi đến khi sông cạn núi mòn, mới rồi để đền công khó nhọc. Nghe tin có bệnh, tức thì sai cho đưa nhân sâm ở thượng phương của vua dùng để làm thuốc thang; nào ngờ bị nhọc mệt đã lâu năm dầu thầy thuốc giỏi như Biển Thước cũng không chữa được. Nghìn vàng dễ kiếm, một người tướng khó tìm, lấy gì mà viếng để an ủi lòng trung thành. Vậy tặng cho Tiền phong đô thống Anh dũng tướng quân, tấn phong Diên Hựu bá, cho tên thụy là Trung Vũ; tập ấm cho một con làm Cẩm Y hiệu úy để đời đời có chức tước mãi. Trừ ra chiếu theo hàm tặng cấp tiền tuất, lại cho thêm gấm màu, sa màu mỗi thứ bốn cây, lĩnh, trừu nhiễu các màu và vải lụa mỗi thứ 10 tấm, tiền 1.000 quan, sai quan đến tế một đàn. Vua nhớ tiếc mãi hơn 1 tháng không thôi, lại làm thơ để viếng. Con là Văn Thu được tập phong tước nam. Theo lúc quốc sơ, lẽ ra ơn cho tập ấm, thì Văn Thu chỉ được ấm thụ Cẩm Y hiệu úy, chứ không được tập tước. Nhưng vua nghĩ rằng: một nhà nối đời đời có đức tốt đời đời tỏ ra có công lao, công của Văn Sách coi với những người có được tập tước có khác, mới gia ơn chuẩn cho Văn Thu tập phong tước nam, vẫn ấm thụ Cẩm Y hiệu úy, đấy là đặc cách vậy.

Con thứ là Văn Tuyển lấy Phú Mĩ công chúa bổ Phò mã Đô úy.

Văn Lộc là em Văn Sách, vì là con nhà tướng lệ thuộc vào sách Anh Danh. Khoảng năm Minh Mạng theo Văn Sách đến Trấn Tây đánh giặc, chết tại trận. Thiệu Trị năm thứ 1, tặng là Kiến công Đô úy, cai đội, thụy là Tráng Hiện. Đưa vào thờ ở đền Tư Nghĩa.

*

Đoàn Thọ

Thọ lúc trước đăng tên vào sách Anh Danh, theo việc quân có công, Thiệu Trị năm thứ 3, làm Hậu Bảo hiệp quản

Digitized by Google

rồi thăng trung bảo vệ úy. Trước kia, tổng đốc Định Biên là Vũ Văn Giải đi trấn Tây trù liệu việc biên cương, Vua cho rằng Thọ là con nhà tướng, chuẩn cho đi theo, bảo rằng: hễ có khuyết chánh, phó lãnh binh hoặc quản vệ, thì chuẩn cho bổ thụ. Kịp khi việc ở trấn Tây đã yên, đổi bổ làm phó vệ úy vệ Hùng Nhuệ. Tự Đức năm thứ 7, thăng chưởng vệ. Năm thứ 9 kỳ đại kế xét công, vua thấy Thọ là người mạnh khỏe được việc chuẩn cho thăng thự thống chế doanh Kỳ Vũ. Năm thứ 10, quyền chưởng Trung quân. Năm thứ 11, thuyền Tây Dương hãm thành An Hải và thành Điện Hải (thuộc cửa biển Đà Nẵng tỉnh Quảng Nam). Vua sai mang tờ dụ đi tuyên bảo úy lạo khuyến khích tướng sĩ, đặt đồn, đắp lũy, và xét rõ hình thể tình trạng, có chỗ nào chưa hợp, thì bàn chỉnh đốn sửa sang thêm.

Năm thứ 14, bổ làm Trung quân đô thống, sung phòng hộ sứ cửa biển Thuận An. Năm thứ 16, thự Đô thống phủ chưởng phủ sự sung quản lĩnh thị vệ đại thần. Có 2 sứ giả nước Y pha nho và Phú Lăng sa đến Kinh, Vua sai thọ cùng Trần Tiến Thành đều sung việc tiếp đãi yến tiệc, thương thuyết các việc, sau vì thương thuyết không có công trạng gì, phải giáng lưu rồi kiêm chưởng Tả quân. Năm thứ 19, kỳ đại kế, Vua cho là Thị ở vệ đã lâu ngày, một lòng siêng năng cẩn thận, cho thự trung quân đô thống phủ đô thống, chưởng phủ sự.

Năm thứ 21, giặc nước Thanh là bọn Ngô Côn đánh hãm tỉnh Cao Bằng, quan quân đánh không lại (Tham tán Nguyễn Lệ chết, thống đốc Phạm Chi Hương bị bắt) Tham tán là Ông Ích Khiêm xin phái thêm lính và voi. Vua sai Thọ sung chức Bình khấu tướng quân, đem đại đội binh tượng chia làm ba đạo, đều do Thọ chỉ huy, tùy tiện làm việc. Khi đến chỗ quân thứ, cùng với Thảo nghịch tướng quân là Nguyễn Hiên tâu nói, tình thế ngoài biên, đánh giết và vỗ yên, hai đằng đều

Digitized by Google

khó, cân nhắc nặng nhẹ ở trong hai điều khó, thì vỗ yên là khó, mà chung quy không thể làm được; không bằng đánh giết là khó, mà còn có thể làm được. Xin lấy một đạo Lạng, Bằng làm chính binh, chuyên về tiến đánh. Hai đạo Thái, Tuyên làm kỳ binh, nghiêm đi ngăn chặn.

Năm thứ 22, lãnh binh quân thứ Thái Nguyên là Nguyễn Tri Thiện, Đặng Văn Đạo bị thua ở đồn Sơn Đầu, Thọ đổi sung tổng thống đạo Thái, thu thập binh dõng để đánh.

Vua dụ rằng: Lý Quang Bật thay Quách Tử Nghi mà hiệu lệnh đổi mới, tướng sĩ theo lệnh, đời cổ là người nào, đời nay cũng là người nào, phải đều cố gắng đấy.

Vua lại nghĩ, các quân ở Bắc Kỳ tự ngăn chặn, tự ủng hộ, bèn hợp Ninh, Thái làm một đạo, sai Thọ thống lĩnh cả.

Khi ấy toán phỉ vây sát phủ hạt Phú Bình (thuộc tỉnh Thái Nguyên), Thọ sai tham tán Lê Bá Thận, đề đốc Nguyễn Mỹ và tán tương Lê Thuyết (nguyên họ Tôn Thất nay đổi theo họ mẹ) đem biền binh đánh phá, đánh được luôn mấy hôm. Việc đến tai vua, vua bảo rằng: trận đánh này rất là đắc lực, vì Thọ trù tính sai phái được đúng, đặc biệt khen ngợi.

Năm thứ 23, tên giặc đầu hàng ở Lạng Sơn là Tô Tứ cùng Tăng Á Dã hợp bọn để làm phản. Đặng Văn, Hoàng Anh các bọn giặc lại nổi lên, vua chuẩn cho hợp Lạng Sơn, Bắc Ninh làm một nơi quân thứ, cho Thọ làm tổng thống Bắc Kỳ quân vụ. Tháng 10 năm ấy, bọn giặc họ Tô, đem đánh úp Lạng Sơn, giết lãnh binh là Lê Văn Dã, Trọng Bình, Văn Tường, Đặng Toán vượt qua thành chạy, Thọ lên thành đốc quân tàn hơn 10 người, chống đánh, không địch được bị chết. Việc đến tai vua, vua thương lắm, nói rằng: không bắt giữ cho đại thần được an toàn, là lỗi của trẫm.

Kịp sau thành thất thủ, án đã thành, vua cho là Đoàn Thọ thân làm chủ tướng, lỗi về sơ phòng để biến sinh ra lúc

Digitized by Google

thảng thất, tội vẫn khó chối được. Nhưng đương lúc bọn giặc ấy đánh úp, lại hay đem quân liều chết chống đánh, tiết liệt thực đáng khen, chuẩn cho giáng làm Trung quân đô thống, chiểu hàm cấp tiền tuất, cho thêm 100 quan tiền cấp cho người nhà; lập đền để thờ.

Thọ không có con, lấy Văn Diệu là con Văn Lộc, người em của Thọ làm con thừa tự, xét ra Diệu là người có học, ấm thụ cho Hàn lâm viện biên tu.

Digitized by Google

QUYỂN 15

TRUYỆN CÁC QUAN - MỤC THỨ V

Phạm Văn Điển.
Nguyễn Văn Quyền.
Vũ Văn Từ.
Phạm Văn Lý.
Nguyễn Xuân.
Phạm Hữu Tâm (con là Hữu Xuân)

*
* *

Phạm Văn Điển

Người ở huyện Phú Vinh, phủ Thừa Thiên, lúc còn nhỏ phóng phiếm nhưng có đởm lược. Gia Long năm Quý Sửu (1793) đem lòng thành quy phục, từng cho làm phó cai cơ. Năm thứ 1 (1802), thăng phó trưởng chi cai cơ rồi thăng mãi đến Thị tượng Vệ úy. Văn Điển trước làm tượng quân, dạy voi có phép. Minh Mạng năm thứ 5 (1824) lên làm thự Tượng quân thống chế, có chính sự lỗi được dự đình nghị, nhân vì tính vốn thô suất, vua từng lấy lẽ dạy bảo, cho miễn dự đình nghị. Năm thứ 7, lại chuẩn cho dự đình nghị như trước.

Khi ấy giặc biển ở Thanh Hóa không yên, vua sai cỡi thuyền đi tuần bắt giặc; lại lĩnh binh tượng đi Kinh lý việc biên cương ở phủ Cam Lộ. Vì phải tội mất chức, phải đến đài Trấn Hải để gắng sức báo hiệu. Năm thứ 13, khởi phục phó vệ úy, thăng lên lãnh binh quan tỉnh Hưng Hóa. Thổ phỉ là Đinh Công Tiến họp chúng vây nhiều tỉnh thành. Vua sai Văn Điển đến Sơn Tây bắt lấy binh, tượng đánh giặc. Văn Điển vừa đến nơi, thì bè lũ giặc là ngụy trung quân Trù đã đánh

Digitized by Google

hãm thành phủ Lâm Thao. Văn Điển hợp với quân các đạo tiến đánh, giặc phải thua, lấy lại được phủ thành; bọn giặc trốn đi, nhân đấy giải được vây ở Hưng Hóa. Tin thắng trận tâu lên, vua rất khen ngợi, thưởng cho kim tiền, ngân tiền và quân công một cấp.

Khi thổ phỉ đã dẹp yên, triệu về, chưa được bao lâu, thổ phỉ ở Thái Nguyên lên lút phát ra, Văn Điển được thăng thự thống chế, đề đốc liễu bộ quân vụ, đến Thái Nguyên đánh dẹp. Năm thứ 15, tháng 2 thổ trù ở Trấn Ninh là bọn Kiều, Huống làm phản viện nước Triêm La (tức Xiêm) vào ăn cướp. Khi ấy, Nguyễn Văn Xuân làm kinh lược đại sứ, Văn Điển là phó, mới đến Phủ Lật, gặp quân Xiêm kéo đến rất nhiều, quân lính thấy thế giặc đều sợ tái mặt đi. Văn Điển nói rằng: quân giặc nhiều, quân ta ít, nếu không kịp đánh ngay, bị giặc nhân thế nhiều quân mà đánh được ta. Bèn thân đốc tướng sĩ đánh trống, reo hò tiến lên, cố chết để đánh, giặc tan vỡ cả, quân ta nhân thế thắng đuổi đến cùng, thẳng đến cõi đất Xiêm, chém được một thủ cấp tên đại tướng của Xiêm ngay tại trận, bắt được bọn đầu mục và thu được khí giới rất nhiều. Phi nha Chất Tri bèn đốt trại sách ngầm trốn, nhân đấy tìm đồn sách của giặc đốt phá đi. Vua rất khen ngợi, chuẩn cho thực thụ thống chế.

Tháng 7 năm ấy, tri châu là Nông Văn Vân họp Thổ Man giữ phố Văn Trung làm phản, bèn vây hãm thành tỉnh Cao Bằng, lại quấy nhiễu tỉnh Lạng Sơn, các đạo quân Thái Nguyên, Tuyên Quang, đánh vẫn bị thua, nhân dân Bắc Kỳ sợ hãi, náo động. Vua cho Văn Điển làm đề đốc quân vụ mang binh ở Kinh đến Tuyên Quang, hội đồng với tổng đốc Sơn Hưng Tuyên là Lê Văn Đức trù nghĩ cách đánh giết. Văn Điển đến Sơn Tây, Văn Đức lĩnh đại đội đem đến Tuyên Quang chia tiến đánh, phá đồn Đào Lâm, bắt chém tướng giặc là bọn Tôn Trung, lấy được gạo lương, khí giới rất nhiều; lại đánh

Digitized by Google

phá các đồn Vị Xuyên, Phù Loan, Đại Man, đốt phá sào huyệt kho chứa. Giặc lui chạy đến Lang Can, lãnh binh là Phùng Hữu Hòa lại đánh cho giặc phải chạy.

Sớ dâng lên, vua nói rằng: quan quân đi đến đâu thì bọn giặc thua lướt đi, mà quân ta không chết mất người nào, chuẩn thưởng tiền cho tướng sĩ đều có thứ bậc khác nhau. Rồi cùng với quân các đạo Cao, Thái tiến đánh Vân Trung. Văn Đức từ Thuyền Giáp tiến lên. Văn Điển từ Họa Giáp tiến lên. Giặc dựa ở chỗ cao, chồng chất gỗ đá, dựng đồn sách, tựa chỗ hiểm để giữ, Văn Điển đốc chiến sĩ liều chết đánh, giặc bỏ sách chạy. Vua lại dụ: Tạ Quang Cự, Nguyễn Công Trứ đốc xuất tướng sĩ, đến ngay để hội đánh. Văn Điển bèn cùng Văn Đức dẫn quân tiến đánh thẳng vào sào huyệt giặc ở Vân Trung. Trước đây, đạo binh ở Tuyên Quang do sông Tiểu Miện tiến đến địa giới huyện Để Định. Phó thống lĩnh của giặc là Ma Doãn Cao, họp quân hơn 1.000 người đặt hai đồn bảo lớn, cùng làm ỷ giác[1] để cứu viện nhau, thế rất hiểm và vững.

Văn Điển bèn phái vệ úy Nguyễn Văn Quyền làm Tiên khu, đội ván gỗ da trâu, để chống đạn bay, chặt sắt nhổ chông, tiến sát vào. Lại phái Hoàng Đình Phượng ngầm ra bên hữu bảo của giặc, dựa chỗ cao bắn vào bảo của giặc. Đại quân nhân đấy tiến đánh, giặc bỏ bảo chạy. Khi ấy giặc Vân đã mang vợ con trốn đi từ trước rồi. Tức thì phái Nguyễn Văn Quyền đem hơn 1.000 quân, tiến đánh vào núi Ngọc Mạo, giặc đều bỏ trại không mà đi. Gặp đạo quân Cao Bằng là bọn Tạ Quang Cự vượt núi tiếp tục đến; đạo quân Tuyên Quang cũng vừa đến đấy, đều thân đem binh của đạo mình chia đường tiến đánh, đến thẳng địa giới nước Đại Thanh, cùng quan nước Thanh ra mắt nhau ở Bác Thẩm.

Sớ dâng lên, vua dụ rằng: Đại thần thống binh ba đạo,

(1) Ỷ giác: nắm sừng trói chân là ví như bắt hươu, người nắm lấy sừng, người trói lấy chân.

Digitized by Google

đánh giết từ trước đến giờ tuy chưa bắt được tên đầu sỏ giặc đưa đến xét xử; nhưng lặn lội khó nhọc, lại hay vỗ yên thổ dân, công đáng nên khen, đều gia cao mỗi người quân công một cấp. Phạm Văn Điển tiết thứ đánh dẹp, thường lập được chiến công; nay sai làm đề đốc quân vụ Tuyên Quang, lại hay đi đến đâu không ai dám địch, thường báo tin thắng trận, có thể hẹn ngày thành công được, gia ơn đặc cách phong cho tước tử.

Rồi sau cùng Lê Văn Đức đốt giết tên Nông Văn Vân ở xã Ân Quang. Trước đây, tên giặc Vân trốn sang địa giới nước Đại Thanh, tuần phủ Quảng Tây tiếp được giấy tư của ta, tìm bắt rất khẩn cấp. Vân trốn về xã Ân Quang, định ra thú. Nông Tĩnh Hòa bắt được giặc là bọn Nông Văn Lô đem đến trước của quân đầu thú, tình nguyện xin gắng sức. Văn Điển cùng Lê Văn Đức dò biết đích tin tức, sai Nguyễn Văn Quyền đem 2.000 quân đi trước. Văn Điển cùng Văn Đức dẫn quân kế tiếp đến. Giặc Vân toan vượt núi trốn chỗ khác. Bọn Tĩnh Hòa đem thổ dũng đón chặn, Vân lại lui ẩn ở khoảng hang núi. Chỗ ấy thế núi gập ghềnh, cây cối rậm rạm, khó tìm bắt được. Ngày đã gần chiều, Văn Quyền sợ tên giặc Vân trốn thoát, phóng lửa đốt 4 mặt, giặc Vân từ trong động đá xông ra bị lửa đốt chết, rơi xuống sườn núi; bên mình có một đỉnh vàng lớn, một con dao báu. Văn Điển cùng Lê Văn Đức tức thì cho mang cờ hồng báo tin thắng trận, bỏ đầu kẻ nghịch vào hòm đưa dâng ở dưới cửa khuyết, người đều thỏa lòng.

Vua mới trông thấy cờ hồng cả đẹp lòng, bảo quan hầu rằng: đêm hôm trước trẫm nằm không yên, không ngờ ngày nay có tin mừng này, thật là nhờ trời đất yên giúp, kính cảm xiết bao!

Sớ văn vừa đưa đến, vua dụ rằng: Thủ nghịch Nông Văn Vân đã từng giết hại quan lại, làm khổ dân chúng, tội ác rất lớn, trời đất không dung. Nay kẻ có tội đã bắt được, bờ cõi

Digitized by Google

yên lặng chính có thể kéo quân về, sớm cùng uống rượu mừng quân về đến nơi. Trước hết thưởng Phạm Văn Điển một cái bài đeo bằng ngọc, một cái nhẫn khảm ngọc kim cương. Kịp khi kéo quân trở về, vua sai đại thần là bọn Trương Đăng Quế, Tôn Thất Bằng ra ngoài quách đón tiếp, truyền chỉ úy lạo. Khi vào yết kiến, vua thân rót rượu ban cho, để tỏ ra quý trọng khác thường, cho làm lễ ôm đầu gối, lại cho một con ngựa bằng vàng, để tỏ ra có công lao đổ mồ hôi ngựa.

Xuống dụ rằng: Phạm Văn Điển là bề tôi kỳ cựu trước nhân có lỗi, rồi được khởi phục để dùng ngay, thế mà nay hăng hái gắng sức báo hiệu, tự mình là tướng tá nhỏ, riêng đem một đạo quân tiến đánh, mà có thể đánh giải được vây ở tỉnh Hưng Hóa, rồi đi trấn trị Thái Nguyên được yên tĩnh, trải nhiều lần ở nơi cõi ven, giặc Xiêm và Thổ Man đều trốn xa cả. Năm ngoái phái đi đề đốc nhung vụ tỉnh Tuyên Quang, không từ khó nhọc hiểm trở, phá thành bèn, chém đầu giặc, thường lập chiến công, đã từng phong cho tước tử. Duy đương lúc đánh dẹp, chưa kịp tuyên phong, kịp khi đánh thắng vào phố Vân Trung, phá bằng núi Ngọc Mạo, thì chỉ riêng có đạo Tuyên Quang chiếm được nước trước. Lại hay đốt giết kẻ thủ nghịch, lập được công đầu rõ rệt, hơn hết các đạo. Nay bàn công ban thưởng, liệt vào hạng ưu, không ai nói gì khác. Chuẩn cho tấn phong làm Tín Vũ bá, tiến lên trật đô thống thự Tả quân Đô thống phủ chưởng phủ sự, gia hàm Thái tử Thái bảo. Năm thứ 17, ra lĩnh chức Tổng đốc Thanh Hóa. Năm thứ 19, mùa đông, đình thần bàn là Văn Điển tiến đánh phố Vân Trung, muôn phần gian hiểm, mà có thể đánh phá được sào huyệt giặc, đốt chết được tên đầu sỏ giặc, nên công tất ấy, vũ công đáng ghi. Vua sai lập bia Vũ công, khắc tên vào đá, đặt ở trước sân Vũ Miếu, để ghi công tốt.

Năm thứ 20, triệu về, rồi lưu lại làm quan ở Kinh, vua càng yêu quý, hậu đãi lắm, tấn phong tước hầu. Năm ấy, xảy

Digitized by Google

sửa mặt trong bên tả, bên hữu và phía sau kinh thành. Năm thứ 21, sửa lăng Cơ thánh, Văn Điển đều đứng trông coi cả. Mùa đông năm ấy, sung Trấn Tây kinh lược đại thần, cùng quân thứ Trương Minh Giảng hội bàn việc quân. Khi Văn Điển mới đến quân thứ giữa đường gặp bọn giặc đều đánh phá được cả.

Thiệu Trị năm thứ 1 (1841), ngoài thành Trấn Tây đều bị bọn giặc ngăn chặn, quan quân ta chỉ đóng quân ở trong thành chống giữ. Chiếu thư thường đưa xuống bắt phải ra quân, Điển cùng bọn Trương Minh Giảng dâng sớ xin nhận tội. Vua giao xuống đình thần bàn, biếm làm chưởng vệ, tạm hãy cho quyền lĩnh tổng đốc An Hà. Lại sai cùng Nguyễn Công Trứ đi mau đến quân thứ ở Lạc Hóa, chia đi tiễu giặc còn sót lại; lại cùng Nguyễn Tiến Lâm cả đánh phá Lâm Sâm ở Tham đô, châu Lạc Hóa đều dẹp yên cả.

Năm thứ 2, lại đánh phá thổ phỉ ở Hậu Giang, vua xuống dụ khen ngợi, ban cấp kim tiền, nhẫn vàng, gia quân công một cấp. Cho thơ rằng:

Phiên âm: Khứ đoạn trường hình yên ba tức.
Kim lục phong hi tiêu khoảnh khắc.
Đa phúc, Tín Vũ chấn tiên thanh.
Cửu An, Văn Chương (Nguyễn Tri Phương) chiến tất khắc.

Dịch nghĩa:

Trước đây chém cá kình dài sống ở sông yên lặng,
Ngày nay giết con lợn lớn chỉ trong chốc lát,
Da Phúc, Tín Vũ nổi tiếng trước,
Cửu an, Văn Chương (Nguyễn Tri Phương) đánh tốt được.

Rồi cùng quân Xiêm đánh nhau ở Hà Âm, được thắng trận to. Vua phê bảo rằng: Phạm Văn Điển đem có 5000 quân, mà giết được 20 000 giặc, không đầy 3 khắc lấy được 8 đồn,

Digitized by Google

bậu 7 đầu tướng giặc ở trận, giết hơn 1000 quân giặc, tài dẹp giặc như thế thực là ít thấy. Đáng nên đặc cách ra ơn, cờ thường ghi công, thưởng thụ tả quân Đô thống phủ đô thống, lĩnh chức như cũ; lại thưởng cho vàng ngọc thật hậu. Nhân dụ sai dời quân họp tiểu các xứ sách sổ ở Thất Sơn. Văn Điển cho là địa thế Thất Sơn hiểm yếu, chưa có thể dẹp yên ngay được. Duy có thạm phủ là chỗ đất tất phải qua đấy, nên góp sức đánh trước để chẹt lấy chỗ hiểm. Nhân đốc quân các đạo trên đến châu vào đánh, phá lũy dài của bọn giặc, bắn giết một số nhiều.

Tin báo thắng trận đến nơi, vua cho là bọn Văn Điển hay ra quân trước kỳ, để đánh lấy được, thưởng gia quân công một cấp.

Tháng 4 năm ấy, bị bệnh chết. Vua lấy làm thương tiếc, nói rằng Văn Điển là người trung thành mạnh bạo, lúc tuổi trẻ theo đi đánh dẹp có rất nhiều chiến công, kịp khi thờ Hoàng khảo ta, từng giữ cấm quân, trải nhận ký thác ở một địa phương, thân đi hàng trận, có công rõ rệt biên giới và triều đình. Rồi sau cõi Tây không yên, cương quyết xin đi để mong báo hiệu. Được tiên thánh thương về tuổi già mà khen về chí khí, thế mà mạnh ở khi lâm trận, mà kém tài làm tướng, bấy lâu không có công trạng lại can lỗi nặng về việc quân. Trẫm nghĩ Văn Điển là bề tôi kỳ cựu, chuẩn cho lưu lại làm việc bất giặc, để cố gắng lập công sau này. Gần đây tù trưởng nước Xiêm giúp kẻ phản nghịch đem quân cả nước vào cướp ngoài biên; thế mà hay giết phá nước Xiêm, nước Lạp, không phụ ý tha thiết bắt buộc làm cho có thánh hiệu. Đương đợi bàn công uống rượu chí mừng quân về đến nơi, hưởng mãi sủng mệnh lâu dài. Không ngờ bị bệnh rồi chết, khiến người đau thương không thôi. Chuẩn cho gia tặng đặc tiến Tráng Vũ tướng quân Tả quân đô thống, Chưởng phủ sự, hậu cấp điển lệ tiền tuất.

Digitized by Google

Trước đây, Văn Điển đi trấn Tây, con là Văn Huy làm vệ úy vệ Cường Vũ tỉnh Thanh Hóa, vua cho cùng Văn Điển đều đi, để cho cha con cùng theo nhau. Kịp khi Văn Điển chết, vua chuẩn cho Văn Huy hộ đưa linh cữu về quê, sai quan đến tế một đàn.

Tự Đức năm thứ 11, đưa vào thờ ở đền Hiền Lương.

Văn Huy làm quan đến lãnh binh; cháu là Sĩ, tập ấm làm Cấm binh cai đội; cháu tằng tôn là Chước thừa tự.

*

Nguyễn Văn Quyền

Người ở huyện Bình An tỉnh Biên Hòa. Gia Long năm Giáp dần (1794) vào ngạch quân Thần Sách trải rồi thăng đến phó vệ úy, khâm sai cai cơ. Minh Mạng năm thứ 1 (1820), thăng vệ úy vệ Tiền nhị quân Thị trung, vệ úy Nội vệ ở thuộc nội, kiêm quản các đội túc trực vệ Cẩm y. Năm thứ 6, thăng lên Chưởng cơ, vẫn kiêm chức như cũ. Năm thứ 8, vâng phái đi Nam Định đánh bắt thổ phỉ, được thắng trận luôn, thưởng quân công kỷ lục hai thứ. Năm thứ 9, thăng thự thống chế, vâng chỉ đi Gia Định thao diễn quân sĩ. Năm thứ 12 đổi đi trấn thủ kiêm đê chính tỉnh Hải Dương, vì đê vỡ bị mất chức. Năm thứ 14, được khởi phục phó vệ úy, lĩnh thủy sư tỉnh Hà Nội, tiến đi Sơn Tây theo Phạm Văn Lý làm việc bắt giặc, đánh giải vây ở Hưng Hóa, rồi quyền sung lãnh binh tỉnh Tuyên Quang, lại đánh giải vây tỉnh Tuyên Quang, liền được quân công 2 cấp, kỷ lục hai thứ. Năm thứ 15, đem quân dõng tiến đánh giặc Vân, vì khinh địch tiến quân, bị thua, phải cách. Vua cho là tiết thứ theo đánh giặc, dự có chiến công, gia ơn cho khởi phục phó vệ úy; vài tháng sau, thăng bổ vệ úy, lại sung chức lãnh binh tỉnh Tuyên Quang, mang binh dõng theo thống súy Lê Văn Đức, tham tán Phạm Văn Điển đi đánh bắt giặc Vân, trải gian hiểm lập chiến công, lại phái riêng đi đánh giết đầu sỏ giặc là Nông Văn Vân, công lớn

Digitized by Google

làm xong (việc chép truyện Văn Điển) được thưởng kim tiền, nhẫn vàng. Khi đem quân về, vì xông pha lam chướng, nhọc mệt đã lâu ngày, bị bệnh chết.

Vua nói rằng: Nguyễn Văn Quyền từng theo đi đánh dẹp không ngại khó nhọc, nay vội chết đi, rất đáng thương tiếc. Chuẩn cho truy tặng hàm thống chế, chiếu hàm tặng cấp tiền tuất, thưởng thêm tiền 500 quan, hai cây gấm Trung Quốc.

*

Vũ Văn Từ

Người ở huyện Bồng Sơn, tỉnh Bình Định. Gia Long năm Bính Thìn (1796) đem lòng quy phục. Năm thứ 2 (1803) bổ làm cai đội. Buổi đầu đời Minh Mạng, nhiều lần thăng lên đến phó vệ úy. Năm thứ 14 (1833) thăng chưởng vệ, sung chức tham tán quân vụ, hợp với tổng thống Tạ Quang Cự đến Lạng Sơn đánh dẹp, đánh giải được vây ở tỉnh Lạng, lấy lại được thành tỉnh Cao Bằng, tấn phong là Gia Bằng nam. Khi ấy biên giới miền Bắc rối nhiều, Văn Từ vì có công đánh giặc, liền gia quân công vài lần. Năm thứ 15, triệu về, thăng làm thống chế quân Thần sách, lại đổi làm đề đốc thủy quân. Năm thứ 18, vâng chỉ đi Bắc Kỳ kiểm duyệt việc quân, Văn Từ hơi có tài xếp đặt ở ngoài. Vua khen là có kiến thức, thưởng gia một cấp và sa, lụa để khen ngợi.

Thiệu Trị năm thứ hai (1842), sung làm thị vệ đại thần, theo vua đi tuần miền Bắc, khi trở về Thanh Hóa ốm chết, thọ 73 tuổi.

Vua dụ rằng: Vũ Văn Từ trải thờ triều trước, vẫn tỏ ra công lao có tài năng; lại giữ lòng thành thật, trẫm đã chọn biết. Chuẩn cho truy tặng là đô thống, cấp thêm gấm lụa và tiền, cấp cho tiền tuất rất hậu. Khoảng năm Tự Đức chuẩn cho đưa vào thờ ở đền Hiền Lương.

Con là Vũ Văn Dao làm quan đến chánh đội Vũ Lâm.

Digitized by Google

Phạm Văn Lý

Người ở Tân Hòa, tỉnh Gia Định. Gia Long năm Bính Ngọ (1786) đem lòng thành quy phục. Năm Qúy Sửu (1793) thăng thụ cai cơ. Gia Long năm thứ 1 (1802), bổ làm khâm sai cai cơ vệ Lương vũ hữu quân, trải thăng lên đến vệ úy chưởng cơ. Minh Mạng năm thứ 3, quản lĩnh các vệ Tiền Bảo, Hữu Bảo, Tiền Phong, Hổ Uy, Thị Tượng, Hùng Cự. Năm thứ 7, sung chức thống quản tiền quân ở Nam Định. Khi ấy thổ phỉ là Vũ Đức Cát cướp bóc phận biển Trà Lý, giết chết viên trấn thủ. Văn Lý đem quân thuyền bắt được tên Đức Cát ở xã Đông Hòa, được thưởng gia một cấp, một khẩu súng điểu sang hoa bằng vàng của Tây Dương. Lại có thổ phỉ là Phan Bá Vành quấy rối cướp bóc các hạt Vũ Tiên, Chân Định, Văn Lý thống quản binh mạnh đến thẳng sào huyệt của giặc ở Đồ Sơn. Giặc nghe thấy bóng gió tan vỡ bỏ trốn cả. Năm thứ 8, đánh phá giặc Vành ở Tam Giang, bắt được rất nhiều. Tin thắng trận dâng lên, Vua rất khen ngợi, cho làm thống chế, thưởng cho một khẩu súng điểu sang dát vàng của Tây Dương, một con dao đầu sư tử mạ vàng, một cái áo trận bằng thung thúc màu đỏ, cúc bằng vàng. Dụ cho phải đánh giết rất dữ hơn, để sớm lập công lớn.

Giặc lại chia giữ các huyện hạt Thư Trì. Văn Lý cùng Nguyễn Công Trứ chia quân đánh giáp lại. Vành thua chạy giữ xã Trà Lũ làm chước liều chết để giữ. Vua nghe thấy thế dụ Văn Lý rằng: ngươi, gần đây thường hay đánh được trẫm khen về tài năng. Nay bọn giặc còn chống với quân ta, tưởng lòng trung thành tức giận của ngươi, phải nên diệt được giặc ấy mới ăn cơm sáng. Nên cùng các tướng chia đạo vây đánh, một trận đánh nên công. Trẫm vẫn biết ngươi có thể làm nên việc, cho nên chuyên trách cho ngươi phải có thành hiệu, cố gắng đi, cố gắng đi.

Văn Lý bèn cùng Nguyễn Phong tiến vây xã Trà Lũ, giặc

Digitized by Google

nhân đêm đánh úp, quan quân bị thua. Vua khiển trách nghiêm ngặt, truyền chỉ hẹn kỳ tiến quân. Văn Lý chia sai phó vệ úy là Phan Bá Hùng ngăn chặn, mà tự đốc các lộ đánh rất dữ, đánh thẳng vào sào huyệt, bắt được tên giặc Vành và bè lũ hơn 760 người, chém được rất nhiều.

Tin thắng trận báo lên, vua đương lo về bọn thổ phỉ chưa dẹp yên thức đến nửa đêm không ngủ, làm thơ "Xuân dạ ngôn hoài" (Đêm xuân nói nỗi lòng) để tỏ ý. Đêm hôm ấy được tin báo rất mừng. Vừa gặp khánh tiết, triệu về úy lạo, hỏi về sự thế đánh giặc khó hay dễ. Lý thưa rằng: biết được thế thì dễ, không biết được thế thì khó; giặc cậy quân ô hợp, nắm sẵn cái chết ra trận, cho nên mỗi khi cùng giặc đánh nhau, quân liều chết thì được. Thần nhờ uy trời, thường hay đánh nhau là vì thế. Vua khen và đẹp lòng cho cái quạt của vua dùng. Lại cho là bọn lũ của giặc còn sót lại chưa dẹp được hết. Chuẩn cho về Bắc Thành làm việc. Chưa được bao lâu, triệu về, thăng làm thống chế doanh Tiền Phong.

Ngày vào bái mạng, vua bảo quan hầu rằng: công đánh giặc ở Nam Định, Văn Lý là hơn hết. Nhân triệu lên trên điện, cho ngồi, yên ủi hỏi han hồi lâu. Văn Lý đã lui, lại bảo bộ binh là Lê Đăng Doanh rằng: Văn Lý tài không hơn người mà mạnh bạo làm việc, trong lúc hoãn cấp, lâm nạn không từ chối, hạng người như thế chưa dễ được nhiều.

Năm thứ 12, kiêm quản Tào Chính. Năm thứ 14, vua cho là Văn Lý có nhiều chiến công tốt, vẫn tỏ ra có công khó nhọc, tấn phong làm Quảng công bá. Gặp khi địa hạt Hà Ninh, lại có giặc quấy nhiễu, vua sai quản lĩnh binh quyền đi ngay đến Hà Nội, sung chức Đề đốc quân vụ.

Dụ rằng: Trẫm vẫn biết ngươi là người đánh giặc giỏi, nhưng thổ phỉ ấy là dân loạn, mình là đại tướng, cũng không nên xông vào mũi nhọn, hãm trận cùng họ, chọi nhau lấy được, phải thận trọng một chút, để giữ thể thống của người

Digitized by Google

đại tướng. Rồi chọn sung chức tổng thống quân vụ đại thần, hợp với tham tán Lê Văn Đức, Phạm Văn Điển xem cơ hội để đánh. Văn Lý nhiều lần tiến quân đến phủ Quảng Oai, thân đốc các viên biền, thường cùng giặc đánh nhau, được thắng trận luôn. Lại đem quân đến bảo Quỳnh Lâm, giặc bỏ đồn trốn. Văn Lý chia quân đánh thẳng vào phố Văn Phong. Bè lũ giặc là Đinh Công Thụ mang gia quyến chạy trốn, Văn Lý sai đốt cả những nơi giặc chứa để rồi dẫn quân về bảo Quỳnh Lâm đóng giữ. Vua cho là lui quân, giáng hai cấp, giục tiến quân lên đánh thẳng vào sào huyệt của giặc ở Đà Bắc.

Văn Lý dâng sớ nói: Thần nay 67 tuổi, khí lực hơi suy, lại mang bệnh điếc, về sức khỏe cố nhiên kém trước, nhưng tự xét do lòng thành cảm khích, còn có thể cố gắng đánh giặc, há dám cẩu thả, để mưu yên rỗi đâu? Nay xin hết lòng, hết sức, hợp với các viên thạm tán, hẹn ngày đánh bắt cốt mong cho xong việc, để bù lỗi trước. Bèn cùng Lê Văn Đức đóng quân ở Châu Thanh, tư hội quân các đạo tiến đến các chỗ thổ phỉ họp ở Cự Thắng, Đà Bắc, Vạn Bờ, quân đi đến đâu thổ phỉ đều sợ tan cả. Dâng sớ nói: bọn thổ phỉ trước bị Đinh Công Tiến nổi lên xui dục làm mê hoặc, nay quan quân tiến đánh, có kẻ sợ hãi trốn để lấy sống, có kẻ đến trước quân đầu thú. Vả lại quân ta lại đánh thẳng vào sào huyệt, tìm bắt ở núi rừng, Phá chỗ chứa để đốt chỗ ở náu tàn phá đã quá, nhưng kẻ đầu sỏ giặc còn trốn chưa giết được thì mầm mống kẻ ác còn chưa dứt hết. Nếu đem bọn ấy giết hết đi, sợ không ích gì, huống chi, chỗ ấy các núi chằn chịt, cỏ rậm ngập mắt, nếu chuyên lấy sức quân tìm bắt, thế cũng khó khắp được. Nghĩ nên tha cho chúng, không giết bắt để chúng tự bắt giết nhau, thì lấy người Man đánh người Man, không đến nỗi phí nhiều sức quân, có thể mong được xong việc. Sớ dâng lên. Vua cho là thế giặc ngày tới cùng quẫn, bắt phải xem cơ hội mà đánh bắt, cho giặc ấy sạch được sớm. Văn Lý lại cùng Lê Văn Đức đóng quân ở Vạn Bờ, chia đạo

Digitized by Google

quân chận tìm bắt. Bọn giặc nghe thấy bóng gió đều chạy trốn cả. Văn Lý đóng quân phòng chận nghiêm ngặt, rồi đem việc ấy tâu lên. Vua cho bọn giặc đều đã tan vỡ, xuống dụ chuẩn cho rút về nghỉ ngơi.

Vừa lúc Văn Lý bị bệnh, xuống dụ cho về ngay thành tỉnh Sơn Tây để điều trị, vài tháng thì chết.

Dụ rằng: Phạm Văn Lý theo việc quân đã lâu ngày, thường lập chiến công; nay nhân bệnh chết, rất đáng đau thương. Gia ơn cho khai phục những cấp bậc bị giáng, lại cho 100 lạng bạc, ba cây gấm Trung Quốc.

*

Nguyễn Xuân

Người huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Gia Long năm Kỷ vị (1799) đem lòng thành quy phục, trải thăng đến cai đội vệ Trung vũ, vệ Nội trực. Năm thứ 18, thụ phó vệ úy vệ Tín uy ở Thất Nội. Khoảng năm Minh Mạng, nhiều lần thăng lên đến Vệ úy. Năm thứ 9, bổ làm chưởng vệ, lĩnh viện sử viện Thượng tứ, quyền chưởng Kinh thành đề đốc. Vì làm lỡ về việc công, phải giáng luôn 4 cấp lưu dung. Năm thứ 14, thăng thụ hậu quân thống chế doanh Thần sách, sung Nam kỳ tham tán quân vụ đại thần. Chuyến đi ấy vua cho một thanh gươm vàng, để cho chức trách thêm long trọng rồi bổ làm tổng đốc Long Tường, vẫn sung chức tham tán quân vụ đại thần.

Khi ấy, giặc Khôi nổi loạn, tướng quân là Tống Phúc Lương đến sông Lão Tố, ủy cho Xuân đem binh dõng do sông Cát Giang tiến lên, gặp giặc phục ở bờ sông, đánh phá được, nhân thế thắng lợi, đốc quân lên bờ, đánh nhau to, bắt được rất nhiều, thu được khí giới không biết đâu mà kể. Tin thắng trận tâu lên. Vua thưởng cho quân công kỷ lục một thứ. Rồi sau người nước Xiêm lấn cướp các hạt Hà Tiên, Nam Vang,

Digitized by Google

quân các đạo ngăn chống không được, 2 thành ấy bị thất thủ, Xuân bị giáng hai cấp, liên cùng tham tán Trương Minh Giảng, hộ phủ Trịnh Đường đánh được giặc Xiêm ở cửa Thuận. Vua khen ngợi, tấn phong làm Tân Long (một thuyết là Tân Khánh) nam (việc chép ở truyện Minh Giảng).

Năm thứ 15, Xuân lại tiến đánh phá quân nước Xiêm ở sông Hữu Hộ, lại thân đốc binh tượng cùng giặc Xiêm đánh nhau ở Ca Lăng đều được cả. Sớ dâng lên. Vua nói rằng: Nguyễn Xuân xông pha tên đạn, trước lập công đầu, tấn phong cho tước bá, bổ thụ Tiền quân Đô thống phủ đô thống, lĩnh và sung chức như trước. Ngày tháng 4, sai làm Thảo nghịch tả tướng quân. Xuân từ thành Nam Vang về nơi quân thứ Gia Định, đem việc vào tâu, Vua nói rằng: Ngươi mới lập được công bình Xiêm, nay trao chức thảo nghịch chắc có thể xứng được chức vụ, phải cố gắng làm đi, sẽ thấy công ghi vào cờ kỳ cờ thường, phúc để mãi đến con cháu đấy. Lại sai thị vệ mang thanh đao bằng vàng và áo mở bụng bằng đoạn gấm có bông tròn rồng ổ ban cho. Năm thứ 16, thăng thự Tiền quân Đô thống phủ chưởng phủ sự, gia hàm Thái tử thiếu bảo. Tháng 7 năm ấy Xuân cùng Hữu tướng quân là Phạm Hữu Tâm, tham tán là Hồ Văn Khuê, Trần Văn Trí, thống đốc là Nguyễn Văn Trọng, khâm phái là Nguyễn Tri Phương, đốc quân hội đánh, lấy lại thành Phiên An. Trước đây, bọn lũ của giặc Khôi còn lại chiếm thành bền giữ quan quân đã mấy năm đánh mãi không hạ được. Xuân từ khi nhận cờ tiết việt, đốc việc binh nhung, bàn với các tướng, đặt kế đào mở đường luồn ngoằn nghèo làm chước đánh thành. Kịp khi đại quân hội đánh, quân kỳ, chính, cùng ra bèn hạ được thành. Cờ hồng báo tin thắng trận. Vua mừng lắm, thưởng trước cho một cái nhẫn mạ vàng khảm ngọc kim cương, một cái bài đeo bằng ngọc có chữ "phúc thọ".

Tháng 10, kéo quân về, sắp đến Kinh; vua sai đại thần

Digitized by Google

Trương Đăng Quế, Nguyễn Kim Bảng đến Nam đình trước để đón tiếp, truyền chỉ úy lạo. Khi vào yết kiến, tuyên chỉ triệu lên điện, cho ngồi, úy lạo rằng: bọn các người vì nước khó nhọc, lâu đến ba năm, ngày nay kéo quân hát trở về, trẫm lấy làm mừng lắm. Cho làm lễ ôm đầu gối. Thưởng cho Xuân một con hổ mạnh bằng vàng tốt, tỏ là uy như con hổ gầm vậy. Tấn phong tước hầu, gia hàm Thái tử thái bảo.

Năm ấy bị bệnh chết. Vua vì thế nghỉ coi chầu 3 ngày. Dụ các quan ở Nội các rằng: Nguyễn Xuân giữ tính thuần cẩn, vẫn giữ bình thường không đổi, chịu mệnh chuyên đi đánh làm xong được vũ công, ghi công vào cờ kỳ, cờ thưởng, phong tước lâu dài, vẫn mong cùng nước cùng vui mãi mãi, nào ngờ mắc bệnh rồi chết, rất đáng thương tiếc! Chuẩn cho thực thụ hàm thụ, cho tên thụy là Vũ Nghị, cho thêm gấm màu, sa màu và tiền khác với mọi người, sai quan đến tế một đàn. Năm thứ 19, lập bia vũ công, để Xuân đứng thứ nhì, khắc tên vào đá, đặt ở trước sân Vũ Miếu là để nêu công tốt vậy. Tự Đức năm thứ 11, đưa vào thờ ở đền Hiền Lương.

Con là Phú lấy An Cát công chúa, bổ phò mã đô úy.

*

Phạm Hữu Tâm

Người huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên là cháu xa của cai bạ tào Đằng Long hầu, Hữu Huệ. Ông là Hữu Ứng, làm quan ký lục doanh Bình Thuận. Cha là Hữu Hòa làm Huấn đạo. Hữu Tâm khi còn nhỏ có võ lược và có biết chữ. Năm Đinh Tị (1797) đem lòng thành quy phục. Gia Long năm thứ 1 (1802), làm khâm sai cai cơ ở cơ Tả thắng, can khoản bãi về. Sau theo Nội quân sai vát, Minh Mạng năm thứ 3 (1822), hộ đưa lương của quân đến quân trường ở Văn Bàn, Thủy Vĩ, đi đường gặp giặc Man, Hữu Tâm tức thì đốc suất lính và dõng đánh lui quân Man. Vua nghe thấy ban khen. Thưởng thụ cai đội, thí sai phó quản cơ ở cơ Hiệu Thuận, trải thăng

Digitized by Google

Vệ úy, thiên đi trấn thủ Biên Hòa, lại đổi làm vệ úy ban Tả trực doanh Thần Sách, đi làm việc bắt giặc ở Nam Kỳ, cùng giặc đánh nhau ở các xứ Cửa Thuận, cống Tân Kinh, được thắng trận lớn. Gặp loạn giặc Khôi ở Gia Định, đến Phiên An theo bọn Lê Tiến Bảo, Lê Đại Cương hợp sức châu lại đánh có công; thăng chưởng cơ chưa đầy một năm, thăng thống chế quân Thần Sách, kiêm thủy quân, rồi sung chức tham tán đại thần ở quân thứ Gia Định. Dẹp được giặc Xiêm ở Thuận Cảng, tấn phong Tân Phúc tử. Năm thứ 16, thăng tiến thự Thảo nghịch tướng quân, cùng bọn tả tướng quân Nguyễn Xuân đốc quân các đạo đánh hạ thành Phiên An. Tin thắng trận tâu lên. Vua đẹp lòng lắm thưởng tiền và nhẫn mạ vàng khảm ngọc kim cương to bằng hạt đậu lớn, thứ đeo bằng bạch ngọc san hô có dây thao rủ xuống.

Tháng 10, kéo quân về, sắp đến Kinh, vua sai đại thần đến Nam đình trước để tiếp đưa. Kịp khi vào yết kiến, triệu vào cho ngồi úy lạo hồi lâu; bảo rằng: ngươi vì nước khó nhọc, lâu đến ba năm, ngày nay kéo quân hát trở về, trẫm mừng lắm. Bèn cho làm lễ ôm đầu gối, thưởng một hình con gấu bằng vàng tốt, ý bảo là mạnh như con gấu vàng. Tấn phong lên tước bá. Mùa đông năm ấy, làm danh sách tiến lên. Vua cho là Hữu Tâm từng ở hàng trận, thường có công lao rõ rệt, gia hàm Thái tử thiếu bảo. Sang năm thăng thự đô thống, quyền giữ ấn triện doanh Tiền quân, kiêm giữ Tào chính.

Năm thứ 19 xây đắp bờ bên tả sông Hộ Thành, bắc cầu dài Đông Hội, sai trông coi việc ấy. Khi cầu làm xong, Vua khen về kiểu làm khéo. Gặp kỳ duyệt binh lớn, vua sai đến Thuận Khánh duyệt binh. Rồi vì đại thần ở ban võ trong Kinh không có mấy, bèn triệu về. Tháng 8, kỳ đại kế, danh sách dâng lên, Vua cho là Hữu Tâm có công về đánh dẹp rõ rệt, bổ làm tiền quân Đô thống phủ đô thống, tấn phong lên tước hầu, sai quan bộ Binh khắc tên vào bia Vũ Công, để ghi chiến công.

Digitized by Google

Năm thứ 20 (1839), mùa xuân, Vua hơi ốm, sắp khỏi toan ra coi châu, Hữu Tâm tâu nói: nhà Vua đức Kiên kiện vận hành, sửa sang mọi việc nhưng mà nhà Vua mới ốm dậy, đã dùng đến nhiều trí óc, lòng của người tôi cao, không thể tự yên được, xin hãy tĩnh dưỡng. Vua theo lời. Mùa xuân năm ấy, ra lĩnh tổng đốc An Tĩnh; chưa được bao lâu, đổi đi Hà Ninh.

Thiệu Trị năm thứ 1 (1841), gia hàm Thái tử thái bảo. Năm ấy gặp lễ Ninh lăng Thánh tổ Nhân hoàng đế, về Kinh dâng hương. Vua triệu lên điện bảo rằng: ngươi là đại thần có công lao kỳ cựu. Tiên đế vẫn để ý chọn dùng. Trước đây có nghe quốc tang, dâng sớ xin làm lễ viếng. Trẫm thấy Hà Nội là chỗ quan trọng, nên hay lưu lại. Nay triệu ngươi về, ngươi có thể giúp trẫm những điều trẫm không nghĩ tới, đấy là báo tiên đế đấy. Cho ngồi, cho uống nước chè. Rồi vì sang năm vua ngự ra Bắc Thành, lại cho về tỉnh lị.

Tới kỳ đại kế, xuống dụ rằng: Hữu Tâm dưng công ở biên giới, triều đình công lao đức vọng vốn vẫn rõ rệt. Nay trẫm mới nối ngôi coi việc nước, ngươi trấn trị ở Long Biên được yên tĩnh, chuẩn thưởng cho một cái đai vàng mã não khảm ngọc châu.

Năm thứ 2, Hữu Tâm ở Hà Thành, bị bệnh, vua sai trung sứ úy lạo hỏi thăm, cho sâm quế của vua dùng, sai viên Thái y đến xem mạch để chữa. Tới khi bệnh nặng, xin về làng, đi đến Nghệ An thì chết. Tin báo tang đến, vua ngậm ngùi nói rằng: Hữu Tâm lúc tuổi trẻ đi làm việc, có nhiều chiến công. Kịp khi thờ Hoàng Khảo ta, từng trải làm quan trong ngoài, tỏ ra nhiều công chiến trận, được thánh ơn hậu đãi, cho tước để đền công, để lại để giúp đỡ trẫm, thực là bề tôi cốt ngạnh[1] Năm ngoái triệu về Kinh, vừa gặp điển lễ bang giao lớn, hãy

(1) Cốt ngạnh nghĩa đen là cái xương mắc ở cổ. Để ví người bề tôi trung thành chính trực.

Digitized by Google

cho về tỉnh lị, để đương lấy địa phương quan trọng. Khốn nỗi: bệnh già thêm kịch, đã từng chuẩn cho điều dưỡng, mong được sớm khỏi, để chia sủng mệnh quý mến; nào ngờ bệnh thế khó chữa, chết tại giữa đường, khiến người thương tiếc mãi. Chuẩn cho gia phong quận công, cho tên thụy là Trung Túc, thưởng thêm gấm nhiễu các hạng, sai thị vệ đi ngay đến ban cấp; chuẩn cho ngựa trạm đưa linh cữu về quê. Ngày hôm an táng, cho 3000 quan tiền, sai qua đến tế 2 lần.

Hữu Tâm kịp thờ 3 triều, một lòng trung tiết, dẹp yên giặc nghịch, đánh lui giặc nước Xiêm, công nghiệp rõ ràng, danh vọng rõ rệt. Sau khi chết, Vua thường nghĩ đến. Nhưng lúc hàn vi, không nghĩ đến sự cẩn thận nhỏ nhặt, buông the không nghiêm đến nỗi đã bàn dự đưa vào thờ ở đền Hiền Lương sau lại thôi.

Con là *Hữu Xuân*, có tài năng thao lược, tập biết việc binh lúc đầu được ấm thụ Tinh binh phó vệ úy, tập phong tước bá, rồi được bổ dụng. Tự Đức năm thứ 16 (1863) bổ là chưởng vệ ra lĩnh chức đề đốc tỉnh Sơn Tây. Khi ấy, đốc bộ là Nguyễn Bá Nghi thấy Hữu Xuân là con nhà tướng, có tài làm tướng, xin cho làm hộ lý. Vua bảo rằng: tướng tài khó được, trẫm có tiếc gì, nhưng quyền làm tướng không chuyên trách thì lấy gì mà thi hành quyền phép. Nhưng chức đề đốc cũng đã trọng rồi, phàm các chính sự lớn về việc yên dân phòng giặc, sửa sang, chuẩn cho cùng Hữu Xuân cùng bàn luận.

Gặp khi thổ phỉ chiếm cứ Tuyên Quang, lan xuống phủ Đoan Hùng, thế rất mạnh. Tuyên Quang, Đoan Hùng nối nhau không giữ được. Bá Nghi thường ủy Hữu Xuân cùng phó đề đốc Vũ Tảo đem quân đánh để cứu viện, mới lấy lại được phủ thành, liền phá đồn giặc, chém được khá nhiều, mới có 20 ngày, tiến sát đến thành Tuyên Quang, giặc không kịp vào thành, đều tự tan vỡ cả, quan quân lấy được tỉnh thành, bắt

Digitized by Google

được tên đầu sỏ giặc là Lê Duy Uẩn, đóng cũi đưa về Kinh, dân hạt ấy lại được ở yên, bèn về nơi quân thứ rồi chết. Vua nghe tin lấy làm thương tiếc, truy tặng hàm thống chế, hậu cho tiền tuất và sai quan đến tế. Như Hữu Xuân này thực không phụ là con nhà tướng.

Con thứ là Hữu Hóa lấy Mĩ Thuận công chúa.

Digitized by Google

QUYỂN 16

TRUYỆN CÁC QUAN - MỤC VI

Lê Văn Phú,
Nguyễn Đăng Doanh,
Hồ Văn Khuê,
Trần Văn Trí,
Ngô Bá Nhân,
Lương Tiến Tường,
Nguyễn Kim Bảng,
Hoàng Văn Diễn,
Nguyễn Văn Trọng.

*
* *

Lê Văn Phú

Người huyện Quảng Điền, phủ Thừa Thiên. Gia Long năm Tân dậu (1801), đem lòng thành quy phục, sung vào đội Thượng trà. Năm thứ 12 (1813), bổ làm chánh đội trưởng suất đội đội Thị trà. Minh Mạng năm thứ 1 (1820), thăng cai đội, rồi thăng mãi đến vệ úy, chưởng vệ. Thiệu Trị năm thứ 1 (1841), thự thống chế doanh Thần cơ dự vào đình nghị. Năm ấy kỳ đại kế xét công, vì là người nhanh nhẹn được việc, chuẩn cho thực thụ. Năm thứ hai, Vua đi tuần miền Bắc, xuống dụ chuẩn cho lại Kinh, rồi sung chức tham tán đại thần ở Nam Kỳ cùng tổng thống Lê Văn Đức đánh phá đồn Sách Sô của giặc, được thưởng quân công kỷ lục và kim tiền. Vì có công được quyền lĩnh tổng đốc Định Biên. Vua dụ rằng: Định Biên là chỗ quan trọng ở Nam Kỳ, nên phát triển mưu mô tốt, yên hợp dân ở biên giới, để xứng ý trách nhiệm phải làm có thành hiệu của trẫm. Năm thứ 5, đổi đi làm đề đốc Gia Định, khi

Digitized by Google

ấy việc ở biên giới Trấn Tây có thể nhân cơ hội làm được, vua sai Vũ Văn Giải đến nơi trù biện việc quân, cho nên Văn Phú vì thế đổi làm chức khác. Chưa được bao lâu, lại làm tổng đốc Định Biên, rồi có mệnh lệnh đi làm tổng thống tiểu bộ quân vụ đại thần. Tới khi nước Cao Miên lại đầu hàng, xuống chiếu khen về hòa hợp vỗ yên, đều có thành tích. Thưởng một cấp trác dị, một cái nhẫn mạ vàng ngọc kim cương lớn, một cái bài đeo bằng ngọc khánh lương, giây thao rủ xuống có xâu hạt san hô.

Ngày kéo quân hát trở về, vua cho là Văn Phú khó nhọc ở ngoài đã lâu, sai quan hầu dự đón tiếp ở trường đình đằng nam truyền chỉ ủy lạo. Khi vào châu, vua thân cho áo mặc mát, bằng lụa đỏ, và quạt của vua dùng đề chữ "Tây chinh sự bình" để tỏ ra ơn sủng đặc biệt. Ngày hôm sau, vua ngự điện Cần Chính, truyền chỉ gọi đến trước mặt, vua thân tay rót rượu úy lạo hồi lâu, lại xuống dụ rằng: Tổng thống Lê Văn Phú đem quân đi, ngựa đến đâu thành công đến đấy, ban cho một cái chén bằng ngọc tốt, một con ngựa tuấn mã bằng vàng, để tỏ ra là công cỡi ngựa ra đánh giặc đáng ghi. Năm thứ 7, kỳ đại kế xét công, bổ làm Thủy sư đô thống ở Kinh kỳ sung quản Thị vệ đại thần. Trước đây Văn Phú vâng mệnh, coi việc binh nhung, hay cùng với các đại thần cùng lòng cùng đức, làm việc gì đều đúng khớp, đến được yên họp, hơn nữa nhận coi một phương diện đã lâu, thu lương gọi quân để tiếp tế, chiếu thư thường thường khen ngợi. Đến khi xét công ở trấn Tây, phong là Vĩnh Trung nam. Năm ấy, có báo cáo vũ công đã thành, Vua sai đúc súng ghi công, sắc cho bài minh ghi công, khắc tên ở súng đồng "Thần uy phục viễn" thứ ba, lại dựng bia ở Vũ Miếu để nêu công.

Tự Đức năm thứ 1 (1848), đổi làm tổng đốc Hà Ninh, rồi bổ làm Tả quân đô thống phủ đô thống. Kịp khi vua đi tuần miền Bắc, vì có công trông coi sứ quán, thuyền mành

Digitized by Google

và đường sông, đường bộ đều yên ổn cả, gia thưởng một cấp. Năm thứ 3, xét công lại thưởng thêm 2 cấp. Năm thứ 4, đổi làm tổng đốc An Tĩnh. Năm thứ 6, đổi làm tổng đốc Định Yên. Rồi bị bệnh chết.

Vua dụ rằng: Lê Văn Phú, từng theo việc binh nhung, được phong tước ấp vinh dự, trải lĩnh ký thác ở một địa phương, có công lao tốt rõ rệt, gia ơn thưởng cấp cho các hạng gấm Trung Quốc cùng là vải lụa, và 1000 quan tiền, chuẩn cho được thờ ở đền Hiền Lương.

Con là Đồng lấy công chúa, bổ phò mã đô úy, sau cải bộ, làm quan đến Quang lộc tự khanh. Cháu là Đình Hòe ấm thụ Tinh binh suất đội, sau trúng hạch, cải sang hàm văn trải thăng đến Quang lộc tự khanh. Hàm Nghi năm thứ 1 (1885), Kinh thành có việc, chết ở trận.

*

Lê Đăng Doanh

Trước nhập tịch ở Gia Định, sau nhận quê tổ ở huyện Thuận Xương (xã Bích La) tỉnh Quảng Trị. Gia Long năm Bính Thìn (1796) đi hạch được trung cách, năm Đinh Tị bổ chức thị học viện Công sĩ. Năm thứ 4, thăng làm tri bạ thành Gia Định. Minh Mạng năm thứ 1, thăng tham biện Hà Tiên, chuyển làm thiêm sự bộ Lại, sung chức toản tu "Liệt thánh thực lục" trải làm cai bạ Phiên An. Năm thứ 4, vì can khoản giáng hàm Thị giảng học sĩ, rồi bổ thiêm sự bộ Lại hiệp lý Bình Định trấn vụ. Năm thứ 6, đổi làm Thông chính sử làm công việc bộ Lại. Năm thứ 7, sung chức tri cống cử thi Hội; khi thi Điện lại sung chức đọc quyển rồi thăng lên tả thị lang, kiêm lĩnh Thương Bạc sứ. Năm thứ 8, từng làm tham tri bộ Hình, bộ Hộ, bộ Lại, quyền chưởng ấn triện bộ Lại. Năm ấy có kỳ thi Hương sung chức chủ khảo Thanh Hóa. Khi xong việc về sung chức kinh lý tham tán biên vụ đại thần ở Quảng Trị. Khi ấy, tướng nước Xiêm là Sâm Kiêm dẫn

Digitized by Google

quân đến lấn châu Tầm Bồn phủ Cam Lộ, nói thác là đuổi bắt vua nước Vạn Tượng, nhân đó mà cướp bóc thổ dân, và đòi hỏi cống thuế các châu và thuộc Man xiêu dạt đến ở đấy. Vua sai chia đường đón chận, Đăng Doanh bèn cùng Phạm Văn Điển tiến quân đến châu Lang Thìn thì quân Xiêm rút đi. Rồi triệu về Kinh, bèn dâng bản đồ từ sông Khung đến Ai Lao được thưởng quân công kỷ lục một lần. Năm thứ 10, thự thượng thư bộ Lại sung chức phó chủ khảo trường thi Hội, lại sung chức đọc quyển thi Điện. Năm thứ 11, bổ thượng thư bộ Binh, kiêm làm công việc bộ Công. Năm thứ 12, sung chức chủ khảo trường Thừa Thiên, rồi kiêm giữ ấn triện của tự Quang Lộc. Năm thứ 13, thự Hiệp biện đại học sĩ lĩnh thượng thư bộ Công. Năm thứ 14, làm cửa Đại cung điện Thái Hòa. Đăng Doanh cùng thượng thư là Nguyễn Đăng Minh, thống chế là Hồ Văn Khuê trông coi việc ấy lại kiêm quản Khâm Thiên giám.

Tháng 6 năm ấy, giặc Khôi nổi loạn ở Nam Kỳ, Đăng Doanh sung chức tham tán đại thần, cùng Binh khấu tướng quân là Trần Văn Năng cỡi binh thuyền tiến đánh. Dụ rằng: ngươi có trách nhiệm tham tán, phàm việc ở trong quân nên bàn mưu với tướng quân, nếu các đạo bàn bạc hoặc có bên nọ, bên kia khác nhau, thì ngươi ở giữa hòa giải, việc cần phải làm được, công cần phải thành, là khéo đấy. Nhân cho thanh gươm bằng vàng, để cho trách nhiệm được long trọng. Ngày tháng 8, tiến đến nơi quân thứ, vì đi đường chậm chạp, dâng sớ xin nhận tội. Vua phê bảo rằng: đường biển nguy hiểm, trẫm chính vì ngươi lo lắng, có muộn gì đâu. Năm thứ 15, chuẩn cho lĩnh thượng thư bộ Binh đợi việc quân thứ xong, triệu về cung chức. Rồi vì quân luật không nghiêm, phải giáng 2 cấp.

Tháng 4, Doanh cùng Tống Phúc Lương đánh thành Phiên An không được. Vua cho là trù tính không đúng, bắt giải chức

Digitized by Google

về Kinh, đợi chỉ. Rồi vì ngày ở nơi quân thứ dung túng cho con trai con gái giặc phạm, bộ bàn cách chức. Chưa bao lâu, vua gia ơn cho khởi phục Hàn lâm viện biên tu.

Năm thứ 17, thăng lang trung bộ Hộ thự bố chính sứ tỉnh Quảng Trị hộ lý tuần phủ quan phòng. Dâng sớ nói: công tư điền ở tỉnh ấy, gián hoặc có gia cư mộ địa đình chùa miếu vũ, mà thuế lệ nhất thiết bắt theo như thuế ruộng, có phần nặng quá, xin y lệ công thổ thay nộp, để tiện cho dân. Vua nghe lời. Tháng 11, thăng Đô sát viện hữu phó đô ngự sử, kiêm quản Thông chính ty. Năm thứ 19, quyền giữ ấn triện bộ Binh, kiêm làm công việc bộ Hình, rồi thăng thự thượng thư bộ Hình sung cơ mật viện đại thần. Rồi vâng chỉ mang cờ bài mệnh vua đến Bình Định đốc viên án sát mới là Phạm Khôi tra xét về việc án nguyên án sát Vũ Thế Trường.

Năm thứ 21, hội duyệt hai kiểu đất Thuận Sơn, Hiếu Sơn, xứng ý vua, được gia một cấp. Lại vâng chỉ trông coi công việc ở Thuận Sơn. Thiệu Trị năm thứ 1 (1841), thự hiệp biện đại học sĩ, lĩnh thượng thư bộ Lại, kiêm sung chức sư bảo của hoàng tử hoàng đệ. Vua dụ rằng: Ngươi nay kiêm lĩnh chức sư bảo, nên dỗ bảo rèn đúc thế nào, khiến cho đều nên tài đức, để xứng ý của trẫm bất buộc làm cho thành hiệu. Còn việc tầm thường ở bộ, đã có chức Á khanh chia giữ, ngươi chỉ đi lại kiêm coi, tóm lấy đại cương thôi.

Năm ấy, lục dụng con các đại thần, khi ấy con Đăng Doanh còn nhỏ, được cho ăn lương thất phẩm. Tới kỳ đại kế dâng sự trạng quan to ở Kinh và ở ngoài, vâng lời vua dụ rằng: thự hiệp biện đại học sĩ lĩnh thượng thư bộ Lại Lê Đăng Doanh là người kỳ cựu thành thực, hòa nhã kính cẩn, chuẩn cho thực thụ, các chức được kiêm và sung và lĩnh đều vẫn như cũ.

Năm thứ 2, vua bảo Đăng Doanh rằng: ngươi là đại thần cố cựu, có đức vọng lớn, đã chuyển Tây tịch (thầy dạy vua

Digitized by Google

học) lại kiêm Bách đài (làm ngự sử), tuổi già việc nhiều, trông nom sao cho khắp. Nay không phiền ngươi về việc ở đài nữa, duy có đình nghị và sự thể trọng đại, nên cùng với các đại thần làm cho xác đáng, bèn sai làm dấu quan phòng của hiệp biện đại học sĩ bằng bạc ban cấp cho. Năm thứ 4, lại đến kỳ đại kế xét công, vâng lời dụ rằng: Hiệp biện đại học sĩ Lê Đăng Doanh sáng suốt, công bằng đốc hậu thành thực, ngay lành, có tiết tháo, không theo lưu tục, theo làm việc đã nhiều năm hết lòng trung thành. Ấm thụ một người con hàm chánh thất phẩm.

Tự Đức năm thứ 1 (1848) ốm chết, truy tặng hàm Thiếu sư Văn minh điện đại học sĩ, cho tên thụy là Văn Nhã, chiếu phẩm cấp tiền tuất, cho nhiều gấm màu, sa màu, vải lụa và tiền một số khác thường, sai quan đến tế, cho rượu tế.

Vua cho là Đăng Doanh từng thờ 4 triều, tuổi cao đức tốt đã từng sung chức Tây tịch, giúp ích rất nhiều cho nên lễ đãi rất hậu. Năm thứ 22 tiết tứ tuần đại khánh của Dực tông Anh hoàng đế. Vua nhớ lại đến bề tôi cũ ở chỗ màn sa đỏ (là chỗ giảng dạy) cho tế ở nhà.

*

Hồ Văn Khuê

Người huyện Hương Trà phủ Thừa Thiên. Gia Long năm Tân Dậu (1801) đem lòng thành quy phục. Năm thứ 15 bổ làm cai đội tam doanh Kỳ Vũ. Minh Mạng năm thứ 1, thăng làm thuộc nội cai đội vệ Tiền doanh tiền phong. Năm thứ 3, coi thuyền hiệu Đại Trung Bảo đi Quảng Đông mua hàng hóa, vì lầm lỗi về việc công phải bãi chức đày đi Hạ Châu (Mã Lai - Singapour) gắng sức theo sai phái để báo hiệu. Năm thứ 5, khai phục nguyên hàm, rồi thăng bổ cai cơ, nhiều lần vâng phái coi binh thuyền đến địa phương Giang Lưu Ba (Kinh đô nước Nam Dương tức là Gia-các-ta (Djakarta) làm việc công, lặn lội sóng gió, trải đến 2 năm. Vua khen là nhanh nhẹn

Digitized by Google

được việc, thăng lên phó vệ úy vệ Hữu doanh Long Vũ quản thị nội. Năm thứ 6, chuyển làm vệ úy vệ Tả doanh Tiền phong quản nội tàn. Năm thứ 12, bọn Ác Man ở nguồn Chiêu Đàn, Quảng Nam quấy nhiễu, Văn Khuê theo thống chế Đoàn Văn Trường đi bắt giặc, khi việc yên, bổ làm chưởng cơ. Năm thứ 13, thự thống chế quản lý các vệ đội Thị vệ, Thượng Trà Kim Sang, Thượng Thiện; chưa được bao lâu, chuyển làm thống chế Tả quản doanh Thần sách. Năm thứ 14, sung chức tham tán đại thần đi Nam kỳ bội bàn việc binh nhung. Năm thứ 15, vì đánh thành Phiên An không được, phải giáng 4 cấp. Tháng 12 năm ấy, hội đồng các tướng đào đường luồn ngõ nghèo làm kế đánh thành. Kịp khi hạ được thành (việc chép ở truyện Nguyễn Xuân) vua khen ngợi, thưởng cho khai phục những cấp bị giáng. Tới khi kéo quân hát trở về, vào ra mắt, vua thân rót rượu ban cho, ủy lạo, lại cho làm lễ ôm đầu gối, thưởng cho đồ chơi hình con lân, con phượng bằng ngọc trắng, tấn phong là Tân thái tử. Rồi cho làm thống chế tả Dực doanh Long Vũ kiêm lĩnh ấn triện của Thần sách Tả doanh.

Năm thứ 17, coi đoàn thuyền vận tải bị nạn gió, thuyền chìm bị chết. Vua thương là chết về việc công, chuẩn cho bộ thần cấp tiền tuất, thưởng thêm gấm Trung Quốc, vải lụa và tiền rất hậu. Chuẩn cho con cả là Văn Yêm ấn lương bát phẩm đợi khi trưởng thành sẽ bổ dụng, sau tập phong làm Tân thái nam. Con thứ là Văn Xa lấy Đa Lộc công chúa, bổ phò mã đô úy. Cháu là Xuân Huyến ấm thụ hiệu úy. Con Xuân Huyến là Văn Chước ấm thụ Hàn lâm viện điển tịch.

✣

Trần Văn Trí

Người ở Tân Long, thành Gia Định. Gia Long năm Mậu thân (1788) đem lòng thành quy phục. Gia Long năm thứ 1 (1802) thăng phó đội, đội Tam doanh Túc trực. Năm thứ 7,

Digitized by Google

thăng cai đội. Minh Mạng năm thứ 1, thăng phó vệ úy. Năm thứ 14, thự vệ úy Tiền doanh Hổ uy. Năm thứ 11 về hưu trí. Năm thứ 14, có biến loạn về giặc Khôi tình nguyện xin khởi phục bổ dùng để gắng sức báo hiệu. Bổ làm vệ úy vệ Hữu doanh Thần cơ, đi Nam kỳ làm việc bắt giặc, theo Phan Văn Thúy đi đánh giặc; đánh nhau với giặc ở trạm Biên Long, đánh được giặc. Tin thắng trận đến tai vua, được thưởng kim tiền ngân tiền hạng lớn, hạng nhỏ mỗi thứ 5 đồng, được thăng chưởng cơ, thự thống chế sung tham tán đại thần. Năm thứ 15, giặc nước Xiêm xâm phạm 2 tỉnh Định Tường và Hà Tiên, Văn Trí đến ngăn chống không được phải giáng 4 cấp.

Khi ấy, bọn lũ của giặc Khôi còn lại, chiếm cứ thành Phiên An, quan quân đánh mấy năm không được. Văn Trí cùng các Thảo nghịch tướng quân bàn đào đường luồn ngoằn ngoèo làm kế đánh thành. Năm thứ 16, cùng các tướng quân Nguyễn Xuân, Phạm Hữu Tâm, tham tán Hồ Văn Khuê đốc quân đánh lấy thành Phiên An. Tin thắng trận tâu lên, vua rất đẹp lòng, thưởng Văn Trí 60 quan tiền và nhẫn mạ vàng khảm hạt ngọc, bài đeo bằng ngọc. Khi kéo quân hát trở về, vào ra mắt, vua cho uống rượu, làm lễ ôm đầu gối, lại thưởng cho đồ chơi hình con lân, con phượng bằng ngọc trắng, mỗi thứ một cái. Tấn phong là Binh Khánh tử, rồi bổ làm thống chế doanh Tiền phong, kiêm lĩnh ấn triện doanh quân Thần sách. Năm thứ 17, đi Nam kỳ tuyển lính ngạch binh, được ổn thỏa xong xuôi, thưởng gia một cấp. Rồi sau can khoản, phải giáng hai cấp lưu dụng.

Năm thứ 19, bị bệnh chết. Chuẩn cho chiếu lệ cấp tiền tuất, gia ơn thưởng tiền và gấm Trung Quốc. Sau vua nhớ lại công đánh giặc, sai khắc tên vào bia đá đặt trước sân Võ Miếu.

Văn Trí trước đã lấy niên lệ về hưu, kịp khi nghe thấy biên giới có giặc dâng thư xin gắng sức làm việc để báo hiệu

Digitized by Google

vì lòng trung làm kích thích, già mà càng mạnh, hèn cùng các tướng hết sức, đều hay có công, phong tước cho được vinh hiển, dựng bia để ghi công, thật là người hùng kiệt trong bọn lão tướng.

Con là Văn Đức lấy công chúa Úy Hòa, bổ phò mã đô úy.

*

Ngô Bá Nhân

Người huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, có tiếng là người văn học. Gia Long năm Tân Dậu (1801) đem lòng thành quy phục. Lúc đầu, thử cho làm chức câu kê Quảng Bình. Năm thứ 3, sung làm thư ký Sứ bộ sang nước Thanh. Trải làm Hàn lâm trực giảng, Hộ bộ thiêm sự. Minh Mạng năm thứ 1, thăng làm ký lục doanh Quảng Đức, hiệp trấn Nghệ An. Năm thứ 4, thăng Đại lý tự khanh biện lý công việc bộ Hộ lĩnh Hộ tào Gia Định kiêm cả Công tào. Năm thứ 13, chuyển sang Hữu tham tri bộ Binh bảo hộ quốc ấn nước Chân Lạp, đóng giữ bảo Châu Đốc, kiêm lĩnh việc trấn Hà Tiên, rồi lấy nguyên hàm đổi đi thự tuần phủ An Giang, lại cùng Lê Đại Cương lĩnh bảo hộ quốc ấn nước Chân Lạp.

Bá Nhân là người trầm trọng quả quyết, xử sự tinh kỹ. Trước làm quan bộ Hình, cai bạ tỉnh Phú Yên là Lê Công Bật vì việc tư phải bãi, Bá Nhân dâng sớ kháng cáo, cho Bật là người làm được việc, hết sức vì Bật bảo cử, Bật vì thế được khởi phục chủ sự. Lúc bảo hộ nước Chân Lạp, khi ấy có Ốc Pha đứng đầu làm phản, mưu việc quân nước Xiêm sinh sự. Bá Nhân khéo xử trí, việc hấn khích ở biên giới được yên. Việc đến tai vua, vua rất khen ngợi.

Năm thứ 14, bị bệnh chết.

*

Digitized by Google

Lương Tiến Tường

Người huyện Quảng Điền, phủ Thừa Thiên. Buổi đầu năm Gia Long mới ra làm quan; năm thứ 2, bổ Hàn lâm viện thị thư, từng làm tri phủ phủ Tiên Hưng và phủ Kinh Môn. Năm thứ 12, thăng bộ Hộ thiêm sự. Năm thứ 18, thăng cai bạ Quảng Bình. Minh Mạng năm thứ 5, thăng ký lục tỉnh ấy, rồi thự hữu thị lang bộ Hộ. Năm thứ 6, vua đi chơi Quảng Bình, sung chức Hộ, giữ ấn triện lưu lại ở Kinh, thăng hữu tham tri bộ Hộ. Năm thứ 8, bổ thụ thượng thư bộ ấy, kiêm giữ ấn triện bộ Binh. Năm thứ 9, sung chức chủ khảo trường Thừa Thiên. Rồi vì có mẹ già ở Gia Định, dâng sớ xin về hỏi thăm. Khi về Kinh, vào ra mắt, vua hỏi tới việc dân ở Gia Định. Tường đem việc được mùa để trả lời, vua rất đẹp lòng. Năm thứ 10, kiêm quản Khâm Thiên giám. Năm thứ 16, sung chức hiệu chính luật lệ phó tổng tài. Rồi chết. Tường theo hầu gần vua lâu ngày quen biết chính sự, vua tiếc lắm, tặng hàm Hiệp biện đại học sĩ, cho thêm 100 lạng bạc, 3 cây gấm Trung Quốc, vải lụa mỗi thứ 10 tấm. Sai bộ Công cấp gỗ áo quan, bộ Binh bắt lính hộ tang, sai quan tế một đàn. Con cả là Tiến Trí nguyên hàm tư vụ, gia ân bổ viên ngoại lang. Lại vì có mẹ già 80 tuổi, cho 100 lạng bạc để giúp sự nuôi nấng.

*

Nguyễn Kim Bảng

Người huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên. Tằng tổ là Nguyễn Kim Tường làm quan đời Lê, đến quan sang. Kim Bảng khi còn nhỏ, có tiếng là văn học, nghĩ đến cha là Kim Đĩnh, lấy nghề làm thuốc làm quan ngụy Tây. Kim Bảng thường uất ức không vui. Năm Tân Dậu (1801) nghe thấy Thế tổ Cao Hoàng đế ở Gia Định mời tìm người văn học, bèn đem lòng thành từ xa đến quy phục. Năm thứ hai, tuyển vào làm thị thư ở viện Thị Thư, rồi thăng làm tri phủ phủ Lâm Thao, phủ Thuận An, công bằng thanh liêm có chính tích. Năm thứ 16, thăng làm tham biện trấn Hưng Hóa.

Digitized by Google

Minh Mạng năm thứ 1 (1820), vua cho là Kim Bảng am hiểu về việc trấn, chuyển đi làm hiệp trấn trấn Hải Dương. Năm thứ 7 lấy bản hàm biện lý công việc bộ Hình rồi bổ làm tả thị lang bộ Hình. Năm thứ 8, thăng thự Tả tham tri bộ ấy, kiêm quản tào chính, rồi được thực thụ. Năm thứ 9, thự thượng thư bộ Công đổi sang thự thượng thư bộ Hộ. Năm thứ 11, kiêm coi ấn triện bộ Lại. Năm thứ 12, nước Diến Điện sang cống, sứ thần sắp đến trấn Thanh Hóa, vua cho là việc giao tiếp sứ bộ có quan hệ đến quốc thể, chuẩn cho lấy nguyên hàm kiêm lĩnh công việc trấn ấy. Chưa được bao lâu đổi bổ thượng thư bộ Binh kiêm chức hữu phó đô ngự sử viện Đô sát tổng đốc quân vụ các địa phương Hải Dương, Quảng Yên. Năm thứ 12, chuyển về thượng thư bộ Binh, rồi ra tổng đốc Hà Ninh. Khi ấy, Kim Bảng tuổi già sức yếu, ở tỉnh lân cận có thổ phỉ trùng phát ra nhiều, Kim Bảng không hay mưu xa để kềm chế, đình thần cho là có lỗi, bèn bị mất chức.

Vua nghĩ Kim Bảng từng trải làm quan trong quan ngoài vẫn giữ liêm chính, trong lòng còn có đáng khen, gia ân giáng bổ chủ sự, chưa bao lâu cất lên làm lang trung bộ Hình rồi thăng thự hữu thị lang bộ ấy. Vài tháng được thực thụ, rồi thăng thự tham tri, kế tiếp thăng thự tả tham tri bộ Lại. Năm thứ 15, thăng thự thượng thư, kiêm quản ấn triện viện Hàn lâm, tự Quang Lộc. Năm thứ 16, lấy bản hàm sung làm Cơ mật viện đại thần. Năm ấy sửa làm tôn phả ngọc điệp, sung chức tổng tài. Năm thứ 17, làm khâm sai Nam kỳ lục tỉnh kinh lược đại thần đi khám đạc điền thổ. Bị bệnh chết. Vua gia ơn chuyển cho chi của công để quàn liệm, quan địa phương phái bất thuyền công hộ đưa linh cữu về quê an táng.

Kim Bảng gặp lúc thịnh triều, từng trải làm quan trong quan ngoài, hơn 30 năm. Vua yêu quí hậu đãi, vấp ngã rồi lại dậy được. Sách sử chép là: giữ lòng liêm chính, tuổi già được hoàn phúc, là vì thế chăng?

Digitized by Google

Con là Kim Hòa lấy ấm thụ, từng làm quan đến phó trưởng sử ở phủ Tứ Sơn công.

*

Hoàng Văn Diễn

Người huyện Phú Lộc, phủ Thừa Thiên. Lúc còn nhỏ đi học, gắng chí đỗ đạt. Gặp loạn ngụy Tây ở ẩn dạy học trò. Năm Bính Thìn (1796) nghe Thế tổ Cao Hoàng đế ở Gia Định, mở kỳ tuyển người văn học. Văn Diễn đến ứng tuyển, dự vào hạng đỗ vào viện Thị thư, thường theo vua đi đánh giặc, lặn lội khó nhọc vua khen là có công. Kịp khi đánh lấy lại Kinh thành Phú Xuân, vâng chỉ ở lại Quảng Nam giữ kho cho vua. Gia Long năm thứ 1 (1802), bổ làm ký lục doanh Quảng Nam. Năm thứ 2, đổi làm cai bạ doanh Bình Định. Năm thứ 12, thăng tả tham tri bộ Hộ, coi quản Nội đồ gia (sau này là Nội vụ) trải thăng hiệp trấn Sơn Tây, Sơn Nam. Minh Mạng năm thứ 1 (1820), thăng hữu tham tri bộ Hộ lĩnh hộ tào Bắc Thành, rồi đổi đi làm hiệp trấn Thanh Hóa, vì làm việc án lầm lẫn bị cách. Năm thứ 5, được khởi phục Hàn lâm viện tu soạn, rồi thăng lang trung, bổ làm thiêm sự bộ chính sứ, biện lý công việc bộ Hộ. Năm thứ 7, thăng lên Tả thị lang bộ Hình, lĩnh Binh tào thành Gia Định. Năm thứ 9 thăng thự tham tri bộ Binh Năm thứ 10, chuyển đi làm hiệp trấn Quảng Trị, năm thứ 14 bổ làm hữu tham tri bộ Công. Năm thứ 18, thăng bổ thượng thư bộ Lại. Năm thứ 19, Bộ bàn cho là từng làm nhiều khoản có lỗi, thông tính giáng luôn 5 cấp, mang hàm giáng về hưu trí. Vua nghĩ Văn Diễn làm việc lâu năm, ở quan thanh bạch, phải nên đặc cách gia ơn đặt ở chức nhàn tản, cải bổ hữu thị lang bộ Lại, sung sư bảo của các hoàng tử còn bé. Năm thứ 20, thăng thự tham tri vẫn sung chức sư bảo.

Thiệu Trị năm thứ 1 (1841) lấy cớ là tuổi già về hưu. Năm thứ 6, gặp tiết tứ tuần đại khánh của vua, vào lạy mừng,

Digitized by Google

được cho tiền lụa rất hậu. Tới khi Dực Tông Anh Hoàng đế lên ngôi, đến cửa khuyết chiêm bái. Vua khen là khỏe mạnh. Dụ rằng: nghĩ đến ngày trước từng sung chức Tây tịch, giúp bảo cho trẫm, có phần giúp ích, cho 100 lạng bạc, 20 tấm lụa.

Năm thứ 5, lại dụ rằng: Văn Diễn đã trải thờ 3 triều, từng làm quan trong ngoài, hơn 40 năm, tự giữ thanh bạch, trước sau như một, nhà không có của chứa riêng, tường vách sơ sài, sang mà hay nghèo, già mà không biến đổi, nói về thói trong sạch, tiết gian khổ càng khiến cho người hâm mộ khen ngợi. Chuẩn cho 8 mẫu ruộng để làm thế nghiệp và chi 100 quan tiền ở kho ra thưởng cấp, để làm của chi phí làm lại nhà.

Năm thứ 7, bị bệnh chết, địa phương tâu lên, Vua cho là bề tôi cũ già cả học thức, chuẩn cho chiếu phẩm cấp tiền tuất, cấp thêm cho gấm Trung Quốc, vải lụa và tiền, sai quan đến tế một đàn, chuẩn cho đưa vào thờ ở đền Hiền Lương.

Con là: Văn Thâm làm trưởng sử phủ Phú Bình công; Văn Triệt làm viên ngoại lang phủ Tôn Nhân. Cháu là Văn Bình làm Tinh binh suất đội.

*

Nguyễn Văn Trọng

Người ở huyện Bảo An, tỉnh Vĩnh Long. Buổi đầu năm Gia Long, đem lòng thành quy phục, vì có công được bổ khâm sai Thuộc nội cai đội, sau làm quan đến Thị nội vệ úy. Minh Mạng năm thứ 1, cải bổ sang Thị trung, từng thăng đến Thị trung tả thống chế. Năm thứ 14, cải tổ sung Vũ Lâm Tả Dực. Tháng 3 vua cho là Văn Trọng coi binh đã lâu ngày, có nhiều công lao tài năng rõ rệt, tấn phong làm Hoằng Trung tử. Gặp lúc thổ phỉ ở Thanh Hóa sinh sự, vua sai đi quyện tổng đốc kiêm việc đánh bắt giặc. Lúc vào bệ từ (từ biệt trước mặt vua để đi), vua dụ rằng: ngươi là túc vệ đại thần, chuyến đi

Digitized by Google

này nên thi thố nhiều mưu mô việc làm tốt, sớm tâu tin thắng lợi để đón thưởng hậu. Con là đội trưởng Văn Tuấn cũng chuẩn cho mang đi theo quân thứ.

Văn Trọng đến nơi quân thứ, cùng tham tán là Hà Duy Phiên mang quân tiến đến phủ Thiệu Hóa, đánh phá thổ phỉ ở cầu Khô.

Tin thắng trận tâu lên. Vua nói rằng: xem tờ tâu rất vừa ý người, nhưng chưa chém được đầu giặc, bắt được tướng giặc, chưa thể nói công được. Văn Trọng cùng với Duy Phiên chia quân hội đánh, chém được đầu mục giặc, giặc tan đi cả. Vua khen. Gặp lúc Gia Định có giặc Khôi nổi loạn, triệu về sai sung chức tham tán đại thần, tiến đi hội đánh. Rồi thăng thụ Hậu quân đô thống thự chưởng phủ sự, thăng làm Thảo nghịch tả tướng quân, cùng bọn tham tán Trương Minh Giảng hội đánh; Quân đóng ở cầu Cao Mên, gặp giặc, cùng giặc đánh nhau, quân ta chống địch không được bèn lui. Vua cho là Văn Trọng nhút nhát không có tài năng, lại vì có là 2 thành Nam Vang, Hà Tiên bị người Xiêm lấn cướp, ngăn phòng bất lực, giáng 4 cấp lưu. Năm thứ 16, giặc Trăm là bè lũ của giặc Khôi, còn cố chết giữ thành Phiên An, dựa chỗ hiểm đem quân chống lại. Quân các đạo mở đường luồn ngoằn ngoèo làm kế đánh phá thành, giặc mới nhân đem ra ngoài thành, cố đánh, toan muốn phá vỡ vòng vây. Văn Trọng thân đốc biền binh cùng giặc đánh nhau, bị đạn bay trúng phải, quân ta hết sức đánh rất dữ, giết được thống đồn của ngụy là Nguyễn Văn Hòa và bè lũ hơn 100 người. Vua khen rằng: Nguyễn Văn Trọng tự mình tiến lên trước quân lính, dũng cảm như thế thật là không phụ trách nhiệm đại tướng, chuẩn cho khai phục những phẩm trực bị giáng, chua ở dưới tên; lại gia quân công 1 cấp, đổi đi lĩnh tổng đốc Định Biên.

Khi ấy các tướng bèn nghĩ kế đánh thành đã định rồi, Văn Trọng ở ngoài dưỡng bệnh gần khỏi, cũng dâng sớ xin

Digitized by Google

hội đồng với các tướng góp sức đánh giết, để cho xong việc. Vua y cho. Kịp khi lấy lại được Phiên Thành, tin thắng trận tâu lên, vua khen thưởng cho tiền và một cái nhẫn vàng khảm ngọc kim cương to bằng hạt đậu lớn, 1 cái bài đeo bằng ngọc trắng, tấn phong là Hoằng Trung bá, lĩnh tổng đốc như cũ. Năm thứ 17, đắp lại thành tỉnh Định Biên, vua sai Văn Trọng cùng với tuần phủ là Đoàn Văn Phú trông coi việc ấy, không đầy 1 tháng mà thành đắp xong, gia thưởng cho kỷ lục và gia cấp.

Tháng 5, kính gặp Khánh điển, Văn Trọng tâu nói: các xã thôn mới đặt ở phủ Tây Ninh, thuế thân chiết nạp bằng tiền, xin tuân theo ân chiếu cùng với dân Kinh dân thổ một loạt; lại xin ban cho họ, để phân biệt giống nòi. Vua y cho. Năm thứ 19, Văn Trọng cùng Trương Minh Giảng tâu nói: người nước Xiêm ý muốn xâm phạm biên giới, nên nghiêm gia phòng bị; mà xét ra thổ dân, thổ mục phần nhiều mang lòng trông ngóng. Vua mật dụ rằng: việc phòng bị ở biên giới không thể sơ sài được, người Phiên cũng không đủ trông cậy, bèn sai Văn Trọng đến Trấn Tây hội làm việc, Văn Trọng đến vừa lúc bọn thổ phỉ lẩn cướp đồn Sơn Sinh, bèn đem quân sấn đến, giặc đều chạy tan cả. Vua xuống dụ chuẩn cho Văn Trọng cùng Minh Giảng nên 1 người ở thành, 1 người đi ngay đến nơi quân thứ ở Hải Tây để hiệu lệnh ba quân; bèn cùng Minh Giảng lại tâu nói: dò thám biết được giặc Xiêm ở xứ Súc Sâm thuộc địa giới họ họp quân để bàn nghĩ. Minh Giảng thì ở lại thành, Văn Trọng thì mang quân tiến đến Hải Đông trù tính làm việc.

Vua cho là giặc Xiêm giúp kẻ ác, phạm điều thuận, đã từng bị quan quân đánh phải chạy thua, chắc đã run lòng, còn họp quân ở Súc Sâm, chẳng qua sợ quân ta đánh, cho nên làm kế tự giữ. Sao bằng lượng để quân tinh nhuệ ở địa đầu các đồn bảo Chi Trinh, Sa Tôn cùng ứng nhau để bắt

Digitized by Google

giữ. Văn Trọng mình nhận 1 phương diện, chức giữ rất long trọng, chuẩn cho tức thì đem về ở nguyên ly Định Biên.

Gặp kỳ đại kế, vua cho là Văn Trọng có chiến công rõ rệt, siêng chăm chức giữ, chuẩn cho thực thụ đô thống chưởng phủ sự. Năm thứ 21, Văn Trọng tâu nói: Phủ Tây Ninh trong thuộc hạt, tiếp giáp địa giới Trấn Tây nay thổ dân Trấn Tây nổi biến, xin thường ủy cho bố chính là Lê Khánh Trinh mang quân tiến đến phủ hạt đàn áp, để dân được ở yên, Vua cho là phải. Rồi lại tâu nói: thổ phỉ ở Trấn Tây hơn 1000 người qua sông lấn vào huyện Quang Hóa, mưu đánh úp thành huyện. Quân thứ ở Trấn Tây hiện đương phái lính tiến đánh, nghe tin báo, thần đã tức thì phái thêm biền binh ứng tiếp. Vả, hai hạt Tây Ninh, Quang Hóa tiếp giáp rừng, lại đến tiết mưa lụt mùa thu, tiến đánh có phần khó; đến nỗi quan quân đã phái đi hơn 1000 người, chưa có thể diệt sớm được. Lại nhặt được thơ của người Man đại lược nói rằng: dân kia mất quốc chúa là Ngọc Vân và bọn tên Yên 5 người, cho nên nổi quân đi tìm, nếu không tìm được thì không thôi. Vua bèn xuống dụ chuẩn cho Văn Trọng mang viên biền (Khôi Hanh) đến ngay đánh bắt. Văn Trọng đến phủ Tây Ninh, thì phận rừng về mặt trước, mặt hữu phủ thành, giặc đều đặt đồn giữ chỗ hiểm, bèn ủy cho lãnh binh Trần Như Đoan quản đốc lính và dõng chia đạo đánh giết, giặc bỏ chạy, quân ta đốt trại sách, quan quân ta cũng có nhiều người bị thương, bị chết. Vua cho là Văn Trọng chuyến đi này làm không đúng, giáng 2 cấp, Văn Trọng bèn thương ủy bọn chánh phó lãnh binh chia đạo đánh rất dữ, chém được vài đầu giặc, thu được súng và khí giới, giặc đều chạy thoát. Bố chính là Lê Khánh Trinh đem việc thắng trận tâu lên. Vua cho là thực trạng đáng ghi công, chuẩn cho khai phục các cấp đã bị giáng, và sức phải sấp quân tiến đến Nam Ninh để dẹp yên bọn giặc tàn, lại đến Trấn Tây hội đánh. Văn Trọng lại cho là bọn thổ phỉ ở Tây Ninh, Quang Hóa tiết thu đã đánh tan, đốt phá, không còn

Digitized by Google

sót lại, lượng để binh dõng phòng giữ rồi mang viên biền đến hội với quan quân tỉnh Định Tường đánh dẹp bọn thổ phỉ ở Nam Thái. Mới được vài tháng, lại có bọn thổ phỉ ở Nam Thịnh đột nhiên đến Nam Ninh, nói dối là đến đầu hàng. Viên quyền phủ ở trên thành sai thông ngôn đối nhau nói chuyện, giặc bèn đánh trống reo hò đánh sát đến nơi. Phủ viên tức thì đốc lính và voi, mở cửa thành ra đánh, bắt được tên đầu sỏ giặc là tên Tuân, giặc bèn tan vỡ.

Việc đến tai vua. Vua xuống dụ cho Văn Trọng lập tức quay về 2 phủ Nam Ninh, Tây Ninh đi lại, đánh bắt, cần được yên tĩnh một loạt, bắt tất phải đi Trấn Tây làm gì nữa.

Thiệu Trị năm thứ 1 (1841), Văn Trọng cùng bố chính Định Tường là Trương Văn Uyển hội đánh thổ phỉ ở Nam Thái, liền phá được tan. Tin thắng trận tâu lên, vua thưởng gia quân công 1 cấp. Rồi cho rằng Văn Trọng tuổi đã cao không muốn để khó nhọc ở hàng trận mãi, bèn triệu về kinh để chực hầu đại lễ Ninh lăng. Vua tuyên chỉ triệu lên điện, thong dong cho uống nước trà, nhân hỏi rằng: từ khi Nam kỳ có việc đến giờ, đòi bắt hương đõng, tình người có ta oán không? Ngày gần đây tha về có yên vui không? Văn Trọng thưa rằng: ghét khó nhọc, muốn yên nghỉ là thường tình của tiểu dân, thần xét kỹ về ẩn tình, tất là cũng có. Vua khen là thành thực chất phác. Lại bảo rằng: ngươi hầu tiên đế đã lâu ngày, về Kinh để đợi lễ Ninh lăng, trong khi đi đường nhọc mệt, lòng trẫm nghĩ lắm, nhân lấy kim tiền và quạt ban cho, rồi cho ở lại Kinh cung chức.

Năm ấy có chiếu chỉ bổ dùng con các đại thần. Con Văn Trọng là Văn Thông bổ làm Cẩm y kiêm hiệu.

Tới kỳ đại kế. Vua cho là Văn Trọng đã từng trải làm quan trong ngoài; bề tôi cũ tuổi già đức vọng lớn, thành thực chất phác, trung hậu, siêng năng, biết giữ tiết tháo, chuẩn gia làm Thiếu bảo.

Digitized by Google

Năm thứ 2 (1842), vua đi tuần ra miền Bắc, Văn Trọng sung chức ngự tiền đại thần. Tới khi vua trở về, theo xe vua đi đến Thanh Hóa thì bị bệnh. Vua ban cấp cho nhân sâm của vua dùng, cho thầy thuốc ở lại điều trị. Kịp khi chết, vua nghe tin lấy làm thương tâm, truy tặng làm Thái bảo, tấn phong làm Hoằng trung hầu, cấp thêm 5 cây gấm Trung Quốc, mỗi thứ 50 tấm, tiền 2000 quan. Chuẩn cho tỉnh thần liệu sửa sang cho ổn thỏa, sai con là Gia Hộ đưa linh cữu về; tới ngày an táng, sai quan đến tế 1 lần. Năm thứ 5, cháu là Huy (con Nguyễn Văn Tuấn) tập phong là Hoàng Trung nam, ấm thụ phó quản cơ lấy cớ rằng cha là Văn Tuấn chết về tiết nghĩa vậy. Năm thứ 6, con là Ninh lấy công chúa Tĩnh Hảo.

Trọng là người siêng năng kính cẩn, giữ 1 lòng trung thành. Tuổi trẻ đi theo vua dự có công lao, kịp khi thờ Hiến Tổ, ở trong kinh thì giữ Cấm quân, ở bên ngoài thì nhận cờ tiết coi một địa phương, kính làm việc vũ, thường có công lao, tài năng rõ rệt thực là bề tôi huân cựu mấy đời. Tự Đức năm thứ 5, đưa vào thờ ở đền Hiền Lương.

Digitized by Google

QUYỂN 17

TRUYỆN CÁC QUAN - MỤC THỨ VII

Bùi Phổ
Hoàng Kim Sán
Phan Văn Thúy
Tạ Quang Cự
Nguyễn Đình Phổ
Nguyễn Thọ Tuấn
Phan Bá Hùng
Thái Đình Tạo

*
* *

Bùi Phổ

Hiệu là Mão Hiên, người huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Nội. Xưa kia họ Bùi lừng lẫy về khoảng năm Hồng Đức đời Lê. Ông tổ, họ là Xương Trạch, đỗ tiến sĩ, làm quan đến thượng thư bộ Binh, từ đấy đời đời có công lao làm quan to, đến Phổ là 8 đời. Phổ tư trời thông minh đĩnh ngộ, buổi đầu năm Gia Long, xuống chiếu cho các sĩ thứ dâng phong thư gắn kín tâu việc, sai quan xét duyệt bổ dụng. Phổ ở trong hạng trúng tuyển, bổ làm tri huyện Nghi Dương, làm việc không xảy ra sự gì. Vừa gặp giặc biển từ Ninh Châu vào ăn cướp, 3 tổng ở phủ Hà Đông đều mất về giặc. Phổ mộ dõng theo quân ở trấn đánh ngăn. Hơn 1 tuần, kinh kỳ thủy sư là Tống Phúc Lương đem thuyền chiến vài trăm chiếc, kế tiếp đến, đánh phá được giặc. Rồi thì Hiệp trấn là Thọ Như Hầu đem tờ hịch của tổng trấn đến Hà Đông, trị tội những kẻ hàng giặc. Phổ nói: dân bị thế bức phải theo giặc, không phải là tự bản tâm, lấy lời để bày tỏ biện bác. Thọ Như Hầu cho là phải lẽ,

Digitized by Google

làm giấy chuyển đạt hộ, sau việc liên được bổ đi. Phổ trải thăng làm tri phủ 2 phủ Kinh Môn và phủ Thái Bình. Minh Mạng năm thứ 2 (1821) bổ làm thiêm sự bộ Hộ. Vua đi tuần miền Bắc, khi về, triệu hỏi các việc tiền thóc. Phổ trả lời rõ ràng. Vua khen thưởng.

Năm thứ 3, ký lục doanh Quảng Trị, gặp năm đói, vua sai bán thóc kho ra 1 vạn hộc, Phổ vì việc bán cho số người đến đông nhiều quá nên thóc phát ra quá ngoài số đã định. Việc giao xuống bộ Hình bàn tội phải mất chức, phái đến đài Điện Hải ở Quảng Nam để gắng sức báo hiệu. Sau được khởi phục làm tư vụ bộ Hình. Lại phái đi coi việc sửa làm sông Vĩnh Điện, công việc đã làm xong, trả lại quan chức cũ, cho làm thiêm sự bộ Hình. Gặp Trịnh Hoài Đức đem tên bảo cử lên, bổ làm thiêm sự tào Hình thành Gia Định, rồi chuyển sang tào Binh. Lại xuống chiếu cho lấy bản chức làm Hiệp lý trấn Phiên An rồi thăng mãi đến hữu thị lang bộ Binh, biện lý công việc tào Binh. Vì bị bệnh xin cáo nghỉ. Năm thứ 9, truyền chỉ triệu về Kinh. Vào yết kiến, vua úy lạo, xuống chiếu cho lấy bản hàm tham biện việc của bộ, chuẩn cho dự đình nghị, vào ứng trực. Năm thứ 11, thăng hữu tham tri bộ Binh, từng bị triệu, cùng với tả tham tri là Lê Văn Đức cùng đến trước mặt vua đều được ban cho bài thơ của vua làm. Và chữ "Phúc" tự tay vua viết ra dụ rằng: chữ trẫm viết chưa chắc đã tốt, nhưng viết chữ này để cho các ngươi là muốn cho vua tôi cùng hưởng phúc thái bình. Vả lại làm vua mà viết chữ lớn, thoáng trông thấy thì tốt xấu hiện ra ngay; làm tôi mà viết chữ nhỏ, chữ đã nhiều, thì được hỏng khó có thể xem ra ngay được. Người đời xưa có nói rằng: "làm vua khó, làm tôi không dễ" ý nói sự khác, các ngươi nên nghĩ đấy. hai người đều lạy tạ lui ra.

Năm ấy, sung chức hiệu chỉnh luật lệ, rồi chuyển sang bộ Hình kiêm tự Đại lý, lại sung chức toản tu Thực lục chính biên.

Digitized by Google

Thường triệu vào Nội điện, cho uống nước trà thong thả hỏi han.

Năm thứ 16, thự thượng thư bộ Hình. Phổ vốn có bệnh phổi, Năm thứ 17, dâng sớ trình bày bệnh tình xin về hưu. Vua bảo rằng: Phổ làm công việc đã lâu, hơn 30 năm, vốn tỏ ra người trong sạch, siêng năng, chuẩn cho lấy nguyên hàm hưu trí; lại ban cho rất hậu; cho phép tùy ý dùng mũ đại triều để tỏ ra yêu quý hậu đãi bậc đại thần.

Bùi Phổ tạ ơn về nhà, rồi chết, thọ 61 tuổi. Vua xuống dụ thương xót, sai cấp cho hậu để sửa việc tang.

Phổ gặp gã thời thịnh, lấy thanh cần một tiết, trước sau được vua quý mến hậu đãi. Tự Đức năm thứ 11, đưa vào thờ ở đền Hiền Lương.

Có 4 người con trai: Tuệ lấy ấm bổ từng bổ làm tri châu Thường Xuân; Hăng làm đến án sát sứ Vĩnh Long; Trạm làm đến tri huyện; Tuấn vì con là Thục được hiển vinh tặng hàm thị độc. Thục đỗ cử nhân, làm quan đến bố chính Hà Nội.

*

Hoàng Kim Sán.

Tên tự là Đình Chính. Tiên tổ là người huyện Đồng Xuân tỉnh Phú Yên, sau dời đến Quảng Bình, làm nhà ở huyện Phong Lộc, đời đời có âm đức, truyền đến Văn Hoán, thời Hiếu Vũ hoàng đế, lấy văn học nổi tiếng, vời vào làm văn chức ở Đông Cung. Sau lánh loạn Tây Sơn, ở ẩn dạy học trò, sĩ tử nhiều người theo học. Kim Sán là con thứ hai của Văn Hoán. Khi còn bé đĩnh ngộ, lên 5 tuổi, bèn đi dạy học. Mỗi khi thấy sách của các học trò, tất hỏi từng chữ từng câu. Có người chỉ bảo thì đọc một lần liền nhớ ngay. Văn Hoán biết là ham học, cho đọc sách; lên 10 tuổi có thể làm được văn. Chỗ ở có núi Bút Sơn, Văn Hoán từng hội các người sĩ phu có tiếng đến đề vịnh. Kim Sán hầu ở bên, cũng làm thành bài họa. Có câu rằng: "vị dư thủ thự thiên môn bảng (vì ta

Digitized by Google

viết lên đầu bảng cửa trời)" mọi người ngồi đấy đều khen cả. Trong chiếu ấy có một người họ Ngô không khen, lại đem câu "Tịch thưởng trân"[1] làm đầu đề để cho khó làm. Kim Sán cầm bút làm xong ngay, có câu rằng; Phiên âm: Thúc Bạch[2] nhất tòng nham huyệt bí. Cao Quỳ tọa thượng triển kinh luân" (nghĩa là bó lụa vẻ vang đến chỗ hang núi, sẽ như các ông Cao Quỳ ngồi đấy mà thi thố). Mọi người đều phục là sớm có trí tuệ. Tới khi 20 tuổi, Văn Hoán đã tuổi già, đem học trò vẫn dậy trao cho, Kim Sán không từ chối được. Rồi ngày đêm dùi mài, nghiệp học cả tiến lên. Năm Tân dậu (1801) Thế tổ Cao hoàng đế lấy lại kinh thành Phú Xuân, Văn Hoán nghe thấy, bảo Kim Sán rằng: ta sở dĩ lẫn lút ở nơi vườn rậm, ở lẫn với người đánh cá, người kiếm củi, là đợi có ngày nay. Nay ta già rồi, ngươi phải cố gắng đấy. Bấy giờ Kim Sán mới có chí đỗ ra làm quan.

Kịp khi vua ngự đi cửa ải Quảng Bình, Kim Sán tỏ 5 điều nên làm, đã toan đem dâng, rồi vì ở nhà để tang, nên không dâng nữa. Gia Long năm thứ 3, vì quan địa phương chọn cử ứng hạch được trúng bổ làm thự tri huyện Lệ Thủy, làm quan thanh đạm, vẫn như lúc hàn vi, lại dân tin yêu, chuyển làm thiêm sự bộ Lễ, ra làm cai bạ trấn Bình Hòa, đi đến đâu có tiếng là chính sự tốt. Minh Mạng năm thứ 5, thăng làm biện lý bộ Công, thăng thụ tham tri quyền lý công việc bộ Hình, rồi đổi làm thự thượng thư bộ Hình.

Năm thứ 8, thổ phỉ Nam Định là bọn Phan Vành, Đỗ Bang hung hăng chống với quan quân. Kim Sán cùng bọn Trần Lợi Trinh, Nguyễn Đăng Tuân xin chọn đại tướng chia đốc quân thủy quân bộ tiến đánh, không để cho dân chịu lầm than mãi. Sớ dâng lên, vua y cho.

(1) Sách Lễ ký, thiên Nho hạnh có câu "nho hữu tịch thượng chi trân dĩ đãi sính "nghĩa là người nho giả thung dung ở trên chiếu có đại đức đáng quý, để đợi thiên hạ đưa lễ đến sính vấn.

(2) Thúc bạch là bó lụa, đời cổ dùng bó lụa để làm lễ mời người hiền.

Digitized by Google

Kịp khi quan quân dẹp yên được. Vua nghĩ tìm được đại thần để ủy lạo yên họp, mà khó có người mưu với mọi người, lấy viên phó đô thống chế doanh tả quân Thần sách Lĩnh trấn thủ Nghệ An là Nguyễn Văn Hiếu làm Sơn Nam, Nam Định kinh lược đại sứ. Kim Sán làm phó. Ngày vào từ biệt, trước mặt vua dụ rằng: quan tham lại nhũng là sâu mọt của dân, trộm cướp sinh ra, là bởi ở đấy, trẫm rất lấy làm chán. Chuyến đi này có quan hệ đến việc lớn của nước, cất lên tùy phương xếp đặt không nên khinh thường, cũng không nên câu nệ, trong khoảng hai điều ấy châm chước mà làm là được. Nhân cho 150 lạng bạc rồi cho đi. Kim Sán đã đến chỗ làm việc, cùng Nguyễn Văn Hiếu đi các huyện ấp, quan địa phương có người mang lễ chí kíp đến, nhất thiết không nhận một mảy may nào, chỉ sai họp phụ lão để bảo về đức ý của triều đình và xét hỏi sự đau khổ của dân. Phàm dân xã nào bị giặc đốt phá và những người chống với giặc bị giặc giết hại thì hoặc xin cấp cho tiền gạo, hoặc xin tặng cho phẩm hàm, đi đến đâu thì xét việc kiện tụng, trị kẻ gian, quan lại không ai là không sợ hãi. Khi ấy ở Nam Định, cai án là Phạm Thanh, thư ký là Bùi Khắc Nhăm là kẻ rất tham lam kiệt hiệt, nghe thấy, sợ bỏ chức trốn đi trước, nã bắt được đem chém đi, tịch thu gia sản, tán cấp cho dân cùng. Lại tham hạc tâu các viên phủ, huyện ở Kiến Xương, Ứng Hòa, Đại An tham nhũng, đều phải cách chức. Còn những người làm không nổi chức vụ đều bãi đi. Thừa ty hai trấn và lại dịch ở phủ huyện bị bắt tra xét và trốn tránh, kể đến vài trăm người. Bèn tâu xin chọn học trò trong hạt, ai đã từng thi đỗ nhất, nhị trường, có học hạnh, đem xét thực để sung bổ vào những chỗ khuyết ra ấy. Trong khoảng đó bỏ tệ, bớt phiền, tuyên dương đức ý, lòng mong của dân rất thỏa thiếp. Vua cho là đi kinh lược làm nhiều việc trúng khớp, triệu về úy lạo khen ngợi, bổ thụ thượng thư, lại gia một cấp. Năm thứ 10, sung chức chủ khảo trường thi hội, là đặc cách đấy. Những người được dự đỗ như Nguyễn

Digitized by Google

Đăng Huân, Bùi Ngọc Quỹ, Trương Quốc Dụng, Ngô Thế Vinh đều là danh sĩ lúc bấy giờ, đáng khen là lấy được người giỏi. Rồi sung chức hiệu chính luật lệ tổng tài.

Năm thứ 12, mới đặt 32 nơi hành sảnh, đổi làm thượng thư bộ Binh tổng đốc các xứ địa phương Nam Định, Hưng Yên vì là đã từng đi kinh lược đất ấy, uy tín vẫn được người tin, cho nên có mệnh lệnh ấy.

Kim Sán đến ly sở, dâng sớ trình bày về điều lợi, trừ mối hại cộng 17 điều, nhưng chưa làm được. Năm thứ 13, mùa xuân, vì có bệnh xin thôi công việc của tỉnh. Sớ dâng lên, vua cho 10 phiến quế thanh, chuẩn cho con là tư vụ Thảng đi ngựa trạm đến thăm nom, hầu hạ. Rồi Kim Sán chết ở chỗ làm quan, khi ấy 57 tuổi. Vua nghe tin ấy, bảo hộ Lại rằng: Kim Sán từng trải làm quan trong quan ngoài siêng năng khó nhọc đã lâu ngày, nay nghe thấy chết đi, rất đáng thương tiếc! gia tặng hàm Hiệp biện đại học sĩ. Sắc cho cấp vàng gấm vải lụa để chi dùng về việc làm ma, gia ơn ấm thụ cho con là viên ngoại lang, lại sai quan đến tế một đàn. Văn Tế rằng (nguyên văn chữ Hán, miễn phiên âm, xin định nghĩa) "tài mưu để làm rường, làm cột, vấn vọng như ngọc khuê ngọc chương, vâng mệnh giúp việc chỉnh đốn bạn lục khanh; rõ ràng tin đúng kính giữ cân tam điển[1]. Đi kinh lược ở biên phương, lấy bỏ xứng mệnh lệnh mưu hỏi, làm tổng tài sửa luật lệ, xét định cậu nặng nhẹ tùy nghi". Sán được vua kén chọn quý mến đến như thế! Năm Tự Đức thứ 11, vì có tài đức rõ rệt, công lao đáng khen, đưa vào thờ ở đền Hiền Lương.

Kim Sán là người học hỏi uyên thông, điềm tĩnh ít nói, tính rất hiếu, Phong Công (tức là bố đẻ được phong tặng)

(1) Tam Điển là 3 phép: Sách Chu Lễ, quan Đại Tư Khấu giữ ba phép để giúp vua trị nước, trị bốn phương. 1: Trị nước mới thì dùng phép nhẹ 2: Nước bình thì dùng phép vừa phải. 3: Trị nước loạn thì dùng phép nặng.

Digitized by Google

cùng Thái phu nhân khi còn sống thích ăn các quả như chuối, mít, Kim Sán suốt đời không dám ăn đến. Khi để tang ăn cơm chay, gối bằng rơm, làm nhà ở mộ để ở 3 năm, mỗi khi đối diện với người nói, chưa từng thấy răng. Lòng thành không ăn quả dương tảo[1] tình cảm về thấy con quạ trắng[2], có phong thái người đời cổ. Dạy người thì lấy đức hạnh làm trước, từng làm lời dạy để răn con cháu, thường lấy hiếu để khiêm kính làm nghiệp thường của nhà. Sau khi ra làm quan, chăm phụng chức, tiết tháo ngay thẳng, người không dám đem của phi lễ để cầu cạnh. Khi giữ phép luật của nước thì sớm khuya kính cẩn, rất lo về xét sử oan uổng, quá lạm. Mỗi khi xét một việc án nghiên cứu trước sau, tất cầu cho không ngờ việc hối hận chút nào, hoặc có kẻ nào tình lý chưa rõ ràng: bất đắc dĩ tất xét mà bác đi, chớ để cho việc hình có oan uổng. Về dụng tâm rất thật, lo nghĩ việc tinh tường, thường thường như thế. Đương lúc vâng mệnh đi kinh lược, biết Bắc Thành vẫn có tệ thỉnh thác, tức thì làm sớ tâu xin trừ bỏ đi. Nhân viên đi sai phái, có ai dám nhận của đút lót, xin đem ra chém ngay, rồi sau mới tâu vua biết. Tờ sớ dâng lên, được vua khuyên son 8 khuyên vào 4 chữ "tiến hành hậu tấu" lại vâng châu phê: "phải, phải". Những người trông thấy sợ lắm. Người trấn khác nghe thấy phong thanh kẻ tham nhũng điêu ngông, cũng nơm nớp không dám thi thố ngón gì. Vì thế, việc kinh lược dẫu phiền phức mà không đầy trong khoảng vài tháng, công việc đều đâu vào đấy cả. Kịp khi lại làm tổng đốc một hạt Nam Định, Hưng Yên, đương mong để làm người phòng ngự địa phương ấy. Ngày bị bệnh, họp cả bố chính, án sát, tham tán, dặn lấy hết lòng về việc dân, nay báo ơn nước. Sau khi mất, quan viên thân sĩ không ai là không rỏ nước mắt

(1) Tăng Tích thích ăn quả Dương Tảo, sau Tăng Sâm không nỡ ăn quả Dương Tảo.

(2) Đường thư truyện Bùi Kính Di, tàng tổ là Tư Thông làm quan đại phu đời nhà Tùy, có tang mẹ khóc mờ cả mắt. Sau có con quạ trắng làm tổ ở bóng cây trên mộ.

Digitized by Google

khóc, làm văn để tế, có câu rằng: "Sứ tiết kinh lược năm trước, mưa dầm cho lúa thử chưa khô; xe đi giữ trị ngày nay, khí xuân ở núi hang mới ấm" Lại có câu rằng: "Than ôi, lúc ấy chăng màn trướng ở bờ sông, lại được thấy cây cam đường của Thiệu Bá[1], thế mà sớm nay trao giấy tiền nơi đường xá, nào ngờ cắm cành trúc ở Lôi Dương[2]." Khi linh cữu đưa đến Án sát sứ Hà Tĩnh là Nguyễn Sĩ Bảng là người thuộc tỉnh Nam Định cũng làm văn để kính tế. Lời văn có câu rằng (miễn phiên âm, chỉ định nghĩa) "Trời mở vận thái, vua đã sáng tôi lại hay. Vì trời thương đến dân, muốn cho được yên sinh nhai mà trả lại tính thường. Than ôi! tỉnh Nam Định ta sau khi đau khổ tàn phá rồi, có thể được yên vui một chút. Nhờ Hoàng thượng ta soi khắp không cùng, chọn dùng người hiền lành, mong để chữa sự đau khổ của dân ta, để đem lại điềm tốt. Đáng thương cho sứ ấy, phúc tinh vừa soi bỗng thu sáng lại ngay, ai là người nối sau, lại hay gây phúc cho một phương ấy." Lại có câu rằng: "Từ nay về sau không lại được thấy nét mặt ông Tử Chi (tên tự của ông Nguyễn Đức Tú đời Đường, ví ông như ông Đức Tú) khiến cho người quên lòng bỉ lậu". Công đức của ông để cho người tưởng nhớ như thế.

Khoảng năm Tự Đức, sử thần là Phạm Hữu Nghi làm bài tự ở "Sự kích biệt lục" khen ông là người công chính thanh cần, trước sau một tiết là bề tôi hiền một đời. Những chương tấu làm ra khi còn sống đều không còn bản thảo, tìm được để ở sử chép riêng của nhà ông như tờ sớ bày, trị đạo và cờ tiên dâng Đông Cung, thì lời nghiêm mà mạnh, tấm lòng trung

(1) Thiệu Công đời nhà Chu đi tuần nước Nam, sửa các việc khuyên làm ruộng, nghỉ ở dưới cây cam đường, sau khi đi rồi, dân nhớ công đức, cho nên yêu cây ấy làm ra thơ Cam đường, nói là chở chém đẵn cây cam đường ấy.

(2) Khấu Chuẩn đời Tống Chân Tông, bị biếm đi Lôi Châu. Khi chết đưa về táng ở Tây Kinh, đường đi ra huyện Công An, nhân dân đều đạt lễ tế mà khóc, bẻ cành trúc cắm xuống đất, treo tiền giấy vào đấy, hơn một tháng những cành trúc khô mọc mang cả.

Digitized by Google

ái đến nay còn tưởng thấy vậy.

Con được ba người thành lập. Kim Thảng được ấm thụ đợi bổ làm viên ngoại lang bộ Hình. Diệu, tư chất tốt, học hạnh thuần, điềm đạm yên nghèo, không ra làm quan, vì con được quý hiển, phong là Hàn Lâm thị độc, nhiều lần được tặng đến hữu phó đô ngự sử. Tá Viêm lấy làm ấm tử vào nhà Giám, đình khiêu dự vào hạng trúng, từng làm tư vụ, thăng lên chủ sự rồi lấy công chúa, sau là Phò mã đô úy cải bổ lang trung từng được coi một phương diện, vâng chỉ cất nhắc làm Khâm sai thống đốc quân vụ tiết chế Bắc Kỳ, phong là Địch trung tử, lấy hàm Đông các đại học sĩ về hưu. Con Kim Thảng là Sước, là ấm sinh học ở nhà Giám, trải làm Kinh lịch thông phán tri châu, tri huyện, đến chủ sự bộ Công vì có quân công gia hàm trong tứ phẩm; con Diệu là Vĩ lấy khoa cử học hiển đạt, làm thái tử thái phó hiệp biện đại học sĩ lĩnh thượng thư bộ Lễ, sung Cơ mật viện đại thần, lấy lệ 70 tuổi về hưu trí; con Tá Viên là Tân, ấm thụ Hàn Lâm viện thị giảng; con Vĩ là Trọng Đài thông minh nhanh nhẹn chăm học, tuổi mới 16 đỗ tú tài.

*

Phan Văn Thúy

Người huyện Thuận Xương tỉnh Quảng Trị, trước theo vào Gia Định, từng bổ làm khâm sai thuộc nội cai đội quân Thần sách. Gia Long năm thứ 2 (1803) cất lên làm hữu doanh vệ úy, khâm sai chưởng cơ, coi quân bản doanh theo thủy quân đô thống chế, Thái hòa hầu, ngồi thuyền Hải Đạo đến địa phương Bắc thành tiễu trừ giặc biển. Năm thứ 14, làm chức lưu thủ doanh Quảng Bình thuộc trực lệ. Minh Mạng năm thứ 1 (1820) thăng lên phó đô thống chế doanh hậu quân Thần sách làm việc phó đốc trấn Thanh Hoa. Năm thứ 6, coi đào sông Vĩnh Định ở Quảng Trị, cất lên làm phó đô thống chế thị nội doanh Long vũ. Năm thứ 8, kiêm quản việc sở

Digitized by Google

Thương bạc. Năm ấy, nước Vạn Tượng bị nước Xiêm La đánh, đến ta xin cứu viện. Vua cho Văn Thúy sung chức kinh lược biên vụ đại thần kiêm lĩnh trấn thủ Nghệ An. Năm sau, cùng phó tướng là Nguyễn Văn Xuân, tham tán là Nguyễn Khoa Hào tiến quân đến đồn Trấn Ninh, đóng đồn, đưa vua nước Vạn Tượng là A Nô về nước. Sau triệu về, bổ thụ đô thống. Xuống chiếu cho lĩnh chức phó tổng trấn Bắc Thành. Rồi vì tuổi đến 70, nhiều lần dâng sớ xin về hưu, vua úy lạo lưu lại.

Năm thứ 14, cho thự Hậu quân đô thống chưởng phủ sự phong Chương nghĩa hầu. Gặp khi giặc Khôi làm phản ở Phiên An, cho làm Thảo nghịch tướng quân, tiến quân đến trạm Biên Long, gặp giặc, đánh phá được. Rồi bị bệnh chết ở đường, tặng là đặc tiến Tráng Vũ tướng quân thiếu bảo, tên thụy là Trung Tráng.

*

Tạ Quang Cự.

Người huyện Phú Vinh, phủ Thừa Thiên, Gia Long năm thứ 1, vì vua theo nghĩa quân nghĩa dõng từng thăng cai đội. Minh Mệnh năm thứ 7, thăng vệ úy vệ Nghiêm Vũ. Năm thứ 9, mới đặt chức huyện thừa 7 huyện ở Trấn Ninh, sai Quang Cự cùng với tri phủ Diễn Châu là Đỗ Quang Cảnh đi đến trấn ấy, hội đồng với Tuyên úy sứ là Chiêu Nội (là tù trưởng Man, trước đây đem đất này thuộc với ta, cho làm phòng ngự sứ) xét cử các thổ mục để sung bổ. Khi đến trấn, dò xét được Chiêu Nội ngầm có tình trạng làm phản, đặt kế để bắt, đóng cũi đưa về kinh sư, đem giết đi. Quang Cự được thăng thự Cẩm y chưởng vệ, quyền lĩnh công việc ở phủ Trấn Ninh, thưởng cho con dao đầu có con sư tử mạ vàng.

Năm thứ 11, tâu nói: dân Mường cai thuộc hạt phủ ấy xiêu dạt đi Nam Chưởng đuổi hết về. Quang Cự lại nghiêm kiểm chế, cấm bắt người cướp của, nhiều cách hiểu dụ, rồi tha cho 20 người khỏi giam cầm. Từ đấy toàn cõi yên lặng.

Digitized by Google

Vua nghe thấy khen ngợi, bảo rằng: trẫm tất nhiên không phụ người tốt đâu? lại bảo quan bộ Binh rằng: không ngờ Quang Cự lại hay xếp đặt được như thế? Về việc tha cho tù bị giam, càng vừa ý người. Sau triệu về, từng tăng thống chế Hậu doanh, ra làm tổng đốc An Tĩnh, kiêm lĩnh tuần phủ Nghệ An.

Năm thứ 14, người Lạc Biên là Hạt Sa Bút, thổ mục là Phì Mường Thân, ngầm có chí khác, mật bắt xét hỏi, đều phục tội đem giết đi. Gặp giặc trốn ở Ninh Bình là bọn lũ Lê Duy Lương lẻn lút phát ra, lan tới Hưng Hóa, biên giới miền Bắc dao động, sai Quang Cự coi quân vụ các lộ, cùng tham tán là Hoàng Đăng Thận, Nguyễn Giai mang quân đại đội tiến đánh. Quang Cự đến nơi quân thứ bày tâu cơ nghi đánh bắt. Vua cho là phải. Rồi vì trù tính không đúng phải giáng 2 cấp; lại cùng bọn Thận, Giai chia đạo đánh giặc ở bảo Sích Thổ, đánh phá được, nhân thế thắng lợi, liền lấy được các đồn giặc ở An Đội, đến thẳng Chi Nê, giặc bỏ đồn chạy. Tin thắng trận tâu lên, cho khai phục cả các cấp bị giáng. Rồi thì đánh phá được tổ giặc ở Sơn Âm, tướng giặc là Quách Tất Công theo đường núi Thạch Bi trốn đi, bắt sống được các tên đầu sỏ phản nghịch là Lê Duy Lương, Lê Duy Nhiên, đóng cũi đưa về Kinh sư.

Vua rất đẹp lòng, thưởng cho cái nhẫn nạm vàng có ba hạt ngọc kim cương to bằng hạt đậu lớn, một chi nhân sâm chính Quan Đông, hai chi sâm Cao Ly, rồi xuống chiếu cho kéo quân về.

Quang Cự từ Ninh Bình kéo quân hát thắng trận trở về, vào chầu. Vua uý lạo rằng: ngươi xông pha khí độc, may được khỏe mạnh, trẫm rất mừng, nhưng còn lo về không quen chịu thủy thổ hoặc thành căn bệnh, nên khéo tự bổ dưỡng, để làm người dùng cho nước nhà, còn như dược phẩm, đã có của công, trẫm có tiếc gì đâu?

Digitized by Google

Tới khi bàn công, phong là Vũ lao tử, lại đi Nghệ An cung chức.

Kế tiếp đến thổ phỉ ở Lạng Sơn, Cao Bằng và Nông Văn Vân lẻn lút phát ra, vận sát tỉnh thành, vua lại sai làm tổng thống quân vụ đại thần tiến đi đánh giặc. Quang Cự tiến đến bảo Quang Lang, bọn giặc vài trăm người, tựa theo chỗ hiểm đặt quân phục. Quang Cự cùng Vũ Văn Từ đốc sai tiến mạnh lên đánh phá được. Lại do Châu Ôn, tiến đến thành Lạng Sơn. Giặc nghe thấy bóng gió giải vây bỏ đi. Tin thắng trận tâu lên, vua rất đẹp lòng, dụ rằng: Quang Cự vâng mệnh ra đánh, đến đâu không ai dám địch, được thắng trận luôn luôn. Nay hay giải được vây ở Lạng Sơn, thật có công to, gia phong tước bá. Quang Cự lại từ đất Lạc Dương (thuộc Lạng Sơn) tiến đến lấy lại thành tỉnh Cao Bằng, gia thưởng quân công một cấp. Lại chia đường đánh dẹp, toàn tỉnh Cao Bằng đều yên phẳng cả. Dâng sớ xin lại về Nghệ An cung chức. Trong khi đi đường, có cai đội là Phạm Trí Y bỏ hàng ngũ, Quang Cự sai chém ngay sau mới tâu lên. Vua khiển trách rằng: tên Y tội cố nhiên đáng giết, nhưng lúc kéo quân hát thắng trận trở về, không ví như lúc ra trận, sao không tâu trước, mà vội chém ngay, truyền chỉ sức quở.

Mùa hạ năm ấy, giặc Vân lại họp bọn lũ còn lại lan ra quấy nhiễu. Vua sai Quang Cự đi Cao Bằng tóm coi việc quân, vả lại cho là chuyên đi đánh đã lâu ngày, mà không hay đánh diệt hẳn được để đến nỗi than lửa con sót lại cháy lên, truyền dụ khiển trách, khiến cho biết cảm khích, biết hăng mạnh để lập công sau. Năm thứ 16, Quang Cự, thấy tên giặc Vân chạy trốn sang đất nước Thanh, mật phái thị vệ là bọn Trình Văn Châu mang theo thổ dõng hơn 100 người giả trang làm hình dạng người Thanh, thuê người Thanh trả công thật hậu để hướng dẫn đuổi theo bắt. Đi đến núi Bán Huống, tìm bắt được tên phạm Bế Văn Đỗ là con Bế Văn Cận và vợ cùng em gái

Digitized by Google

tên Đỗ, hai người thưởng gia quân công một cấp. Chưa bao lâu, đầu sỏ giặc là tên Vân bị đạo Tuyên Quang đốt chết (việc chép ở truyện Phạm Văn Điển).

Vua cho là Quang Cự trải gian hiểm đặt mưu mô, sớm lập công lớn, thưởng một cái nhẫn khảm ngọc kim cương, một cái bài đeo bằng ngọc trắng có chữ "Phúc Thọ". Tới khi về Kinh và ra mắt, vua thương vì khó nhọc, cho làm lễ ôm đầu gối, lại hay thân rót rượu hậu đãi úy lạo. Cho một hình con hưu bằng vàng, là mong cho được chịu tước lộc lâu dài. Việc bổ thụ đô thống, thự Trung quân Đô phủ chưởng phủ sự, vẫn lĩnh tổng đốc An Tĩnh.

Khi ấy 2 huyện Yên Hóa và Lạc Thổ ở Ninh Bình mới đặt lưu quan, dựng lập huyện lỵ, việc chiêu dụ và vỗ yên, thực là việc quan yếu. Vua cho là Quang Cự trước đã tổng thống Ninh Bình, địa thế và tính người Man chỗ nào cũng am hiểu hết. Sai đến hạt ấy, hội đồng với Khâm sai đại thần là Hà Duy Phiên sửa làm việc ấy. Lại mật bảo chuyển đến phủ Thiên Quan (nay đổi là Nho Quan) và bảo Ninh Cương trù thích cơ nghi bắt giặc.

Gặp lúc ấy thổ phỉ Thanh Hóa là bọn Quách Tất Công lẻn lút phát ra ở Quan Hóa, vua tức thì cho Quang Cự làm Ninh Bình kinh lược đại thần, Hà Duy Phiên làm phó.

Sắc cho tỉnh Hà Tĩnh chọn 150 người biền binh đi ngay đến lệ thuộc vào quân thứ. Bọn Quang Cự đến Ninh Bình tức thì phái cho lãnh binh là bọn Trần Hữu Lễ đem biền binh trước đến núi Thạch Bi (thuộc huyện Lạc Thổ, giáp địa đầu Cổ Lũng tỉnh Thanh Hóa) chia chọn giữ đường cốt yếu, bọn Quang Cự đến phủ Thiên Quang đóng đồn để làm thanh ứng, và trù tính cơ nghi đánh bắt. Lại đem lính và voi tiến đóng ở Quỳnh Côi để làm thanh ứng cho Thanh Hóa. Lại xin phái thêm lính tỉnh Nam Định, tỉnh Hải Dương mỗi tỉnh 500 người, để đủ người sai phái. Và lại nói anh em Quách Tất Công, mấy

Digitized by Google

đời cậy thế làm bậy, chuyên đem con cháu họ Lê phiến hoặc dân Man. Về bè lũ vây cánh của nó mà kiệt hiệt nhất thì có tên Đinh Thế Đội, tên Quách Phúc Thành, lẩn nấp ở đất Sơn Âm (thuộc địa phận rừng Ninh Bình), để làm sào huyệt, chỗ đất ấy hiểm trở, vây bắt một chỗ ấy, tất có một nghìn người, mới có thể kín khắp được. Đi tận cùng rừng, tìm bắt con thú, thế thực là khó, đến nay đã một tháng rồi, chưa có chút công hiệu gì, xin rộng kỳ hạn cho để được hết lòng, may mà có nên công. Vua chuẩn phái một vệ lính ở Nam Định lệ thuộc đi theo.

Mùa đông năm ấy, Quách Công Độ bắt được tên Quách Phúc Thành đem nộp. Quang Cự thưởng cho áo mặc, hà bao để khuyến khích. Đem việc ấy tâu lên, và nói: Phúc Thành là yếu phạm trong bọn giặc, nay đã bắt sống được, thì Quách Tất Công đã mất một tay, cũng có cơ hội đánh bắt được.

Vua dụ rằng: Phúc Thành đến xét xử trị tội thì trong bọn thổ ty còn có kẻ vì triều đình ra sức, xem cơ thuận bánh xe, chắc có thể thành công. Nay thổ phỉ Thanh Hóa sinh sự, nên đánh ngay Hoành Giang đem bọn thổ phỉ đánh giết, cho sạch hết đi, rồi sau chuyển về Thiên Quang, trẩm cũng không câu nệ lấy trình hạn, chỉ cốt thành công thôi. Trước đây, lãnh binh quan đạo quân Quan Hóa là Nguyễn Văn Kỳ bị giặc vây giữ, thự đốc là Hoàng Văn Ẩn đến cứu viện, không thể tiến đến được, đóng quân lại xin viện trợ. Quang Cự đem quân tiến đến Kim Lô, thì đạo quân Nguyễn Văn Kỳ đã phá vỡ vòng vây rồi. Dụ thư vừa đến nơi, Quang Cự tâu nói: hai hạt Ninh Bình, Thanh Hóa, địa thế liền nhau, nay thổ phỉ ở Thanh Hóa quấy nhiễu, thì trên đất Ninh Bình phải nên phòng bị nghiêm ngặt. Trong đó một cõi Cổ Lũng là sào huyệt của bọn Đinh Thế Đội tụ họp, trên tiếp với các phận núi Hưng Hóa, Thanh Hóa, dưới thông với Sơn Âm, xin đóng chặn ở địa đầu núi Thạch Bi để nã bắt, rồi lần lượt tiến đến Sơn Âm là tiện.

Digitized by Google

Vua cho những điều đã tâu là đúng khớp, nhưng cốt phải xem cơ hội bắt đánh, khiến cho bọn giặc phản nghịch lần lượt bị bắt, mới là kế hoàn toàn. Quang Cự bèn đem đại binh đến địa đầu Thạch Bi, chia phái đi nã chận để dứt tăm hơi đường sau Thanh Hóa. Liền tiến đến Sơn Âm đốc đem đại binh đánh thẳng vào sào huyệt giặc, chặt cây mở đường, bốn mặt vây bắt chém được bọn giặc 70 đứa, và bắt được đàn ông, đàn bà già, trẻ, thu được súng nhỏ súng lớn và đồ binh một số nhiều. Duy có tên đầu sỏ yếu phạm chưa nã bắt được. Dâng sớ xin nhận tội.

Vua xuống dụ sức quở bắt phải làm xong việc cho sớm. Qua một tháng, bắt được tên đầu sỏ phản nghịch là Lê Duy Hiển, tiếp tục đánh bắt được tên Quách Tất Công ở Thượng Lũng. Thư báo tin thắng trận, kế tiếp đến vua rất đẹp lòng. Dụ rằng: quan quân từ đông sang hạ gối bằng dáo mác, lặn lội hiểm trở bấy lâu khó nhọc, trẫm rất lấy làm thương. Nay đã bắt được tên đầu sỏ phản nghịch rồi, có thể cho là xong việc, chuẩn cho tức thì rút quân về Ninh Bình, trước hết thưởng ăn yến xem tuồng một lần, để cùng vui thỏa, nghỉ ngơi mười ngày, do đường trạm về Kinh.

Bọn Quang Cự trở về Ninh Bình, tâu nói: nay công việc nên làm để cho tốt về sau, cần phải sửa làm, trong đó, việc bắt phải thu nhặt lấy súng nhỏ, súng lớn, sửa làm sổ sách, rất là quan yếu, nhưng buổi mới xét đặt tình người không phải ngờ vực, xin liệu lượng để lại biên binh, lại đến đóng ở phủ Thiên Quan, đợi khi làm xong việc lập tức thì tuân chỉ về Kinh. Vua cho là hết lòng về việc nước, xuống chiếu khen để đãi yến những thổ ty, thổ mục nguyên trước theo đi đánh giặc, nhân lấy lý mà bảo, bắt đem nộp sung man. Có tên Quách Tất Công là ngờ vực trông ngóng, nói nhiều lời gian trá, Quang Cự sai lôi ra chém. Bấy giờ người Thổ sợ hãi, nộp súng điểu sang kể có hàng nghìn khẩu. Quang Cự thưởng cho

Digitized by Google

tiên, để biết đức ý của triều đình, và sai đặt xã thôn, sửa địa bạ. Rồi đem việc ấy tâu lên. Vua phê bảo rằng: ân uy đều dùng, rất được phong thể của người đại thần, lòng trẫm lại khen thêm. Thưởng cho quân công một cấp và cái bài đeo bằng ngọc trắng, đợi làm xong việc sẽ về Kinh ra mắt.

Lại dụ rằng: ngươi trước đây vâng chỉ đi kinh lý, không ví như chuyện đi đánh giặc, thế mà hay tùy cơ đánh giết vỗ yên, khiến cho một phương trộm cướp dẹp hết dân được yên ở, trẫm rất khen ngợi. Khi đến Nghệ An cung chức, tâu nói: lỵ sở phủ Tương Dương, Quỳ Châu, địa thế chật hẹp, thủy thổ lại xấu, quan quân không tiện đóng ở đấy, xin chọn chỗ nào hình thế có thể dựa được, khí độc hơi nhẹ, thì đi dời làm phủ lỵ ở đấy. Vua y lời tâu.

Năm thứ 19, tháng 8, xét sổ chép công, vua nói rằng: Quang Cự có công chiến trận rõ rệt, hay siêng chức việc, thự hàm trước chuẩn cho thực thụ. Năm ấy lập bia Vũ công, đình nghị cho là về việc đốt giết giặc Vân, Quang Cự cũng dự có công, lại tiến vào đánh phá Sơn Âm, Thạch Bi vây bắt được tên nghịch Lương, công ấy to lắm. Xin không câu nệ quan tước cao thấp, chỉ coi về sự thế ai khó, chiến công ai lớn, chia làm thứ bậc, nên để Tạ Quang Cự đứng thứ năm. Vua theo lời bàn.

Năm thứ 20, triệu về, chuẩn cho ở lại làm quan ở Kinh. Tới khi đắp đập ngang sông Phổ Lợi. Vua sai trông coi việc ấy.

Vua lại nghĩ ngày trước có chiến công, tấn phong tước hầu, kiêm coi bọn tập ấm Anh danh giáo dưỡng, xem xét hai kiểu đất ở Thuận Sơn, Hiếu Sơn, được gia một cấp, lại đổng lý công sở Thuận Sơn, vì không xứng chỉ, giáng làm trung quân đô thống. Chưa bao lâu, khai phục thự hàm, lấy nguyên hàm đổng lý Vĩnh lăng cơ công sở. Thiệu Trị năm thứ 1, kiêm coi ấn vụ sở Tào chính. Năm thứ 2, vua đi tuần miền

Digitized by Google

Bắc, sung chức đại thần ở lại Kinh. Kịp khi vua trở về, chuẩn cho gia làm thái tử thái bảo kiêm coi ấn triện của Hậu quân, Năm thứ 4, lại xét công, Vua dụ rằng: Tạ Quang Cự, khó nhọc, tài năng, có huân lao, là người kỳ cựu, kính cẩn, thuần thực, lại tập ấm cho con là Tạ Quang Ân làm Tinh binh cai đội, vì là tuổi còn trẻ, chuẩn cho chiếu phẩm chi bổng, ở nhà học tập. Năm thứ 6, vua lại nghĩ Quang Cự có công lao, cho cái bài "Ngự tiền đại thần" bằng ngọc để cho vinh dự. Trước kia, Quang Cự làm chưởng phủ, xét cử viên quản cơ Nguyễn Văn Hoàng có thể làm được việc. Kịp khi Văn Hoàng làm đề đốc An Giang, thường lập chiến công, vua cho Quang Cự là biết người, bảo quan ở Nội các rằng: đem người thờ vua, là chức phận của đại thần, tiến người hiền được thưởng, là phép thường của nước. Khoảng năm Minh Mạng, cố hậu quân Phan Văn Thúy tiến cử Quang Cự lên, đến khi Quang Cự thường lập được chiến công, Văn Thúy cũng vì tiến người hiền được thưởng. Nay Quang Cự cử Văn Hoàng, chính là cử được người làm việc giỏi, nên lấy lệ thưởng Văn Thúy mà thưởng cho Quang Cự. Thưởng cho sa đoạn mỗi thứ 3 tấm. Năm ấy đến kỳ đại kế, Vua thấy Quang Cự là bề tôi cũ có huân lao và tuổi già, cho một quả bàn đào bằng vàng, cũng là một điểm hay bằng người ở triều thịnh vậy.

Tự Đức năm thứ 1 (1848) ngày tháng 4, làm đại lễ Ninh lăng, Quang Cự sung chức tổng hộ đại thần. Khi ấy tuổi đã 77, vì tuổi già suy yếu, xin về hưu. Vua úy lạo lưu lại.

Năm thứ 2 duyệt binh, Quang Cự cùng đại thần ban vũ tấu bày về công việc thao diễn, vua chuẩn cho bộ Binh bàn để thi hành.

Kinh thành có dịch lệ, xuống chiếu cầu lời nói thẳng. Quang Cự cùng văn vũ đình thần tâu năm việc:

- Một là con Anh Duệ thái tử là Mĩ Đường, trước vì có tội phải bỏ tên ở trong sổ đi; Minh Mạng năm thứ 14, đã

Digitized by Google

chuẩn cho biên tên vào tôn phả, rồi lại bỏ tên đi. Nay xin tôn nghị trước gia ơn cho con trai, con gái và cháu Mĩ Đường lại được biên tên vào tôn phả.

- Một việc nữa là: công thần đời Trung hưng, nếu ai không có con thừa tự, xin xét hỏi người ở chi bên trong họ, lập làm con cháu thừa tự sau cho công thần ấy; cùng các bề tôi chết về việc nước. Nếu có cha mẹ, vợ con châm chước cấp cho để đủ nuôi tuổi già.

- Một việc nữa là xin khoan miễn tội trước cho bề tôi đã chết rồi là Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt, Lê Chất, cho phép con cháu sửa sang phần mộ các viên ấy.

- Một việc nữa là sửa sang chỉnh đốn việc thờ tự ở miếu nhà Lê, cấp tự điền, miếu phu. Con cháu sau nhà Lê cho phép đều được tùy tiện yên ở.

- Một việc nữa là xin chọn phái kinh lược đại thần trông coi sửa chữa về quan lại. Vua theo lời.

Năm thứ 3, danh sách đại kế dâng lên. Vua dụ rằng: Quang Cự đã từng thờ bốn triều, thuần hậu thực thà, am luyện, thông suốt. Tuy là tuổi đã 80, nhưng tinh thần vẫn còn quắc thước, thưởng cho một cái kim khánh có chữ "Mậu tứ huân lao" (có công lao tốt rõ rệt). Năm thứ 4, đến tuổi thọ 80, vua thân viết chữ "lão phúc nguyên huân" vào một cái biển vàng, làm một bài thơ (chép ở dưới), một cái gậy có hình con cưu, và một cái mục kính bằng thủy tinh, gọng bằng vàng tía, 80 lạng bạc, lụa màu, rượu chè các thứ, sai thị vệ đại thần và quan ở Nội các mang đến thưởng cho.

Năm thứ 6, đến kỳ đại kế, xuống dụ rằng: Quang Cự cố gắng hăng hái về việc quan, trước sau không biếng, thưởng cho một cái bài đeo bằng ngọc trắng có chữ thọ, rồi kiêm quản Tả quân. Quang Cự nhiều lần dâng sớ xin về hưu. Vua không chuẩn cho. Kịp khi được y theo lời xin thì tuổi đã 86 rồi. Ý vua vẫn yêu mến không thôi, cho nhân sâm của vua

Digitized by Google

dùng và vàng lụa một số đặc biệt, triều phục chuẩn cho mang theo về, hàng năm cấp cho nửa lương để đủ nuôi tuổi già.

Vài ngày sau, Quang Cự vào chầu. Vua dụ rằng: làm bề tôi đem người hiền để thờ vua, ngươi ở triều đã lâu, xét người đã nhiều, bọn thống quản có người nào rất xuất sắc, chuẩn cho tâu cứ lên. Quang Cự dâng sớ cử bọn Đoàn Thọ, Đào Trí 4 người, vua sai bộ Binh ghi lấy tên. Nhân lại đem bài thơ của vua đã làm ra trước để cho. Thơ rằng:

Phiên âm: Phù hễ dĩ cửu tuyệt sơn tưu.
Lân các đồ thành Lũ khất hưu,
Bán dạ Đẩu, Ngưu song hạp kiếm,
Ngũ hồ phong nguyệt nhất linh Chu,
Tứ kim vị thế tiêu giai phạm,
Chính sổ linh nhân sức tráng du,
Nhược tự tiến hiền Dương Thúc Tử,
Nghiễn bi tha nhật ức thiên thu.

Dịch nghĩa: Đã lâu nay, nơi gác núi tuyệt nhiên không thấy chim phù hề hiện ra[1].

Gác Kỳ Lân[2] vẽ tượng các công thần đã xong, mà cứ thường thường xin về hưu.

Khí sáng của đôi gươm trong hợp chiếu lên khu vực sao Ngưu, sao Đẩu lúc nửa đêm[3].

Một chiếc thuyền lênh đênh thưởng thú trăng gió cảnh 5 hồ[4].

---

(1) Phù hề: một thứ chim ở núi Lộc Đài, giống như con gà trống mà mặt người, khi nào xuống núi thì có việc binh đao. Đây ý nói là nơi rừng núi không có giặc.

(2) Các Kỳ lân: Tuyên đế nhà Hán vẽ tượng 11 người công thần treo ở gác ấy.

(3) Lấy điển chữ Hán ở bài "Đằng Vương các" "Long quan xạ ngưu đẩu chi khu" nghĩa là ánh sáng của đôi thanh kiếm chiếu lên khu vực sao ngưu, sao đẩu.

(4) 5 hồ: Phạm Lãi ngày xưa, từ quan về thả thuyền đi chơi 5 hồ.

Digitized by Google

Cho vàng, là vì đời mà nên khen người có khuân mẫu tốt[1].

Nghe tiếng trống trận thì nhớ người có mưu mô công lao giỏi giang[2].

Giống như Dương Thúc Tử tiến được người hiền[3].

Ngày sau lập bia ở núi Nghiễn Sơn kỷ niệm đến nghìn năm về sau[4].

Năm thứ 12, năm thứ 14, 2 lần đến kinh chầu lạy. Vua cho ngồi, cho uống nước trà, ân cần úy lạo; lại ban cho thổ mộc nhân sâm, quế thanh các hạng. Sắc từ nay về sau, miễn cho không phải lạy, để tỏ ra ý thể tất bậc đại thần.

Năm thứ 15 (1862) Quang Cự chết, thọ 93 tuổi. Vua thương lắm tặng hàm Thái bảo, tên thụy là Trung, Khắc, cấp tiền tuất 2000 quan và gấm thổ, vải lụa các hạng, sai quan đến tế một đàn.

Quang Cự là nghĩa dũng xuất quân làm quan đến phong hầu, từng trải qua hơn 50 năm, trước sau vẹn tiết, phúc lộc dài lâu.

Con là: Quang Tri làm phó quản cơ, Quang Cần tập phong tước bá rồi có lỗi giáng xuống tập phong tước tử, Quang Ứng lấy công chúa, bổ Phò mã đô úy; Quang Trực làm Tinh binh

(1) Cho vàng: Sơ Quảng, Sơ Thụ là 2 chú cháu, đời Hán Tuyên đế cùng làm thái phó, dâng thư xin về hưu, Tuyên đế cho về và cho 20 cân vàng. Nay Quang Cự về hưu, vua cho 80 lạng bạc (đã chép ở truyện).

(2) Nghe tiếng trống trận: trong kinh Lễ có câu: "Văn cổ bề chi thanh tắc tư tướng súy chi thần": Nghĩa là nghe tiếng trống trận thì nhớ các tướng súy.

(3) Dương Thúc Tử: Thúc Tử là tên tự của Dương Hựu đời Tấn. Làm đô đốc Kinh Châu, đi đánh Ngô, thì bị ốm nặng, bèn tiến cử Đỗ Dự để thay, sau Dự đánh được Ngô.

(4) Bia núi Nghiễn Sơn: Dương Hựu làm đô đốc ở Kinh Châu, đối lũy với Lục Kháng, Dương Hựu chuyên làm việc nhân đức ở thu lòng người. Sau Hựu chết, nhân dân ở xứ ấy lập bia hợp miếu để thờ ở núi Nghiễn Sơn (nơi Hựu hay đến chơi ngày xưa). Có người trông thấy bia ấy chảy nước mắt, vì thế gọi là truỵ lệ bi.

Digitized by Google

chánh đội; Quang Phú chết trận, truy tặng Tinh binh cai đội. Cháu là Quang Thuận tập phong tước nam.

*

Nguyễn Đình Phổ

Trước tên là Định, người huyện Thụy Nguyên tỉnh Thanh Hóa. Tằng tổ là Quế làm Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân thái bảo, Tường quận công đời Lê. Phổ đương buổi đầu năm Gia Long đi tòng quân, bổ làm cai đội cửu vệ Nội Dực ở Tân doanh, rồi thăng lên khâm sai cai cơ Hữu quân Định thành hầu. Năm thứ 14, cất lên Nội quân chính cơ cơ Trung thắng. Minh Mạng năm thứ 1 thăng lên khâm sai vệ úy vệ Định vũ doanh Tả, quản thần sách, Phổ trạch hầu, sau ít lâu bổ làm trấn thủ Bắc Ninh, triệu về kinh, chuyển đi trấn Vĩnh Thanh. Năm thứ 7, thăng làm chưởng cơ thống quản 10 cơ Trấn Định ở Trung quân; lại trải làm trấn thủ hai trấn Hải Dương và Thanh Hóa. Năm thứ 12 lĩnh 10 cơ Kiêm Nhuệ ở Tả quân. Mùa đông năm ấy, thự thống chế lĩnh tổng đốc Ninh Thái.

Năm thứ 14, thổ ty Tuyên Quang là Nông Văn Vân nổi loạn lấn cướp Thái Nguyên. Vua sai Phổ đem quân ở Bắc Ninh, Thái Nguyên tiến đến Thái Nguyên đánh bắt, phát thêm binh ở Nam Định, Hải Dương, mỗi tỉnh một cơ theo đi; rồi lại chuyển về tỉnh Bắc.

Năm thứ 15, tháng 7, Phổ lại thân mang quân tiến đóng Thái Nguyên, vừa gặp tham tán đạo Tuyên Quang là Nguyễn Công Trứ, mang quân lại hội. Vua sai Phổ sung chức thống đốc Thái Nguyên đạo quân vụ, Trứ sung chức tham tán. Tháng 9, Phổ cùng Trứ tiến đến chợ Dã, giặc thấy bóng gió trốn trước. Tháng 12, tiến đến Vân Trung, hội quân 2 đạo Cao Bằng, Tuyên Quang vây đánh (việc chép ở truyện Công Trứ). Sau vì ốm về lỵ sở rồi chết.

Digitized by Google

Vua cho là Phổ từng làm việc siêng năng đã lâu, xuống chỉ thương tiếc lắm.

Phổ là con nhà dòng dõi làm tướng. Trọng Thao là cháu họ có truyện chép riêng.

*

Nguyễn Thọ Tuấn

Người huyện Phong Lộc, tỉnh Quảng Bình. Buổi đầu Gia Long, mới bổ làm cai đội đội Nhị Trung, hiệu cơ tiền tiệp, có nhiều quân công, đến phó lãnh binh quân Hải Dương, rồi lên vệ úy, lĩnh quân như cũ.

Minh Mạng năm thứ 14, Nông Văn Vân nổi loạn, vua cho Thọ Tuấn làm tham tán quân vụ theo Tạ Quang Cự tiến đi đánh. Thọ Tuấn mới từ Hải Dương tuân chỉ đem 1.000 lính và voi tiến đến Lạng Sơn, vừa đến địa bàn, đêm đánh úp phá được 2 đồn giặc ở Kha Hóa, Gia Quan.

Vua dụ rằng: Thọ Tuấn biết xem cơ hội mà làm, làm thanh thế trước cho đại binh, rất đáng khen ngợi, gia phong là Gia quan nam. Rồi đóng quân ở thành Lạng Sơn, bắt được cừ mục của giặc chém đi, liền đem quân tiến đến Cao Bằng, vì bệnh chết ở đường. Vua tiếc lắm, tặng là Chưởng cơ, tập ấm cho con là Thọ, Viên làm Cẩm y vệ hiệu úy.

*

Phan Bá Hùng

Người huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An. Hùng sinh ra là người có sức mạnh, buổi đầu thời Trung hưng, vào Gia Định ứng việc nghĩa, theo việc quân đi đánh, có nhiều công lao, nhiều lần thăng đến phó vệ úy vệ Tráng uy, rồi thăng thự các cơ Trung chấn, quyền chưởng vệ Hậu bảo tam Hậu quân. Minh Mạng năm thứ 3, bổ cai cơ là quản chủ sự phủ Quốc Oai.

Digitized by Google

Năm thứ 7, thổ phỉ Nam Định là Phan Bá Vành nhiễu cướp các đoạn hạt Thiên Trường, Kiến Xương. Bá Hùng tự đem quân bản bộ theo tiễn quân thống quản là Phạm Văn Lý tiến đánh, giặc Vành thua chạy, chiếm giữ xã Trà Lũ, Văn Lý đem quân đến vây, giặc nhân đêm đánh úp, quân ta bị thua. Vua nghe tin xuống dụ khiển trách Văn Lý, giục phải tiến đánh. Văn Lý bèn sai Bá Hùng phục quân chận đánh, để tuyệt quân cứu viện của giặc, mà tự mình đốc các đạo đánh thật dữ, bắt được giặc Vành và bè lũ hơn 700 tên.

Tin thắng trận tâu lên, vua cho là Bá Hùng ngăn chặn có công, thưởng gia 2 cấp, triệu về kinh, cất lên chưởng cơ. Rồi lại đem quân đến Bắc Thành bắt bọn lũ của giặc, thưởng quân công một cấp. Rồi bị bệnh chết ở chỗ quân.

*

Thái Bình Tạo

Người huyện An Thành, tỉnh Nghệ An. Khi Tạo còn nhỏ có đi học, sức vóc khỏe mạnh, mới ứng việc nghĩa đến Gia Định đi theo quân, nhiều lần thăng tiến cai đội đội cửu vệ Chấn vũ Tượng doanh quân Thần sách. Gia Long năm thứ 1, bàn công bổ làm Nội doanh phó quản khâm sai cai đội cơ Tiền Kích, Tư mưu hầu.

Năm thứ 6, bổ làm quản chủ phủ Nghĩa Hưng, bắt dẹp bọn lũ của giặc còn sót lại trong cõi được yên. Buổi đầu năm Minh Mạng thì chết.

Digitized by Google

QUYỂN 18

TRUYỆN CÁC QUAN - MỤC THỨ VIII

- Nguyễn Văn Minh
- Hoàng Kim Hoán
- Hoàng Quýnh
- Hoàng Đạo
- Lê Đại Cương
- Đặng Đán
- Lê Mậu Cúc (phụ chép Nguyễn Văn Đính)
- Hoàng Văn Hậu
- Nguyễn Lương Nhàn
- Nguyễn Trung Mậu
- Nguyễn Ngọc Trác
- Phan Huy Thực (con là Huy Vịnh, con họ là Huy Chú).

*
* *

Nguyễn Đăng Minh

Người huyện Phong Điền phủ Thừa Thiên. Buổi đầu năm Gia Long đi theo quân, từng thăng đến quản vệ. Minh Mạng năm thứ 1 (1820) thăng làm Hổ uy phó vệ úy doanh Hổ uy, từng làm qua hai vệ Cẩm y, Thị trung, rồi thăng Chưởng cơ. Năm thứ 9 gia hàm thống chế vẫn lĩnh các đội Trường trực vệ Cẩm y. Năm thứ 12 cho làm Đô thống dục Tả doanh Vũ Lâm, kiêm quản công việc 2 kho Sang pháo và Hỏa dược. Năm thứ 14, dựng làm điện Thái Hòa và cửa Đại cung, cửa Ngọ môn, sai cùng với thống chế Hồ Văn Khuê chia nhau trông coi việc ấy. Khi làm xong thưởng cho kỷ lục gia cấp và kim tiền. Năm thứ 17, vua cho là Tăng Minh tuy không có chiến công, nhưng giữ việc binh lâu ngày, có công lao tài năng

Digitized by Google

rõ rệt, tấn phong là Vân hội bá. Năm thứ 18, đến kỳ đại kế, được bổ thự Hữu quân đô thống.

Tăng Minh theo hầu nơi cung cấm gần vua, hơn 30 năm, một niềm thành thực, lại kéo về việc công tác, khoảng năm Minh Mạng, sửa lại Thế Miếu, làm Vĩnh lăng và hồ Tĩnh tâm, đều trông coi việc ấy.

Năm Thiệu Trị thứ 1 (1841) thăng thự Hữu quân đô thống phủ chưởng phủ sự. Năm ấy bổ dùng con là Tăng Dụng làm Cẩm y hiệu úy. Kịp khi chết, vua nghĩ Tăng Minh là bề tôi kỳ cựu, đặc biệt cho thực thụ, cho thêm gấm và nhiễu toàn các hạng, sai quan cho tế một đàn.

*

Hoàng Kim Hoán

Người huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên. Cha là Quang, là người văn học hơi nổi tiếng một thời. Gặp loạn Tây Sơn, tự hiệu là Xử sĩ, thường cảm nhớ công đức của các thánh bản triều ta, làm khúc hát Hoài nam. Khi ấy Thế tổ Cao hoàng đế ta đóng quân ở Gia Định, khúc hát ấy truyền vào trong quân, nghe thấy có người rỏ nước mắt xuống. Kịp khi quân nghĩa lấy lại được nước, xuống chiếu bổ dụng làm vẻ vang cho nhà ấy thì Quang đã chết rồi, Hoán là con trai được vua triệu vào cho làm quan ở Viện hàn lâm, từng thăng lên thiêm sự bộ Binh.

Minh Mạng năm thứ 1, chuyển làm ký lục Quảng Bình. Vua ngự ra thành Long Biên, làm lễ bang giao, Kim Hoán sung chức phó sứ, sang nước Thanh đợi lệnh. Năm thứ 2 thăng Hàn lâm chưởng viện học sĩ rồi sung chức toản tu liệt thánh thực lục, làm chủ khảo trường thi hương Nghệ An. Kịp khi lễ bang giao làm xong xung chức sứ thần sang nước Thanh đáp lễ. Năm thứ 3, hiệp lý công việc bộ Lại kiêm làm toản tu, ngọc phả các hiền thánh. Năm thứ 6, lại sung chánh sứ

Digitized by Google

sang nước Thanh. Năm thứ 7 các cống sĩ vào thi điện, sung chức đọc quyển, lại sung chức Tôn phả tổng tài.

Khi ấy, nước Vạn Tượng bị nước Tiêm La bức bách, đến cầu viện trợ. Kim Hoán dâng thư đại lược xin đánh nước Tiêm La tàn bạo, giúp nước Vạn Tượng bé nhỏ, cho rộng bờ cõi; quả quyết có cảm tưởng đắp đất ở núi Lang Cư Tài[1], và lên núi Yên Nhiên khắc đá ghi công. Đình thần cho là khinh thường bàn việc binh, nghị tội. Vua bảo rằng: nói tuy không trúng khớp, nhưng cũng hết lòng thành thực, mới được đại dung thứ.

Năm thứ 9, đổi đi làm hiệp trấn Thanh Hóa. Có người trong hạt ấy là Lê Thế Tế, tự làm tờ hịch, lời nói có phần bội nghịch, án huyện dâng lên, khép vào tội lưu. Kim Hoán đặt ra ba khoản ngờ vào tâu xin xét lại. Vua ngờ là bênh vực hộ. Lại thổ ty các huyện Trình Cố đến thẳng trấn Nghệ An xin phụ vào tờ trong giấy tờ không có nói rõ là nguyên trước thuộc về trấn Thanh Hóa. Trấn thần Nghệ An là Nguyễn Văn Xuân nghe lầm để tâu xin hộ cho. Có chỉ cho lệ thuộc vào trấn ấy. Thổ ty các huyện ấy đến trấn Nghệ An bái lĩnh sắc ấn. Kim Hoán cho là thổ huyện ấy nguyên lệ thuộc lỵ hạt mình, chưa tiếp được giấy tờ của bộ thông báo cho; lại ở sổ cũ thì 2 châu Trình Cố, Sơn Thôi cùng với 2 huyện Trình Cố, Man Xôi danh sắc hơi khác, cố chấp lấy làm ngờ, bèn giằng co ngăn trở không cho đi. Vua đã ngơ về bênh vực Thế Tế; trấn thần Nghệ An lại cho là ngăn trở sắc chỉ, việc ấy đến tai vua. Vua cả giận, giao nghị tội, phải cách chức, đi gắng sức chuộc tội. Năm thứ 10 được khởi phục làm hiệp thủ đạo Nam Bộ. Năm thứ 11, thăng lên viên ngoại bộ Công thự tham hiệp Lạng - Bằng, rồi chết.

(1) Hoắc Khứ Bệnh đời Hán, đánh được Hung Nô. Hung Nô đắp đất ghi công ở núi Lạng Cư Tư.
- Đậu Hiếu đời Đậu Hán, đánh đuổi Thuyền Vu - Hung Nô ra khỏi cửa ải hơn 3.000 dặm, lên núi Yên Nhiên khắc đá ghi công rồi về.

Digitized by Google

Kim Hoán là người thanh liêm kiệm ước thích cất nhắc người học trò nghèo khổ.

Minh Mạng năm thứ 6, làm tham tri làm bản tiến cử các sĩ nhân, phần nhiều có người được trúng tuyển. Vả lại có tiếng là văn học, đi chấm thi, làm quốc sử, đều làm nổi chức vụ; 2 lần đi sứ, được nhận mệnh lệnh vua trọn vẻ vang, thường được hậu đãi. Người cùng hàng phần nhiều suy tôn khen ngợi. Khi chết vua thương tiếc lắm, hậu cho gấm Trung Quốc và tiền để giúp cho.

*

Hoàng Quýnh

Cháu đích tôn của xử tử Quang, lúc còn nhỏ, cha chết sớm, cùng ở với chú là Kim Hoán, chịu khó học hành. Buổi đầu năm Minh Mạng đỗ hương tiến, bổ làm Nội Hàn tri bạ, thăng lên biên tu, sung chức khởi cư chú. Vua hỏi về việc dân, thưa rằng: từ khi Hoàng thượng lên ngôi đến giờ, tha thuế giảm thuế ra ơn chẩn tuất, tình người không ai là không cảm tin. Nhưng gần Hoàng thành, làm nhà Quốc học, việc tuy không thể hoãn được, nhưng có việc thì kẻ tư lại nhân đấy sinh tệ, cho nên trên có lòng yêu thương mà ơn chưa xuống đến dưới. Lại nói rằng: cửa vua xa tựa muôn dặm, tình đau khổ ngầm của dân chưa chắc đã thấu hết được. Muốn yên dân thì cốt ở biết người, xin lưu ý ở lúc tuyển cử. Vua bảo là phải lắm. Nhân dụ rằng: ngươi là bề tôi cũ ở nơi tiềm để, trẫm đã biết về uẩn súc của ngươi, nhưng lúc tuổi trẻ mới tiến lên, mọi việc càng nên cẩn thận, để được đội ơn lâu dài.

Năm thứ 2 sung chức toản tu liệt thánh thực lục, rồi thăng Nội các thừa chỉ. Năm ấy, vua sắc cho bộ Lại chọn người có hạnh kiểm sung chức phó trưởng sử các Vương phủ, nhân bảo Quýnh rằng: các hoàng tử sang năm ra mở phủ để đọc sách, chọn cử người bạn độc, tuy không được bậc đại hiền để đương chức sư phó, cũng nên lấy người lòng ngay nết tốt.

Digitized by Google

Quýnh thưa rằng: trước đây những người sung cử lên, chỉ chăm về chữ nghĩa thôi, xin cho người nào sung chức ấy được kiêm cai quản các phủ thuộc, phàm ai có lỗi thì trừng trị đi, thế thì các kẻ tiểu nhân không dám xui dỗ làm điều bậy vậy.

Năm thứ 4, quản lý phòng văn thư. Năm thứ 5 thăng Thượng bảo thiếu khanh, rồi lên Thượng bảo khanh. Năm thứ 6 biện lý công việc bộ Lại, sung giám thí trường Gia Định. Một hôm, vua nói tới hình, chính, đức, lễ dạy dân có ý nông sâu bảo rằng: nhà Đường nhà Ngu đặt quan sĩ sư làm hình quan, chẳng phải là cũng lấy hình pháp xua dân ư?

Quýnh thưa rằng: hình là một thứ công cụ để giúp sự vậy, Đường, Ngu sợ dân chưa theo đạo đây, nên lấy hình để giúp, khiến cho hợp vào điều phải, thế là dùng hình để mong không phải dùng hình nữa. Tháng 9, sung chức giám thị trường thi Nghệ An, cùng viên đề tuyển là Nguyễn Hựu Nghi mới đến trường, thấy đốc học là Hồ Trọng Điển, nộp quyển thi có nhiều dấu vết, làm sót mất quyển thi và riêng cho học trò giả trang làm người đi theo lẫn lộn vào trường. Bọn Quýnh tức thì đuổi ra, sai người mang các bài phụng chỉ, gọi là bài mệnh vua, triệu Tư nghiệp hưu trí là Phan Bảo Định thay làm việc ấy. Lại kỳ đệ nhất, học trò có hơn một trăm người mất quyển, đứng ở ngoài cửa trường kêu van, bọn Quýnh cho phép đến sáng hôm sau tục thi, rồi làm sớ tâu lên. Vua cho là việc tuy là quyền nghi, nhưng mà phần nhiều không hợp lệ. Lại ngày đến trấn, có vệ úy thuộc trấn là Nguyễn Tiến Tự chỉ làm nhà trạm là công quán. Quýnh liền đánh roi; bị trấn thần tham hặc, Hựu Nghi giáng một cấp, lưu lại làm việc. Quýnh vì tạo ý ra trước phải giáng hai cấp lìa chức. Trước đây, bọn Quýnh mới đến trường, họp đốc học và phủ huyện thuộc trấn ấy ở công quán, cho cử người đã biết, ghi lấy họ tên, kịp khi điểm duyệt, nhận theo mảnh giấy kê tên đưa hiệu biên cho Nội trường, phê lấy người hỏng làm hạng

Digitized by Google

đỗ, cộng 16 người. Ngay ở trường ra, lại hát xướng đánh bạc. Đã về Kinh vài tháng, bị trấn thần đem việc ấy tham hặc lên, việc giao xuống cho đình thần làm, bị cách chức. Năm thứ 7, được khôi phục làm chủ sự bộ Công, trải thự lang trung, thiêm sự, thăng làm hiệp trấn Cao Bằng, bang biện đê chính Bắc thành, ban ân cho 50 lạng bạc, triệu về bổ làm hữu Thị lang bộ Lễ, rồi thăng thự hữu tham tri bộ Binh sung làm việc ở Nội các. Năm ấy khi hội, sung chức tri công cống cử. Rồi can về khoan thuộc viên ở Các dùng trộm ấn của vua phải tội xử tử còn lưu lại để xét. Năm thứ 14 được tha, phái đi đường biển để gấng sức báo hiệu. Chưa được bao lâu, khởi phục Hàm viện thừa chỉ.

Năm thứ 17, lấy hàm thị lang sung làm việc ở Nội các. Khi ấy có thuyền nước ngoài đến đậu ở vùng Trà Sơn cửa Đà Nẵng, cầu đem lòng thành thông hiếu. Vua đem hỏi các quan ở bộ. Đào Trí Phú thưa rằng: nên dung nạp, để xem họ đến đây làm gì. Quýnh cho là nên cự tuyệt đi, nếu dung nạp sợ để lo cho đời sau, người đời xưa đóng cửa ải Ngọc môn để tạ sứ giả, thực là đắc sách. Rồi vua theo lời bàn của Trí Phú.

Quýnh đổi bổ thị lang bộ Lại rồi chuyển đi làm bố chính sứ Gia Định. Tâu nói: thần thân ở bên ngoài, nhà nghèo con nhỏ, không trông vào đâu mà ăn được. Xin chuẩn cho lấy gạo lương để ở nhà lĩnh để ăn dùng. Vua nói rằng: Trẫm vẫn biết nhà ngươi nghèo, cho 100 quan tiền, 100 phương gạo, bất tất phải khấu trừ vào lương. Vả lại tính ngươi sơ suất cẩu táo, sau này cần phải nghĩ kỹ lưỡng cho khỏi lỗi. Quýnh đã đến tỉnh dâng sớ nói: thần là kẻ không có tài, may nhờ bỏ vết xấu bổ dùng, giao cho trách nhiệm giữ bờ cõi, không những ban ân đến bản thân thần mà lại đến cả vợ con thần nữa. Vả lại hai chữ "sơ táo" là một cái kim cắm vào chỗ bị tê dại của thần mà châm xuống. Nhưng đọc lời dụ phê bằng bút son tự nhiên thấy mất hết căn bệnh. Thực là vua thánh, lại là

Digitized by Google

cha hiền, và lại là thầy dạy nữa. Thần, thân tuy ở xa nghìn dặm, há dám không kính cẩn như là chỉ cách có một gang, một thước thôi. Từ nay về sau, xin tính kỹ chu đáo để chữa tính sơ suất, thận trọng để chữa tính cấp táo, để hầu đáp ơn sinh thành một khí chút. Vua nói rằng: đau đã khỏi mà biết là đau, hay tự mình không quên, mới là người giỏi.

Năm thứ 18, dâng sớ nói: "dân trong hạt ấy sau khi trải qua binh biến, phần nhiều hao tán, năm trước tuyển lính duyệt đinh, bức bách phải điền gạo đủ, kê hão lên ở trên tờ giấy, rất là hại cho dân. Lại ngay gần đây, tra xét một việc án theo giặc (giặc Khôi) trong hạt đến hơn 1.360 tên phạm, trong đó có kẻ bắt hiếp phải theo, hoặc có kẻ cùng tên cùng quê quán cứ theo ở giấy mà đòi bắt, vì cớ ấy mà dân sợ trốn đi, nên số đinh trong sổ trốn đi nhiều mà điền lính lính khổ là thế đấy. Lại gần đây, những tù hạng nặng phần nhiều phát đi Trấn Tây, xét ra Trấn Tây, ở ngoài thì có nước Tiêm La chỉ nhòm chỗ hở mà đem quân sang, ở trong thì có nước Mên, Lạp, vị tất đã đành lòng cúi đầu. Đem bọn ấy ở lẫn vào dưới sườn nách họ, về sự tiếp liền cõi đất để làm thanh ứng, thần rất làm lo. Còn thì lời nói có nhiều điều quá khích. Vua chỉ lấy hai điều về vào sổ thiếu ngạch và xét bắt án ngụy, sắc cho người giữ việc khoan miễn mà thôi.

Năm thứ 20, vua sai đến Trấn Tây xem xét tình hình, khi xong việc vào ra mắt đem tình hình quân dân cùng sự động tỉnh của nước Tiêm thưa từng điều một. Đổi bổ làm tả thị lang bộ Lễ gia hàm tham tri sung làm việc Nội các.

Trước kia, Quỳnh làm bố chính Gia Định, bộ Hộ tư đặt mua sản vật. Quỳnh cho là giá của dân rất cao, giá của nhà nước rất rẻ, sợ làm hại cho dân. Tới khi bộ Hộ trách hỏi, cũng giữ vững lời nói trước, và nói rằng: vỗ trị dân nhọc mệt này, phàm trăm việc đều khó cả. Bộ thần chỉ ngồi ở trong triều mà bàn đạo, chưa từng mắt trông thấy, cho nên không

Digitized by Google

tin. Nay nếu tâu về tội vì kẻ dưới vì dân, xin tự nhận tội. Đã có hoàng thượng thánh minh, đã có công luận nghìn thu xét định.

Bộ thân đem việc ấy tâu rõ lên. Vua cho là Quýnh tháo lời để chê rãn, sai tâu lại minh bạch. Quýnh ra lời phân biện rõ ràng và xin nhận tội. Bộ nghị tội đáng cách chức, Vua nói rằng: Hoàng Quýnh thờ trẫm nhiều năm, làm người táo cấp càn giỡ, hãy nghĩ đến ngày thường tính thẳng, chưa đến nỗi là người bỏ đi, gia ơn giáng bổ viên ngoại lang, phái theo Lê Văn Đức làm việc gắng sức chuộc lỗi.

Năm thứ 21, ốm chết. Quýnh là người thẳng, gặp việc dám nói, thật là tiếng sang sảng ở trong sắt[1]. Lúc trước, bị trích đi sang Quảng Đông, cùng với người Việt Đông là Mạc Trì, Lưu Văn Lan, Tiền đường là Liên Tiên, người bản quốc là Lý Văn Phức kết làm hội Quần anh, văn thơ đi lại, nay có tập thơ "Trung ngoại quần anh hội thi tập" lưu hành ở đời. Hai lần vào làm việc ở Các ứng chế phần nhiều xứng ý vua. Khi theo xe vua đi, có làm bài thơ khắc vào đá ở núi Tam Thai:

Phiên âm:

Thúy hoa lâm thắng cảnh, thông uất khí giai tai, Động tại thần tiên khứ, Lôi minh phong vũ lai, Hoàng ân triêm thảo mộc, Linh phủ tỉnh trần ai, Viễn trí hà quang tiếp, Sơ lâm tễ sắc khai, Trượng di sơn tịch mịch. Chung đoạn nguyệt bồi hồi, Thùy thi tam sinh khách, Trù trư khước tự sai.

Dịch nghĩa:

Sợ vua đi tới cảnh đẹp. Um tùm khí tốt thay, Động còn lại mà thần tiên đi đâu mất. Sấm kêu thì mưa gió đến. Ơn vua ngấm khắp cây cỏ, Trong tâm sạch bụi trần, Núi xa

(1) Tiếng sang sảng trong sắt: là ví với người cứng cáp ngay thẳng không a dua. (Chữ Hán: *thiết trung tranh tranh*, là lời Quang Vũ đời Hán khen Từ Tuyên, Phàn Sùng).

Digitized by Google

đưa ánh sáng đến, Rừng thưa sắc trời quang, Người chống gậy đi thì núi tịch mịch. Chuông dứt tiếng thời bóng trăng bồi hồi. Khách ba sinh[1] ai đó. Còn dùng dằng đứng lại tự nghi ngờ.

Tài làm văn tinh nhanh. Vua thương yêu lắm. Kịp khi chết, thưởng trả lại hàm bố chính, cấp cho 200 quan tiền.

Con là Gia Kỵ lấy Mĩ Điền công chúa.

*

Hoàng Đạo

Đạo là em Quýnh là cháu thứ của Quang. Minh Mạng năm thứ 15, đỗ hương tiến, bắt đầu phái đi làm hành tẩu bộ Hộ. Năm thứ 21. Vua phê rằng: Hoàng Đạo tài năng đáng ghi hạnh kiểm đủ coi, đặc cách bổ tri huyện huyện Minh Chính, chính trị công bằng đúng đắn, dân cho là tiện. Năm Thiệu Trị thứ 1, có chỉ thăng Hàn lâm viện tu soạn, sung chức hành tẩu ở Nội các. Đạo tuy ở bậc thấp, nhưng văn học thì được vua yêu quí, chú ý đến. Chưa bao lâu cất lên Hàn lâm viện thừa chỉ. Năm thứ 3, thăng làm viên ngoại lang, ty Thanh thận bộ Lại. Năm thứ 4, từng án sát 2 tỉnh Khánh Hòa, Quảng Nam. Năm thứ 7, thăng thư bố chính sứ Nghệ An, lại khâm sai làm phó chủ khảo trường thi hương Hà Nội.

Năm Tự Đức thứ 1 (1848), cải bổ thự tả thị lang bộ Binh. Rồi bị chết. Vua gia ơn chuẩn cho thực thụ.

Đạo, phẩm độ ngay thẳng nghiêm trang, suốt đời gặp gỡ toàn nhờ vua đãi ngộ đặc biệt, liệt vào sổ làm quan mới 7, 8 năm mà đã lên phẩm trật cao, nhưng vì chết sớm, không được bổ dụng làm quan to, người còn tiếc cho Đạo.

*

(1) Ba sinh: tức là người ta sinh ra, luân chuyển ba đời: 1- đời quá khứ, 2- đời hiện tại, 3- đời tương lai.

Digitized by Google

Lê Đại Cương

Tên tự là Thống Thiện, hiệu là Kỳ Phong, biệt hiệu là Cư Chính Thị. Tiên tổ là người Nghệ An. Ông tổ đời xa là Công Triều, làm quan sang đời Lê. Sau ông tổ chi riêng, không rõ đời đến phủ An Nhân tỉnh Bình Định làm nhà ở đây. Đến Cương mới lấy văn học được hiển đạt. Năm Gia Long thứ 1, vì có tiếng giỏi trong thời bấy giờ, được cử làm huyện doãn; vì tham trang mất quan. Hậu quân là Lê Chất dâng sớ tiến cử là Cương có tài làm việc, được phục chức làm tri huyện, rồi thăng thiêm sự bộ Binh. Năm Minh Mạng thứ 2, sung chức biện lý bang giao sứ sự ở công quán Gia Quất; trải thăng làm hiệp trấn Sơn Tây, chuyển về làm hữu thị lang bộ Hình, hữu tham tri bộ Lễ, khâm sai quản lý việc đê chính. Chưa bao lâu, quyền giữ ấn triện của tổng trấn Bắc Thành, và có tiếng là chính sự giỏi. Khi ấy, dân hạt Sơn Tây về Kinh kiện Cương về tội tham tang, xét ra không có thực trạng. Triệu về Kinh. Khi vào yết kiến, Vua dụ rằng: ngươi làm việc nhanh giỏi, trẫm đã chọn biết. Việc tiểu dân kiện xét ra là kiện vu, thì tâm tính của ngươi đã rõ ràng rồi. Đại thần vì nước, nên hết sức làm việc nên làm. Nhân bổ làm tổng đốc An Hà, kiêm sung bảo hộ ấn của nước Chân Lạp.

Năn thứ 14, giặc Khôi chiếm cứ thành Phiên An, lan tới các tỉnh vào trong Nam. Cương lánh đến Chế Lăng, triệu tập lính và dõng, cùng giặc quyết đánh; liền đến Gia Định hội với quân của triều đình góp sức vây đánh. Khi ấy vì chỗ tỉnh lỵ trước không giữ được, phải cách chức đi gắng sức làm việc để báo hiệu. Qua một tháng, được khởi phục làm viên ngoại lang đổi lĩnh án sát sứ. Mùa đông năm ấy, giặc Xiêm đến xâm lấn, Phiên vương bỏ chạy; vâng chỉ chuẩn cho đến đánh dẹp hộ các lộ đều do đường thủy tiến đến, một mình Cương do đường bộ đạo Quang Hóa tiến đến, chặn lui được quân Xiêm, thăng bố chính An Giang thị hộ lý tuần phủ. Kịp khi

Digitized by Google

Phiên vương về nước, vua lại sai Cương ở lại thành Nam Vang để bảo hộ. Rồi cho làm tham tán đại thần ở Trấn Tây sửa sang công việc. Sau vì người thổ trước ở Lạp nổi loạn, bị cách chức, về Kinh phát đi sở đồn điền ở Nguyên Thượng. Năm Thiệu Trị thứ 1, khởi phục làm viên ngoại lang, khâm sai Bắc kỳ biện lý bang giao sứ vụ. Sau thăng lên lang trung, thự bố chính sứ Hà Nội, viện dẫn nêu lệ xin hưu trí về làng được vài năm thì ốm chết, thọ 78 tuổi.

Cương là người hào mại phóng dật, ở đâu thường bày bút mực, sách vở, đàn, chén uống rượu hoa, cây, để tự thích. Tập văn đã làm ra phần nhiều mất đi, chỉ có các tập Nam hành, tập thơ Tỉnh ngu, ba quyển. Cháu là Hữu Dụng đỗ tú tài.

*

Đặng Đán

Tên tự là Nhật Lãng, người huyện Đông Thành tỉnh Nghệ An. Lúc cuối đời Lê đỗ hương cống, tránh loạn đi ở ẩn. Buổi đầu năm Gia Long gọi ra làm phúc khảo trường Thanh Hóa. Minh Mạng năm thứ 4, xuống chiếu chỉ cử người văn học. Trấn thần Quang Ngãi là Nguyễn Kim Truy đem tên tâu lên. Triệu vào thi, vua xem văn, bảo thị thần rằng; có thực thì danh tất về mình, muốn lưu lại để phòng cố vấn, nhưng thương về tuổi già, đặc cách cho làm đốc học Nghệ An.

Chết ở chỗ làm quan, tuổi 71.

*

Lê Mậu Cúc

Người huyện Thuận Xương, tỉnh Quảng Trị. Về lúc trước không rõ thế nào. Minh Mạng năm thứ 1, làm vệ úy vệ Uy vũ quân Thần sách, đóng giữ đồn Hà Trung, kiêm chức trông coi việc phủ. Năm thứ 4, đóng giữ phủ thành Hà Hoa trấn Nghệ An. Năm thứ 5, lĩnh quản đạo Ninh Bình, xây đắp thành của đạo. Khi xong việc được thưởng tiền lụa và kỷ lục một

Digitized by Google

thứ. Rồi đổi bổ làm vệ úy vệ Tiền doanh Long vũ. Năm thứ 6, đổi đi làm trấn thú Nam Định. Năm thứ 7 thổ phỉ là Vũ Đức Cát hợp tập những bọn can phạm trốn tránh như bọn Phan Bá Vành, Nguyễn Hạnh, quấy nhiễu cướp bóc các cửa biển Trà Lý, Lân Hải (thuộc huyện Tiền Hải Nam Định). Thủ ngữ là Đặng Đình Diễn, Nguyễn Trung Miễn đều bị giặc giết. Cát ngầm sai bọn lũ đến trấn nói dối là ra thú tội, xin làm người dẫn đường. Mậu Cúc tin lời, đem binh thuyền đến đảo nhỏ ngoài khơi đánh bắt. Giặc đặt quân phục đón đánh, giả cách thua, Mậu Cúc đuổi theo, đến bãi Lã Chử, thuyền cơ là Nguyễn Văn Đĩnh cố sức đánh, bị chết.

Vua bảo Trần Văn Năng rằng: khi Lê Mậu Cúc vào bệ từ, Trẫm dụ ở trước mặt là phải giữ lấy địa phương biên giới, phàm gặp việc quân, không nên rút lui. Cúc tự thề, đem thân báo nước. Nay thực hay giữ lời nói trước để lòng địch kẻ đáng giận, sống chết không khác, so với người đời xưa tận tiết ở chốn chiến trận, thực là không hổ. Tặng hàm Thống chế, cho gấm Trung Quốc và tiền một số đặc biệt. Tập ấm cho con là Mậu Đạo làm thiêm hộ. Tự Đức năm thứ 9, đưa vào thờ ở đền Trung nghĩa.

*

Nguyễn Đĩnh

Người huyện Diên Phúc, Quảng Nam. Minh Mạng năm thứ 7, làm phó quản cơ, theo Lê Mậu Cúc đánh giặc biển ở cửa Trà Lý, bị chết. Năm Tự Đức thứ 9, đưa vào thờ ở đền Trung nghĩa.

*

Hoàng Văn Hậu

Người huyện Đăng Xương tỉnh Quảng Trị. Năm Gia Long thứ 4 (1805) đầu ngạch quân. Năm Minh Mạng thứ 2 (1821) tuyển vào vệ cẩm y. Năm thứ 10, thăng chánh đội trưởng

Digitized by Google

suất đội, thăng lên phó vệ úy vệ Cường vũ, rồi thăng lên vệ úy vệ Tiền Hà Nội. Năm thứ 16 đi đánh thổ phỉ được thắng trận gia một cấp; rồi phái đi đạo Tuyên Quang đánh bắt tên đầu sỏ giặc là Nông Văn Vân. Việc đã xong gia quân công một cấp và cho kim tiền. Thiệu Trị năm thứ 1 (1841) thăng chưởng vệ vệ Cẩm y.

Năm thứ 2, vua đi tuần ra miền Bắc, sung làm ngự tiền túc vệ; khi vua trở về được thưởng kim tiền và bạc lạng, quyền giữ ấn triện doanh Hổ uy, rồi thăng thụ thống chế.

Năm thứ 6, bị bệnh chết. Vua nghĩ Văn Hậu từng theo đánh dẹp, dự có công lao, tặng hàm đô thống doanh Tiền phong, chiểu hàm tặng cấp tiền tuất, cho thêm gấm, đoạn, vải, lụa và tiền rất hậu.

Con là Văn Thu lấy Bình Xuân công chúa, bổ phò mã đô úy, từng làm chưởng vệ rồi vì có việc giáng quản cơ, sau bị giặc giết, truy thự hàm Cấm binh phó vệ úy.

*

Nguyễn Lương Nhàn

Người huyện Phong Điền, phủ Thừa Thiên. Khoảng năm Gia Long vào ngạch quân, bắt đầu làm Tiểu sai đội trưởng. Minh Mạng năm thứ 15, thăng cai đội quân Vũ lâm, đi làm việc bắt giặc ở trấn Tây, đuổi bắt giặc Xiêm có công. Tháng 8 theo đạo quân Vũ Trí đánh hạ thành Phiên An, vì có công lên thành trước dự vào hạng ưu, bổ Tinh binh vệ úy, rồi thăng mãi đến vệ úy doanh Vũ lâm. Năm thứ 17, đi đến Thanh Hóa làm việc bắt giặc, theo Kinh lược phó sứ là Nguyễn Đăng Giai đánh phá sào huyệt giặc ở sách Lương Chính, gia quân công kỷ lục 2 thứ. Năm thứ 18, bổ làm lãnh binh tỉnh Quảng Bình. Chưa được bao lâu đổi đi Thanh Hóa. Mùa xuân năm sau, vì đi tuần tiểu bất lực, giáng bổ phó vệ úy vệ Kỳ vũ. Năm thứ 21, đổi bổ làm phó lãnh binh tỉnh Bình Định. Mùa đông năm

Digitized by Google

ấy, thăng lãnh binh tỉnh Bình Thuận. Năm Thiệu Trị thứ 1, đổi bổ đi lãnh binh Nghệ An, rồi thăng thự chưởng vệ, sung làm lãnh binh An Giang.

Khi vào bệ từ, Vua dụ rằng: người làm việc đã lâu năm, binh cơ chắc đã thuộc hết. Nay thổ phỉ ở An Giang lúc ra lúc ẩn đi, không thường, cốt nên vỗ trị cho đúng lẽ phải để xứng với trách nhiệm đã ủy cho. Lại ban cho thêm một cái áo nhung bông mổ bụng màu quan lục, một cái quần màu lam, và bạc lạng. Tới khi đến chỗ quân, cùng với hộ đốc là Nguyễn Tri Phương đem điều nghĩa khuyến khích quân lính bị thua ở Ba Xuyên, mọi người đều xin cố chết đánh, bèn lập được thắng trận ở Sóc Trăn, Trà Tâm.

Vua nghe thấy khen rằng: cổ vũ làm cho quân lính hăng hái lên làm lừng lẫy được thanh thế của quân từ đầu, Nhàn thực không phụ công ta chọn sai; gia cho quân công một cấp. Rồi cùng Nguyễn Tiến Lâm hội đánh thổ phỉ ở Súc Sâm, quân các đạo đánh ở phía trước, quân của Lương Nhàn chận ở phía sau, biền binh ở chuyến đi ấy đánh càng mạnh thổ phỉ bị tan vỡ. Tin thắng trận tâu lên, thưởng cho kỷ lục 2 thứ. Năm thứ 2, mùa xuân, cùng Nguyễn Văn Điển cả đánh phá quân nước Xiêm ở Hà Âm. Khi ấy, giặc rất hung hăng. Văn Điển ủy cho Nhàn đánh về phía hữu, quân các đạo hăng hái quây lại đánh giết. Giặc bèn ở trong rừng xông ra. Nhàn phái một toán quân lẻ đánh úp phía sau giặc, khiến cho đầu đuôi không ứng tiếp với nhau được, giặc bị tan vỡ chạy, quan quân đuổi theo đánh giết, bắn, chém và thu được khí giới, lương thực súng ống không biết đâu mà kể. Vua xuống dụ khen rằng: Lương Nhàn thân đốc quân các đạo đánh giết, khiến quân giặc không thể cứu viện được nhau, khó giở nghề con lừa[1] ra, có

(1) Nghề của con lừa: ở đất Xiêm không có giống lừa, có người đem con lừa ở xứ khác về, thả ở trong rừng, loài hổ trước thấy con lừa to lớn, sợ lắm, sau lần la đến gần, thấy lừa chẳng có tài năng gì, mới đến gần trêu ghẹo lừa, lừa tức giận bèn dấy chân đá con hổ, hổ mừng lắm bảo

Digitized by Google

đủ thực trạng quân công. Chuẩn cho thực thụ chưởng vệ, gia quân công một cấp, đổi thự đề đốc Hà Tiên, thưởng thêm một cái nhẫn vàng có ngọc châu hỏa tề lớn khoản 10 hạt ngọc, kim cương, cái bài đeo bằng ngọc trắng có chữ "cát tường" có giây thao xâu ngọc san hô rủ xuống. Mùa đông năm ấy, thăng thự thống chế. Năm thứ 3, tấn phong Bình thắng nam.

Năm thứ 4 đến kỳ đại kế. Vua cho là Lương Nhàn hăng hái ở nơi bờ cõi, dẹp yên nơi biên giới ta, chuẩn cho thực thụ thống chế. Năm thứ 5, mùa thu, quân ta đánh phá quân nước Xiêm nước Lạp, nhiều người đầu hàng, duy đầu mục giặc là Chất Tri, tù trưởng Man tên là Dun còn là bọn giặc trốn. Vua sai chọn quân lính mạnh, khí giới tốt đến thẳng biên giới Quang Biên, khai biên chiêu dụ vỗ về người Man đầu hàng, lại đi ngay đến Trấn Tây chặn đường về của giặc, cần bắt chém được bọn thổ mục để nhận thưởng bậc trên. Năm thứ 6, việc ở Trấn Tây dần dần dẹp yên, vào ra mắt vua. Vua thưởng, về già yếu, chuẩn cho cách một ngày mới phải đến chầu, rồi đổi sang doanh Vũ lâm, vẫn kiêm ấn triện của doanh Tiền Phong.

Năm thứ 7, kỳ đại kế, vua cho là Lương Nhàn lập nhiều chiến công, thân coi quân cấm binh, chuẩn cho thăng thụ đô thống, thự Hữu quân Đô thống phủ chưởng phủ sự. Tháng 9, vì coi làm quan tài của vua, để chậm trễ, bị cách chức lưu dụng, rồi đổi làm giáng 4 cấp lưu, lĩnh tổng đốc Nam Nghĩa.

Tự Đức năm thứ 2, chết. Vua nghĩ đến Lương Nhàn trước có chiến công, cũng là khó nhọc được việc, chuẩn cho thực thụ đô thống, cấp thêm cho gấm Trung Quốc, vải lụa và tiền, sai quan đến tế. Năm thứ 10, đưa vào thờ ở đền Hiền Lương.

Nhàn khởi thân ở chốn hàng ngũ nhà binh, vốn làm

---

nhau rằng nghề của lừa chỉ có thế thôi, bèn nhảy vào cắn chết lừa mà ăn thịt. Đây ý nói là bọn giặc chẳng có tài năng gì.

Digitized by Google

tướng, kịp khi cõi Tây có loạn, thường lập chiến công. Hiến tổ từng cùng đại thần bàn tới các tướng, nhân bảo Trương Đăng Quế rằng: "Hiện nay các tướng duy có Nguyễn Lương Nhàn và Nguyễn Công Nhàn mà thôi, nếu ai cũng được như 2 người ấy cả còn lo gì, phải nghĩ đến miền tây nữa." Được vua chọn biết quí mến như thế đấy.

*

Nguyễn Trung Mậu

Hiệu là Đạm Hiên, người huyện Đông Thành tỉnh Nghệ An. Cha là Ý làm thông chính sứ nhà Lê. Trung Mậu đỗ hương cống Gia Long năm thứ 6 bổ làm Tri huyện Hoằng Hóa. Buổi đầu Minh Mệnh, đổi bổ tri huyện Yên Mô. Ở hai huyện lỵ ấy gần 10 năm, thăng đốc học Bình Định; triệu về bổ viên ngoại lang bộ Hộ, thăng lên lang trung, nhiều lần thăng đến tả thị lang bộ Công, thự hữu tham tri. Năm thứ 17, lấy là tả tham tri bộ Lễ quyền chưởng thượng thư, kiêm giữ ấn triện của viện Hàn lâm, tự Thái thường, tự Quang lộc. Vì có tang xin nghỉ về. Vua cho nghỉ phép, dụ rằng: Con thờ cha mẹ, cốt ở tình lễ chu chuẩn, không phải ở nhà lâu là hiếu. Vả nay bộ Lễ lắm việc, ngươi nên lấy việc nước làm trọng, tức là đem hiếu làm trung, chớ câu nệ đến 9 tháng mới hết tang làm gì? Lại nghĩ Trung Mậu nhà nghèo, sai cấp tiền sửa việc tang. Rồi thì cướp tình thương bắt phải ra làm việc, đổi bổ tả tham tri bộ Binh kiêm quản Hàn lâm lại kiêm viện Đô sát thăng thự thượng thư bộ Hộ kiêm Thông chính ty. Năm thứ 19, giáng xuống hữu tham tri bộ Công rồi thự thượng thư, sung cơ mật viện đại thần. Thiệu trị năm thứ 1, dâng thư dán kín trình bày thời chính 6 điều: 1) Sai khiến có thời; 2) Hoãn việc hình phạt; 3) Nhắc rõ lại lệnh cấm để vít mầm mống kẻ gian; 4) Nghiêm phòng bị để cho dân yên ở; 5) Khuyến khích và khen thưởng để khích lệ dân giàu; 6) Hoãn nợ riêng để thư cho kẻ nghèo túng. Vua khen và nhận

Digitized by Google

thư, thưởng cho sa lụa, bổ thự thượng thư bộ Lễ sung Cơ mật viện đại thần như cũ. Rồi Trung Mậu chết, tuổi 62, Vua dụ rằng: Nguyễn Trung Mậu giữ mình trong sạch cẩn thận, am hiểu quen giữ việc tế lễ, nghĩ đến khi xưa, lấy làm bùi ngùi. Chuẩn tặng hiệp biện đại học sĩ, gia cấp cho áo mũ đại triều, 2 cây gấm Trung Quốc, 3 cây sa màu, vải lụa mỗi thứ 15 tấm, tiền 400 quan, sắc cho ty có chức trách sửa sang việc tang; và sai quan đến tế.

Trung Mậu làm việc quá 10 năm, vì là người trong sạch, siêng năng, từng trải quen việc, được vua chọn biết đã lâu, đến nay người người còn có thể ôn lại truyện được.

Con là Ngạn, làm quan đến Hộ bộ viên ngoại lang; Phác được ấm thụ chủ sự; Tĩnh làm tri phủ Trường Khánh. Cháu là Doãn đỗ hương tiến.

*

Nguyễn Ngọc Trác

Người huyện Siêu Loại tỉnh Bắc Ninh. Gia Long năm thứ 6, đỗ hương cống, bổ làm tri huyện huyện Hoài Yên, huyện Hạ Hòa và An Phong. Minh Mạng năm thứ 2, lĩnh chức đốc học Hải Dương, rồi thăng mãi đến tham hiệp 2 trấn Thanh Hóa, và Nghệ An. Năm thứ 11, cất lên làm hiệp trấn Vĩnh Thanh. Đi đường đến Gia Định bị bệnh chết. Vua ra lệnh cho đưa đám tang về chôn.

Ngọc Trác đương lúc quốc sơ, đỗ hương tiến, vì cẩn thận chức việc được đến coi giữ một địa phương. Sau em là Tiến Lục cũng đỗ thi hương, làm quan đến Án sát sứ tỉnh Cao Bằng.

*

Phan Huy Thực

Tự là Vị Chỉ. Tiên tổ là người Nghệ An. Ông tổ xa đời

Digitized by Google

là Kính làm đô đốc trấn quốc thượng tướng quân, Vinh lộc hầu, triều Lê. Sau thiên đến huyện Yên Sơn ở Sơn Tây. Ông là Cẩn mới lấy văn học khởi gia, đỗ tiến sĩ năm Cảnh Hưng nhà Lê, đỗ tiến sĩ làm quan đến Đông bình chương sự, Khuê phong hầu Huy Thực về năm Gia Long thứ 10, ứng lời hiệu triệu, được bổ vào tào ở bộ. Năm thứ 16, sung chức phó sứ sang Yên Kinh. Minh Mạng năm thứ 1, vua sai cất lên làm hiệp trấn Lạng Sơn, rồi triệu về Kinh; nhiều lần thăng đến thượng thư bộ Lễ. Khi ấy nhân lúc quốc sơ mới sửa sang, đồ vật chưa đủ, vua sai xét lại sách đời cổ để chế ra, Huy Thực có nhiều sáng kiến. Năm thứ 13, tế xuân hưởng, vì lễ khí và nhạc múa cử hành đủ cả, Vua khen lắm, rồi sung làm biên tu thực lục tổng tài kiêm quản viện Hàn lâm. Năm thứ 18, vì phát ra việc án làm đồ thờ bằng vàng giả, phải tội mất chức. Năm ấy lại khôi phục làm lang trung bộ Lễ; trong một năm lên vượt đến thự tả tham tri, lâu lâu lại phục chức cũ.

Huy Thực giữ việc lễ của nước đã lâu, vua thường ủy thác cho. Buổi đầu - năm Thiệu Trị, nghỉ việc. Năm thứ 2, vua đi tuần miền Bắc, Thực đến ra mắt ở nơi hành tại. Vua úy dụ ban cấp cho bạc lụa, và cho một bài thơ, để tỏ ra hậu đãi người bề tôi già. Khi chết, 67 tuổi. Năm Tự Đức thứ 11, đưa vào thờ ở đền Hiền Lương. Trước tác có các tập "Tinh thiều kỷ hành", "Hoa thiều tập vịnh".

Con là Huy Vịnh nối đời làm quan đến thượng thư. Em họ là Huy Chú cũng nổi tiếng.

*

Huy Vịnh

Tự là Hàm Phủ, còn nhỏ theo nghiệp học trong gia đình truyền dạy. Minh Mạng năm thứ 9, đỗ hương tiến, bổ làm chủ sự bộ Binh, thăng lên viên ngoại lang. Thiệu Trị năm thứ 2, thăng làm án sát sứ Quảng Bình. Vì có tang cáo nghỉ. Khi hết tang, bổ án sát Quảng Ngãi, triệu về Kinh bổ làm thị

Digitized by Google

giảng học sĩ, sung Sử quán biên tu; rồi cất lên làm Quang lộc tự khanh, biện lý công việc bộ Lễ. Buổi đầu năm Tự Đức, thự bản bộ hữu thị lang bổ trải làm bố chính sứ Quảng Nam, Quảng Ngãi, và Nam Định. Năm thứ 6, lấy chức tả thị lang bộ Lại sung làm chính sứ sang Yên Kinh. Gặp khi Trung Quốc có giặc phải ở lại đất Trung Quốc ba năm mới về. Đến ngày về, vào ra mắt vua, vua úy lạo, ban cho kim khánh và vua làm 8 bài thơ để cho; cất lên làm hữu tham tri bộ Hình, thăng lên thượng thư bộ Lễ sung và dạy học ở trường Dục Đức, kiêm Quốc sử quán tổng tài, Thương bạc đại thần. Năm thứ 23, vì có việc giáng xuống tham tri, viện lẽ tuổi già nghỉ việc. Khi chết, thọ 71 tuổi, truy trả lại hàm thượng thư. Có làm tập "Tứ trình tùy bút".

Con là Huy Hãng được ấm thụ Binh bộ viên ngoại lang; Huy Lạc làm tri huyện; Huy Tuân hàm Hàn lâm đãi chiếu; Huy Châu được hàm kiểm thảo; Huy Trăn đỗ hương tiến.

*

Huy Chú

Khi còn nhỏ đọc sách, có tiếng là văn hay. Buổi đầu năm Minh Mạng, gọi bổ Hàn lâm viện biên tu, rồi thăng mãi đến Thừa Thiên phủ thừa. Năm thứ 10, bổ làm hiệp trấn Quảng Nam, 2 lần sung sứ bộ đi Yên Kinh; rồi bị khiển trách, phải sang Tây gắng sức báo hiệu, được khởi phục chức tư vụ. Vì có bệnh xin về hưu, rồi chết, 59 tuổi.

Huy Chú vì là gia thế học tập, cho nên có làm ra bộ "Lịch triều hiến chương loại chí", khảo cứu sâu rộng. Khi sách làm xong dâng lên, vua sai để vào bí các, đến sau làm bộ Việt sử, phần nhiều nhờ đấy để kê cứu. Lại làm quyển "Hoàng việt địa dư chí", các tập "Hoa thiều ngâm lục", "Hoa thiều tục ngâm", "Dương trình ký kiến."

Digitized by Google

QUYỂN 19

TRUYỆN CÁC QUAN - MỤC THỨ IX

- Vũ Văn Giải
- Nguyễn Văn Ân (phụ chép Nguyễn Phẩm)
- Lê Nguyễn Trung (con là Bá Đôn)
- Vũ Huy Quỳnh
- Vũ Duy Tân
- Lê Văn Đức.

*
* *

Vũ Văn Giải

Người huyện Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi. Đầu năm Gia Long, làm đội trưởng đội Phụng trà.

Minh Mạng năm thứ 5 (1824) bổ thụ chánh đội, nhiều lần thăng đến viện sứ viện Thượng trà; trải làm vệ úy 2 vệ Tiền phong Hổ uy. Sau vì sai phái chậm trễ, phải giáng làm phó vệ úy dực Tả doanh Vũ lâm. Bổng lại đổi làm nhất đẳng thị vệ sung hiệp lĩnh xứ Thị vệ.

Năm thứ 20 thăng chưởng vệ, vẫn lĩnh chức như cũ.

Thiệu Trị năm thứ 1, thăng thự thống chế doanh Hổ uy. Năm ấy gặp kỳ xét công. Vua cho là Văn Giải làm việc nhanh giỏi, chuẩn cho thực thụ.

Năm thứ 2, vua đi tuần ra Bắc, Giải sung chức làm Thị vệ đại thần. Đến khi vừa trở về được thăng đô thống. Chưa bao lâu, đổi làm đô thống kinh kỳ Thủy sư. Văn Giải tâu nói: ấp Xuân Lộc (nhà của Phúc quốc công) ở phía đông kinh thành, là chỗ đất quí phát phúc, xin lập ngôi chùa ở đấy, để cầu phúc cho dân. Vua cho là phải.

Digitized by Google

Năm thứ 5, thăng lên đô thống phủ Đô thống ở Hậu quân. Bấy giờ đương sửa sang việc biên giới ở Trấn Tây, bọn đốc, phủ Con Giang là Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Công Trứ tâu xin vua chọn phái đại thần đến đấy trù tính. Vua sai Văn Giải ra làm tổng đốc Định Biên hội đồng các quan tỉnh xếp đặt công việc Mên Lạp, nhưng chuẩn cho Giải được tiện nghi làm việc, tư tổng đốc tuần phủ trở xuống, đều phải nghe theo lệnh của Giải sai khiến. Khi vào ra mắt xin đi, Vua bảo rằng: Định Biên là phiên trấn lớn ở Nam kỳ, việc vỗ trị nước Xiêm, nước Lạp, rất là quan yếu, chuẩn cho: phàm có thi thố việc gì, phải cùng lòng bàn định cho ổn thỏa đã rồi sau hãy làm. Cần phải yên bên trong, mới có thể phục được bên ngoài, tất phải lấy được việc vỗ yên làm trước hết.

Khi Giải đã đến tỉnh ấy bàn ủy cho các quan ở quân thứ đi đến phủ Ba Xuyên để đánh dẹp và vỗ về dân. Bấy giờ nước Miên Lạp thường thường bị quân ta đánh tan. Đến khi báo tin thắng trận ở thành Nam Vang, Vua cho là Giải trù tính được hợp lẽ, gia thưởng cho 1 cấp, và 1 chiếc kim khánh. Sau Giải cùng Tôn Thất Bạch đi khắp nơi truyền hịch dụ bảo thổ dân, Thổ mục đầu hàng hơn 23000 người. Văn Giải bèn đem tình hình ngoài biên tâu lên và nói: tù trưởng nước Mên là tên Giun hãy còn lẩn trốn ở hạt Vĩnh Long, thì xin bàn ủy cho bọn Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn đem biền binh chia đi hạt ấy đánh dẹp thực dữ. Nhưng vua cho là Trấn Tây đã có bọn Tôn Thất Bạch, Nguyễn Văn Hoàng vỗ trị ở đấy rồi, sai Văn Giải kíp đến Vĩnh Long đốc suất quan quân các đạo hết sức đánh bắt, liền đổi Văn Giải làm Tiền quân Đô thống phủ đô thống, đặc tiến, phủ biên tướng quân, điều khiển khắp cả hạt Trấn Tây. Khi ấy, quân các đạo nhiều lần tiến đánh, đầu mục nước Xiêm là Chất Tri quẫn bách, lui quân giữ đất Ô Đông; rồi ủy người đến nói rằng: thư của nước ấy sức cho y vì Ông Gium thu xếp, để cho mẹ, con nó đoàn tụ, được sớm về nước nó. Nay ơn nhờ thiên triều trông xuống cho

Digitized by Google

giảng hòa, thì thực là việc tốt. Nay y tạm lưu ở Ô Đông, để làm cho xong việc, sẽ lập tức sửa soạn về nước, và lại đệ trình cả lá thư của Ông Gium van xin giao trả mẹ cùng vợ con nó, Văn Giải xét tình trạng lời lẽ kính thuận, nên trước hãy trích tha cho mẹ tên Gium là Thi Độc về, để thị ấy nói rõ tấm lòng nhân đức của triều đình, rồi liền dâng sớ xin nhận tội. Vua cho là Văn Giải quyền biến phải lẽ, chuẩn y cho thi hành.

Năm thứ 6, mùa đông, Ông Gium sai bề tôi mang tờ biểu và lễ phẩm đến nơi quân thứ dâng biểu xin thần phục nộp cống. Văn Giải cùng bọn Nguyễn Tri Phương phiên dịch tờ biểu ấy dâng lên. Vua nói rằng: Tù trưởng người Mên phụ thuộc với nước ta, việc phòng giữ ngoài ven được hỏi, các công việc gì đáng làm cho sau này được tốt, sẽ phải kịp thời sửa sang. Bèn sai bọn Văn Giải hết lòng tính nghĩ, lần lượt thi hành.

Mùa xuân năm sau, sứ Cao Mên đến cống, Vua xuống dụ khen thưởng tướng sĩ Trấn Tây, trước hãy thưởng cho Văn Giải 1 cấp trác dị[1] và 1 cái nhẫn đeo tay mạ vàng của vua dùng, một cái nhẫn bằng trân châu nạm hạt ngọc kim cương lớn, 1 cái bài đeo bằng ngọc tốt có chữ "phúc thọ trùng viên" cùng các hạng kim tiền. Lại xuống dụ rằng: Văn Giải nguyên được dụ bảo tận mặt tận tai ở trước sân rồng về quyền cai trị một địa phương long trọng. Mới rồi nhân bị ốm, tuy không phải xông pha hàng trận, nhưng đương ốm cố gắng đến quân, hết lòng trù tính, khiến cho kẻ tù trưởng người Mán thế cùng sức kém van xin cầu hòa. Xem ngay phải việc, ngồi trong trướng nhận hàng, không phải đánh, mà quân người phải khuất phục; tùy cơ hội ứng biến, để cõi ven không lo. Thực là người tướng trung hậu vũ lược. Sắc cho tấm bài đeo bằng ngọc tốt có chữ "Trung vũ tướng". Rồi xuống chiếu cho các tướng Trấn Tây đem quân về.

(1) Trác dị: Đời xưa xét công quan lại, người nào có tài năng đặc biệt là trác dị.

Digitized by Google

Văn Giải cùng bọn Nguyễn Tri Phương, xét liệu các đồn nào nên để hay rút, và chiếu theo chỗ nào quan yếu thì lưu quân đóng giữ; rồi làm tập đồ tâu lên vua biết. Tháng 5, sắp quân thắng trận kéo về. Vua sai Nội các và 1 viện thị vệ dự trước đón tiếp ở trạm xá mạn nam, và truyền chỉ yên ủi. Đến khi Văn Giải vào ra mắt, vua tuyên gọi lên điện, thưởng trước cho Giải 1 chiếc áo mát, và cho chiếc quạt của vua dùng cùng bài thơ "Trinh Tây sự bình"(1). Qua đến ngày hôm sau, làm lễ ôm chân vua. Vua gọi Văn Giải đến trước mặt, thân hành rót rượu úy lạo hồi lâu. Rồi xuống dụ rằng: Tướng quân, một thân nhận cờ mao lưỡi việt, vâng mệnh giữ toàn quyền đánh dẹp, đáng gọi là bậc tướng già vững như bức thành và cái lá chắn, là bề tôi mạnh giúp đỡ. Ban cho ngươi 1 cái chén uống rượu bằng ngọc tốt, 1 hình con hổ bằng vàng, để tỏ ra oai danh như con hổ mạnh gào thét vậy. Thăng làm An Tây Trung dũng tướng. Năm ấy đến kỳ xét công, Văn Giải được thăng thụ Tiền quân Đô thống phủ đô thống chưởng phủ sự, tấn phong An Viễn bá.

Tháng 7 mùa thu, vua cho là việc Trấn tây đã yên, đúc súng lớn nêu công, cho Văn Giải được ghi công khắc tên vào cỗ súng lớn Bảo đại, vị thứ hai, rồi dựng bia ở miếu Vũ. Tháng 9, Giải nhận tờ chiếu để lại cùng với Trương Đăng Quế, Lâm Duy Thiếp sung làm phụ chính đại thần. Đến khi Dực Tông Anh hoàng đế lên ngôi, tấn phong cho Giải là An Viễn hầu.

Tự Đức năm thứ 1, làm tôn lăng, Văn Giải sung chức đổng lý.

Năm thứ 2, dựng bia "An tây vũ công" cho Văn Giải đứng đầu.

Năm thứ 3, xét công thưởng cho Giải 1 chiếc huân lao kim thánh.

(1) Trinh Tây sự bình: Việc đánh trận Tây đã xong.

Digitized by Google

Năm thứ 5, mùa xuân, Giải xin thôi chức hàm phụ chính. Vua không cho. Mùa đông năm ấy, Giải lại nhắc lời cầu xin trước. Vua y cho.

Năm thứ 6, mùa thu, kỳ xét công, vua lại cho Văn Giải là năm trước chuyên giữ một địa phương, từng dự có quân công; ngày nay giữ việc quân, càng giữ bền tiết cũng gia cho hàm Thái bảo. Đến khi Giải chết vua sai bộ Lễ làm quan tài cấp cho và hậu cho tiền tuất, sai quan đến tế; lại tập ấm cho con để giữ việc thờ cúng.

Năm thứ 11, liệt vào thờ đền Hiền Lương.

Năm thứ 22, gặp tiết tứ tuần đại khánh, vua sai quan đến tế ở nhà.

Văn Giải thờ đến 3 triều, trung cần một tiết, cõi phía Tây có loạn, Giải phụng mệnh chuyên đi đánh dẹp; nơi Tuyên thất[1] nhận tờ di chiếu cùng lòng phụ chính, thực là người bề tôi huân lao kì cựu mấy đời.

Con là Văn Khuê được tập phong là An Viễn bá. Cháu đích tôn là Văn Hiến hiện bổ suất đội huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

*

Nguyễn Văn Ân - Nguyễn Phẩm.

Nguyễn Văn Ân người huyện Tiên Du, Bắc Ninh. Gia Long năm thứ 12 (1813) đỗ hương tiến, trải làm tri huyện Tiên Minh. Ân là người thuần hậu chất thực, có phong độ người đời xưa.

Minh Mạng thứ 5, thăng lên đốc học Sơn Tây, tại chức đầy 10 năm, được triệu bổ viên ngoại lang bộ Lễ; rồi bị bệnh xin về, năm hơn 70 tuổi thì chết. Về sau người đồng quận là Nguyễn Phẩm ở Gia Bình cũng được bổ đốc học tỉnh Sơn, đều được bọn sĩ phu khen ngợi.

(1) Tuyên thất: tên 1 cung điện đời xưa.

Digitized by Google

Thiệu Trị năm thứ 4, Phẩm đỗ phó bảng, do hàm kiểm thảo, được bổ tri huyện Thọ Xương, thăng tri phủ Ứng Hòa. Đầu năm Tự Đức lĩnh đốc học Sơn Tây; mấy lần được xét là hạng ưu. Sau xin về nghỉ.

Phẩm tính hạnh điềm tĩnh, ngày thường đi, đứng có lễ độ. Khi chết, tuổi 80.

*

Lê Nguyên Trung.

Người huyện Thanh Chương, Nghệ An. Gia Long năm thứ 12 đỗ hương cống. Đầu năm Minh Mạng làm hành tẩu ở Quốc sử quán; rồi được bổ tri huyện Hoàng hóa. Huyện ấy có án kiện còn ngờ, Trung xử cho tha. Thượng Tứ nghĩ bắt Trung bị tội; nhưng khi án dâng lên triều đình cho Trung là phải. Rồi sau đổi đi tri huyện Thiên Lộc. Trung làm việc công bằng, giản dị, được lòng dân, có tiếng là chính trị giỏi; được nhắc lên tri phủ Khoái Châu; trải làm đốc học Phú Yên, thăng lang trung bộ Hộ, hiệp lý Hộ tào Gia Định, thăng hiệp trấn Bình Thuận.

Năm thứ 12, làm tả thị lang bộ Lễ. Năm sau được bổ bố chính sứ Quảng Nghĩa, bị tội mất chức.

Năm thứ 16, Trung được phái đi Bình Thuận để dẹp yên bọn thổ dân, nhưng làm không được việc; bị trích giáng đi phủ Cam Lộ, lại dời đi Quảng Trị để gắng sức làm việc chuộc tội. Gặp khi thổ dân ở Thanh Hoa làm loạn, viên kinh lược đại thần dâng sớ xin cho Trung đi theo việc quân.

Năm thứ 18, được khởi phục chức Tư vụ, chuyển đi làm tri châu Lương Chính; rồi được triệu về làm chủ sự bộ Lại; thăng viên ngoại Lang tự Đại lý, rồi làm hộ lý phủ Nội vụ.

Thiệu Trị năm thứ 1, bổ án sát Hưng Hóa.

Năm thứ 2, thăng bố chính sứ Hà Nội. Trung dâng sớ tâu bày về sự nhũng tệ của bọn lại, tân khó kiếm lương ăn,

Digitized by Google

lấy việc con chim sửa sang tổ từ khi chưa mưa để làm câu nói ví. Vua khen phải. Bấy giờ có việc án vu cáo cho người là phản nghịch, viên tổng đốc làm thành to chuyện. Trung hết sức biện bạch không được. Bèn đêm đốt hương khấn cầu. Rồi thì việc đến tai vua, vua sai quan xét lại, rốt cuộc án ấy không ai bị tội xử tử cả.

Năm thứ 7, thự tuần phủ Hưng Hóa, dâng sớ xin phong kín cửa mỏ vàng. Có người đem số vàng to đến cầu cạnh; nhưng Nguyên Trung không động lòng.

Khoảng đầu năm Tự Đức, hộ lý tổng đốc Bình Phú, khi đến cung chức, dâng sớ trình bày các tệ về lính trấn và trộm cướp, cho là lính không đủ, là do sổ hộ biên số hão, dân không nghề nghiệp, chơi rỗi, cho nên nhiều trộm cướp. Trung lại xin thi hành các khoản như: trừ nỗi khổ cho dân; làm chính sách nhân huệ; cẩn thận về việc dùng, bỏ người; xét rõ việc yêu ghét. Vua xuống chiếu chỉ khen và khuyên nên cố gắng. Trung lại xét số đinh, có tên nào biên hão, tâu xin cho rút bỏ đi.

Năm thứ 2, Trung vì bệnh, chết ở nơi làm quan, thọ 65 tuổi. Vua sai hậu cấp cho vàng, lụa để làm ma và sai quan đến tế.

Trung tính dễ dàng, rộng rãi, có lỗi không giấu, đến đâu cũng đều có chính nhân huệ, người khen là hạng quan lại thuần lương, bổng làm quan được bao nhiêu, đem cấp cho làng họ; dựng đền thờ nho sư, đặt ruộng hương nghĩa.

Con là Thứ, đỗ hương tiến; con thứ là Ý đỗ tú tài, làm quan đến tri huyện An Định. Con của Thứ là Bá Đôn.

*

Bá Đôn

Năm Tự Đức thứ 20 đỗ hương giải, bắt đầu bổ giáo thụ Quảng Ninh. Năm thứ 29, làm tri huyện An Định. Gặp năm đói, Đôn cố sức trù liệu chẩn giúp, được gọi vào bổ Chủ sự

Digitized by Google

bộ Lễ, dần dần thăng Lang trung. Năm thứ 36, sung làm Đổng lý sở Tu thư, được thụ hàm Thị độc học sĩ, trải lĩnh đốc học Quảng Trị, Bình Định.

Đồng Khánh năm Ất dậu, lĩnh tư nghiệp ở Quốc tử giám, thăng tế tửu đổi thụ hàm Hồng lô tự khanh, lại lĩnh chức tư nghiệp.

Đầu năm Thành Thái, nhiều lần thăng đốc học 2 tỉnh Bình Định, Thanh Hóa.

Năm Đôn chết đã 64 tuổi. Bá Đôn làm quan liêm cần; học rộng, thông biết nhiều những lời của nhà địa lý, trước tác có tập "Địa lý tiệp yếu". Con là Bá Hoan đỗ tiến sĩ.

*

Vũ Huy Quýnh

Người huyện An Thành, Nghệ An. Gia Long năm thứ 12 (1813) đỗ hương cống, được bổ tri huyện Nghi Dương. Tục huyện ấy vốn thích kiện tụng, khi Huy Quýnh đã nhận chức có 2 tên điêu gian đến yết kiến. Huy Quýnh lấy phép luật nghiêm nghị mắng bảo. Hai tên ấy sợ nín lặng mà lui ra. Tự đấy bọn điêu gian phải sợ sệt bỏ thói cũ, không dám hành động gì, Quýnh ở huyện ấy 6 năm, lại và dân sợ mà lại yêu mến. Khoảng năm Minh Mạng, Quýnh trải bổ tham hiệp 2 trấn Hải Dương và Sơn Nam, vì có lỗi phải mất chức, bị trích phạt đi phủ Cam Lộ. Gặp khi giặc Khôi làm phản ở Gia Định, Quýnh được phái đi theo quân thứ, sung chức làm giấy tờ.

Năm thứ 15, Quýnh vì có nhiều công lao, khai phục hàm Tư vụ, dần dần thăng tri châu Vạn Ninh. Sau Quýnh viện dẫn là có bệnh xin về nghỉ.

Con là Huy Quản, đỗ tú tài, bổ đãi chiếu. Cháu là Huy Dục, đỗ cử nhân bổ huyện; dần thăng đến lĩnh tri phủ Đoan Hùng, cũng viện dẫn là có bệnh, xin về nghỉ.

Digitized by Google

Vũ Duy Tân.

Người huyện Thanh Chương, Nghệ An. Gia Long năm thứ 12 (1813) đỗ hương tiến, trải làm tri huyện 2 huyện Thiên Lộc và Hưng Nguyên, rồi quyền phủ Diễn Châu, có tiếng khen là chính tích giỏi.

Minh Mạng năm thứ 5, được triệu về Kinh, vì mẹ ốm cáo nghỉ, bị tội phải cách chức về. Khi sớm tối thăm hỏi đã nhàn rỗi, chỉ để ý vào sử sách.

Năm thứ 13, được khởi phục làm huấn đạo, thăng giáo thụ, sau về để tang mẹ; khi hết tang, bổ chức học chính ở Quốc tử giám, nhắc lên tri phủ Hà Trung. Khi xét công vào hàng trác dị, được bổ vào làm viên ngoại lang bộ Công, lại đổi làm giám sát ngự sử. Vâng phái đi Quảng Nam xét hỏi việc án, sự khám xét tập án, có lỗi vì lầm lỡ xử tội nhẹ quá, bị mất chức. Về sau lại xét lại án tình trước, Tân được khởi phục chức giáo thụ, trải làm đốc học Sơn Tây, Hà Nội, rồi bổ tư nghiệp ở Quốc tử giám. Sau ốm chết.

Duy Tân khi làm huyện phủ, đến đâu đều lập điều ước rõ ràng, lấy việc trọng luân thường, sửa tính nết làm đầu. Lúc nhàn rỗi thường cùng học trò giảng tập. Trước sau lĩnh chức học chính, người đến học thành đạt nhiều.

Con là Thận, Đôn đều đỗ tú tài.

*

Lê Văn Đức.

Người huyện Bảo An, Vĩnh Long. Gia Long năm thứ 12 (1813) đỗ hương cống, bắt đầu bổ vào viện Cống sĩ; ra làm tri huyện Tri Viễn, có tiếng khen về hành chính.

Minh Mạng năm thứ 3, bổ Lang trung bộ Công, đổi làm Thiêm sự, chuyển đi làm kí lục trấn Bình Hòa, sung giám thí trường Nam Định, nhiều lần thăng lên hữu thị lang 2 bộ Công và Binh.

Digitized by Google

Năm thứ 8, lấy bản hàm sung chức toản tu bách quan chức chế.

Năm thứ 9, thự tham tri bộ Binh. Bấy giờ đình thần bàn về lệ phong tặng cho cha mẹ các quan. Lời nghị có nói rằng: "Phàm người nào nhận chức hàm của nhà Lê, mà bị chúa Trịnh sai khiến, cố nhiên là không nói đến. Còn người nào thực là bề tôi nhà Lê, nếu đem quan tước gia phong cho, thì chắc lòng người ấy tất nhiên không tự yên được, sẽ bảo là khi chết rồi, vẫn không được vẹn tiết thờ Lê". Nghị ấy là do Văn Đức chủ thảo ra. Đến sau có người nào dự phong, vì cớ là làm tôi nhà Lê, bộ dẫn lệ ấy mà quyết định. Vua bảo rằng: Nguyên nghị là chính đại, có thể giúp dựng nền phong hóa nghìn đời, truy thưởng cho Văn Đức là người nguyên thảo ra ấy kỷ lục 2 thứ. Năm ấy bổ ra trấn thủ Nghệ An.

Năm thứ 10, thăng tham tri bộ Binh, lại sung làm tri cống cử thi Hội. Thi Điện sung chức đọc quyển; rồi thự Thượng thư bộ Binh.

Năm thứ 14, thổ phỉ Bắc kỳ quấy nhiễu, sung làm Tham tán quân vụ đại thần. Chưa bao lâu lại đổi bổ tổng đốc Sơn Hưng Tuyên, nhưng vẫn kiêm chức Tham tán. Văn Đức ở quân thứ, dò biết ở Đà Bắc khe núi hiểm trở, quân không thể tiến thẳng được, mới mộ 70 người quân cảm tử, sai mang súng ống khí giới, ngồi thuyền độc mộc thẳng qua các cửa suối bất giạc. Đức tự mình đốc quân nghiêm cẩn chặn giữ; lùng bắt được tướng giặc là Vũ Doãn Dũng, đóng cũi đưa về Kinh. Vua mừng lắm, chuẩn cho Đức sung làm tổng thống quân vụ đại thần. Kịp đến tiết mùa đông giá rét, vua sai trung sứ đem cấp cho Đức 1 chiếc áo dệt bằng tơ dậu 8 sợi có 5 màu. Đức lại cùng với Tham tán Nguyễn Công Trứ tiến đánh phá sào huyệt của giặc ở Vân Trung, được thưởng quân công.

Bấy giờ Văn Đức đóng quân ở Vân Trung để tìm bắt bọn

Digitized by Google

giặc. Quan quân đi đến đâu thì giặc đã tan trốn rồi. Còn lũ còn lại gián hoặc có lúc thừa khi sơ hở đánh úp quân ta. Lại ở phía đường sau quân ta, chẹn chỗ hiểm, đón chặn đường vận lương, có đến hơn 1 tháng có thể không kế tiếp được lương thực. Vả lại, nơi ấy khí độc nặng quá, binh, dũng ngày đêm ốm đau. Văn Đức tự nghĩ là đóng binh đấy mà chờ đợi mệnh lệnh triều đình thì không tiện, mới cùng Nguyễn Công Trứ định ngày đem quân về. Trong khi đi đường quân hậu đạo bị bọn giặc đánh úp, nhiều người chết hoặc bị thương, bỏ mất súng ống, khí giới. Kịp khi về đến thành Tuyên Quang, Đức đem hết tình hình dâng sớ xin chịu tội; và lại nói rằng: địa thế ở Bảo Lạc hiểm hóc, việc tìm bắt giặc có phần khó; hơn nữa đương mùa mưa lụt, hành quân chưa tiện. Xin cho đến xuân này sẽ lại mưu tính sau. Vua bảo rằng: đem quân đi nghìn dặm, cốt phải linh động mau chóng. Thế mà không biết nhân thời cơ tiến nhanh, lại cứ bước một chậm trễ đến nỗi quân giặc được dự trước chẹn đường hiểm yếu, thừa cơ trốn đi xa. Đến lúc đem quân về, bọn chúng lại được phòng bị các nơi rốt cuộc đến nỗi quân lính của mình bị chết, bị thương, bỏ mất súng và khí giới, công không đủ che lỗi, giao cho Bộ nghị xử.

Bộ khép Đức vào tội xử tử. Vua cho là nghị nặng quá, chuẩn cho trước hết hãy tước bỏ mũ áo và cất lương bổng, giáng 4 cấp, khiến cho Đức phải cố gắng thu công sau này, để chuộc tội trước.

Sau Văn Đức tiến quân đến Hồi Khê, thu phục được 2 bảo An Biên, Đại Đồng; lại tiến đến Lục Yên, phá luôn được 5 sở trại giặc, thừa thắng đem quân đuổi dài, sát đến sào huyệt của giặc thì giặc trốn thoát rồi. Đức sai đốt hết nhà trại của giặc, rồi đem việc tâu lên. Vua dụ rằng: Vừa mới ra quân đã được thắng trận, rất đáng khen ngợi. Đức lại cùng Phạm Văn Điển tiến đánh phá sào huyệt của giặc ở Vân Trung.

Digitized by Google

Thế là những cấp bị giáng trước đều được khai phục cả.

Năm thứ 16, thư báo thắng trận Nông Văn Vân (việc chép ở truyện Văn Điển) đến nơi. Vua cho là Đức trải qua gian hiểm, bày tỏ cơ mưu, sớm lập công lớn, thưởng cho Đức 1 cái nhẫn khảm ngọc kim cương và 1 cái bài đeo bằng ngọc. Ngày thắng trận đem quân về, Đức vào ra mắt. Vua thương Đức khó nhọc cho làm lễ "Bão tất" (ôm chân vua), Vua thân rót rượu ban cho; lại cho cái tượng hình con lạc đà bằng vàng, để biểu hiện là Đức như con lạc đà mang nặng đi xa vậy; kịp bàn công, phong là Ân quang tử, thăng trật hiệp biện đại học sĩ, vẫn lĩnh tổng đốc Sơn Hưng Tuyên.

Năm thứ 18, vua cho là đầu sỏ bọn giặc là lũ Nông Văn Sĩ, Nông Thạc, hãy còn trốn tội, tuần phủ Lạng Bằng là Trần Tuân trù tính trái lẽ, để giặc được trốn xa. Nhân mật dụ Văn Đức rằng: Trần Tuân không thể đương được trọng trách, thì người đảm đang công việc bắt giặc ở xứ ấy cho có thành hiệu; ngồi cái xe nhẹ, đi con đường quen, không ai hơn được ngươi. Ngươi nên đi kinh lược nơi ấy, đặt phương kế, bắt bọn giặc, cần cho tuyệt hết cội rễ kẻ gian ác. Gặp khi đê Vận Trai vỡ, Đức xin lưu ở lị sở, để trù việc cứu tế cho nạn dân. Bấy giờ mùa thu, mưa lụt dồn đến, mà đê cũ đã vỡ chống giữ rất khó. Văn Đức bắt dân đắp lấp không ăn thua gì, bèn dân sở xin đợi nước xuống, sẽ bồi đắp, Vua bảo rằng: dân địa phương tai nạn há nên coi là việc hoãn được ư? Văn Đức bắt thêm dân phu đắp khẩn, lại cầu khấn thần sông, rồi nước sông rút mạnh mới có 6 ngày mà hạp long được (tức là lấp kín khúc đê vỡ) nước ứ đọng đều tiêu tiết hết sạch. Việc đến tai vua, vua cho làm lạ, sai phát hương, lụa ở kho Nội phủ giao Văn Đức làm lễ tạ.

Đức lại đi kinh lược Tuyên Quang. Vua dụ rằng: Ngươi đi lần này, không cứ kỳ hạn, chỉ cần trả cho ta 2 chữ "Thành công" thôi, Văn Đức nhiều lần phái quân đến thẳng Viên Trung

Digitized by Google

dò tìm thì tên giặc Thạc đã trốn đi trước rồi. Chỉ bắt sống và chém được bọn chúng hơn 40 người; hỏi ra biết là tên giặc Sĩ đã chết; đào được đúng xác tên ấy, đóng thủ cấp vào hòm đưa đến Kinh đô. Đức liền dâng sớ xin vào ra mắt. Vua y cho.

Sau Đức đổi lĩnh tổng đốc Định Yên. Mùa thu năm ấy, ở Hà Nội, lụt hết, nước cạn. Vua mừng làm thơ rằng:

Phiên âm: Năng vị ưu sầu Thủy hạm liên, hốt tư đắc báo sảo di nhiên,
Hằng tình hạnh trí điền hòa hạc, vi vũ nhàn nhi hòa sắc tiên.
Tuy thụ hòa tai vô điếm mịch, hoặc mông hiệu quyến chuyển phong niên,
Thần tàn Thần Vũ công nan kế, hoạch khánh an điêm tổng lại thiên.

Dịch nghĩa:

Trước đây lo sầu vì nước lụt liên miên,
Nay được tin báo hơi lấy làm vui,
Nắng mãi đến nỗi lúa đồng bị khô cạn,
Được mưa nhỏ vì thế mà sắc lúa tươi tốt,
Tuy là bị nạn nước vỡ đê nhưng dân không ai bị chết
Hoặc như trời giúp chuyển sang được mùa cũng nên,
Rất thẹn công trị thủy của vua Vũ khó nói được,
Thường được yên vui, đó là nhờ trời.

Sắc giao bài thơ ấy cho Văn Đức họa vần dâng lên để bắt chước việc vui hát đời nhà Ngu[1] xưa. Đến khi Đức họa thơ dâng lên, được xứng ý vua; thưởng cho đồng kim tiền "phi long" hạng lớn. Rồi không bao lâu được triệu về Kinh chọn dùng, lĩnh thượng thư bộ Công, kiêm lý bộ Lại, và công việc ở Quốc tử giám, sung Cơ mật viện đại thần. Năm ấy vua sai

(1) Đời Ngu: Tức đời Vua Thuấn.

Digitized by Google

dựng bia Võ công để kỷ niệm chiến công của các quan. Đình nghị cho Đức đứng hạng thứ, khắc bia đá đặt ở trước sân Võ Miếu.

Năm thứ 20, vua chuẩn cho Đức được thôi việc ở viện Cơ mật, kiêm quản viện Hàn lâm. Trước đây Văn Đức ra làm tổng đốc Tuyên Quang, có tên phạm trốn là Nguyễn Quang Khải ra thú, sau lại trốn, nhiều lần cấp hạn cho để bắt nhưng không được. Vua truy bắt tội Đức, giáng làm tả thị lang bộ Hộ, hiệp lý công việc Thủy sư ở Kinh kỳ; rồi thăng tham tri, được cử sung vào việc đi tìm kiểu đất tốt làm sinh phần của vua. Đức chọn được kiểu đất ở Thuận Sơn, Hiếu Sơn, được thưởng gia 2 cấp. Rồi chuẩn cho Đức mượn hàm thượng thư sung làm Trấn Tây khâm sai đại thần. Khi Đức đã đến nơi ấy, dâng sớ xin đem quân đi đánh. Vua bảo rằng: Chính ta mong ngựa đến đâu là được thành công, ngày vẫn ngóng nhìn thiết tha. Rồi sau Đức cùng tướng quân là Trương Minh Giảng, tiến đến Hồ Hải, sai bắt quân các đạo lại tiến đến Sa Tôn, đánh được liền hơn 10 sở đồn giặc, bắt sống và chém được hơn 10 tên phạm trong bọn giặc, thu hoạch súng ống khí giới. Đức đem việc ấy tâu lên. Vua càng khen. Đến khi Hiến tổ mới lên ngôi, Văn Đức vì theo việc đánh dẹp đã lâu, bị bệnh, xin thôi việc coi quân. Vua thưởng, và ưu đãi, ban cấp cho thứ thuốc vua dùng. Dụ rằng: Ngươi cần lao, trẫm vốn đã biết. Nhưng yêu vua thì trước hết bảo vệ thân mình, chớ lo phiền quá, thờ vua ngày còn dài, việc báo đáp còn nhiều vậy. Chuẩn cho Đức đổi làm tổng đốc Định Biên. Đến khi Trấn Tây không giữ được, đình nghị dâng lên, Văn Đức vì không làm việc ấy từ trước đến sau, nên chỉ phải giáng có 3 cấp lưu lại làm việc.

Thiệu Trị năm thứ 1, gặp kỳ đại kế xét công, Đức được gia thăng hàm thiếu bảo. Vua dụ rằng: Lê Văn Đức giúp việc ở bộ, viện, lập công ở biên cương, có khi giữ chức, có khi

Digitized by Google

làm việc, vẫn tỏ ra tiếng tốt, chuẩn cho nguyên ấm thụ 1 người con hàm Chủ sự, được chi lương ở nhà học tập, đến khi trưởng thành, giao Bộ xét bổ.

Năm thứ 2, quân thuyền của giặc Xiêm, họp đông ở Quảng Biên phần biển đảo Tư Nhĩ, núi Nhật Mã rắp mưu xâm lược. Chuẩn cho Văn Đức thăng thự hiệp biện đại học sĩ, sung tổng thống tiễu bộ quân vụ đại thần. Phàm tổng đốc tuần phủ, bố chính, án sát, đề đốc, lính binh ở Nam kỳ và các quân thứ ở Ba Xuyên, An Giang, Hà Tiên, đều cho phép Đức được trù liệu, tùy tiện làm việc. Văn Đức lạy nhận chiếu, tiến quân đến Thất Sơn, đánh phá đồn Sách Sô của giặc. Vua cho là Đức lần đầu đem quân đi làm nổi được oai danh trước; thưởng cho quân công kỷ lục một thứ, và 1 đồng kim tiền. Đức lại tiến quân đến Xà Tôn, đốc suất cùng bọn Lê Văn Phú, Nguyễn Công Nhàn, chia quân làm 5 đạo, vây nã đánh phá được hơn 10 sở đồn lũy, bắt sống và chém được giặc rất nhiều, giặc trông thấy bóng đã tan vỡ. Các đạo đều phóng quân đi dò tìm đốt phá các nơi chứa để và tụ họp của giặc. Rồi đóng quân ở Tô Sơn chia ủy Nguyễn Tiến Lâm, Nguyễn Tri Phương phái quân tìm bắt bọn giặc trốn, người nước Thanh, người Thổ đến thú hơn 1000 người cả đàn ông, đàn bà.

Văn Đức theo dụ, giao cho tên Yếm chiêu dỗ bọn giặc tàn. Nhân thế đặt đồn ở Xà Tôn, phái quân phòng giữ. Giao cho Nguyễn Tiến Lâm, Nguyễn Tri Phương vẫn lưu ở đấy để trù liệu. Văn Đức cùng Lê Văn Phú, Nguyễn Công Nhàn đều đem biền binh đi kinh lý Hà Tiên. Vua khen Đức là trù tính được hợp lẽ, thưởng cho gia 1 cấp và 1 đồng kim tiền.

Vua lại dụ Đức nên xếp đặt qua công việc ở đấy, rồi lập tức do đường sông Vĩnh Tế trở về An Giang, phái thám tình hình các sách giặc, lại tiện đường đi thượng du đánh dẹp. Văn Đức cho là Hà Tiên hiện tại vô sự, cứ chuyển về An Giang cùng bọn Tri Phương tiến quân đến Sách Sô, rồi cảng Thuận,

Digitized by Google

chuyển đến sông Tiền Giang ngược dòng sông đi lên quá Tân Châu, An Lạc và cửa cảng Ba Xuyên. Quan quân đi đến đâu giặc nghe thấy bóng đều dạt trốn xa rồi. Thăm dò biết là trước đây trận đánh ở Hà Âm, giặc Xiêm thua to, đầu mục giặc là Chất Tri do đường Trấn Tây trốn trước, rồi chết. Văn Đức và các viên Tham tán đều về lỵ sở cung chức.

Trước đây, vua sai viện Cơ mật viết thư gửi cho Lê Văn Đức rằng: Toàn hạt Trấn Tây, sự thể quan trọng. Về công việc nên xếp đặt thế nào phải nên hiểu rõ tình hình thám xứ với sự thế. Như cơ hội có thể làm được, thì nên di chuyển quân thắng trận đuổi mãi đến xa rồi sửa sang lại việc biên cương, nên phải phái đi ngay lập tức, cho kịp công việc, cơ hội đó là kế tốt nhất. Nếu quân lính lâu ngày nhọc mệt, mà địa thế xa rộng, chưa tiện một sớm đã dẹp yên, mà muốn tìm cách khác là kế dùng người Mên đánh người Mên, thì tên Yếm có thể dùng được. Như hắn một lòng qui phụ ta thì liệu lượng cấp thổ binh giao cho hắn mang đi; lại phái thêm quan kỳ binh, chọn lấy 1 viên lĩnh binh hoặc quản vệ nào đắc lực để trông coi cả, rồi sai Yếm đi Nam Ninh, Nam Thái chiêu tập thổ dân, kế ấy là hơn hết. Ta nhân thế cắt cho một khoảnh đất, để hắn làm hàng rào bên ngoài, và chia quân đóng chỗ quan yếu lợi hại. Sau vài năm, việc nội trị đã vững, sẽ cử đại quân một phen thu lại toàn hạt Trấn Tây thẳng đến cõi Xiêm, đánh giết một trận rất dữ, khiến cho chúng không dám manh tâm quấy rối nữa. Phàm mấy điều ấy ngươi nên nghĩ kỹ, nếu có thể làm được, thì làm tập tâu lên.

Đức bèn dâng sớ nói rằng: Lập man mà dám ngông cuồng như thế, là cậy có nước Xiêm mà thôi. Mấy lần quan quân đánh giết, chắc Xiêm man đã mất vía, sờn lòng rồi. Nay nếu ta thừa thắng đánh thẳng vào, thì sự đánh thắng không khó, mà sự giữ được mãi là khó thôi. Thần xin đem tình thế của giặc mà nói: Trấn Tây nguyên là Lập man, tục nước ấy gian

Digitized by Google

xảo, phản trắc không thường. Năm trước đây nước ấy là lệ thuộc vào bản đồ của ta, là chỉ có cái tiếng thế thôi. Kẻ kia đã quên ơn cấn lại, đã thành như cái thế cưỡi hổ rồi. Nay muốn vỗ về cho yên, nhưng kẻ kia bản tính nêu lòng khó thuần vẫn không thể tin được. Muốn cầu như khi trước, lấy đất nó làm quận huyện của mình, lấy người nó làm binh dân của mình, thì quyết không thể được nữa. Hơn nữa là địa thế nước ấy rộng gấp đôi 6 tỉnh Nam Kỳ, nếu ta cấp dùng binh, thì đánh ở phía đông nó chạy đến phía tây, lấp được chỗ này, thì hổng chỗ kia, há có thể đánh một trận mà dập tắt ngay ư? Nếu nơi này nơi kia mà đánh thắng được cả thì có thể nơi nào cũng giữa lấy được cả ư? Vả lại, nơi ấy rừng rú um tùm, toàn không chỗ nào là lợi hại quan yếu có thể chiếm đóng, chẳng qua chỉ nên liệu đặt 1, 2 đồn bảo, lưu quân ở lại đóng giữ mà thôi. Mà số quân lưu lại nhiều, thì sự chuyển vận lương rất khó; ít thì cô đơn, nguy ngập, khó bề bảo vệ. Huống chi quân đóng lại chỉ ở trong đồn bảo; còn ngoài ra mặc chúng tự phóng túng, thì có ích gì không? Sau này chẳng khỏi bỏ đấy mà rút quân về thì sự khó nhọc phí tổn, đã đến bao nhiêu của rồi, sẽ không khác gì việc ngày trước vậy.

Kể ra, mới bỏ đấy, mà vội lấy về, đã lấy mà lại bỏ đi, thì không bằng đợi lúc nào nên lấy hãy lấy là hơn. Lại xin lấy binh thế hiện tại của ta mà nói: quân các đạo từng theo đi đánh bắt giặc đã 2, 3 năm nay, phần thì ốm chết, phần thì trốn mất, kể có hàng nghìn, gián hoặc có khi quân trong một vệ, 1 cơ, mà chỉ còn có một nửa, lại thậm chí có khi không còn được nửa số quân. Mà số quân còn lại ấy, thì mình không áo lành, mặt mang sắc ốm. Sức quân đã thấy nhọc mệt rồi, há nỡ đem nhân dân là thứ đẳng yêu quý của mình mà đổi lấy đất cát là thứ không đáng yêu quí ư? Lại như các địa hạt Nam Ninh, Nam Thái, là thượng du liên tiếp nhau, bọn liêu chết cấu kết với nhau, tên Yểm tuy là có thể dùng được, nhưng ân tín của hắn chưa được tin cẩn, cho hắn đi chiêu

Digitized by Google

tập chưa tiện. Thần trộm nghĩ: việc dùng binh, không ngoài 2 việc đánh và giữ. Nếu thế địch chưa thể đánh được, thì ta tạm hãy giữ vững, lấy nơi gần đối lại với nơi xa, lấy quân nhàn rỗi mà đối lại với quân mệt nhọc, đợi khi nào có thể đánh được mới đánh thế là kế sách giữ, đấy không phải là chỉ giữ không mà giữ để đánh đấy. Khiến cho quân dân tạ yên nghỉ, cùng vui được nghỉ vai. Việc nội trị đã vững, lại sức nghiêm cấm kẻ mua trộm gạo muối; đợi 1, 2 năm, Lạp Mên không chịu nổi bọn giặc Xiêm lấn áp bạo ngược tất nhiên đến giết hại nhau. Đến lúc bấy giờ thì có hấn khích, có thể làm được, thì ta xem cơ hội mà hành động, có thể không phải đánh mà thu công toàn thắng vậy.

Nay đến mùa thu mưa lụt. việc phòng thủ hơi thư. Thần xin tuân lời dụ, thu lại các hạng biền binh đã nhiêu lần đi theo việc quân và đánh bắt giặc, chước lượng thả về, để thư sức quân.

Lại tâu nói: Giặc Xiêm đến đây định mong để rửa sự xấu hổ lần trước mà khoe mẽ với bọn Mên thôi. Nhưng chúng đi trận thua tan nát ấy, hoặc giả chúng còn chưa cam tâm, vẫn giữ mưu báo phục, cũng chưa biết chừng. Nay ta nên dự bị, để làm cơ mưu trị quân địch trước đi. Thần xin đến kỳ phòng bị mùa đông này, phái thêm quân ở Kinh và quân ở các tỉnh từ Hữu Kỳ trở vào nam lần lượt đến đóng ở đấy, và các thuyền hải vận bọc đồng đóng ở Gia Định, cũng dự sửa chữa, đề phòng sai phái. Như chúng sợ không dám hành động gì, thì ta cần chăm diễn tập quân ấy cho đều thạo quen nghề võ, cũng chẳng hại gì. Nếu chúng u mê không sợ chết, dám đến quấy rối, thì lâm thời sẵn có quân, thi thố dễ dàng, không đến nỗi có sự lo chậm trễ lỡ việc.

Đức lại xin rằng: Một giải sông từ An Giang ngang qua Tân Châu, An Lạc, đường thủy quanh vòng xin do tỉnh thần khơi đào thành đường sông, cho dễ việc chống giữ và ứng

Digitized by Google

tiếp. Vua cho là phải lắm, những lời xin ấy đều thi hành được. Vua lại dụ Văn Đức rằng: Khanh khó nhọc lâu ngày ở ngoài, đã 3 năm nay, tình thần tử há không mong nhớ. Nay việc biên hơi thư, chuẩn cho khanh hãy về tỉnh nghỉ phép một tuần, rồi lập tức đi trạm về Kinh chầu hầu.

Mùa thu năm ấy, có chiếu cho đem quân về. Đến khi đem quân thắng trận trở về, Đức vào ra mắt, Vua tuyên triệu úy lạo, bảo Văn Đức rằng: trước đây Hoàng khảo ta, thần uy truyền đến xa rộng, cõi xa sợ phục. Nay tài đức của trẫm không kịp Hoàng khảo, phải phiền đến tướng súy khó nhọc lâu ngày ở ngoài biên. Nay thấy bọn các khanh, cảm động xấu hổ khôn xiết. Nhân hỏi sự thể cũ ở Trấn Tây. Văn Đức đem việc đánh giữ khó dễ, đại lược như lời trong sớ trước, mà tâu bày lên. Lại nói: 6 tỉnh Nam kỳ, từ khi có loạn giặc Khôi, nỗi đau khổ của dân chưa hồi. Hãy đợi sau vài năm sức dân hơi thư, rồi sau xem thời cơ, có thể lấy được, thì lấy cũng chưa muộn. Vua cũng cho là phải. Lại hỏi: Năm nay, phòng bị mùa đông, có thể chắc được giặc Xiêm, không đến nữa đâu? Đức thưa rằng: Bữa nọ chúng đem quân cả nước đến, bị thua tan nát, tuy đã nản lòng, nhưng chưa chắc chúng đã không để tâm báo lại, cốt ở phương sách phòng giữ của ta cũng không nên bỏ trễ nải mà thôi. Lại hỏi: trong bọn các tướng làm việc bắt giặc, ai là suất sắc? Đức thưa rằng: Nguyễn Công Nhàn, mưu trí và có sức khỏe, cùng với tướng đã chết là Đoàn Văn Sách cùng ngang hàng nhau. Vua nhân thể cho Văn Đức 3 chi nhân sâm của vua dùng. Chuẩn cho Đức lĩnh Thượng thư bộ Lễ sung Cơ mật viện đại thần, rồi thăng hàm hiệp biện đại học sĩ.

Mùa đông năm ấy, biền binh 6 tỉnh Nam kỳ đã đến kỳ đại duyệt. Vua chọn Văn Đức sung làm kinh lược đại thần, kiêm giao cho sửa sang bờ cõi ngoài ven và công việc có quan hệ đến quân lữ, Đức đều tóm coi cả. Khi vào trước sân ra

Digitized by Google

mất xin đi. Vua cho Đức lên trên điện dụ rằng: Khanh làm quan trải khắp trong ngoài, được trí ngộ đã lâu, trẫm chọn phái ngươi đi kinh lý, các việc binh chính hết thảy đều giao cho ngươi. Vua bèn trao cho Đức thanh gươm báu và bảo rằng: trong quân có người nào không nghe lệnh, thì cho phép theo quân pháp mà làm việc. Vua lại ban cho Đức chiếc áo của vua dùng. Chuyến đi ấy, Đức hãy còn mang bệnh; nhưng tự thấy mình được ơn vua ưu đãi yêu quý nhiều quá, vì nghĩa không dám từ chối. Bèn cố gượng đương ốm lên đường. Khi đi đến quảng Nam thì bệnh nặng. Vua sai trung sứ mang cho sâm, quế, và viên thái y đi theo ngay điều trị. Lại chuẩn lo Đức tạm thôi chức kinh lược, cho được yên lòng tĩnh dưỡng.

Rồi sau Đức chết, bấy giờ tuổi 49, Vua thương nhỏ nước mắt, dụ rằng: Lê Văn Đức khi thờ Hoàng khảo ta, trải làm quan khắp trong ngoài. Việc đánh trận ở Vân Trung, lập quân công được tốt. Ơn tiên đế ưu đãi, phong cho tước ấp. Gần đây có mệnh đi kinh lý Nam kỳ, khảng khái xin đi, không từ sự vất vả. Ngờ đâu, giữa đường chết đi, trẫm rất thương xót, gia tặng cho hàm thiếu bảo và gấm sa mỗi thứ 5 cây, trừu, nhiễu mỗi thứ đều 3 tấm, lụa, vải mỗi thứ đều 15 tấm, tiền 2000 quan, và sai quan đến tế, đưa linh cữu về chôn cất.

Đức là người trầm trọng, có đởm lược, ra vào trong triều ngoài quận gần 30 năm. Phàm khi nói với các liêu thuộc, nói không lời nặng, mặt không sắc giận, như gió xuân hòa nhã có vẻ ôn tồn. Khi trước Văn Đức làm con nuôi của trung quân, Nguyễn Văn Thành. Đến lúc Thành bị tội, cửa nhà suy sụp. Đức tuy là quan sang, nhưng mỗi khi tuế, thời, giỗ, tết, tất đốt hương làm lễ. Hoặc có người bảo Đức nên lánh xa hình tích. Đức bảo rằng: Ta tự hỏi lòng ta thôi, há nên vì cớ hiềm nghi, mà quên ơn người cha nuôi ư? Người ta phục về độ lượng của Đức.

Tự Đức năm thứ 10, được thờ vào đền Hiền Lương. Con là Tăng Mậu lấy công chúa Phương Duy bổ phò mã đô úy.

Digitized by Google

QUYỂN 20

TRUYỆN CÁC QUAN _ MỤC THỨ X

- Đặng Văn Thiêm
- Đặng Huy Chước (em là Huy Sán, theo anh họ là Huy Tá)
- Nguyễn Công Trứ
- Hoàng Chiến
- Trương Minh Giảng
- Nguyễn Văn Điển
- Đoàn Văn Phú
- Nguyễn Đức Nhuận

*
* *

Đặng Văn Thiêm

Trước tên là Hòa, người huyện Quảng Điền, phủ Thừa Thiên.

Gia Long năm thứ 12 (1813) đỗ hương cống, trải làm tri huyện Hà Đông, có tiếng khen là chính tích hay, chuyển vào làm thiêm sự bộ Binh.

Minh Mệnh năm thứ 4, tham hiệp Thanh Hoa (nay là Thanh Hóa) là Vũ Du bị tội phải giải chức, đình thần cử Thiêm đến thay. Vua bảo rằng: Thiêm thì làm việc được đấy, nhưng vì tuổi còn ít thôi.Bây giờ Lê Chất nói là Thiêm nhanh giỏi, có thể giúp nên việc. Vua bèn cho Thiêm thay. Thiêm ở chức 2 năm, chăn nuôi dạy dỗ dân được phải lẽ, nên được thưởng kỉ lục 2 thứ; đổi về biện lý bộ Binh, chuyển thăng hữu thị lang. Chưa bao lâu, được thăng hiệp trấn Thanh Hoa; lại đổi thự tham tri bộ Binh.

Digitized by Google

Năm thứ 12, quan ở biên cương nước Thanh đòi lấy bảo Thụ Phong (thuộc tỉnh Hưng Hóa). Vua sai Thiêm cùng Nguyễn Đình Phổ đem quân và voi đi kinh lý việc biên giới, rồi chuẩn cho Thiêm tạm giữ chức tổng trấn Bắc thành. Năm ấy, đổi bổ tuần phủ Hà Nội, kiêm là quản đê điều. Chưa qua năm, thăng thự tổng đốc Định An. Hạt ấy đất rộng, người đông, tiền và lương chưa nhiều. Thiêm khéo vỗ về, yên ủi nhân dân, nên trộm cướp tĩnh, dân được yên, tiền lương không thiếu. Vua ban khen chuẩn cho thực thụ (tổng đốc) gia thăng hàm thái tử thiếu bảo: lại thưởng cho một cấp trác dị.

Năm thứ 16, đổi làm (tổng đốc) Hà Ninh. Vua cho là Hà thành, dân ở đông đúc, thường gặp nạn cháy nhà. Sai Thiêm xem địa thế mở rộng đường sá, dự bị đồ dựng nước, đồ cứu hỏa; lại chọn đất làm đền thờ thần lửa.

Năm thứ 19, tháng 7 tỉnh Ninh Bình gió bão mưa dữ; Hà Nội giáp hạt , thì nước sông rút xuống, tin báo đến nơi vua mừng bảo rằng: Cùng một ngày ấy,thực là trời giúp. Bèn làm một bài thơ Hà Nội lạo lạc[1] cùng cả 2 bài: "hà du bất tương yểm", "trọc thủy câù châu"[2] mà vua ngẫu nhiên làm ra, hôm gần đây, chép ra giao cho Thiêm họa vần thơ đệ tâu, có ý bắt chước cái nhã ý triều đình Ngu Thuấn, Vua tôi hát họa cùng nhau. Thiêm vâng họa lại dâng lên. Vua thưởng cho 1 đồng Kim tiền "kim phong" hạng lớn, đổi về làm thượng thư bộ Công, kiêm quản viện Hàn Lâm.

Năm thứ 21, Thiêm coi đốc công dịch ở Thuận Sơn vì việc xây đắp không hợp thức, phải giáng làm tham tri cất mất hàm thiếu bảo. Rồi sau thăng thự tổng đốc Bình Phú.Bây giờ tỉnh Bình Định bắt đầu làm phép quân điền làm sổ điền

(1) Hà Nội lạo lạc: Nước sông ở Hà Nội xuống.

(2) Hà du bất tương yểm: Hà là chỗ ngọc có vết, du là vẻ sáng của ngọc hai cái ấy không che giấu cho nhau được. Ý nói là người có đức tốt và sự lầm lỗi, không cùng che giấu cho nhau. Trọc thủy câu châu: Tìm được hạt châu ở chỗ nước đục.

Digitized by Google

khấn kỳ, bọn hào hữu phần nhiều có kẻ mưu lợi riêng trở ngọn khôn khéo tự chiếm ruộng tốt mà bỏ thêm ruộng xấu vào để sung công. Nhân dân tranh kiện lẫn nhau. Thiêm xin căn cứ vào số ruộng của dân hạt ấy thú ra, chia bình quân làm đến 1 nửa để sung ruộng công 1 nửa để làm ruộng tư. Lại xin phái khoa đạo đến nơi để lấy hội làm.

Thiệu Trị năm thứ 1, dụ rằng: Khanh ở ngoài lâu hiểu thấu việc dân, chuẩn cho theo nghị thi hành. Chợt xảy ra Nam kỳ có việc loạn ở Trấn Tây, đổi bổ Thiêm làm tổng đốc Định Biên, đốc việc vận lương gọi binh, việc đều xong xuôi, thăng hàm hiệp biện đại học sĩ, lĩnh thượng thư bộ Hình, sung Cơ mật viện đại thần.

Năm thứ 4, Thiêm có tang mẹ. Vua cấp thêm cho 300 quan tiền chuẩn cho về nhà làm ma, xong việc lại cung chức.

Năm thứ 6, lại gia hàm Thái tử thiếu bảo, lĩnh tổng đốc Hà Ninh; rồi đổi đi Định Yên. Đến khi Dực tông Anh hoàng đế nối ngôi, Thiêm dâng sớ xin vào chầu hầu. Vua dụ rằng: Hãy gia tâm sửa trị, để yên tỉnh địa phương đợi sẽ triệu về, cũng chưa muộn gì.

Tự Đức năm thứ 3, Thiêm lại vào lĩnh bộ Hình bàn danh sách xét công dâng lên, vua dụ rằng: Văn Thiêm là người bầy tôi giỏi kì cựu, vốn có tiết trung thành, thưởng gia 2 cấp, vẫn kiêm việc ở viện như cũ, lại sung vào Kinh diên giảng quan. Rồi sau sung làm khâm sai đại thần đi ngay Bình Định xét nghĩ vụ án hộ đốc Vương Hữu Quang cùng bố chính án sát là Nguyễn Du, Nguyễn Thành gièm pha lẫn nhau; và xét hỏi tình hình lợi hại của dân gian ở Nam Trực tả kỳ, tùy việc mà sửa sang. Gặp lúc dân ở Nam Ngãi bị đói, Văn Thiêm tâu xin phát thóc kho bán ra cho dân. Thiêm lại hỏi biết viên tri huyện Duy Xuyên trước đã chết là Hà Học Hải thanh liêm, siêng năng, công bình, giản dị, nhân dân tin yêu; xin truy tặng hàm thị độc, để làm khuyến khích cho chức thân dân

Digitized by Google

(chức phủ huyện) sau này. Vua theo lời xin.

Năm thứ 6, thăng thự Làm Hiệp biện đại học sĩ kiêm sung Quốc sử quán tổng tài. Mùa hạ năm ấy ở kinh sư ít mưa. Vua xuống chiếu cầu lời nói thẳng. Thiêm dâng nói 4 việc: 1 cẩn thận chính thể: 2 tỉnh bớt công dịch: 3 tiết kiệm của dùng : 4 trân trọng việc chuyên trách người làm có thành hiệu. Vua cho là lời nói (của Thiêm) phát ra ở lòng chí thiết lo nước yêu dân, đặc ân khen thưởng; và dụ rằng: Văn Thiêm xét việc hình, thì cần được công minh đúng mức; xét tục dân thì hơi biết tuyên dương đức hóa; thưởng cho 1 cái kim khánh có chữ "cựu đức thuần thành".

Năm thứ 9, đổi lĩnh bộ Hộ, rồi chết ở công thự. Vua thương lắm, truy tặng, hàm Văn minh điện đại học sĩ, tên thụy là Văn nghị, hậu cấp tiền tuất, sai quan đến tế. Năm thứ 11, được bày thờ vào đền Hiền lương.

Thiêm là người cần cán am luyện, có tài chính sự, trải làm quan ở phiên trấn bên ngoài, có tiếng hay vốn vẫn rõ rệt. Tuy thịnh quân công là Trương Đăng Quế tự làm sớ tâu bày cho là ông không sánh bằng được 4 người; về chính sự, thì bảo là ông không bằng được Văn Thiêm. Khoảng năm Minh Mạng, khi Thiêm làm Tổng đốc Định Yên, bấy giờ Thiêm về kinh ra mắt Vua, Vua nghĩ đến nhà Thiêm có mẹ già, cho về thăm nom 5,3 ngày; lại miễn cho người em Thiêm là Văn Chứa làm chức y phó không phải thay ban nhau lên ứng trực, để được tiện lưu ở nhà nuôi mẹ thay Thiêm. Lại chuẩn cho viên phủ Thừa Thiên, thời thường đến thăm hỏi, ấy được vua quí mến như thế.

Con là Huy Cát lấy công chúa có tiếng là văn hay. Tự Đức năm thứ 36, Cát đổi bổ thị độc học sĩ, tham biện công việc phủ Thừa Thiên, vì có lỗi, phải giáng bổ viên ngoại lang bộ Hình. Khoảng năm Hàm Nghi, kinh thành có sự, Cát bị đình nghị phải cách chức. Thành Thái năm thứ 3, gia ân cho

Digitized by Google

khai phục chức phò mã đô úy chi nửa lương, cho đi khai khẩn ở núi Thất Giỏi xã Liêu Cốc. Cát nhân thế làm bài thơ cảm hoài để ghi việc, có câu, *phiên âm:* Vân ốc bán gian trung lĩnh trụ, thạch điền số khoảnh thượng lưu canh. *Dịch nghĩa:* Nửa gian nhà cao ở vào giữa núi, vài khoảnh ruộng đồi cây về mạn trên.

Cháu Cát là Hữu Phổ, Tự Đức năm thứ 31, đỗ cử nhân, quan đến Thị độc. Khoảng năm Hàm Nghi, kinh thành có việc, Phổ can tội nghị nặng, sau chuẩn cho tập chức Cẩm y hiệu úy.

*

Đặng Huy Chước

Tên tự là Hoàng Truy, là cháu gọi Văn Thiêm bằng chú, bác. Người cha sinh ra Chước là Văn Giản, chỉ đỗ đến 5 khoa tú tài thôi.

Huy Chước, thuở nhỏ, thông minh, khác người, có tiếng là thần đồng.

Thiệu Trị năm thứ 3, Chước đỗ hương tiến, thi hội liên tiếp được trúng cách; vì thi điện dùng chữ không cẩn thận, nên bị đánh hỏng. Năm thứ 7, lại thi đỗ.

Đầu năm Tự Đức đã từng làm tri huyện, tri phủ, có tiếng là chính sự hay, được bổ vào làm giám sát ngự sử; thăng lên chưởng ấn. Bấy giờ có viên hiệp lý thủy sư là tham tri Nguyễn Luận, người cùng quê với Chước, nhũng nhiễu binh đinh, riêng lấy cây gỗ. Huy Chước tâu hặc, được sự thực, nên được nhắc lên Hồng lô tự khanh, lĩnh bổ chính sứ Quảng Nam. Chước tại chức 3 năm, dâng sớ xin lập hộ có nghề nghiệp sản xuất và thu thuế sản vật. Lại xin cho các xã dân ở kinh và ngoài dựng đặt nghĩa địa, đều được chuẩn theo lời nghị thi hành.

Digitized by Google

Năm thứ 19, đổi về biện lý bộ Hộ, xin đặt sứ ty Bình Chuẩn. Và lại nói rằng: buôn bán là nghề ngọn, mà ích nước lợi dân, thực là chính sách lớn của triều đình. Trong đó, tiết mục phức tạp tất phải hiểu kĩ tình hình các địa phương và hết thảy các đường lối đi lại quan yếu, thì mới có thể kiêm nghị để thi hành đến nơi được. Vua theo lời, sai Chước lĩnh chức ấy đi đến các nơi hải ngoại để trù tính thi hành. Về sau, Chước vì để báo thiếu số tiền vốn công, phải giáng hàm trước tác, sung chức bang biện Ninh Thái bắt phải bồi lại cho đủ số.

Năm thứ 27, Chước chết ở nơi ngụ sở Hà Nội.

Huy Chước là người khảng khái có chí lớn, chưa làm được trọn sự lo tính của mình, mong chí nên giữ chí bất toại mà chết, người thức giả lấy làm tiếc. Ngày hôm chết Chước dặn lại đem chôn tạm ở nơi ấy. Rồi sau quan tỉnh Hà Nội đem việc tâu lên. Vua bảo rằng: Huy Chước hơi có học vấn một chút, cũng không phải là vô dụng, gia ân cấp cho 100 quan tiền; lại chuẩn cho quan tỉnh ấy đưa linh cữu về chôn cất ở nguyên quán. Chước lúc bình sinh trước thuật có các tập: Hoàng Truy văn sao, Tứ thập bát hiếu kỉ sự tân biên, Khang hi canh chức đỗ, Việt sử thánh huấn diễn âm, Ngũ giới diễn âm; lại khắc in các bộ Tòng chính di qui, Nhị vị tập. Còn người giữ ván in thì nay lưu ở tỉnh phố Hà Nội.

Em Duy Chước là Huy Sán, và anh họ là Huy Tá đều có tiếng văn học. Huy Sán, Tự Đức năm thứ 22, đỗ phó bảng, nhiều lần thăng đến án sát Bình Định. Khi Sán đi cung chức, bị giặc giết chết ở dọc đường. Huy Tá, Thiệu Trị năm thứ 1, đỗ hương tiến, trải làm phủ huyện nhiều lần thăng đến đô chính sứ Nam Định. Sau Tá vì việc bị cách chức, theo đi quân thứ gắng sức báo hiệu được phục hàm điển tịch, sung chức thương biện. Sau ốm chết, được truy phong viên ngoại lang.

Digitized by Google

Tá có trước tác các tập Trừ nguyệt đường thi và Hương Sơn tích động thi.

*

Nguyễn Công Trứ.

Người huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, thuở nhỏ phóng túng không câu nệ, có khí tiết. Gia Long năm thứ 2, vua đi tuần ra miền Bắc, Công Trứ là người thường nhân đến dinh hành tại dâng kế sách. Năm thứ 18, Trứ đỗ giải nguyên (thủ khoa). Đầu năm Minh Mạng sung làm biên tu ở Sử quán.

Năm thứ 4, bổ thụ huyện Doãn huyện Mĩ Hào; nhiều lần thăng đến tham biện tỉnh Thanh Hóa; rồi vì có tang cha bỏ chức. Vua nghĩ Trứ là người thanh liêm, giản dị, sai mang cho Trứ 100 lạng bạc. Khi hết tang, đổi làm tham tán quân vụ ở Bắc thành; bổng lại thăng lên thị lang bộ Hình, quyền làm Hình tào ở Bắc thành.

Năm thứ 8, vua xuống chiếu cho Trứ cùng viên thông ngoại quản Tiền quân là Phạm Văn Lí hội quân tiến đánh tên giặc thổ trước ở Nam Định là Phan Bá Vành. Trước đây tên giặc ấy lẻn lút chiếm nơi bãi biển, tựa chỗ hiểm rủ nhau tụ họp. Công Trứ đặt mưu lược, thường đánh phá được. Vua bảo là: Nguyễn Công Trứ, gặp việc hết lòng làm không cẩu thả, thực không thẹn với sự ủy dùng. Rồi sau Trứ bắt được Bá Vành. Vua xuống chiếu thư khen ngợi, và thưởng cho cho Trứ 1 hình núi bằng ngọc trắng, 1 hình con ngựa bằng mã não, 1 cái khánh vàng và triệu về triều.

Khoảng năm Minh Mạng, Trứ lấy hàm tả thị lang bộ Hình, lĩnh doanh điền sứ ở Nam Định. Trước đây, Công Trứ dâng thư kín nói việc 3 điều: 1- Pháp cấm phải nghiêm ngặt, để trừ tuyệt bọn giặc; 2- Thưởng phạt phải công minh, để khuyên răn quan lại; 3- Khai khẩn ruộng hoang, để cho dân nghèo có nghề nghiệp. Vua giao xuống đình thần bàn để thi

Digitized by Google

hành. Rồi sai Công Trứ sung làm chức doanh điền sứ. Công Trứ vào từ biệt trước mặt vua xin đi. Vua dụ rằng: Thuộc hạt Bắc thành đã tiện yên, nên xua dân về làm ruộng. Phàm việc gì có thể dựng việc lợi, trừ việc hại cho trăm họ được thì cho phép tiện nghi thi hành. Công Trứ trình bày các công việc nên sửa làm, xin đem số dân mộ phẩm, chia làm ấp, làng, trại, giáp có thứ bậc khác nhau. Khi ông đến nơi, xem đạc đất hoang ở một dải Tiền Châu phủ Kiến Xương tỉnh Nam Định, chia cấp cho dân cùng, gồm được 14 làng, 27 ấp, 20 trại, 10 giáp định hơn 2350 người, ruộng hơn 18970 mẫu. Xin lập làm 1 huyện, gọi tên là huyện Tiền Hải. Lại ở 2 xã Ninh Cương, Hải Cát, được 4 làng, 4 ấp, 1 trại, lập làm 1 tổng, lệ thuộc vào huyện Nam Chân. Tổng Hoành Nha, được 5 ấp, 2 trại, 3 giáp, cũng lập làm 1 tổng, lệ thuộc vào huyện Giao Thủy. Còn về nhà cửa, trâu cầy, đồ làm ruộng, thì lượng lấy tiền của công tri cấp cho.

Lại xin đo đạc chia khẩn đất ở ven biển ngoài núi Hồng Lĩnh phủ Yên Khánh tỉnh Ninh Bình, được 3 làng, 22 ấp, 24 trại, 4 giáp, đinh hơn 1260 người ruộng hơn 14600 mẫu, lập làm một huyện, gọi tên là huyện Kim Sơn. Về khoản nhu cấp (cho huyện ấy), hết thảy như lệ huyện Tiền Hải. Nơi nào đã thành điền, thì cho thu nộp tự năm nay, còn thì đợi 3 năm sẽ bắt đầu thu thuế. Vua y lời tâu là phải.

Công Trứ lại nói: 2 huyện mới lập ra và các cấp, làng đều là dân phiêu lưu di đến họp lại. Chưa có liên thuộc với nhau, xin định làm qui ước: 1 sở đặt ruộng của nhà học; 2: đặt kho của xã; 3: Cần việc dạy bảo; 4: Cẩn thận việc phòng giữ; 5: Gắng sức khuyên răn. Đình nghị cho là các điều ấy chưa thể vội làm được, bèn thôi không làm nữa. Tháng 4 năm thứ 10, ông về kinh tâu trả lời vua biết.

Năm thứ 11, ông được thự hữu tham tri bộ Công, tạm giữ ấn triện bộ Hình; bổng lại giáng làm hữu thị lang, sung

Digitized by Google

làm công việc Nội các. Lại nhân việc bị tội giáng bổ kinh huyện, rồi thăng Lang trung phủ Nội vụ.

Năm thứ 13, thự bố chính sứ Hải Dương. Vua lại cho 200 lạng bạc, là tỏ ý khuyên bảo gắng sức liêm tiết. Rồi lại thăng lên tuần phủ, thự lí quan phòng tổng đốc Hải An. Trong bộ hạt ấy có bọn nghịch, lập tức sai quân dẹp bắt, trong hạt được yên. Trứ lại lưu ý đến việc khai khẩn đồn điền, nghiêm ngặt việc do thám mặt biển, thường dâng sớ xin thi hành.

Năm thứ 14, bọn đầu sỏ giặc là lũ Trương Nghiêm họp bọn lũ cướp nhiều huyện Tứ Kì, ông thân hành đốc quân đánh ở Thiết Tranh, phá được. Vua xuống dụ khen thưởng. Rồi sau có chỉ sai đi Tuyên Quang, cùng với tổng đốc Sơn Hưng Tuyên là Lê Văn Đức tiến đánh tên đầu sỏ phản nghịch là Nông Văn Vân; do 2 bên tả hữu sông Lô chia đường đều tiến thẳng đánh vào tổ giặc ở Vân Trung. Quân đi đến đâu, giặc đều trông thấy bóng là chạy trốn, Trứ bèn dẫn quân về.

Năm thứ 14, Vân lại tựa chỗ hiểm rủ nhau tụ tập. Vua bèn cho Văn Đức sung chức tổng đốc quân vụ Tuyên Quang, Công Trứ sung chức tham tán, do đường Côn Lôn tiến quân, cùng Văn Đức hội họp thì Vân ngầm trốn. Có dụ sai mang quân về. Rồi sau giặc lại xâm lấn sát đồn Cao Bằng. Vua lại sai hội quân tiến đánh. Sau gặp quân ta đã lấy lại tỉnh thành Cao Bằng. Công Trứ xin chuyển đi Thái Nguyên, cùng với tổng đốc Ninh Thái là Nguyễn Đình Phổ bàn tính việc quân định đến trung tuần tháng 9 hội đánh một loạt. Vua y cho. Lại sai Công Trứ sung chức tham tán đạo Thái Nguyên. Đình Phổ, Công Trứ giữ đạo Thái Nguyên, hiệp cùng đạo Cao Bằng là Tạ Quang Cự, Nguyễn Tiến Lâm, Hồ Hữu; đạo Tuyên Quang là Phạm Văn Điển, Lê Văn Đức, tiến đến Vân Trung, thì giặc Vân lẩn vào hang núi. Đạo Tuyên Quang dùng kế hỏa công, Vân bị chết cháy. Tin thắng trận tâu lên. Vua hạ lệnh cho quân 3 đạo hát khúc thắng trận về kinh.

Digitized by Google

Trứ vào trước thềm ra mắt vua. Vua thân rót rượu ban cho để tỏ lòng yêu quí đáp công. Lại thưởng cho các đồ chơi quí báu; và ấm thụ cho 1 người con Trứ làm hiệu úy vệ Cẩm y. Rồi lại sai Trứ về nơi lị sở trước.

Công Trứ coi giữ lâu ngày ở một địa phương lớn, chấn hưng, kiến thiết được nhiều. Lại thấy hình thể tiện lợi của tỉnh thành Quảng Yên, xin sửa đắp thêm, vua y lời xin.

Năm thứ 19, Trứ thân hành đem quân, thuyền từ Quảng Yên ra biển thẳng đến Tràng Sơn vây bắt bọn giặc ở mặt nước, cả phá được. Nhân thể, xin đóng quân nơi ấy, cấp cho đồ làm ruộng để khai khẩn. Năm sau, Trứ lại đi Tràng Sơn, tìm được tên đầu sỏ giặc ghép vào hình pháp. Ngoài ra còn chiêu dụ được hơn 180 người, lập làm Hương Hóa, biên vào sổ chịu thuế. Sau được triệu về kinh, thăng hữu tham tri; lại kiêm tả phó đô ngự sử.

Năm thứ 21, Trứ thấy Trấn tây mãi chưa thành công, dâng sớ xin đi. Vua khen là giỏi và y cho. Sai Trứ sung làm tán lí việc quân cơ ở Trấn Tây. Trứ vào từ biệt trước thềm xin đi. Vua dụ rằng: Phạm Văn Điển, Nguyễn Tiến Lâm, không lo gì họ không có sức mạnh, chỉ lo họ không có mưu thôi. Khanh là nho tướng, việc quân vẫn đã quen, cần phải xem xét cơ hội nên làm, để sớm lập công lớn, cho xứng với trách nhiệm ta ủy cho.

Thiệu Trị năm thứ 1, Trứ cùng tướng quân là Trương Minh Giảng đánh phá 12 sở đồn lũy của giặc, được gia 1 cấp quân công. Rồi sau quan quân chuyển về An Giang, định tội lỗi của các tướng biền Trấn Tây, tước hết quan chức của Công Trứ, lại sai Trứ cùng Phạm Văn Điển đi ngay quân thứ Lạc Hóa để hội đánh giặc. Mùa đông năm ấy, quan quân đánh phá được Lâm Sâm, giết được nhà sư người Phiên, Lạc Hóa được bình hết. Trứ được khởi phục chức thị lang bộ Binh, lĩnh tuần phủ An Giang, ngăn giữ các đường trước sau.

Digitized by Google

Năm thứ 4, Trứ bị tội, phải phát đi làm binh ở miền ven biên giới Quảng Ngãi. Năm sau Trứ được khởi phục chức chủ sự thự viên ngoại lang bộ Hình, và quyền thự án sát sứ Quảng Ngãi, kế đến thự phủ thừa phủ Thừa Thiên.

Năm thứ 7, được thăng thự phủ doãn, lấy cớ là tuổi đến 70, xin nghỉ không được.

Tự Đức năm thứ 1, Trứ lại tâu nhắc lại lời xin trước, được vua ân chuẩn cho là lấy hàm phủ Doãn Thừa Thiên về nghỉ việc. Khi đã về nghỉ, làm nhà bên cạnh ngôi chùa trên núi để ở.

Năm thứ 12, có chỉ cho khởi phục, Trứ lại ra làm việc đánh giặc. Nhưng Trứ tự trình bầy là tuổi già suy yếu không làm nổi việc. Vua y cho. Rồi sau Trứ chết thọ 82 tuổi.

Công Trứ là người trác lạc, có tài khí, có tài làm văn càng giỏi về quốc âm, làm ra thi ca rất nhiều, khí hào mại, phổ đầy ở trong âm luật; đến nay hãy còn truyền tụng. Trứ làm quan thường bị bãi cách rồi được cất nhắc lên ngay; tỏ sức ở chiến trường nhiều lần lập được công chiến trận. Buổi đầu Trứ lĩnh chức doanh điền, sửa sang mối có trong một năm mà các việc đều có đầu mối, mở mang ruộng đất, tụ họp lưu dân, thành ra mối lợi vĩnh viễn. Khi tuổi già về nghỉ, tức thì bỏ qua việc đời, chơi thú sơn thủy, trải hơn 10 năm có cái hứng thú phớt thoảng ra ngoài sự vật. Đến nay người ta, phần nhiều tưởng đến phong độ khí khái của ông. Sau khi Trứ mất, các huyện ấp do ông lập ra đều dựng đền để thờ.

*

Hoàng Chiến.

Người huyện Tuy Viễn, Bình Định. Gia Long năm thứ 15, sung làm ngạch quân. Khoảng năm Minh Mạng do chức đội trưởng, đi Nam kỳ làm việc bắt giặc, vì đánh dẹp thổ phỉ, có công, được thưởng thăng đến hàm phó quản.

Digitized by Google

Thiệu Trị năm thứ 1, bổ làm phó quản cơ Định Tường; rồi thăng phó vệ úy vệ Nhị Tả dực, doanh Vũ lâm. Tự Đức năm thứ 2 thăng thự vệ úy, đổi đi phó lĩnh binh Bắc Ninh, đánh dẹp bọn giặc người nước Thanh ở Lạng Sơn. Trận đánh ở xã Hoàng Đồng, thôn Bán Dị, được thắng trận to, thăng lãnh binh Lạng Sơn. Năm thứ 5, đổi đi Quảng Nam, rồi thăng thự chưởng vệ, quyền giữ ấn triện doanh Hùng Nhuệ. Năm thứ 6, kì đại kế, vua cho là Chiến trải theo việc hàng trận mạnh tợn, quả quyết, biết lễ pháp chuẩn cho Chiến thực thự chưởng vệ. Năm thứ 9, thăng thống chế, thự Đô thống phủ đô thống thuộc Tả quân.

Năm thứ 10, tháng 3, Chiến chết. Chiến xuất thân nơi quân ngũ, cẩn thận thực thà, nhiều tính chất phác. Làm việc trải qua ngoài phiên, vào giữ các quân trong cấm vua đương tin dùng. Khi Chiến chết, Vua gia ân truy tặng cho thực thụ hàm đô thống mà cấp tiền tuất. Lại thưởng thêm cho 700 quan tiền và gấm nhiễu mầu các hạng.

Năm thứ 10, bầy thờ vào đền Hiền Lương. Con là Tố lấy Nghi Xuân công chúa.

*

Trương Minh Giảng.

Người huyện Bình Dương, Gia Định, cha là Minh Thành có truyện chép riêng.

Gia Long năm thứ 18, Giảng đỗ hương tiến. Năm Minh Mạng thứ 2, được bổ tư vụ ở ti Lại; rồi nhiều lần thăng đến Lang trung bộ Binh, trải làm thiêm sự, thự thị lang sung đổng lý thanh tra phủ Nội vụ; ít lâu lại đổi bổ bộ Hình.

Năm thứ 10, thăng thự tham tri, phái đi Gia Định tra bắt những con cháu của ngụy Tây còn lại. Trước sau bắt được hơn 400 tên tộc thuộc của ngụy Tây. Khi trở về được thăng tả tham trị bộ Hộ, thự thượng thư kiêm quản Khâm thiên giám.

Digitized by Google

Năm thứ 13, sung phó chủ khảo khoa thị hội; rồi thăng thượng thư, quyền giữ ấn triện viện Đô sát.

Năm thứ 4, giảng cùng Thượng thư bộ Lễ là Phan Huy Thực sung làm tổng tài sửa làm tập Thực lục của các tiên thánh (các chúa Nguyễn). Sau gặp Nam kỳ có loạn giặc Khôi sai Giảng sung làm tham tán quân vụ đại thần, cùng với Thảo nghịch tướng quân là Phạm Văn Thúy đem quân đánh bắt. Tới khi sắp đi, Vua bảo Giảng rằng: Tuổi khanh còn ít, nhưng đã ở lâu nơi Bộ, viện trong kinh làm việc nhanh giỏi, khanh đi lần này, nên thi thố kế hoạch để trừ bọn tàn tặc, và sau khi dẹp hết giặc, lại phải vỗ yên dân chúng, giữ vững biên cương, để trẫm khỏi phải lo ngóng về mặt Tây, là sức của ngươi đó. Nhân thế vua giao cho Giảng thanh kiếm vàng.

Mùa thu tháng 7, Giảng cùng Thảo nghịch tướng quân đánh bại giặc ở trạm Vĩnh Long. Vua thưởng cho Giảng tấm bài đeo bằng ngọc trắng và kim tiền Phi Long hạng to. Tháng 8, Giảng cùng Hoàng Văn Thận đánh lấy lại được tỉnh Biên Hòa. Đến khi quân đóng ở cầu Cao Miên, giặc chia đường đến đánh, đạo quân của Minh Giảng chống lại không nổi. Giảng bị giáng 2 cấp. Gặp giặc Xiêm cướp lấy các hạt Hà Tiên, Nam Vang, Giảng chuyển quân đến hội để đánh dẹp, 2 thành phòng giữ được, Giảng lại bị giáng 1 cấp nữa. Rồi thì Giảng cùng bọn tán lý Nguyễn Xuân cả đánh phá được quân Xiêm ở Thuận Cảng. Tin thắng trận tâu lên, vua mừng lắm, tấn phong cho Giảng tước Bình thành nam.

Năm thứ 10, mùa xuân, Giảng lại đánh nhau với quân Xiêm ở sông Cổ Viên, cả phá được quân Xiêm cùng bọn tướng quân là Nguyễn Văn Năng, theo đường sông Hà Tiên tiến quân lấy lại thành Nam Vang. Vua phê bảo Giảng rằng: Bọn khanh vì nước ra công khó nhọc, trẫm quyết không tiếc gì tước thưởng; lại tấn phong cho Giảng tước bá. Không bao lâu được bổ thụ hiệp biện đại học sĩ, lĩnh tổng đốc An Giang.

Digitized by Google

Năm thứ 16, thự Đông các, kiêm giữ ấn bảo hộ Cao Miên, sung Trấn tây tướng quân, và vẫn kiêm tiết chế ngoài biên khổn. Minh Giảng bị bệnh; Vua sai thị vệ mang thuốc ban cấp cho.

Năm thứ 17, Minh Giảng cùng tham tán Lê Đại Cương tâu nói lương chứa ở An Giang chưa nhiều mà chi nhu có phần nhiều, nay số thóc lúa nơi sở tại hiện được mùa, xin đặt giá cao thêm để mua kho chứa lương ở nơi biên giới được đầy đủ. Vua y cho. Khi ấy giặc Xiêm lấn đến quấy nhiễu các Man ở Hải tây, Hải đông, dân nơi biên giới ngờ sợ, Minh Giảng ủy cho lãnh binh Vũ Đức Trung đem quân, thuyền đến đây trấn áp. Lại xin phái vệ úy các vệ tạm làm an phủ sứ 3 phủ Sơn Phủ, Hải Đông, Hải Tây; và chia phái các huấn giáo theo ở thành, chia bổ giúp việc văn thư 3 phủ. Vua cho lời tâu là phải. Gặp khi kinh lược sứ 6 tỉnh Nam kỳ là Nguyễn Kim Bảng bị bệnh. Vua sai Giảng đi thay Bảng, cùng với kinh lược đại sứ Trương Đăng Quế hội làm. Đến khi việc xong về trấn, vua cho là Minh Giảng công lao cùng Đăng Quế như nhau, nên thưởng cho rất hậu, được thăng Đông các đại học sĩ.

Năm thứ 18, Minh Giảng nghe tin người Xiêm sai tướng là Phi Nhã Chất Tri đem 5000 quân đến Bắc-tầm-bôn. Giảng bèn ủy cho lãnh binh Vũ Đức Trung đem quân đến vụng Xà Năng đàn áp rồi đem việc ấy tâu vua biết. Vua dụ rằng: Giặc Xiêm, chẳng qua lười nhát, chỉ làm kế phòng thủ hão đấy thôi, há dám dòm đến biên giới đâu? Nếu phái binh đi, mà quả vô sự, thì lập tức rút về. Vừa gặp có thám tử tự Bắc-tầm-bôn trở về nói rằng: Ông Gium vì nước Xiêm bức bách, nên hắn muốn về nơi cũ, sai mang 3 người gia thuộc là bọn tên Che về thành van xin, nếu được tin báo, thì hắn lập tức dắt gia quyến trốn về. Minh Giảng cho là tên Gium tội lớn khó dung thứ, mà tên Che là bọn làm phản, mật đưa bọn ấy về giam cấm ở An Giang. Vua khen là Giảng xử trí phải lẽ. Minh

Digitized by Google

Giảng ở trấn, dời đặt đồn phủ, mở thông đường sá, sửa sang chu đáo. Vua cho triệu Giảng về, khi vào ra mắt, vua úy lạo hồi lâu, thưởng cho cái nhẫn vàng và cho làm lễ bão tất[1] Truyền bộ Lễ đặt yến ở công đường của Bộ, sai đình thần bồi tiếc yến, để tỏ ra yêu quý khác người. Minh Giảng dâng các hạng ngọc hình con sâu con thú, nói là những sản vật của thổ quan thuộc thành ấy, thành khẩn nhà y dâng thay. Vua sai thu nhận; nhan lại cho Giảng 1 hình con hổ bằng vàng và bảo rằng: tướng quân đánh bình giặc, trấn yên biên cương, nên đặc ân cho hình con hổ, là lấy ý nghĩa người bề tôi khỏe mạnh như con hổ. Ngươi gia tâm cố gắng, để cùng nước cùng vui. Lại chế bài thơ ban cho. Nhân hỏi Giảng về ngụ sở xa gần, và nên tránh nơi gió, nắng, Giảng thưa rằng: Thần lúc thường quen sự cần lao, không từng kiêng tránh gì cả. Vua bảo rằng: Khanh nay thân nhận trọng trách; không như thế sao có thể làm được việc. Lại hỏi nước Xiêm hành quân thế nào? Giảng thưa rằng: Người Xiêm đến đâu là chỉ cướp bóc. Vua bảo rằng; kỷ luật hành quân của nước ấy như thế mà cầu để đánh thắng, người thì có thể được chăng? Lại hỏi rằng: Có người nói là người Phiên phần nhiều dùng thuật phù chú, có không? Minh Giảng đem sự trạng tâu lên. Vua nói: nước ấy tất có tài thần giúp đỡ. Nhưng người ta tự xử, quả biết giữ lòng trung hiếu, thì sợ gì phù chú? Lại hỏi: tục người Phiên chuộng Phật có tượng Phật, kinh Phật không? Giảng thưa rằng: Kinh Phật thì lấy lá dừa xâu lại với nhau, lấy dùi vạch thành chữ gọi là kinh bối diệp. Còn tượng Phật, có khi sơn và thiếp vàng, nhưng qui chế rất quê kịch. Nhân thế Giảng nói: Bên thành có ngôi chùa khá to, lúc đầu đắp thành, cùng chùa gần nhau, dự làm thế tranh cao hơn. Vua cho là nên xây đắp tường quách cho có vẻ đẹp, ngày sau có việc thì đóng binh nơi ấy, cũng là một kế làm cho tốt về sau. Bèn cho Giảng cái bài ngà tướng quân để đeo.

(1) Bảo tất: ôm chân vua.

Digitized by Google

Mùa đông năm ấy Giảng tâu về trấn. Qua sang mùa xuân năm sau, thì bọn Đô Y ở Hải Đông và Mịch Sô ở Khai Biên làm phản. Vua cho là Minh Giảng phòng giữ thất cách, nên bon nghịch phạm nhân thế sinh lòng. Ngày lâu bỏ không trù liệu chước gì, chỉ có 2 chữ "Nghiêm phong" mà thôi. Lại che đậy cái tính khinh nhờn của Lê Đại Cương, không có hặc tâu. Giảng bị giáng làm thượng thư bộ Binh, vẫn lĩnh chức Trấn tây tướng quân, kiêm tổng đốc An Giang. Còn cung hàm gia thưởng trước và tước bá thì chuẩn cho được mang theo. Sức Giảng đến, quân thứ ở Hải Đông bắt giặc. Đến khi quân đạo Hải Đông bắt sống được giặc rất nhiều, thu về thổ dân số nhiều. Tin thắng trận tâu lên, vua khen ngợi. Bấy giờ có thị vệ từ trấn trở về tâu dâng 1 hộp ngọc và 2 con chim trĩ xứ Man, của Minh Giảng đệ tiến, trong đơn khai là người thổ xin hiến; ngoài ra không có chương sớ gì cả. Vua không bằng lòng, hỏi lâu nói rằng: Trẫm sai đi bắt kẻ phạm, chứ có sai đi tìm tòi châu ngọc bao giờ? Sai bắt trả lại và truyền chỉ quở mắng. Tháng 3, việc quan quân bắt giặc hơi rỗi, Giảng về thành làm việc. Tháng 11, dựng bia võ công, vua sai lấy Minh Giảng đứng công đầu, khắc tên vào bia đá, đặt ở Võ miếu. Năm thứ 20, mùa xuân vua thấy hạt thành Trấn Tây yên ổn, cõi vẹn nghiêm tĩnh, gia ân cho Giảng khai phục hàm Đông các. Mùa đông năm ấy, Nặc Yểm nước Chân Lạp đem quân đến qui hàng. Vũ Đức Trung tiếp dẫn bọn ấy về thành. Minh Giảng trích lấy thận thuộc của Yểm chia đưa về giam cầm ở Gia Định, Vĩnh Long. Vua khen là Giảng làm việc ấy được phải lẽ.

Năm thứ 21, mùa thu, bọn thổ biền ở Hải tây là Sa Mộc làm phản; phụ nữ Xà Năng là Bồn Tốt cũng đem thổ binh trốn đi. Bọn giặc thường thường nổi lên tứ phía. Giảng dâng sớ nhận tội, và xin quân đến hội đánh. Vua giận, giáng Giảng làm thị lang bộ Binh, tước bỏ cung hàm, nhưng vẫn kiêm chức trấn tướng. Đến khi quân các tỉnh đến, Minh Giảng chia

Digitized by Google

phái đi phòng giữ, đánh dẹp, giặc đều tan vỡ. Có người lính của phủ tự trong đám giặc trốn về, nói: bọn đầu mục giặc ngầm thông với giặc Xiêm đến tiếp viện. Minh Giảng cho là kẻ kia nói phao lên là thông với nước Xiêm, chẳng qua khoe hão thanh thế, chứ không có tài năng gì khác đâu? Duy có mạn tây phủ Hải Đông là nơi địa đầu quan yếu, mà việc phòng bị mùa đông gần đến phải nên phái quân đàn áp. Tháng 11, Minh Giảng đem quân thuyền đến Hải Đông, nghe tin quân đạo Sa Tôn là bọn Nguyễn Công Nhàn bị vây, Giảng bèn nghĩ sắp sửa đem quân đi, thì vừa gặp quân kinh ở Bình Định đến. Giảng mới chia binh bàn ủy cho Doãn Uẩn, Cao Hữu Dực giữ thành, Giảng bèn cùng tham tán Lê Văn Đức lĩnh mang 2000 quân làm tiền đạo, lần lượt tiến đi. Sớ dâng lên vua phê bảo rằng: Ta chính mong ngựa đi tới đâu là thành công. Kịp khi quân đến bên tả Hồ Hải, thì tiếp được phủ Hải Tây phi báo là: nước Xiêm, nước Mên họp nhau ước hơn 5000, 6000 quân, chia nhau quấy nhiễu phủ hạt, xin tiếp viện. Minh Giảng cho là Hải Tây đã có quân các đạo của đề đốc Vũ Đức Trung, tri phủ Nguyễn Trọng Thanh rồi; duy có ở Sa Tôn sự thế chính là cần kíp, nên cứu trước nơi khẩn cấp đã. Giảng mới thẳng đến bờ bên hữu Hồ Hải, chỗ cửa biển Liên thì thấy Đoàn Văn Sách đem quân tìm đường tiến đến Sa Tôn tiếp viện đánh dẹp. Giảng bèn trích lấy binh dũng ủy cho Văn Sách đi ngay, Giảng vẫn tạm lưu ở cửa biển Liên, để làm tin tức cho các đạo đằng sau, và đợi quân của Bùi Công Huyên đều hội đánh.

Tháng 12, Minh Giảng cùng Công Huyên đánh giải được vây ở Sa Tôn, bèn lưu Đoàn Văn Sách ở đây giữ đồn rồi chia 1000 quân làm tiền đạo, tự mình do Mi Súc thẳng đến cầu Tà Sá, phá liền được hơn 10 đồn sở của giặc. Khi đến Chi Trinh thì giặc đã chạy trốn rồi. Bèn dời quân về Hải Tây đánh dẹp. Khi viện quân đến cửa biển Xỉ, thì vừa gặp quân ở Nam, Nghĩa đến. Giảng bèn ủy cho Công Huyên chia quân đi đánh dẹp Sơn Tĩnh, tự mình ở cửa biển Xỉ dời sang bờ

Digitized by Google

bên tả Hồ Hải đến bến sông Bông Long; khai phá chỗ bờ ngăn nước, cho quân sang qua sông lên bộ. Vừa đi được độ nửa giờ, Giảng trông xa thấy quân đi dò của giặc ở phía trước phi ngựa đến hô to lên rằng: quan quân chớ đánh nữa! Bọn Đức Trung đã cùng nước Xiêm giảng hòa, đầu mục nước Xiêm đưa Trung về rồi. Bọn Minh Giảng chưa tin lập tức đánh trống, ra hiệu cho quân thẳng tiến, tên quân đi dò lui chạy. Bỗng thấy một người quân ta chạy đến trước quân nói rằng, Ba Lạc nghe tin quan quân đến chỉ lưu độc một bọn Đức Trung ở bảo Ca Âu thôi. Xin tướng quân tạm trở lại, mang được toàn quân trở về. Bọn Minh Giảng nhìn nhau ngơ ngác, cho là, nếu kíp tiến lên mà đánh dẹp, thì hơn nghìn quân của đạo còn chưa ra khỏi phạm vi của họ, tiến hay dừng 2 đàng khó cả. Chiều hôm ấy, Giảng đem quân trở lại chỗ bến sông, ngày hôm sau Trung đến đem cả tình trạng báo cáo. Giảng bèn kíp dệ chương sớ tâu lên, và nói: Chất Tri là đầu mục nước Xiêm nhân nước Mên cầu viện đem bọn lũ đông nhiều vây sát đồn phủ, không có lẽ là thế yếu mà cầu hòa. Thần đã phái cán viên đến nơi bàn thuyết xét xem chúng có thực cầu hòa không, để thám biết tình hình hư thực của giặc, rồi sau lần lượt tiến quân, xem cơ hội mà liệu làm việc.

Sớ dâng lên vua lấy làm lạ, sai Minh Giảng làm lá thư đáp lại Chất Tri đại lược nói: Nay nước Xiêm muốn cầu hòa, tất phải rút quân về Bắc tầm bôn, đều giữ cõi đất thì Bản quân môn mới dám tâu xin, hòa nghị có thể thành được. Đến lúc sai người mang thư đến biên chiết với Chất Tri: thì hòa nghị chưa định, mà Chất Tri đã dẫn quân về nước.

Thiệu Trị năm thứ nhất, truy xét công ở Sa Tôn, Giảng được thăng hiệp biện đại học sĩ, gia 1 cấp quân công. Sau vì tin báo ngoài biên chậm trễ; vua xuống dụ quở mắng Giảng kịch liệt. Minh Giảng cùng bọn kinh lược Phạm Văn Điển, tham tán Lê Văn Đức tâu nói rằng: tự khi Trấn tây không

Digitized by Google

yên, đến nay đã hơn 6 tháng, cõi ven vẫn chưa bình tĩnh, bọn thần tội không thể chối được. Duy có người thổ nổi loạn, không những ở trong thành, 10 phủ, 23 huyện đều là đất của giặc; lại lan đến Gia Định, Định Tường, An Giang, bọn giặc lớn kể có hàng nghìn người bọn nhỏ không kém vài trăm, chúng tựa nước Xiêm làm tiếp viện. Hơn nữa chặn đường gian hiểm vận lương khó, bọn thần hết lòng lo nghĩ, chưa biết làm thế nào cho cần đáng. Việc phòng bị ngoài biên một ngày nào chưa xong, tức là trách nhiệm của bọn thần một ngày ấy, há dám ngại sự khó nhọc, sợ nỗi gian hiểm, mà để cho vua cha phải lo nghĩ về phía tây.

Giảng lại cùng Phạm Văn Điển tâu nói rằng: Trấn tây làm tôi tớ triều đình, gần nay lại chia thành giới hạn; nhưng dân chưa thành sổ đinh, binh chưa thành quân ngạch, ruộng đất chưa thành mẫu sào, quan ải bến đò chưa thành lệ thuế. Năm ngoái Ngọc Biện mưu trốn, Ngọc Vân di cư vào Gia Định bọn thổ mục bất mãn tuyên truyền điêu là bắt quân trưởng của họ, giết đầu mục của họ mới xúi giục thổ dân hàng đàn quấy rối. Người Xiêm nhân thế ở trong lại xui bẩy, lấy việc giúp lập tên nghịch Gium làm câu nói. Cho nên chúng mới cho ta làm thù, cho nước Xiêm làm ơn. Vả lại, phong tục của nước họ đã quen dù sống, chết phải nghe mệnh của đầu mục. Từ trước đến nay, người thổ đi lại thường hỏi Ngọc Vân ở đâu? Bọn tên Yểm, trú ngụ nơi nào? Xin cho trông thấy mặt (các người ấy). Nay xin sắc xuống cho quan thành Gia Định đem bọn Ngọc Vân và tên Yểm hộ tống cho chúng về thành, bắt chúng phải chiêu tập thổ dân, thổ mục.

Việc giao xuống đình thần bàn, vua y cho. Đến khi bọn Ngọc Vân về thành, chiêu dụ mãi cũng không công trạng gì. Tại thành ấy đều bị bọn giặc ngăn chặn, quan quân chỉ ở trong thành và đồn, bảo bên cạnh, đóng binh chống giữ. Triều đình thường bách thúc đem quân ra đánh, chiếu thư ban xuống

Digitized by Google

quở mắng quá luôn, Giảng chỉ có dâng sớ xin chịu tội mà thôi. Bèn cùng bọn kinh lược Phạm Văn Điển, Đoàn Văn Sách, Nguyễn Công Nhàn, làm tập tâu rằng: trước đây có xin cho bọn tên Yểm về thành, cũng là một mưu kế chiêu dụ vỗ về dân chúng, nhưng tên Yểm về đến, không thể tự chủ được, tất phải lấy ta làm mệnh lệnh, nếu không dùng binh lực lớn, rút cục vẫn không thể xong. Mà biền binh vất vả lâu đã tật bệnh ngày nhiều, cứ cố thủ thành không, chỉ phí tổn vô ích. Xin rút quân về An Giang, để xem cơ hội mà hành động. Vua cho là sự thể hiện nay, không thể không được, chuẩn y cho thi hành. Duy từ tướng quân trở xuống, phụng hành không công trạng, thì đều giao đình thần bàn tội.

Mùa thu, tháng 7 quan quân rút về An Giang thì Minh Giảng cũng chết về tháng ấy. Trước đây sửa sang thành Trấn tây phần nhiều là công sức của Minh Giảng, đến bây giờ, phải rút quân về uất ức xấu hổ, nên cáo là ốm, không muốn cùng ra mặt các tướng, mới phát bệnh mà chết. Quan tỉnh đem việc tâu lên. Vua bảo rằng: Minh Giảng mình nhận trọng trách, vỗ trị trái lẽ, để đến nỗi người thổ không yên, làm phiền đến quan quân tiến đánh đã lâu, mà chưa xong việc. Đã giao cho Bộ thần nghiêm nghĩ tội. Không ngờ đại binh vừa về, mà Giảng vội đã ốm chết. Nghĩ lại năm trước Minh Giảng làm than tán quân vụ làm mất vía bọn giặc ở Vĩnh Long, đánh bại quân Xiêm ở Thuận Cảng, công trạng rõ rệt, khắc vào bia đá, cũng không thể mất được. Vậy chuẩn cho tước chức hàm tướng quân của Giảng, để cho rõ tội, và gia ân chiếu cho hàm hiệp biện mà cấp cho tiền tuất, được miễn truy nghị tội. Lại tước cả lương bổng thất phẩm nguyên chỉ của con Giảng là Minh Thi.

Tự Đức năm thứ 11, cho liệt vào thờ ở đền Hiền Lương.

*

Digitized by Google

Nguyễn Văn Điển

Tên tự là Tam Lễ, tiên tổ là người Thanh Hóa, tằng tổ là Tài phụng mệnh làm chức Miếu thừa ở Quảng Nam, nhập tịch ở huyện Diên Phúc; tổ là Lương kế nghiệp lại hàm Miếu thừa; Cha là Yến, khởi đầu năm Đinh dậu về quy thuận được bổ thư ký Bắc thành, sau vì con được quí chiểu tặng hàm Hàn lâm viện thị giảng học sĩ.

Điển là người chắc chắn, trung hậu có chí lớn. Gia Long năm thứ 18, đỗ hương tiến. Minh Mạng năm thứ 1, mới được bổ thuộc ty bộ Công; trải làm các phủ huyện Từ Liêm, Quốc Oai. Thiệu Hóa, chuyển về làm viên ngoại lang lang trung, hiệp lí công việc Binh tào thành Gia Định, thăng bố chính sứ tỉnh Khánh Hòa, nhân việc công lầm lỗi phải giáng làm Lang trung trải thăng đến thị lang, tham tri bộ Công, hiệp lí thủy sư kinh kì.

Tự Đức năm thứ 3, đổi làm tuần phủ Nam Định, hộ lí quan phòng tổng đốc Định Yên. Năm ấy gặp kỳ đại kế, xét công vì là kính cẩn, siêng năng, được gia khen thưởng thăng thự bộ Binh, nhưng vẫn ở trấn cũ.

Năm thứ 5, Điển chết, bấy giờ 62 tuổi. Vua cho là Văn Điển trải làm quan khắp trong ngoài, tỏ ra công lao, tài năng, ân chuẩn thực thụ hàm thượng thư, gia cấp cho tiền tuất và sa gấm, sai hộ tống quan cữu về quê, sai quan đến tế 1 đàn.

Điển ở quan chăm chỉ, cẩn thận, có tiếng hay. Khi ở bộ Công trông coi làm 2 lăng Hiếu đông, Hiếu vương, qui hoạch hợp pháp. Thiệu Trị năm thứ 2, vua ra tuần miền Bắc, Điển sung làm hậu tiếp sứ nước Thanh ở đầu địa giới tỉnh Bắc Ninh. Năm Tự Đức thứ 2, sứ nước Thanh đến kinh tuyên phong, Điển sung vào hậu tiếp sứ, ứng đáp đắc thể. Khi làm tổng đốc Định Yên có nhiều chính sách nhân huệ; nên sau khi Điển chết người quận ấy truy nhớ mãi.

Con là Văn Tuyển, đỗ cử nhân khoa Mậu thân, năm Tự

Digitized by Google

Đức làm quan đến án sát; con thứ là Văn Hiển ấm thụ hàm chánh thất phẩm, sau làm tri huyện huyện Tuy Phong.

*

Đoàn Văn Phú

Người huyện Quang Điền, phủ Thừa Thiên. Gia Long năm thứ 17, Phú lệ theo làm thư kí bộ Công. Khoảng năm Minh Mạng, trải bổ chủ sự, Lang trung. Năm thứ 13, Phú vì nhanh giỏi được việc, thăng thự Thị lang bộ Công. Năm thứ 16, chuyển làm tham tri bộ Công, lĩnh tuần phủ Gia Định, rồi đổi đi thự tổng đốc 2 tỉnh Long Tường, Định Biên. Năm thứ 19, được thực thụ (tổng đốc), quyền làm công việc thành Trấn tây. Năm thứ 21, Phú ốm chết.

Văn Phú là người liêm khiết, ít tình diện, ở quan thanh bạch, lâu làm việc cai trị dân, mà túi làm quan rỗng không. Ngày Phú chết, quan lại nhân dân nhớ tiếc quyên tiền giúp việc mai táng.

Vua trọng về lòng thanh liêm tiết tháo của Phú; tặng cho hàm Hiệp biện đại học sĩ, và thưởng cho 3 cây gấm Trung Quốc, 500 quan tiền. Dụ rằng: đó là để khuyến khích cho người làm tôi liêm khiết sau này.

Tự Đức năm thứ 11, bày thờ vào đền Hiền Lương.

*

Nguyễn Đức Nhuận

Người huyện Hoằng Hóa tỉnh Thanh Hóa. Đầu năm Gia Long thi đỗ sinh đồ (tức như tú tài sau này).

Năm thứ 18, lưu dân, thổ phỉ ở Thanh Nghệ rủ nhau tự họp làm loạn. Vua sai tả quân Lê Văn Duyệt đi kinh lược. Đức Nhuận mộ lính dũng theo Duyệt sai phái, chiêu dụ bọn giặc trốn về hàng có công lao, nên Duyệt đem tên của Nhuận tâu vào triều đình biết.

Digitized by Google

Năm Minh Mạng thứ 1, Nhuận được triệu về kinh, bổ vào viện Hàn lâm. Năm thứ 6, được thăng bổ làm thiêm sự bộ Binh, bấy giờ Nghệ An lo nạn trộm cướp. Vua biết Đức Nhuận có biết binh pháp nên sai ra làm tham biện Nghệ An. Khi gọi vào ra mắt trước thềm vua dặn bảo Nhuận về mưu lược dẹp yên trộm cướp. Đức Nhuận tâu nói rằng: Cái tệ của Nghệ An bị giặc tích lũy mãi, thuyết ấy có 5 điều: Thế núi ở Cổ Hoan rộng lớn, nên bọn bất mãn dễ rủ nhau tụ tập, ấy là 1 điều. Điển lệ của triều đình khoan hồng, không xét hỏi bọn đầu sỏ hay kẻ hiếp theo, nên kẻ làm nhiều điều ác, có kẻ được lọt lưới; ấy là 2 điều. Kẻ ngục lại cầu lợi ở kẻ bị can liên, nên người nào bị vu cáo ra phải sợ mà trốn lẩn, ấy là 3 điều. Binh đi bắt giặc cướp không có sức để bắt, dân không tin nhau, bọn thổ phỉ tha hồ làm oan ngược, để tuyệt mối cáo giặc ấy là 4 điều. Quân lính mới mộ phát đi đóng đồn là trốn ngay, sau khi đã trốn, không về đâu được, tất nhiên bị giặc cám dỗ, ấy là 5 điều. Châu xin sau khi đến trấn ấy, xét rõ nhân tình phong tục quan lại, binh dân, nơi nào chứa tệ đã lâu thì trừ bỏ đi dần, hoặc có thể thi thố được. Duy có bọn lính mộ trốn đi đóng đồn, cùng hạng đinh ra thú, tù được tha mà hiện còn trốn lẩn, thì cho phép một hạn để gọi, tên nào ra thú sẽ miễn tội cho. Như tên nào muốn dung quân ngũ, thì đồn làm binh ở trấn; kẻ nào muốn về yên nghiệp, thì giao dân đăng sổ chịu sai dịch. Nếu hạn mà không chịu ra thú, bắt được sẽ nghiêm trị. Ngõ hầu địa phương nhờ được yên toàn, mà vì việc bắt giặc cũng đắc lực. Vua y lời.

Đức Nhuận lúc mới đến trấn, giặc cướp càng kịch liệt. Nhuận tức khắc thân đem binh ở trấn và thủ hạ tùy cơ đánh bắt. Có tên đầu sỏ giặc xưng là tiến bộ Ninh Đăng Tạo, họp bè lũ ở miền thượng đạo Diễn Châu, chiếm giữ núi Cự Sơn làm chỗ hiểm đi cướp nhiều các huyện Quỳnh Lưu, Đông Thành (thuộc Nghệ An) Ngọc Sơn, Nông Cống (thuộc Thanh Hóa), dân không ở yên. Đức Nhuận cùng tham hiệp Thanh

Digitized by Google

Hóa là Nguyễn Công Trứ đánh ở Cử Sơn, giặc nghe thấy bóng gió là tan vỡ. Đăng Tạo trốn đi xa. Đức Nhuận mới hội quân đánh thẳng vào sào huyệt của địch, bắt được đầu mục của chúng và ra hàng, thú hơn 1000 người. Quan ở 2 trấn ấy đem sự trạng tâu lên, vua xuống chiếu thư khen thưởng. Đầu tiên hàng bát sa trừu và thứ quân quạt bằng hạng trúc vân, sai mang đến cấp cho.

Năm thứ 7, mùa đông, vua thấy Đức Nhuận ra sức khó nhọc ở ngoài lại sai thị vệ đi ngựa ban cho Nhuận áo mặc mùa đông. Bấy giờ gặp thổ phỉ là Phan Bá Vành cùng bọn lũ của hắn, ngụy xưng Hữu quân là Nguyễn Hạnh họp 5000 quân xâm nhiễu Hải Dương. Chúng lại liên kết với giặc Thanh đi cướp đoạt ở ngoài khơi, cùng quan quân kháng cự. Quân ở Bắc Thành đánh mãi không được, thế giặc mạnh tợn. Vua cho là Đức Nhuận giỏi thạo, gia cho hàm thị lang, quyền làm binh tào ở Bắc Thành, tham tán quân vụ; cho Nhuận mang theo bọn nguyên là tù phạm trước dàn bố làm binh lệ thuộc vào để sai phái.

Năm thứ 8 tháng 3, vua thấy quan quân đi bắt giặc mãi chưa thành công, lại dụ Đức Nhuận rằng: từ khi trẫm ủy ngươi giữ chức chăn dân ở Nghệ An, giặc tĩnh dân yên, trẫm rất khen ngợi đẹp lòng. Mới rồi, ở Bắc Thành giặc cướp quấy nhiễu, sai ngươi đi tham tán việc quân thế nào mà lâu mãi chưa thấy tin tốt? trẫm rất mong mỏi. Sau Đức Nhuận đánh giặc ở phủ Ứng Hòa, chém được thủ cấp giặc, cắt lấy tai cùng khí giới ấn tín sổ sách dâng tâu lên. Vua khen thưởng cho Nhuận 1 cấp quân công. Rồi sau giặc Vành thua chết, bọn thổ phỉ dân yên. Đức Nhuận được cắt nhắc làm thị lang bộ Binh, vẫn lĩnh Binh tào Bắc thành.

Mùa hạ năm ấy vua cho là việc bắt giặc ở thành Bắc hơi thư; Lại gần khánh tiết Vạn Thọ, cho triệu Đức Nhuận về Kinh, vào ra mắt, vua thong dong úy lạo, nhân hỏi rằng: Các

Digitized by Google

bọn giặc ở Bắc thành có thông đồng với nhau không? Nhuận thưa rằng: chúng như đàn ong, tổ kiến, đều riêng biệt từng bọn thôi. Vua lại hỏi sổ của giặc xưng là Lê Hoàng là thế nào? Nhuận thưa rằng: Thần đã hỏi tên giặc nào bắt được, đều nói "lê" là mọi người, mà chữ "hoàng" nghĩa là lớn, nhân lấy làm danh hiệu, chứ không phải là con cháu nhà Lê vậy? Thần trộm nghĩ: Sổ của giặc là các bọn giặc lấy đi ức hiếp dỗ bảo bình dân, bắt phải theo chúng. Nhưng trong đó số người bị giặc dùng kế hãm hại, không phải là ít, cúi mong thánh minh soi thấu, khiến cho chúng được yên bề sinh sống, thì thiên hạ may lắm. Vua bảo rằng: ở trận tiền, bắt sống được chúng mà giết đi còn có lòng bất nhẫn huống chi là sổ của giặc ư? Cố nhân đốt giấy tờ đi, để khiến cho kẻ phản trắc tự được yên lòng là vì lẽ thế. Đức Nhuận lại trải bày tình tệ của lũ chánh hương hòa ở dân gian. Vua sai Nhuận sửa chữa chỉnh đốn lại. Định ra lệ chọn đặt lý trưởng. Rồi sau Nhuận lại về Bắc Thành, chợt gặp có tên giặc trốn là Nguyễn Tiên Trương trốn ẩn địa phận rừng xã Hổ Lao (thuộc huyện Lục Ngạn). Nhuận đem quân đi chặn đường bắt được. Nhuận được thăng thự tham tri bộ Binh vẫn lĩnh chức cũ.

Trước đây bọn phạm trốn ở Bắc thành đến thú hơn 200 người, hầu Nhiệm là kẻ có tội theo như pháp luật không cho thú tội. Đức Nhuận chẳng có tâu xin vua xử đoán, hoặc tự tiện cấp cho chúng làm binh, hoặc khinh suất cho người làm giấy kết lĩnh. Bộ Hình hặc việc ấy, Nhuận bị giáng làm tư vụ theo nơi thành sai phái đi gắng sức báo hiệu. Rồi sau được thăng viên ngoại lang bộ Binh, thự tham hiệp Tuyên Quang, đổi đi thự hiệp trấn Bắc Ninh.

Năm thứ 12, nhắc được bổ tuần phủ Hưng Yên, lại vì sửa đắp thành trì, chi cấp phí nhiều của công, bị cách và bồi thường. Không bao lâu, Nhuận ốm và chết.

Digitized by Google

Nhuận là người tài năng, làm việc có dũng lược, cho nên đánh giặc thường có công. Trong khoảng 10 năm, quan thăng đến chức coi một phương diện; và lại hay lưu ý đến quê hương. Nơi ấp mà Đức Nhuận ở, phàm việc gì là việc nghĩa đều bỏ của ra giúp đỡ, tuy phí tổn nhiều cũng không tiếc. Dân đến nay vẫn còn truyền nói lại.

Digitized by Google

QUYỂN 21

TRUYỆN CÁC QUAN - MỤC THỨ XI

*

Trương Đăng Quế. (Tập thượng)

Tên tự là Diên Phương, tên hiệu là Đoan Trai, biệt hiệu là Quảng Khê. Tiên tổ là người ở huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Hoàng triều Hy Tông năm thứ 10, tổ 6 đời của Quế là Đăng Trường ứng nghĩa vào trong Nam, làm quan đến cai quản, tước Nham Lĩnh bá. Nhân thế, làm nhà ở Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, trải qua 4 đời truyền nối làm quan. Cha là Đăng Trác, bức vì Tây Sơn, không tránh được mới làm chức tri phủ. Đăng Quế là con thứ, thuở nhỏ có tiếng văn giỏi.

Gia Long năm thứ 18, Quế đỗ hương tiến, là người đỗ khởi xướng ở tỉnh Quảng Ngãi.

Minh Mạng năm thứ 1, Quế do chức hành tẩu bộ Lễ, thăng lên biên tu. Vì nổi tiếng là học hạnh được sung làm hoàng tử trực học; rồi nhắc lên thị độc sung chức tán thiện. Hiến tổ khi chưa lên ngôi, cùng các công Phụng Xuân, Kinh Thuận, Vĩnh Tương, Phú Bình, đều học Quế cả. Đăng Quế giúp bảo được xứng ý, nên Thánh tổ khen ngợi, nhắc bổ lên thượng bảo thiếu khanh, quản lý công việc phòng Văn thư.

Năm thứ 11, thăng thị lang bộ Công, sung làm việc ở Nội các; lại đổi sang bộ Lễ, sung chức khảo, xét hạch giáo chức các tỉnh.

Năm thứ 12, Vua sai đi Bắc Thành chọn điểm ngạch số binh. Khi trở về, được nhắc lên tham tri bộ Hộ, kiêm quản vũ khố, sung làm chức Độc quyển thi điện, rồi thăng lên

Digitized by Google

thượng thư bộ Binh, kiêm giữ ấn triện viện Đô sát sung Cơ mật viện đại thần.

Năm thứ 14, giặc Khôi ở Gia Định, giặc Vân ở Cao Bằng, bùng nổ làm loạn, vũ thư[1] cáo cấp. Đăng Quế ngày đêm mưu tính, các việc được đúng khớp, đến sau việc yên, Quế được thưởng gia hàm Thái tử thiếu bảo sung chủ khảo trường thi Hội.

Năm thứ 16, Vua cho là 6 tỉnh Nam kỳ, sau khi mới qua biến loạn, việc binh đinh, điền thổ cần phải sửa sang nên chọn Quế làm kinh lược đại thần, Đăng Quế mang cờ tiết đến nơi chỉnh đạt ruộng đất, sửa làm sổ sách, và châm chước nghĩ làm điều khoản bắt giặc để tâu lên. Lại thấy một con đường từ cầu Tây Ba ở ngoài thành Gia Định, thẳng đến Kha Lâm, quãng giữa có bảo Xi Khê, nơi ấy đất rộng phẳng, tốt màu, là nơi hình thế rất thuận lợi. Xin đặt phủ lị ở đấy, tùy theo thế đất liên lạc, chia làm 2 huyện lệ thuộc phủ ấy. Lại đặt một bản ở sông Trọc, cùng với thành Quang Hóa, cùng làm chỗ nương tựa với nhau, để bên trong làm phên che của thành Gia Định được vững, bên ngoài làm cho tăng thêm thanh thế của Trấn Tây. Vua đều theo ý. Đến khi Đăng Quế về Kinh vào ra mắt, vua yên ủi hồi lâu, thân rót rượu ban cho; lại thưởng một đôi hình con cá bằng vàng, để tỏ ý là cá nước tương đắc. Rồi cho thăng Hiệp biện đại học sĩ, vẫn lĩnh bộ Binh, sung Cơ mật viện đại thần.

Năm thứ 17, thổ phỉ ở Thanh Hoa (nay là Thanh Hóa) quấy nhiễu, quan quân đánh dẹp mãi không nên công. Vua muốn phái 1 viên đại thần đi kinh lý, mà khó chọn được người. Đăng Quế xin đi. Vua sai Quế làm kinh lược đại sứ, và cho thị lang bộ Hình là Doãn Uẩn, bố chính sứ Bắc Ninh là Nguyễn Đăng Giai làm phó. Đăng Quế vào cáo từ trước

(1) Vũ thư: lá thư viết vào mảnh gỗ để bảo vệ về quân sự. Khi có việc cấp báo, thì trên lá thư ấy có cắm bó lông chim.

Digitized by Google

thềm, xin đi. Vua dụ rằng: Thổ dân Thanh Hoa vì giặc dụ dỗ, nên trẫm không nỡ lấy kinh đạo giết chết chúng. Khanh đến đấy, nên trước tiên phải gia ơn rồi sau lại lấy ân đi phủ dụ, khiến cho chúng biết sợ phục, Đăng Quế vâng mệnh rồi đi. Khi Quế mới đến quân thứ, thám biết là bọn giặc lan ra nhiều, mà quân ta có ít, khó bề thốt nhiên ứng tiến được. Bèn xin phái thêm biên binh ở Kinh, để thêm binh lực. Vua y cho. Về sau Quế đem quân đóng ở châu Lương Chính nghiêm đốc tướng sĩ, chia đường vây đánh. Lại tư báo cho đạo quân ở Ninh Bình họp lại đem dẹp phá được đồn địch; bọn giặc tan vỡ, trốn vào Tam Lô (ở miền thượng du châu Lương Chính tiếp giáp Man Duy, Trình Cố) và Tứ Động (ở miền thượng du châu Quan Hóa tiếp giáp Hưng Hóa) chiếm giữ ở đấy. Mà bọn giặc trấn ở châu Lương Chính vẫn còn ẩn nấp ở rừng rú. Quan quân chia đường đuổi theo, thì bọn giặc ấy sợ tan.

Đăng Quế nhân thế ngắm coi hình thế nơi đây, xin đắp một bảo lớn (gọi là bảo Ninh Lương) đóng đồn ở đấy, lưu làm châu lị ngày sau. Lại tâu nói: Sào huyệt của giặc tuy đã đánh phá, nhưng các sách ở thượng du chưa dẹp bình hết; mà tên đầu sỏ giặc cũng chưa bắt được một người nào, thì sự tìm giống thú ở rừng sâu là rất khó. Hiện lúc này truy bắt giặc phạm, tất phải trách cứ thổ dân, dùng người Man, mới mong có công hiệu. Lại cho là động Kim Lô từ trước đến nay, thân thuộc của Hà Công Đức tình nguyện đi đánh giặc, khi tới trận hăng hái xông lên trước, trước sau ra sức, không có chí khác chút nào. Nay xin mở tha cho tên phạm bị giam là Hà Công Đức (Công Đức là họ hàng với Công Kim. Công Kim khởi loạn; quan tỉnh nhân ngờ đến Công Đức, bắt giam ở tỉnh Nghệ An), giao đi quân thứ, cho hắn gắng sức báo hiệu. Nay nên sức cho, sách Kim Lũ đầu tiên; bắt sách ấy phải độ nạp súng điểu sang, chia đặt làng, ấp, để làm xướng xuất cho các sách khác. Còn ngoài ra có thể lần lượt nên công. Vua theo lời.

Digitized by Google

Bấy giờ Ngô Tài Đắc ở đạo quân Nông Cống đóng quân ở Lâm Lự, bị giặc đánh úp. Đăng Quế lại đốc quân các đạo tiến đánh liên phá được. Giặc bỏ sào huyệt trốn đi. Đăng Quế bèn đóng quân ở châu Quan Hóa. Các thổ dân ở 12 động về thú, làm sổ tiến xong. Quế cho là miền thượng du châu Quan Hóa, địa thế rộng xa, xin đắp một đồn bảo đầu để làm châu lị (gọi là bọn Tòng Hóa) đóng quân chặng giữ ở đấy. Rồi lại cho là nơi ấy khí độc quân đóng lâu không tiện, thì có chiếu cho đem quân về, chọn chỗ đóng đồn để đợi. Vừa gặp Bắc Ninh có việc bán thóc ra cho dân vua, cho rằng việc cấm phòng hơi rối, chuẩn cho Đăng Giai về Bắc Ninh. Đăng Quế tâu nói rằng: Đăng Giai từng đã cai trị đất ấy, tình thế rất rõ. Gần này đi đánh dẹp, đến đâu là có công hiệu đến đó; Các thổ ty thổ mục, lại nhiều người thành thực quy thuận. Nay sai người khác coi thay, chẳng khỏi sinh ngờ, thì công bắt giặc chưa xong, mà cái mầm dân sợ trốn lại phát ra? Sự thế được lúc này, không có Giai không thể được. Xin hãy lựa Giai lại làm việc, để nhờ được tay quen. Và lại nói: tài của Đăng Giai, thần tự nghĩ có chỗ.

Vua lại chuẩn cho Đăng Giai cứ lưu lại làm việc ở quân thứ mà khen Đăng Quế có độ lượng người đại thần. Tháng 5 năm ấy, Đăng Quế lại tiến quân đến châu Lương Chính, chia đường tìm bắt. Tên gắng sức làm việc báo hiệu là Hà Công Đức, săn bắt được ngụy trung đồn của chúng là Trương Công Mật, quản đạo của ngụy là Phạm Công Quán và bọn lũ 7 tên phạm. Nguyễn Lương Nhàn chém và bắt được bọn tả đồn của ngụy là Lang Văn Thái, tham tán của ngụy là Tạ Văn Ninh 8 tên phạm ở Lương Sơn. Doãn Uẩn phái bắt được bọn hậu đối của ngụy là Lê Yến, Lê Công Mộc; lại bắn giết được thống đồn của ngụy là Lê Phúc Hiền, và bắt sống được bọn Công Nho, Hà Công Kim, Đinh Kim Bảng đóng cũi giải đến kinh sư, thế là bọn giặc bình hết. Vua cả đẹp lòng xuống chiếu khen ngợi. Đăng Quế lại trù tính công việc làm cho sau này

Digitized by Google

được tốt, xin chia động Trịnh Vạn làm 2 xã, cùng với 2 xã Thọ Thắng, Mậu Lộc là 1 tổng, gọi là tổng Trịnh Vạn; 8 xã thôn vùng Quân Thiên, Lâm Lự, gọi là tổng Quân Nhân. Lại trích lấy tổng Như Lăng huyện Nông Cống; tổng Luận Khê huyện Lôi Dương, biệt làm châu Thường Xuân; đắp đồn ở Trịnh Vạn làm châu lị. Lại sửa đắp làm huyện lỵ Cẩm Thủy ở xã Thạch Lẫm, Vua y cho. Khi thắng trận trở về được gia thưởng kỷ lục quân công, sung lĩnh chức như cũ.

Năm thứ 19, kiêm coi Quốc tử giám, sung chủ khảo trường Thi hội; lại sung chức độc quyển kỳ thi điện.

Năm thứ 20, được tấn phong là Tuy thịnh nam, vì là trước đây Quế sung chức kinh lược Nam kỳ, khám đo ruộng đất, chia đặt nơi cửa ải bến đò lấy thuế, nên số tiền thuế được gấp 3, cho nên có mệnh lệnh ấy. Sau lại kiêm giữ ấn triện bộ Lễ.

Năm thứ 21, sung chức đổng lý coi làm ngôi sinh phần của Vua ở Hiếu Sơn. Tháng 12 năm ấy, Vua truyền gọi đến trước giường ngự dặn lại việc lớn. Đến khi Hiến Tổ Chương hoàng đế nối ngôi, hậu đãi bề tôi phụ chính, chuẩn cho Quế thự Văn minh hiện đại học sĩ, gia hàm thái bảo, quản lý bộ Binh, kiêm Cơ mật viện. Đăng Quế dâng biểu tạ. Vua phê bảo rằng: trên nêu hết đạo, để đền bù các ơn giao phó; dưới phải hết lòng, để đáp lại đi mệnh chọn dùng. Lại cho ngồi và bảo rằng: Khanh là bề tôi cố mệnh[1]. Tiên đế dặn lại để giúp trẫm. Nếu trẫm có lầm lỗi, thì khanh nên đương cường biện bạch, công nhiên can ngăn, chớ sợ chạm phải vẩy rồng[2]. Bỗng một hôm, Vua nhân bàn đến việc Trấn Tây. Đăng Quế tâu nói: Bọn thổ phỉ khởi loạn, cũng là quan địa phương xử trí không khéo, không trách được. Chất Tri xui giục được bọn ấy. Tên Yểm phản anh, phản nước, cùng quẩn phải về hàng,

(1) Cố mệnh: nhận mệnh lệnh của Tiên đế dặn lại để giúp vua sau.
(2) Chạm vẩy rồng: nguyên chữ Hán là "phê lân" ý nói: làm cho vua.

Digitized by Google

há nên cho hắn danh phận gì. Xin xét xem tên ấy về đây làm ra thế nào, triều đình sẽ tự có xử trí. Lại một hôm Vua ngự ở điện Văn Minh, nói đến việc biên giới Hà Tiên. Đăng Quế thưa rằng: nay Trấn Tây lui quân, thì Hà Tiên thế cô vị tất phải giữ được vô sự. Với Quảng Biên ruộng đất tốt màu, là bức tường che của Hà Tiên. Thần trộm nghĩ cho là không nên bỏ. Nhưng vì việc cốt yếu ngày nay, chính là phải nghĩ binh. Còn việc ấy khó khăn trọng đại, xin để từ từ định liệu. Vua đều cho là phải.

Bấy giờ, chuẩn cho bổ dùng con cái đại thần, thì con của Đăng Quế là Đăng Trụ còn nhỏ, cho ăn lương thất phẩm. Quế dâng sớ xin từ không nhận lương ấy, vua không y. Kỳ đại kế năm ấy, vua cho là Đăng Quế làm việc ở chỗ cơ yếu lâu ngày thi thố nhiều tài mưu, cẩn thận, siêng năng, cùng lòng, cùng đức, gia thưởng cho 1 cấp trác dị; lại chuẩn cho thực thụ, kiêm sung chức tổng tài ở Quốc sử quán.

Năm thứ 2, vua đi tuần ra Bắc, Đăng Quế sung chức ngự tiền đại thần. Đến khi lễ ban giao xong, ngày vua trở về dụ rằng: Đăng Quế là người bề tôi phụ tá tốt của nước, tấn phong cho tước tử, và thưởng 1 đồng kim tiền "Phan long phụ phượng"[1] hạng nhất có dây tua rủ xuống, 30 lạng bạc; lại thưởng thêm 1 cái nhẫn mặt bằng ngọc kim cương lớn của vua dùng.

Năm thứ 4, Đăng Quế vì có bệnh xin phép nghỉ. Vua thường sai trung sứ đến thăm, ban cho thứ thuốc của vua dùng, đến khi khỏi bệnh, vào tạ, Vua yên ủi hỏi chuyện hồi lâu, dụ rằng: Khanh tuổi tác đã cao, trẫm không muốn phiền đến những việc nhỏ. Nếu có việc gì trọng đại, thì cùng trẫm bàn định tại trước mặt: còn việc tầm thường ở Bộ tự có bọn đồng liêu thay cho, để khỏi phải thường ngày đến chầu hầu.

(1) Phan long, phụ phượng: xin vào rồng dựa vào phượng, ý nói nương tựa vào vua.

Digitized by Google

Đăng Quế lạy tạ, nói không dám nhận thế. Tháng ở năm ấy, ấm thụ cho Đăng Trụ hàm Hàn lâm thừa chỉ, chỉ lương cho ở nhà học tập. Đăng Quế dâng sớ xin từ đại lược nói: thần gặp thời, làm nên danh vị, lạm dự bậc cao, đức bạc quan to, đã quá bổn phận rồi. Con thần hãy còn thơ ấu chưa học mà đã có quan, không làm việc mà ăn lộc không, thần rất sợ vị thịnh mãn quá. Vua không cho, bảo rằng: Công thần đời giữ chức là thịnh điển của nhà nước, khanh cứ yên tâm. Đăng Quế sau lại tâu xin bổ dùng con cháu Mạc Thiên Tứ, để đền công mở mang đất đai khi trước. Vua y lời tâu.

Năm thứ 6, Đăng Quế lại ốm. Vua nghe tin, bảo Hoàng Tế Mĩ rằng: bề tôi trung tất nhiên yêu vua, mà yêu vua thì trước hết phải bảo vệ thân thể, Đăng Quế ngày đêm không lười biếng công việc, trẫm vẫn đã biết rồi. Ngươi nên dẫn dụ cho viên ấy biết ý trẫm, để mà yên dưỡng, chớ vội miễn cưỡng làm gì. Rồi chuẩn cho Đăng Trụ lấy con gái thứ tư của Vua là An Mĩ công chúa.

Năm thứ 6 tháng 5, tấn phong cho Quế tước bá. Lại thấy Quế là người hiền lương trung chính, đặc ân cho tấm bài bằng ngọc có chữ "Cố mệnh lương thần" và hình con giác đoan[1] bằng vàng để nêu thưởng. Sau sung làm tổng tài sửa làm tập "Thiệu Trị văn qui". Trước đây, Trấn Tây có loạn, Đăng Quế bày mưu, quyết kế, được dự có công. Đến khi loạn bình. Vua sai đúc súng để nêu công, sắc cho ghi công khắc tên vào cổ súng lớn "Bảo đại định công" sự thứ nhất. Tháng 9 năm ấy, lại nhận di chiếu để lại, lấy Dục tông Anh hoàng đế nối ngôi ông sung làm phụ chính đại thần. Di chiếu có nói rằng: Trương Thái Bảo (tức Đăng Quế) giúp trẫm lo toan trị nước đã bao năm nay, dân yên, nước thịnh, văn trị, võ thành, thường đem lòng trung lương giúp nước yêu vua, để thờ trẫm, khanh cũng nên đem lòng ấy giúp vua nối ngôi, để làm kế tốt trị yên dài lâu.

(1) Giác đoan: tên một con thú ngày đi 8.000 dặm, biết nói tiếng 4 phương, khi nào có thánh chúa, thì mang thư đến.

Digitized by Google

Đến khi Dục tông lên ngôi, năm đầu, Đăng Quế được nhắc lên Công chính điện đại học sĩ, tấn phong quận công, sung lĩnh như cũ.

Khi ấy, kinh sư và các địa phương ít mưa vua rất lấy làm lo. Bọn Đăng Quế cùng Nguyễn Tri Phương dâng sớ xin nhận tội, đại lược nói rằng: Công việc của người sửa sang, thì đạo trời ứng theo. Nay bọn thần lạm nắm quyền chính trị, kẻ giữ việc cất nhắc quan chức, thì không biết gạn lọc quan lại, để cho kẻ hay kẻ dở không phân biệt rõ ràng. Người giữ việc thuế khóa thì không biết tuyên dương ích lợi ơn trách, mà thói đục khoét chưa bỏ. Quỉ thần chỉ hưởng ở lòng thành mà người giữ việc lễ của nước, không biết một lòng kính cẩn. Nhân tình ai chẳng muốn yên nghỉ mà người giữ việc binh, không biết thương nỗi gian lao. Người giữ việc hình không biết gây mầm nhận đức, kẻ oan uổng còn nhiều. Người giữ việc công tác thì sửa làm trái lẽ, không khoan nhẹ việc làm khổ nhọc. Cái cớ can phạm đến hòa khí của trời là bởi tại đấy. Nay bọn thần không biết xếp đặt thế nào, cúi xin đợi chỉ, đem bọn thần hỏi về tội không làm trọn chức vụ. Ngõ hầu có kéo lại được lòng trời, mà sớm cho mưa xuống để thỏa lòng dân mong mỏi. Vua xem lời tâu, cùng rất tự trách mình, sau được mưa trận.

Tháng 8 năm ấy, có thuyền buôn của Tây dương cho đến cửa biển Đà Nẵng, chở hàng hóa đáng giá bạc 166.267 thuẫn[1] nguyên là trước đây có sắc lệnh cho Đào Chí Phú gửi mua các hạng vậy. Đăng Quế cho là không nên, mới cùng chánh khanh 6 bộ cùng dâng sớ nói rằng: Ngọc cung ngọc cầu của muôn quốc, đồ ngọc lụa của bốn phương, chỉ nghe có tiếng là đem đến cống hiến chứ chưa nghe nói cùng nước ngoài giao thông mua bán bao giờ. Nay đem công của nhà nông có hạn, mà đổi lấy bao nhiêu thứ hàng của phương xa, mỗi năm không

(1) Thuẫn: Tiền của nước Hàm lân, (từ nguyên).

Digitized by Google

biết là mấy vạn đồng, thế mà muốn cho dân không đói rét, có cơm áo được ư không? Lời rất thấm thiết, vua khen ngợi thưởng cho Quế 1 đồng kim tiền Phi long hạng lớn.

Năm thứ 2, bắt đầu đặt viện Tập hiền, Đăng Quế sung làm Kinh diên giảng quan. Khi giảng xong, vua truyền sai Quế lưu ở chiếu giảng, cho uống chè bàn luận đạo trị nước từ xưa đến nay. Bấy giờ nhà công chúa An Mĩ mất trộm. Viên phủ Thừa Thiên chỉ tên tham hặc thuộc viên ở các là Nguyễn Tấn cùng kẻ trộm thông đồng, và quản vệ là Lê Mậu Hạnh biết kẻ lấy trộm mà không giải; đến khi bộ Hình làm phiếu nghe có nhiều chỗ hàm hồ, cố ý dung túng. Đăng Quế cố trấp tâu lên xin đem Tấn cùng Mậu Hạnh cách chức giao xét. Viên phó ngự sử viện Đô sát Bùi Quĩ, hặc Quế là chuyên quyền tự tiện. Vua bảo rằng: Đăng Quế là bề tôi cố mệnh 2 triều, nhất tâm giữ công trung; trấp tâu việc ấy, cũng là có ý kiến trừ ác cấm gian mà nói ra. Nhưng vì, lo nghĩ trong một lúc chưa chu đáo, thành ra như có ý riêng, mà gọi là chuyên quyền tư tiện có phần hư hão. Viên đại thần ấy là người thông thạo sự thể, dám đâu để lòng như thế, Chuẩn giáng Quĩ 2 cấp, nhưng được lưu lại.

Năm thứ 3 tháng giêng, Đăng Quế khâm mạng đi duyệt binh. Kỳ đại kế năm ấy danh sách dâng lên, Quế được khen thưởng 1 cái kim khánh có chữ "tam triều thạc phụ". Chưa được bao lâu, Đăng Quế dâng sớ xin nghỉ, đại lược nói rằng: Thần trải thờ ba triều, hai lần dự làm cố mệnh, quan đến nhất phẩm, tước đầu năm bậc; hơn nữa, con trai lấy quí chúa, con gái sung làm phủ thiếp (vợ các vương) một nhà vinh hiển, từ xưa ít thấy. Thực là mộng tưởng không dám nghĩ đến, mà sự thịnh quá càng nên răn sợ. Huống chi là đương hội trang sức thái bình, mà không sáng kiến được việc gì. Tự nghĩ tấm thân suy yếu nhiều bệnh, mà không tự biết là đủ nên thôi, để cho ngôn quan[1] hặc là chuyên quyền tự tiện, biên thần[2]

(1) Ngôn quan: Tức chức ngự sử giữ việc nói, can ngăn, tham hặc.
(2) Biên thần: Quan ở ngoài biên cương.

Digitized by Google

ngờ ở năm cánh ấy, bạn bè ghét vì chuyên giữ ngôi chức mãi, sĩ phu chê là cố vị giữ địa vị lỗi tự mình làm ra, trách gì đến người? Xẻ ra đậu cành cao mà mong gió mạnh im lặng đi; đi đường tắt, mà cầu cho bước đi được yên phẳng, thì cũng khó lắm. Vua dụ lấy ý mưu dùng người cũ, chuyên trách thành công ở người đức tốt nhiều tuổi để úy lạo lưu lại. Đăng Quế lại cùng bọn Vũ Văn Giải dâng sớ xin thôi chức hàm phụ chính, đại lược nói: Thiệu Trị năm thứ 7, mùa thu bọn thần kính vâng thánh chỉ sung làm phụ chính đại thần. Sau khi nghe mệnh rạp xuống đất cảm khóc, không biết nói sao. Từ khi Hoàng thượng coi chính đến nay, chỉnh đốn trị quan, mở mang trăm việc, bọn thần thực không đủ để mong được thanh quang, chỉ lạm được tiếng khen ở đời, há không sợ đến toát mồ hôi ư? Vả lại, một chính lệnh nào, là do tự triều đình, nghĩ ra mưu mô nào là đức của vua, nếu bọn thần thực có sai bổ ích về việc sửa giúp đỡ chúa, mà nhận lấy tiếng ấy, thì cũng là mờ tối đến cái nghĩa hàm chương[1]. Huống hồ danh và thực chưa xứng, mà nghiễm nhiên tự nhận lấy, dù chẳng xấu hổ trong lòng, nhưng còn đời sau công luận thì sao? Cúi xin chuẩn cho bọn thần đều thôi chức phụ chính đại thần. Từ nay về sau giấy tờ đề tên, xin miễn cho không phải để mấy chữ ấy lên đầu nữa.

Vua bảo rằng: bọn ngươi quá khiêm tốn, thực là chân thành trẫm đã rõ rồi. Nhưng trẫm nghĩ: Chiếu của tiên đế rõ ràng tay viết ra còn mới, cẩn thận chọn người tài năng, để lại cho người đức nhỏ mọn này, chính là muốn vua tôi ta cùng nhau cố gắng, mưu giữ trị công, phàm người có huyết khí, tai mắt, ai chẳng nghe biết. Huống chi là bọn khanh, ngày nghĩ giúp thêm, mở lòng của các ngươi để thấm nhuần vào lòng trẫm. Nay nếu trẫm chiếu theo lời xin của các khanh chẳng hóa trái mệnh lệnh của tiên đế đã định sẵn ư? lòng

(1) Hàm chương: chữ ở kinh Dịch: "Hàm chương khả trích" nghĩa là phải giữ cái tốt ở bên trong, không để lộ ra ngoài.

Digitized by Google

trẫm dám tâu, thế bọn khanh tưởng cũng chẳng dám yên lòng đâu? Vậy về quan tước hàm danh, vẫn cứ để theo như trước sau không khác. Chưa được bao lâu, bọn Đăng Quế lại tâu lại lời xin trước. Và nói rằng: Hoàng thượng tuổi đương cường thịnh cố nhiên không ví như các ông Thái Giáp nhà Thương, Thành vương nhà Chu hãy còn ít tuổi, bọn thần là hạng nào, còn dám nghiễm nhiên tự kể vào hàng các ông tể, hành[1], thực không phải là lòng thần tử vạn phần tự yên lòng được một phần nào. Vua mới y cho, nhân dụ rằng: bọn khanh đều nhận chiếu mệnh, giúp thêm nhỏ mọn này, vui buồn cùng nhau, giúp nhau mưu kế. Tuy bọn khanh không dám tự nhận là Y Doãn, Chu Công, mà trẫm cũng chẳng dám tự ví như Thành vương, Thái Giáp. Từ nay về sau bọn khanh càng nên sửa điều lỗi, hặc điều lầm, bày điều thiện, ngăn điều tà. Ngõ hầu trẫm không thất được, mà khanh cũng được giữ tiếng hay lâu dài, mới không phụ nghĩa vua tôi như đầu và chân tay.

Đăng Quế lại tâu nói rằng: Khoảng năm Thiệu Trị thần được đặc ân ban cho 1 cái bài đeo bằng ngọc có chữ 'cố mệnh lương thần" thần xin lưu làm gia bảo, mà xin đình bỏ không để lên đầu quan hàm và tên. Vua lại dụ rằng: đó là ơn tiên đế chuẩn cho biên lên đầu quan hàm và tên đó từ lâu rồi. Nay nếu khanh cứ một mực nhún nhường từ chối, thì không phải là ý triều đình muốn được báo công. Vua không cho.

Năm thứ 6, Đăng Quế xin phép 3 tháng về quê tỉnh mộ. Vua làm 2 bài thơ để cho.

Phiên âm: Kê cổ hòa canh[2] đức nghiệp long,
Lưỡng triều cố mệnh ích khiêm cung.
Tình ân bổ cổn ưng vong bệnh.
Hiếu toại tu phần vị khuyến trung.

(1) Tể Hành: tức là Tể tướng như ông Chu Công, A hành như ông Y Doãn.
(2) Hòa canh: là tướng Văn Vương đời Chu (Trung Quốc) thường bảo Phó Duyệt. Nếu nấu canh thì ta dùng ngươi để làm mơ, muối để hòa vào canh; có ý nói: giúp đỡ điều hòa món canh, ví như người làm tể tướng.

Digitized by Google

Liễu mạch xuân phong trần bất động,
Vân quan dạ nguyệt mộng hoàn thông.
Nhi kim ngư, thủy vưu tương đắc,
Trú cẩm hà tu hiệu Nguy công.

Dịch nghĩa:

Từ xưa, người làm tể tướng, đức nghiệp long trọng.
Như khanh nhận chiếu thư để lại giúp đỡ vua nối đến hai triều mà càng khiêm nhường.
Có lòng giúp vua, nên quên cả ốm mệt.
Được thỏa lòng hiếu về sửa phần mộ là để khuyên người giữ lòng trung.
Dặm liễu gió xuân không hề có chút bụi trần.
Ải Văn đêm trăng vẫn mơ màng giấc mộng.
Đến nay vua tôi như cá nước tương đắc với nhau,
Cần gì phải bắt chước Hàn Kỳ ngày xưa làm đường Trú Cẩm[1] làm gì.

Phiên âm: Phong tống bồ luân[2] cựu lộ trường,
Sơn đà, thủy khoát bội tương vương.
Nhất phong từ khuyết ngôn hòa lệ.
Lục thập ninh gia phát tự sương.
Hóa hợp phần du giai tiến hiếu,
Vinh chiêm toàn nhưỡng, túc tặng quang.
Quỳ, Long[3] bất nhật hoàn xương hạp,
Tiền tịch trùng thinh luận điển chương.

Dịch nghĩa:

Gió đưa xe bồ rong ruổi lối cũ dặm trường,
Non cao sông thẳm trông ngóng bội phần,

(1) Trú Cẩm: Hàn Kỳ đời Tống làm Tể tướng được phong là Ngụy Công, rồi về làm phu ở trong làng, làm ra đường này, lấy ý là phú quí về làng cũ.
(2) Bồ luân: Bánh xe bọc cỏ bồ cho êm, dùng để đón người cao quí.
(3) Quỳ, Long: 2 vị danh thần đời Nghiêu làm tướng giúp Vua Nghiêu.

Digitized by Google

Một phong thơ từ biệt kinh sư lời nói hòa lẫn nước mắt.

Sáu mươi tuổi về thăm nhà tóc bạc như sương,
Giáo hóa khắp quê hương ai cũng hiếu thuận,
Ơn nhuần đến suối vàng đủ thêm vẻ vang,
Chẳng bao lâu nữa bậc Quì, Long sẽ trở về nơi cung khuyết.
Lại được nghe giảng bài điển chương ở chiếu ngồi giảng trước,

Rồi lại nhớ Quế, lại làm một bài thơ nữa rằng:

Phiên âm: Y nhân túc nguyện hoãn,
Duy ngã biệt sầu oanh,
Vạn cơ tuy độc tải,
Bổ cổn tư A hành,
Khởi phạp thôi, giốc khí,
Diệc thị đống lương sanh,
An nhẫn khoáng triêu tịch,
Huống phục xuân, hạ canh,
Nhất nhật do tam thu
Tam nguyệt đồng chu canh
Hồ vi luyến cố y,
Thùy thị tán thăng bình,
Trữ khan nhập tướng phủ,
Vật hiệu Nam dương canh.

Dịch nghĩa:

Người ấy đã vẹn nguyện vọng xưa, duy ta vướng vít mối sầu,

Xa cách nhau tuy là muôn việc ta tự xử đoán lấy, nhưng phải bực A hành[1] giúp đỡ, há phải thiếu người tài khí như cái rui, cái mè, cũng phải nhờ người tài đức như cái rường, cái cột chống đỡ, sao nỡ bỏ vắng từ sáng đến tối, huống chi lại bỏ vắng từ mùa xuân qua mùa hạ, vắng

(1) A Hành: Chức quan; Y Doãn làm A hành giúp Thái Giáp đời Thương.

Digitized by Google

một ngày còn coi lâu bằng ba thu, huống chi vắng đến 3 tháng thì lâu bằng 10 năm, sao lại nhớ cái áo cũ (ý nói là người cũ) lấy ai để giúp nên thái bình, sẻ lại thấy trở về vào tướng phủ, chớ nên bắt chước Chư Cát Lượng ngày xưa cày ruộng ở Nam Dương.

Sai sứ mang thơ đến thăm hỏi. Khi hết phép Quế vào chầu, Vua sai sung làm kinh lí Bắc kỳ hà đê chánh sứ và ban cấp cho sâm quế. Lại chuẩn cho hàng năm tăng thêm nửa lương nữa. Đến lúc Quế trở về, thường thường cho là mình suy yếu, xin thôi công việc bộ Binh. Vua cho lấy chức Tam công để bàn đạo trị nước, nên đặc ân y cho. Còn ngoài ra vẫn sung hàm như cũ. Phàm có việc gì đều được dự với đình thần cùng bàn, chiếu theo lệ thường chầu hầu để phòng khi hỏi han việc gì. Về sau, vì có lời xin của chính khanh 6 bộ, lại chuẩn cho Quế quản lý bộ Binh. Lúc bấy giờ, lệ các thượng ty trong ngoài về việc thuyên thăng không phân biệt kẻ hay, người dở, để đến nỗi trong hàng làm quan chưa được trong sạch. Đăng Quế bèn kiến nghị lệ sát hạch, chia tầng hạng. Phàm văn võ sở thuộc, tự cửu phẩm trở lên, cùng viên nhân làm việc ở tỉnh, chia làm 4 hạng ưu, bình, thứ liệt: Văn thì phẩm, hạnh đều tốt, nhanh giỏi xuất sắc; võ thì nghề võ giỏi giang, tinh thông thao lược, là hạng ưu, thì thăng bổ không theo thứ tự. Văn thì tài làm việc giỏi, mà phẩm hạnh hơi kém; hoặc phẩm hạnh đoan chính, mà tài làm việc không giỏi kịp; võ thì kĩ nghệ hơi am hiểu, mà sai phái đắc lực, cho là hạng bình, thì theo thứ tự mà thăng chuyển. Văn thì tài trị dân hoặc kém, mà giữ việc giáo dục được tốt; hoặc giỏi về làm việc quan, mà việc chăn nuôi dân thì không làm nổi; võ thì kĩ nghệ tuy là tầm thường, mà còn có thể sai phái được cho là hạng thứ, thì vẫn được lưu chức. Người nào tài, hạnh, kĩ nghệ, không một thứ gì khả quan, cùng là người lề mề không làm được việc, đem làm hạng liệt, thì cho mang nguyên hàm về nghỉ. Vua bảo rằng: Các điều khoản trình bày minh bạch, chuẩn cho theo lời nghị thi hành.

Digitized by Google

QUYỂN 22

TRUYỆN CÁC QUAN - MỤC THỨ XII

*

Trương Đăng Quế - (tập hạ) (phụ chép Văn Đề)

Năm Tự Đức thứ 8, Đăng Quế lại lấy là tuổi cao nhiều bệnh, làm tập tâu xin nghỉ việc để chữa bệnh. Đại lược Quế kể rằng: Sinh bình tự xét tài chính sự không kịp Đặng Văn Thiêm, giỏi văn học không kịp Phan Thanh Giản, siêng năng được việc không bằng Lâm Duy Thiếp, chất phát trọng hậu không bằng Tôn Thất Thường chỉ có chực hầu cố gắng, lâu ngày làm công. Ít lâu nay ngày càng thêm suy yếu, có ích gì cho việc chính sự. Ví dụ được ơn vua rủ lòng thương khoan dung cho, thì tự hỏi trong lòng há không xấu hổ ư? Lời lẽ thiết tha; nhưng vua úy dụ lưu lại. Rồi lại xin thôi công việc ở bộ Binh và Khâm thiên giám, nhưng vẫn giữ việc Quốc sử quán, sửa làm tập Thực lục, và sung kinh diên, Cơ mật viện như cũ, để phòng khi có hỏi han đến.

Vua cho bộ Binh là nơi quan trọng, khó được người thay vào chân thiếu ấy, nên không y cho. Lại cho Quế 1 chiếc áo choàng bào bằng hàng sa mỏng, màu cổ đồng, thêu 5 sắc thêu thêm tứ linh[1] bằng kim tuyến, để mặc cho nhẹ vừa sức tuổi già. Bấy giờ ty Đê chính Bắc kỳ hoặc xin khai sông, hoặc xin đắp đê, mỗi người giữ một ý kiến. Đăng Quế tâu nói: Việc phòng đê ở Bắc Kỳ, không đâu xung yếu bằng Hà Nội. Thần trước đây đi khám, thì các đê ở Hà Nội, Hưng Yên thường

(1) Tứ linh: 4 con giống thiêng. Tức là rồng, lân, rùa, phượng.

Digitized by Google

bị bờ lở; tuy là địa thế trũng thấp, nước chảy xói vào phải như thế, nhưng cũng tự việc đắp đê chưa kiên cố lắm, không nên hoàn toàn đổ tại dòng nước cả. Công việc ngày nay, nên đắp đê làm cần kíp, châm chước cái lẽ trời đất thừa trừ, như năm nay mưa lụt ít, mà nắng nhiều, thì trước hết, các đê ở Hà Nội, Hưng Yên, nhân thuê đắp đê, thay việc phát chẩn, mà sửa đắp cho kiên cố, còn có thể giữ được lợi vài năm. Rồi sau khai riêng lối đường sông khác, để làm kế lâu dài trăm năm, như thế mới là lo tính hoàn bị. Nếu đương lúc kho chứa thiếu nhiều, mà đem việc khai sông đắp đê làm cả một loại, chi phí đến vài trăm vạn tiền, lương, mà chỉ nhờ ở sự quyên giúp, thì không được. Vua cho là phải, sai lục bản tâu giao ty Đê chính biết mà tuân hành.

Năm thứ 12, Đà Nẵng và miền biển Định Biên có việc, Đặng Quế cùng bọn Phan Thanh Giản tâu nói: bãi binh, cho dân nghỉ; xem thời cơ nuôi ngầm sức quân lính, thì chiến không bằng hòa. Nhưng phải cần giữ cho vững đã, mà sau sẽ hòa. Lại nói: người Tây dương đến đây, nguyên về lập phố thông thương. Nay tự xin hòa, thì tình trạng coi như bức thiết. Duy chúng chiếm nhiều nơi tiện nghi, ta không nên khinh suất y cho. Huống chi, ở Đà Nẵng, thì chúng dụng ý cố chấp; ở Gia Định, thì chúng giả tảng nói điều kính thuận; việc làm phần nhiều không hợp nhau, thì cuộc hòa vị tất đã thành được. Xin sức rõ cho các nơi quan yếu ở ven biển, phải gia tâm sửa đắp, cũng là cách dự phòng trước khi có việc. Vua cho lâm phải, nhân thế vua làm bài thơ bảo Quế:

Phiên âm: Đa sự duy kim nhật.
Lư mưu chính thử kỳ,
Ninh vô trương tử trợ,
Ức hiệu Tạ công kì.

Dịch nghĩa: Ngày nay thực nhiều việc.
Thi thố mưu chước chính là lúc này,

Digitized by Google

Há không đũa của Trương Tử[1]
Hãy học đánh cờ của Tạ An[2]

Bắt Quế phải tính mưu kế cho xong việc. Rồi sai Quế đi khắp Quảng Nam bàn việc xây đắp đồn để phòng thủ. Đăng Quế lại tâu, xin dùng của dè dặt cho dân có của thừa; bớt công dịch để nuôi sức binh, chớ khinh suất thay đổi phép thường; chớ cầu sung công trước mắt. Người có trách nhiệm chăn dân, thì để có lòng vỗ yên, chớ sinh sự nhũng nhiễu; người có trách nhiệm giữ binh, thì gia tâm dạy tập, cho quân được giỏi mạnh, người giữ về thóc tiền, liệu số thu vào mà chi ra, cốt cho vừa phải. Người giữ về kiện tụng thì xét án cho đúng nước, cốt được công bằng, đúng tội. Đặt giá mua hàng thì theo thời tính giá phải, chớ hà lạm để chia nhau, làm công tác, thì vật liệu tốt, công làm kỹ, chớ lạo thạo cho xong việc. Hoàng thượng xét kẻ hay, người dở mà cho thăng hay giáng chức thì cái cơ hội thịnh bình, chí trị, tất bởi ở đấy. Vua cho là các câu nói ấy đều là quan yếu, người tân tiến không thể bì được. Chỉ mong người thực lòng, thực sức giúp trẫm, để không có lỗi lớn, thì cùng khanh có tiếng khen đến mãi đời sau.

Năm thứ 13, tháng 9, Đăng Quế lại xin giải chức về nghỉ. Đại lược nói rằng: Tự người Tây dương sang đây đã 3 năm nay, thần ê mặt với hạng quan trong triều, vì không thi thố được một kế nào để đuổi chúng lui, thì tội, tránh sao được. Lại bóng dâu gần ngả, tật bệnh liên miên, hầu như sắp chết, nghĩ thẹn vì nỗi cố giữ địa vị. Huống chi điếu tai dị

(1) Đũa của Trương Tử: Đời Hán. Lịch Tự Cơ khuyên Hán vương phong cho con cháu 6 nước; Hán vương nghe lời đúc ấn Đại Hán vương bảo cho Lương biết về việc ấy. Tự Cơ mang đi phong. Lúc sắp đi, thì Lương đến. Bấy giờ Hán vương đương ăn, Trương Lương mượn đũa để tính cho Hán vương biết là có 8 điều khó, không nên phong cho con cháu 6 nước.

(2) Cờ Tạ An: Đời Tấn, khi đánh Tần Bồ Kiên, Tạ An cử Tạ Huyền làm tướng. Khi quân Tần kéo đến đông, Tạ Huyền hỏi kế ở Tạ An, Tạ An chỉ bảo là có kế hoạch rồi, rồi đi lên núi họp bè bạn đánh cờ. Quả nhiên sau Tạ Huyền đánh được quân Tần, là do kế hoạch của Tạ An cả.

Digitized by Google

thường hiện nay thì người đại thần đáng lẽ phải bị mất chức, đuổi về làm ruộng, để khỏi người ta chê trách. Việc ấy giao xuống cho đình thần xét nghĩ. Mọi người nói xin lưu Quế lại trù liệu cho xong việc. Bèn sai mang cho Quế sâm quế và phẩm hạng, và dụ rằng: Khanh hiện nay già yếu, trẫm đã biết rõ rồi, sao nỡ cưỡng trái chí ngươi. Nhưng khanh đã được sự tri ngộ đặc biệt và sự phó thác quan trọng của 2 triều, thì đương lúc hữu sự này nên cảm ân nghĩa cố gắng, hết sức làm việc nên làm. Ví dù còn sống phút nào, cũng phải cố mưu lấy thành hiệu tí chút, hà tất tránh lời gièm pha, vị lối cổ, đánh mánh bỏ đi, thì so với cố nhân cúi mình hết sức, đinh ninh như lời trong giấc mộng, là thế nào ư? Duy trẫm chiếu theo tấm lòng thành, cũng nên châm chước. Chuẩn cho khanh vẫn giữ nguyên hàm, quản lý bộ Binh, sung Cơ mật viện đại thần, kinh diên giảng quan. Nếu công việc ở Bộ, Viện có việc gì trọng đại, thì tất phải trình bảo cho khanh biết để bàn xét ký tên tâu lên. Ngoài ra do các viên đồng sự tự làm. Lại chuẩn cho được thôi các công việc ở Khâm thiên giám, Quốc tử giám, Sử quán, cho phép lưu ở nhà riêng điều dưỡng. Đợi bệnh khỏi, hoặc hàng tuần hoặc 5 ngày một lần vào chầu, và có việc lớn, cũng dự bàn. Lại chuẩn cho được ngồi võng đến tận ngoài cửa Nhật tinh, Nguyệt anh, cho tiện vào chầu hầu khỏi phải khó nhọc, để tỏ ra lòng chu chí của trẫm ưu đãi bậc cựu thần, lẽ và tình vẹn cả hai. Khanh nên gia tâm giúp trị, hết sức sửa chữa, đợi khi thiên hạ thái bình, sẽ cho khanh được làm theo chí muốn, cũng chưa muộn gì.

Đăng Quế, sau lại dâng sớ nói: Thần không có kế gì để đuổi lui được giặc, thì xin đem số tiền gạo ăn già cho một nửa lương bổng ấy lưu lại ở kho để giúp quân phí. Vua y cho.

Năm thứ 15, Đăng Quế dâng sớ nói rằng: theo lẽ đại phu 70 tuổi thì nghỉ việc, xưa nay người làm quan nào chẳng theo thế. Nay thần 70 tuổi rồi, thêm nữa cứ đến mùa thu mùa

Digitized by Google

đông bị ho suyễn, sắp chết đến nơi. Mong ơn thương đến thần bệnh già thương cho được toàn vẹn. Đến như tình báo đáp của loài khuyển, mã, xin đợi kiếp sau. Vua phê bảo rằng: Nay đương nhiều việc khó khăn, mà khanh là phận nghĩa, trí thức của người đại học sĩ, lại muốn viện lệ xin nghỉ thì có nên không? Rồi Quế lại dâng sớ nói rằng: Thần lạm nhờ ơn nước, há chẳng nghĩ việc báo đáp cho xứng ư? Huống chi đương lúc hữu sự, dám có lòng nào? Từ trước đến nay thần tài hèn chức trọng người có tiếng chê trách, cũng đều dày mặt thuận chịu, là mong có tí chút công hiệu, để đáp lại ơn tri ngộ một phần nào; nên chậm mãi đến nay, không dám xin nghỉ. Nay công việc ở Bắc kỳ ngày đã tiệm gần đâu vào đấy rồi, vả lại, thần bình nhật, không có tài nghệ gì khác, chỉ có siêng năng kính cẩn, được sự tri ngộ của nhà vua thôi. Nhưng vì bệnh già liên miên, càng ngày càng quá thân mình không thể chăm được, còn lấy gì mà suất mọi người? Tự khi thần được thờ hoàng thượng đến nay 15 năm rồi, mà không có kiến nghị tâu bày được việc gì, để đến bốn cõi nhiễu loạn, tội chất cao như núi gò. Nếu đội ơn chiếu cốc đèn[1] được toàn mệnh vẹn xác chết đưa về làng, thì dầu những ngày thần chết đi rồi cũng như là lúc thần còn sống. Nếu khép thần về tội không làm nổi chức vụ, cách chức đuổi về, thần xin cam tâm không hối. Vua lại an ủi, lưu Quế ở lại. Bấy giờ đình thần tâu nói rằng: Đặng Quế là bậc lão thành quan thạo, trí lực tinh tường, còn có thể mưu bàn việc lớn, có nhiều sự bổ ích. Duy có bộ Binh việc nhiều, thì xin cho Quế giải chức trách quản lý bộ ấy, để được tĩnh dưỡng. Vua chuẩn y.

Đặng Quế lại dâng sớ xin giáng làm hàm thượng thư và

(1) Nguyên chữ hán là "duy cái" duy là cái màn, cái là cái lọng. Bởi điển chữ Hán là "tệ duy bất khí vì mai mã dã, tệ cái bất khí, vi mai cẩu dã "nghĩa là cái màn rách không bỏ đi, vì để chôn con ngựa, cái lọng rách nát không bỏ đi, vì để chôn con chó. Ý nói là con ngựa con chó có công với người, còn được cái màn cái lọng rách để chôn, huống chi là người công thần?

Digitized by Google

tước bỏ tước quận công. Đại lược nói rằng: Thần thẹn vì là thần đời bậc trước, đội ơn thương đến già yếu, cho phép được ngồi võng đến cửa điện, ở triều ban cho được ngồi; việc lớn được dự bàn, việc nhỏ không phiền đến, đãi ngộ chu chí như thế, thần há là thân gỗ đá mà không biết cảm động ư? Nay không cho thần là già yếu, được lưu ở lại, thần cũng không dám khiết nhiên, xin về nghỉ nữa, để tỏ rõ nghĩa thần tử, phải cùng nước cũng vui buồn, không dám có lòng nào. Nhưng xin phải có sự răn bảo, mới rõ rệt lẽ phải công cồng. Đến như đình thần nói là thần lo việc tinh tường, thì thần thực không dám nhận. Kể ra bốn cõi nhiều loạn, là sự nhục của khanh, đại phu, cúi xin hoàng thượng tự lòng xử đoán, đem việc thần không làm trọn chức vụ xin chịu tội nói trong tập tâu của thần, tuyên bố cho mọi người biết giáng làm hàm thượng thư, và tước bỏ tước quận công, chuẩn cho lấy tước bá phong trước, lưu lại ở kinh, vâng chức chầu hầu, để phòng có việc gì hỏi han đến, khiến cho thần không có băn khoăn gì đến ngôi cao trọng vọng, mà an tâm yên đợi. Còn khi có việc quân cơ cùng các việc quan trọng giao cho đình thần bàn thì thần xin theo cùng đình thần, bàn tính cho xác đúng dốc hết lòng ngu kém của thần hoặc có bổ ích được 1,2 điều chăng? Đợi khi đông, bắc xong việc, thần lại đem lời xin trước tâu lên, cho được vẹn chí xưa, thực là sự rất mong muốn của thần vậy. Nếu đã đem tuổi già yếu, may được lưu lại, mà lại ngang nhiên tự xử ở ngôi cao quý người ta trông vào xứng với ai vọng, thì thần không khỏi lại dâng sớ cố tự xử, tình tự lòng thực, mong đón thương đến kẻ già ngu mà tác thành cho được trọn vẹn. Vua không chuẩn cho, đặc biệt phê bảo rằng: Chức tước của khanh, là do ân mệnh của tiên đế. Vì nghĩ đến công cần lao của khanh khi trước, nên được tri ngộ đặc biệt, chứ không phải như người tầm thường được có thể ví được. Còn từ khi ta lên ngôi đến nay, đối với khanh chưa có chút ân nào; chỉ lấy tình lý mà đối đãi. Mỗi khi ta có việc

Digitized by Google

gì hỏi đến thì khanh thường cảm động chảy nước mắt. Ta vốn biết là vua tôi ý khí đã tin nhau, thì không đợi phải nói ra nữa. Lại cho là khanh tuổi già mà trí tuệ còn giỏi. Về các việc lớn trong nước đáng lo lắng, đáng xử đoán, khanh bàn tính vẫn thường thường trúng khớp. Cái kiến thức mạnh mẽ tinh tường ấy, bọn hậu tiến không thể kịp được. Ta trộm nghĩ, biết lòng bề tôi, không ai bằng vua, cho nên ta cứ nói thẳng, không phải khen lão đâu? Nếu bảo là lạm vị chịu trách nhiệm, thì trách nhiệm của ta sẽ như thế nào? Không những một mình khanh mà thôi đâu? Nhưng nay khanh đã hai, ba lần trình bày, thì nên đem tờ phiến tâu này giao cho mọi người đều biết, để cho mọi người biết là vua tôi ta đều tự nhận lỗi, chia trách nhiệm, đủ tỏ rõ tấm lòng. Nếu ta có chỗ nào không phải, thì cho phép can thẳng, ta đều nghe theo. Mong khanh lấy Tử Sản, Tư Mã Quang làm kiểu mẫu, nếu có việc lợi cho xã tắc thì sống cố chấp, sợ không khỏi tiếng chê trách là yêu cầu vua thì tuy xuất tự lòng chân thành, nhưng ai biết cho. Đăng Quế lại xin chỉ nhận một nửa lương thôi, vua phải cố gượng theo ý của Quế.

Tháng 11 năm ấy, Đăng Quế làm tiệc thọ 70 tuổi. Vua làm một bài thơ ban cho.

Phiên âm: Tao phùng kiêm đức kĩ
Quân thị cổ lai hi,
Khởi bất niệm lão bệnh,
Kì như đại giá hi,
Tráng du hà hạ lão.
Đồng chí mạc tương vi.
Dục tác kỳ anh hội,
Tá khan định lưỡng kỳ.

Dịch nghĩa: Tri ngộ được người cả đức lẫn tuổi,
Đều là xưa nay hiếm có,
Há chẳng nghĩ đến nhọc mệt ốm yếu,

Digitized by Google

Những ít người thay được,
Mưu kế giỏi cần gì già
Cùng chí không trái nhau,
Muốn làm hội kỳ anh[1]
Đợi khi định được hai kỳ sẽ hay.

Và cho các phẩm hạng dưỡng lão đọc sách: nhung hươu 1 đôi, nhân sâm 5 chỉ, quế thanh 2 phiến, nghiên mực bằng cẩm thạch có chữ "phúc thọ" 1 cái, bút 10 ngọn, ống bút bằng sứ 1 cái, mực hộp 4 thỏi, giấy hoa tiên tốt 100 tờ, đai vàng 1 chiếc, gậy có hình đầu chim cưu 1 cái, đồ uống chè 1 bộ, bát sứ 2 cái, chén 7 cái, đĩa 10 cái. Cái áo chống rét: hạng tay rộng, hạng tay vừa, hạng tay hẹp mỗi thứ đều 1 cái đều lót bông cả; chăn 1 bức, đệm nằm đều 1 cái, cũng lót bông cả. Hạng chừu dầy đặc màu huyền, hạng chừu hoa màu tím, hạng chừu trơn màu đỏ và trắng, dệt kiểu con mãng xà quấn trong mỗi thứ đều 1 tấm).

Rồi sau Đăng Quế nhiều lần dâng sớ cố xin luôn mãi, vua mới chiều ý cho, lại cho Quế bài thơ:

Phiên âm: Tạc nhật đồng tâm ngữ,
Kim triệu giai tổ thần,
Miễn hoàn cao thượng chí
Chung tích lão thành nhân,
Bắc cố hoài do hệ.
Nam Qui cảnh, vị tân,
Huống hồ cơ mi an định
Ngã diệc bệnh bì tân.

Dịch Nghĩa: Lời đồng tâm nói với nhau hôm trước
Sáng nay là lúc trả lại ấn thao về nghỉ,
Cố gắng trọn chí cao thượng,
Vẫn tiếc người lão thành ấy,

(1) Kỳ anh hội: Văn Lộ Công tức là Bùi Độ đời Tống, lưu giữ Tây kinh, tuổi 77, làm hội Kỳ anh có 12 ông già. (Tử Nguyên).

Digitized by Google

Nhìn phương bắc, lòng còn vướng vít,
Về mạn nam, cảnh chưa thay mới,
Huống chi thời cơ lại chửa định,
Ta cũng ốm yếu luôn luôn.

Và các hạng sâm quế, vàng, lụa. Khi Quế về, vua sai đình thần làm tiệc tiễn. Rồi chuẩn cho hằng năm chi cho Quế nửa lương, quan tỉnh đến nhà thăm hỏi. Mỗi khi tết Đoan dương, Nguyên đán, sắc cho đem lợn, rượu đến ban cấp.

Khi Đăng Quế đã về rồi, vua lại nghĩ nhớ, lại gửi cho Quế bài thơ có câu rằng:

Phiên âm: Lâm trung dị thái trường sinh được,
Lâu thượng nan cầu bất lão đan.
Vị thức Chi cùng sơn thủy tú,
Long Thành, Trúc dữ khẳng hồi khan.

Dịch nghĩa:

Trong rừng dễ hái thuốc trường sinh,
Trên lầu khôn tìm được thức thuốc bất lão.
Không biết khi chống gậy xem non nước tươi đẹp,
Có nhớ đến Thành Long, hòn Tre không?

Và chuẩn cho Quế, có kiến văn gì cùng là lo ngại gì đến việc lớn quân, quốc, thì gửi trạm tâu lên.

Đăng Quế, rồi sau tâu nói 5 điều:

Một điều là: Đường lối trị nước, cần ở dùng người. Hoàng thượng từ khi lên ngôi đến nay, thông minh, nhân hiếu, khắp thiên hạ đều biết, từng ví như Văn đế đời Hán, Nhân tông đời Tống, thần trộm cho là phải, không phải quá khen đâu? Thế mà thiên hạ chưa trị, há là cách dùng người chưa hết đạo chăng? Văn đế dùng một Trương Thích Chi, mà ngục tụng cộng bình; dùng một Chu Á Phu mà việc quân nghiêm; dùng một Thân Đồ Gia làm tướng mà ở cửa không ai đến yết kiến riêng; trong triều ngoài nội đều yên ổn. Đời Nhân Tông

Digitized by Google

(Tống), bậc quân tử đầy triều: võ thì có bọn Tào Vĩ, Địch Thanh, Trương Đức Dụng; mà người kiên như Vương (Tăng) Hàn Kỳ Phạm (Trọng Yêm) Phú (Bật) nối nhau làm tướng được đến trị an, cũng tự ở đấy. Tuy rằng đời sau, người toàn tài có ít; nhưng người ở một đời nào cũng đủ làm xong việc một đời ấy, thiên hạ chưa từng không có nhân tài. Huống chi đương nay, phía tây thì tuy cùng nước ngoài hòa, mà lòng lang sói không tin được, phía bắc tuy giặc được yên tĩnh mà dân chưa yên ở; việc tự trị, tự cường, chưa từng vội quên, thì sự dùng người thực là việc cần thiết. Xin nên cẩn thận liệu lựa chọn, tùy tài trao chức; rồi định ra thưởng phạt, cho biết khuyên răn, hết lòng với chức vụ. Như thế thì công hiệu trị an hơn đời Hán, Tống xa lắm.

Một điều là: Năm trước đây thần có nói về điềm sinh con trai chưa báo, vâng lời hoàng thượng bảo thần rằng lâu lâu về sau tất cũng có. Thần trộm lấy làm mừng, ngày đêm mong mỏi. Đến nay chưa thấy triệu gì, thần rất lấy làm lo. Đó cũng là căn bản lớn của nhà nước. Khi thần ở kinh, trên thấy hoàng thượng lo chăm mọi việc, nào xem bản tâu, nào phê tập tâu, rất là vất vả, thì về cách bồi thần, dưỡng tính chưa lúc nào rỗi có mà nghĩ đến. Rất mong hoàng thượng khó nhọc ở sự cầu hiền, mà nhàn rỗi ở khi đã dùng được người, để mà gây nuôi tinh thần, ngày thêm khỏe mạnh, thì đến sinh con trai tất cũng ứng ngay.

Một điều là: Huyện lĩnh là chức thân dân, thực không nên coi thường. Thần trộm thấy các nhân viên tôn, ấm, giám sinh vừa đến tuổi ra làm việc, chưa từng trải việc, mà đã giao cho việc trị dân, thì không khỏi tiếng chê là chưa biết cầm kéo, mà đã giao cho cắt may áo gấm. Nay nghĩ nên theo lệ xét thực, chia bổ vào các Bộ, Viện tập biết chính sự. Sau 1, 2 năm, do thượng ty xét, người nào làm nổi việc sẽ chiểu bổ, để khỏi sự bỡ ngỡ.

Digitized by Google

Một điều là: Hiện nay của dùng hơi thiếu. Xưa có Tuyên tông đời Minh hạ lệnh cho quan lại quân dân được nộp thóc chuộc tội. Kiền long thời Thanh cũng nói là vàng để làm thứ chuộc tội. Nay xin phân biệt tội nặng hay nhẹ, mà châm chước thi hành. Ngõ hầu người có tội khỏi bị giam lâu, mà quốc dụng nhân thế đầy đủ. So với lệ quyên tiền bổ quan, tưởng còn tiện hơn.

Một điều là: binh ở các vệ trong kinh đều chỉ có 40C người, đó chỉ là tạm thời, chứ không thể làm thường lệ được. Trước đây đã từng bàn, đồn bổ thêm cho đủ số vệ. Việc ấy cũng là một việc quan hệ đến binh chính, nên kịp thời định liệu là phải. Đến như việc giảm bớt quan lại, thần từng đã tâu bày rồi, không dám được nhắc lại thêm thừa. Duy người xưa có câu rằng: "Muốn quan thanh liêm, không gì bằng bớt viên chức đi, mà tăng lương bổng "cũng là lời bàn chí đáng. Nhưng việc có bớt, thì lại dịch mới có thể bớt được mà muốn cho việc được bớt đi, tất phải quan được người giỏi, quan đã được người giỏi thì phương pháp chính trị, đã được quá mức rồi. Sớ tâu lên vua phê bình: Lời tâu ấy có thể giao cho đình thần xét bàn để thi hành.

Năm thứ 17, có hai lá thư của nước Phú Lãng, và Y pha-nho xin tục thêm hòa ước, các thân phiên, đại thần bàn luận không được thống nhất. Vua sai đem ước thư ấy và bản đình nghị giao trung sứ đi ngay đến hỏi Đăng Quế. Đăng Quế tâu rằng: Trong ước thư có 2 khoản là rất quan yếu mà thôi. Về khoản cắt bỏ địa giới 3 tỉnh, thì xin tuân lời phê bảo mà giảng thuyết, nhưng cần lấy lòng thành cảm động họ, để họ tin thực, hòa hợp. Đến như về khoản bồi số bạc, thực khó nhận được, thì quyết nhiên không theo là đúng. Vua rất lấy làm phải.

Năm thứ 18, Đăng Quế bệnh nguy kịch. Vua chuẩn cho đem ngay sâm quế đến cho. Lại chuẩn cho quan tỉnh Quảng

Digitized by Google

Ngãi tới thăm, hỏi Quế muốn nói gì, có kế hoạch gì ích cho nước, thì phải sao lấy đem về nộp. Đăng Quế thưa rằng: Tôi trải thờ (3 triều) đến nay đội nhiều ơn trên tri ngộ, duyên phận đến thế, lại còn nói gì nữa. Ngày trước, tôi vâng họa bài thơ ngự chế có câu:

Phiên âm: Bình sinh hội phục tiên hiền huấn,
Phi đạo hà tằng cảm thượng trần.

Dịch nghĩa: Bình sinh học nhờ lời tiên hiền dạy,
Việc gì không phải đạo, thì không dám tấu bầy với vua.

Lúc bình sinh, sở học của tôi chỉ có thế, Nếu nhờ ơn trích ra mà dùng tưởng cũng không phải là không bổ ích tí chút. Quan tỉnh sao lời ấy dâng lên. Vua giao viện Cơ mật nhận giữ, để ngày sau biên vào sử.

Tháng 2 năm ấy, Quế chết, tuổi 72, tin báo tang đưa đến. Vua nghỉ triều 3 ngày, tặng cho hàm thái sử, cho tên thụy là Văn Lượng, cấp thêm cho 2.500 quan tiền và gấm, lụa các hạng; sai đem cho rượu của vua dùng và bài thơ ngự chế:

Phiên âm: Đại tinh nhất vẫn mã quần kinh,
Tung nhạc thê thần kỉ thế sinh.
Tứ đắc minh tinh, thư bất tận,
Lưỡng triều cố mệnh, sử tăng vinh,
Qui điền nhật sắc, khiên nhung vụ,
Kiệt tiết tâm hiềm, nại bệnh tình,
Dao tưởng hoàng tuyền di hận tại,
Mộ tiền tùng, dá hằng tây khuynh.

Dịch nghĩa:

Sao lớn sa xuống, đàn ngựa đều sợ[1]
tinh thần tụ ở núi cao, biết bao giờ lại giáng sinh

(1) Lũ ngựa kinh: Hàn kỳ đời Tống trước khi chết một hôm, có ngôi sao lớn sa xuống nơi lị sở của Kì ở, đàn ngựa ở chuồng sợ cả.

Digitized by Google

Minh tinh tứ đắc[1] xiết mãi không hết,
Cố mệnh hai triều, rất vẻ vang trong sử sách.
Thăng thú điền viên được ít ngày vì bận về việc quân
Muốn đốc lòng hết tiết nhưng hiệm vì ốm yếu làm ngăn trở
Xa nghĩ đến việc nước, dù ở chín suối còn mang hận,
Công tung, công giả trước mà có chịu nghiêng về phía tây không?[2]

Quan tỉnh ấy khâm mạng đến nơi ban rượu, tuyên thơ đốt giấy vàng sao cáo sắc phong tặng. Ngày đem chôn cất, lại sai quan đến tế một đàn, và phái biền binh xây dựng phần mộ, trồng bia đá, khắc chữ "Lưỡng triều cố mệnh lương thần Trương Văn Lương chi mộ". Nghĩa là mã của ông cố mệnh 2 triều là Trương Văn Lương. Lại ban cấp cho 3.000 quan tiền để làm từ đường. Ba năm hết tang, đình thần tâu nói: Đăng Quế đương lúc nhiều việc, lấy cớ về già nghỉ, không được thủy chung giúp việc, chẳng khỏi đáng chê. Nhưng đại thần ấy là công trung, huân lao, kì cựu đã được lời tiên đế dạy cho được cùng theo vào nhà tông miếu, mà ngày Quế xin hưu là bởi tự có bệnh, xin nên liệt vào cúng theo ở nhà tông miếu, để tỏ ra đạo hậu. Vua bảo rằng: Trẫm đâu dám trái thành mệnh (của tiên đế). Nhưng xét các danh thần được cúng theo vào tông miếu là trước sau đều tốt cả, có công với nước, đối với trên không phiếm, đối với dưới không thẹn, có tiếng hay để muôn đời. Như Đăng Quế thì trù nghĩ cơ mưu, giúp nên chính trị, công lao, tài năng rõ rệt. Vì nỗi khi tuổi già, chợt gặp biến loạn ngoài ven mà Quế lại lấy cớ già yếu, 2, 3 lần xin nghỉ, thế về nghĩa vua lo tôi phục có chỗ chưa hợp, thì việc cho cúng theo vào nhà tôn miếu ấy tạm hãy hoãn lại. Đợi khi thu phục nơi biên cương cũ, rồi sẽ chuẩn cho thi hành, mới hợp.

(1) Tứ đắc: được ca danh, thọ, vị, lộc.
(2) Phía tây: ở bài thơ này chỉ vào Tây dương.

Digitized by Google

Năm thứ 22, tiết tứ tuần đại khánh, vua lại nhớ đến Quế, sai quan đến tế tại nhà.

Năm thứ 28, dụ rằng: mệnh lệnh của tiên đế đã định, không dám trái lâu, đức cũ không nên không báo viên đại thần ấy (tức là Quế) có công với xã tắc, tuy lúc tuổi già gặp biên giới có biến loạn, không biết phòng trước ngăn giữ. Nhưng đem điều hơn, trừ với điều kém, thì vết đen vẫn không che lấp được chất sáng của Ngọc Du, chuẩn cho bộ Lễ chọn ngày tốt làm nghi lễ, cho Đăng Quế được bầy vào cúng theo ở án thứ 7 nhà Thế Miếu.

Đăng Quế, mũi như quả mật rủ xuống, tiếng to như tiếng chuông lớn. Thuở nhỏ thông minh; lúc lớn lên đi du học ở Tràng Yên, đến Hải Vân quan đề câu rằng:

Phiên âm: Tĩnh đối đông minh duy hữu thủy.
Hồi khan nam nhạc cánh vô sơn.

Dịch nghĩa: Lặng đối biển đông duy có nước,
Nhìn về nam nhạc lại không có núi nào.

Có người đã đoán là Quế có khẩu khí làm đến tể tướng. Khi Quế mới ra làm quan, lúc rỗi việc quan xem rộng các sách, học vấn sâu rộng. Hai thân vương Thương Sơn, Vĩ Dã[1] và hoàng thân, các công, thời thường đến hỏi Quế những chỗ nghĩa sách khó hiểu, và đem thơ văn nhờ Quế sửa chữa. 3 công chúa Nguyệt Đình, Diệu Liên, Huệ Phố cũng thường đưa phong thơ nhờ Quế sửa chữa hộ, tự xưng là học trò con gái của Quế. Quế lúc làm quan, giữ mình khiêm tốn, chính trực, kiến văn nhiều, xử đoán khéo, trải làm quan hơn 40 năm, ngồi ở chức tể tướng; thế mà ăn mặc giản tiện sơ sài, không khác gì lúc còn chưa làm quan, và lại có tính siêng năng như bộc sạ họ Phòng (tức Phòng Huyền Linh) có mưu trí như Ngụy Công họ Hàn (tức Hàn Kỳ) đã biết thì không điều gì

(1) Thương Sơn tức là Tùng Thiện Vương, Vĩ Dã tức là Tuy Lý vương đều con Minh Mạng.

Digitized by Google

không nói, đã nói thì không điều gì không nói hết lời. Triều đình lấy làm ý trọng, các tiên thánh vốn vẫn chọn dùng.

Năm đầu Hiến tổ Chương hoàng đế nối ngôi, có dụ rằng: Đăng Quế ở khoảng đầu năm Minh Mạng hoàng khảo ta nghĩ việc nối ngôi, thừa tự là trông chọn kỹ chức sư phó để giúp dạy người thơ ấu này rèn luyện 9 năm, đến được thành tựu, lòng hoàng khảo ta vui mừng lắm. Đến khi Nội các mới đặt, gọi vào làm việc, thừa chỉ được tinh tường, công việc được thanh thỏa. Khi viện Cơ mật bắt đầu dựng lên, lại sung làm đại thần, mở rộng qui mô, giúp việc quân đốc, đi kinh lược tỉnh Thanh, quyét sạch bọn cướp giặc; đi đạc điền ở miền Nam, làm lợi cho dân, cho nước. Nên kỳ đại kế xét công, Quế thường được lên điển vinh phong cho nối đời tập tước, lâu mãi đến khi sông cạn núi mòn. Lại cho thêm hình đôi cá vàng, càng tỏ ý vua tôi tương đắc, kịp đến lúc tiên đế bệnh nguy, gọi kẻ tiểu tử này đến nơi cầm tay dụ trước mặt rằng: Đăng Quế thờ trẫm 21 năm đến nay, hết tiết thần tử, một mực công trung, bày mưu nơi màn trướng, việc quân ra sức chốn triều đình biên giới, thực là người đại thần kỳ cựu. Ngươi phải nghe lời can, theo kế định, sau này cho Quế được bầy thờ vào thế chất (tức nhà tông miếu). Khi ấy ta đau đớn không nguôi, giơ tay lên trán, ghi nhớ trong lòng. Nay khanh phải tuân lời di chỉ, để giúp ta những điều không nghĩ đến. Đăng Quế kính tuân lời dạy, trong khoảng 7 năm, hết lòng phụ tá, thường được ban khen.

Đến khi Dực Tông Anh hoàng đế nối nhận nghiệp lớn, mở đặt kinh diên, sai Quế sung làm giảng quan. Một hôm tiến giảng sách Trung dung, đến chương trí nhân dũng, vua hỏi chữ dũng chiếu theo 5 lẽ thường thì là chữ gì? Quế thưa rằng: chữ dũng tức là nghĩa, tức như Luận ngữ bảo rằng thấy nghĩa không làm, thì không phải là dũng. Vua bảo là phải. Lại thường dụ rằng: Đăng Quế, làm đại sự mà chẳng hồ đồ,

Digitized by Google

trước sau không khác; bày đạo thiện để giúp đã thông cần lao, cẩn thận không đổi. Sau Quế vì già yếu, viện lẽ xin về. Vua lại xuống dụ an ủi để lưu lại, nói rằng: làm quan ở đời, cố nhiên có người biết đủ thì không nhục, biết thôi thì không nguy; cũng có người gắng gượng làm việc không dám kêu ca khó nhọc, vì là tùy thời mà tiến thoái chưa từng cố định. Nay như đức và vị của khanh, mà cứ muốn rảnh mình vội lui, thì có 5 điều không nên:

Kinh Lễ nói rằng: 70 tuổi nghỉ việc, thì điển lệ của bản triều cũng như thế. Nhưng xét đời xưa: Bùi Tấn Công (Bùi Độ) cảnh già lẩy bẩy, còn vào làm trung thư, Văn Lộ Công (Văn Nghiêu Bác) cựu thần đức cả, còn dự bàn việc nước. Lại xét đời nay: Vũ Xuân Cẩn đến tuổi thọ trí thiện[1] mà không bỏ trống ngôi quan; Trần Văn Trung thọ đến tuổi trao xe (tức là tuổi 70 về hưu) mà vẫn kính cẩn chức vị. Việc có thể chứng nghiệm, phép không phải nhất định. Như khanh năm nay vừa mới hơn 60 tuổi, chưa đến kỳ hưu; so với các người kia, há rằng già lắn gì? Lại so với bọn cùng làm việc như bọn Đặng Văn Thiêm, Phan Thanh Giản, Lâm Duy Thiếp, tính tuổi cũng gần như nhau. Huống chi khanh, ngồi ở bậc trên, ai cũng trông vào, sao độc một mình khiết nhiên quyết ý rảnh mình rút lui ư? Đó là 1 điều không nên.

Năm trước đây, trẫm hầu ốm ở tẩm môn, làm vui ở dưới gối, được hoàng khảo ta đặc biệt chọn bậc giỏi lưu lại giúp kẻ đức mọn này, tiếng vàng ngọc còn văng vẳng bên tai, nét chữ tay viết còn ướt, thế mà mới được 8 năm tròn, khanh đã vội quên mệnh lệnh đã định ấy. Đó là 2 điều không nên.

Trẫm đương tuổi nhỏ, kiến văn còn ít, mọi việc chưa quen, mưu dùng người cũ, để giúp đỡ những điều ta chưa nghĩ

(1) Trí thiện: đưa món ăn; ở kinh Lễ, thiên Vương chế: Việc nuôi các người già, người 80 tuổi, thì hàng tháng vua sai người đưa món ăn đến và hỏi xem có còn sống không? 90 tuổi, thì ngày nào cũng sai người đưa món ăn thường đến.

Digitized by Google

đến. Phàm khanh có dâng điều hay, bỏ điều dở ta không điều gì là không nghe theo, thì có ngại gì, hại gì mà khanh nỡ phụ ơn tri ngộ? Đó là 3 điều không nên.

Khanh trải nhận mệnh lệnh của 2 triều dặn lại, quý mến ân sâu, lại đương sung chức tổng tài ở Sử cục, sửa soạn tập Thực lục 2 triều, bản thảo chưa xong, thì lấy gì để đền báo. Đó là 4 điều không nên.

Người làm tôi đem nhân tài thờ vua, tiến người hiền là hơn cả, thế mà chưa nghe thấy khanh tiến một người quân tử, lui một kẻ tiểu nhân nào? Chỉ biết điềm nhiên xin rút lui, không nghĩ đến lo xa. Đó là 5 điều không nên.

Vả lại, khanh bảo là bệnh, chẳng qua là phong hàn cảm nhiễm. Nếu như thế, thì chỉ độ mươi hôm rồi qua khỏi thôi. Vả lại ăn uống như thường, tinh thần tỉnh táo, xử đoán việc cơ mật, quen hiểu tinh tường, tuy người thiếu tráng, chưa thể theo kịp. Nguyện không thể so bì như Mậu Hoằng[1] hèn yếu, Cát Ky[2] già lẫn, sao lại chỉ có lời than về 4 điều không bằng người mà quên cái ơn 5 điều không nên? Khanh cứ dâng chương sớ luôn mãi, há vui lòng người. Ví thử ta cố được chiều theo lời xin, thì không những lòng trẫm không nỡ bỏ khanh, mà còn công luận thì sao? Khanh há không biết người hết sức chân tay, gia thêm tiết tháo trung trinh là ai?[3] Người cúi mình hết sức khó nhọc, đến chết mới thôi là ai ư?[4] Mấy người ấy há không biết đường lối sáng suốt khôn ngoan để giữ thân ư? Sao họ lại chăm sóc ân cần như thế? Bởi vì lòng họ vì công quên việc tư, vì nước quên mình, giàu tình mến chủ, già càng thêm mạnh. Nên có câu nói là người tôi trung không khi nào vì mình trước mà sau đến nghĩ đến vua, thực là đúng lắm.

(1) Mậu Hoằng: tên tự của Vương Đạo đời Tấn.
(2) Cát Ky: chưa rõ là ai.
(3) Tức là lời của Tân Tức người đời Tấn thời Xuân thu.
(4) Tức là lời của Khổng Minh đời Hậu Hán.

Digitized by Google

Khanh học rộng, xem nhiều, công trau dồi cũng lắm; sao chẳng nghĩ một chút, chớ nên cố chấp ý kiến của mình. Nay trẫm đinh ninh dỗ bảo, không phải là không muốn làm thành pháp độ rất chính, để khuyên dạy đường lối làm quan. Nhưng vua, tôi khó được người tương đắc với nhau, phận nghĩa rất thân. Cho nên trẫm không biết là trẫm nói quá nhiều có ý quá kính nữa. Khanh nên thể theo lòng trẫm cố gắng giữ chức, sửa chữa chỗ ta thiếu sót, cất cử người hiền tài. Khanh có đau yếu thì ta chữa trị cho, khanh có lầm lỗi, thì ta tha thứ cho được vẹn toàn để trên yên chí tiên đế, dưới ân thấm dân sinh. Khiến cho muôn đời sau này đều biết vua tôi ta một sức một lòng, trước sau không khác. Đợi sau này tuổi đến 70, trong triều nhiều người tài giỏi, bấy giờ muốn làm cuộc ngao du ở Lục Dã[1] Kỳ anh thì ta sẽ y theo, cũng chưa muộn gì?[2]

Khi Quế đến lệ tuổi hưu, thường thường dâng sớ kêu xin. Nên vua không muốn trái ý mãi mới y cho. Ngày Đăng Quế về, đình thần đặt tiệc tiễn ở bến sông Hương. Hoàng thân, công chúa cũng đặt tiệc tiễn ở đình tiếp khách của Thương Sơn Công. Thơ văn tiễn tống không kém một nghìn bài. Người bấy giờ truyền là một việc vẻ vang lớn về thần tử nước Nam. Sau khi Quế về, lòng thường nhớ vua, có nghĩ được việc gì, thời thường tâu lên vua biết. Tấm lòng yêu vua lo việc nước, trong lúc làm quan hay về nghỉ, vẫn trước sau chu chí như một. Đương khi Quế tại triều, chỉ nghĩ đến đem người hiền để thờ vua. Mỗi khi có dẫn tiến người nào, không từng cho ai được biết. Huống chi lại giữ mình trong sạch như cái bình đựng bằng, lấy tính hòa nhã đối với người, độ lượng khoan rộng, có phong thể bậc đại thần. Các danh thần lúc bấy giờ, như tráng liệt bá Nguyễn Tri Phương, mà vua cũng bảo là phong độ không bằng Quế. Sau khi Quế chết, hoàng thượng

(1) Lục Dã đường của Tống. Bùi Độ lập ra.
(2) Kỳ anh hội của Văn Nghiên Bác lập ra.

Digitized by Google

thương nhớ, triều đình lấy làm tiếc. Các hoàng thân, công chúa và sĩ phu trong ngoài đều làm thơ văn câu đối đem đến phúng. Về sau Tùy Lý vương vâng chỉ soạn bài văn bia ở mộ khắc vào đá dựng ở trước mộ. Ấy là Quế làm cho người ta cảm mộ đến, như thế. Quốc triều trung hưng đến nay, trước sau tri ngộ, tiến thoái vẹn cả đôi, như Đặng Quế, tưởng cũng ít thấy. Quế bình sinh trước tác các văn thơ. Người ta thường suy tôn là bình hòa điển nhã. Có tập thi văn "Quảng khê" lưu hành ở đời.

Đặng Quế có 5 con trai: Quang Trụ lấy công chúa bổ phò mã đô úy, tập phong tước hầu, đến niên lệ nghỉ việc. Quang Đản đỗ tú tài bị cử đi theo quân thứ; vì có quan công, nên trải coi giữ một phương diện, tham tán quân vụ, thăng thụ thái tử thiếu phó, Đông các đại học sĩ, sung phụ chính phủ, Cơ mật viện đại thần, sau vì tuổi già chuyên sung chức Sử quán tổng tài kinh diên giảng quan, quản lí Quốc tử giám. Khi tuổi 68, viện theo lệ mới về chí sĩ, hiện ở Quán. Văn Đễ, vì ấm thụ, quan đến tham tri bộ Binh, có truyện riêng. Quang Du, bổ Hàn lâm viện biên tu, thương viện tỉnh vụ Quảng Ngãi. Quang Duyệt, bổ Hàn lâm cung phụng.

Con Quang Trụ là Quang Chử cũng lấy công công chúa. Con Quang Đản là Quang Kì đỗ hương tiến, quan đến trước tác; Quang Ý làm hành tẩu viện Cơ mật.

Cháu Đặng Quế là Đặng Trinh đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Dần năm Thiệu Trị, cũng là người đỗ đại khoa đầu tiên của tỉnh Ngãi, quan đến Nội các tu soạn.

Văn Đễ có tài biện, phóng khoáng, không câu thúc. Năm Tự Đức thứ 18, được ấm thụ chủ sự, lĩnh viên ngoại lang bộ Binh sung đồng lí Ninh Bình. Năm thứ 21, phía Sơn Bắc tỉnh Sơn có loạn ở biên giới. Đễ cùng anh là Quang Đản, mộ dũng theo đi đánh giặc, bang biện tỉnh vụ Sơn Tây. Chưa bao lâu, được nhắc lên thị độc học sĩ, sung chức tán tương quân thứ

Digitized by Google

Tam Tuyên, thường có chiến công, được thưởng một chiếc kim khánh. Năm thứ 25 cùng với thống đốc Hoàng Tá Viêm, không bằng lòng nhau, cáo ốm xin nghỉ. Vua không cho. Đến khi trận đánh ở cầu Phong Đăng, Để cùng ông tham tán Ông Ích Khiêm tự do tiến quân, dừng quân, không theo tướng lệnh (việc chép ở truyện Ích Khiêm). Khâm mệnh là Nguyễn Tri Phương đem việc tâu lên, bắt giải về kinh, rồi chuẩn cho được cách chức giao đi quân thứ, ở Tuyên gắng sức làm việc báo hiệu. Năm thứ 27, bọn Mai, Tấn ở Nghệ An nổi loạn, lan đến Thanh Hóa, tham tán quân thứ Sơn Tây là Lê Thuyết (nguyên là Tôn Thất, đổi theo họ của mẹ) đem quân sở bộ chuyển đi hội đánh, mang Để đi theo. Thuyết tâu xin cho Để quyền sung chức tán tương, để nhờ bàn giúp. Đến khi bọn Mai trốn ẩn, Để lại trở về quân thứ ở Bắc, cùng đề đốc Nguyễn Văn Hùng đánh giặc ở xứ Yên Viên, Đông Lỗ, bắt chém tên đầu sỏ bọn giặc là tên Trận. Để được khai phục hàm thị độc, sung tán quân thứ tỉnh Thái Nguyên. Năm thứ 29, đổi lĩnh sơn phòng tiểu phủ sứ ở Ngãi Định. Năm thứ 23, đội trưởng đội dịch Mên là Nguyễn Tăng Đoan đi nước Mên, mua bán rồi cùng (người Mên) giao thông tin tức với nhau. Để dụ bắt được Đoan đem chém trước, sau mới tâu lên. Vua cho là Để tự tiện chém giết, bắt tội, lại cách chức, theo đi quân thứ ở Tuyên gắng lực chuộc tội.

Năm thứ 35, Hà thành có loạn. Vua cho là: Thanh Hóa là nơi quê vua quan trọng, mà Để am hiểu, giỏi việc, cho mượn hàm biên tu, sung thương biện tỉnh ấy. Đến khi phế đế lên ngôi, Để được triệu về, nhắc lên Hồng lô tự thiếu khanh, biện lí bộ Binh. Rồi sau quyền thần là Nguyễn Văn Tường, Lê Thuyết tự tiện làm việc phế lập. Để cùng Ích Khiêm có dự mưu vào việc ấy (chép rõ ở truyện Ích Khiêm).

Đầu năm Kiến Phúc, Để được thăng bổ thị lang. Chưa bao lâu, thăng tham tri.

Digitized by Google

Hàm Nghi năm thứ 1, kinh thành có việc. Hàm Nghi để xiêu giạt ra ngoài. Để theo đến sơn phòng Quảng Trị, vì bị ốm lưu ở phủ Cam Lộ. Sau vâng ý chỉ của 3 cung đi đón xa giá về kinh. Để đương ốm cố sức đi theo. Nhưng bấy giờ Thuyết đã đem xa giá đi xa, Để theo không kịp, phải lui về, rồi ốm chết ở Quảng Trị.

Đồng Khánh năm thứ 1, đình thần cho Để là phụ họa với quyền thần, xử tội, tước hết chức hàm. Kịp đến năm hoàng thượng (tức Thành Thái) nối ngôi, năm thứ 2, Quang Đản dâng sớ kêu là Để bị oan. Vua chuẩn cho Để được khai phục nguyên hàm.

Văn Để giữ tính nghiêm khắc, cùng người ít có hòa khí. Dực Tông Anh hoàng đế, thường cho Để là ít học, lại tuổi trẻ tính nóng, răn dạy Để. Ngày Để chết mới 49 tuổi.

Digitized by Google

QUYỂN 23

TRUYỆN CÁC QUAN - MỤC THỨ XVII.

*

Nguyễn Tri Phương (Tập thượng).

Nguyễn Tri Phương tên cũ là Văn Chương, tên tự là Hàm Chương, tên hiệu là Đường Xuyên. Người cha sinh ra thường lấy thi lễ khởi nghiệp nhà. Nhà hơi phong phú, mỗi khi gặp năm đói kém, thường chu cấp cho thôn làng, người đều cảm ơn.

Tri Phương thuở nhỏ lỗi lạc, đã có chí, tuy không học về lối cử nghiệp[1], nhưng các sách Chương thư, Hiếu kinh, Luận ngữ, Tả truyện phàm lời nói hay, việc làm tốt, đáng làm phép tắc, thì Phương thường ghi chép cả.

Cuối năm Minh Mạng, Phương lệ thuộc vào thư ký bộ Hộ. Một hôm Phương đến yết kiến viên đại thần là Nguyễn Đăng Tuân. Tuân thấy Phương diện mạo có vẻ lạ, bèn sai cởi áo để xem tướng và bảo rằng: Ta xem người đã nhiều, duy có ngươi cùng con trai ta là Đăng Giai tướng sa tốt, nhưng ngươi có phần tốt hơn. Về sau Phương vì văn học được cử lên, nhận chiếu thư vào Nội các, sung làm biên tu phòng văn thư, rồi thăng thị giảng học sĩ, sung biện việc Các. Năm thứ 12, thăng thị độc học sĩ. Năm thứ 13, vì trước đây đi Lã Tống[2] mua hàng hóa không xứng chỉ, bị giáng làm viên ngoại lang. Năm thứ 15, thăng Thượng bảo khanh, sung vào Nội các, trải thăng thị lang, sung đi việc công ở đảo Tân Lang thuộc Giang Lưu Ba.[3] Khi làm xong việc trở về, vẫn sung làm việc Các.

---

(1) Cử nghiệp: Học lối khoa cử.
(2) Lã Tống: Lung An.
(3) Giang Lưu Ba: Nam Dương.

Digitized by Google

Năm thứ 16, phụng mệnh đi đến quân thứ Gia Định để xét hỏi tình hình. Bấy giờ bọn lũ của giặc Khôi còn lại vẫn chiếm giữ thành Phiên An. Các tướng bàn tính việc đánh thành ấy, làm xong, thì Tri Phương chợt đến, dâng sớ xin tạm lưu lại ở quân thứ để hiệp cùng đánh giặc. Vua y lời tâu. Đến ngày đánh thành, Tri Phương đánh ở phía tả, đốc quân lên trước, quân các đạo đánh trống reo hò mà tiến lên lấy lại được thành. Tin thắng trận tâu lên vua mừng lắm, cho là văn thần mà biết việc quân, nên khen thưởng cho Phương 1 tấm bài đeo bằng ngọc trắng.

Năm thứ 18, được gia hàm tham tri, sung Cơ mật viện đại thần, cùng Lê Bá Tú sung vào tuần tra phủ ở Nội vụ; vì không biết xem xét kỹ, nên bị khiển trách, rồi sai thượng thư là Hà Duy Phiên đem quan ở khoa đạo đến đối chiếu tra xét, thì trong số có khoản Các thần phiếu tâu xin đấu giá bán thứ vải Tây Dương hạng ô. Duy Phiên bảo rằng: vải ấy là nguyên phái Tri Phương đi mua, phần nhiều có vết ố. Nay lại đem vải ấy xin bán đấu giá không khỏi có sự quan ngại. Tri Phương quát lên rằng: Đó là việc của chủ thủ, sao ông lại khắt khe như vậy? sống hay chết họa hay phúc, là tự ơn vua, sau này chẳng qua chỉ để nối hiệp hiềm báo phục mà thôi. Duy Phiên đem việc ấy hặc tâu. Vua cho Phương là bậc quan nhỏ dông dỡ, sai cách chức, giao xuống bộ Hình nghị tội. Vua lại hỏi trước mặt Phương rằng: Ngươi đáng phải tội gì? Phương phục xuống đất khóc, kêu xin chịu tội chết. Khi đình nghị dâng lên, cho là Phương mắng lại chế sứ, gia buộc nghị tội đó. Vua cho là Phương nhiều lần sai phái chịu khó nhọc, gia ân giáng làm thư ký phủ Nội vụ. Mùa đông năm ấy được khôi phục chức chủ sự, sung lang trung, hộ lí ấn quang phòng phủ Nội vụ.

Năm thứ 19, thăng bổ tả thị lang bộ Lễ, sung làm việc Nội các, cho ăn lương theo lệ tòng Nhị phẩm.

Digitized by Google

Năm thứ 20, gia hàm tham tri, vẫn chi lương tòng Nhị phẩm.

Năm thứ 21, quyền thự tuần phủ Nam Ngãi. Khi Tri Phương vào từ biệt trước sân xin đi. Vua dụ rằng: Người đến đấy phải trù tính làm công việc ở Đà Nẵng xây thêm pháo đài. Khi Phương đến tỉnh lị, xem xét hình thế, rồi dâng sớ nói rằng: Đà Nẵng là nơi cương giới quan yếu, ở cõi biển, nên đặt thêm đồn và đặt súng lớn, để làm phòng bị. Vua y lời, Phương sửa làm các thuyền, chỉnh đốn việc tỉnh lị. Vua khen và thưởng cho kỉ lục một thứ, rồi thăng tả tham tri bộ Công.

Năm Thiệu Trị thứ 1, hộ lí Tổng đốc An Hà. Trước đây, thổ phỉ phủ Ba Xuyên, tỉnh An Giang nổi loạn. Nguyên tổng đốc là Dương Văn Phong đi đánh dẹp bị thua ở Sóc Chăn, nên vua đặc biệt chọn Phương để thay và giao cho việc dẹp giặc. Khi Phương vào trước sân cáo từ xin đi. Vua úy lạo rằng: Khanh giữ lòng trung cẩn, chuyến đi này, không phải là trẫm đem việc khó giao cho khanh đâu? Chính là trẫm muốn lấy việc ấy làm chỗ lập công của Khanh, và là chỗ Khanh đền công trẫm đấy. Bấy giờ, khí nắng đang dữ, vua chuẩn cho Phương được nghỉ tắm gội 2, 3 ngày, rồi tức thì khởi hành. Tri Phương khi mới đến quân thứ, cùng với chưởng vệ là Nguyễn Lương Nhàn hội bàn, cho là quân ta mới đến. Khí mạnh đang hăng, đánh là tất được. Phương bèn lấy nghĩa khí kích khuyến quân sĩ ở quân môn, mọi người đều ứng theo lời nói, xin hết sức cố chết để đánh. Bấy giờ mới ghép vào đội ngũ, chia làm 3 đạo, đánh giặc ở Trà Tâm, Sóc Chăn, phá được mấy trận liền. Tin báo thắng trận dâng lên, Vua bảo rằng: Kích lệ khí thế của quân sĩ, làm hăng hái lớn oai thanh đầu tiên, thực là Phương không phụ lòng ta lựa chọn vậy. Thưởng cho quận công một cấp. Đến khi các đồn ở sông thuộc hạt Hà Tiên bị giặc đánh phá, đưa thư đến Ba Xuyên cầu viện. Tri Phương ủy cho Lương Nhàn để binh đến tiếp viện;

Digitized by Google

còn tự mình đem biền binh đến ngay sông Vĩnh Tế, mà thông đường sông, đặt đồn đóng giữ, để tin tức cùng thông nhau cho nghiêm việc phòng bị. Phương lại đánh phá được giặc ở Tượng Sơn. Rồi đem quân về Ba Xuyên đốc đồng với Tôn Thất Nghị tiến đánh Sóc Chăn, thừa cơ ban đêm đánh úp trại Thông của giặc, được thắng trận to. Vua lại thưởng cho kim tiền. Có một hôm vua bàn đến việc Trấn tập, báo phụ thần là Trương Đăng Quế rằng: Nguyễn Tri Phương ở Ba Xuyên, thanh thế hơi lừng lẫy. Phương lại cùng với Nguyễn Tiết Lâm, Tôn Thất Nghị chuyển quân đến Lạc Hóa tiến đánh giặc Man ở Súc Thu Tu Manh thuộc Tiền Giang, và các Súc Bông, Bột Đà thuộc Hậu Giang, gồm hơn 10 trận đánh, đều thắng cả, lấy được hơn 10 sở đồn của giặc, phá tan các kho chứa của chúng, để cấp cho dân nghèo. Người nước Thanh và người Kinh đầu hàng được nhiều. Vua cho là Phương biết dùng cả đánh dẹp và vỗ yên, rất khen ngợi. Bấy giờ quân ta hăng hái tiến lên, đầu mục giặc là Lâm Sâm quẫn bách trốn về các xứ Cổ Lũy, Đằng Lâm, đắp lũy cố chết chống cự lại. Quân các đạo hợp sức lại vây đánh, cả phá đạo giặc. Thế là Lạc Hóa bình được hết giặc. Trước đấy Tri Phương dẹp yên Ba Xuyên; vua sai chuyển quân đi hội đánh Lạc Hóa, cho bài thơ rằng:

Phiên âm: Vũ tẩy binh tiêu hiệp sở vân,
Giai chương liên tiếp, tiệp trì văn,
Công kì vô bị lương mưu tướng,
Dũng các tranh tiên, bất hám quân,
Ô hợp tam thiên giai phách tán,
Hoàng Trì bách sách tận thi phân,
Thừa cơ phá trúc thu toàn thắng,
Lạc Hóa di sư, kiến đại huân,

Dịch nghĩa:

Đúng như câu nói: mưa đến đâu rửa sạch đến đấy, quân đi đến đâu tiêu diệt đến đấy,

Digitized by Google

Chương sớ liên tiếp báo tin thắng trận,
Đánh vào chỗ không phòng bị là làm tướng có mưu giỏi,
Hăng hái tranh nhau lên trước là quân không lay động nổi,
Ba nghìn quân tụ họp như đàn quạ đều mất vía chạy tan,
Kẻ phản nghịch trọng sao trái sách đều bị phanh thây,
Thừa sơ đánh phá dễ như chẻ tre thu được toàn thắng,
Chuyển quân về Lạc Hóa lập được công lớn.

Rồi thăng thự tổng đốc Long Tường, gia thưởng cho bài đeo bằng ngọc trắng, bài đeo bằng vàng, kim tiền, nhẫn bằng vàng nạm ngọc, để đáp lại công lao.

Đến sau bọn giặc ở Lạc Hóa, Ba Xuyên còn sót lại chưa yên. Giặc Xiêm lại xui giục, đứng làm thanh thế cho bọn ấy. Các tỉnh Hà Tiên, Gia Định nhiều lần dâng sớ xin đặt thêm đồn, bảo để phòng giữ. Độc mình Tri Phương chỉ xin mang theo binh thuyền đến các bảo, phô trương thanh thế của quân lên, nghiêm việc phòng bị. Vua khen Phương làm rất đúng mưu cơ.

Năm thứ 2, bọn giặc lại quấy nhiễu, ở các vùng sông Vĩnh Tế, Tiền Giang, Hậu Giang, Hà Tiên và tiến vây sát đồn bảo. Tri Phương từ An Giang chuyển về, chia quân tiến đánh, giết chết bọn giặc rất nhiều. Các lộ lần lượt đều bình cả. Việc đến tai vua. Vua bảo rằng: Thực khoan được lòng lo của trẫm về phía Nam. Thưởng cho 1 cấp quân công, nhẫn bằng kim cương liên châu dát ngọc, thứ quả bằng vàng, đồng hồ mỗi thứ đều 1 cái.

Năm thứ 4, đổi đi tổng đốc An Giang, dâng sớ nói Trấn Tây vẫn lấy lại được, xin lại huy động binh uy thu phục lại

Digitized by Google

nơi ấy để kịp sự cơ. Có chỉ cho Phương phải xét kỹ và thong thả sẽ bàn việc ấy. Mùa thu năm ấy, người Xiêm đến nói: Xin cho tha người mẹ của ông Gium về, thì nước ấy sẽ lại cùng nước ta nối tình giao hảo cũ. Tri Phương cho báo là cần có quốc thư của Xiêm Lạp thì mới được. Về sau quả nhiên không có quốc thư của 2 nước ấy đưa đến. Phương dâng sớ nói: Giặc Xiêm chiếm giữ xứ Trấn Tây, tất trong lòng không chịu cất bỏ đất ấy, cho nên làm câu chuyện kéo dài như thế, để tạm cầu tự yên. Nếu ta để chậm lại hàng năm hàng tháng, thì họ được sửa thêm việc phòng bị chống cự. Tất ta phải đại huy động binh lực đánh giữ cho họ một phen, khiến cho họ khiếp sợ mãi mãi mới được.

Năm thứ 5, người Xiêm đặt kế dụ bắt tên thuộc lại ở thị trường Tây Ninh là Nguyễn Bá Hựu. Hựu ở trong vòng giặc, ủy người đưa thư về nói: Giặc Xiêm cầu lấy hòa thư, thì Hựu mới được tha về. Bấy giờ, Cao Hữu Bằng làm thư trả lời cho Xiêm, nhưng chuyển từ An Giang nhờ đệ cho Xiêm. Tri Phương thấy Bằng làm thế không hợp lý bác trả thư ấy lại. Khi ấy Cao Hữu Bằng đã trót đem việc ấy làm tập tâu vua trước rồi. Vua xem tâu, bảo viện Cơ mật rằng: Đưa thư cho giặc, sự thể không coi thường được. Nguyễn Tri Phương quyết là không chịu đệ đi. Rồi thì biểu tâu ở An Giang vừa đến. Vua bảo rằng: Quả nhiên không ngoài ý ta định liệu. Lại khen Tri Phương biết lẽ minh bạch. Trước đây, người Xiêm La Phi nhã Chất Tri chiếm cứ Trấn Tây, người Lạp bị khổ mãi, quân ta nhiều lần đến đánh, người Xiêm thường thường thua đau, người Lạp vẫn nghĩ để phản lại Xiêm. Thổ mục xứ ấy nhiều lần đệ điệp tình nguyện làm nội ứng, xin quân ta tiếp viện đánh dẹp. Tri Phương cùng Doãn Uẩn hội bàn rằng: Nay một dải Ba Nam, Kỳ Tô, nhiều người đã lòng thành quy thuận. Nếu không ứng tiếp cho chúng, thì sợ tuyệt một con đường quy thuận sau này, nên lập tức chia quân làm hai đạo tiến đánh. Bấy giờ, Sách Sô đã lấy được, giặc Xiêm chỉ còn

Digitized by Google

dựa vào đồn Thiết Thằng làm kế cố chết để giữ. Tri Phương bàn phải cần đánh kíp, bèn hợp quân tiến đánh, lấy được đồn ấy. Rồi thừa thắng đến thẳng thành Nam Vang, thì giặc trốn đi rồi. Tin thắng trận tâu lên. Vua thấy tướng sĩ đồng tâm dùng mệnh, phá tan sào huyệt của giặc, nên phải gia ơn ngoài lệ, để đền công lao. Thưởng Tri Phương gia hàm Hiệp biện, quân công 1 cấp, kỉ lục 3 thứ và ngọc quí, kim tiền, kim khánh, nhẫn vàng mỗi thứ đều 1 cái. Sau đó, Phương lại tiến quân đến Vĩnh Long, giặc ở 2 bên bờ sông Chánh dựa nơi rừng bần ra, quan quân không thể tiến được. Tri Phương đốc quân các đạo bỏ thuyền lên bộ tung quân đánh dữ vào, giặc tan chạy.

Vua cho là công việc giữ an toàn về sau thì việc phủ dụ yên họp là cốt yếu hơn hết. Thuận cho Tri Phương thăng thự Hiệp biện đại học sĩ, vẫn sung khâm sai đại thần trù biện việc vỗ yên biên giới Trấn Tây. Sai trung sứ đi kíp đến ban cho Phương áo rét, nhân bảo ý là cho áo cừu và cởi áo cho của người đời xưa.

Vua một hôm bàn đến việc Trấn Tây, bảo đại thần ban võ rằng: Gần đây có người ở quân thứ về nói là Nguyễn Tri Phương cùng giặc đối trận đánh nhau, đạn bắn như mưa. Tỉ tướng xin Phương hạ lọng, để khỏi bị giặc biết. Phương quát mắng, bắt giương thêm hai lọng nữa. Bấy giờ khí của quân lính hăng lên gấp trăm phần, nên sau được thành công. Nếu người nhát sợ đương vào lúc ấy há chẳng mất vía ư? Mùa đông năm ấy, Phương tiến quân đến sát thành Ô Đông. Giặc ở trong thành cố chết để giữ cầm cự nhau hồi lâu. Chất Tri sai người đến 2, 3 lần xin hoãn quân. Tri Phương cùng Doãn Uẩn bàn nhau báo là: Ở đây tuy thành trơ trọi, mà địa thế um tùm, còn nhiều lũy trại, Chất Tri và tên Gium nương tựa lẫn nhau, tất không chịu bỏ nhau, thì ta phải dụ cùng đánh dẹp, chưa biết ngày nào xong việc. Vả lại, đánh thành không

Digitized by Google

bằng đánh vào lòng chúng, mà giữ được trọn vẹn quân tức là làm trọn việc nước; sao bằng ta hãy tạm nghe cho họ xin hòa, để thư sức binh dân. Bèn đóng quân lại không động nữa và đem sự trạng tâu lên vua biết. Vua xem tờ tâu, không bằng lòng, bảo rằng: Thế là cho giặc được nhàn rỗi. Rồi sau Chất Tri lại xin đính ngay hội ước. Đến ngày hội ước, Tri Phương, Doãn Uẩn sắp hàng đội nghiêm chỉnh mà đi, gần đến hội quán, Chất Tri xuống voi, triệt nhạc, làm lễ tiếp nhau. Khi ngồi yên Tri Phương hỏi: Từ trước đến nay, sao không có thư đưa lại? Chất Tri đáp rằng: Vì tiếng nói ngữ không e nỗi người thông dịch làm mất sự thực, hoặc đến ngăn trở công việc. Chất Tri nhân đưa thư ra, đại lược nói rằng: Xin cho được lại sửa hòa hiếu như cũ. Tri Phương hỏi rằng: Nay nghị hòa đã định, Phi Nhã ngày nào lui về Bắc-tầm-bân? Chất Tri đáp rằng: (Quân tôi) đã thua ở đầu Thiết Thằng, Nam Vang, lui về Ô Đông; tự nghĩ cái tội thua quân, không có thể nào từ chối được. Nếu vội bỏ Ô Đông mà về, thì không khỏi có tội với nước. Nên tôi tạm lưu ở đấy đợi có quốc thư đến, rồi sau lui quân. Nói chuyện với nhau mãi đến buổi trưa, đều từ biệt. Ngày hôm sau tên Gium đến quân trung xin chịu tội. Vua cho là quan ở quân thứ hội ước, mọi việc đều mình chiếm được phần trên, cũng là đắc thể. Lại không phải đánh, mà nước người phải khuất phục, cũng đắc sách lắm. Sai Tri Phương nghĩ kỹ công việc xử trí sau này, rồi sớm đem quân về.

Năm thứ 6, Sá Ông Gium, dâng biểu xưng là thần. Năm thứ 7, sai sứ sang chầu. Vua xuống dụ thưởng quân công cho các đại thần ở Trấn Tây. Trước hết cho Tri Phương một cấp trác dị, ngọc bội, kim tiền, nhẫn đeo tay giát ngọc kim cương mỗi thứ đều 1 cái. Lại cho Tri Phương là trong trù tính việc quân cơ, ngoài giúp việc binh nhung. Trận đánh ở Thiết Thằng, thực do ở mưu cơ bắt đầu; thừa thế thắng Bình Định ngay Trấn Tây, tiến thẳng đến sát Ô Đông, đến đâu được đấy, đáng gọi là người làm tướng trí dũng. Sai ban cho Phương tấm bài

Digitized by Google

vàng có chữ "An Tây trí dũng tướng", để nêu khen công đánh giặc. Tri Phương trù nghĩ công việc Trấn Tây, nơi nào đáng lưu quân ở lại, nơi nào đáng dựng đồn phòng thủ. Rồi đem quân chuyển về tỉnh An Giang yên nghỉ. Cùng các quan ở quân thứ hội hàm làm tập để tấu cáo việc đánh dẹp đã hoàn thành.

Ngày tháng 5, Phương đem quân (thắng trận) về kinh. Vua thấy các tướng đi đánh mạn Tây khó nhọc mãi ở ngoài, sai Nội các thị vệ cử 1 viên dự trước đón tiếp ở Nam Định và truyền chỉ úy lạo. Khi đến kinh, vua cho gọi Phương vào tiện điện, trước hết thưởng cho Phương chiếc áo mặc mát bằng lụa màu đỏ và cái quạt của vua dùng, áo đề bài thơ đánh dẹp mạn Tây đã xong để tỏ ra yêu quý đặc biệt, thơ rằng:

Phiên âm: Giải Y, quốc sủng biên cương định,
Tứ phiến, hoàng phong hóa vũ huân.
Thâm niệm tuyên lao hà dĩ đáp,
Đan như vạn tải kì nguyên huân.

Dịch nghĩa:

Cởi áo ban cho là ơn của nước để đền công dẹp yên biên cương.
Cho quạt là muốn cho gió mát của nhà vua khắp cả trong cõi.
Nghĩ đến công khó nhọc lấy gì để báo đáp,
Thư san ghi chép công đầu đến mãi muôn đời.

Ngày hôm sau, vua ngự điện Cần Chính, cho gọi Võ Văn Giải, Nguyễn Tri Phương đến, thân hành rót rượu đưa cho và úy lạo hồi lâu. Lại dụ rằng: Khâm sai đại thần Nguyễn Tri Phương, nhận trọng trách coi một địa phương, vỗ về dẹp yên thành Trấn Tây, thực là tài mang nặng đi xa, ban cho Phương chén bằng ngọc tốt và hình con lạc đà bằng vàng mỗi thứ đều 1 cái. Để tỏ là Phương có trí dũng phục được Ba đà

Digitized by Google

(phong tục của nước Chân Lạp, gọi chủ nhân làm Ba đà). Lại cho Phương bài thơ rằng:

Phiên âm:

Uy thanh hùng hổ hám, Trí dũng phục Ba đà,
Xuất mã công kham lục, Phi hùng dũng khả gia.

Dịch nghĩa:

Oai phong như con hổ đực gào, Trí dũng phục được chủ nhân nước Xiêm,
Ra ngựa đánh giặc công nên chép,
Mạnh phú con gấu hay đáng khen ngợi.

Sắc cho Phương là "An tây trí dũng tướng". Kỳ đại kế xét công năm ấy, vua dụ rằng: Nguyễn Tri Phương trước đây giao cho chuyên giữ một địa phương, dẹp yên Lạc Hóa, Ba Xuyên. Sau trao cho chức Khâm sai đại thần, biên giới được yên, nơi xa phải phục, xếp đặt cho nơi cõi ven được không có sự lo ngại, ghi công tốt vào cờ kỳ cờ thường. Thưởng thụ cho hàm Hiệp biện đại học sĩ, lĩnh thượng thư bộ Công, sung Cơ mật viện đại thần. Đến khi xét công Trấn Tây, vua lại dụ rằng: An tây trí dũng tướng Nguyễn Tri Phương, trước đây chuyên giữ một phương diện, trải đi chiến trường một trận đánh mà bình được hai lần ở đồn Thiết Thằng, tiến sát đến Ô Đông. Khiến cho tù trưởng người Hạc mất vía, cõi xa đều qui hàng, chính là quan văn mà công võ hăng hái thế, phong làm Tráng liệt tử. Khi việc võ cáo thành, vua sai đúc súng lớn ghi công, sắc cho làm bài minh ghi công, khắc tên vào cổ súng đồng Bảo đại định công, dựng bia ở miếu võ.

Tháng 9, Phương nhận tờ chiếu để lại sung làm phụ chính đại thần.

Khi Dực Tông Anh hoàng đế mới nối ngôi, tấn phong là tráng liệt bá. Tự Đức năm thứ 1, tháng 7, kinh sư và các địa phương ít mưa. Tri Phương cho mình làm chức vụ phụ

Digitized by Google

thần, cùng với Trương Đăng Quế dâng sớ xin nhận tội (lời ấy chép ở truyện Trương Đăng Quế).

Năm thứ 2, kinh thành và các địa phương trái hòa phát ra bệnh lệ khí. Tri Phương cùng Đăng Quế, Thanh Giản trình bày 5 việc như các điều: chỉnh lại hình ngục, hoãn việc binh, thuế, và chữa cho dân bị đau khổ đã lâu hồi tỉnh lại. Vua đều thu nhận các điều ấy để thi hành.

Năm thứ 3, sai Phương sung chức kinh lược sứ ở Nam kỳ, lĩnh tổng đốc Định Biên, kiêm coi 2 đạo Long Tường và An Hà. Vua dụ Phương lấy hưng việc lợi, trừ việc hại, chỉnh đốn quan lại yên họp nhân dân. Tri Phương mang cờ tiết đến Nam, dâng sớ trình bày về đại lược, như: Chiêu tập dân làm đồn điền, cho biên giới được đủ lương thực; khoan dung cho kẻ phạm trốn ra thú, để hết giặc cướp; giảm bớt việc làm sổ, đổi giấy tờ cho các xã dân, để bớt phiền phức; và xét xử việc hình ngục, xét hỏi kẻ gian, khoan ngạch thuyền, hoãn điều lính gồm 13 việc. Vua đều cho thi hành. Kỳ đại kế năm ấy danh sách dâng vua, vua dụ rằng: Tri Phương là bề tôi giỏi kỳ cựu, vốn tỏ ra trung thành liệt vào hạng sửa chữa sự lỗi, giúp đỡ việc chính trị, thưởng cho gia nhị cấp.

Năm thứ 4, Phương bàn định về điều lệ xét hỏi chỗ quan ải, nơi bến sông dâng lên.

Năm thứ 5, Phương cùng Phan Thanh Giản dâng sớ xin vua cẩn thận khi làm việc khi nghỉ có tiết độ, siêng năng chính sự, ức bỏ chế bớt thói quen thế tục và chuộng tiết kiệm, tinh giảm bớt kẻ hầu cận, cẩn thận việc tuyển cử, khoan thứ công dịch, tăng thêm lương bổng, gồm 8 việc. Vua bảo rằng: Bọn khanh trung ái, tự không thể chê được, có mưu tốt gì khác thói thường vào tâu. Tri Phương nhân thể xin đem trả lại sử tiết. Nhưng vua cho là Nam kỳ còn cần phải sửa sang, nên phải nghĩ làm cho tốt về sau, đợi khi thực hiện, ta sẽ gọi về cũng chưa muộn.

Digitized by Google

Năm thứ 6, thăng thự Đông các học đại sĩ, Phương xin từ, vua không cho. Bấy giờ thổ dân ở Cao Miên, nhiều người đến trú ngụ ở bảo Thông Bình (thuộc tỉnh Định Tường). Phủ thần Nguyễn Đình Tân nói: Bảo ấy tiếp giáp với cõi đất người Miên, là chỗ đất ở ngay lòng bụng, sợ sinh ra mối hấn khích bên ngoài chăng? Tri Phương cho là: Cao Miên là thuộc quốc của ta, dân ta đến nước họ, mà họ cho tạm ở, không có lo ngại gì. Nay dân họ đến nước ta, nếu ta cự tuyệt đi thì chẳng hầu như tỏ cho người biết là mình không rộng lượng ư? Nếu cho là dân hai nước ở lẫn với nhau là đáng lo, thì như các phủ Ba Xuyên, Thất Sơn, từ trước đến nay vẫn ở lẫn với nhau, há từng có coi phân biệt gì đâu? Chỉ cốt ở quan địa phương các tri vỗ yên thế nào đấy thôi. Xin cho chúng trú ở đấy để tỏ lòng nhân của triều đình, coi dân nào cũng như một cả. Vua theo lời nghị của Tri Phương.

Lại đến kỳ đại kế, vua thấy Tri Phương ở ngoài biên khó nhọc, thưởng cho 1 chiếc kim khánh có chữ "liêm bình cần cán". Rồi sai sung chức kinh lược đại sứ. Bấy giờ, việc bàn về làm đồn điền 6 tỉnh, thì các tỉnh phần nhiều nói là việc ấy không tiện. Vua sai Tri Phương xét kỹ xem thế nào và đem sự trạng hiện đương làm phúc tâu lên. Tri Phương bèn dâng sớ nói: Địa giới Nam Kỳ liên tiếp bọn giặc rợ mọi, dân lưu tán nhiều. Ngày nay giả làm chiêu mộ để tụ họp lại bắt khai khẩn để nuôi sống, chính là kế hoạch cần yên cho việc cai trị vỗ yên. Hiện nay đã dần thành cơ, đội, được 21 cơ, lập thành làng ấp có trên dưới 100 làng; chia đặt từng đồn khai khẩn, thế đã nghiêm, hình đã thành, không đến nỗi dễ tan được. Vả lại, việc bàn lập đồn điền, chỉ lợi nước lợi dân, mà không lợi cho bọn tổng lý, cho nên chúng cùng nhau nói phao lên những lời không căn cứ. Các địa phương bảo là đồn điền bất tiện, đều là bị hoặc về câu nói không căn cứ ấy. Xin sắc dụ cho bọn tổng đốc, tuần phủ, bố chính, án sát phủ, huyện ở 6 tỉnh (Nam Kỳ) đi lại kiểm đốc các đồn điền, xét xem

Digitized by Google

người nào chăm hay lười. Làm đến 3 năm, mà người du đãng, lười biếng, không hăng hái lên, trộm cướp không yên tỉnh, địa lợi không mở mang, thóc ăn của dân không thừa thải, nước nhà không vững bền, thế nước không cường thịnh, nước ngoài dòm ngó không tiêu tan lòng giặc Man không thần phục, thì thần cam chịu tội để tạ lời nghị luận của công chúng. Vua bảo rằng: Phương nói khẩn thiết, quả quyết tự đương lấy trách nhiệm, sao nỡ không theo lời, cho được thi thố hết tài năng uẩn súc trong lòng. Rồi sai Phương nghị điều lệ xét công những người khai khẩn giỏi. Tri Phương đều trần dâng lên ngay. Đại để bất phủ, huyện phải đốc dân chiêu mộ, khai khẩn, tùy theo hiện số nhiều ít, chia làm 10 thành. Hạng cho 3 năm, chia làm 3 thứ, mỗi năm xét xem người nào giỏi nhất, kém bét để định thưởng phạt. Vua cho là Phương trình bày, thực có định kiến, chuẩn cho theo lời bàn thi hành.

Năm thứ 8, Tri Phương lấy cớ vì lâu năm ở bên ngoài, có lòng nhớ vua, để tâu bày lên. Vua muốn cho Phương ở lâu chức ấy để làm cho có thành hiệu. Dụ rằng: Dân ở Nam kỳ, vốn có tiếng là trung nghĩa. Về mối lợi vườn, ruộng, núi, chằm hơn cả trong nước. Thế tổ Cao hoàng đế, khi mới trung hưng, nhờ được tài lực của dân ở 6 tỉnh ấy để chống chọi lại cả nước Việt ta, cái công hiệu có thể làm chứng nghiệm rõ ràng vậy. Năm trước đây bị tai thương, có kẻ đi báo, cho nên sai khanh đi kinh lý ở đấy, để yên họp nhân dân. Gần đây trẫm nghe thấy hơi có thi thố kiến thiết một chút, nỗi đau khổ lâu chưa xong, khổ lâu ngày đã hơi tỉnh lại. Khanh nên cố gắng làm cho tốt, chớ có bổ thu hà khắc, vơ vét của dân, nên giúp đỡ cho dân, làm cho dân được thêm nhiều nguồn lợi. Phải thi hành chính sách an dân, để đến công hiến yên vui giàu thịnh. Tuy người xưa 9 năm ở Dao Đông[1], 8 năm ở Dĩnh Xuyên[2] mà lòng thành tin nhau, thì có xa gì? lại cho Phương bài thơ để khuyên bảo:

(1) Dao Đông 9 năm: Chưa rõ, có lẽ là Trương Xương đời Tây Hán.
(2) Dĩnh Xuyên 8 năm: Hoàng bá đời Tây Hán.

Digitized by Google

Phiên âm:

Nông nại lọng hưng địa, Tòng lai đức trạch thâm,
Mạo nghĩ giai xích tử, Bảo chướng lai Khanh tâm,
Huyền cấp cầm nan lí, Căn bản diệp tự sâm,
Cam đường Ưng tế phí, Trường sử hậu nhân ngâm.

Dịch nghĩa: Nông nại[1] là nơi dấy nghiệp trung hưng,
Xưa nay đức trạch dầy,
Già, trẻ đều là con đỏ cả,
Giúp đỡ nhờ ở lòng Khanh
Như đàn dây căng thì khó gẩy,
Như cây gốc vững thì um tùm,
Cây cam đường[2] nên bồi đắp
Để cho người sau khen mãi
Cho lá được rườm rà lâu dài.

Năm thứ 9, án sát sứ Định Tường là Cương Sĩ Kiệt lại nói việc đồn điền không tiện, vì là mộ dân đến làm ruộng, ghép tù đi cày hoang, rồi sẽ không khỏi chúng tụ tập thành ban đi cướp bóc, lại nhiều người lẩn trốn nữa. Việc ấy giao xuống bộ Hộ hội bàn. Bộ thần tâu nói: Viên kinh lược đại sứ (tức Tri Phương) từ trước đến nay hết lòng trù liệu, mong việc đến thành công. Nay Sĩ Kiệt trích ra 1, 2 điều, bảo là không tốt, chỉ cần lấy cái tiếng là mình cương trực thôi, xin không nên bàn đến.

Năm thứ 10, Phương dâng sớ nói xin về kinh. Vua lại dụ rằng: Nam kỳ hiện nay binh dân tạm được tươi tỉnh nhưng việc đồn điền vẫn chưa thành hiệu. Lại còn có những việc vỗ yên người xa giữ vững biên giới, đều là trách nhiệm của khanh, làm chưa xong đáng lẽ chưa có thể rời bỏ chức vụ được. Nhưng vì khanh ở ngoài lâu ngày, lòng nhớ vua tha thiết.

(1) Nông nại: tức là Đồng Nai, Gia Định.
(2) Cam đường: tức là cây đường lê. Thiệu Bá đời Chu, tuần hành các nước phương Nam, có khi nghỉ ở dưới cây cam đường, về sau dân nhớ đức ông ấy, nên bồi đắp cây ấy, không nỡ đẵn đi.

Digitized by Google

Trẫm cũng muốn thấy khanh, để đương diện hỏi han về tình hình biên giới. Chuẩn cho khanh về kinh chầu thăm, vài tháng sẽ trở về lị sở, hết lòng thu xếp, cho hoàn công việc chưa làm xong ấy. Tháng năm, Phương vào chầu. Vua hỏi tình trạng việc đồn điền. Phương thưa rằng: Thần nhiều lần hết sức nghĩ làm, khuyên bảo kẻ du đãng lười biếng trở về làm ruộng. Nay 6 tỉnh được mùa, thóc gạo đầy đủ. Nếu được mùa luôn thì việc đồn điền cũng có thể thành hiệu. Vua nói rằng: Địa thế 6 tỉnh, có nhiều ngả đường, khanh sao có thể nơi nào cũng thân hành đến được ư? Phương thưa rằng: Thần có khi đi đến khám và phái cho các phủ huyện phải thực sự thừa hành. Hiện đã chiếu hiện số dân mộ làm danh sách, không cẩu thả chút nào. Vua lại hỏi, tuổi khanh đã cao, được khỏe mạnh không? Phương thưa rằng: Thần nay 58 tuổi, sức vóc hơi suy. Vua sai cho Phương một hộp áo mát. Tri Phương lại đem các điều duyệt nghĩ điền vào công việc bổ cứu, tâu lên:

- Khẩn điền chia làm 3 hạng, đều chiếu theo địa lợi xấu tốt, việc làm khó dễ, châm chước xét nghĩ tâu xin.

- Viên nhân quản suất, xin chiếu theo dân số hiện mộ đủ hay thiếu, khẩn điền việc làm khó hay dễ, mà lựa định bổ thụ.

- Dân hiện mộ ấp, chẳng khỏi có kẻ du đãng. Viên quản suất kiểm thúc không nghiêm, sẽ chiếu luật nghĩ xử.

- Kỳ thu hoạch, cứ chiếu thu mỗi mẫu 1 hộc, chừa lưu lại để dự bị khi mất mùa.

- Hạn định, mỗi người khẩn ruộng đủ 4 mẫu làm định lệ.

Vua đều theo lời. Tri Phương lại cùng Viện thần trù nghĩ việc sửa sang ở Nam kỳ: Định ngạch binh, thuyền, khơi đào đường sông, và chuyển vận thóc gạo ở Nam kỳ chia chứa ở các tỉnh về Tả kỳ. Về khoản giao hảo với Xiêm, thì ý nước ấy muốn xin hòa, xin đợi có cơ hội, sẽ thi hành.

Digitized by Google

Gặp khi ấy thuyền Tây Dương kéo vào cửa biển Đà Nẵng tỉnh Quảng Nam, bắn phá pháo đài, đồn bao vây hãm 2 thành An Hải, Điện Hải. Tổng thống là Đình Lý trúng đạn bị thương. Vua chuẩn cho Tri Phương sung làm tổng thống quân thứ Quảng Nam. Ngày Phương đến quân thứ, vừa gặp 8 chiếc thuyền Tây Dương vào sông Nại Hiên. Tri Phương phái quân đến Tân Đồn bắn phá được quân giặc. Vua khen thưởng, đặc ân cho Phương thanh kiếm của vua dùng, và xuống dụ úy lạo. Tri Phương mật xét tình hình bên địch, vẽ bản đồ và tính phương lược dâng lên nói rằng: Bọn kia lợi ở chiến, ta lợi ở thủ; xin lấy thủ làm chiến, đắp thêm đồn lũy để tiến bức họ dần dần. Phương bèn đắp lũy đài từ bãi biển đến Thạc Gián ở Phúc Ninh. Bên ngoài lũy đào hố chữ phẩm trồng chông, trên phủ cát và cỏ. Chia quân, đặt quân phục sát thành Điện Hải. Thuyền Tây Dương chia 3 toán lại đánh. Quân mai phục vùng dậy, quân Tây Dương sa xuống hố. Quân ta giữ ở lũy bắn ra, chúng phải lui. Người Tây phái người đến nghị hòa. Vua sai Tri Phương chuyên làm việc ấy. Về sau Phương lại vì trận đánh ở Liên Trì bèn thua, dâng sớ xin nhận tội. Vua chuẩn cho Phương cách chức lưu lại. Bấy giờ là tháng 8 năm thứ 11. Được hơn một tháng, vua nhân đổi cảnh mưa rét, nghĩ nhớ Tri Phương, lập tức cởi áo của vua đương dùng bằng hàng nhung tơ thêu rồng cuộn màu thiên thanh, sai trạm mang kíp đi cho Phương và làm 1 bài thơ rằng:

Phiên âm: Vân tự liên đồn, vũ tự tô,
Vũ trung nam vọng lũ thần tô,
Kinh kì hạn hậu hàn do bạt,
Hải ngạn dâng sơ khí tiệm thù,
Mỗi thức đan hi trương phủ tạng,
Cánh liễn bạch tuyết nhiễm tì tu,
Giải cừu nhẫn dĩ công trì tích
Chế khôn hà nhân ngậm tráng du.

Digitized by Google

Dịch nghĩa:

Mây kéo như quân đóng đồn liền nhau, mưa sa như sửa,
Khi mưa thường thường để tinh thần ngóng về phía nam,

Kinh kỳ sau khi nắng khí rét còn sót.
Bờ biển đầu mùa dâng khí dần dần khác đi.
Vẫn biết bóng mặt trời làm nở nang phủ tạng,
Lại thường tuyết trắng nhuộm đầu râu,
Nỡ nào vì thành công chậm mà tính được,
Áo cừu không cởi ra ban cho,
Chuyên giữ một địa phương là người nào lại nỡ,
tiếc không thi thố ra mưu hay?

Năm thứ 13, Phương tâu nói: Quân thủy, lục, của người Tây, tựa nhau làm ứng tiếp, thì kế đánh bộ, đánh thủy của ta không tiện thi hành. Vả lại, quân Tây Dương nghề gươm súng đã tinh, lại hay liều chết, quân ta thì nhát sợ, bỡ ngỡ, cũng không địch với họ được, giữ còn chưa nổi, nói gì đến đánh. Xin chước lượng sức binh hiện tại, nhân chỗ đồn bảo hiện tại, đặt quân mai phục để đánh, nghiêm việc phòng bị để đợi, làm kế giữ lâu dài. Trù đủ lương cho dân, chuyển vận lương cho quân, ứng theo cơ hội mà hành động, để làm kế toàn vẹn. Vua bảo rằng: Sợ địch để mối lo cho vua cha, toàn không thi thố gì, sao có thể mong được thành công. Bèn bắt chọn trong 3 cách đánh, hòa hay giữ, dùng cách nào có thể lui được quân Tây Dương, thì cho phép cứ làm; chớ bảo là triều đình thiếu người, mà tự giữ đợi chết. Tri Phương sửa thêm đồn lũy, chia đóng các quân, để chống giữ. Rồi sau phái viên của Tây Dương đốt các đồn sở Trà Sơn, An Điện, đem hết quân thuyền chở đi nơi khác.

Có chiếu cho Phương đem quân về kinh. Vua yên ủi, cho Phương tới gần giường ngự làm lễ ôm chân và thưởng cho phẩm vật. Vua lại hỏi: ở Gia Định, hòa chiến, thủ, cách nào

Digitized by Google

tiện hơn? Và phương lược xử trí thế nào? Tri Phương cùng Phạm Thế Hiển đều nói chiến, thủ là tiện. Và trình bày việc xử trí khẩn yếu. Vua cũng cho là rất lấy làm phải. Bây giờ vừa gặp Cao Mên, cùng người Tây Dương, người nước Thanh đánh An Giang, Hà Tiên. Vua lại bảo Tri Phương rằng: Làm tướng cai quản ở Nam kỳ, nay không ai bằng khanh, đình thần và quân sĩ cùng nói một lời cả, thì khanh không nên đùn đẩy. Còn như Quảng Nam, nếu có việc gì hoãn cấp, nên phải có viên quan đi ứng biện, khanh nên cử lấy người tài, Tri Phương tâu rằng: Hiện nay, Tây Dương, Cao Miên cấu kết với nhau, sự thể rất khó, so với trước lại gấp 5, gấp 3 lần. Thổ dân thì của hết, sức kém, lại không thể như ngày trước. Thần ở Quảng Nam tự thẹn không công trạng gì, cho nên những cận thần phải tồn tấu ngược xuôi, dù Bắc hay Nam đều theo mệnh, thần không dám từ. Còn như Quảng Nam, về sau có việc gì, thì Phan Thanh Giản, Nguyễn Bá Nghi ở trong chính phủ đã lâu biết rõ quân cơ, cũng có thể sung tuyển được. Vua bèn sai đi. Tri Phương sắp đi, lại mật tâu 6 việc:

- Hiện nay nhiều việc nên chuyên ý về binh tài; ngoài ra, việc nào không khẩn thiết lắm, nên tính giảm bớt đi.

- Xin ra tâm yên hợp nhân dân Bắc kỳ.

- Xin tìm cách vận tải súng lớn đến quân thứ.

- Xin phái Phạm Thế Hiển đến quân thứ, để nhờ hội bàn cho thỏa đáng.

- Xin gửi thư uý lạo Xiêm La, để nước ấy khỏi giúp Cao Miên làm bậy.

- Xin phái người nào nói khéo đến trách hỏi Cao Miên, mở bảo cho họ biết họa phúc, để ngăn tuyệt mối lo về họ thông với Tây Dương.

Vua vẫn thu nhận. Lại dụ rằng: "Việc từ ngoài cổng thành trở ra, nhất thiết giao hết cho khanh, nên gia tâm đánh dẹp,

Digitized by Google

ngõ hầu thư được lòng lo trông về phía nam của ta. Đến như giặc Miên, tuy là chuyên trách của hai tỉnh Hà, Biên nhưng khanh cũng nên kiêm cả, đều chuẩn cho được tùy tiện làm việc. Về sự trung dũng, tài biện của khanh, trẫm đã biết rõ. Duy khanh có tính nóng nẩy, nên phải rộng lượng bao dung, để nên việc lớn. Nhân lại ưu đãi cho Phương gấm sa, sâm, qui các hạng.

Năm thứ 14, đồn lớn ở Gia Định không giữ được, tán lý là Nguyễn Duy Dữ, tán tương Tôn Thất Trí lại chết trận. Tri Phương cũng trúng đạn bị thương. Vua sai thị vệ đi kíp mang cho dược phẩm và phái Y sinh ngoại khoa đến chữa thuốc; lại cho hạng các sâm, quế, lộc nhung. Bấy giờ đình thần tâu nói đại đồn không giữ được, bèn chuẩn giáng làm tham tri. Còn về tước bá là công bình Miên trước, không nỡ truy tước. Nhưng cho Phương tạm giải chức tổng thống quân vụ, để yên tâm điều trị. Đợi khi vết thương khỏi, làm bản tâu lên đợi chỉ. Tri Phương về sau trở về Bình Thuận chữa bệnh nhưng chưa khỏi, nên xin phép về quê 1 tháng.

Bấy giờ quân thứ Định Biên là Nguyễn Bá Nghi cùng quan tỉnh Gia Định là Đỗ Quan đều đem tình hình việc quân, thế địch hiện nay khó xử làm tập đệ tâu. Vua xem lời tâu phát giận, đòi Tri Phương về kinh, giao đình thần nghị tội. Tháng 11, Biên Hòa không giữ được, đình thần tâu nói rằng: Tri Phương nguyên là trọng thần, am hiểu phép hành trận, tại triều đình, không còn ai hơn nữa. Xin cho khai phục chức hàm cũ và sai đi Biên Hòa, hợp cùng với Nguyễn Bá Nghi hội bàn làm việc. Vua bèn chuẩn cho Phương khai phục thượng thư bộ Binh, đốc suất việc quân ở Biên Hòa; ban cấp cho Phương ấn quan phòng, cờ, bài, gia thưởng cho áo quần các hạng và 100 lạng bạc. Tri Phương xin từ số bạc lạng. Vua bảo rằng, đó chỉ ra đủ tiền lộ phí mà thôi, cần gì phải từ chối. Rồi sai quan Khâm giám chọn ngày tốt để khởi hành.

Digitized by Google

Tri Phương đi đến Quảng Nam, cùng quan tỉnh ấy là Đào Chí, Nguyễn Hiên trù làm thêm đồn, bảo ở Đà Nẵng. Khi đi vào Nam, tiến đến Bình Thuận, Bá Nghi vì lui binh ở tản mát không có thể giữ được, xin chịu tội. Vua dụ sai Tri Phương đi mau đến xét kĩ, hội đồng bàn tính làm việc. Rồi chuẩn cho đóng quân ở Bình Thuận.

Digitized by Google

QUYỂN 24

TRUYỆN CÁC QUAN - MỤC XIII

*

Nguyễn Tri Phương (tập hạ)

(phụ chép con là Lâm, em là Văn Duy)

Tự Đức năm thứ 13, hòa nghị đã thành, Tri Phương từ Bình Thuận về chầu. Vua bảo rằng: Trước đây có chỉ triệu về, khanh lại 2, 3 lần xin nghỉ. Nay là lúc nhà nước hữu sự, thần tử phải nên hết sức. Khanh nên ở triều, để phòng hỏi bàn, hoặc liệu đánh giặc ngoài Bắc. Phương thưa rằng: Để bổ đi Nam hay Bắc thần xin theo mệnh. Nhưng cõi đất ở Bắc kỳ, thần chưa thân hành đến đấy, mong bệ hạ xếp đặt cho thế nào thôi. Vua bảo rằng: Hãy cho nghỉ một tuần, để xem rõ dụ sớ, cho hiểu hết tình trạng. Có phương lược gì, thì khanh nên cùng Đoàn Thọ, Trần Tiễn Thành hội bàn. Chợt gặp thổ phỉ Tuyên Quang là Nông Hùng Thạc và toán giặc nước Thanh là bọn Hoàng Anh vây sát tỉnh thành Tuyên Quang. Việc đến tai vua. Vua cùng các quan bàn tuyển tướng súy ở Tây Bắc. Đình thần cử Tri Phương. Phương tâu rằng: Tướng cần phải được người giỏi, tính mệnh của ba quân quan hệ ở đó, Thần nhận phái đi Nam kỳ không công trạng gì, lại không hiểu rõ tình thế Bắc kỳ. Trần Tiễn Thành tâu rằng: Thế giặc ở Bắc kỳ đánh dẹp rất khó. Tri Phương vốn có trọng vọng, lại đã kinh lịch hàng trận, đợi xin Hoàng thượng quyết định. Vua bèn sai Tri Phương sung chức Tây Bắc thống tổng vụ đại thần.

Khi quân đến quân thứ, dẫn quân đánh phá sào huyệt của giặc ở Chí Linh, bèn đóng quân phía Nam sông Chiêm

Digitized by Google

Đức (nguyên là Thiên Đức). Mật sai các tỉnh ở Hà Nội, Sơn Tây đều dàn thuyền ra như hình trạng muốn sang ngang, để chia thế giặc. Lại gửi thư bọc sáp cho tỉnh Bắc, bảo là hễ nghe thấy tiếng súng thì hội đánh. Rồi sai bọn Hoàng Thành, Phan Văn Tuyển sang đò sông (Thiên Đức) phá liền 5 cầu, hội quân lại thẳng đến tỉnh thành, thế là đường trạm mới thông. Vua khen.

Năm thứ 16, Phương được thăng thự Hiệp biện đại học sĩ, vẫn sung chức cũ. Tri Phương đã dẹp yên đường mạn Bắc, bèn cùng Nguyễn Văn Trọng đem quân tiến lấy lại tỉnh thành Thái Nguyên, bắt được ngụy đại vương mạo xưng là Lam sơn chính thống Lê Văn Thanh, ngụy tham mưu Doãn Văn Đắc và ngụy nguyên soái bọn giặc Trần ở Bắc Ninh là lũ Nguyễn Vân, Lê Nghiêm đem giết đi. Thế là công võ miền Tây bắc cáo thành.

Vua lại thấy tên tướng giặc ở Hải An trốn lâu ở hòn đảo ngoài biển, sai Tri Phương đổi sung làm tổng thống quân vụ Hải An, mang theo quân ở quân thứ tỉnh Bắc, đánh giặc ở phận sông 2 xã Cổ Trai, cả phá được. Vua nhân dụ rằng: Khanh là thuần thần, tức tướng, nên cố gắng thêm, chớ kéo dài ngày, để trên dưới cùng lo.

Năm thứ 17, trận đánh ở Bãi Sơn (thuộc tỉnh Hải Dương) phó đề đốc là Vũ Tảo bị giặc bắt được, Tri Phương bị giáng 2 cấp, lưu lại. Tháng 5 năm ấy, vua cho kinh sư là nơi căn bản quan trọng, muốn triệu Tri Phương về, mới hạ lệnh cho Phương xét rõ tình trạng giặc, nên làm thế nào đánh bình được sớm, để hát bài thắng trận đem quân về. Tri Phương tâu rằng: Tháng 6, 7 năm ngoái, thế giặc suy cùng, tưởng không ngoài vài tháng cũng có thể thành công. Sau vì trận đánh ở Cát Bà thua, thế giặc lại nổi lên. Nếu vội giao cho tỉnh thần 2 tỉnh Hải, Yên làm lấy một mình, sợ có chưa tiện. Thần xin hãy lưu lại 1, 2 tháng để phòng thủ và đánh dẹp,

Digitized by Google

mới hợp sự nghi. Vua dụ rằng: Khanh là báo thần, trẫm vẫn tin cậy, không nên cùng bọn hèn mọn ấy cầm cự lâu ngày, chỉ tổn oai vọng thôi. Vả lại, binh khỏe, lính mạnh, không nên cho ở biên cương lâu mãi, để có sự lo về bên trong bỏ trống rỗng. Khanh phải cần mưu toan sớm đi, để thư lòng ngóng đợi của ta. Bây giờ, có viên Lang trung bộ Binh là Mai Qui tâu xin tuyên triệu Tri Phương về kinh chầu, để làm cho người ta trông vào. Vua bảo rằng: Tri Phương khó nhọc lâu ngày ở ngoài, Trẫm thường nghĩ đến. Nhưng vì nghe nói binh dân chỗ quân thứ ấy đều ý trọng viên sứ thần ấy, mà viên sứ thần ấy cho là việc lo liệu đánh giặc chưa xong, là trách nhiệm của mình. Đình thần cũng tâu nói: Tri Phương oai vọng rất rõ rệt, tù trưởng từng đã hiểu biết hiệu lệnh, chưa tiện triệu về. Tri Phương sau vì trù liệu không có công trạng gì, dâng tập tâu xin nhận tội. Vua chuẩn cho giáng 4 cấp, lưu lại, để xem sự báo hiệu về sau và dụ rằng: Hiện nay cơ nghi hơi tốt, khanh nên hết lòng trù liệu, làm phương kế nào cho được sớm dẹp yên giặc ấy, thì mới yên được tình phận trên dưới.

Năm thứ 18, đình thần tâu xin tha việc cấm bán thuốc phiện, mà đánh thuế thứ ấy. Vua đem việc ấy hỏi Tri Phương. Tri Phương nói tha thiết về tai hại của thuốc phiện, không nên tha cấm. Bấy giờ Hải, Yên đại hạn, Tri Phương đảo vũ ở Đường Sơn, mưu lớn liền mấy ngày, Phương dâng sớ nói là do lòng rất thành của Hoàng thượng đầy lấp đến trời mới được đến thế. Và lại đem bài văn khấn dâng trình. Vua phê bảo rằng: Đọc bài văn khấn của khanh, thấy lòng thành chan chứa, mà ta không ngờ rỏ nước mắt tràn xuống mặt mà khóc nức nở. Vả lại, khanh vốn có tiếng là trung liệt, không từ sự vất vả, thủy chung một lòng. Vâng Hoàng mẫu thái hậu ta dụ rằng: Nếu được nhiều người như thế, mà chia làm các việc nước không xong, dân sinh không thỏa. Nay khanh lại có lòng ấy, trẫm chỉ lấy lòng thành để đối đãi thôi, dẫu vàng ngọc

Digitized by Google

cũng chưa đủ đáp lại. Lại đặc ân cho Phương bài thơ để khen ngợi.

Phiên âm: Quốc nhĩ vong gia, phú dữ trung,
Cúc cung, tận tụy, cổ nhân phong,
Tác lâm dĩ kiến thân hành khổn,
Tẩy giáp cho vương tấu võ công.

Dịch nghĩa:

Vì nước quên nhà, bản tính có lòng trung,
Cúi mình, hết sức, có phong cách của người ngày xưa,
Được mưa[1] đã tỏ lòng thành kính.
Rửa áo giáp còn mong dâng tâu công võ.

Lại ra thưởng cho Phương 1 cấp trác dị và sai bộ Lễ sao lời phê trong tờ sớ để ban bố trong ngoài. Rồi sau đó hơn 300 chiếc thuyền của giặc biển từ các đảo Phù Long, Cát Bà chia 3 toán đến quấy. Tri Phương sai Văn Trọng đốc suất quan quân ở đoàn thuyền của nước Thanh đi đánh, bắn chìm được hơn 20 chiếc, lấy được hơn 60 chiến, chém và bắt sống làm tù rất nhiều. Vua dụ khen rằng: Thực nhờ ơn trời giúp đỡ nhiều lắm. Khanh nên thừa cơ đánh bắt cho hết sạch, chớ thấy một lần được, mà đã hơi trễ biếng. Phương lại đánh bại giặc dưới mặt nước ở sông Gia Luận, Hà Lại (thuộc huyện Nghiêu Phong) bắt được ngụy thống lĩnh là tên Oánh đem giết đi, bắt được ngụy Hậu quân đô thống là Phan Văn Khương đóng cũi giải về kinh sư. Bọn giặc dưới mặt nước thuộc tỉnh Hải, Yên đã bình, Phương lại đem quân đi Thái Nguyên bắt giặc.

Năm thứ 19, dâng sớ xét công lên, Vua cho là Phương có nhiều công lao gánh vác việc nặng nề khó kiếm được những

(1) Tác lâm: do điển chữ Hán trong kinh Thư, Thương Cao Tông bảo Phó Duy rằng: "nhược đại hạn, mạnh như tác lâm vũ" nghĩa là nếu trời đại hạn thì sai người làm mưa lâu.

Digitized by Google

người như thế, tuy có rủ cánh ở cõi Nam, nhưng lại cất cánh bay cao ở hạt Bắc. Nên thăng thụ cho hàm Vũ hiển điện đại học sĩ, nhưng vẫn sung chức cũ. Bấy giờ gặp giặc nước Thanh là Tô Tứ lại đến quấy Quảng Yên. Tri Phương cùng đề đốc là Nguyễn Cửu Lê đốt phá sào huyệt của giặc, bắt được bọn lũ của giặc rất nhiều. Tứ bèn trốn vào đất Trung Quốc. Vua chuẩn sai Phương trù nghĩ công việc để giữ an toàn về sau. Khi ấy, viện Cơ mật tâu nói: cửa biển Đà Nẵng (Quảng Nam) Ba Lạt (Nam Định) và đường cảng ở Quảng Yên, hiện giờ các nước Phú Lãng, nước Y Pha Nho tất nhiên dựa vào bản hòa ước lập phố ở các nơi ấy. Xin tư cho quan tỉnh ấy biết; ở hai bên bờ các cửa biển ấy chỗ nào có thể lập phố được, thì sai dân xã lập thành văn khế đòi giá cao mới bán, thì có thể được mối lợi to; và tự cho quan địa phương khám xét thi hành. Chợt gặp Tri Phương đến đóng ở quan thứ Quảng Yên trù biện công việc. Vua bèn sai Tri Phương hội đồng với quan tỉnh ấy khám nghĩ. Tri Phương dâng sớ can rằng: Từ xưa trong lúc nhà nước hưng thịnh, cũng chưa từng không có mối lo bên ngoài; duy về cơ nghị chuyển bớt, hãy đợi theo tạo hóa; mà khi cử động, thì quốc bảo của nước cần phải bàn cho đích đáng. Nếu việc lớn trong nước không chắc chắn, thì việc đời, lòng người đều không đáng kể nữa. Triều đình động làm việc gì, là hạ dân trông vào, bảo dân điều thành tín, thì dân biết mà theo; bảo dân thấy điều gian trá, thì sai dân thế nào được. Thần tuy rất ngu, nhưng thực không muốn người giữ việc lớn của nước, lại đưa ra kế sách ấy. Về các cửa biển ở Quảng Yên, nên cho quan tỉnh ấy tuân chỉ phái khám tình thế, liệu mà xếp đặt, phân biệt trong sông ngoài biển, thuyền Tây Dương nên đậu ở chỗ nào, hết thảy vẽ thành bản đồ, rồi nghị định phúc tâu lên để đợi ngày nào thuyền Tây Phương đến, thì hội đồng với quan Tây, tính chỗ đất nhận mà làm quán bán hàng không trái lời ước, không mất thể diện là được. Nếu đất tư cần được lợi lớn, chỉ có thể cho phép họ mua bán riêng với

Digitized by Google

nhau là tiện thôi. Thế thì việc lớn trong nước không đến hỗn loạn, mà kẻ ngu thần này cũng không đến nỗi nhục thể diện.

Thần vâng mệnh đi đánh giặc, từ Bắc đến Đông, đến nay đã bốn năm. Gia dĩ thần tuổi đã nhiều rồi, nhân vết thương thành cố tật. Nhiều lần đã vâng lời dụ chuyển cho thần làm xong việc cho sớm mà về, để thư lòng hoàng thượng mong nhớ. Thần tấm lòng quỳ hoắc[1] nhỏ mọn, mong đợi không xiết. Chỉ vì cõi Nam chưa thể yên tĩnh một loạt. Hoàng thượng sớm khuya cần lao, thần ngày đêm hết sức, cố theo đuổi công việc lo để đền ơn, trong lúc tuổi già được một phần trong muôn phần chăng? May ra mong trời giúp sức cho nước, việc quan đã thành, cõi Nam mới yên. Thần hiện đương bàn tính công việc, làm cho sau này được tốt, và khai kê sự trạng của các viên, biền theo đi đánh giặc, liệu lượng cho binh thuyền về quân ngũ. Lần lượt làm xong các việc, tức thì xin về kinh chầu hầu phục mệnh, để dãi tấm lòng mong nhớ bao năm; lại nhân thể xin được đem nắm xương về làng để bảo dưỡng tuổi thừa, thực là may lắm. Nếu cho thần là biện thuyết và kinh lý miễn biến, mà chỉ trích thần là làm việc không hợp mà khép vào pháp luật, thần xin muôn phần cam tâm. Vua bảo rằng: Bản nghị trước của viện thần, thực có chỗ chưa chu đáo, không trách gì người ta nói được. Kịp khi tên nghịch Trưng khởi loạn, vua cho kinh sư là nơi căn bản quan trọng, bèn triệu Tri Phương về. Ngày Phương sắp về đến kinh, vua sai thượng thư bộ Công là Nguyễn Văn Phong, và đề đốc Thủy sư là Nguyễn Kiện đón tiếp tại cửa Tây Bắc. Dụ rằng: viên ấy là đại thần có công khó nhọc, quân công rõ rệt, cho nên đặc biệt ưu đãi. Khi Phương vào chầu. Vua cho ngồi yên ủi hỏi chuyện. Sắc chỉ áo mặc ban cấp cho. Chuẩn cho Phương lĩnh Thượng thư bộ Binh, khiêm sung Hải Phòng sứ ở kinh

(1) Quỳ hoắc: đều là thứ cây tầm thường, người ngày xưa thường dùng để ví với người được hưởng mộ người trên, cây quỳ hoắc lá thường hướng về mặt trời.

Digitized by Google

kỳ, nhưng sung Cơ mật viện đại thần. Phương mới cùng Trọng Bình dâng sớ nói rằng: Hoàng thượng xây dựng Thọ lăng, thực là việc bất đắc dĩ, không phải việc thổ công cần kíp. Nhiều lần đã sắc bảo bọn đổng lý là làm nghỉ phải có thời giờ, công dịch vất vả phải dè dặt. Thế mà thống chế là Lê Xa, biện lý là Nguyễn Chất không biết thể theo lòng dân trên dỗ bảo khéo léo, để đến nỗi biên binh khó nhọc ta oán, khiến cho kẻ cuồng phu kia hô một tiếng, mà theo đến hàng nghìn người. Bọn ấy đã bị cách chức giao xét, phái viên khác làm thay rồi. Nhưng nay đến kỳ mưa lụt, xin tạm hoãn việc ấy, để bớt sự khó nhọc. Đến như các viên dự có đi lại đốc trách, cùng là đình thần văn võ điềm nhiên không giác, xét ra đều giao nghị xử cả một loạt. Bọn thần tuy là ở ngoài mới về, mà bọn giúp nước không tròn, để đến có tai biến ấy, tội không làm nổi chức vụ khó chối được, cũng xin giao nghị cả một thể. Lại nói rằng: Tai biến sinh ra, là trời yêu quí nhân quân. Tự xưa đời thịnh trị chưa từng không tai dị. Nhưng cốt ở vua lúc bấy giờ gặp tai biết sợ, thì tai hóa làm điều lành. Như vua Thành Thang tự trách mình, mà nổi lên hưng thịnh, ông Thái Mậu sửa đức mà trung hưng cơ nghiệp nhà Thương. Nay ngôi đất tốt Vạn Niên ấy sẽ để lại nghìn muôn đời sau, thế mà, tháng hạ bị sét đánh xuống tiền điện, đó là tai biến về trời; tên giặc Trưng dụ bọn thợ xâm phạm đến kinh sư, đó là tai biến về người. Gồm cả hai nước tai biến ấy, so với tai biến về đại hạn[1] cây dâu yêu quái[2], còn quá hơn thế. Cúi xin Hoàng thượng xét tìm đạo trị dân hiểu rõ sự huyền vi, tất phải nghĩ lấy phương pháp trừ loạn, sự thực để dẹp tai biến, tướng không ngoài việc thành thực trách mình vậy. Xin xuống chiếu tự trách mình, bá cáo thiên hạ. Khiến cho thần dân trong ngoài đều biết Hoàng thượng lo nghĩ tu tỉnh, thành thực khiêm cung, để trên hồi lại ý trời, dưới tin lòng dân.

(1) Vua Thành Thang bị đại hạn 7 năm.
(2) Vua Thái Mậu có cây dâu, cây do yêu quái mọc ở trong triều.

Digitized by Google

Vua bảo rằng: Đình thần không biết xét mà cáo giác ra đều là có lỗi. Còn 2 viên đại thần có dự gì đâu? Lại hỏi về dân gian quan lại ở Bắc kỳ thế nào? Phương thưa rằng: Mối tệ của quan lại tích lũy lâu nay hãy còn nhiều, nên chọn viên đại thần để chỉnh đốn, gạn lọc trong hàng quan lại để thu phục lòng dân. Vua bảo rằng: Cố nhiên phải như thế, nhưng khó chọn được người? Khanh biết người nào có thể sai làm được không? Tri Phương cử Trọng Bình có thể sai được.

Ngày tháng 10, vua cho là công võ ở Bắc kỳ đã thành, tướng sĩ hát khúc thắng trận trở về. Bèn ngự ở điện Cần Chánh, chuẩn cho Tri Phương, Trọng Bình vào tâu phục mệnh. Làm lễ xong, vua thân rót rượu ngự ban cho; lại cho ăn yến ở điện Cần Chánh, ca nhạc, diễn trò, để cùng vui cả. Lại phát ra các hạng ngọc bội kim tiền, quạt bằng ngọc, nhẫn bằng vàng, và trân châu, san hô ở kho trong Nội chia cho Phương và Bình.

Năm thứ 20, đầu mùa xuân, vua ngự triều, đem thơ xuân mới ban cho đình thần. Rồi bảo Tri Phương rằng: Xem thơ văn của khanh làm ra, cũng có chỗ hay. Nhưng triều đình dùng người chỉ cần chính sự mà thôi, văn chương chỉ là việc ngoài. Phương thưa rằng: Thần thấy cổ nhân có nói rằng: Chỉ dùng có nửa bộ sách cũng đủ thành công được thủ thành và khai sáng[1]. Hà tất phải học muôn câu, rồi sau mới làm được kế trị an lâu dài ư? Thần thiết tưởng văn học nhiều cũng không đáng chuộng. Vua bảo rằng: Khanh nói cố nhiên là thế, nhưng văn học cũng không thể ít được.

Gặp kỳ duyệt binh, vua sai Phương sung chức khâm duyệt đại thần, ban cho áo cẩm bào màu đỏ và kim tiền, loan đái bằng vàng ngọc, sai Phương mặc bộ có đai ấy vào để cho áo trận được hùng mạnh. Vua lại thấy khí sắc Tri Phương không

(1) Triệu Phổ đời Tống bảo Tống Thái Tông rằng: thần có một bộ Luận ngữ, nửa bộ giúp Thái Tổ định thiên hạ, lấy nửa bộ giúp nhà Vua (Thái Tông) đến thái bình.

Digitized by Google

được như lúc mới về. Dụ rằng: Nghe nói khanh cần lao, suốt đêm không ngủ. Hiện nay việc bận, tuy lo chăm, nhưng phải có tiết độ. Lại dụ rằng: Ngày xưa ưu đãi bậc đại thần, không để cho phải thân làm đến việc nhỏ. Nay như khanh, công việc bận rộn mỗi ngày tiếp nhận tập tờ tư, hoặc đến hơn trăm bản xem xét sổ sách mà mồ hôi đổ ra, thì tâm, lực rồi sao được? Nay chuẩn cho bọn tham tri thị lang biện lý bộ Binh, phải bàn làm việc của Bộ, cho được thanh thỏa; còn Khanh, thì duy có việc lớn mới phải cùng các viên ấy duyệt nghĩ, để được thư tâm mà trù nghĩ các việc như dùng điều hay, bỏ điều dở, huấn luyện quân sĩ, sửa việc phòng bị, cho xứng lòng trẩm.

Năm thứ 21 tên giặc đầu hàng là Ngô Côn lại làm phản, đánh hoãn tỉnh Cao Bằng. Bấy giờ công việc phòng thủ đánh dẹp ở Cao Lạng có phần quan khẩn. Vua hỏi đình thần rằng: Có kế sách đặc biệt nào không? Tri Phương tâu rằng: Địa thế Cao, Lạng hẻo lánh trơ trọi, trước đã có loạn, huy động quân dân tài lực đều kém. Hiện nay trù tính, nên chọn phái một viên đại thần đến trấn nơi ấy, để mạnh thanh thế. Vua nói rằng: Ý ấy trẩm trước đã nghĩ đến. Miền Sơn Tây, thì có Bá Nghi, miền Hà Nội thì có Đào Trí, phía Bắc thì có Bùi Tuân, đều là những viên giỏi việc. Còn ở triều đình mà thuộc viên Bắc kỳ này thì chỉ có Trọng Bình cùng khanh thôi. Nhưng khanh nay tuổi đã già yếu, khó nhọc mãi ở ngoài; trẩm cũng không nỡ lại phiền về việc quân. Tri Phương thưa rằng: Thần tuy già yếu, nhưng được chuẩn phái cũng không dám từ chối sự khó nhọc. Vua bảo rằng: Kinh sư là nơi căn bản quan trọng, khanh nên lưu tâm sửa sang cho được bền vững. Chợt có tin Ngô Côn đánh phá Lạng Sơn, quan quân ta lại thua, thạm tán (Nguyễn Mại), đề đốc (Nguyễn Viết Thành) ở đồn Tú Sơn bị chết trận, thống đốc là Phạm Thi Hương bị hãm trong đám giặc. Tri Phương tâu xin đi ra Bắc. Vua thấy Phương đã khó nhọc mãi, vả lại để trấn áp lòng của triều

Digitized by Google

đình nên không cho. Lại thấy bộ Binh nhiều việc, Tri Phương tuổi cao nhiều bệnh, đổi cho Phương quản lý bộ Công, nhưng sung việc Cơ mật và Hải Phòng, để tiện tham bàn việc lớn quan yếu.

Bấy giờ, quân thứ thường thường bị thua. Vua tuyên triệu Tri Phương vào dụ rằng: Đại viên ở quân thứ, đều là người giỏi! Thế mà đã lâu, vẫn mờ mịt không chút công hiệu nào. Gần đây, lại xin chọn người thay, mà mỗi lần phái đi đều như thế cả, còn như việc quân quốc quan trọng thì sao? Hãy đợi mười ngày; hoặc có thể lập công, bù tội thế nào đã, không được thế mới phải thay đổi. Tri Phương thưa rằng: Võ thần như Đoàn Thọ, Nguyễn Hiên; văn thần như Vũ Trọng Bình, Nguyễn Hữu Điềm, đều là người giỏi, muốn thay đổi tướng cũng khó kiếm được người nào như thế. Vua bảo rằng: Tất bất đắc dĩ. Đào Trí, Nguyễn Bính thế nào? Phương thưa rằng: Đào Trí bàn luận sự lý, so với Nguyễn Hiên, thì có phần thông hiểu hơn; nhưng dũng cảm, khí lược, thạo việc hàng trận, thì vị tất đã hơn Hiên. Nguyễn Bính tuy siêng năng, nhưng sức mạnh giỏi việc, thì kém Hữu Điềm. Thần là hạng ngu tối nghĩ thế, xin đợi (Hoàng thượng) xét rõ cơ sự từ trước. Nay thần tự xét bổn phận phải đi Đông đi Tây, sống chết phải chịu, há dám tránh sự khó nhọc. Lại tâu rằng: Các tỉnh Bắc kỳ, từ năm trước có việc phòng giữ đánh dẹp đến nay, gặp địch giao chiến bất lợi nhiều mà thắng trận ít, chưa có thể đánh to được một phen nào, cho địch khiếp sợ. Vì địch thì chia, hợp tự do, mà quân ta tuy kể có 2 vạn, nhưng chia đóng các sở. Mỗi khi đánh nhau với giặc, đều cho là sai phái không đủ, lại tâu xin thêm binh là để trễm lỡ việc đấy thôi. Hiện nay, việc phòng đánh ở Sơn, Thái rất là khẩn yếu, xin do bọn Vũ Trọng Bình, Nguyễn Văn Phong, Đoàn Thọ phái quân đánh bọn giặc ở Đại Từ (thuộc Thái Nguyên) trước; quan tỉnh ở quân thứ Sơn Tây, Tuyên Quang hợp quân lại đánh bọn giặc ở Sơn Dương (thuộc Sơn Tây) trước. Rồi sau tiến đánh giặc ở thượng

Digitized by Google

du. Ngõ hầu hợp với phép hoãn cấp, trước sau, đi chỗ này sang chỗ kia, lúc chia lúc hợp; nay có thể lần lượt dẹp tan sớm yên bờ cõi, không đến nỗi lo về có việc là phải điều động quân lính, lương thực, đi lại loanh quanh lỡ cơ hội. Vua cho lời bàn là phải, sai quân ở quân thứ đều theo như nghị mà thi hành.

Vua dụ Tri Phương rằng: Khanh là cựu thần, danh vọng to tác, trách nhiệm long trọng, dùng chuyên, tín lắm, trẫm đã tin biết, chuẩn cho sung chức đã kén chọn, chỉ ủy cho khanh việc nào quan trọng thôi. Phàm có việc lớn quan hệ đến quân, quốc, thì khanh phải nghĩ sâu, lo xa làm thế nào cho được trị an lâu dài, thì đều nên nhận, thời thường vào tâu cho biết, để đáp lại lòng trách mong có thành hiệu của ta. Bấy giờ có thuộc viên bộ Công là viên ngoại lang Nguyễn Văn Chất, trước kia biện lí việc nội bộ, coi sở làm công tác ở Dương Xuân, can về việc biền binh quá nghe tên giặc Trưng. Khi Tri Phương mới về, thì hết lời chỉ trích là xảo trá. Chất rốt cuộc bị giáng. Đến khi Tri Phương ở bộ Công, thì lại cho Chất là nhân viên được việc, xin đặc cách cất nhắc. Vua quở rằng: Trước thì ghét, nay thì yêu, mới chỉ có một người, mà chưa bao lâu, lòng đã rất khác, thì có thể suy biết được việc khác. Tri Phương không lưu ý vua muốn răn bảo, để tác thành cho được trọn vẹn. Phương bèn tâu rằng: Đấy tất có người mật tâu, muốn làm hại thần. Thần không có tài, không học, lạm dự quan cao, thường nghĩ lo báo ơn nước. Phàm thần có cử người nào, không dám có thiên tư tí chút. Nhưng chính vì phù tính cương trực, nên nhiều người ghét. Thường bị giam cầm, tội cũ chưa chuộc, tội mới lại thêm. Xin đem thần giao cho đình thần nghị tội. Vì làm tội một mình thần để cho các bề tôi bất công, bất chính, yêu tiền, tiếc chết phải sợ, đó là thần mong lắm. Vua cho là Phương lầm lẫn nói bậy, sai Nội các, viện Đô sát bầy nghi trượng ở đại cung, sai đình thần truyền chỉ sức hỏi.

Digitized by Google

Tri Phương bèn đem nguyên do phúc tâu, tạ tội.

Vua bảo rằng: Từ trước đến nay, các bề tôi kì cựu, mà biết một lòng vì nước, không có lỗi lớn, thì trẫm đều bảo toàn cả, không những đối với một khanh, mà đối đãi với khanh về tình phận thì cả dương gian, âm phủ cũng biết, không những là thần dân trong ngoài đều còn thái quá, trẫm cũng biết là khanh già lẫn, không đáng trách. Nhưng sợ về sau này, người không biết lại chê nhảm vua tôi ta, thì ai giải thích cho. Đình thần đem việc Tri Phương tấu đối thất lễ, xin giáng 2 cấp, lưu lại. Nhưng cho thôi việc ở Bộ, chuyên sung Cơ mật và Hải Phòng, được dự đình nghị.

Bấy giờ viện thần Cơ mật (là Phan Huy Vịnh, Trần Tiễn Thành, Phạm Phú Thứ) xin cho Tri Phương sung chức kinh lược đại sứ Bắc kỳ, bàn đốc việc đánh dẹp, để cho người biết là có sự thống quản. Vua không cho, bảo rằng: Mỗi việc phải đợi một vị nguyên lão mới làm xong, thì sau này làm thế nào?

Tháng 7 năm ấy, Tri Phương làm thọ 70 tuổi. Ngày sinh nhật của Phương, vua cho là người bề tôi kì cựu, công lao rõ rệt, ban cho một bài thơ như sau:

Phiên âm: Thọ kinh bách chiến hậu,
Vọng trọng lục khanh trung,
Trí sự hưu tuần lệ,
Phân ưu lượng phí cung,

Dịch nghĩa:

Tuổi thọ trải qua sau khi trăm trận đánh,
Danh trọng hơn cả 6 hàng chính khanh,
Đang được nghỉ việc, nhưng không theo lệ,
Có lòng chia mối lo với vua, không nghĩ gì đến thân mình.

Sai trung sứ mang các phẩm hạng truyền dụ ban cho để

Digitized by Google

làm tiệc thọ.

Năm thứ 20, Phương được gia hàm thái tử Thái bảo. Bấy giờ có tổng đốc Bình Phú là Thân Văn Nhiếp bị người chỉ trích, can đến bộ Lại nghị xử. Bộ gác để việc ấy hơn tháng mới tâu kèm lên. Quan ở khoa đạo đem việc ấy hặc tâu. Lúc ấy, Tri Phương làm Bộ trưởng. Vua cho Phương là thiên vị ẩn giấu, cách bỏ cung hàm Thái bảo, giáng làm Hiệp biện đại học sĩ. Rồi sau vua dụ rằng: Khanh tuổi cao sức yếu, trẫm đã rõ hết; việc nước như thế khanh có yên tâm được không? Phương thưa rằng: Trước đây xét việc Văn Nhiếp, thần không dám che giấu chút nào; chỉ vì lúc ấy, thần u mê, để đến nỗi chậm trễ, xin cam chịu tội. Vua bảo rằng: Phàm việc gì nên tự xét mình. Khanh thì bản tính trung; duy có phong độ thì không bằng viên Cần chính Trương Đăng Quế thôi.

Năm thứ 25, Phương bị bệnh, xin lưu ở dinh làm việc. Đến lúc bệnh khỏi vào chầu. Vua úy lạo rằng: Nước có lão thần, trẫm nhiều việc ủy thác. Phàm việc tầm thường, tất có người cùng Bộ làm thay, chớ tự khó nhọc quá. Khi ấy ở biên giới ngoài Bắc có loạn, đã 3, 4 năm, quân mệt, của thiếu, vua rất làm lo, sai Tri Phương sung làm khâm mạng tuyên sát đồng sức đại thần, kíp đến 2 nơi quân thứ Sơn Tây, Hải Dương. Vua dụ rằng: Khanh vốn có oai vọng, tĩnh trấn một nơi trù biện cho phải đạo, thì ngươi tự nghĩ hăng hái lên, bất tất cậy mạnh mạo hiểm, thân hành đi đánh làm gì? Nay kì cựu ở triều duy có một mình khanh, đình thần thường xin cho khanh đi đánh miền Bắc, nhưng trẫm không muốn phiền khanh lấy việc quân. Chỉ vì ngày nay việc lo ngại ở ngoài biên còn mãi, trẫm rất lo nghĩ, khanh cũng có lòng mong báo nước, nên trẫm mới sai đi. Tháng 11 năm ấy, cho Phương áo mùa đông. Dụ rằng: Đấy là áo rét của ta, khanh mặc vào để tỏ là người có đức, mà làm hùng mạnh cho điệu bộ của quân,

Digitized by Google

gọi là để tỏ lòng thành cởi áo cừu mặc cho của người ngày xưa[1] và ý nghĩa mong cho cả ba quân đều ấm như mặc áo bông[2] cả.

Năm thứ 26, giặc nước Thanh là Bạch Quế Vương đốt cướp các làng ở huyện Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang. Dân thổ, mán sợ chạy đến trú nhờ ở gần bên tỉnh thành. Tri Phương trích gạo chẩn cấp cho. Lại sai quan quân chia đường chẹn đánh. Giặc đều lui tan. Rồi sau bọn giặc trấn ấy kéo đến vây sát đồn Phòng Nắm (thuộc huyện Tuyên Quang). Phó đề đốc là bọn Trần Bân vì quân ít, cố giữ một mình, đợi quân viện không đến. Rồi sau thừa cơ đương đêm đem quân trở về, bị giặc đánh cho bị thua. Tri Phương vì là thông suốt không phải lẽ, bị giáng 3 cấp, lưu lại. Vua thấy giặc ở miền Thượng du Bắc biên, ngạnh trở lâu ngày, sai quân thứ đại thần trù nghĩ công việc đánh dẹp. Tri Phương xin phong tỏa cửa sông, ngăn cấm thuyền buôn, để cho bọn giặc bị khốn. Vua bảo đình thần rằng: "Lời xin ấy là kế thiết yếu làm cho giặc phải khốn quẫn, chuẩn cho thi hành".

Khi ấy, gặp đoàn thuyền của Đỗ Phổ Nghĩa người Phú Lang Sa đến mãi ở Hà Nội, quyết ý mở cửa hàng buôn, nói nhiều lời dọa nạt. Tri Phương đem việc ấy mật tâu. Vua chuẩn hạ lệnh cho quan các tỉnh Bắc kỳ phải hết lòng phòng bị cần được 10 phần vững mạnh để chặn mầm mống của họ. Rồi sau đoàn thuyền ấy chở lên miền thượng du Hưng Hóa, ngầm thông với giặc Hoàng Anh. Tri Phương mật sức cho miền núi, biển, mạn thương, hạ du phải nghiêm phòng. Lại phái cho

(1) Đời Chiến quốc, Điền Đan (người nước Tề) đi qua nước Lỗ, thấy có ông lão già qua sông Tri, bị rét không được, ngồi ở bãi cát. Điền Đan cởi áo cừu của mình mặc cho ông lão ấy.

(2) Mặc áo bông nguyên chữ Hán là "hiệp khoang". Tả truyện, xưa nước Sở đánh nước Tiêu, Thận Công Vu Thần nói là quân nhân nhiều người rét. Vua nước Sở bèn đi tuần trong ba quân, lấy lời úy lạo, ba quân được lời vua Sở vỗ về, người nào cũng quên cả rét, ấm lên như mặc áo bông cả.

Digitized by Google

Trần Nhượng đến trước ở Hưng Yên, Nam Định, Hải Dương khám các đường sông, chọn chỗ quan yếu đóng đồn phòng bị. Rồi sau phái viên nước Phú là quan ba Can Nghiệp đáp thuyền đến Hà Nội, dự định điều ước mở cuộc thông thương, đệ giao quan tỉnh ấy niêm yết. Tri Phương và quan tỉnh ấy đáp lại là: Chưa nhận được mệnh lệnh của triều đình, nên không dám khinh suất thi hành. Phái viên nước Phú tức giận. Thế rồi, đến ngày 1 tháng 10, đánh ập vào tỉnh thành. Quan quân ta chia giữ các cửa thành chống giữ lại. Tri Phương cùng con là phò mã Lâm, thì giữ cửa đông nam thành. Quân Phú phá cửa ấy trước. Lâm bị súng bắn chết, Tri Phương bị thương, thành bị hãm. Tri Phương nằm gan lì ở dinh, tuyệt không ăn uống gì. Bọn quân Pháp coi giữ ở thành ấy thường đem cháo và thuốc đổ cho Phương ăn uống, nhưng Phương nhất thiết đều phun mửa ra. Thong dong nói rằng: Nghĩa đáng phải chết. Lúc sắp chết, Phương tắm gội, thay áo, thần sắc vẫn không thay đổi. Phương tuyệt thực từ ngày 1 tháng 10, đến ngày 1 tháng 11, đầy 1 tháng mới chết, thọ 74 tuổi.

Đến khi hòa ước đã định, vua suy nghĩ đến Tri Phương một nhà tuẫn tiết, bèn xuống dụ rằng: Triều đình đối với người bề tôi đương sự, đáng nghị tội thì nghị tội, đáng xét công thì xét công. Nghĩa cộng với ơn hậu, đều thi hành cả mà không trái nhau, là để tỏ rõ cái quyền lớn khuyên răn, mà làm kế tốt cho đường đời lòng người vậy. Nguyên khâm mạng đại thần Nguyễn Tri Phương trước chọn sung làm tuyên sát đấu sức ở Bắc kỳ, rồi chuẩn cho chuyển làm trấn giữ Hà thành, đương mong trọng vọng cho trấn ấy. Không ngờ việc ngang trở, sinh ra mối hiềm khích. Ngay thành ấy không giữ được. Phương về nghĩa không chịu nhục, rồi mang chí mà chết. Vì khoản viên ấy không biết khéo làm, đáng xét tội gì, thì trẫm đã giao cho công luận, hãy đợi sẽ chuẩn cho thi hành. Nhưng nay trẫm nghĩ: Viên ấy trải thờ 3 triều, lúc bình, lúc loạn, vẫn giữ một lòng trung dũng, quan lại ai cũng

Digitized by Google

biết cả. Gặp lúc nhiều nỗi khó khăn, đã vội tự giết mình chết đi, thực đáng thương tiếc. Vậy quan cứu của viên ấy, chuẩn cho quan tỉnh Hà Nội phải bắt binh phu hộ tống về quê chôn cất. Cho thêm 3 cây gấm Trung Quốc, sa và nhiễu màu mỗi thứ đều 3 tấm, vải lụa mỗi thứ đều 10 tấm, tiền 1000 quan để chiếu liệu công việc về sau cho viên quá cố ấy để tỏ ra ý chu chuôn của trẫm đền bù công lao, nghĩ đến bề tôi cũ. Đến sau vụ án thất thủ xét xong đình thần nghĩ xử Tri Phương phải cách bỏ chức hàm, vẫn lưu mãi bản án trảm giam hậu. Vua mở xem bản án phê bảo rằng: Tri Phương là trọng thần, nhận trách nhiệm coi giữ một phương diện. Đương khi chuyển về trấn giữ Hà Nội, không biết dự phòng trước khi xảy ra, cứ kể về tội đứng chủ sai bảo mọi việc, thì đáng nên xử theo như nghị. Suốt đời trung dũng trẫm đã biết rõ, duy trẫm nghĩ rằng: Viên chết đi ấy tiết nghĩa toàn gia, thủy chung khó nhọc, so với bọn cẩu sống tạm, không có công trạng gì khác nhau xa hẳn. Nay tạm gia ân cho khai phục hàm tả tham tri bộ Binh. Còn tước bá là do công bình Man ngày trước mà được, thì miễn cho không tước bỏ.

Năm thứ 28, chuẩn cho Phương được thờ vào đền Trung nghĩa. Vua lại nghĩ rằng: Tri Phương và người em là Duy, con là Lâm, hoặc vì nước bỏ mạng hoặc cùng cha tuẫn tiết, trung hiếu, tiết nghĩa tụ cả một nhà, dẫu đến nhà họ Biện (?) khi xưa cũng không hơn được. Đặc ân sai dựng đền Trung hiếu ở xã ấy, hàng năm, cứ tuế thời, sai quan sở tại đến tế ở đền ấy. Bài văn tế rằng:

Phiên âm:		*Dịch nghĩa:*
Trung thần hiếu tử	,	Tôi trung con hiếu,
Lịch đại hữu chi	,	Đời nào cũng có
Nhất môn tam tiết	,	Một nhà ba người tiết liệt,
Ô hô cơ hi	,	Than ôi! có được mấy nhà.
Thần tắc tử trung	,	Làm tôi thì chết vì trung,
Tử tắc tử hiếu	,	Làm con thì chết vì hiếu;

Digitized by Google

Tại nhận luân thường , Là luân thường của người,
Vi thế danh giáo , Là danh giáo của đời,
Triều đình phúng thế , Triều đình khuyên đời,
Tiết do thủ yên , Được một tiết, còn nêu khen,
Huống kiêm nhị hữu , Huống chi lại kiêm cả 2 tiết,
Đại tiết lẫm nhiên , Thì tiết lớn lừng lẫy lắm.
Duy bỉ Nguyễn Khanh , Nghĩ Nguyễn Khanh kia,
Duy lang chi kiệt , Là người tuấn kiệt của nước,
Trung ngoại lịch dương, Từng trải làm quan trong, ngoài,
Kì bàng huân liệt , Là bậc kỳ cựu huân liệt.
Khái tự Dương thuyền , Giận từ khi thuyền Tây Dương đến
Xâm ngã hải tân , Xâm lấn miền ven biển của ta,
Mệnh tướng xuất sư , Sai tướng đem quân
Vô dụ lao thần , Không ai hơn bậc lão thần.
Nhĩ đệ Nguyễn Duy , Em ngươi là Nguyễn Duy,
Hữu văn hữu vũ , Có văn, có võ,
Kì huynh đồng tâm , Đồng lòng với anh,
Tham nhung Mục phủ , Tham mưu nơi mạc phủ[1]
Nam đồn bất thủ , Nam đồn không giữ được,
Nhĩ vi sở thương , Người trúng đạn bị thương
Nhĩ đệ tử chi , Em ngươi lại tử tiết (chết)
Khoa giáp lưu phương , Là người khoa giáp để tiếng thơm lại.

Khoảnh nhiên bắc cố , Bỗng lại ra bắc
Sự cơ cảnh ngộ , Sự cơ lầm lỡ,
Tặc xuất bất ý , Giặc đánh bất ngờ,
Nhĩ tử ư lỗ. , Ngươi chết vì giặc.
Nhĩ tử Nguyễn Lâm , Con ngươi là Nguyễn Lâm
Tiên nhĩ nhi vương , Lại bị chết trước ngươi,
Oanh oanh, liệt liệt , Oanh oanh, liệt liệt,
Hảo tố nhất trường. , Diễn ra một trận.
Thị huynh, thị đệ , Anh nào, em ấy,

(1) Mạc phủ: Trong trướng bàn việc quân.

Digitized by Google

Thị phụ, thị tử	,	Cha nào, con ấy,
Cổ chi Biện Môn	,	Dù nhà họ Biện xưa,
Đãi bất quá thử	,	Cũng chẳng hơn thế,
Ô hô vi thần	,	Than ôi làm tôi,
Năng trung ư quân	,	Biết trung với vua
Ô hô vi tử	,	Than ôi làm con.
Năng hiếu ư thân	,	Biết hiếu với cha
Duy trung dữ hiếu	,	Vừa trung vừa hiếu,
Nhất môn hàm tụy	,	Họp ở một nhà,
Giám khí sở chung	,	Khí tốt chung đức,
Kì tư chi vị	,	Ấy là thế đấy.
Viên kiến chuyên từ	,	Bèn dựng đền riêng,
Dĩ tưởng lệ chi	,	Tỏ lòng khuyến khích
Tuế giới tráng luận (Hạng trọng thu),		Hàng năm đến tháng trong xuân (Hạng trọng thu)
Mệnh quan tế chi.	,	Sai quan đến tế.
Đường long chi hương	,	Làng Đường long nọ,
Kì qui kì tàng	,	Chôn cất ở đó,
Vạn cổ anh phong	,	Tiếng anh hùng để lại muôn đời,
Sơn cao thủy trường	,	Như non cao, như biển rộng,

Năm Đồng Khánh thứ 1, tháng 11, phụ thần là Nguyễn Hữu Độ dâng sớ nói: Tri Phương là bậc tuổi già đức lớn của tiên triều, trải làm việc trong, ngoài, tất có công lao. Năm trước, viên ấy bị can, cũng là công tội. Xin gia ơn cho viên ấy khai phục hàm tước và chuẩn cho liệt thờ vào thờ ở đền Hiền Lương. Đến khi đình nghị cho là Tri Phương phù tá 3 triều, trải làm việc trong, ngoài, công vụ rõ rệt, không ai nói gì khác. Trước được liệt vào thờ ở Trung nghĩa, là chỉ kể về một tiết quyên sinh thôi, chưa đủ để nêu ra sự huân lao, hiền năng của Phương, mà để tỏ sự phân biệt. Xin cho được bày thờ vào án chính ở đền Hiền Lương để cho yên ủi linh hồn ở chín suối. Vua y lời nghị.

Digitized by Google

Con trưởng của Phương là Ngọc được tập phong Tráng liệt tử, bổ Cấm binh cai đội, trông coi việc thờ cúng. Con thứ là Lâm và em là Duy, chép truyện ở sau. Cháu đích tôn là Thiện, do đỗ tú tài, năm Thành Thái thứ 4, đi thi hội, được thứ trúng cách; thi điện đỗ phó bảng, làm quan đến Hàn lâm viện thị độc.

Lâm tên tự là Mặc Hiên, lấy công chúa Đồng Xuân, làm phò mã đô úy. Năm Tự Đức thứ 24, người cha Lâm là Tri Phương ở quân thứ Tam Truyện. Lâm vì lâu không được hầu cha sớm tối, dâng sớ xin đi thăm cha. Sau theo cha về thành Hà Nội, đóng quân ở quân thứ. Bấy giờ, quân Pháp đánh hãm Hà thành. Tri Phương đốc quân kháng cự, sai con là Lâm giữ cửa Đông nam. Quân Pháp đánh cửa ấy trước, Lâm bị súng bắn chết, Tri Phương bị thương, thành bèn bị hãm. Việc đến tai vua, vua thương xót lắm. Dụ rằng: Làm tôi chết vì trung, làm con chết vì hiếu, là quy tắc của đời xưa. Nguyễn Lâm không có trách nhiệm gì đến việc giữ thành, đem quân mà biết hiếu nghĩa như thế, ơn nước, tiếng nhà hai đằng không hổ thẹn; so với bọn con em thân thường của bọn quí phái khác, cùng những kẻ lúc bấy giờ bỏ quan, tìm nơi tiện lợi cho mình há chẳng càng nên khen thưởng ư? Vậy tặng cho Lâm làm thị lang bộ Binh chiếu hàm mà cấp tuất; lại cho thêm 300 quan tiền, để khuyến cho những người trung hiếu sau này. Và sai quan tỉnh Hà Nội sức bắt dân phu hộ tống quan cữu của Lâm về quê chôn cất.

Năm thứ 28, Lâm được bầy thờ vào đền Trung Nghĩa, lại hợp thờ vào đền Trung Hiếu.

Con của Lâm có 2 người: Tri Kiểm ấm thụ hàm Hàn lâm viện điển tịch, nay làm tri phủ phủ Triệu Phong; Tri Chí ấm thụ cẩm y hiệu Úy.

Duy, tên tự là Như Hiên, là em ruột của Võ hiển điện đại học sĩ Tráng liệt bá, Đường xuyên công. Khoảng năm Minh

Digitized by Google

Mạng, mấy lần trúng tú tài. Đầu năm Thiệu Trị đỗ hương tiến, rồi đỗ luôn tiến sĩ. Bắt đầu bổ Hàn lâm viện biên tu, rồi chuẩn vào Các, thi điện 2 lần, tuyển sung làm cấp viên thắng thụ tu soạn, biên chép tập thơ "Đỗ hội" xong được thưởng kỉ lục. Năm thứ 5, Duy được Thự tri phủ Tân An.

Tự Đức năm thứ 3, trải thự 2 phủ Hoàng Hóa, Quảng Ninh. Liêm bình có tiếng tốt. Bố chính là Đỗ Đăng Đệ, dâng sớ tiến cử. Có chỉ gọi về kinh dẫn vào ra mắt vua. Vua cho là được chuẩn bổ tri phủ. Năm thứ 4, thăng lên thị độc viện Tập hiền, sung chức Kinh diên khởi cư chú. Lại vâng chỉ ứng hạch ở điện Văn Minh, được dự hạng đỗ. Năm thứ 5, thăng bổ thị giảng học sĩ, sung ất bộ phó sứ sang nước Thanh. Lúc Duy ra đến ngoài cửa quan, thì giặc người nước Thanh nổi loạn. Duy phải lưu lại ở giữa đường. Năm thứ 8, mùa đông, Duy vượt biển trở về nước; vua cho là Duy lặn lội muôn dặm, gian nguy 3 năm, thưởng cho kim khánh hạng trung, bạc lạng, áo quần các hạng, cho ăn yến và vua lại làm bài thơ để úy lạo; rồi thăng bổ Hồng lô tự khanh, biện lí bộ Lại. Sau được chọn sung vào làm việc ở Các.

Năm thứ 9, thuyền Tây sinh sự ở cửa biển Đà Nẵng. Vua sai Duy đi hội đồng với Đào Tri trù biện đồn bảo làm kế thủ ngự, làm xong việc lại về Các.

Năm thứ 11, thuyền Tây lại vào cửa biển Đà Nẵng, bắn phá đồn bảo. Thư ngoài biên cáo cấp, anh là Nguyễn Tri Phương tổng thống quân vụ việc phòng ngự tối khẩn. Duy quả quyết xin đi. Vua khen là giỏi, sai sung chức tán lí quân vụ. Về sau thuyền Tây bỏ đi, Duy trở về kinh phục mệnh, được thăng bổ Quang lộc tự khanh, nhưng vẫn sung việc Các.

Năm thứ 12, thuyền Tây đánh hãm thành Gia Định, Duy đổi sung làm Tán lí đạo Định Biên.

Năm thứ 13, vua thấy quan ở quán thứ lâu ngày không công, chuẩn cho Duy giáng làm Lang trung.

Digitized by Google

Năm thứ 14, quân Tây tiến đánh đồn lớn Gia Định, quân ta hết sức chống giữ, Duy cùng tán tương là Tôn Thất Trí bị chết trận. Việc đến tai vua, vua thương tiếc mãi, sai hộ tống quan cữu Duy về quê chôn cất, truy tặng hàm Binh bộ tham tri, cấp thêm cho bạc, gấm, vải, lụa rất hậu. Chuẩn cho con Duy đến tuổi trưởng thành, do Bộ bổ dùng.

Năm thứ 28, sắc cho quan có trách nhiệm dựng đền ở làng để thờ (chưa rõ ở truyện của Tri Phương).

Con của Duy có 2 người: Kính, hiện ấm thụ hàm kiểm thảo; Hàm, hiện là ấm sinh vào học Giám.

Digitized by Google

QUYỂN 25

TRUYỆN CÁC QUAN - MỤC XV.

Hà Duy Phiên, Lý Văn Phức
Vũ Quyền (em họ: Đĩnh, Vĩnh; cháu họ: Thực, Chu),
Nguyễn Bá Thân (con: Tu), Phạm Đình Hổ
Phan Hữu Tính, Hà Quyền
Phan Bá Đạt, Phạm Hữu Nghi
Nguyễn Đình Tân
Ngô Duy Toàn (phụ chép Nguyễn Huy Chiểu),
Phan Cử, Phạm Phố (con: Thanh, Bành),
Nguyễn Tiến Lâm (con: Tiến Phác),
Nguyễn Công Nhàn,

*
* *

Hà Duy Phiên.

Tên tự là Đức Ninh, người huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Năm Gia Long thứ 18, đỗ hương tiến. Khoảng đầu năm Minh Mạng, do tri huyện Chân Lộc, được bổ tri phủ Hoằng An; nhiều lần thăng đến Lang trung bộ Hình, tham hiệp trấn Quảng Trị, thự phủ doãn Thừa Thiên.

Năm thứ 12, chuyển sang hữu thị lang bộ Hình, rồi sung biện công việc Nội các.

Năm thứ 14, được cất lên làm tả phó đô ngự sử viện Đô sát, tâu rằng: Viện tôi giữ chức khởi cư chú và tra xét công việc các nha. Xin phàm các bản thư xin về dụ, chỉ, phiếu nghĩ và các chương sớ, bản án ở trong ngoài, do Nội các chuyển giao, sao lục cho để phòng tra xét. Vua y lời. Lại tâu nói: Trước đây Nguyễn Công Trứ dâng tờ mật phong, nói: Có

Digitized by Google

việc mà giấu kẻ gian phạm thì bắt tội tổng trưởng, hương, lý trưởng, biết không tố cáo ra đều xử chém. Đã được chuẩn làm thử ở Nam Định. Đến nay đã 6 năm rồi, mà bộ Hình không từng phúc tâu, còn giữ lệ ấy để xét xử việc hình, thì sợ có phần riêng chịu quá nặng. Vua cho lời tâu phải, xuống dụ cho Nội các rằng: Phàm các nha môn xét việc hình, gặp có các án như thế đều phải chiếu bản luật, không nên viện dẫn lệ trước.

Năm ấy, sửa làm bộ "Thực lục tiền biên", Phiên sung làm toản tu, rồi tiến lên hữu tham tri bộ Lại. Gặp khi thổ dân ở Thanh Hóa nổi loạn, Phiên dâng sớ xin đi. Vua khen sai Phiên sung chức tham tán quân vụ. Rồi sau chuyển bổ tuần phủ Gia Định. Bấy giờ có lời gièm pha không có căn cứ định làm hại Phiên. Duy Phiên nghe thấy, lòng không được yên, mới dâng sớ xin biện bạch rõ ràng. Vua xét ra không có, mới triệu Phiên làm tá tham tri bộ Lại, ít lâu thự thượng thư bộ Công.

Năm thứ 17, thổ tù ở Sơn Âm tỉnh Ninh Bình là bọn Quách Tất Công, nuôi ngầm con cháu nhà Lê là Duy Hiển để mưu làm phản. Phiên được sung chức Tham tán đại thần cùng với kinh lược là Tạ Quang Cự đi đánh dẹp yên được. (Chép ở truyện Quang Cự). Vì có công, được ban bài đeo bằng ngọc trắng có chữ "cát tường", và mấy lần gia thưởng quân công gồm 4 cấp. Khi về triều, được bổ thượng thư bộ Công, kiêm quản Tào chính.

Năm Thiệu Trị thứ 1, gia hàm hiệp biện đại học sĩ, lĩnh thượng thư bộ Hộ, tổng lý việc làm Sơn lăng. Trước đây, sửa cung Kiến thành, điện Trung hòa, lại xây dựng ngôi cát địa Vạn niên ở Hiếu sơn và bây giờ sửa Sơn lăng, đều sai Duy Phiên trông coi cả.

Mùa thu năm ấy, sung cơ mật viện đại thần. Năm sau vua ra tuần ngoài Bắc, Phiên được sung chức lưu thủ (ở kinh). Khi xa giá về kinh, được thăng lên hiệp biện học sĩ, kiêm

Digitized by Google

sung phó tổng tài ở Quốc sử quán, lại sung làm tổng vựng bộ Đại Nam hội điển.

Năm Tự Đức thứ 5, gia hàm Thái tử Thiếu bảo, lĩnh thượng thư bộ Hộ, sung Cơ mật viện như cũ.

Duy Phiên giữ lâu việc chi thu trong nước, làm việc tinh sáng, được vua chú trọng riêng. Nhân bệnh xin phép về, rồi chết ở nhà thọ 62 tuổi, truy tặng hàm Thiếu bảo, văn minh điện đại học sĩ, tên thụy là Văn Thận; sai quan đến tế, sau Phiên được bày thờ vào đến Hiền Lương.

*

Lý Văn Phức

Tên tự là Lân Chi, người huyện Vĩnh Thuận, Hà Nội.

Năm Gia Long thứ 18, đỗ hương tiến. Khoảng đầu năm Minh Mạng được bổ Hàn lâm viện biên tu, sung sử quán, nhiều lần thăng làm thiêm sự bộ Lễ, hiệp lí việc trấn Quảng Ngãi, kiêm quản cơ lục kiên; rồi chuyển làm tham hiệp dinh Quảng Nam thuộc trực lệ. Phức làm được nhiều việc đúng. Vua khen, gọi vào làm hữu thị lang bộ Hộ, thự hữu tham tri, nhân việc bị tội, tước mất chức, theo phái viên đi Tiểu Tây Dương để gắng sức báo hiệu chuộc tội. Lại đi Tân Gia Ba. Sau được khôi phục tư vụ phủ Nội vụ, coi quản thuyền Định dương đi Lữ Tống, Quảng Đông làm việc công. Lại được nhắc lên chủ sự bộ Binh, rồi đi Tân Gia Ba; tiếp đến mấy lần đi Áp Môn ở Quảng Đông có việc công. Rồi lần lượt thăng lang trung bộ Công, nhắc lên hữu thị lang bộ Công, kiêm coi thuyền Phấn bằng đi Tân Gia Ban. Khi đi việc công trở về, được thự hữu tham tri bộ Công, quyền lí công việc thủy sư kinh kì.

Năm Thiệu Trị thứ 1, đặc cách bổ hữu tham tri bộ Lễ, sung làm chánh sứ đi Yên Kinh. Rồi sau vì thuyền nước ngoài đến Đà Nẵng, làm việc không khéo, án xử Phức phát làm lính; sau được khai phục thị độc.

Digitized by Google

Năm Tự Đức thứ nhất, được thăng lang trung, biện lí công việc bộ Lễ.

Khoảng năm Minh Mạng, được nhắc lên Quang Lộc tự khanh, rồi chết, truy thụ hữu thị lang bộ Lễ.

Phức, trước tác có các tập: Tây hành kiến văn lục, Mân hành thi thảo, Việt hành thi thảo, Việt hành tục ngâm, Kính hải tục ngâm, Chu nguyên tập vịnh. Văn Phức có tiếng là văn học, làm quan thường bị vấp, rồi lại được khôi phục. Trước sau hơn 30 năm. Phần nhiều phải làm việc khó nhọc ở đường biển, sóng gió kinh khủng, mây khói mịt mờ, kinh lịch không chỉ một chỗ nào, thường thấy biểu hiện ở thơ văn vậy.

Con là Văn Bật, vì ấm thụ, được bổ tri phủ phủ Kiến Thụy.

*

Vũ Quyền

Tên hiệu là Tấn Trai, người huyện Lang Tài, Bắc Ninh, cha là Thiêu, làm tham nghị đời Lê, sinh 12 người con: Con trưởng là Trinh, đầu năm Gia Long, được bổ tham tri, có truyện chép riêng.

Quyền, năm Gia Long thứ 18, đỗ hương tiến, trải làm tri huyện Mĩ Lương.

Đầu năm Minh Mạng vào làm chủ sự bộ Hộ, rồi thăng giám sát ngự sử, bổ đốc học Hải Dương.

Năm Thiệu Trị thứ 2, có chỉ bổ làm án sát. Sau vì mẹ già, tuổi ngoại 80, Quyền trình bày tình trạng xin từ chối, được gia hàm Hàn Lâm viện thị giảng học sĩ, cho về nuôi mẹ ở nhà, yên lòng ăn mặc giản dị. Về sau Quyền đến 70 tuổi, thủ thân, làm đệ sớ tâu, được ân chuẩn cho nghỉ việc.

Năm Tự Đức thứ 15, giặc Thổ nổi loạn, Quyền lánh đến ở Hưng Yên, rồi chết.

Digitized by Google

Quyền là người nhàn tĩnh, ít nói, di dưỡng có đạo. Tự khi lĩnh học chức qua 8, 9 năm sau khi về nhà lại dạy học trò, chăm chỉ dạy bảo không chán nản. Học trò đông đúc, nhiều người thành đạt. Chỗ ở của Quyền thích trồng cây hoa, tự lấy cảnh gió trăng làm vui; người ta thường ví như ăn lục oa của Thiệu Nghiêu Phu (tức Thiệu Ung đời Tống) ngày xưa.

Người em họ (con chú hay bác) là Đĩnh, Vĩnh; và cháu gọi bằng ông họ là Thực, Dác[1] người đều biết tiếng.

*

Đĩnh

Tên tự là Trực Phủ. Năm Gia Long thứ 18, thi ở kinh sư, đỗ hương tiến bắt đầu bổ huyện Thượng Nguyên, rồi vào trong, bổ chủ sự bộ Hộ, chuyển sang viên Ngoại lang trung; trải làm quan án sát sứ 2 tỉnh Nghệ An, Năm Định rồi bị giáng.

Đầu năm Thiệu Trị, được khởi phục chủ sự, thăng lang trung. Năm thứ 6, bổ án sát sứ Biên Hòa, rồi thự bố chính, hộ lí quan phòng tuần phủ, sau chết ở chỗ làm quan.

*

Vĩnh

Năm Minh Mạng thứ 2, đỗ hương tiến; thăng dần đến án sát sứ Sơn Tây, bị tội phải mất chức sau được khôi phục Hàn lâm viện trước tác.

*

Thực

Tên là Bội Phủ, năm Minh Mạng thứ 15, đỗ hương tiến, bổ tri huyện Hoành Bồ, thăng dần đến án sát sứ Biên Hòa; sau lĩnh bố chính sứ Gia Định, bị mất chức, phải về, sau khởi phục đãi chiếu.

(1) Dác: Nguyên trước tên là Chủ, sau đổi là Dác (chép ở truyện của Dác dưới đây).

Digitized by Google

Dác

Lúc đầu tên là Chù, năm Tự Đức thứ 18, đỗ phó bảng, bắt đầu bổ tri huyện Mĩ Lộc, vì việc bị mất chức. Sau đi theo quân thứ ở Bắc biên, được khởi phục; trải làm đến thương biện quân vụ Thái Nguyên. Vì có văn học, được triệu vào thị, gia hàm thị giảng; rồi lĩnh bố chính sứ Thái Nguyên. Sau tự xin đi đồn điền. Đầu năm Kiến Phúc bị bệnh, về nghỉ.

*

Nguyễn Bá Thân

Tên tự là Duy Nhạc, người huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa; thuở nhỏ đọc sách, tính trầm tĩnh.

Năm Gia Long thứ 18, đỗ hương cống, bắt đầu bổ tri huyện Lệ Thủy, rồi đi tri huyện Gia Lộc.

Đầu năm Minh Mạng, chuyển vào trong làm tào lang; rồi thăng bổ án sát sứ Quảng Bình; vì có tang cha, nghỉ việc về quê ở. Chợt gặp có giặc, Bá Thân đem quân họp giữ, được đặc cách khen thưởng.

Năm thứ 15, bổ lang trung bộ Lễ, biện lí việc Bộ; rồi thăng làm án sát sứ Khánh Hòa, vì việc bị tội mất chức, về sau được khai phục tư vụ, thác bệnh xin về.

Bá Thân áp đặt việc nhà có phép. Được 9 người con, thì 3 người đỗ hương tiến. Lúc chết tuổi mới 50, vì người con thứ là Tu quí hiển, nhiều lần được tặng hàm Thái thường tự khanh.

*

Tu

Tên là Tiến Chi, năm Tự Đức thứ 8, đỗ hương tiến, do hàn lâm thăng dần lên, đầu tri phủ Thuận Thành. Tại chức được 1 kỳ khảo cống (3 năm), thì triệu về bổ viên ngoại lang bộ Hộ, thăng lên lang trung.

Digitized by Google

Năm thứ 26, bổ thụ Hồng lô tự thiếu khanh, sung làm phó sứ sang Yên Kinh. Sau khi đi việc công trở về, được thự án sát sứ Hải Dương, bị tội vì khi trước ở Thuận Thành, kho chứa để thiếu, phải giáng 4 cấp, không được làm nữa. Ít lâu, được khai phục quang lộc tự thiếu khanh biện lí bộ Công; rồi thự phủ thừa phủ Thừa Thiên. Lại cho thự Hồng lộ tự khanh, biện lý bộ Lễ.

Năm thứ 35 được bổ bố chính sứ Bắc Ninh.

Năm Kiến Phúc thứ 1, sau khi tỉnh thành có sự, cho Tu quyền lí tổng đốc Ninh Thái.

Khoảng năm Hàm Nghi được thụ tổng đốc, rồi xin phép về làng, gặp binh biến bị hại. Con là Hoằng Nghi ấm thụ kiểm thảo; Hoằng Oánh, Hoằng Lược vì theo làm việc có công lao, được bổ chức huyện; Thúc, đỗ cử nhân.

*

Phạm Đình Hổ

Tên tự là Bỉnh Trực, người huyện Đường An, Hải Dương, cha là Giáp, đỗ hương cống đời Cảnh Hưng nhà Lê, quan đến thái bộc tự khanh.

Đình Hổ, thuở nhỏ thích học, đi thi trường bị trượt, mới hết sức đọc sách, phần nhiều thuộc cả điển cổ, người đều suy tôn.

Năm Minh Mạng thứ 2, vua đi tuần ra Bắc, nghe tiếng, gọi vào ra mắt ở hành tại, được vua hỏi chuyện, Đình Hổ bày tâu xứng ý. Vua sai cấp lương cho Hổ theo lệ hương cống hành tẩu ở 6 bộ. Đình Hổ làm biểu và dâng cả 2 quyển Lê triều hội điển, 1 quyển Bang giao điển lệ, các tập Thư giản sử quán sách phong về năm Cảnh Hưng Tân tị nữa. Sau Đình Hổ được triệu về kinh bổ hành tẩu viện Hàn Lâm, rồi xin về.

Năm thứ 7, được triệu vào kinh bổ Hàn Lâm biên tu, rồi tiến lên thừa chỉ. Đình Hổ lại dâng các bản An Nam chí,

Digitized by Google

Ô châu lục. Vua khen, thưởng cho vàng, lụa và thăng tế tửu Quốc tử giám.

Năm thứ 8, Đình Hổ nghỉ phép. Nhưng cố chỉ thúc dục ra làm việc. Đình Hổ lấy cớ là bệnh lâu khỏi, xin thôi việc ở Quốc tử giám, lại về làm thừa chỉ. Được ít lâu, lại bổ Hàn lâm viên thị giảng học sĩ, cho được theo triều ban tâu việc.

Năm thứ 30, Đình Hổ lấy cớ có bệnh xin về, rồi chết, tuổi hơn 20.

Đình Hổ học nhiều khảo cứu. Trước đây tổng trấn Bắc thành thường hỏi đường đi sứ nước Ai Lao và địa đồ nước Đại Miên. Hổ trả lời rất rõ; người ta khen là kiến thức rộng rãi. Đình Hổ trước tác có các sách Nhật dung thường đàm, Hi kinh[1] trắc lễ, lưu hành ở đời.

Con là Kí đỗ hương tiến, bổ đồng tri phủ Khoái Châu, bị tội phải mất chức.

*

Phan Hữu Tính

Người huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An.

Năm Minh Mạng thứ 3, đỗ tiến sĩ, do hàn Lâm bổ tri phủ Định Viễn, thăng đốc học Định Tường.

Năm thứ 8, được triệu vào làm lang trung bộ Lại, thự thiêm sự, chuyển sang tư nghiệp Quốc tử giám.

Năm thứ 10, bổ lang trung bộ Binh, theo làm việc ở tào công ở Bắc thành. Lúc việc công nhàn rỗi, Tính thích cùng với sĩ nhân vui thưởng văn thơ. Tại chức 2 năm thì chết, tuổi 58.

Hữu Tính thuở nhỏ thông minh, nhớ lâu, khi làm quan trong sạch, giản dị không khác gì người học trò nghèo. Hiệp biện đại học sĩ Đặng Văn Thiêm từng nói rằng: Ta chưa thấy

(1) Hi kinh: kinh Dịch.

Digitized by Google

ai nghèo như Hữu Tính. Tế tửu là Phạm Đình Hổ cùng làm việc với Tính, Đình Hổ cũng phục Tính là người nhã lượng, nói rằng: Ta thấy Tính là người hòa với mọi người mà không hùa theo, cùng với mọi người mà có trí thú riêng. Ngày thường thì tin thực, lúc lâm sự thì chắc chắn không thể thay đổi. Trước sau rèn dạy học trò, nhiều người thành đạt.

Con là Thận, Khải, Quế đều đỗ tú tài. Quế trải làm tri phủ Yên Bình.

*

Hà Quyền

Tên tự là Tấn Phủ, tiên tổ là người Nghệ An. Tổ xa là Trình Khoáng, đầu năm Quang Thuận nhà Lê đỗ tiến sĩ, làm quan đến thượng thư bộ Binh. Đến tiên tổ của Quyền mới đến ở huyện Thanh Oai, phủ Ứng Thiên. Cha là Đồng, đỗ Hương cống đời Lê.

Quyền tư trời thông minh nhanh nhẹn. Năm Minh Mạng thứ 3, đỗ tiến sĩ, bổ tri phủ Tân Bình, thăng tham biện doanh Quảng Trị; rồi được triệu bổ Thái thường tự thiếu khanh, thự thiêm sự bộ Công, rồi đổi sang hữu thị lang bộ Lễ. Gặp khi tên tù trưởng người Man ở châu Mường Vang, Quảng Trị là A Điên Cáo họp bọn làm phản. Quyền tự cho là trước ở Quảng Trị, phòng giữ không chu đáo để đến bọn man sinh lòng khởi loạn, dâng sớ xin đi đánh. Vua khen là giỏi và y cho, sai Quyền cùng Vệ úy coi đạo Cam Lộ là Tống Văn Uyển đem quân tiến đánh. Khi đến thì A Điên Cáo nghe bóng gió đã trốn trước, Quyền bèn truy bắt các bọn lũ của giặc còn lại, thổ dân bị phiêu tán, thì chiêu dụ vỗ về, lại về yên nghiệp.

Sau vì khí độc nặng, hạ lệnh cho rút quân về. Quyền về đến kinh, ốm lắm. Vua bảo thị thần rằng: Quyền là văn thần, tự xin vì nước xuất lực, cố hăng hái không nghĩ đến thân, người như thế, tưởng cũng khá được. Nay vì khí độc bị bệnh,

Digitized by Google

nhưng người tốt thì trời giúp, tự có thể giữ được tốt lành vậy. Được hơn một tháng, Quyền vào ra mắt, vua yên ủi, sai Quyền sung làm công việc Nội các. Mỗi lần có chỉ sai thảo sắc dụ, bút không ngừng viết, nhiều đến trăm câu đều đủ hết sự lý, vua khen. Có khi nhân lúc thư nhàn, vua hỏi đến nhà Quyền. Quyền phục xuống đất nói rằng: Tiểu thần hãy còn mẹ. Vua bảo rằng: Ngươi nghèo, ta thường ban cho 50 lạng bạc và sắc cho người mẹ của Quyền vào ra mắt. Vua tự viết 4 chữ "Vĩnh tích thọ khang" ban cho. Lại cấp thêm cho lĩnh, lụa, áo và vật hạng. Sĩ phu đều cho là vinh dự. Rồi sau Quyền vì việc bị khiển trách, phải đi Tây Dương gắng sức chuộc tội. Quyền có tập thơ Dương trình mộng.

Năm thứ 13, được khởi phục kiểm thảo, sung làm hành tẩu ở Nội các, dần dần thăng thị độc học sĩ sung biện việc Các. Vua bảo rằng: Ngươi là người đọc sách, nếu biết gắng sức, không lầm lỗi đến 2 lần, thì hiển vinh cha mẹ, cũng là để đền bù lại tấm lòng tác thành của trẫm chút mới phải. Lại bổ thụ cho làm hữu thị lang bộ Công; nhưng vẫn sung việc Các; rồi thăng mãi đến tả tham tri bộ Lại, sung Cơ mật viện đại thần. Quyền cùng cả Viện dâng sớ nói rằng: Làm việc nước, có đặt ra kỉ cương pháp độ, có thể chế chính đại công bình. Nếu rắn được cốt yếu, thì không khó nhọc mà nên thịnh trị. Như điển mô đời Đường, Ngu, Thuấn, các đời Hạ, Thương xưa, thì phép trị, mối trị giường mối lớn, cốt yếu lớn, rõ rệt có thể làm gương được. Đến đời sau, như các thiên Trịnh nguyên, Khai nguyên chính yếu của nhà Đường, tam triều bảo huấn của nhà Tống, cũng đủ thấy trị thế một đời ở chỗ nào. Nay hoàng thượng sửa sang đổi mới, chỉnh đốn trăm việc, mà tìm về cương lĩnh, then chốt, thì đều căn bản ở kính trời, bắt chước tổ, chăm việc, yên dân, đặt ra binh, thương việc hình, sửa việc văn, mạnh việc võ, cầu hiền tài, xét quan lại, trọng việc nông, chuộng tiết kiệm, cũng là xây đắp thành, bảo giữ vững bờ cõi các việc. Tự năm đầu đến

Digitized by Google

nay, trị thế được tốt, rạng tỏ đời trước. Xin phái ra thuộc viên ở Bộ, Viện, các người nào có văn học, mỗi nơi lấy 1 người, đem các bản chữ son và bản biên khởi cư chú, phát phàm khởi lệ, soạn làm một tập Minh Mạng chính yếu. Bọn thần lần lượt đi xét làm. Phàm việc gì cứ việc mà chén thẳng, để tỏ là sự tin chắc. Vua y lời tâu.

Lại sai Quyền kiêm là công việc bộ Công.

Năm thứ 20, Quyền vì bệnh chết, tuổi 42. Vua thương tiếc lắm, dụ rằng: Hà Quyền tự vào làm quan đến nay, cần lao việc vua, trải làm ở nơi cơ yếu hết lòng, hết sức. Ngày nọ, Quyền bị ốm, trẫm thường cho thuốc thang của ngự dựng, mà chưa thấy bớt khỏi. Nay nghe tin chết đi, mà Quyền làm quan thanh bạch, nhà không của thừa, rất là đáng thương. Chuẩn tặng làm bộ Lại thượng thư; lại cấp cho gấm Trung Quốc, tiền, lụa để làm ma. Còn các con của Quyền, đợi khi nào trưởng thành, thì do bộ Lại dẫn vào ra mắt, sẽ cho bổ dùng. Lại sắc cho quan chức trách thời thường đến thăm hỏi người mẹ của Quyền. Hàng tháng cấp cho bạc, gạo, để nuôi cho đủ ăn hết đời.

Quyền có danh vọng to tát chưa được hết tài. Vua thường bảo phụ thần rằng: Trẫm xem văn chương của Quyền, thực là tài tử cứng rắn, nhanh nhẹn, hạng sau này không bằng được. Quyền trước tác có Tôn phủ thị tập 4 quyển, văn tập phần nhiều thất lạc còn sót lại 2 quyển. Con là Nguyễn Xuân, ấm bổ đến chủ sự bộ Lại.

*

Phan Bá Đạt

Người huyện La Sơn, Hà Tĩnh.

Năm Minh Mạng thứ 3, đỗ tiến sĩ, bắt đầu bổ Hàn lâm, thăng dần đến phủ thừa phủ Thừa Thiên, hữu thị lang bộ Lại, chuyển đi hiệp trấn Sơn Tây.

Digitized by Google

Năm thứ 11, lại vào làm việc Bộ. Bấy giờ có tuyển cử giáo chức, phúc hạch không xứng chỉ. Vua bảo rằng: Trẫm từ khi giữ việc nước đến nay, chấn hưng văn giáo, mà nhân tài vẫn ít ỏi như thế, là cớ sao? Bá Đạt, thưa rằng: Hoàng thượng lưu ý tác thành nhân tài ai chẳng tự nghĩ phấn khởi. Nhưng giáo chức, phần nhiều do cất cử lên, học vấn hẹp hòi, không thể làm khuôn phép cho người được. Nếu lấy khoa mục mà bổ, thì nhân tài có phần ngày tiến lên.

Năm thứ 12, thăng hữu tham tri bộ Hình, tả phó đô ngự sử viện Đô sát. Vua muốn cho hình pháp được cẩn thận. Bá Đạt nói: Phép trị phải có người để trị, thì phép mới thi hành được. Vua lại bảo rằng: Lập ra cương kỷ, thường mang cho việc làm có chỗ tựa theo, mà người thừa hàn không tốt, đến nỗi khổ dân. Trẫm từng lấy thế làm răn. Bá Đạt thưa rằng: Xưa Văn đế nhà Hán không phải thay đổi gì, mà trong nước giàu thịnh; Văn Hành (tức Minh Hoàng) nhà Đường, nhẹ bớt thuế, dịch, mà thiên hạ thái bình, thế thì đường lối chính trị, không có gì khác đâu? Chỉ đừng có nhiễu sự mà thôi.

Năm thứ 16, sung làm Cơ mật viện đại thần, chợt có việc khám xét án trộm ở kinh sư, bị ngự sử Phan Đăng Di trích ra tham hặc là làm trái phép. Việc giao xuống chính khanh 6 bộ hội đồng xét xử, xét ra không có sự hối lộ ám muội gì; chỉ là khinh suất nghe lời cung khai, để đến người thường phải đà lụy, mà thôi. Đăng Di vì nghe tin bóng gió, nói việc không thực, phải giáng chức, Bá Đạt cũng giáng làm lang trung bộ Hình, biện lý việc Bộ; dần thăng hữu thị lang bộ Lễ, rồi thăng thị hữu tham tri bộ Hình, trải qua 2 bộ Lễ, Hình.

Năm Thiệu Trị thứ 1, kiêm quán Quang lộc tự, sung phó tổng tài ở Quốc sử quán.

Năm thứ 3, thự tổng đốc Định An. Khi đã đến tỉnh lị, xét trích ra mối gian tệ, tâu xin dời đặt 2 đồn biên đi nơi

Digitized by Google

khác; lại xin định lại điều lệ về bọn lại ty hồi tị.

Mùa thu năm ấy, kì lại kế, vua dụ rằng: Phan Bá Đạt là người siêng năng cẩn thận, thanh liêm, chính đính, cai trị được nơi nhiều việc, sửa sang được nơi rắc rối, chuẩn cho thực thụ tổng đốc.

Năm thứ 5, Đạt xin đặt 2 đội Bình Hải, Định Hải đóng giữ cửa biển. Lại xin mộ thêm dân lậu số đến chỗ đất hoang khai khẩn. Vua y cho.

Bá Đạt, tính nghiêm chỉnh, người không dám kêu xin về việc riêng, gặp việc giữ một mực. Rồi sau về khám xét án phản nghịch trong thuộc hạt, lầm lỡ buộc tội nặng cho người, rồi sau chết. Đầu năm Tự Đức, được truy phục viên ngoại lang bộ Lại.

*

Phan Hữu Nghi

Tên tự là Trọng Vũ, tên hiệu là Đạm Trai. Tiên tổ là người Nghệ An, nhập tịch ở đây. Nghi thuở nhỏ thông sáng, lúc lên 5, 6 tuổi, cha là Văn Vận dạy Nghi học Đường thi, qua miệng là đọc thuộc. Khi Nghi đi học thầy, cử chỉ đứng đắn như người lớn.

Năm Minh Mạng thứ 2, đỗ hương tiến, bắt đầu bổ điển bạ, thăng dần đến tu soạn, sung làm chức hành nhân sứ bộ đi sang nước Thanh. Đến khi về, vì việc đệ trạm không hợp lệ, bị cách chức hiệu lực[1], rồi phái đi công cán ở Giang Lưu Ba, được khôi phục làm tư vụ, thăng chủ sự; trải làm quan tri phủ 3 phủ An Nhân, Hoài Đức, Hoài Nhân. Vì có tiếng là văn hạnh, thăng thị giảng, sung tán thiện, đổi làm tư nghiệp, thăng bố án sát sứ Nghệ An. Chưa bao lâu, đổi vào kinh, thăng quang lộc tự khanh, sung Sử quán toản tu.

(1) Thất Nhập: Danh từ luật xét lầm tội nhẹ mà buộc vào tội nặng. Hiệu lực: Sức làm việc để chuộc tội.

Digitized by Google

Đầu năm Tự Đức, ứng chế làm bài thơ "Nguyệt trung quế"[1] là bài phú được xứng ý, thăng thụ hữu tham tri bộ Lễ, sung làm nhật giảng quan ở Kinh diên.

Năm thứ 7, Nghi tâu xin kiểm xét tự năm Gia Long thứ 1, cho đến năm Thiệu Trị thứ 7, phàm các văn thể như sắc mệnh, chiếu cáo tiên biểu, thư, sớ, bi kí, lộ bố[2] và tán tụng, tự, bạt,[3] do các thần công nghĩ soạn ra, chọn bài nào hay hơn cả, chia từng môn, định từng loại, biên chép vào thành tập, nhan đề là "Đại Nam văn uyển thống biên", để cho điển chương thời thịnh trị, lưu truyền lâu dài. Vua khen là phải, sai Nghi trông coi việc làm. Khi biên thành tập được 76 quyển, gồm có 1.421 bài.

Năm thứ 15, Nghi vì già yếu, xin viện lệ cáo về. Vua hậu cho bạc lụa, mũ áo để ưu đãi. Tháng 3 năm ấy, Nghi chết, tuổi 66. Tin báo tang đến tai vua, vua cho thêm 500 quan tiền.

Hữu Nghi thông các kinh, học rộng, lúc mới sung làm hành nhân, có làm tập "Sứ yên tùng vịnh", danh sĩ ở Trung Quốc cũng đều khen thưởng. Lại có tập thơ "Đạm trai" lưu hành ở đời. Nghi, lúc ngày thường, lưu ý đến quê hương. Khi Nghi ở làng lúc ấy lo nạn bãi sông lở, Nghi bèn họp người làng, mưu xin ruộng của xã Thẩm Lĩnh để cho dân ở. Đến nay dân làng còn ơn.

Con là Trác, Gia đều làm bát phẩm bộ Binh; cháu là Liệu, năm Thành Thái thứ 10, đỗ tiến sĩ, hiện lĩnh tri huyện Nga Sơn.

*

(1) Nguyệt trung quế: cây quế trong trăng.

(2) Đời xưa dùng binh lược thắng trận, làm tờ dâng công trạng ở triều, gọi là lộ bố.

(3) Bạt: lời bình luận của người sau đăng ở cuối các tác phẩm.

Digitized by Google

Nguyễn Đình Tân

Trước tên là Hưng, người huyện Quảng Điền, Thừa Thiên, là con viên trung hưng công thần, thượng thư bộ Hộ trụ quốc, tham chính Khánh trạch hầu Nguyễn Đình Đức.

Năm Minh Mạng thứ 2, đỗ hương cống.

Năm thứ 9, làm viên ngoại lang bộ Lại, rồi thăng lang trung; cùng với viên quan ngoại là Đặng Văn Khải sung làm ất phó sứ sang nước Thanh. Đến lúc về, Tân vì mãi biện không hợp bị tội mất chức, phải theo thuyền đi Lã Tống để gắng sức báo hiệu.

Năm thứ 12, được khởi phục hưng tư vụ phủ Nội vụ.

Năm thứ 13, thự lang trung bộ Công, chuyển thự lang trung phủ Nội vụ. Năm ấy, Tân dâng mệnh hội đồng với quan tỉnh Nghệ An, mang theo niên giám thành đi ngắm xem lối đường sông từ phía trước tỉnh thành Nghệ An đến giáp đầu địa giới tỉnh Thanh Hóa, xét rõ quãng nào khó, dễ, vẽ thành đồ bản, đệ dâng. Kịp lúc trở về, đem tình trạng dân hạt ấy bị chết dịch khó kiếm gạo ăn, dân phiêu lưu đến nỗi bán con để nuôi sống hàng ngày, tâu lên vua biết. Vua sai bộ Hộ khẩn tư cho quan tỉnh Nghệ An, phải kíp đem hiện tình tâu bày. Quan tỉnh ấy phúc tâu bằng: Xét thực dân gian không đến nỗi quẫn bách như thế. Vua cho là Tân nói quá sự thật, bảo rằng: Đình Tân ít tuổi hay sinh sự, chỉ nghe đồn bóng gió không căn cứ đã vội tâu lên rất là mạo muội. Chuẩn truyền chỉ sức quở.

Mùa thu năm ấy, đổi sang lang trung bộ Lễ; rồi Thự quang lộc tự thiếu khanh biện lý công việc bộ Lễ.

Năm thứ 14, thăng thự bố chính sứ Nghệ An.

Năm thứ 15, vì bọn thổ phỉ ở Thanh Hóa lén lút làm loạn, cùng liên tiếp với mạn thương du tỉnh Nghệ An, dâng sớ xin phái quan quân đến giới phận phủ Quì, phủ Diễn chia

Digitized by Google

giữ các nơi, và thông sức cho các hạt Tương Dương, Trấn Ninh phải phòng giữ nghiêm ngặt hơn lên. Vua bảo là Tân trù nghĩ tình trạng biên giới được thỏa hợp.

Năm thứ 16, Tân thấy mạn thượng du hạt tỉnh ấy giáp giới với đất Xiêm, trù nghĩ công việc làm cho sau này được tốt, làm thành từng điều tâu lên. Vua cho là phải, bảo là những đã trù nghĩ, nói có lý.

Năm thứ 18, sung làm chủ khảo trường thi hương, khoa văn ở Hà Nội.

Năm thứ 21, thăng tả thị lang bộ Binh. Bấy giờ, Hiến tổ Chương hoàng đế mới nối ngôi, Tân đổi làm tả thị lang bộ Lễ, sung làm chánh sứ sang nước Thanh dâng lễ cống hàng năm và mừng thọ. Vừa gặp có quốc tang lại thôi. Được gia hàm tham tri bộ Lễ, chuyển sung làm chánh sứ vâng đón mệnh lệnh. Khi Tân đến cửa quan thổ mục nước Thanh lấy làm lạ, đều đến hỏi cớ. Tân cùng bọn ấy tiếp kiến, lại đem sản vật thổ ngơi đưa cho. Việc đến tai vua, bộ Lễ hặc Tân là làm không phải lệ, giáng 1 cấp, lưu lại. Nhưng lấy nguyên hàm sung làm việc Nội các, trải thăng thự tuần phủ Hà Nội, Hưng Yên, rồi được thực thụ.

Năm Thiệu Trị thứ 4, kì đại kế, Tân bị giáng xuống hữu thị lang bộ Lại.

Năm thứ 5, thăng thự hữu tham tri bộ Lại, chuyển thự tuần phủ Trị Bình.

Năm thứ 7, đổi đi tuần phủ Nam Ngãi. Vua dụ rằng: Bệnh mắt kém của khanh, tình trạng lâu nay thế nào? Trẫm thương khanh đương còn đứng tuổi mà có tật ấy, nếu ở kinh vào chầu, có phần khó nhọc; cho nên bổ khanh ở nơi ấy, để tiện được điều dưỡng. Ở hạt ấy, cứ nằm mà làm việc, không khó đâu? Duy có Đà Nẵng là cõi biển quan yếu, ngươi nên cẩn thận để xứng lòng trẫm, mà khanh cũng sẽ được không thẹn với tiếng nhà.

Digitized by Google

Tháng 2 năm ấy, Tân nhận lá thư của người Tây đệ về vào tâu. Việc giao xuống đình thần bàn, cho là Tân làm mất quốc thể, xử cách chức, lưu lại. Tháng 3, truyền Tây Dương sinh sự ở Đà Nẵng. Thuyền đồng của ta bị bắn phá, quan quân nhiều người bị thương, bị chết. Đình Tân vì trù tính không đúng, bị xử cách chức, phát đi làm binh. Tháng 7, được khởi phục làm thị độc, sung vào sở tu thư, biên chép văn chữ, dần thăng thị lang bộ Binh.

Năm Tự Đức thứ 5, lấy bản hàm thự tuần phủ Định Tường.

Năm thứ 6, hai thôn Mỹ Chính, Phúc Hội bị hỏa hoạn, Tân xét hiện tình thiệt hại phát chẩn trước, rồi mới tâu, vua khen.

Năm thứ 7, thăng tuần phủ Hưng Yên; đổi đi hộ lý tổng đốc Định An.

Năm thứ 8, vua bảo các thần rằng: năm ngoái các hạt hiện được yên ổn, cũng là may với không may thôi. Duy có thưởng phải đúng, phạt tốt làm ngay, là triều đình dùng để khuyến khích các thú, mục. Như Nguyễn Đình Tân chống giữ có phương pháp, thưởng gia 1 cấp. Nhân cửa sông Kim Hưng có cát bồi, Đình Tân dâng tập tâu rằng: Khơi thông đường sông ra để chia bớt thế nước của sông Nhị Hà. Trước đây, các đại thần khâm sai, nghĩ xin khai 2 dòng sông Thiên Đức, Nguyệt Đức hơn 100 trượng, tiêu được mấy phần nước lụt. Mới một năm nay, cửa sông hầu thành đất phẳng. Nay nếu lại khai nữa, thì kho của nước công của dân, lao phí biết chừng nào, mà cũng chẳng khỏi sa lại bồi lên. Nghĩ nên theo như cũ là tiện. Vua theo.

Năm thứ 11, Tân xin đắp lũy đất ở cửa Ban Lạt. Vua cho là biết dự phòng trước khi việc xảy ra, nên y cho.

Năm thứ 12, được thực thụ tổng đốc, rồi xin về kinh chầu thăm. Vua dụ rằng: Thần tử ở ngoài ai không có lòng

Digitized by Google

nhớ vua. Nhưng có trách nhiệm về giữ bờ cõi, thì nên lo việc giữ bờ cõi, làm hết nhiệm vụ nên làm, chớ để lo cho quân, cha, tức là ý thiết tha tôn vua, thân người trên, há phải cứ theo ban chầu làm lễ, mới là tỏ lòng thành ư?

Năm thứ 15, giặc mặt nước ở Hải Yên là tên Ước, tên Độ chia bọn lũ đi cướp nhiễu. Vua sai Đinh Tân sung chức Hải Yên kinh lược đại thần, kiêm coi Định, Yên tổng đốc quân vụ. Rồi sau đình thần xin triệu Tân về kinh sung thay chức chính khanh. Vua cho là Đinh Tân dự vào họ thân ở Nội đình (cha sinh ra Thiện phi Nguyễn Đình thị) nên không cho.

Năm thứ 16, vì già yếu xin nghỉ. Vua dụ rằng: tự xưng các đế vương đối với người nào là họ thân với nội cung, tất phải xử trí cho khéo để bảo toàn, cũng là để tỏ ra ý sâu xa chí công vô tư, lo nghĩ dự phòng. Như Quảng Quốc[1] hiền hạnh, mà không cho làm thừa tướng; Mã Viện[2] công lao, mà không được dự vào Vân đài, là phép rất hay, há chẳng đúng làm gương ư? Nay Đình Tân là thế thần của nước, ân ngộ 3 triều, trải coi giữ nhiều địa phương, công lao tài năng rõ rệt. Đình thần đều xin triệu về sung thay chính khanh; tuy rằng dùng người chỉ cần có tài, không câu nệ gì là thân thích, nhưng cũng nên nghiêm phòng sẵn từ trước, trẫm không lấy sự nhất thời không ngại, mà quên để lại mưu tốt muôn đời. Huống chi, viên ấy già yếu xin nghỉ, châm chước theo lời xin, cho hợp tình lẽ, tưởng không hại gì. Chuẩn cho viên ấy lấy hàm Binh bộ thượng thư, về kinh dự chầu hầu, không nên cho dự chính. Đó là trẫm xét trước, sung sau, để toàn được đại tiết, và để làm phép cho đời sau bắt chước. Khanh nên giữ cẩn pháp độ, cùng nước cùng vui, chớ bảo là không tội, mà bắt nghỉ việc, cũng không phải là hiếu danh mà bỏ người cũ vậy. Khanh nên thể theo lòng trẫm, chớ phụ lời dạy bảo.

(1) Quảng Quốc: chưa rõ điển.

(2) Con gái Mã Viện lấy Hán Minh đế tức là Minh đức hoàng hậu. Minh đế có 28 công thần ở Vân Đài, duy có Mã Viện không dự.

Digitized by Google

Đến khi Đình Tân về kinh, vào tạ vua, vua hỏi về sự thế Bắc kỳ. Tân kể rằng: Tên giặc Minh lẩn trốn ở ngoại biên, bọn chúng còn nhiều. Đến cuối hạ đầu thu nước sông lên to, thì quân ta khó cùng với chúng ganh nhau về nghề thuyền lái được, nên sự thế cũng khó làm cho xong ngay.

Năm thứ 17, con Tân là Đình Cán cùng công tử Hồng Tập, mưu làm việc trái phép. Đình thần nghị xử Tân biết tình hình mà dung túng ẩn giấu kết tội trảm giam hậu. Vua chuẩn cho đổi làm tội phạt trượng đem đi đồ, nhưng cho phép thu tiền chuộc tội, để bảo tồn con cháu công thần, phát ra lòng liêm sỉ.

Năm thứ 19, bộ Binh tâu rằng: Đình Long (nguyên tri huyện bị can liên vụ án Hồng Tập cách chức) trước đây theo cha là Đình Tân chiêu mộ được 500 tên thủ dũng theo đi quân thứ có công, xin cho tên ấy miễn tội và lượng dụng. Vua chuẩn cho Đình Long được bổ làm đồng tri hoặc lĩnh huyện. Lại dụ rằng: Đình Tân phải tội là đáng. Nhưng ta nghĩ là bậc thế thần công lao, nay con đã được miễn tội, xét công, mà người cha lại không xét đến thế là chưa hết đạo khen về thiện thì lâu mãi, ghét kẻ làm ác thì ít. Nên cho khai phục chức gì? Chuẩn giao việc ấy cho đình nghị. Các đình thần đều nói là từ trước đến nay chưa có làm qua, quyền cho hay không xin đợi ân cách. Lại nói: Đình Tân trước làm quan có nhiều thực trạng (Năm Tự Đức thứ 8, Tân nhậm chức ở Nam Định, giặc không vào trong hạt; trong phủ 18 huyện, không có người nào đi theo giặc. Năm thứ 15, cũng giữ được yên toàn hạt), chuẩn cho khai phục hàm Hồng Lô tự khanh về hưu trí. Năm thứ 28, Tân bị bệnh chết, thọ 76 tuổi. Năm thứ 29, được truy tặng hàm thượng thư bộ Lễ.

Con thứ là Nguyễn Đình Tiếp, nguyên là phò mã đô úy, bổ xuống làm Lang trung, thăng biện lí bộ Lại; rồi ra làm án sát sứ Bình Thuận, chết ở nơi làm quan.

Digitized by Google

Ngô Huy Toàn.

Người huyện Siêu Loại, Bắc Ninh; năm Minh Mạng thứ 2, đỗ hương tiến, bổ tri huyện Thanh Lâm, thăng tri phủ Quốc Oai; rồi vào làm viên ngoại lang bộ Lễ.

Năm thứ 11, được thăng tham biện Hưng Hóa.

Năm thứ 13, thự bố chính sứ, gặp giặc thổ rủ nhau tụ họp đánh hãm các đồn Quỳnh Lâm trong hạt. Huy Toàn thân đốc lại và quân lính dẹp yên được. Rồi được bổ tuần phủ.

Năm thứ 18, Toàn chết ở nơi làm quan. Con là Du, vì tập ấm, bổ đến tri châu.

*

Nguyễn Huy Chiểu.

Cũng đỗ hương tiến khoa ấy, bắt đầu bổ điển bạ, ở mãi viện Hàn lâm.

Năm thứ 14, Chiểu sung làm phó sứ đi Yên Kinh. Sau khi đi việc công trở về, được bổ án sát sứ trải ở 2 tỉnh Thanh Hóa, Tuyên Quang; vì việc bị giáng Hàn lâm thị độc.

Trước đây, khoảng năm Gia Long. Người cha của Huy Chiểu tên là Trinh từng lấy chức tham hiệp trấn Lạng Sơn, sung đi sứ nước Trung Quốc, đến Huy Chiểu lại kế tiếp đi sứ.

*

Phan Cử.

Người huyện Thanh Chương, Nghệ An. Năm Minh Mạng thứ 2 đỗ hương tiến, thăng dần đến viên ngoại lang bộ Hình.

Năm thứ 9, vì việc phải tội bị mất chức, phải đi xứ Tạn Cương ở Trấn Ninh, gắng sức làm việc để báo hiệu; lại phải đi phủ Cam Lộ. Vì được nhiều công lao, được khởi phục huấn đạo huyện Bảo An, Vĩnh Long. Gặp khi nghịch Khôi làm phản, bèn cùng với thân sĩ trong huyện kết tập nghĩa binh, bắt giết

Digitized by Google

bọn ngụy là Đoàn Văn Nguyệt. Độ một tuần, có được hơn 1000 nghĩa binh, chia từng bộ theo quân sĩ Gia Định tiến đánh. Chợt có giặc Xiêm, quân thứ đại thần phái Cử đi theo tổng đốc là Lê Đại Cương đi trấn phủ đạo Quang Hóa; trải thăng giáo thụ phủ Tuy An, rồi thăng hàm tu soạn, lại đổi đi chủ sự.

Khoảng năm Thiệu Trị, được sắc bổ đốc học rồi chết ở nơi làm quan.

*

Phạm Phổ.

Tên tự là Trạng Tuyền, người huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa.

Năm Minh Mạng thứ 2, đỗ hương tiến, bổ tri huyện Gia Lâm. Tại chức được gần 2 kỳ xét công làm việc công minh, quyết đoán, tính thanh liêm giản dị. Thấy các con có mặc áo bít tất mới, bèn cho là con nhà quí phái để răn dạy. Trải thăng đến lang trung bộ Hộ, ra làm án sát sứ Tuyên Quang.

Năm thứ 14, thự bố chính sứ. Gặp thổ tri châu Bảo Lạc là Nông Văn Vân làm phản. Phổ đem quân đóng ở bảo Ninh Biên, thám biết giặc đến, chia quân tiến lên ngăn giữ. Giặc thừa cơ đánh vào, quân của Phổ tan vỡ trở về. Việc giao xuống bộ Lại nghị tội, tước bỏ chức hàm, bắt phải lưu ở đồn giữa đường để trù vận lương quân tiếp tế. Rồi sau giặc đem hết quân đánh bảo Ninh Biên. Trong bảo lương hết, ngoài thì không quân tiếp vận. Phổ liệu không thể chống nổi, mới tự sát.

Vua dụ rằng: Phạm Phổ biện lý trái phương pháp, phải tội là đáng lắm. Nhưng tạm nghĩ Phổ tới nạn, mà biết chết theo tiết nghĩa, chuẩn cho khai phục nguyên hàm bố chính. Sau tổng thống là Lê Văn Đức cho là Phổ gây ra mọi hấn khích tâu lên tham hặc. Vua xuống chiếu truy tước bằng sắc

Digitized by Google

xuất thân của Phổ, tịch thu nhà cửa, vợ con đều bị trách đem đi phát phối. Sau được tha về. Phổ, sau vì có con là Thanh quí hiển, được truy tặng thừa vụ lang, Hàn lâm việc trước tác.

*

Thanh.

Tên tự là Dần Khanh, trước đây người cha tuẫn tiết, thì nhờ mẹ là Lê Thị vỗ nuôi, dạy bảo rất nghiêm. Thanh lập chí, hết sức cần khổ, xem khắp các sách, bắt đầu đỗ hương tiến.

Năm Tự Đức thứ 3, Thanh làm kinh diên giảng quan, vì là văn học cao nhã được cử tri.

Năm thứ 4, Thanh thi hội ở Nam cung đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ nhị danh (bảng nhỡn), bổ Hàn lâm viện thừa chỉ, thăng thị độc, sung chức kinh diên khởi cư chú. Vì có văn học, được hầu gần nơi thanh yến bí mật, được vua ngày càng quý mến, nhắc bổ làm án sát sứ Nghệ An, vào làm tham biện Nội các, trải làm biện lí 2 bộ Lại, Hộ; lại đổi làm hữu thị lang bộ Lại. Thanh làm quan, tự giữ tính thanh liêm, tiết nghĩa, kịp khi ở bộ Lại, không ai dám kêu xin việc gì, người khen là thanh cao. Bổng lại thăng hữu tham tri bộ Hộ, chết ở chỗ làm quan, tuổi 43. Vua sắc hậu cấp cho để làm tang, và được bầy thờ vào đền Hiền lương. Sau khi Thanh mất đã lâu, vua thường nhớ đến, dụ cho trong ngoài xét kĩ xem người nào có phẩm hạnh đoan chính, học rộng biết nhiều, như Nguyễn Văn Giao, Phạm Thanh, cho phép biên tên tâu lên. Em là Bành, tên tự là Quí Trạm. Năm Tự Đức thứ 17, đỗ cử nhân, được gọi vào thi, thăng bổ biên tu, lĩnh đốc học Thanh Hóa. Sau quan đến án sát sứ.

*

Nguyễn Tiến Lâm.

Người huyện Hương Trà, Thừa Thiên, bắt đầu ra đầu quân.

Digitized by Google

Năm Minh Mạng thứ 1, được tuyển vào đội túc trực vệ cẩm y, trải thăng đến phó vệ úy hữu vệ doanh hổ uy.

Năm thứ 14, được phái đi Ninh Bình theo với tổng thống là Tạ Quang Cự, làm việc bắt giặc, có công được thăng thụ vệ úy, chuyển đi Bắc kỳ đánh giải vây ở Lạng Sơn; lại thu phục thành tỉnh Cao Bằng, được thưởng quân công 1 cấp.

Năm thứ 15, thăng bổ chức cơ, sung tham tán đem quân đi Cao Bằng phòng giữ, đánh dẹp. Mùa đông năm ấy, Lâm hội đồng với quân đạo ở Tuyên Thái tìm bắt tên giặc Vân. Khi việc yên, Lâm được triệu về chầu hầu; vua cho làm lễ ôm gối. Vua thấy Tiến Lâm, trải theo đánh dẹp, lập nhiều công lao, đặc ân phong làm Ninh lạc nam.

Năm thứ 17, đổi bổ làm chưởng vệ.

Năm thứ 18, thăng thự thống chế doanh hùng nhuệ.

Năm thứ 19, mùa hạ, vua đi Thuận An xem tập thủy quân, nhân chơi núi Thúy Vân, sai Tiến Lâm đồng lí việc sửa dựng hành cung được tề chỉnh, được thưởng 1 đồng kim tiền.

Năm thứ 20, Lâm kiêm giữ ấn triện doanh Long vũ. Tháng 6, bắc cầu Cửu Lợi, vua sai Lâm trông coi việc làm; rồi chuẩn cho thực thụ (thống chế). Tháng 10 sung làm đồng lí việc làm lâu, bằng.

Năm thứ 21, mùa thu đông, vì Trấn Tây có loạn, vua sai Lâm sung chức tham tán đại thần. Tháng 12, Lâm đến Gia Định, tiếp được thị vệ mang lá con rồng mầu hồng đến ban cấp. Vâng làm lễ nhận lĩnh ở hành cung. Rồi lập tức đem thuyền ghe tiến thẳng đến Trấn Tây. Sớ dâng lên, vua phê bảo rằng, Lâm hành binh nhanh chóng, đủ thấy là hăng hái tiến lên trước, hẳn là nay mai có tin thắng trận. Khi đến Trấn Tây, kinh lược là Phạm Văn Điển bàn cùng Nguyễn Tiến Lâm và Nguyễn Công Trứ mang quân 4 vệ tiến đi Hải Tây

Digitized by Google

hội với tướng quân, tham tán đánh giặc; rồi Lâm sung làm kinh lược đại thần Trấn Tây.

Hiến tổ Chương hoàng đế mới nối ngôi. Tiến Lâm dâng sớ nói: Thành Trấn Tây là nơi tích chứa thuyền ghe súng, khí giới lương thực quan quân các đạo, đều lấy ở đấy để dùng, thực là nơi căn bản quan trọng. Mà thành thì chật hẹp, không đủ dung cho quân đóng. Nay toàn hạt Miên, Lạp cùng Xiêm làm một phái hoặc nhân đường tắt đánh ập vào Trấn Tây; hoặc nhân chen đường hiểm để tuyệt đường vận lương của ta, cũng chưa biết chừng. Xin trước hết ở Trấn Tây, cứ nguyên thành cũ mà gia thêm chiều cao chiều rộng, đào hào, thả chông, cho được bền vững. Lại ở La Kết đắp thêm quách bên ngoài, phái một toán quân ra đóng giữ ở đấy. Lại chia đặt đồn các chi nhánh để ngăn chặn quân giặc, khiến cho đường sá yên tĩnh, đi lại không ngại, rồi sau mới tùy cơ đánh dẹp để làm cho sau này được tốt. Vua cho là Lâm tâu phải lắm.

Năm Thiệu Trị thứ 1, Tiến Lâm cùng Bùi Công Huyên đánh giặc ở Sang Lung, phá tan bọn giặc. Vua xuống chiếu thư hậu thưởng; đến khi đánh giặc ở Ỷ La, đốt phá chỗ kho chứa. Chiều hôm đóng quân lại không tiến; lại cùng Bùi Công Huyên dâng sớ xin quân ở đạo Nguyễn Tri Phương đến hợp đánh. Vua bảo rằng: Tiến Lâm tay giữ trụy binh, thế mà lại xin người khác đến hội đánh, thì còn mạnh gì, chuẩn giáng 2 cấp.

Bấy giờ huyện Trà Vinh bị giặc chiếm cứ, quan quân đánh mãi không hạ được. Tiến Lâm cùng Công Huyên hội đánh, thu phục được huyện thành; bèn sắn đánh các súc Bào Tượng, Vũng Liên đều lấy được. Rồi cùng Nguyễn Tri Phương đem quân đến Lạc Hóa, đánh úp sông Hậu Giang, nhân thuận lợi thẳng đến cửa biển Trà Cú, cùng giặc đánh nhau ở An Thuận, phá được liền mấy trận. Tiến quân đến Xuy Xiêm bị

Digitized by Google

phục binh của giặc chặn đánh, quan quân bị tan chạy, quản suất, biên binh, nhiều người bị chết trận. Đến chiều hôm, Lâm lại sắp quân đánh nữa, giặc bị thương và chết nhiều. Việc đến tai vua, vua bảo rằng: Tiến Lâm quen đánh được mấy trận nhỏ, đến nỗi hỏng việc giáng 4 cấp, lưu lại. Lâm bèn cùng Tôn Thất Nghị đánh giặc ở Cần Chung, thắng trận to. Quan quân thừa thắng, thẳng đánh Thất Trang; tin thắng trận đến tai vua. Vua mừng bảo bộ Binh rằng: Đó đều là nhờ oai võ lừng lẫy, anh linh rực rỡ của hoàng khảo ta, mới được đến thế, chứ ta có tài gì đâu! Đến khi Trấn Tây không giữ được, quan quân bị giáng có thứ bậc. Tiến Lâm vì không chuyên làm việc ấy từ trước đến sau, nên được giáng 3 cấp, lưu lại; cùng Nguyễn Tri Phương dời quân đến Hậu Giang, tiến đánh các súc Bông, Bột, Đà phá tan được 5 đồn liên tiếp. Người Hán, Thanh đến quân thứ đầu hàng 88 người, được thưởng 1 cái nhẫn vàng nạm mặt thủy tinh, được khai phục 2 cấp; lại được thưởng 1 cái bài đeo bằng vàng.

Tháng 10, Tiến Lâm lại cùng Tri Phương cả phá được giặc Lâm Sâm ở Tham Đô; Lạc Hóa bình hết (việc chép ở truyện Tri Phương) cờ đỏ báo tin thắng trận. Vua mừng lắm, kíp cho tuyên bảo khắp kinh sư. Lại xuống dụ rằng: Thổ dân châu Lạc Hóa, thành ra đất yên vui đã lâu. Thế mà một khi ngoan, ngu, tự ngoài gây nên, họp nhau khi đàn ong, tổ kiến, nhiều đến 7, 8 nghìn người. Từ xuân đến đông, quan quân tiến đánh, lâu mãi chưa thể xong việc. Nay các đạo họp đông, một trận thành công, là nhờ ở oai biết để lại mà được như thế. Rất đáng khen thưởng, gia cho Tiến Lâm 1 cấp quân công, và cấp phải giáng cho được khai phục hết. Lại gia thưởng cho cái bài đeo bằng ngọc trắng, có dây thao đeo rủ xuống xâu hạt trân châu, san hô, một cái nhẫn mạ vàng, dát mặt ngọc kim cương liên nhau, 1 đồng kim tiền song long hạng trung có dây thao đeo.

Digitized by Google

Sau gặp thổ phỉ ở Ba Xuyên lại nổi lên, Tiến Lâm cùng Nguyễn Tri Phương tự Lạc Hóa dời quân đi đánh; thừa thắng tiến đánh Trà Tâm, Sóc Chăn, giặc trông thấy bóng là chạy trốn; lại về Súc Sâm tựa hiểm để cự quân ta. Tiến Lâm đánh phía tả, Nguyễn Công Nhàn đánh phía hữu, Nguyễn Tri Phương đánh phía giữa, Nguyễn Lương Nhàn chẹn phía sau. Bọn giặc hơn 2000 người giữ lũy để đánh. Tiến Lâm đốc bọn lãnh binh, quần quất đương trận đánh thực dữ, giặc tan vỡ. Tin thắng trận tâu lên, vua thưởng Lâm 1 cấp quán công.

Tháng 6 năm ấy, giặc dân dẹp yên, vua triệu Lâm về kinh đợi lệnh. Đến khi đem quân về, vua lại sai gọi Lâm lên điện an ủi, hỏi chuyện, cho 2 chi nhân sâm của vua dùng và chuẩn cho thăng đô thống, phủ Đô thống, Hậu quân.

Năm thứ 4, kỳ đại kế, vua cho là Tiến Lâm làm việc hăng hái cố gắng, thưởng gia 1 cấp.

Năm thứ 5, đổi thự tả quân.

Năm thứ 6, được tấn phong Ninh lạc tử.

Năm thứ 7, Tiến Lâm ốm chết. Vua nghe tin thương tiếc bảo rằng: Tiến Lâm từng giữ ấn tín nhà binh, mình trải qua hàng trận khó nhọc không từ, trước sau một điều công lao đáng khen. Chuẩn cho tặng hàm phó tả Đô thống quân đô thống chưởng phủ sự, và cho thêm gấm sa, cùng tiền 1.000 quan tỏ lòng thể tất. Ngày chôn cất, vua sai quan đến tế. Năm Tự Đức thứ 11, được bày thờ vào đền Hiền lương.

Con là Tiến Phác, buổi đầu năm Minh Mạng, ấm thụ cẩm y thiên hộ, theo việc quân ở Trấn Tây, bổ suất đội.

Năm Thiệu Trị thứ 2, vì bắt giặc có công, thăng cẩm binh cai đội, trải thự phó vệ úy 2 vệ Hùng nhuệ, Cường vũ.

Năm Tự Đức thứ 2, thăng bổ vệ úy.

Năm thứ 5, đổi bổ lãnh binh Lạng Sơn.

Năm thứ 6, tập phong Ninh Lạc nam.

Digitized by Google

Năm thứ 14, được triệu về bổ chưởng vệ, quyền giữ ấn triện doanh Long Vũ. Mùa đông năm ấy, ra lĩnh đề đốc Hải Dương.

Năm thứ 15, đánh giặc ở Kinh Môn, phá liền 5 đồn. Vua răn Phác rằng; Phải cẩn thận, chớ quen cậy đánh được trận. Sau bị thất lợi ở Cổ Biện bị giặc đánh úp. Phác chết ở trận.

Vua cho là Phác nhẹ dạ tin người, làm mất quân luật, nên chỉ chiếu hàm cấp tiền tử tuất, chứ không cho tặng điển. Năm thứ 31, Phác được bầy thờ ở đền Trung nghĩa. Con là Tiến Vị, lấy công chúa Phú Phong. Sau vì việc phải giáng 3 cấp, lưu lại. Năm thứ 15 được khai phục 2 cấp.

Cháu là Tiến Doanh, lấy công chúa.

*

Nguyễn Công Nhàn

Người ở Biên Hòa, không rõ nơi làng ở (nơi ấy đã làm nhượng địa, không tra xét được). Lần đầu Nhàn đăng vào sổ Anh danh, được tiến thân vì nghề võ giỏi.

Năm Minh Mạng thứ 19, làm phó vệ úy vệ Khánh hòa, sung đi đóng thú ở Tiền Giang. Gặp bọn Man ở Khai Biên là lũ tên Châu làm phản dẫn bọn lũ trốn ở núi Dao Bốc. Công Nhàn cùng phó lãnh binh là Nguyễn Tiến Phúc đánh đuổi đến núi La Ngốc, bắt sống được bè lũ giặc Sô Mịch hơn 10 tên phạm, và săn bắt được hơn 400 tên vừa trai vừa gái già trẻ. Quan thành ấy là Minh Giang đem việc tâu lên. Vua thưởng cho Công Nhàn kỉ lục quân công và ngân tiền phi long hạng lớn; rồi thăng vệ úy, nhưng vẫn cai quản vệ binh lưu đóng thú ở đấy.

Năm thứ 20, mùa đông, Công Nhàn làm phó lãnh binh ở Trấn Tây; chợt có giặc Xiêm họp bọn đến sát Chi Trinh, Công Nhàn, nhân đêm tuyển hơn 100 quân tinh mạnh đánh ập vào giặc chém được thủ cấp cắt lấy tai, đâm chết 10 đứa. Giặc bèn đem thêm quân đóng trại vây chặt. Nhàn ở trong

Digitized by Google

đồn, quan quân gần hơn 200 người, hết sức chống giữ, đào hố để tránh súng của giặc. Qua 24 ngày, trông thấy lãnh binh Đoàn Văn Sách đem quân đến tiếp viện. Nhàn mới mở cửa đồn ra phía trước , phía sau đánh ập lại, giặc cả tan vỡ, chém được 5 thủ cấp cắt lấy tai, đốt hết trại, sách, rồi đem quân về Sa Tôn đắp thêm đồn lũy, làm kế chống giữ, và đem việc tâu lên, vua khen ngợi.

Tháng 11, giặc vây sáp Sa Tôn, Đoàn Văn Sách đánh phá được; nhân sai tướng hiệu là Hoàng Văn Quang triệt hạ đồn giặc và đắp thêm bảo lũy. Quang thấy bọn giặc phục ngầm đem quân đuổi đánh. Sách nghe tin ấy, mới cùng với em là Đoàn Văn Lộc kíp đi tiếp ứng. Quân giặc nổi lên 4 phía, vây chặt xung quanh. Văn Quang, Văn Lộc đều chết ở trận. Sách bị thương nặng. Công Nhàn trông thấy, sấn lại cố sức đánh giặc mới lui. Nhàn bèn đỡ Sách đưa về đồn, và đem sự trạng tâu lên. Vua dụ rằng: Công Nhàn lấy cô quân giữ đồn lâu mãi, giặc không dám phạm. Đến sau lúc giải vây, Sách gặp phục kích bị thương. Nhàn dấn thân giết giặc cứu Sách, đáng khen là dùng tướng. Chuẩn thưởng Nhàn 1 chiếc nhẫn vàng khảm mặt pha lê, và 1 đồng kim tiền phù lang, lại gia cho 1 cấp quân công.

Năm thứ 21, được bổ lãnh binh Trấn Tây. Sau vì bọn giặc ở Sa Tôn, thế rất hung hăng, bèn chia đường tiến đánh. Công Nhàn đem 700 quân ở đồn làm tiền khu, từ Mi Súc đến Tà Sà, đánh liền mấy ngày, phá được hơn 10 đồn, chém đầu giặc, bắt sống giặc, thu hoạch súng ống vô kể. Khi đến Chi Trinh, có một bọn ước vài nghìn tên ẩn phục bên kia sông. Quân ta đuổi theo, chém được 5 thủ cấp, cắt lấy tai giặc bèn chạy trốn. Nhàn đem quân về Sa Tôn và việc thắng trận tâu lên. Vua bảo rằng: Công Nhàn trước đây, giữ vững Sa Tôn, giặc không dám làm gì; lại biết nhân lúc giặc sơ hở, đánh giặc cứu được Đoàn Văn Sách ra, hùng dũng ấy, đáng

Digitized by Google

khen, đặc cách cho Nhàn tấm bài vàng có chữ "hùng dũng tướng" để đeo.

Năm Thiệu Trị thứ 1, truy xét chiến công Sa Tôn, Nhàn được thăng thự chưởng vệ, sung tham tán. Đến khi Trấn Tây không giữ được, quan quân ở quân thứ bị giao bộ nghị xử. Công Nhàn vì ngày tại chức ít, chỉ phải giáng 1 cấp, được lưu lại, để hội binh cùng bọn Nguyễn Tiến Lâm, Nguyễn Tri Phương, đánh phá Lâm Sâm ở Tham Đô.

Đến khi châu Lạc Hóa bình (chép ở truyện Tiến Lâm) Công Nhàn thăng thự đô đốc An Giang; rồi cùng Nguyễn Văn Điển hội đánh giặc Xiêm ở Súc Sâm, cả phá được giặc Xiêm.

Năm thứ 2, mùa xuân, giặc Xiêm đem quân xuống Hà Âm nói phao là có 20.000 người kết liên đồn lũy ở một dải Tràng Giang, để chống cự quan, quân. Bấy giờ Công Nhàn đóng quân ở Vĩnh Tế, cùng Điển bàn nghĩ kế đánh phá giặc Xiêm. Sách cho là quân chúng nhiều, quân ta ít, nếu tiến đánh cùng một lúc, thì không khỏi chia quân. Nếu địch có quân viện, thì thế khó ứng tiếp. Bèn đem toàn quân lẻ đánh vào trung đoàn của giặc, rồi chia giao các tướng hợp sức vây đánh; quân các đạo gắng sức tranh lên trước, giặc bè tan vỡ, chém và bắn chết số giặc được nhiều, thu được khí giới vô kể. Tin thắng trận dâng lên, vua khen bảo rằng: Nhàn lấy quân 1 đạo mà đánh phá 3 đồn sở của giặc, đã đánh là được, trí nghĩ vẹn toàn. Lập tức bổ làm đô đốc An Giang. Dụ rằng: Viên đề thần ấy vâng mệnh giữ đường sông Vĩnh Tế, hầu hơn 1 tháng, vỗ về rèn tập quân lính, có sức mạnh lại biết lễ phép. Nay biết thời cơ trước, đánh phải lấy được, mạo hiểm phá giặc khiến cho giặc không dám trông thẳng vào nữa. Một trận mà lập được kì công, huân danh càng tỏ. Thưởng Nhàn một cấp quân công và sai 2 bộ Lễ, Binh ghi tên, đợi khi hết quân, theo lễ tốt lành, tâu lên chuẩn cho phong tước.

Năm ấy, Nhàn rồi cùng tổng thống là bọn Lê Văn Đức,

Digitized by Google

Tôn Thất Bạch hội mấy trận đánh phá được đồn giặc ở Sâm Phủ Bàn Li, và đánh đồn giặc ở Sách Sô. Nhàn vì có quân công được bổ tổng đốc An Hà. Vua hạ lệnh cho Nhàn phàm các chương tấu, tờ từ được ghi chữ "hùng dũng tướng" lên trên chữ họ tên.

Năm thứ 3, vua hỏi về việc Trấn Tây nên đánh dẹp hay phủ dụ? Nhàn cùng phủ thần là Nguyễn Công Trứ tâu rằng: Đã hỏi được tên quân Xiêm hiện ở thành không bằng 1 phần 10 khi trước. Nếu đem đại binh đánh thẳng vào, thì cơ hội có thể làm được. Nhưng đánh thì không khó mà giữ được là khó. Đợi tháng 7 này, mưa lụt đường bộ không thông, ta cho quân thủy vây đánh. Đến bấy giờ chúng thế khuất, lực cùng; nhân thế mà thiên dụ bọn chúng, mới có cơ hội mà thôi. Huống chi, Miên, Lạp chán nước Xiêm tàn ngược, mộ nước ta khoan dung, thì sớm, muộn chúng cũng cắn lại nhau. Ta nhân thế mà thừa cơ thì phủ Hải Đông, Hải Tây có thể lần lượt thu phục được vậy. Vua cho là phải.

Năm thứ 4, Nhàn vì việc lấy tiền hối lộ, việc phát ra (người An Giang là Đào Văn Quận đơn kiện) bị giáng 4 cấp lưu lại. Rồi Nhàn cùng Nguyễn Công Trứ không ưa nhau, vu tấu Công Trứ phái riêng người đi đặt phá mua sừng tê và đậu khấu các hạng. Vua sai Tham tri Trần Ngọc Dao đi tra xét hết tình trạng là Công Nhàn vu cấu hại người. Án xử Công Nhàn phải tội phạt trượng đem đi lưu. Vua cho là Công Nhàn có công, gia ân lượng giảm làm tội cách chức hiệu lực, phái theo dưới quyền chỉ huy của Tôn Thất Bật, vì đánh bình loạn ác man có công được khai phục hiệp quản.

Năm thứ 5, được bổ phó lãnh binh phủ Tây Ninh.

Năm thứ 8, quan quân thu phục Trấn Tây, tiến đánh Miên, Lạp ở Vĩnh Long. Công Nhàn đem quân ở Hữu Đạo đánh rất đắc lực.

Năm thứ 7, việc Trấn Tây yên; Vua cho Nhàn có chiến

Digitized by Google

công, chuẩn cho thăng bổ lãnh binh Bình Định, cấp trả lại kim bài hùng dũng tướng, và xét định công đánh giặc Trấn Tây, tấn phong Nhàn là Trí thắng nam, cho khắc tên vào cổ súng đồng Thần uy phục viễn, vị thứ tư.

Năm Tự Đức thứ 6, Nhàn vào chầu, vua hỏi về mưu kế làm cho người xa phải phục, biên giới được yên và yếu chốt về ngày thường dùng binh. Nhàn tâu đối đủ cả. Vua khen là thực, cho Nhàn đi cung chức.

Năm thứ 9, được thăng chưởng vệ, lĩnh đề đốc. Tháng 11, đổi lĩnh tuần phủ Hà Tiên, kiêm bố chính sứ.

Năm thứ 12, quân Pháp đánh hãm Gia Định, tổng thống quân vụ là Tôn Thất Cáp tâu rằng: Nhàn vốn có thao lược; xin chuẩn cho viên ấy cùng đi, hiệp lực đánh dẹp, đổi bổ làm đề đốc quân vụ. Tháng 7, làm hộ lý tây đô An Giang.

Năm thứ 14, đổi đi tổng đốc Định Tường. Sau vì trận đánh ở Cù Úc bị thua, phải cách chức giao nghị. Đến khi Biên Hòa có việc, đình thần tâu rằng: Công Nhàn vốn thạo việc hàng trận, ở triều đình không ai hơn được. Xin gia ân cho Nhàn phục quân vệ, sung làm đốc binh, theo cùng Nguyễn Tri Phương đi Biên Hòa bàn làm việc quân. Rồi sau 6 tỉnh không giữ được, không biết Công Nhàn về sau thế nào.

Công Nhàn xuất thân từ người tướng hiệu nhỏ, trải qua việc hàng trận, mạnh mà có trí. Về phép hành quân, Nhàn có thể lấy số quân ít đánh số quân nhiều; lại khéo dỗ quân lính, không nỡ khinh, dối, cho nên ai cũng đều vui, làm việc đến đâu là có công.

Hiến tổ thường bảo đại thần là Trương Đăng Quế rằng, hiện nay tướng súy duy có Công Nhàn và Nguyễn Lương Nhàn mà thôi. Nguyễn Tri Phương cũng khen Công Nhàn dùng binh phản phất với tướng đã chết là Đoàn Văn Sách, thực là dũng tướng một thời.

Digitized by Google

University of California Library
Los Angeles
This book is DUE on the last date stamped below.

Phone Renewals
310/825-9183

DEC 1 4 2007

Digitized by Google

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

UNIVERSITY OF CALIFORNIA-LOS ANGELES
L 008 279 433 0

ĐẠI NAM LIỆT TRUYỆN

4 FOR 4000
Digitized by Google